

THẦN HỌC
CHO MỌI
CƠ ĐỐC NHÂN

Hệ Thống Thần Học
trong
Truyền Thống Cải Chánh và Tiên Thiên Hy Niên
của
J Oliver Buswell
biết
Timothy Tow và Jeffrey Khoo

THẦN HỌC CHO MỌI CƠ ĐỐC NHÂN

TOW
và
KHOO



THẦN HỌC CHO MỌI CƠ ĐỐC NHÂN
(Theology For Every Christian)

Hệ Thống Thần Học trong Truyền Thống Cải Chánh và
Tiền Thiên Hy Niên của J Oliver Buswell
bởi Timothy Tow và Jeffrey Khoo
Nguyễn Văn Hiếu dịch

Thần Học Cho Mọi Cơ Đốc Nhân

Hệ Thống Thần Học trong Truyền Thống Cải Chánh và
Tiền Thiên Hy Niên của J Oliver Buswell
bởi Timothy Tow và Jeffrey Khoo.

© 2007 Trường Kinh Thánh Viễn Đông
(Far Eastern Bible College)

ISBN 978-981-05-9034-5

Thiết kế bìa bởi Melissa Neo

Phiên dịch và giữ bản quyền dịch bởi Nguyễn Văn Hiếu

Xuất bản bởi

Nhà Xuất Bản Trường Kinh Thánh Viễn Đông

9A Gilstead Road

Singapore 309063

Trao tặng đến

Các Tín Hữu của Hội Thánh Sự Sống Thật

trong dịp lễ Cảm Tạ lần thứ 4

của

Hội Thánh Kinh Thánh-Trưởng Lão Sự Sống Thật

Ngày 7 Tháng 10 năm 2007

Vì Lời của Đức Chúa Trời

và vì sự chứng cứ của Đức Chúa Jêsus Christ

Lời Nói Đầu

Có rất nhiều sách viết về thần học Cơ Đốc nhưng *Hệ Thống Thần Học* của J Oliver Buswell được xuất bản vào năm 1963 bởi nhà xuất bản nhấn mạnh duy nhất hệ thống thần học Cải Chánh và Ủng Hộ Y-sơ-ra-ên Tiên Thiên Hy Niên (Pro-Israel Premillennial).

Hội Thánh Kinh Thánh Trưởng Lão được thành lập bởi Carl McIntire vào năm 1937 là một Hội Thánh đại diện cho sự Ủng Hộ Y-sơ-ra-ên Tiên Thiên Hy Niên và thần học Cải Chánh. Timothy Tow, cha đẻ của Hội Thánh Trưởng Lão Kinh Thánh và của phong trào này tại Singapore và Đông Nam Á, đã học thần học của Buswell dưới sự dạy dỗ của chính Buswell tại Trường Thần Học Faith (1948-50), và Jeffrey Khoo đã học nó từ Tiến Sĩ Tow tại trường Kinh Thánh Viễn Đông (1985-9).

Ngoài Calvin và quyển Institutes của ông, Buswell—người thầy của chúng tôi và là người thầy lỗi lạc—đã dẫn dắt chúng tôi trong truyền thống Cải Chánh, và ở đây chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đối với sự đóng góp của ông vào đây. Nhưng hãy biết rằng Kinh Thánh là viên đá nền móng của sự nghiên cứu của chúng tôi, là thẩm quyền duy nhất và tối cao của đức tin và thực hành của chúng tôi.

Sa-tan ghét Lời của Đức Chúa Trời, và từ lúc ban đầu nó đã cố gắng phá hoại nó. Nó làm điều này bằng việc phá hoại đạo đức của tổ phụ đầu tiên của chúng ta, “Há Đức Chúa Trời có phán vậy

sao?,” và họ đã sa ngã. Những nhà thần học trước chúng ta đã làm việc tốt trong việc công bố Kinh Thánh được soi dẫn từng lời và toàn bộ, vô ngộ, và không sai lầm. Điều này đã khẳng định đức tin của chúng ta trong Kinh Thánh. Nhưng nhằm để làm hư hoại chúng ta một lần nữa, Sa-tan cố gắng bào mòn nền tảng đức tin của chúng ta bởi những mưu chước mới mẻ xảo quyệt. Nó làm điều này bởi việc đặt sự nghi vấn về sự bảo tồn văn tự và toàn bộ Kinh Thánh, gieo rắc sự nghi ngờ vào bản văn Kinh Thánh thông qua Westcott và Hort. Nó thiết kế những phương cách xảo quyệt cho sự thông giải, vâng, đúng hơn là sự thông giải sai, Kinh Thánh điều mà nó che giấu dưới cái từ to đùng “hermeneutics,” [giảng giải kinh] và “history criticism” [phê bình lịch sử], và “textual criticism” [phê bình bản văn]. Cuối cùng nhưng chưa phải là nhỏ nhất, nó bóp méo ý nghĩa của Kinh Thánh, trái và phải, bởi phương pháp thông dịch mới gọi là “dynamic equivalence” [tính tương đương năng động]. Nhằm để lột mặt nạ của trò lừa bịp của Sa-tan, quyển sách này không chỉ là quyển sách giáo khoa nhưng cũng là bài luận chiến, trong sự vâng lời lệnh huấn thị của sứ đồ, “vì đạo mà tranh chiến, là đạo đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi” (Giu-đe 3).

Thần Học Cải Chánh được biết đến vì sự nhấn mạnh của nó về quyền tể trị và sự thành tín của Đức Chúa Trời. Trong vấn đề này, quyển sách này không xa lánh việc dạy dỗ về sự quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời trong việc bảo tồn (1) những lời được hà hơi của Kinh Thánh trong tiếng Hê-bơ-rơ Bản Văn Masoretic và tiếng Hy-lạp Bản Văn Textus Receptus chính nó được Kinh Thánh trong Thời Cải Chánh–Bản Dịch King James–dựa vào, (2) Hội Thánh toàn cầu được bao gồm toàn bộ những người được chọn là những người được cứu chuộc bởi huyết báu của Chúa Jê-sus Christ, và (3) quốc gia được chọn lựa Y-sơ-ra-ên mà chúng ta sẽ thấy sự vĩ đại khi Đấng Christ trở lại để cai trị trái đất này một ngàn năm.

Sự cảm kích được nhấn mạnh đối với Hiệp Hội Thần Học Phúc Âm (Evangelical Theological Society) vì việc cho phép sao chép bài viết của Jeffrey Khoo trong tài liệu này - “Dispensational Premillennialism in Reformed Theology: The Contribution of J O Buswell to the Millennial Debate” – được xuất bản nguyên bản trong cuốn *Journal of the Evangelical Theological Society* 44 (2001): 697-717.

Lời cảm ơn chân thành của chúng tôi gửi đến Ngài Tiến Sĩ Prabhudas Koshy – người hiệu đính cuốn *Bible Witness*, và đến các nhân sự của Mục Vụ Bible Witness Media, vì sự giúp đỡ nhiệt tình của họ trong việc xuất bản quyển sách này. Nếu quyển sách này sẽ làm trọn lời khích lệ của Phao-lô – “Những điều con đã nghe nơi ta ở trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho mấy người trung thành, cũng có tài dạy dỗ kẻ khác” (II Tim 2:2) – thì quyển sách này đã không trở nên vô ích.

Timothy Tow và Jeffrey Khoo

Singapore, 2007

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu	iv
PHẦN I: THẦN LUẬN HỌC - NHẬN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI	
Yêu Cầu Thiết Yếu Để Nhận Biết Đức Chúa Trời	18
Sự Hiện Hữu của Đức Chúa Trời	21
Con Người Sa Ngã, Tội Lỗi Có Thể Nhận Biết Đức Chúa Trời?	23
Sự Phán Xét của Đức Chúa Trời Đối Với Những Kẻ Vô Thần	25
Đức Chúa Trời Là Gì?	26
Đức Chúa Trời Là Thần	28
Vô Hạn, Đòi Đòi, Không Hề Thay Đổi Trong Bản Thể của Ngài	29
Vô Hạn, Đòi Đòi, và Không Hề Thay Đổi Trong Sự Khôn Ngoan của Ngài	32
Vô Hạn, Đòi Đòi, và Không Hề Thay Đổi Trong Quyền Năng của Ngài	34
Vô Hạn, Đòi Đòi, và Không Hề Thay Đổi Trong Sự Thánh Khiết của Ngài	36
Vô Hạn, Đòi Đòi, và Không Thay Đổi Trong Sự Công Bình của Ngài	37
Vô Hạn, Đòi Đòi, và Không Hề Thay Đổi Trong Sự Tốt Lành của Ngài	38
Vô Hạn, Đòi Đòi, và Không Hề Thay Đổi Trong Lễ Thật của Ngài	40
“Đức Chúa Trời Ăn Năn”	41
Một Đức Chúa Trời Trong Ba Ngôi	42
Đức Chúa Trời Có Một	45

Jésus Là Đức Chúa Trời	46
Jésus Là Yahweh	47
Đấng Christ Con Đức Chúa Trời	48
Đức Thánh Linh Là Đức Chúa Trời	49
Năng Quyền Ban Sự Sống của Đức Thánh Linh	50
Chức Vụ của Đức Thánh Linh	51
Đức Chúa Trời Tạo Dựng Muôn Vật Từ Cái Không Có	54
Đấng Christ là Đấng Tạo Hóa	55
Sự Tạo Dựng Không Phải Ngẫu Nhiên Nhưng Có Chủ Tâm	56
Trong Sáu Ngày Theo Nghĩa Đen	58
Sự Tạo Dựng Con Người	59
Sự Tạo Dựng Các Thiên Sứ	61
Mục Vụ của Các Thiên Sứ	62
Nguyên Chỉ Đòi Đòi của Đức Chúa Trời	63
Bảy Ý Muốn của Đức Chúa Trời	64
Ý Muốn Giáo Huấn	66
Ý Muốn Ước Muốn	66
Ý Muốn Hướng Dẫn	67
Ý Muốn Hợp Tác	69
Ý Muốn Trừng Phạt/Sửa Phạt	70
Ý Muốn Cho Phép	71
Ý Muốn Nguyên Chỉ	73
Bản Chất của Những Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời	74
Mục Đích của Đức Chúa Trời Trong Lịch Sử	75
Sự Quan Phòng của Đức Chúa Trời	76
Sự Quan Phòng Đặc Biệt và Ân Điển Phổ Quát	77
“Thì Giờ của Con Trong Tay Ngài”	78

Đức Chúa Trời Cai Trị Mỗi Ngày	80
Phép Lạ Trong Kinh Thánh	81
Tại Sao Cần Có Phép Lạ?	83
Phép Lạ Ngày Hôm Nay?	84
Nói Tiếng Lạ Ngày Hôm Nay?	85
Phép Lạ Ngày Hôm Nay Nhưng Cần Trọng	87
Từ Quyền Sách của Thế Gian Đến Kinh Thánh	88
Chức Vụ Vô Ngộ của Các Sứ Đồ	89
Làm Thế Nào Để Chúng Ta Biết Kinh Thánh Là Lời của Đức Chúa Trời?	91
Sự Soi Dẫn Toàn Vẹn Văn Tự	100
Kinh Thánh là cao hơn Hội Thánh	102
Sự Bảo Tồn của Những Lời Thuộc Kinh Cựu Ước	104
Sự Bảo Tồn của Các Lời Thuộc Kinh Tân Ước	116
Duy Những Bản Viết Tay Hay Duy Những Bản Sao Chép?	122
Tại Sao Lại Là Bản Được ủy Quyền/ Bản Dịch King James?	136
Sự Nguy Hiểm của Việc Chối Bỏ Sự Bảo Tồn Toàn Bộ Văn Tự	148

PHẦN II: NHÂN LOẠI HỌC - NHẬN BIẾT CON NGƯỜI

Sự Tạo Dựng Con Người	156
Hình ảnh của Đức Chúa Trời Trong Con Người	157
Con Người Có Bao Nhiêu Phần?	160
Nguồn Gốc của Linh Hồn	162
Loài Người Sa Ngã	166
Sự Cứu Rỗi Trong Đấng Christ	169
Tội Lỗi Là Gì?	170
Nguồn Gốc của Tội Lỗi	171

Tính Vô Tội Nguyên Thủy của Con Người	172
Hai Cây Đặc Biệt	174
Sự Cám Dỗ của A-đam và Ê-va	175
Bản Chất của Sự Cám Dỗ	177
Ai Là Người Phạm Tội Lớn Hơn, A-đam Hay Ê-va?	179
Nguyên Tội Là Gì?	180
Ai Đã Treo Chúa Jê-sus Trên Thập Tự Giá?	184
Thần Học Giao Ước	185
Giao Ước Việc Làm	186
Giao Ước Ân Điển	187
Phải Chăng Con Người Ra Từ Loài Vượn	190
Trái Đất Bao Nhiêu Tuổi?	191
Có Phải Khoa Học Là Thẩm Quyền của Đức Tin của Chúng Ta?	192
Con Đai Hồng Thủy Toàn Cầu	194
Thế Giới Sau Con Đai Hồng Thủy	201
Nguồn Gốc của Các Quốc Gia và Ngôn Ngữ	203
Tại Sao Huyết Bị Cầm Trong Thực Đơn của Con Người?	203
Sự Cai Trị của Con Người Trên Thế Giới	205
Có Phải Đức Chúa Trời của Kinh Thánh Là Đức Chúa Trời của Người Do-Thái Duy Nhất?	206
Tính Phổ Quát của Sự Quan Phòng của Đức Chúa Trời	207
Thời Đại Hoàng Kim Trên Đất	210
Có Phải Mọi Người Có Cùng Dòng Máu?	212
Các Đường Biên Giới Quốc Gia Có Ngăn Cản Sự Truyền Giáo Không?	213
Văn Hóa Bắt Đầu Khi Nào?	214
Tại Sao Cuộc Sống Trên Đất Khó Vậy?	215

Luật Pháp và Quy Tắc của Ngày Sa-bát	216
Ngày Sa-Bát của Cơ Đốc Nhân	218
Mười Điều Răn	219
Sự Trưởng Thành Thuộc Linh	221
Sự Hiểu Biết Lũy Tiến	222
Tại Sao Đức Chúa Trời Tạo Ra Người Nữ Cho Người Nam?	224
Giao Ước Hôn Nhân	225
Có Phải Đức Chúa Trời làm Nên A-đam và Steve?	226
Cương Vị Làm Đầu và Lãnh Đạo của Phái Nam	227
Tính Vĩnh Cửu của Hôn Nhân	229
Ly Hôn và Tái Hôn	230
Giao Ước Gia Đình	237
Mối Quan Hệ Giữa Cha Mẹ và Con Cái	238
Sự Giáo Dục của Con Cái của Chúng Ta	240
Nhiệm Vụ của Một Cơ Đốc Nhân Với Chính Quyền	241
Thái Độ Đối Với Những Nhà Cầm Quyền Tôn Giáo Không Tin Kính	243
Thái Độ Đối Với Các Nhà Cầm Quyền Thế Tục	244
Hội Thánh Có Nên Có Một Quân Đội?	246
Sự Giải Quyết Những Việc Kiện Tụng và Xung Đột	247
Kinh Tế Thuộc Kinh Thánh	249
Dâng Một Phần Mười và Dâng Hiến	252
Cương Vị Quản Lý của Hội Thánh	253
Hội Thánh Trong Cựu Ước	254
Sự Phân Rẽ Phù Hợp Kinh Thánh	256

PHẦN III: CỨU CHUỘC HỌC - HIỂU BIẾT SỰ CỨU RỖI

Jêsus Christ Là Ai?	260
Jêsus Vừa Là Đức Chúa Trời và Vừa Là Con Người	261
Tình Yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ	263
Sự Tiên Hiện Hữu của Đấng Christ	264
Sự Tự Hạ Mình của Đấng Christ	265
Sự Tán Dương Đòi Đòi của Đấng Christ	267
Đấng Christ Đã Sống Lại Thật Sự	268
“Bởi Nhiều Bằng Chứng Không Thể Sai Lầm”	270
Sức Sống Phục Sinh	271
Từ Kẻ Bất Bớ Đến Người Truyền Giảng	272
Tính Vô Tội của Đấng Christ	275
Chiên Con Hoàn Hảo của Đức Chúa Trời	277
Sự Cám Dỗ của Chúa Jêsus	278
Nỗi Thương khó ở Ghết-sê-ma-nê	281
Sự Thương khó Trên Thập Tự Giá	282
“Tại Sao Ngài Lìa Bỏ Tôi?”	284
Mãi Mãi Là Đức Chúa Trời và Con Người	286
Sự Thỏa Lòng, Sự Thay Thế, Sự Làm Lành	287
Sự Tha Thứ	290
Của Lễ Chuộc Tội	291
Đấng Cứu Thế	293
Sự Giải Quyết Một Lần Đủ Cả	294
Một Tội Lỗi Không Thể Tha Thứ Được	296
Sự Vâng Lời Chủ Động của Đấng Christ	298
Một Sự Chuộc Tội	300
Bản Tánh Thánh Khiết của Đức Chúa Trời	302

Nguyên Tắc Đại Diện	304
Giao Ước Việc Làm	305
Hai Cây Trong Vườn Ê-Đen	307
Giao Ước Ân Điển	308
Giao Ước và Truyền Giáo	311
Sự Vinh Hiển của Thập Tự Giá	312
Sự Tha Thứ Cho Người Khác	317
Đời Sống Thánh Khiết	319
Nguyên Chỉ của Sự Chọn Lựa	321
John Calvin Là Ai?	322
Thuyết Calvin Đối Địch Với Thuyết Arminius	323
Sự Hư Hoại Hoàn Toàn	325
Sự Chọn Lựa Vô Điều Kiện	326
Sự Chuộc Tội Có Giới Hạn	328
Ân Điển Không Cường Lại Được	332
Sự Bền Đỡ của Các Thánh Đồ	333
Thuyết Calvin và Sự Chứng Đạo	334
Cơ Độc Nhân Xác Thịt?	336
Những Cảnh Cáo Về Sự Bội Đạo	337
Sự Chọn Lựa	338
Sự Huyền Nhiệm của Sự Tiền Định	343
Sự Đầy Đi Địa Ngục	344
Tiền Định Kép	346
Những Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời	347
Công Tác Cáo Trách của Đức Thánh Linh	350
Sự Sáng của Thiên Nhiên	352
Sự Cứu Rỗi của Những Thánh Đồ ở Cựu Ước	353

Sự Cứu Rỗi của Trẻ Em	355
Động Cơ của Truyền Giáo	356
Sự Khai Trí	358
Ôn Kêu Gọi	359
Sự Tái Sinh	361
Sự Chào Đòi Mới	362
Một Tạo Vật Mới	364
Đức Tin Cứu Rỗi	365
Sự Cải Đạo Tức Thời	366
Đức Tin	368
Sự Trung Tín	369
Sự Xung Công Bình	371
Đức Tin Hành Động	372
Sự Thánh Hóa	374
Đời Sống Thánh Khiết	375
Sự Trọn Vẹn	377
Sự Trưởng Thành Thuộc Linh	378
Sự Tràn Đầy Đức Thánh Linh	380
Đóng ấn và Xức Dầu của Thánh Linh	381
Sự Làm Vinh Hiển	383
Ý Nghĩa của “Hội Thánh”	384
Cô Dâu của Đấng Christ	385
Thân Thể của Đấng Christ	389
Sự Hiệp Một của Thân Thể của Đấng Christ	390
Sự Phụ Thuộc Lẫn Nhau của Các Thành Viên Trong Hội Thánh	391
Những Ân Tứ Thuộc Linh Cho Sự Phát Triển của Hội Thánh	392
Sự Ngưng Lại của Những Ân Tứ Dấu Kỳ	394

Các Thánh Lễ của Hội Thánh	400
Các Thánh Lễ Như Những Dấu ấn	403
Ý Nghĩa của Tiệc Thánh	405
Các của Tế Lễ và Các Thánh Lễ	410
Phép Báp-Têm Bằng Nước	411
Phép Báp-Têm Cho Con Trẻ	416
Giữ Ngày Sa-Bát	418
Quy Tắc Chuẩn Mực của Sự Thờ Phụng	423

PHẦN IV: LAI THẾ HỌC - HỌC BIẾT NGÀY SAU RỐT

Những Ngày Sau Rốt	426
Những Dấu của Thời Gian	427
Thời Kỳ của Dân Ngoại	434
Sự Bội Đạo Lớn	437
Y-sơ-ra-ên Một Quốc Gia Vĩ Đại	444
Sự Thông Giải Lời Tiên Tri	453
Bảy Mươi Tuần Lễ của Đa-ni-ên	457
Sự Sống Lại và Sự Cát Lên	464
Cơn Đại Nạn	469
Ha-ma-ghê-đôn	478
Thiên Hy Niên	485
Hồ Lửa	493
Sự Thật Về Địa Ngục	495
Sự Phán Xét của Ngai Lớn và Trắng	500
Bộ Ngai Phán Xét của Đấng Christ	504
Chôn Hay Hòa Táng?	506
Trời Mới và Đất Mới	510

Giê-ru-sa-lem Mới	512
Sự Sống Trên Thiên Đàng	514
Sự Thờ Phụng Trên Thiên Đàng	517
Sự Chắc Chắn Về Sự Trở Lại của Đấng Christ	522
Lời Mời Gọi	526

PHẦN I

THẦN LUẬN HỌC

NHẬN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

YÊU CẦU THIẾT YẾU ĐỂ NHẬN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Thần học là học biết Đức Chúa Trời. Học biết về cách đối xử của Đức Chúa Trời với con người mà Ngài đã tạo dựng, nhưng đã sa vào tội lỗi. Học biết về Đức Chúa Trời và học biết về con người (điều mà không thể phân rẽ khỏi sự học biết Đức Chúa Trời) là sự khôn ngoan thật như Calvin đã nói. Chúng ta có thể thêm vào sự phát biểu đó rằng chúng là đỉnh điểm của kiến thức. Chúng là giai tầng cao nhất của sự học biết, vượt xa “môn côn trùng học,” dù môn học này quan trọng trong việc ngăn chặn bệnh sốt rét và sốt xuất huyết. Học biết về Đức Chúa Trời và học biết về con người dẫn chúng ta đến Con Độc Sanh của Đức Chúa Trời, Jêsus Christ, Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và con người, bởi Đấng ấy chúng ta được cứu (I Tim 2:5). Kinh Thánh là quyển sách của Đức Chúa Trời ban cho con người, quyển sách giáo khoa về sự cứu rỗi của chúng ta (II Tim 3:14-17).

Thần học không giống như các môn khoa học khác. Nó không được nghiên cứu giống như bất cứ ngành nào của môn học khoa học. Nó không thể được đặt dưới kính hiển vi để kiểm tra bởi sự nhìn thấy bởi mắt. Đúng hơn nó được nghiên cứu với một cặp kính của đức tin. Không “nhìn để tin” nhưng “tin để nhìn” là phương châm của thần học (Giăng 20:29).

“Vả, đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đang trông mong, là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy. Ấy là nhờ đức tin mà các đấng thuở xưa đã được lời chứng tốt. Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến” (Hêb 11:1-3). Bởi đức tin, giáo lý của sự tạo dựng, không phải thuyết tiến hóa, được chấp nhận. Bởi đức tin, giáo lý của Ba Ngôi Đức Chúa Trời vượt quá những nguyên tắc của toán học. Bởi đức tin, giáo lý của sự Giáng Sinh của Đấng Christ bởi Nữ Đồng Trinh không thể được dạy thiếu sự tôn kính. Thần học không chỉ là môn khoa học,

nhưng còn là một “sự chuyển hóa khoa học,” nếu chúng ta có thể đặt tên cho nó một từ mới.

Không một người nào có thể nghiên cứu thần học ngoại trừ người ấy đã được tái sinh. “Nếu một người chẳng sanh lại, thì không thể thấy được nước Đức Chúa Trời” (Giăng 3:3). “Và, người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chung người đó coi sự ấy như là sự rồ dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng” (I Côr 2:14). “Nhu vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Rôm 10:17). Đức tin là sự nắm lấy Đức Chúa Trời tại Lời của Ngài.

Những Cơ Đốc Nhân trên danh nghĩa có thể vào những trường thần học tự do và hiện đại và đạt được bằng Tiến sĩ thần học. Nhưng họ sẽ đi ra và giảng về chính họ, không phải về Chúa Jêsus Christ. Họ sẽ là chúa của hội chúng của họ với những ý tưởng riêng của họ, “chối Chúa đã chuộc mình, tự mình chuộc lấy sự hủy phá thành linh” (II Phi 2:1). “Vả, chúng tôi chẳng rao giảng chính mình chúng tôi, nhưng rao giảng Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Chúa; và vì duyên cớ của Đức Chúa Jêsus mà chúng tôi xưng mình là tôi tớ của anh em” (II Côr 4:5) là sự nhấn mạnh chân thành của chúng ta. Vậy, việc kiểm tra những ứng viên chịu trách nhiệm giảng dạy thần học là rất quan trọng. Không chỉ những người này là người đã được tái sinh, mà người ấy còn phải nhận được sự ủy thác để dạy, giống như Ti-mô-thê được Phao-lô ủy thác, “Những điều con đã nghe nơi ta ở trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho mấy người trung thành, cũng có tài dạy dỗ kẻ khác” (II Tim 2:2).

Nhu vậy chúng ta cần xem xét một cách toàn diện về một giáo viên thần học trước khi nhận người ấy vào giảng dạy trong bất kỳ một khoa nào của trường Kinh Thánh Chính Thống. “Anh em há chẳng biết rằng một chút men làm cho cả đồng bột dậy lên sao?” (I Côr 5:6). Trường Thần Học Fuller đã được thành lập vào năm 1947 bởi Charlse Fuller của Kiểu Mẫu cũ của Giờ Phục Hưng đã chết với nền

thần học tự do trong những năm gần đây. Trường Thần Học Princeton, mặc dù được chứng minh là một trường mạnh mẽ về đức tin vì sự thành lập của nó vào năm 1812, cuối cùng đã bị sụp đổ vào năm 1929, bất kể sự nỗ lực của J Gresham Machen. Điều gì có thể khiến thần học vượt trội hơn bất cứ loại nhãn hiệu nào của các môn khoa học ấy là dạy dỗ cao hơn của Đức Thánh Linh. “Về phần các con, đã chịu xúc dầu từ nơi Đấng Thánh, thì đã biết mọi sự rồi” (I Giăng 2:20). “Về phần các con, sự xúc dầu đã chịu từ nơi Chúa vẫn còn trong mình, thì không cần ai dạy cho hết; song vì sự xúc dầu của Ngài dạy các con đủ mọi việc, mà sự ấy là thật, không phải dối, thì hãy ở trong Ngài, theo như sự dạy dỗ mà các con đã nhận (I Giăng 2:27).

Làm thế nào để chúng ta nhận sự xúc dầu của Đấng Thánh? Làm thế nào để chúng ta có thể nhận lãnh sự xúc dầu mà chúng ta cần, không phải là từ bất cứ ai dạy chúng ta? Nó là bởi một học trò nhiệt thành của Kinh Thánh, bởi sự thường xuyên đọc Kinh Thánh ngày và đêm, và bởi sự suy gẫm, để chúng ta có thể có khả năng để phân biệt “dùng tiếng thiêng liêng để giải bày sự thiêng liêng” (I Côr 2:13). Tiến sĩ Tổng Thượng Tiết [John Sung] đọc mỗi ngày 11 đoạn Kinh Thánh và 13 đoạn vào ngày Chúa Nhật; từ đó quyền năng của sự giảng dạy của ông đã đem đến hàng trăm ngàn linh hồn cho Đấng Christ. (Để biết thêm về Tổng Thượng Tiết, tìm đọc *John Sung My Teacher* của Timothy Tow). Như lời chứng của tác giả thi thiên rằng, “Tôi yêu mến luật pháp Chúa biết bao! Trọn ngày tôi suy gẫm luật pháp ấy. Các điều răn Chúa làm cho tôi khôn ngoan hơn kẻ thù nghịch tôi, vì các điều răn ấy ở cùng tôi luôn luôn. Tôi có trí hiểu hơn hết thầy kẻ dạy tôi, vì tôi suy gẫm các chứng cứ Chúa” (Thi 119:97-99).

Làm thế nào Calvin trội hơn tất cả những sinh viên thần học khác? Bởi sự vượt trội về sự hiểu biết về Kinh Thánh phản chiếu xuyên suốt qua quyển sách *Institutes of the Christian Religion (Nguyên Lý Căn Bản Cơ Đốc Giáo)* của ông. Ông đã chói sáng hơn tất cả những nhà thần học khác bởi vì ông là một nhà thần học Kinh Thánh.

Tiến sĩ William Lyon Phelps của Trường Đại Học Yale đã nói, “Sự hiểu biết về Kinh Thánh không cần sự giáo dục từ trường học là tốt hơn sự giáo dục từ trường không có Kinh Thánh.” Chúng tôi muốn khích lệ bạn, dù không có bằng cấp đại học nào, bắt đầu dấn thân ngay vào việc học thần học. Trong những lời khích lệ của Phao-lô đến với người học trò trẻ Ti-mô-thê, “và từ khi con còn thơ ấu đã biết Kinh thánh vốn có thể khiến con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ” (2 Tim 3:15). “Kinh Thánh hàm chứa tất cả những sự cần thiết của Cơ Đốc Nhân” (McIntire).

SỰ HIỆN HỮU CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Không cần thiết phải chứng minh sự hiện hữu của Đức Chúa Trời trong khi trình bày Phúc Âm. Sứ điệp Cơ Đốc không dựa trên những luận chứng về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, nhưng ở trong quyền năng kết án và quyền năng biến cải của Đức Thánh Linh. Đấng Christ đã hứa về quyền năng thuyết phục của Đức Thánh Linh là Đấng sẽ cáo trách “thế gian về tội lỗi, về sự công bình và về sự phán xét,” và đặc biệt là cáo trách “về tội lỗi, vì họ không tin ta” (Giăng 16:8-9). Đức Thánh Linh không chỉ cáo trách mà thôi, nhưng còn tái sinh, và ban cho những món quà của đức tin, ấy là “món quà của Đức Chúa Trời” (Êph 2:8). Đức Chúa Trời “cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài” (Phil 2:13).

Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự hiện hữu của Ngài thông qua sự sáng tạo của Ngài. Điều này được trình bày rõ ràng trong Rô-ma 1:19-20, “Vì điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi, bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bôn tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được.” Từ phân đoạn Kinh Thánh này, chúng ta thấy rằng, mặc cho sự sa ngã

và tội lỗi của chúng ta, chúng ta có thể kết luận khi chúng ta nhìn thấy thế giới xung quanh chúng ta đến từ một Đấng Tạo Hóa. Làm thế nào để có trái đất “lớn, rộng, đẹp đẽ, và tuyệt vời này?” Tin Đức Chúa Trời đã tạo dựng ra nó, *ex nihilo* (từ cái không có), thì lô-gíc hơn là tin vào thuyết tiến hóa và tính trường tồn của vật chất. Nhưng “Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến” (Hêb 11:3). Mọi thứ đều có từ ban đầu từ “cái không có,” ngoại trừ Đức Chúa Trời.

Vũ trụ được tạo dựng bày tỏ sự thiết kế và mục đích của Đức Chúa Trời. “Đấng đã gắn tai há sẽ chẳng nghe sao? Đấng đã nắn con mắt há sẽ chẳng thấy ư?” (Thi 94:9). Lý luận ngầm là khá dễ hiểu. Chúng ta có thể tin rằng mục đích của những giác quan của chúng ta có thể lý giải mà không nhờ vào Đấng Sáng Tạo? Nếu có một thiết kế, vậy nó phải có một Đấng Thiết Kế.

“Các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, bầu trời giải tỏ công việc tay Ngài làm. Ngày này giảng cho ngày kia, đêm này tỏ sự tri thức cho đêm nọ” (Thi 19:1-2). “Khi tôi nhìn xem các tầng trời là công việc của ngón tay Chúa, mặt trăng và các ngôi sao mà Chúa đã đặt, loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? Con loài người là chi, mà Chúa thăm viếng nó?” (Thi 8:3-4). Sứ Đồ Phao-lô dùng lập luận này trong thư tín của ông gửi đến cho người Rô-ma: “Vả, cơn giận của Đức Chúa Trời từ trên trời tỏ ra nghịch cùng mọi sự không tin kính và mọi sự không công bình của những người dùng sự không công bình mà bắt hiếp lẽ thật. Vì điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi, bởi những sự trọn lành của Ngài mà không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bản tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được, vì họ đã biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy

những sự tội tã. Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên điên dại” (Rô-ma 1:18-22). Qua những lời này, chúng ta có một lời phát biểu rõ ràng rằng vũ trụ được tạo dựng là một minh chứng đủ cho quyền năng đời đời và bền tãnh siêu phàm của Đức Chúa Trời.

CON NGƯỜI SA NGÃ, TỘI LỖI CÓ THỂ NHẬN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI KHÔNG?

Không chỉ Đức Chúa Trời khải tỏ cho con người bởi những quyền năng vô hình mà Ngài cũng đã bày tỏ nó trong sự tạo dựng, Ngài ở rất gần con người, thậm chí con người có thể cảm nhận Ngài. Phao-lô nói cho người A-thên, “hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được, đãu Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta. Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có, y như xưa một vài thi nhân của các người có nói rằng: Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài” (Công vụ 17:27-28).

Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trong con người là bẩm sinh—chúng ta được sinh ra để biết Ngài. Những sự nỗ lực của những chủ nghĩa vô thần đàn áp nó nhưng hoàn toàn bất thành. Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời xui khiến con người tìm kiếm Đức Chúa Trời, là điều phân biệt con người với con vật. Được tạo dựng hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng 1:26), chúng ta nên khát khao Ngài như con cái với người Cha của chúng. Nó khiến chúng ta khát khao về sự bất tử.

Phao-lô bàn luận về những hành động của sự nhận thức bẩm sinh về Đức Chúa Trời trong con người trong Rô-ma 2:2:7-16. Hay nói cách khác, lương tâm trong con người làm chứng về những điều đúng hay sai, là sự nhận thức để khuất phục con người trước Đức Chúa Trời. Lương tâm nói với chúng ta rằng Đức Chúa Trời ban thưởng cho những người tốt và trừng phạt những người xấu.

Đối với những người tìm kiếm Đức Chúa Trời, giống như Giám Mục Augustine của Hippo nói, “Ôi Chúa, Ngài đã tạo nên chúng con cho chính Ngài và linh hồn của chúng con không nghỉ ngơi cho đến khi nó tìm thấy sự an nghỉ trong Ngài,” là người đã được ban cho sự sống vĩnh cửu (Rô-ma 2:7).

Đề đem Augustine vào sự sống, Đức Chúa Trời khiến một đứa bé nói, “Cầm lấy, đọc. Cầm lấy, đọc.” Và người tìm kiếm Lễ Thật, Augustine đã được Chúa dẫn dắt đọc sách Rô-ma 13:11-14, nhờ đó mà ông được cứu một cách khả hoàn. Cũng giống y như Cọt-nây, một viên đội trưởng đã được dẫn dắt đến với Đấng Cứu Thế bởi lời giảng của Phi-e-rơ (Công vụ 10). Sự mặc khải của thiên nhiên thì không đủ để dẫn một linh hồn đến với sự cứu rỗi, nhưng Lời của Đức Chúa Trời thì có thể.

Con người không có lý do gì không biết Đức Chúa Trời. Nhưng con người đã bị rơi vào trong tội lỗi, thay vì thờ phượng Đấng Tạo Hóa, con người đã quay sang thờ phượng những thứ mà Đức Chúa Trời đã làm nên. Kinh Thánh nói đây là kết quả của sự cố ý không biết và những ý tưởng hư không. Vì chối bỏ Đức Chúa Trời, con người đã sa vào trong bóng tối và sự thờ hình tượng trắng trợn (Rô-ma 1:21-23). Và sự thờ hình tượng này bị phán xét trong những cụm từ mạnh mẽ nhất: “Người chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. Người chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là Đức Chúa Trời kỳ tà, hễ ai ghét ta, ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta” (Xuất 20:4-6; Điều Răn Thứ Hai).

Sự thờ thần tượng có thể được phân loại dưới đa thần giáo, đó là thờ phượng nhiều thần. Bên cạnh đa thần giáo, chúng ta có nhiều loại thờ thần tượng, và một loại cực đoan khác với đa thần giáo là vô thần giáo. Khi nói rằng không có Đức Chúa Trời, con người đang xem

thường Đấng Tạo Hóa của họ, lên mình để trở thành “người phóng khoán–free thinker.” Trí huệ giáo cho rằng Đức Chúa Trời không thể được nhìn biết thì điều này không khác gì hơn cái bàn thờ của người A-thên trên đồi núi Mars, “THỜ CHÚA KHÔNG BIẾT” (Công 17:23). Thuyết hữu thần thì nói rằng Đức Chúa Trời có tồn tại nhưng Ngài không còn cai trị trên những sự tạo dựng của Ngài, là một kiểu khác của chủ nghĩa hưởng lạc, và thuyết phiếm thần. Tin rằng Đức Chúa Trời là tất cả, tất cả là Đức Chúa Trời là khái niệm của đạo Hin-đú. Chủ nghĩa nhân văn là một chủ nghĩa tôn sùng con người và thờ phượng chính mình họ. Chủ nghĩa duy vật, là chủ nghĩa tôn thờ đồng tiền, biến đồng tiền thành Đức Chúa Trời Toàn Năng.

Sự hiểu biết Đức Chúa Trời thông qua sự tạo dựng thì không đủ để đem một tội nhân đến với Đức Chúa Trời Toàn Năng–Đấng Tạo Hóa trong sự thờ phượng thật.

SỰ PHÁN XÉT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI ĐỐI VỚI NHỮNG KẺ VÔ THẦN

Thật sự không cần tranh luận về vấn đề này. Sự hiện hữu của Đức Chúa Trời là một sự thật. Nếu con người từ chối lẽ thật này thì họ sẽ phải đối mặt với sự phán xét của Đức Chúa Trời. “Vả, cơn giận của Đức Chúa Trời từ trên trời tỏ ra nghịch cùng mọi sự không tin kính và mọi sự không công bình của những người dùng sự không công bình mà bắt hiếp lẽ thật. Vì điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi, bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bền tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được, vì họ dẫu biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lầm lạc trong ý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy

những sự tồi tệ. Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên điên dại; họ đã đổi vinh hiển của Đức Chúa Trời không hề hư nát lấy hình tượng của loài người hay hư nát, hoặc của điều, thú, côn trùng. Cho nên Đức Chúa Trời đã phó họ sa vào sự ô uế theo lòng ham muốn mình, đến nỗi tự làm nhục thân thể mình nữa, vì họ đã đổi lẽ thật Đức Chúa Trời lấy sự dối trá, kính thờ và hầu việc loài chịu dựng nên thế cho Đấng dựng nên, là Đấng đáng khen ngợi đời đời! A-men. Ấy vì có đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ; vì trong vòng họ, những người đàn bà đã đổi cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tánh tự nhiên. Những người đàn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đàn bà mà un đốt tình dục người này với kẻ kia, đàn ông cùng đàn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo ứng xứng với điều làm lỗi của mình. Tại họ không lo nhìn biết Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời đã phó họ theo lòng hư xấu, đặng phạm những sự chẳng xứng đáng. Họ đầy dẫy mọi sự không công bình, độc ác, tham lam, hung dữ; chan chứa những điều ghen ghét, giết người, cãi lẫy, dối trá, giận dữ; hay mách, gièm chê, chẳng tin kính, xúc xược, kiêu ngạo, khoe khoang, khôn khéo về sự làm dữ, không vâng lời cha mẹ; đại dột, trái lời giao ước, không có tình nghĩa tự nhiên, không có lòng thương xót. Dầu họ biết mạng lịnh Đức Chúa Trời tỏ ra những người phạm các tội dường ấy là đáng chết, thế mà chẳng những họ tự làm thôi đâu, lại còn ưng thuận cho kẻ khác phạm các điều ấy nữa” (Rôm 1:18-32).

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ GÌ?

Sự mô tả tốt nhất về Đức Chúa Trời được tìm thấy trong Quyển Giáo Lý Vấn Đáp Wesminster Tóm Lược, Câu hỏi số 4: “Đức Chúa Trời là gì?” Trả lời: “Đức Chúa Trời là Thần, vô hạn, đời đời, và không hề thay đổi, trong sự hiện hữu, khôn ngoan, quyền năng, thánh khiết, công bình, tốt lành, và chân thật của Ngài.” Có một câu chuyện đầy

cảm hứng đằng sau của câu trả lời này được kể bởi William M. Hetherington: “Có một câu chuyện ngắn dính liền với sự ra đời của Quyển Giáo Lý Vấn Đáp Tóm Lược, cả hai đều thật là thú vị và rất đẹp để đến nỗi nó không thể bị bỏ quên. Trong một phiên họp đầu tiên của ủy ban, chủ đề bàn luận là lên một khung sườn của một sự trả lời về câu hỏi, 'Đức Chúa Trời là gì?' mỗi một người cảm thấy không thể đề xuất ra một ý tưởng tuyệt diệu nào nhằm gợi ý cho những từ ngữ này; nhưng ai dám cả gan để biểu lộ nó trong ngôn ngữ của con người! Tất cả đều chùn bước trước một công việc quá thánh khiết trong sự kính sợ. Sau một hồi lâu, nó được giải quyết, như một sự biểu lộ của sự khiêm nhường sâu sắc của ủy ban, một thành viên nhỏ tuổi nhất cố thử. Anh khiêm tốn mô tả, và được hội đồng được tán thành một cách miễn cưỡng; nhưng anh đã nài xin hết thảy các anh em trước hết cùng hiệp ý với anh trong sự cầu nguyện cho sự khai sáng thiêng liêng. Rồi từ mọi người đều bằng lòng nên anh bắt đầu cầu nguyện: – 'Ôi Đức Chúa Trời, Ngài là Thần, vô hạn, đời đời, và không hề thay đổi trong bản thể, khôn ngoan, quyền năng, thánh khiết, công bình, tốt lành, và chân thật của Ngài.' Khi anh chấm dứt lời cầu nguyện, câu đầu tiên của lời cầu nguyện của anh ta được chép ngay lập tức bởi một trong những người anh em, nó được đọc lên, và được thông qua như là một câu trả lời hoàn hảo nhất, là điều đã được thai nghén như là câu trả lời từ chính Đức Chúa Trời để miêu tả chính Ngài qua sự cầu nguyện và trong lời cầu nguyện. Vậy ai là thành viên trẻ nhất trong ủy ban này? Khi chúng ta so sánh giữa những năm sinh của những thành viên đầy tôn trọng này chúng ta có thể tìm thấy George Gillespie là một thành viên trẻ nhất. Vì vậy, chúng ta có thể kết luận một cách an toàn rằng George Gillespie là người đã được dẫn dắt đầy thuộc linh hầu đưa ra sự phát thảo cho câu trả lời tuyệt vời và không hề định trước.

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ THẦN

Câu nói “Đức Chúa Trời là Thần,” đến từ chính Chúa của chúng ta. Điều này, Ngài đã nói trong khi trả lời cho người đàn bà Sa-ma-ri rằng Đức Chúa Trời là Thần nên những kẻ thờ phượng thật “sẽ lấy tâm thần và lễ thật mà thờ phượng Cha: Ấy đó là những kẻ thờ phượng mà Cha ưa thích vậy” (Giăng 4:23). Lời nói của Chúa Jê-sus ám chỉ rằng Đức Chúa Trời là không phải là một vật thể hữu hình, giống như con người, như những người Mormon tưởng tượng.

Trong năm sách đầu tiên của Kinh Thánh, sự vô hình của Đức Chúa Trời là một nền tảng của Điều Răn Thứ Hai điều răn cấm thờ phượng “bất kỳ chân dung của bất kỳ vật thể nào” của thiên nhiên hữu hình (Xuất 20:24). Trước khi Môi-se nhắc lại Mười Điều Răn trong sách Phục Truyền Luật Lệ Ký đoạn 5, ông đã dành hết công sức để nhấn mạnh về mạng lệnh nghiêm cấm sự thờ phượng bất kỳ vật thể hay loài xác thịt nào. “Các ngươi nghe một tiếng nói, nhưng không thấy một hình trạng nào; chỉ nghe một tiếng mà thôi” (Phục 4:12). “Vây, các ngươi hãy cẩn thận giữ lấy linh hồn mình cho lắm, vì các ngươi không có thấy một hình trạng nào trong ngày Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, từ nơi giữa lửa phán cùng các ngươi, tại Hô-rêp; e các ngươi phải làm hư hoại cho mình chẳng, và làm một tượng chạm nào, tạo hình trạng của tà thần nào, hoặc hình của người nam hay người nữ, hoặc hình của con thú nào đi trên đất, hoặc hình của vật nào có cánh bay trên trời, hoặc hình của loài côn trùng nào bò trên đất, hay là hình của con cá nào ở trong nước dưới đất; lại, e khi ngươi ngược mắt lên trời thấy mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tức là toàn cả thiên binh, thì ngươi bị quyến dụ quỉ xuống trước các vì đó, và thờ lạy các tinh tú nầy mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã chia phân cho muôn dân dưới trời chẳng” (câu 15-19). “Khá cẩn thận giữ lấy mình, chớ quên sự giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã lập cùng các ngươi, và chớ làm tượng chạm nào, hình của vật nào mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã cấm” (câu 23, 25, 28, v.v.). Sự lên

án về sự thờ thần tượng xuyên suốt kinh Cựu Ước được dựa trên lẽ thật rằng Đức Chúa Trời là Thần, không phải là một vật thể hữu hình. Calvin nói một cách thẳng thắn rằng “bất cứ khi nào, bất cứ hình tượng nào được tạo nên nhằm đại diện cho Đức Chúa Trời, thì sự vinh hiển Thiêng Liêng bị hư hoại bởi một kẻ giả dối bất kính.”

VÔ HẠN, ĐÒI ĐÒI, KHÔNG HỀ THAY ĐỔI TRONG BẢN THỂ CỦA NGÀI

Đức Chúa Trời được nói đến như là “vô hạn, đòi đòi, và không hề thay đổi trong bản thể của Ngài” trong bảy khía cạnh đặc sắc của sự tồn tại của Ngài, trong “bản chất, khôn ngoan, thánh khiết, công bình, và chân thật” của Ngài.

Sự toàn tại của Đức Chúa Trời có ý nghĩa trong những từ ngữ “vô hạn trong sự hiện hữu của Ngài.” Kinh Thánh dạy rất rõ ràng về lẽ thật này: “Tôi sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Tôi sẽ trốn đâu khỏi mặt Chúa? Nếu tôi lên trời, Chúa ở tại đó, ví tôi nằm dưới Âm phủ, kia, Chúa cũng có ở đó. Nhược bằng tôi lấy cánh hừng đông, bay qua ở tại cuối cùng biển, tại đó tay Chúa cũng sẽ dẫn dắt tôi, tay hữu Chúa sẽ nắm giữ tôi. Nếu tôi nói: Sự tối tăm chắc sẽ che khuất tôi, ánh sáng chung quanh tôi trở nên đêm tối, thì chính sự tối tăm không thể giấu chi khỏi Chúa, ban đêm soi sáng như ban ngày, và sự tối tăm cũng như ánh sáng cho Chúa” (Thi 139:7-12).

Sự hiện diện của Đức Chúa Trời được nói đến trong Kinh Thánh trong những ngôn từ phổ quát tuyệt đối. “Đức Giê-hô-va ngự trong đền thánh Ngài; ngôi Ngài ở trên trời; con mắt Ngài nhìn xem, mí mắt Ngài dò con loài người” (Thi 11:4). “Mắt Đức Giê-hô-va đoái xem người công bình, lỗ tai Ngài nghe tiếng kêu cầu của họ” (Thi 34:15). “Con mắt Đức Giê-hô-va ở khắp mọi nơi, xem xét kẻ gian ác và người lương thiện” (Châm 15:3). “Nhưng quả thật rằng Đức Chúa

Trời ngự trên đất này chăng? Kìa, trời, dầu đến đổi trời của các tầng trời chăng có thể chứa Ngài được thay, phương chi cái đền này tôi đã cất!” (I Các 8:27). “Đức Giê-hô-va phán: Có người nào có thể giấu mình trong các nơi kín cho ta đừng thấy chăng? Đức Giê-hô-va phán: Há chẳng phải ta đầy đầy các tầng trời và đất sao?” (Giê 23:24).

Giáo lý Kinh Thánh về sự cầu nguyện minh chứng cho sự toàn tại của Đức Chúa Trời. Con người có thể cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong mọi lúc mọi nơi một cách sinh động và tự nhiên công nhận sự toàn tại của Đức Chúa Trời. Giô-na cầu nguyện trong bụng cá (Giô-na 2) và Chúa đã nhậm lời ông. “Đức Giê-hô-va ở gần mọi người cầu khẩn Ngài. Tức ở gần mọi người có lòng thành thực cầu khẩn Ngài” (Thi 145:18).

Tác giả Kinh Thánh dạy thật rõ ràng và luôn luôn thừa nhận về sự đời đời của sự tồn tại của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời luôn luôn là Đức Chúa Trời và sẽ không bao giờ ngưng là Đức Chúa Trời. Ngài không có sự khởi đầu. Và Ngài cũng không bao giờ kết thúc. Sự hiện hữu đời đời của Ngài của Đức Chúa Trời được dạy một cách rõ ràng trong nhiều phân đoạn Kinh Thánh. “Lạy Chúa, từ đời này qua đời kia Chúa là nơi ở của chúng tôi. Trước khi núi non chưa sanh ra, đất và thế gian chưa dựng nên, từ trước vô cùng cho đến đời đời Chúa là Đức Chúa Trời” (Thi 90:1-2). “Nhưng nói về Con thì lại phán rằng: Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia, ... Hỡi Chúa, ban đầu trước hết Chúa đã dựng nền đất, và các tầng trời cũng là công việc của tay Chúa. Trời đất sẽ hư đi, nhưng Chúa hằng có; trời đất sẽ cũ đi như cái áo; Ngài sẽ cuốn nó lại như cái áo choàng, rồi trời đất sẽ biến đổi, nhưng Chúa vẫn y nguyên, các năm của Chúa không hề cùng” (Hêb 1:8-12; Thi 45:6-7, 102:25-27). “Đức Giê-hô-va, là Vua và Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên, là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán như vậy: Ta là đầu tiên và cuối cùng; ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác” (Ê-sai 44:5; Khải 1:8,11; 21:6; 22:13).

Sau sự công bố “Đấng cao cả, ở nơi đời đời vô cùng, danh Ngài là Thánh, có phán như vậy: Ta ngự trong nơi cao và thánh” (Ê-sai

57:15), ngay tức thì Đức Chúa Trời thêm vào, “[ta ngự] với người có lòng ăn năn đau đớn và khiêm nhường, đặng làm tươi tỉnh thân linh của những kẻ khiêm nhường, và làm tươi tỉnh lòng người ăn năn đau đớn.” Sự toàn tại của Đức Chúa Trời quả quyết với chúng ta rằng Ngài không phải là Đức Chúa Trời ở xa, nhưng là một Đức Chúa Trời ở rất gần chúng ta và làm việc một cách năng động trong không gian và thời gian. Đức Chúa Trời cảm thúc, Ngài không bao giờ kết thúc [God inspires; He never expires].

Tính bất biến của Đức Chúa Trời (nghĩa là Đức Chúa Trời không hề thay đổi) được dạy rất rõ ràng trong Kinh Thánh. “Vì ta là Đức Giê-hô-va, ta không hề thay đổi; bởi đó, các ngươi là con trai Gia-cốp, chẳng bị diệt vong” (Mal 3:6). Bởi những lời này, chúng ta được chỉ dẫn rằng Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là rất đáng tin cậy vì Ngài không hề thay đổi ý chí của Ngài hay kế hoạch của Ngài. Sự cứu rỗi của chúng ta được làm tràn đầy với hy vọng bởi vì Cứu Chúa của chúng ta không hề thay đổi và Ngài giữ lời hứa của Ngài.

Đức Chúa Trời không hề biến cải của chúng ta là tuyệt đối đáng tin cậy. Lễ thật này được dạy rõ ràng trong Hê-bơ-rơ 6:17-18, “Đức Chúa Trời cũng vậy, muốn càng tỏ ra cho những kẻ hưởng lời hứa biết ý định Ngài là chắc chắn không thay đổi, thì dùng lời thề; hầu cho nhờ hai điều chẳng thay đổi đó, – và về hai điều ấy Đức Chúa Trời chẳng có thể nói dối, – mà chúng ta tìm được sự yên ủi lớn mạnh, là kẻ đã trốn đến nơi ẩn náu, mà cầm lấy sự trông cậy đã đặt trước mặt chúng ta.” Hê-bơ-rơ 13:7-9 nói “Hãy nhớ những người dắt dẫn mình, đã truyền đạo Đức Chúa Trời cho mình; hãy nghĩ xem sự cuối cùng đời họ là thế nào, và học đòi đức tin họ. Đức Chúa Jê-sus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi. Anh em chớ để cho mọi thứ đạo lạ đổ dành mình; vì lòng nhờ ân điển được vững bền, ấy là tốt, chớ không phải nhờ đồ ăn, là sự chẳng ích chi cho kẻ làm như vậy.” Sự bền đỗ của bản tính của Chúa Jê-sus Christ chúng ta là lý do cho niềm tin của chúng ta trong phúc âm cứu rỗi của Ngài.

Nhiều câu Kinh Thánh khác được trích dẫn nhằm minh chứng tính

bất biến của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là “mọi ân điển tốt lành cùng sự ban cho trọn vẹn đều đến từ nơi cao và bởi Cha sáng láng mà xuống, trong Ngài chẳng có một sự thay đổi, cũng chẳng có bóng của sự biến cải nào” (Gia-cơ 1:17). “Muru của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời, ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (Thi 33:11). “Trong lòng loài người có nhiều mưu kế; Song ý chỉ của Đức Giê-hô-va sẽ thành được” (Châm 19:21). “Đức Giê-hô-va vạn quân đã thề rằng: Chắc thật, sự ta đã định sẽ xảy đến, điều ta đã toan sẽ đứng vững” (Ê-sai 14:24). “Hãy nhớ lại những sự ngày xưa; vì ta là Đức Chúa Trời, và chẳng có Chúa nào khác; ta là Đức Chúa Trời, chẳng có ai giống như ta. Ta đã rao sự cuối cùng từ buổi đầu tiên, và đã nói từ thuở xưa những sự chưa làm nên. Ta phán rằng: Muru của ta sẽ lập, và ta sẽ làm ra mọi sự ta đẹp ý” (Ê-sai 46:9-10).

VÔ HẠN, ĐỜI ĐỜI, VÀ KHÔNG HỀ THAY ĐỔI TRONG SỰ KHÔN NGOAN CỦA NGÀI

Nói rằng Đức Chúa Trời là vô hạn, đời đời và không hề thay đổi trong sự khôn ngoan của Ngài có ý muốn dạy rằng (1) Đức Chúa Trời biết tất cả, (2) sự toàn tri của Ngài luôn luôn thuộc về Ngài và sẽ luôn luôn là của Ngài, (3) Ngài biết tất cả mọi thứ không có ngoại lệ, và không một ai có thể thêm vào hay lấy đi sự hiểu biết của Ngài. Thi-thiên 147:4-5 nói “Ngài đếm số các vì sao, gọi từng tên hết thảy các vì ấy. Chúa chúng tôi thật lớn, có quyền năng cả thể; sự thông sáng Ngài vô cùng vô tận.” Công vụ 15:18, “từ trước vô cùng Ngài đã thông biết những việc đó.” Ma-thi-ơ 10:29-30, “Hai con chim sẻ há chẳng từng bị bán một đồng tiền sao? Và ví không theo ý muốn Cha các ngươi, thì chẳng hề một con nào rơi xuống đất. Tóc trên đầu các ngươi cũng đã đếm hết rồi.” Châm ngôn 15:3, “Con mắt Đức Giê-hô-va ở khắp mọi nơi, xem xét kẻ gian ác và người lương thiện.”

Khi Đức Chúa Trời biết rõ mọi sự, chúng ta cần phải thận trọng để

không phạm tội nghịch lại Ngài trong những suy nghĩ và cảm nghĩ của chúng ta. Con người có thể không biết được những gì chúng ta suy nghĩ hay cảm nhận, nhưng Đức Chúa Trời biết hết. Thậm chí trong những hành động của chúng ta, không một ai có thể biết rằng chúng ta đã phạm tội trộm cướp, hay lừa lọc trong việc kinh doanh, hay trong việc thi cử của chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời biết, và Ngài sẽ trừng phạt tất những ai đã vi phạm Luật Pháp của Ngài. Chúng ta có thể che dấu khỏi con người, nhưng chúng ta không bao giờ có thể che dấu khỏi Đức Chúa Trời.

Giáo lý về sự toàn tri của Đức Chúa Trời có giá trị thực hành. Nó cung cấp cho chúng ta với mọi lý do để cầu nguyện. Chúng ta cầu nguyện bởi vì chúng ta không biết, nhưng Đức Chúa Trời biết. Ngài biết hết mọi điều, từ ban đầu cho đến cuối cùng. Đó là tại sao mà Chúa luôn khích lệ chúng ta dâng trình các lời nài xin lên cho Ngài, “Chớ lo phiền chi hết, nhưng trong mọi sự hãy dùng lời cầu nguyện, nài xin, và sự tạ ơn mà trình các sự cầu xin của mình cho Đức Chúa Trời” (Phil 4:6). “Vị bằng trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời, là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi, không trách móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban cho” (Gia 1:5). Đức Chúa Trời phán với Ê-xê-chi-ên, “Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta còn muốn nhà Y-sơ-ra-ên cầu hỏi ta để ta làm sự này cho: Ta sẽ thêm nhiều người nam nó như một bầy chiên. Các thành đồ nát sẽ đầy những bầy người, như bầy chiên để làm của lễ, như bầy của Giê-ru-sa-lem trong ngày lễ trọng thể. Và chúng nó sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va” (Ê-xê 36:37-38). Hay nói cách khác, Đức Chúa Trời phán, “ta sẽ ban phước cho ai và ta sẽ ban phước cho ai qua sự trả lời cầu nguyện.”

Cơ Đốc Nhân những người nhận biết Chúa kêu gọi họ một cách tự do và không ép buộc ai, “hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài” (1 Phi 5:7). Như cha mẹ, chúng ta luôn biết những gì con cái chúng ta muốn từ chúng ta thậm chí chúng ta biết trước khi chúng xin chúng ta. Với sự hiểu biết hạn hẹp của chúng ta, chúng ta có thể biết một vài

điều có thể xảy ra trong tương lai. Ví dụ như, một người cha biết con của mình có một ít tiền trước khi nó đi đến trường. Ông luôn chuẩn bị sẵn số tiền đó cho chúng, nhưng ông chỉ cho nó chỉ khi nó đến với ông. Ông thích con cái mình đến với mình cho nhu cầu của chúng.

Buswell nói, “Đức Chúa Trời biết trước những lời cầu nguyện của chúng ta trước khi sáng thế. Ngài đã xây dựng câu trả lời cho những lời cầu nguyện của chúng ta trong một cấu trúc của vạn vật. Ngài biết rằng chúng ta sẽ cầu nguyện trong một cách tự nhiên như một đứa bé khóc kêu cha của nó. Đức Chúa Trời đã đặt vạn vật lại với nhau trong một nguyên tắc của mối quan hệ cá nhân trong điều mà Ngài đáp ứng lời cầu nguyện, và chúng ta có thể, trong sự đo lường, hiểu sự chu cấp của Ngài chỉ duy dựa trên sự toàn tri của Ngài.”

VÔ HẠN, ĐÒI ĐÒI, VÀ KHÔNG HỀ THAY ĐỔI TRONG QUYỀN NĂNG CỦA NGÀI

“Đoạn, tôi lại nghe có tiếng như một đám đông vô số người, khác nào tiếng nước lớn hoặc như tiếng sấm dữ, mà rằng: A-lê-lu-gia! Vì Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn năng, đã cầm quyền cai trị” (Khải 19:6).

Sự toàn tri của Đức Chúa Trời được trình bày một cách vẻ vang trong Kinh Thánh từ đầu cho đến cuối. Đức Chúa Trời của Kinh Thánh được gọi là “Đức Chúa Trời Toàn Năng” lặp đi lặp lại trong sách Khải Huyền. Trong II Cô-rinh-tô 6:18, sự toàn năng của Ngài được liên kết một cách gắn gũi với tình yêu và sự chăm sóc của Ngài cho dân sự của Ngài những người được biệt riêng ra cho Ngài; “Ta sẽ làm Cha các ngươi, các ngươi làm con trai con gái ta, Chúa Toàn năng phán như vậy.”

Chỉ có đạo Cơ Đốc Giáo và Do-thái giáo (Judeo-Christian religion)

mới dạy về sự toàn năng của Đức Chúa Trời. Cơ Đốc Giáo và Do-thái giáo dạy rằng chỉ có một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, Đấng đã tạo dựng nên trời và đất, và Ngài đã tạo dựng nên tất cả từ cái không có. Như giáo lý về sự tạo dựng từ cái không có bởi Đức Chúa Trời toàn năng chỉ có thể bắt nguồn từ một niềm tin độc thần là niềm tin chỉ được tìm thấy trong truyền thống của Cơ Đốc Giáo và Do-thái giáo hoặc bắt nguồn từ nó. Chỉ có ba tôn giáo độc thần trên thế giới đó là: Do-thái Giáo, Cơ Đốc Giáo, và Hồi Giáo. Cơ Đốc Giáo là một chuỗi của Kinh Thánh của người Do-thái, và nó khá rõ ràng rằng Mô-ha-mét, trong thế kỷ thứ 7 SC, đã rút ra định nghĩa của một, và chỉ có một, Đức Chúa Trời cao cả từ Do-thái Giáo và Cơ Đốc Giáo.

Thuyết Đa Thần Giáo không thể nào dạy giáo lý về sự toàn năng của Đức Chúa Trời, vì khi có nhiều thần, thì mỗi thần đều chia sẻ quyền năng hay một lãnh vực của quyền năng, không có một thần nào có thể nói có toàn quyền năng.

Mặt khác, đức tin Cơ Đốc Giáo dạy về sự tồn tại của Đức Chúa Trời duy nhất, Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Đức Chúa Trời Ba Ngôi Thánh, “Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa, là Đức Chúa Trời, Đấng Toàn năng” (Khải 4:8). Chỉ có một Đức Chúa Trời trong ba Ngôi vị: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh (I Giăng 5:7).

Sự toàn năng không có nghĩa là Đức Chúa Trời có thể làm bất cứ thứ gì. Ở đây ý muốn nói là Đức Chúa Trời sẽ không và không thể làm bất cứ điều gì nghịch lại bản tính và ý muốn của Ngài (II Tim 2:13). Ví dụ, Đức Chúa Trời chẳng có thể nói dối hay phạm tội (Hêb 6:18, Gal 2:17).

Có một câu hỏi luôn được hỏi bởi những người theo chủ nghĩa hoài nghi nhằm gieo rắc sự nghi ngờ về sự toàn năng của Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời có thể làm hai cộng hai bằng sáu không? Buswell trả lời câu hỏi này với một câu hỏi, “Chúng ta trả lời bởi việc hỏi rằng

cần tốn bao nhiêu quyền năng để tìm ra đáp số. Sự ngớ ngẩn của câu hỏi này là không quá khó để nhìn thấy. Phải chăng một tấn đi-na-mít (thuốc nổ) làm hai cộng hai bằng sáu? Hay là sức mạnh của bom nguyên tử? Hay là một quả bom hydrô? Khi những câu hỏi này được hỏi, thì quá dễ dàng thấy rằng lẽ thật của bảng phép tính không dựa trên lĩnh vực của quyền năng. Quyền năng không liên can gì đến nó.”

Sự toàn năng của Đức Chúa Trời là một lẽ thật thật đơn giản và còn thâm thúy. Sự toàn năng của Ngài không đòi hỏi nhiều từ ngữ để diễn tả. Một cách đơn giản là Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là Đức Chúa Trời của chúng ta, Cha Thiên Thượng của chúng ta, và chúng ta đã dâng phó tất cả cho Ngài. “Hãy yên lặng, và biết rằng ta là Đức Chúa Trời” (Thi 46:10).

VÔ HẠN, ĐÒI, ĐÒI, VÀ KHÔNG HỀ THAY ĐỔI TRONG SỰ THÁNH KHIẾT CỦA NGÀI

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là tâm điểm thuộc tính đạo đức của Ngài. Từ ngữ thường dùng cho từ “thánh khiết” trong Cựu Ước là *qadhosh*. Ý nghĩa gốc của từ này dường như được “phân rẽ khỏi, sự chống cự với, tất cả những kẻ ác hay sự dơ dáy.” Trong Tân Ước, từ thông dụng nhất là *hagios*, nó chuyển tải giống ý nghĩa thuộc bản chất của nó.

Tất nhiên Đức Chúa Trời thì thánh khiết một cách hoàn hảo từ quá khứ đời đời cho đến tương lai đời đời. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được biểu hiện qua bản tính thánh khiết của Ngài. Khi chúng ta nói rằng Đức Chúa Trời là thánh, thì chúng ta có ý nói rằng ý muốn của Đức Chúa Trời là thánh khiết hoàn hảo, và ý muốn đó của Ngài là sự biểu lộ của bản tính thánh khiết hoàn hảo của Ngài.

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là đề tài được lặp đi lặp lại xuyên

suốt trong Kinh Thánh “... ta là thánh, nên các ngươi phải nên thánh, thì sẽ được thánh ... các ngươi phải nên thánh, vì ta là thánh” (Lêv 11:44-45).

Theo bản tính thánh khiết của Ngài, Đức Chúa Trời phải ghét tội lỗi. “Mắt Chúa thánh sạch chẳng nhìn sự dữ, chẳng có thể nhìn được sự trái ngược” (Hab 1:13). “Vì Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (Hêb 12:29). “Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (Hêb 10:31). “Cùng tìm theo sự nên thánh, vì nếu không nên thánh thì chẳng ai được thấy Đức Chúa Trời” (Hêb 12:14).

Mặc dầu tiêu chuẩn hữu hình duy nhất của chúng ta là ý muốn được khải tỏ của Đức Chúa Trời (Lời của Đức Chúa Trời), chúng ta quan niệm tiêu chuẩn đạo đức như được bắt nguồn một cách cơ bản nhất từ bản tính thánh khiết của chính Đức Chúa Trời. Đúng là đúng, sai là sai, bởi vì Đức Chúa Trời là thánh. Chúng ta có sự hiểu biết về những gì đúng và những gì sai bởi vì bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời được khải tỏ bởi ý muốn thánh của Ngài trong Luật pháp thánh của Ngài như được tìm thấy trong Kinh Thánh.

VÔ HẠN, ĐÒI ĐÒI, VÀ KHÔNG THAY ĐỔI TRONG SỰ CÔNG BÌNH CỦA NGÀI

Sự công bình của Đức Chúa Trời bắt nguồn một cách tự nhiên từ sự thánh khiết của Ngài. Từ Hê-bơ-rơ *tsaddiq* có ý nghĩa “ngay thẳng,” và từ Hy-lạp *dikaios* có nghĩa “chính trực.” Cả hai từ ám chỉ đến sự công bình của Đức Chúa Trời thánh khiết. Sự công bình của Đức Chúa Trời là biểu lộ bên ngoài của sự thánh khiết của Ngài và được áp dụng cho người tin cũng như người không tin. Buswell giải thích, “Nếu một người đang bước đi một cách chánh trực trong sự hòa hợp với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, nó sẽ đi kèm theo sự công

bình của Đức Chúa Trời là điều mà người ấy sẽ có sự thông công hoàn hảo với Đức Chúa Trời; nhưng nếu một người, như chúng ta biết người ấy, bị tự hư hoại một cách kinh khủng, thì nó sẽ đi kèm với việc Đức Chúa Trời căm ghét sự hư hoại của người đó. Từ khi thế gian trở thành ô ướ, và bất công, nó đi kèm với thứ mà Đức Chúa Trời căm ghét với tất cả mọi thứ trong nó ấy là trong sự vi phạm về sự thánh khiết của chính Ngài. Nếu có bất cứ điều gì khác biệt giữa đúng và sai, thì Đức Chúa Trời trong sự công bình của Ngài phải chống đối với điều sai trái.” “Hậu quả của tội lỗi là sự chết” (Rô 6:23). Charles Hodge nói, “Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời là sự sống đời đời. Nó là sự tốt lành nhất cho những vật thọ tạo. Và sự thắng tiến của sự hiểu biết, sự bày tỏ của sự toàn hảo về nhiều mặt của Đức Chúa Trời vô hạn, là đỉnh điểm cao nhất của tất cả công việc của Ngài. Điều này đã được rao truyền bởi Sứ Đồ về sự hủy diệt cuối cùng cả lẫn trong sự trừng phạt của những tội nhân và trong sự cứu rỗi của những người tin. Nó là sự cuối cùng mà không một ai có thể phản đối. 'Nếu Đức Chúa Trời muốn tỏ ra con thành nộ và làm cho biết quyền phép Ngài, đã lấy lòng khoan nhân lớn chịu những bình đáng giận sẵn cho sự hư mất, để cũng làm cho biết sự giàu có của vinh hiển Ngài bởi những bình đáng thương xót mà Ngài đã định sẵn cho sự vinh hiển' (Rôm 9:22-23). Vì vậy, tội lỗi, theo Kinh Thánh, thừa nhận sự công bình của Đức Chúa Trời có thể được biết trong sự trừng phạt của nó, và ân điển của Ngài trong sự tha thứ của nó. Và trong vạn vật, thiếu vắng sự hiểu biết về những thuộc tính này, thì nó sẽ giống như trái đất không có ánh sáng của mặt trời.”

VÔ HẠN, ĐỜI ĐỜI, VÀ KHÔNG HỀ THAY ĐỔI TRONG SỰ TỐT LÀNH CỦA NGÀI

Từ ngữ “tốt lành” ở đây ám chỉ đến sự thân mật của ân điển và tình yêu và sự thương xót của Đức Chúa Trời hướng về con người trong

tội lỗi và trong nhu cầu của người. Ấy là sự tốt lành của Đức Chúa Trời dẫn dắt một cá nhân đến sự ăn năn (Rôm 2:4).

Sự tốt lành của Đức Chúa Trời hay ân điển của Đức Chúa Trời là một đề tài kinh ngạc nhất trong Kinh Thánh. Một lẽ thật kinh ngạc nhất từng được công bố đó là Đức Chúa Trời của sự công bình và đoán xét cũng là cùng một Đức Chúa Trời Đấng xưng công bình và xưng công bình cho những kẻ tội lỗi và gian ác khi họ đặt đức tin của mình trong Chúa Jêsus Christ (Rôm 3:26). Chắc chắn rằng thập tự giá của Đấng Christ là sự bày tỏ cao cả nhất về sự tốt lành của Đức Chúa Trời.

Công cuộc cứu chuộc của Đấng Christ trên thập tự giá là một việc chưa hề được thực hiện trước kia và cũng không bao giờ được lặp lại nữa. Thập Tự Giá là trọng tâm của mục đích của Đức Chúa Trời từ đời đời. Chúng ta có thể giải thích nó trong nguyên tắc cơ bản là trái tim của Phúc Âm. Đấng Christ được gọi là “Chiên Con bị giết từ buổi sáng thế” (Khải 13:8). Mục đích của sự chuộc tội trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời từ quá khứ đời đời có thể được nhìn thấy trong lời của Đấng Christ, “để họ ngắm xem sự vinh hiển của Con, là vinh hiển Cha đã ban cho Con, vì Cha đã yêu Con trước khi sáng thế” (Giăng 17:24).

Buswell đã chỉ ra rằng Đấng Christ không phải là “kẻ thứ ba” tại Gô-gô-tha. “Đấng Trung Bảo” (I Tim 2:5) vừa là Đức Chúa Trời vừa là con người, chính Ngài không có tội lỗi. Ngài là Người chống lại Đấng mà chúng ta đã phạm tội. Một cách trực diện, mọi người phải nói, “Tôi là một trong những người đã nhổ trên mặt của Ngài. Tôi là một trong những người đã làm một cái mào gai và móc nhiếc Ngài và thách thức Ngài xuống khỏi thập tự giá. Việc đóng đinh Con của Đức Chúa Trời trên thập tự giá là việc làm của tôi. Tôi, với hết thầy dòng dõi loài người, đáng phải bị quét vào trong hồ lửa nơi bị đốt cháy bởi lửa và diêm sinh. Mười hai đạo binh thiên sứ nên được sai xuống từ trên thiên đàng và đổ những bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên con người tội lỗi. Nhưng Đấng Christ đã mang lấy tội lỗi của tôi như của lễ thay thế của tôi. Những từ, 'lạy Cha, xin tha tội cho họ,' thì Ngài có

thể nói, 'Hỡi những thiên sứ, hãy hủy diệt chúng,' bày tỏ một vài điều trong phương cách mà Ngài thay cho vị trí của tôi và chết cho tôi.”

VÔ HẠN, ĐÒI ĐÒI, VÀ KHÔNG HỀ THAY ĐỔI TRONG LỄ THẬT CỦA NGÀI

“Đức Chúa Trời chẳng có thể nói dối” (Hêb 6:18). Kinh Thánh nói rằng chúng ta có một “Đức Chúa Trời không thể nói dối” (Tit 1:2), và “Ngài không tự chối mình được” (II Tim 2:13). Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là Đức Chúa Trời của Lễ Thật. Những luật pháp của lễ thật của Ngài là cao nhất trong tất cả các khía cạnh của đời sống trên đất. Lễ thật thiêng liêng và thiên thượng đó là cốt lõi của bản tính của Đức Chúa Trời là vượt trên hết những luật pháp của con người và bao gồm toàn sự khải thị của Ngài là bằng chứng từ những lời của Đấng Christ. “Bấy giờ Ngài phán cùng những người Giu-đa đã tin Ngài, rằng: Nếu các ngươi hằng ở trong đạo ta, thì thật là môn đồ ta; các ngươi sẽ biết lễ thật, và lễ thật sẽ buông tha các ngươi” (Giăng 8:30-32). Chúng ta được dạy rằng “ân điển và lễ thật đến từ Chúa Jêsus Christ” (Giăng 1:17). Nên chú ý ở đây Giăng không có ý nói là không có ân điển và lễ thật trước khi Đấng Christ tại thế, nhưng tất cả ân điển và lễ thật của Đức Chúa Trời, như được bày tỏ bởi Môi-se và những tiên tri cũng như đời sống tại thế của Đấng Christ, được làm trung gian bởi Ngài như là Lời đời đời (Giăng 1:1).

Đời sống tại thế của Đấng Christ được hướng về sự khải thị của lễ thật đời đời của Đức Chúa Trời. “Phi-lát bèn nói rằng: Thế thì ngươi là vua sao? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật như lời, ta là vua. Nay, vì sao ta đã sanh và vì sao ta đã giáng thế: Ấy là để làm chứng cho lễ thật. Hễ ai thuộc về lễ thật thì nghe lấy tiếng ta” (Giăng 18:37). Trong lời cầu nguyện như thầy cả thượng phẩm, Ngài nói, “Xin Cha lấy lễ thật khiến họ nên thánh; lời Cha tức là lễ thật” (Giăng 17:17).

Thiếu Lễ Thật và Lời Thánh của Đức Chúa Trời, tội nhân sẽ bị mù lòa với Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật và với Đấng Cứu Thế—Đức Chúa Jêsus Christ. Chúa Jêsus nói, “Ta là đường đi, lễ thật, và sự sống; chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha” (Giăng 14:6).

“ĐỨC CHÚA TRỜI ĂN NĂN”

Có một vài phân đoạn Kinh Thánh nói rằng Đức Chúa Trời “ăn năn” hay thay đổi ý chí của Ngài, và chúng dường như đối nghịch với những phân đoạn Kinh Thánh nói về tính không biến cải của Ngài. Nó phải được hiểu rằng những phân đoạn Kinh Thánh thật ra là một ví dụ của ngôn ngữ nói được gọi là “thuyết tượng hình” [anthropomorphism]. Ví dụ, trong sách A-môt, những bài giảng được đặt rải rác với những khái tượng, một vài điều tiên báo về những tai họa thảm khốc. Trong A-môt 7:1-2, tiên tri thấy một khái tượng về sự hủy diệt hoàn toàn về sự phồn vinh của vùng đất bởi một trận dịch châu chấu. Rồi ông nài xin, “Hỡi Chúa Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài hãy tha thứ! Gia-cốp há có thể đứng được sao?” Trong câu 3 chúng ta đọc, “Đức Giê-hô-va bèn ăn năn về việc này. Đức Giê-hô-va phán rằng: Điều đó sẽ không xảy ra đâu” rồi CHÚA ban cho tiên tri một khái tượng về sự hủy diệt biển và đất liền bằng lửa (c 4). Trong câu 5, A-môt một lần nữa nài xin, “Bây giờ ta nói rằng: Hỡi Chúa Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài hãy thôi đi! Gia-cốp há có thể đứng được sao? Vì nó là nhỏ.” Lần nữa, “Đức Giê-hô-va bèn ăn năn về việc này. Chúa Giê-hô-va phán rằng: Điều đó cũng sẽ không xảy đến” (c 6). Rõ ràng hai khái tượng này nên được lấy một cách tổng quát. Sự dạy dỗ này không phải có ý nói là Đức Chúa Trời thay đổi ý chí của Ngài. Nhưng nên biết rằng những tai họa như thế này chắc chắn là một sự trừng phạt vì tội lỗi; và Đức Chúa Trời là Đấng sẵn sàng thi hành sự đoán xét cũng là Đấng có thể bày tỏ sự thương xót.

Điều kiện tự nhiên của sự cảnh báo về sự trừng phạt, điều đó không

thường xuyên được nhấn mạnh nhưng đầu thế nào đi chăng nữa nó có thể được hiểu một cách rõ ràng, có thể được nhìn thấy qua cách sửa phạt con cái của chúng ta, “ta sẽ phạt con chừng một phút nữa,” và rồi thì trò tinh nghịch của nó dừng lại. Cả những đứa trẻ và những người lớn có thể nhận biết được sự khác biệt giữa một sự cảnh cáo có điều kiện và sự quyết định cuối cùng. Như ngôn ngữ tượng hình ở trong những phân đoạn Kinh Thánh này là rõ ràng nói về “sự ăn năn” của Đức Chúa Trời.

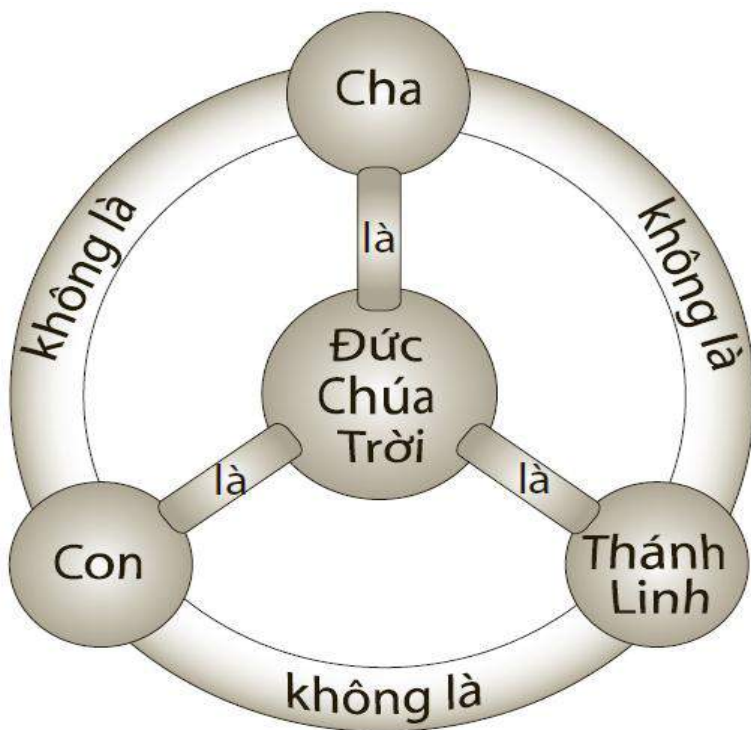
MỘT ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG BA NGÔI

Trong Giáo Lý Vấn Đáp Wesminster Tóm Lược câu hỏi số 5 hỏi, “Có phải có nhiều thần hơn một không?” Trả lời: “Chỉ có duy nhất một, Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật.” Câu hỏi số 6: “Có bao nhiêu ngôi trong Đức Chúa Trời?” Trả lời: “Có ba ngôi trong Đức Chúa Trời; Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh; và cả ba này trong một Đức Chúa Trời, giống nhau trong bản chất, ngang bằng trong quyền năng và vinh hiển.”

Sự hiệp một của Đức Chúa Trời là một giáo lý cốt yếu của Niềm Tin Cơ Đốc. Nhưng trong sự hiệp một của Đức Chúa Trời, có ba Ngôi. Kinh Thánh dạy rằng có Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật tồn tại trong ba ngôi vị, mỗi Đấng đó là Đức Chúa Trời. Bản chất ba ngôi của Đức Chúa Trời là một sự mâu nhiệm, nhưng những người vô tín thì nhạo báng nó như là một sự trái ngược. Một người theo chủ nghĩa tân thời khét tiếng, Harry Emerson Fosdick, trích dẫn lời ông nói, “Giáo lý Ba Ngôi là một sự mâu thuẫn trong số học.” Đây tất nhiên không phải là lời phát biểu đúng, vì không một người theo giáo lý Ba Ngôi xem một cộng một cộng một bằng một ($1+1+1=1$). Nhưng mặt khác, Kinh Thánh có dạy rằng có một Đức Chúa Trời, không phải ba, và có ba Ngôi, mỗi một Đấng là Đức Chúa Trời. Một nhân một nhân một bằng một ($1 \times 1 \times 1 = 1$) là đúng.

Bản chất của Đức Chúa Trời là một sự phức hợp. Như bản chất con người hữu hạn, chúng ta sẽ không bao giờ hiểu hết Đức Chúa Trời. Spurgeon nói một cách thẳng thắn, “cũng như một con ruồi uống nước đại dương, thì như một tạo vật hữu hạn hiểu biết về Đức Chúa Trời vậy” (Phục 29:29, Thi 145:3, Êsai 55:8-9, Rô 11:33). Lịch sử của sự khai thị đã giải thích cho giáo lý Ba Ngôi chứ không phải triết lý suy đoán. Giáo lý của Kinh Thánh về Ba Ngôi có thể được lập dàn ý với bốn định đề. (1) Đức Chúa Trời có một. (2) Jêsus là Đức Chúa Trời. (3) Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời. (4) Cả ba Ngôi này trong mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau (mối quan hệ giữa chủ thể và bản thể) trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Bằng chứng rõ ràng nhất cho giáo lý này là I Giăng 5:7, “Vì có ba làm chứng trên thiên đàng, Đức Cha, Lời, và Đức Thánh Linh; ba ấy hiệp một” (xem bản dịch Textus Receptus và KJV).

Chúng ta có thể nhìn thấy ba Ngôi khác biệt của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong phép báp-têm của Chúa Jêsus: (1) Đức Chúa Con trên đất, đi xuống nước để chịu báp-têm, (2) Đức Chúa Cha trên thiên đàng, tán dương Con Trai yêu dấu của Ngài, và (3) Đức Thánh Linh



Giáo Lý Ba Ngôi Được Minh Họa

ngự xuống từ thiên đàng trong hình thể chim bồ câu (Mat 3:16-17).

Sự giảng dạy của Kinh Thánh thì rõ ràng. Chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời. Trong sự hiệp nhất này, có ba. Có ba Ngôi Vị trong Đức Chúa Trời: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh. Ba Ngôi Vị này không phân chia nhưng khác biệt; Đức Chúa Cha không phải là Đức Chúa Con, Đức Chúa Con không phải là Đức Thánh Linh, Đức Thánh Linh không phải là Đức Chúa Cha; nhưng Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Con là Đức Chúa Trời,

Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời (giống như Đức Chúa Trời hằng sống, chân thật và chỉ có một). Một Đức Chúa Trời trong Ba Ngôi thánh, không phải là con người, hay số học.

ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ MỘT

“Hỡi Y-sơ-ra-ên! Hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai. Ngươi phải hết lòng, hết ý, hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi” (Phục 6:4-5). “Trước mặt ta, ngươi chớ có các thần khác” (Xuất, 20:3; xem Phục 5:7). “Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác, ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác nữa. Dầu ngươi không biết ta, ta sẽ thắt lưng ngươi, hầu cho từ phía mặt trời mọc đến phía mặt trời lặn họ được biết rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài ta. Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác” (Ê-sai 45:5-6). “Thật Đức Chúa Trời ở giữa ngươi; ngoài Ngài chẳng có ai khác, không có Đức Chúa Trời nào nữa ... Vì Đức Giê-hô-va, là Đấng đã dựng nên các tầng trời, tức là Đức Chúa Trời đã tạo thành đất và làm ra nó, đã lập nó cho bền vững, chẳng phải dựng nên là trống không, bền đã làm nên để dân ở, phán như vậy: Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác!” (Ê-sai 14, 18). “Hãy nhớ lại những sự ngày xưa; vì ta là Đức Chúa Trời, và chẳng có Chúa nào khác; ta là Đức Chúa Trời, chẳng có ai giống như ta” (Ê-sai 46:9).

Sự hiệp nhất trong Đức Chúa Trời được dạy dỗ nhấn mạnh nhiều trong Tân Ước cũng như trong Cựu Ước, và điều đó, trong sự liên hệ trực tiếp với Thần tính của Đấng Christ. “Vậy, về sự ăn của cúng tế các thần tượng, chúng ta biết thần tượng trong thế gian thật là hư không, chỉ có một Đức Chúa Trời, chớ không có thần nào khác. Thật người ta xưng có các thần khác, hoặc ở trên trời, hoặc ở dưới đất, (bởi đó họ thờ nhiều thần nhiều chúa), về phần chúng ta, chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, là Đức Chúa Cha, muôn vật bởi Ngài mà ra,

và chúng ta hướng về Ngài; lại chỉ có một Chúa mà thôi, là Đức Chúa Jêsus Christ, muôn vật đều nhờ Ngài mà có, và chúng ta cũng vậy” (I Côr 8:4-6). “Chỉ có một thân thể, một Thánh Linh, như anh em bởi chức phận mình đã được gọi đến một sự trông cậy mà thôi; chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép báp-têm; chỉ có một Đức Chúa Trời và một Cha của mọi người, Ngài là trên cả mọi người, giữa mọi người và ở trong mọi người” (Êph 4:4-6).

JÊSUS LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI

Khi Tô-ma, người nghi ngờ, nhìn thấy Chúa sống lại, ông kêu lên, “Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi” (Giăng 20:28). Vậy không nghi ngờ gì khi các môn đồ đầu tiên đã nhận biết Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời trong một sự hiểu biết tuyệt đối nhất của lời nói không có bất kỳ giới hạn hay sự lệ thuộc nào. Phao-lô miêu tả các thánh đồ như “đương chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ” (Tít 2:13). Danh “Đức Chúa Trời” áp dụng cho Chúa Jêsus trong đoạn trích này là rõ ràng. Ấy là rõ ràng trong toàn bộ Kinh Tân Ước ấy là của Đấng Christ về sự hiện ra vinh hiển của Đấng ấy được mong chờ. Jêsus Christ là Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa của chúng ta.

Trong cách tương tự của sự diễn đạt, Phi-e-rơ ám chỉ đến những ai giành được đức tin “trong công bình của Đức Chúa Trời chúng ta và của Cứu Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ.” Và ông tiếp tục, “ân điển và sự bình an được gia thêm cho anh em bởi sự nhận biết Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus, là Chúa chúng ta” (II Phi 1:2). Phao-lô nói đến Đấng Christ với những từ ngữ, “Đấng Christ ... Đấng trên hết mọi sự, tức là Đức Chúa Trời đáng ngợi khen đời đời” (Rô-ma 9:5). Một lần nữa Phao-lô ám chỉ đến “ân điển của Đức Chúa Trời chúng ta và của Đức Chúa Jêsus Christ” (II Tê-s 1:12). Nó là bằng chứng về

những danh xưng của Đấng Christ và Đức Chúa Trời được hoán đổi nhau trong trí của Phao-lô.

Những bằng chứng mạnh mẽ khác đó là Chúa Jêsus không ai khác hơn là chính Đức Chúa Trời được Giăng 1:1 viết, “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời;” và I Ti-mô-thê 3:16, “Mọi người đều cho sự mầu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm: Đức Chúa Trời đã được tỏ ra trong xác thịt, thì đã được Đức Thánh Linh xưng là công bình, được thiên sứ trông thấy, được giảng ra cho dân ngoại, được thiên hạ tin cậy, được cất lên trong sự vinh hiển.”

JÊSUS LÀ YAHWEH

Không chỉ Chúa Jêsus được gọi là Đức Chúa Trời trong Tân Ước nhưng Ngài còn được gọi là CHÚA trong từ ngữ của Cựu Ước là Yahweh. Trong lời tiên tri của Xa-cha-ri (Lu-ca 1:76), nói về Giăng Báp-tít, “Hỡi con trẻ, người ta sẽ kêu con là tiên tri của Đấng Rất Cao; con sẽ đi trước mặt Chúa, dọn đường Ngài.” Điều này thật rõ ràng khi Lu-ca hiểu lời tiên tri này ám chỉ đến Giăng là người dọn đường cho Jêsus. Nhưng Xa-cha-ri đang ám chỉ đến Ma-la-chi 3:1 trong từ ngữ “CHÚA” là Yahweh. “Này, ta sai sứ giả ta, người sẽ dọn đường trước mặt ta: ... CHÚA (Đức Giê-hô-va) vạn quân phán vậy.” Vậy “CHÚA,” là Đấng mà Giăng dọn đường cho Ngài, không ai khác hơn là Jêsus.

Phao-lô đưa ra một sự nhấn mạnh thật lớn về lời tiên tri của Giô-ên. “Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu” (Rô-ma 10:13). Trong văn mạch rõ ràng này nơi mà Phao-lô gọi Đấng Christ là “Chúa,” nhưng trong Giô-ên 2:32, trong cụm từ, “Bấy giờ ai cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va thì sẽ được cứu,” từ “CHÚA” trong bản Hê-bơ-rơ là Yahweh. Trong Rô-ma 14:10 sự nói về sự đoán xét các thánh đồ, Phao-lô đã

thêm lời trích dẫn trong sách Ê-sai 45:23, “Ta đã chỉ mình mà thề, ... mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt ta, mọi lưỡi sẽ chỉ ta mà thề.” Đó là Yahweh Đấng nói trong những lời của Ê-sai là bằng chứng từ câu 24 và 25. Những phân đoạn Kinh Thánh này nói về Đấng Christ và Đức Chúa Trời và Yahweh là một. Jêsus Christ không chỉ là Cứu Chúa của các thánh đồ ở Tân Ước nhưng còn là của các thánh đồ ở Cựu Ước.

Đấng Christ Con Đức Chúa Trời

Đấng Christ được gọi là “Con của Đức Chúa Trời” ghi nhiều lần trong Tân Ước. Phân đoạn chìa khóa trong chủ đề này là Giăng 5:18, “Bởi có đó, dân Giu-đa càng kiếm cách nữa để giết Ngài, chẳng những vì ... Ngài gọi Đức Chúa Trời là Thân Phụ mình, làm ra mình bằng Đức Chúa Trời.” Trong tập quán của người Do Thái, thuật ngữ “con trai của ...” không ám chỉ một cách tổng quát về sự hạ thấp, nhưng đúng hơn là sự cân bằng và đồng nhất về bản chất. “Con của Loài Người,” đặc biệt được áp dụng cho Đấng Christ trong Đa-ni-ên 7:13 và luôn luôn trong Tân Ước, có ý nghĩa cơ bản là “Con Người Đại Diện.” Vì vậy với Đấng Christ Ngài nói, “Ta là Con của Đức Chúa Trời” (Giăng 10:36) được hiểu bởi những người sống cùng thời với Ngài như tự coi mình là Đức Chúa Trời, ngang bằng với Đức Chúa Cha, trong một ý nghĩa không cân xứng.

Trong những lần tuyên bố từ trên trời về Chức Phận làm Con của Đấng Christ, theo những sách Phúc Âm ghi lại mang một ý nghĩa thật lớn lao.

(1) Tại phép báp-têm của Ngài. “Vừa khi lên khỏi nước, Ngài thấy các tầng trời mở ra, và Đức Thánh Linh ngự xuống trên mình Ngài như chim bồ câu. Lại có tiếng từ trên trời phán rằng: Ngươi là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường” (Mác 1:10-11, xem Mat. 3:16-17, Lu-ca 3:21, 22, Giăng 1:32-34).

(2) Trong dịp hóa hình của Ngài, “Đang khi người còn nói, bỗng chúc có một đám mây sáng rực che phủ những người ở đó; và có tiếng từ trong mây phán rằng: Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó” (Mat. 17:5, xem Mác 9:7, Lu-ca 9:35, II Phi-e-rơ 1:17). (3) Một lần nữa, trong khi Ngài giảng dạy trước công chúng, không lâu trước sự đóng đinh của Ngài, Chúa Jê-sus nói, “Hiện nay tâm thần ta bối rối; ta sẽ nói gì? Lạy Cha, xin cứu tôi [me] khỏi giờ này! Nhưng ấy cũng vì sự đó mà tôi [I] đến giờ này! Cha ơi, xin làm sáng danh Cha! Bấy giờ có tiếng từ trên trời phán xuống rằng: Ta đã làm sáng danh rồi, ta còn làm cho sáng danh nữa” (Giăng 12:27-28). Trong ví dụ này, từ “Con” không được sử dụng, nhưng mối quan hệ gia đình được ám chỉ rõ ràng trong những từ ngữ của Chúa Jê-sus gọi đến “Cha.” Chúa Jê-sus chỉ có một Cha, không phải là Giô-sép nhưng Đức Chúa Cha trên thiên đàng, Ngôi Thứ Nhất trong Ba Ngôi Thánh (xem Lu-ca 2:33, 43, 48, 49).

ĐỨC THÁNH LINH LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI

Nếu Đức Chúa Trời là một, Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời, thì định đề về Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời là không khó chấp nhận. Điều ấy cũng được hội thánh ban sơ hiểu và được chứng minh qua phân đoạn Kinh Thánh trong Công vụ 5:3-4, “Phi-e-rơ bèn nói với người rằng: Hỡi A-na-ni-a, sao qui Sa-tan đã đầy dẫy lòng ngươi, đến nỗi ngươi nói dối cùng Đức Thánh Linh ... ấy chẳng phải ngươi nói dối loài người, bèn là nói dối Đức Chúa Trời.”

Ấy vậy Đức Thánh Linh là Ngôi Thánh, “có cùng trong bản chất, quyền năng và vinh hiển” với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, được bày tỏ xuyên suốt Kinh Thánh. Những điều nói đến Đức Thánh Linh trong phúc âm theo Giăng đã khiến vấn đề hết sức rõ ràng. Sự đề cập đầu tiên về Đức Thánh Linh trong sách phúc âm thứ tư được tìm thấy trong Giăng 1:32-34, “Giăng lại còn làm chứng này nữa: Ta đã thấy

Thánh Linh từ trời giáng xuống như chim bồ câu, đậu trên mình Ngài. Về phần ta, ta vốn không biết Ngài; nhưng Đấng sai ta làm phép báp-têm bằng nước có phán cùng ta rằng: Đấng mà ngươi sẽ thấy Thánh Linh ngự xuống đậu lên trên, ấy là Đấng làm phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh. Ta đã thấy, nên ta làm chứng rằng: Ấy chính Ngài là Con Đức Chúa Trời.”

Ý tưởng trong những câu Kinh Thánh này được gắn liền một cách gần gũi với điều nó nhấn mạnh trong I Cô-rinh-tô 12:13, “Vì chung chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gờ-réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ, đều đã chịu phép báp-têm chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng ta đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa.” Trong những mối liên quan này, chúng ta thấy Đức Thánh Linh được so sánh để làm mới lại và Đấng ban năng quyền sự sống của Đức Chúa Trời, dưới hình ảnh ẩn dụ về nước của phép báp-têm, và nước uống. Trong “hình ảnh chim bồ câu” trong Khải tượng được thấy ngay tại phép báp-têm của Chúa Jê-sus, chúng tượng trưng cho bản tính giản dị, không phô trương, của kiểu cách hoạt động của Đức Thánh Linh.

NĂNG QUYỀN BAN SỰ SỐNG CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Năng quyền ban sự sống của Đức Thánh Linh là một trọng tâm trong cuộc nói chuyện của Đấng Christ với Ni-cô-đem. “Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời. Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt; hễ chi sanh bởi Thánh Linh là thần. Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với ngươi: Các ngươi phải sanh lại. Gió muốn thổi đâu thì thổi, ngươi nghe tiếng động; nhưng chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu. Hễ người nào sanh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy” (Giăng 3:5-8). Đây là Thánh Linh ban sự sống là phép lạ của sự tái sanh.

Năng quyền ban sự sống của Đức Thánh Linh được trình bày sống động trong cuộc đối thoại giữa Đấng Christ với người đàn bà Sa-ma-ri. “Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ví bằng người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, và biết người nói: ‘Hãy cho ta uống’ là ai, thì chắc người sẽ xin người cho uống, và người sẽ cho người nước sống. Người đàn bà thưa: Hỡi Chúa, Chúa không có gì mà múc, và giếng thì sâu, vậy bởi đâu có nước sống ấy? Tổ phụ chúng tôi là Gia-cốp để giếng này lại cho chúng tôi, chính người uống giếng này, cả đến con cháu cùng các bầy vật người nữa, vậy Chúa há lớn hơn Gia-cốp sao? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Phàm ai uống nước này vẫn còn khát mãi; nhưng uống nước ta sẽ cho, thì chẳng hề khát nữa. Nước ta cho sẽ thành một mạch nước trong người đó, văng ra cho đến sự sống đời đời” (Giăng 4:10-14).

Cũng cùng một ý tưởng được mở rộng lời giảng dạy của Chúa trước công chúng sau đó ít lâu. “Ngày sau cùng, là ngày trọng thể trong kỳ lễ, Đức Chúa Jêsus ở đó, đứng kêu lên rằng: Nếu người nào khát, hãy đến cùng ta mà uống. Kẻ nào tin ta thì sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình, y như Kinh thánh đã chép vậy. (Ngài phán điều đó chỉ về Đức Thánh Linh mà người nào tin Ngài sẽ nhận lấy)” (Giăng 7:37-39).

CHỨC VỤ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Dòng nước sống tuôn chảy từ trong những tâm lòng của những tín đồ biểu hiện hiển nhiên về quyền năng của Đức Thánh Linh trong chương trình truyền giáo cho thế hệ này. Sự vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Christ, từ sự học biết về từ “vinh hiển” trong phúc âm của Giăng, có ý nghĩa về sự dâng hiến chính mình Ngài trên thập tự giá, và sự hoàn thành công việc trên đất của Ngài. Chương trình truyền giáo cho thế hệ này, và sự ban cho của Đức Thánh Linh trong khía cạnh này, là những dòng nước sống, đã bắt đầu ngay ngày lễ Ngũ

Tuần.

Trong bài diễn thuyết từ biệt, Chúa Jêsus đã dạy nhiều điều về chức vụ của Đức Thánh Linh. “Nếu các ngươi yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta. Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các ngươi một Đấng Yên-ủi khác, để ở với các ngươi đời đời, tức là Thần lễ thật, mà thế gian không thể nhận lãnh được, vì chẳng thấy và chẳng biết Ngài; nhưng các ngươi biết Ngài, vì Ngài vẫn ở với các ngươi và sẽ ở trong các ngươi” (Giăng 14:15-17). Trong những lời này sự hiện diện cá nhân của Đức Thánh Linh là vĩnh cửu và một cách đặc biệt. Sự hiện diện vô hình của Ngài là để thay thế sự hiện diện hữu hình của Chúa Jêsus trong vòng các môn đệ Ngài.

Có một câu nói sáo phổ biến, dựa trên một sự hiểu nhầm về những câu Kinh Thánh này, hàm ý rằng Đức Thánh Linh chỉ ngự trong những người tin từ ngày lễ Ngũ Tuần, trong khi đó trong thời Cựu Ước Ngài chỉ ở với hay ở trên họ [dwelt with or upon them]. Sự thật rằng không có chỗ nào để hỗ trợ cho quan điểm này. Thánh Linh ngự trong Giô-suê (Dân 27:18). Được biết rằng dân Y-sơ-ra-ên dưới sự lãnh đạo của Môi-se Đức Chúa Trời “đặt Thánh Linh mình trong họ” (Ê-sai 63:11). “Thần ta ở giữa [“trong,” cùng chung giới từ] các ngươi: Chớ sợ hãi” (A-gê 2:5). Trong ba phân đoạn Kinh Thánh này giới từ là “trong,” tiếng Hê-bơ-rơ *beth*, tương đương với từ trong Tân Ước là *en*. Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Hiện Diện Đích Thân, và luôn luôn đã và luôn luôn sẽ ở giữa dân sự của Đức Chúa Trời, trong tấm lòng của họ và trong tâm trí của họ.

Khi Đấng Christ hoàn thành xong chức vụ dưới đất của Ngài, Ngài lại tiếp tục vị trí bên hữu của Cha Ngài như Đấng Trung Bảo và Đấng Cầu Thay của chúng ta. Đức Thánh Linh đã nắm lấy vị trí của Ngài trên đất như Đấng Khuyên Bảo và Đấng Dẫn Dắt của chúng ta. Chúa Jêsus đã an ủi những môn đệ của Ngài trong lời từ biệt của Ngài, “Ta còn có nhiều chuyện nói với các ngươi nữa; nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các ngươi. Lúc nào Thần lễ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ thật; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói

mọi điều mình đã nghe, và tỏ bày cho các người những sự sẽ đến. Ấy chính Ngài sẽ làm sáng danh ta, vì Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao bảo cho các người. Mọi sự Cha có, đều là của ta; nên ta nói rằng Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao bảo cho các người vậy” (Giăng 16:12-15).

Chúa Jêsus nói về Đức Thánh Linh, “Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, về sự công bình [sự xưng công bình] và về sự phán xét. Về tội lỗi, vì họ không tin ta; về sự công bình [sự xưng công bình], vì ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng thấy ta nữa; về sự phán xét, vì vua chúa thế gian [Sa-tan] này đã bị đoán xét” (Giăng 16:8-11).

Cả phân đoạn Kinh Thánh này thật giàu có trong sự hàm ý của nó: (1) Như khi chúng ta rao giảng Phúc Âm chúng ta có thể tin rằng Đức Thánh Linh chính Ngài, đích thân Đức Chúa Trời, sẽ đem sự thuyết phục đến trong tâm lòng người nghe. Ngài sẽ thuyết phục thế gian về tội lỗi và của việc không tin đến Đấng Christ. (2) Sự xưng công bình là phụ thuộc vào công việc được hoàn tất của Đấng Christ. (3) Sự đoán xét cuối cùng đang đến với sự hoàn toàn chắc chắn. Ở đây Chúa cho biết về những nét đặc trưng của sự đoán xét sau cùng được tiên báo trong Kinh Thánh, sự phán xét sau chót về chính Sa-tan (Khải 20:10). Một Cơ-Độc Nhân sống dưới cái nhìn về những sự kiện của thời kỳ sau rốt được bày tỏ cách đặc biệt rõ ràng - nhưng bị hạn chế bởi những vấn đề toàn cầu. Những sự phán xét sẽ chắc chắn đến. Chúa Jêsus đã hứa với dân sự của Ngài một sự hướng dẫn của thiên thượng, chính là Đức Thánh Linh là Đấng sẽ mặc khải cho họ về “những điều sẽ đến.”

Sự khải tỏ những điều sẽ đến, và sự hướng dẫn đặc biệt được hứa trong những câu này, nói về công việc đặc biệt của Đức Thánh Linh trong sự hà hơi vào trong những người viết Kinh Thánh Tân Ước. Sứ Đồ Phi-e-rơ đã nhận xét, “Nhân đó, chúng tôi càng tin lời các đấng tiên tri chắc chắn hơn, anh em nên chú ý lời đó, như cái đèn soi sáng trong nơi tối tăm, cho đến chừng nào ban ngày lộ ra, và sao mai mọc

trong lòng anh em. Trước hết, phải biết rõ rằng chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh thánh lấy ý riêng giải nghĩa được. Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời” (II Phi 1:19-21).

Cuối cùng, sau sự sống lại của Ngài, được minh chứng rõ ràng trong buổi tối của ngày phục sinh, Chúa Jêsus hiện ra cho các môn đệ của Ngài và phán, “Bình an cho các ngươi! Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các ngươi thế ấy. Khi Ngài phán điều đó rồi, thì hà hơi trên môn đồ mà rằng: Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh. Kẻ nào mà các ngươi tha tội cho, thì tội sẽ được tha; còn kẻ nào các ngươi cầm tội lại, thì sẽ bị cầm cho kẻ đó” (Giăng 20:21-23).

Loại bỏ hay giữ lại tội lỗi bởi những môn đệ của Đấng Christ được giải thích đầy đủ hơn trong Ma-thi-ơ 16:19; 18:18. Ý ở đây là những môn đệ của Đấng Christ trên đất không có quyền năng ở trong họ và của chính họ, nhưng khi được thúc đẩy bởi Đức Thánh Linh, họ giảng Phúc Âm và nhiều linh hồn tiếp nhận sự tha tội được ban tặng cho họ trong Phúc Âm. Những môn đồ của Chúa có thể được quả quyết rằng sự tha tội trên đất đã có được bản sao chép của nó từ cái nhìn thiên thượng trong sự chọn lựa đời đời của Đức Chúa Trời.

ĐỨC CHÚA TRỜI TẠO DỰNG MUÔN VẬT TỪ CÁI KHÔNG CÓ

“Công việc tạo dựng là gì?” Công việc tạo dựng là, công việc của Đức Chúa Trời tạo nên muôn vật từ cái không có, bởi lời của quyền năng Ngài, trong khoảng thời gian sáu ngày, và mọi thứ là tốt lành” (Giáo Lý Vấn Đáp Tóm Lược, Câu hỏi 9).

Những nguyên liệu của vũ trụ và con người, cũng như các thiên sứ và

bất cứ thứ gì ở mọi nơi mọi thời điểm, ngoài Đức Chúa Trời ra, có thể hiện hữu hay có thể đã hiện hữu, đã được tạo dựng bởi công việc của Đức Chúa Trời, không từ những nguyên liệu đã được tồn tại trước đó. Điều này được thừa nhận liên tục xuyên suốt trong Kinh Thánh. Sáng Thế Ký 1:1 nói, “Ban đầu [khi không có một thứ gì hết] Đức Chúa Trời dựng nên trời đất.” Và Ngài tạo dựng nên tất cả mọi thứ trong khoảng thời gian sáu ngày, “vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, qua ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ: vậy nên Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ngày nghỉ và làm nên ngày thánh” (Xuất 20:11).

Tân Ước dạy tương tự như vậy rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng mọi thứ từ cái không có. Hê-bơ-rơ 11:3 nói rõ ràng, “Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến.” Giăng 1:3, “Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài.” Cô-lô-se 1:16-17, “Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật thấy được, vật không thấy được, hoặc ngai vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chánh, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà được dựng nên cả. Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài.” Thế gian tồn tại không phải bởi sự tiến hóa, nhưng bởi sự tạo dựng.

ĐÁNG CHRIST LÀ ĐÁNG TẠO HÓA

Những người viết Kinh Thánh quan tâm về sự tạo dựng như công việc của Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Trong một vài phân đoạn Kinh Thánh nổi bật, Ngôi Hai của Ba Ngôi Đức Chúa Trời được trình bày như một tác nhân đặc biệt của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong công việc tạo dựng. Ấy là trong “Con,” “bởi Con mà Ngài đã dựng nên thế gian” (Hêb 1:2). Nói về Đấng Christ, Phao-lô nói, “... Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật thấy được,

vật không thấy được, hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chánh, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà được dựng nên cả” (Côl 1:16). Nói về Đấng Christ như là *Logos* đời đời, Giăng nói, “Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài” (Giăng 1:3).

Việc này nên được làm rõ ràng rằng những sự liên quan đến Đức Chúa Con là Đấng Tạo Hóa không loại trừ Đức Chúa Cha, nhưng họ ám chỉ đến Đức Chúa Con là y thật như Đấng Tạo Hóa như Đức Chúa Cha. Trong lời của Bài Tín Điều Các Sứ Đồ, “Tôi tin Đức Chúa Trời Toàn Năng là Cha, Đấng dựng nên trời và đất,” là hoàn toàn đúng, vì công việc tạo dựng là của Ba Ngôi Đức Chúa Trời; nhưng trong công việc tạo dựng, Đức Chúa Con có một vai trò đặc biệt và khác biệt.

Đức Thánh Linh không được loại trừ ra khỏi công việc tạo dựng. Đối với tôi dường như công việc của Ngài được nói đến một cách đặc biệt trong sự đến của ánh sáng vào thế gian. “Vả, đất là vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực; Thần Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước. Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng” (Sáng 1:2-3).

Cả vũ trụ được tạo dựng bởi Ba Ngôi Đức Chúa Trời—Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Linh.

SỰ TẠO DỰNG KHÔNG PHẢI NGẪU NHIÊN NHƯNG CÓ CHỦ TÂM

Sự tạo dựng vũ trụ không phải là ngẫu nhiên. Đức Chúa Trời đã tạo dựng vũ trụ từ sự vui thích và ý muốn tốt lành của chính Ngài. Đức Chúa Trời đã tạo dựng không phải một cách ngẫu nhiên, nhưng có chủ tâm.

Thế gian được tạo dựng, không phải tiến hóa. Sáng Thế Ký 1:1 viết thật rõ ràng, “Đức Chúa Trời dựng nên.” Sự tiến hóa là vô thần. Không có Đức Chúa Trời thì không có sự tạo dựng. Mọi thứ trên đất không là kết quả của hàng triệu hay hàng tỉ năm của sự thay đổi và đổi thay. Với người nói rằng Đức Chúa Trời không tồn tại, Đức Chúa Trời chỉ có duy nhất một từ dành cho người ấy: “Người là kẻ ngu ngốc” – “Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: chẳng có Đức Chúa Trời” (Thi 14:1, 53:1). Người ấy cũng là người ngu ngốc là người nói rằng trái đất này là một kết quả của sự ngẫu nhiên. Tất cả sự tạo dựng nói lên sự thiết kế, không phải sự ngẫu nhiên. Thi Thiên 19:1 nói, “Các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, bầu trời giải tỏ công việc tay Ngài làm.” Rô-ma 1:19-20 nói, “Vì điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi, bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bền tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được.” Tại sao những người theo thuyết tiến hóa không thấy điều này? Rô-ma 1:21-22 nói tại sao, “vì họ đã biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm. Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên điên dại.”

Trong Sáng Thế Ký 1:3 chúng ta đọc, “Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng.” Trong câu 6, một lần nữa chúng ta đọc, “Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có ...”. Điều này được lặp lại nhiều lần trong câu 9, 11, 14, 20, 24, và 26. Thi Thiên 33:6 chép, “Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va, Cả cơ binh trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có.” “Vì Ngài ra lệnh, thủy bèn được dựng nên” (Thi 148:5).

TRONG SÁU NGÀY THEO NGHĨA ĐEN

Chúng ta có một trái đất trẻ khoảng chừng 10.000 năm tuổi và không có một trái đất già nua hàng triệu hay hàng tỉ năm. Những nhà khoa học nói với chúng ta rằng chúng ta có một vũ trụ 15 triệu năm tuổi. Không có điều gì xa hơn lẽ thật. Nhưng tiếc thay, một số Cơ Đốc Nhân khoa học (Christian scientists) cố gắng làm phù hợp với Kinh Thánh vào trong cái được gọi là khoa học. Nó là phù phiếm. Một người không thể lấp cái chốt hình vuông vào trong cái lỗ hình tròn. Nhằm làm Sáng Thế Ký phù hợp với thuyết tiến hóa, họ đã biến những ngày trong Sáng Thế Ký không phải theo nghĩa đen là ngày nhưng là những ngày mang tính trừu tượng của một khoảng thời gian hàng triệu và hàng tỉ năm.

Có ba lý do tại sao chúng phải theo nghĩa đen mà không theo nghĩa trừu tượng. Thứ nhất, chúng ta tìm thấy trong Sáng Thế Ký đoạn 1, có tính từ chỉ số học. Bất cứ khi nào tính từ chỉ số học (thứ 1, thứ 2, thứ 3, v.v.) được sử dụng với từ “ngày” nó luôn nói về một ngày 24 giờ theo nghĩa đen. Thứ hai, cụm từ đặc trưng, “buổi chiều và buổi mai” đề xuất sự khởi đầu và sự kết thúc của một ngày trong vòng 24 giờ. Thứ ba, điều răn thứ tư trong Xuất Ê-díp-tô ký 20:11 làm sáng tỏ tuần lễ của sự tạo dựng như một tuần sáu ngày cộng với một ngày nghỉ theo nghĩa đen. Nếu những ngày là hàng triệu năm, thì chúng ta sẽ làm việc bao lâu mới được nghỉ? Môi-se hiểu một cách rõ ràng về những ngày trong Sáng Thế Ký là những ngày theo nghĩa đen. Như tuần lễ tạo dựng của Đức Chúa Trời là tuần lễ theo nghĩa đen thì của con người cũng vậy. Chính Đức Chúa Trời đã đặt một kiểu mẫu không hề sai trật được (xem bảng ở dưới)

Sáng 1:1-5	Ngày thứ nhất	Trời và đất (trống không) Tối, Sáng, Đêm, Ngày
Sáng 1:6-8	Ngày thứ nhì	Bầu trời
Sáng 1:9-13	Ngày thứ ba	Đất khô, cây cỏ
Sáng 1:14-19	Ngày thứ tư	Mặt trời, mặt trăng, các vì sao
Sáng 1:20-23	Ngày thứ năm	Động vật dưới biển, chim chóc
Sáng 1:24-31	Ngày thứ sáu	Động vật trên đất, con người
Sáng 2:1-3	Ngày thứ bảy	Nghỉ tạo dựng

SỰ TẠO DỰNG CON NGƯỜI

Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người một cách đặc biệt, trong hình ảnh của Ngài. Thi Thiên 8:4-5 nói với chúng ta rằng chúng ta được tạo dựng cao hơn động vật một chút, nhưng kém hơn những thiên sứ. Có nhiều sự khác biệt giữa con người và động vật. “Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? Con loài người là chi, mà Chúa thăm viếng nó? Chúa làm người kém Đức Chúa Trời một chút, Đội cho người sự vinh hiển và sang trọng.” Đức Chúa Trời đã nâng đỡ con người lên, nhưng khoa học hạ bệ con người xuống. Điều này là một sự sỉ nhục đến Đức Chúa Trời và con người. Họ nói rằng con người được tạo dựng từ Đức Chúa Trời, là đến từ con khi không đuôi.

Sáng Thế Ký 2:7 dạy chúng ta rằng Đức Chúa Trời “bèn lấy bụi đất nắn nên hình người.” Con người được tạo nên bởi một sự tạo dựng đặc biệt từ những vật liệu vô cơ nguyên thủy, chứ không phải bắt nguồn từ sự tạo dựng qua một vài dạng thể sống có trước.

Ý tưởng này được đem ra bởi một lời phát biểu rằng Đức Chúa Trời “hà sanh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sanh linh.” Hơi thở tượng trưng cho Thánh Linh là một phép ẩn dụ thông thường xuyên suốt trong Kinh Thánh, “Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va. Cả cơ binh trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có” (Thi 33:6). Bằng lối biểu tượng của sự hà hơi, Chúa Jê-sus, trong sự gặp lại các môn đệ của Ngài sau khi Ngài sống lại, đã dùng hình ảnh biểu tượng cho họ về sự tiếp nhận Đức Thánh Linh (Giăng 20:22). Thánh Linh hà hơi vào trong con người sự sống thuộc linh của sự tái sanh (Giăng 3:8). Như vậy, hơi thở của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 2:7 biểu trưng đặc biệt, công việc thuộc linh trong cách mà con người được tạo nên như một loài sanh linh. Như một loài sanh linh, linh hồn của con người được tạo dựng trong hình ảnh của Đức Chúa Trời. Điều này không đúng với những linh hồn hay sự sống của những thú vật (Sáng 1:20-21, 24).

Vậy tiếp theo là vấn đề về sự tạo dựng của người nữ như là người giúp đỡ phù hợp cho con người. Ê-va được sự tạo dựng đặc biệt bởi công việc lạ lùng của Đức Chúa Trời. Bà được tạo dựng từ một cái xương sườn bên hông của A-đam (Sáng 2:21-23). Chúng ta không nên từ chối rằng có một biểu tượng thuộc linh trong công việc tạo dựng bởi cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên người nữ. Nó được nói có tính văn thơ rằng người nữ không được lấy từ chân của người nam để trở nên thấp hơn người, cũng không được lấy từ đầu của người để trở nên vượt trội hơn người, nhưng từ bên hông của người để trở thành người đồng đi với người và ngang bằng người. Người đàn ông không bao giờ được hoàn thiện mà không có người đàn bà.

SỰ TẠO DỰNG CÁC THIÊN SỨ

Từ thiên sứ trong tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ, *aggelos* và *mal'ach*, có nghĩa “người đưa tin.” Từ ngữ này miêu tả vai trò chủ đạo của tạo vật thần linh này.

Các thiên sứ được tạo dựng khi nào? Kinh Thánh không nói rõ ràng. Những gì chúng ta biết đó là Lu-xi-phe, lãnh đạo của những thiên sứ sa ngã, đã làm chính mình nó là một tạo vật sa ngã rồi, trong khi con người vẫn còn ở trong vườn Ê-đen (Ê-sai 1:12-15, Ê-xê 28:12-19). Nếu cụm từ, “mọi thứ đã được tạo nên” trong Sáng Thế Ký 1:31 là bao gồm tất cả mọi thứ không trừ bất cứ thứ gì, thì chúng ta phải suy luận rằng các thiên sứ được tạo dựng ở trong vòng sáu ngày, nhưng sự sa ngã của Sa-tan và các thiên sứ gian ác diễn ra sau khi Chúa phán rằng “mọi thứ đã được dựng nên” là “tất cả đều tốt lành” (Sáng 1:31). Trong phạm vi giảng dạy của Kinh Thánh được quan tâm, sự tạo dựng các thiên sứ có thể được xảy ra trong bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian sáu ngày. Và sự sa ngã của Sa-tan phải được xảy ra khoảng giữa cuối ngày thứ sáu và sự cám dỗ con người trong Vườn Ê-đen.

Những thiên sứ là những thần linh phục vụ. Tác giả của thư tín Hê-bơ-rơ nói, “Các thiên sứ há chẳng phải đều là thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi hay sao?” (Hêb 1:14). Mặc dù trong địa vị của con người trong đời sống này là “thấp hơn các thiên sứ một chút,” nhưng về bản chất thì các thiên sứ là thấp hơn con người được cứu rỗi trong cái nhìn toàn diện của chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Họ là “những thần linh hầu việc” cho những người được chọn của Đức Chúa Trời, và khi Đấng Christ trở lại trong Vương Quốc của Ngài thì các thánh đồ, những người đồng cai trị với Ngài, sẽ trở thành những người xét đoán các thiên sứ (I Côr 6:2-3).

MỤC VỤ CỦA CÁC THIÊN SỨ

Câu hỏi có thể được hỏi ở đây, nếu chúng ta không thờ phượng các thiên sứ và cũng không cầu nguyện với họ trong bất cứ cách nào, vậy ý nghĩa của giáo lý về họ là “những thần hầu việc” là gì? Trong câu trả lời chúng ta có thể nói ít nhất rằng sự giảng dạy của Kinh Thánh liên quan đến mục vụ của các thiên sứ là việc làm phong phú thêm khái niệm của chúng ta về sự quản trị thế gian của Đức Chúa Trời.

Trong cụm từ được dịch “các thiên sứ cũng ước ao xem thấu những sự đó” (I Phi 1:12), những “sự đó” là những điều về sự cứu rỗi (c 10), và từ “xem thấu” là từ được sử dụng giống như được miêu tả trong việc Giảng khom xuống và nhìn thấu vào trong ngôi mộ trống (Giăng 20:5). Vì vậy nó có thể được dịch là “những điều của sự cứu rỗi mà các thiên sứ ước ao khom xuống và nhìn xem!” “Ta nói cùng các người, trước mặt thiên sứ của Đức Chúa Trời cũng như vậy, sẽ mừng rỡ cho một kẻ có tội ăn năn” (Lu-ca 15:10). Calvin nói, “Jésus là Đầu, các thiên sứ là những người bảo vệ Hội Thánh.”

Một ý tưởng thật tuyệt vời là mối quan hệ của những thiên sứ bảo vệ những con cái của Đức Chúa Trời, được gợi ý trong những từ ngữ của Chúa dùng trong Ma-thi-ơ 18:10.

Mục vụ của các thiên sứ trong mối liên hệ với sự giáng sinh, sự khổ nạn, sự sống lại, sự thăng thiên, và sự đến lần thứ hai khả hoàn, phong phú lớn lao được Kinh Thánh trình bày về những sự kiện này. Nói cách tổng quát nó có thể được nói rằng Đức Chúa Trời không chỉ cai trị bằng sự tự động hóa, nhưng cũng bởi sức mạnh không liên quan đến vũ trụ. Hơn nữa, sự quản trị của Đức Chúa Trời trên vũ trụ bao gồm một lượng lớn của những mối quan hệ cá nhân, rất đẹp đẽ và thú vị cho sự tưởng tượng của chúng ta.

NGUYÊN CHỈ ĐỜI ĐỜI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

“Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là gì? Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là mục đích đời đời theo ý định của ý muốn Ngài, cho sự vinh hiển của riêng Ngài, Ngài đã định trước bất cứ điều gì xảy ra” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 7).

“Những công việc của sự quan phòng (providence) của Đức Chúa Trời là gì? Công việc quan phòng của Đức Chúa Trời là, sự bảo vệ và quản trị thánh khiết, khôn ngoan, quyền năng tuyệt đối trên tất cả những tạo vật của Ngài và trên tất cả những hoạt động của chúng” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 11).

Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là những quyết định tối cao của Ngài được thực hiện trước thời điểm liên quan đến mọi thứ là điều sẽ xảy ra trong thế gian mà Ngài đã tạo dựng và duy trì đến hiện tại. Vậy nguyên chỉ đời đời của Đức Chúa Trời như được nói trong những câu trích dẫn từ Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược được chứng thực bởi Kinh Thánh. “Trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ, đấng làm nên thánh không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời, bởi sự thương yêu của Ngài đã định trước cho chúng ta được trở nên con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Jêsus Christ, theo ý tốt của Ngài” (Êph 1:4-5). “Ấy cũng là trong Ngài mà chúng ta đã nên kẻ dự phần kế nghiệp, như đã định trước cho chúng ta được điều đó, theo mạng của Đấng làm mọi sự hiệp với ý quyết đoán” (Êph 1:11). Những câu Kinh Thánh này rõ ràng không chỉ dạy về giáo lý của sự chọn lựa bởi đó mà dân của Đức Chúa Trời được cứu đời đời, mà còn về giáo lý bao gồm tất cả những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng “làm tất cả theo ý định riêng của Ngài.”

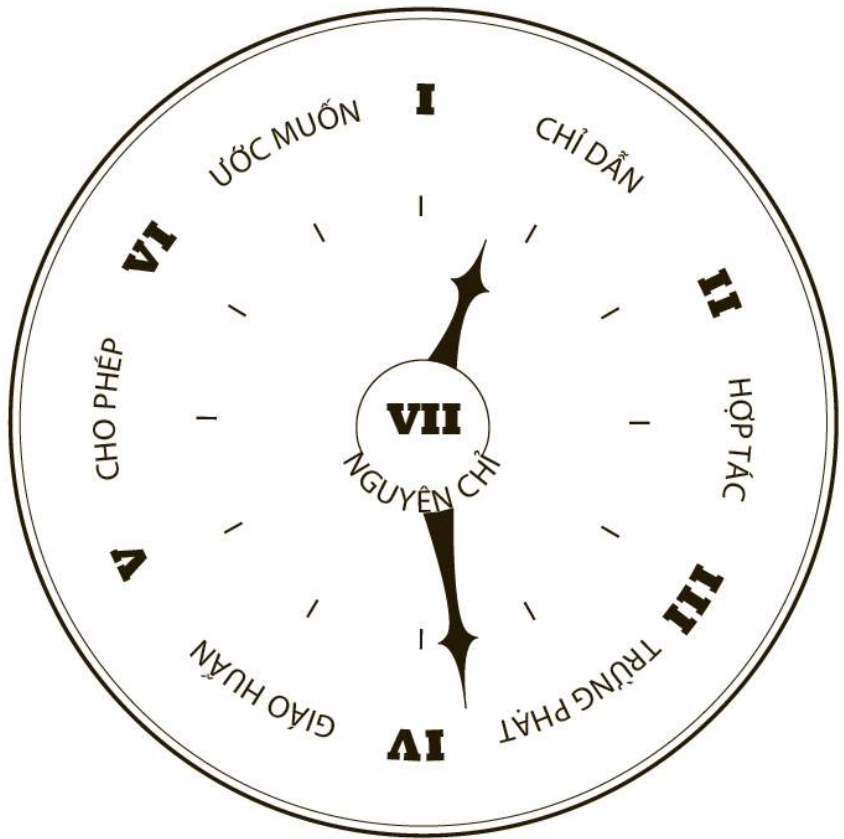
Với quyền năng và khôn ngoan vô hạn, Đức Chúa Trời đã có từ trước quá khứ đời đời, quyết định và chọn lựa và định đoạt tiến trình của tất

cả các sự kiện không ngoại lệ cho tất cả mọi sự trong cõi đời đời sẽ đến. Đức Chúa Trời đang quản trị. Không một điều gì xảy ra ngẫu nhiên.

Ý MUỐN BẢY PHẦN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Calvin, một Nhà Cải Chánh vĩ đại người Pháp, đã khảo sát kỹ lưỡng và thăm dò vào tận sâu thẳm của sự nhiệm mầu của những ý muốn của Đức Chúa Trời. Nó được trình bày ở đây bằng đồ thị một cách sinh động hơn như “chiếc đồng hồ của Calvin về Bảy Ý Muốn của Đức Chúa Trời.” Chiếc đồng hồ cho biết thời gian bởi ba chiếc kim của nó: kim giờ, kim phút, kim giây. Nhưng chúng đang làm việc bởi những bộ máy cơ dưới mặt đồng hồ. Những chiếc kim được hiểu đơn giản, nhưng không dễ dàng khi hiểu về sự làm việc bên trong của chiếc đồng hồ.

Trong bài nghiên cứu ngắn gọn của những sự phức tạp của ý chỉ của Đức Chúa Trời từ sự giảng dạy của Calvin, chúng ta có thể xếp chúng dưới bốn đề mục nhỏ: **Tổng quát:** (1) giáo huấn (preceptive), (2) ước muốn - (desiderative). **Đặc biệt:** (3) hướng dẫn (directive), (4) hợp tác (cooperative), (5) trừng phạt (punitive) và sửa phạt (chastise). **Bất thường:** (6) cho phép (permissive). **Định trước:** (7) sắc luật (decretive).



Chiếc đồng của Ý muốn bảy phần của Đức Chúa Trời

Ý MUỐN GIÁO HUẤN

Giáo huấn đến từ “lời giáo huấn” (nghĩa mệnh lệnh, sự dạy dỗ đạo đức). Những mạng lệnh của Đức Chúa Trời và những sự chỉ dẫn đạo đức được ban cho chúng ta trong một quyển Kinh Thánh rõ ràng. Khi chúng ta càng đọc nhiều Kinh Thánh thì chúng ta càng biết nhiều ý thánh của Ngài cho đời sống chúng ta. Kinh Thánh là một cái đèn pin chiếu rọi trên đường đi của chúng ta xuyên qua bóng tối của thế gian (Thi 119:105). Nó là một bản đồ chỉ đường hướng dẫn chúng ta tới đích (Thi 119:35).

Calvin tin vào sự hà hơi từng lời của Kinh Thánh, không sai lạc và không mắc lỗi, trong những thuật ngữ mạnh mẽ nhất có thể. Trong quyển sách thứ I và thứ VII, đoạn 1 của bản tóm tắt của ông ông nói, “Chỉ duy trong Kinh Thánh rằng Chúa đã vui lòng bảo quản lẽ thật của Ngài trong sự ghi nhớ vĩnh cửu. Nó giành được sự tin cậy hoàn toàn và thẩm quyền như nhau với những tín đồ, khi họ được thỏa lòng với nguồn gốc thiêng liêng của nó, như thể họ đã nghe những lời được phán bởi chính Đức Chúa Trời.”

Ý MUỐN ƯỚC MUỐN

Khía cạnh thứ hai của ý chỉ tổng quát của Ngài là ý muốn ước muốn của Ngài. Khi Chúa Jêsus phán lời trong Giăng 3:16, Ngài đã ban cho con người một ân điển cứu rỗi. Đó là bản tính của Ngài, yêu thương và giàu lòng thương xót, ước mong tất cả mọi người được cứu. “Hãy nói cùng chúng nó rằng: Chúa Giê-hô-va phán: Thật như ta hằng sống, ta chẳng lấy sự kẻ dữ chết làm vui, nhưng vui về nó xây bỏ đường lối mình và được sống. Các ngươi khá xây bỏ, xây bỏ đường lối xấu của mình. Sao các ngươi muốn chết, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên?” (Êx

33:11). “Chúa Giê-hô-va phán rằng: Ta há có vui chút nào về sự chết của kẻ dữ sao? Há chẳng thà vui về sự nó xây bỏ đường lối mình và nó sống sao?” (Êx 18:23). “Ấy là một sự lành và đẹp mắt Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta, Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật” (I Tim 2:3-4). “Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như mấy người kia tưởng đâu, nhưng Ngài lấy lòng nhin nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (II Phi 3:9).

Bây giờ, những người theo chủ nghĩa Calvin cực đoan bắt bẻ rằng tình yêu của Đức Chúa Trời chỉ cho những người được chọn. Vậy Giăng 3:16 được hướng đến những người được chọn mà thôi, không phải cho tất cả mọi người. Những ai nói vậy là những người khác niềm tin với Calvin. Vì nếu bạn đọc sách giải kinh của Calvin trong Giăng 3:16, ông nói về ân điển cứu rỗi của Đức Chúa Trời là được mở rộng cho toàn thể gian. Nhưng không phải tất cả sẽ tin. Hãy đến với sự diễn tả nổi tiếng của Augustine, *“đầy đủ cho tất cả, hiệu quả cho người được chọn.”* Khi nói Giăng 3:16 được ban tặng cho chỉ những người được chọn mà thôi thì nó giống như việc trưng bày một gian hàng bán quà giáng sinh với một câu rao hàng “Chỉ những người mua được vào”! Nhưng “Đức Chúa Trời mời tất cả mọi người đến với sự cứu rỗi không phân biệt gì hết qua Phúc Âm” (Calvin). Bạn đã được cứu chưa? Hãy tin nhận Ngài ngay bây giờ, bất luận được chọn hay không được chọn. Thật vậy, nếu bạn thật sự tin cậy nơi Ngài, yêu mến Ngài, thì bạn là người được chọn và bạn sẽ được cứu (Rôm 8:28-30).

Ý MUỐN HƯỚNG DẪN

Sự khả thi của ý muốn của Đức Chúa Trời là có tính tiệm tiến. Trước khi Kinh Thánh được viết ra, Đức Chúa Trời đến với con người trong hình thể con người (nghĩa là Đức Chúa Trời hiện ra như một Con

Người). Sự gặp gỡ của ba người khách với Áp-ra-ham, ăn một bữa ăn thịnh soạn được đặt trước họ khi Chúa nói cho họ biết những gì họ sẽ thi hành trên Sô-đôm, được các sinh viên học về Cựu Ước biết đến nhiều (Sáng 18). Đức Chúa Trời hiện ra với Áp-ra-ham, hoặc giả bằng khái tượng hay trong hình thể con người đi chăn nữa, là để chỉ dẫn ông con đường ông phải đi, là một trong những sự hiện ra duy nhất mà Ngài đã thực hiện như với các Tộc Trưởng. Và khi những người thánh này nhận được sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, không một chút nghi ngờ để làm theo Ý Muốn của Ngài, họ vâng lời, vâng, thậm chí Áp-ra-ham, người đã rời bỏ quê hương của mình mặc dầu không biết nơi nào mình phải đi (Hêb 11:8). Vì ông bước đi bởi đức tin chứ không bởi mắt thấy. Vì sự vâng lời ngay tức khắc để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn, Áp-ra-ham đã nhận được sự tôn trọng khi ông được gọi là “Bạn của Đức Chúa Trời” (II Sứ 20:7; Êsai 41:8; Gia 2:23).

Phải chăng Đức Chúa Trời còn đến với chúng ta ngày nay trong hình thể con người hoặc bằng những khái tượng? Phải chăng Đức Chúa Trời còn hướng dẫn chúng ta ngày hôm nay bằng cách nói trong lỗ tai của chúng ta như Ngài đã làm với Sa-mu-ên (I Sam 9:15)? Vâng, bây giờ chúng ta có Sự Khải Thị Cuối Cùng trong Lời Được Viết Ra của Ngài (His Written Word) – Kinh Thánh, chúng ta phải khước từ những lời tuyên bố của những người theo Ân-tử ngày nay những người cho rằng họ thường xuyên nghe những tiếng nói và thấy những khái tượng.

Có một mục sư trẻ, ông đã nói với một cô gái trẻ trong hội chúng của ông, “Chúa phán, Tôi phải cưới cô.” Không thể chống cự với một lời phán đầy quyền uy như vậy nên cô gái trẻ kia đã chấp nhận kết hôn với ông mục sư đó. Nhưng họ đã ly hôn trong khoảng thời gian vài tuần sau đó. Những cô gái trẻ trong các hội thánh Ân-tử, hãy chú ý đến những lời khuyên này: Nếu có bất cứ ai đưa ra lời đề xuất với bạn bởi vì người ấy nói rằng anh ấy đã nhận sự chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời, thì bạn hãy trả lời với anh ta một cách thẳng thắn: “Nhưng đối

với tôi, Tôi không nghe Ngài nói với tôi phải cưới ông vào tối hôm qua, hay cả sáng hôm nay nữa.”

Ý MUỐN HỢP TÁC

Đã được đảm bảo về sự chỉ dẫn của Chúa trên đời sống của chúng ta, và chúng ta phải cố làm theo ý muốn của Ngài đến mức tốt nhất trong khả năng của chúng ta, Ngài chắc chắn sẽ ban phước cho chúng ta và dẫn dắt chúng ta đến sự thành công. Sự giúp đỡ Thiên Thượng này chúng ta gọi là ý muốn hợp tác của Đức Chúa Trời.

Một ví dụ điển hình của ý muốn hợp tác của Đức Chúa Trời đem đến sự thành công cho những sự cố gắng của chúng ta có thể được lấy trong Sáng Thế Ký 24. Ở đây, chúng ta thấy Áp-ra-ham ra lệnh cho người đầy tớ của mình đi về quê hương của ông để tìm vợ cho con trai của mình là Y-sác. Khi người đầy tớ đến với dân sự của Áp-ra-ham, là người khách lạ trong một vùng đất ngoại bang, ông cầu nguyện cho hai điều xảy ra như một sự xác nhận từ Chúa: “Xin cho người gái trẻ nào mà tôi nói như vậy: Xin nàng hãy nghiêng bình, cho tôi uống nhờ hóp nước, mà nàng trả lời rằng: Hãy uống đi, rồi tôi sẽ cho các lạc đà ngươi uống nữa, là chánh người mà Chúa đã định cho Y-sác, kẻ tôi tớ Ngài; và nhờ đó tôi sẽ biết rằng Chúa đã làm ơn cho chủ tôi vậy” (c.14). Quả thật, Rê-bê-ca, con gái của anh trai của Áp-ra-ham, xuất hiện và làm chính xác y như lời cầu nguyện của người đầy tớ. Ngay lúc đó, người đầy tớ đã quì xuống và thờ phượng Chúa. “Mà nói rằng: Đáng ngợi khen thay Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của chủ Áp-ra-ham tôi! Ngài chẳng ngót thương xót và thành thực đối cùng chủ tôi! Khi đương đi, Đức Giê-hô-va dẫn dắt tôi đến nhà anh em của chủ tôi vậy” (c 27). “Tự mình giúp đỡ với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời là sự giúp đỡ tốt nhất” (“Self help with God's help is the best help” - Timothy Tow).

Nhiều lần trong sự hầu việc Đức Chúa Trời chúng ta há không thường gặp sự thành công và đáp ứng nhanh chóng như vậy sao? Trong sự tìm kiếm một người bạn đời chúng ta chắc chắn cần sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời. Làm thế nào? Khi chúng ta tìm kiếm vương quốc của Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài trước hết, thì tất cả các điều đó sẽ thêm cho chúng ta (Mat 6:33).

Ý MUỐN TRỪNG PHẠT/SỬA PHẠT

Mỗi tội tó của Đức Chúa Trời phải chú ý đến mạng lệnh của Ông Chủ. Xem thường Lời của Ngài và nghi ngờ Ngài là chết.

Ba-la-am vốn là một tiên tri ngoại bang. Ông được Ba-lác, vua của dân Mô-áp, yêu cầu ông rửa sả dân Y-sơ-ra-ên vì Y-sơ-ra-ên đã đe dọa dân Mô-áp khi họ đã nhóm nhau lại tiến vào vùng Đất Hứa. Khi Ba-la-am đem việc này đến với Chúa, ông được bảo không được đi với những sứ thần của vua cũng không được rửa sả dân Y-sơ-ra-ên.

Khi Ba-lác sai những bá tước được tôn trọng đến với Ba-la-am, dâng cho vị tiên tri nhiều phần thưởng quý giá, Ba-la-am đem vấn đề này đến với Chúa một lần nữa, bị thúc đẩy bởi sự háms lợi. Đáng lẽ ông không nên làm điều đó. Đức Chúa Trời phán một lần, Ba-la-am nên nghe hai lần với hai lỗ tai (Thi 62:11). Đức Chúa Trời, Đấng không hề biến cải, bản tính không thay đổi của Ngài không bị ảnh hưởng giống như con người vô kiên định (Dân 22:19) để làm khác biệt với những gì mà Ngài đã phán ra rồi. Từ khi Ba-la-am bị lay chuyển bởi lợi lộc vật chất, ông đã để lòng mình bước đi với Ba-lác. Để phục vụ cho lợi ích của ông, Chúa phán với ông “Đi đi.” Đây không phải là sự khuyến khích cho ông, nhưng là một sự trừng phạt (punishment). Mặc dù Chúa phán với ông “đi đi,” nó đúng hơn là “đi rồi chết!” Ba-la-am đã bị Chúa trừng phạt bằng sự chết (Dân 31:8). Chúng ta gọi đây là ý muốn trừng phạt.

Chúng ta cũng có một bản sao về Ba-la-am trong Tân Ước. Đó là Giu-đa. Mặc dù Chúa Jêsus yêu thương ông và mong muốn ông ăn năn, nhưng tâm trí của Giu-đa đã nhất định phản bội vị Thầy của mình. Vì vậy Chúa phán với ông rằng, “sự nguoi làm, hãy làm mau đi” (Giăng 13:27). Giu-đa, bởi việc bán Chúa của mình với 30 miếng bạc, đã kết liễu đời mình trên giá treo cổ, và khi gieo mình xuống, bụng của ông đã đổ ra cho đến sự đoán phạt về sau (Công 1:18). Ôi thật kinh khiếp thay là ý chỉ trừng phạt của Ngài! Đúng thật là một sự cảnh báo cho chúng ta về câu chuyện của Ba-la-am và Giu-đa, kẻ phản bội.

Một hệ quả về ý muốn trừng phạt của Đức Chúa Trời là sự sửa phạt (chastisement). Ý muốn sửa phạt của Ngài cho Đa-vít vì tội lỗi của ông là sự sửa phạt của người cha yêu dấu. Vì vậy Đa-vít đã được dạy cho một bài học thật nghiêm khắc, nhưng ông đã không đi vào nơi diệt vong như Ba-la-am. Những ai bị trừng phạt dưới ý muốn trừng phạt của Đức Chúa Trời là bị hư mất. Song, những ai ở dưới sự sửa phạt của Cha mình thì được dung thứ. Cây roi (cane) của cha là cây mía đường (sugar cane) (Hêb 12:6).

Ý MUỐN CHO PHÉP

Ý chỉ cho phép của Đức Chúa Trời được thấy rõ trong đời sống của Gióp. Thông thường Đức Chúa Trời không bao giờ để Gióp bị tổn thương. Vì Sa-tan cáo buộc Gióp và ám chỉ rằng tội tở của Đức Chúa Trời sở dĩ yêu Ngài là vì những lợi lộc vật chất, Đức Chúa Trời đã cho phép Sa-tan lấy đi tất cả của cải bao gồm cả sự sống và tài sản của mười người con của ông.

Gióp đã trải qua sự thử nghiệm và đã thành công rực rỡ. Sa-tan đã thất bại. Bây giờ, khi Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan đem sự đau khổ đến cho Gióp, Ngài đã cố tình cho phép từ sự toàn năng của

Ngài. Ngài không cho phép bởi vì Ngài quá yếu đuối để đối đầu với Sa-tan như một người cha già hay nông chiều chịu thua đứa con trai bướng bỉnh của mình. Phản ứng của chúng ta như thế nào khi Đức Chúa Trời cho phép sự hoạn nạn tràn ngập chúng ta? Chúng ta hãy cùng nói với Gióp, “Dẫu Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài” (Gióp 13:15). Calvin đã nhấn mạnh nhiều nhất về sự đau khổ vì có Đấng Christ. Biểu tượng của ông là một bàn tay đang cầm một trái tim với những lời, “Trái tim của con con dâng lên Ngài, hỡi Chúa. Sẵn sàng và chân thật.”

Đây là bài làm chứng của tôi (Timothy Tow). Những năm gần đây Chúa đã thử tôi với một sự tổn thương giống như Gióp. Chúa đã cắt lấy mạng sống của vợ tôi và đứa con gái út của tôi trong tai nạn xe khi 50 tín đồ của Hội Thánh "The Life Church" hướng về Cao Nguyên Cameron. Lúc ấy là vào Thứ Hai Phục Sinh, năm 1965. Dầu điều đó đã làm cho tôi thật sốc, nhưng ân điển của Đức Chúa Trời đã gìn giữ tôi. Những lời của Gióp đã đến với tôi và an ủi tôi, thêm sức cho tôi trong những giờ u ám nhất. “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va” (Gióp 1:21). “Dẫu Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài” (Gióp 13:15). Tôi, qua việc học giáo lý về quyền tể trị của Đức Chúa Trời, không nghi ngờ sự gian truân này là được đến từ ý chỉ cho phép của Ngài. Ngài muốn làm điều tốt ra từ điều xấu.

Giáo lý về ý chỉ cho phép của Đức Chúa Trời thật an ủi làm sao, Đức Chúa Trời Đấng đem sự tốt lành ra từ sự xấu xa. Cũng vậy Giô-sép trong tuổi già của mình đã tha thứ cho những người anh trai là những người có tâm lòng gian ác đem bán ông sang Ai-cập. Nhưng Giô-sép đã sử dụng con giận dữ của họ để ngợi khen Ngài (Thi 76:10), vì qua sự thử thách của Giô-sép ở Ai-cập, mạng sống của đại gia đình của ông được bảo tồn qua khỏi nạn đói. Những lời của Giô-sép với các anh trai của mình ám chỉ đến ý chỉ cho phép của Đức Chúa Trời, “Các anh toan hại tôi, nhưng Đức Chúa Trời lại toan làm điều ích cho tôi, hầu cho cứu sự sống cho nhiều người, y như đã xảy đến ngày nay,

và giữ gìn sự sống của dân sự đông đảo” (Sáng 50:20). Sa-tan hay con người không thể nào ngăn trở được kế hoạch và mục đích tốt lành của Đức Chúa Trời.

Ý MUỐN NGUYÊN CHỈ

Thứ bảy và là khía cạnh cuối cùng của ý muốn của Đức Chúa Trời là sâu đậm nhất và tuyệt vời nhất, như một chiếc đồng hồ tự động. Đó là ý định trước hay nguyên chỉ.

Nguyên chỉ của Đức Chúa Trời được dạy rõ ràng trong Rô-ma và Ê-phê-sô. Giáo Lý Vấn Đáp Wesminster Tóm Lược dạy, “Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là mục đích đời đời, theo ý định trong chính lòng Ngài, nhờ đó vì sự vinh hiển của chính Ngài, Ngài đã định trước bất luận điều gì xảy ra.” Truyền đạo đoạn 3 nói với chúng ta rằng ngày sanh, tử và kết hôn hay sự độc thân của chúng ta đều được định trước bởi Đức Chúa Trời. Cũng như sự cứu rỗi của chúng ta. Đọc từ Rô-ma cho đến Ê-phê-sô chúng ta khám phá ra rằng sự cứu rỗi của chúng ta là hoàn toàn của Chúa, vì ngoại trừ Ngài đã chọn lựa chúng ta từ trước khi sáng thế, chúng ta sẽ không có được như ngày hôm nay. Nếu Đức Chúa Trời đã không chọn lựa chúng ta để được cứu trước sự tạo dựng thế gian, thì chúng ta đã không được cứu. Bây giờ, khi Ngài lên kế hoạch để cứu chúng ta, nó lệ thuộc hoàn toàn “tùy theo ý tốt của Ngài” (Êph 1:5). Cũng chẳng phải Ngài chọn chúng ta vì Ngài thấy trước chúng ta sẽ trở nên tốt hơn những người khác. Điều này được minh chứng bởi Phao-lô về Ê-sau và Gia-cốp (Rô-ma 9:11-13): “Vì, khi hai con chưa sanh ra, chưa làm điều chi lành hay dữ - hầu cho được giữ vững ý chỉ Đức Chúa Trời, là ý định sẵn bởi sự kén chọn tự do của Ngài, chẳng cứ việc làm, nhưng cứ Đấng kêu gọi - thì có lời phán cho mẹ của hai con rằng: Đứa lớn sẽ làm tôi đứa nhỏ; như có chép rằng: Ta yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau.”

Vì vậy không ai có thể tin Đấng Christ nếu người ấy đã không được định trước, chọn trước bởi Đức Chúa Cha. Khẩu hiệu của Calvin là “Sự cứu rỗi thuộc về Đức Giê-hô-va” (Giô 2:9). Như vậy chúng ta được cứu bởi ân điển, thông qua đức tin, chẳng bởi việc làm hầu cho không ai khoe mình (Êph 2:8-9). Một lần được cứu luôn luôn được cứu. Nhưng phải chắc chắn rằng bạn thật sự được cứu.

BẢN CHẤT CỦA NHỮNG NGUYÊN CHỈ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Nguyên chỉ của Đức Chúa Trời không có sự bắt đầu. Nếu những ý chỉ của Ngài được đặt đến trong tiến trình của thời gian và những sự kiện, thì Ngài không phải là toàn tri. Vậy chúng ta được dạy rằng sự kêu gọi của chúng ta trong Đấng Christ là “theo ý riêng Ngài chỉ định, theo ân điển đã ban cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ từ trước muôn đời vô cùng (nghĩa từ trước thời gian vô tận)” (II Tim 1:9). Tương tự, Ê-sai nói rằng, “Đức Giê-hô-va vạn quân đã thề rằng: Chắc thật, sự ta đã định sẽ xảy đến, điều ta đã toan sẽ đứng vững” (Ê-sai 14:24). “Hãy nhớ lại những sự ngày xưa; vì ta là Đức Chúa Trời, và chẳng có Chúa nào khác; ta là Đức Chúa Trời, chẳng có ai giống như ta. Ta đã rao sự cuối cùng từ buổi đầu tiên, và đã nói từ thuở xưa những sự chưa làm nên. Ta phán rằng: Mưu của ta sẽ lập, và ta sẽ làm ra mọi sự ta đẹp ý (Ê-sai 46:9-10).

Nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là không hề thay đổi thậm chí cho đến tương lai đời đời. “Mưu của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời, Ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (Thi 33:11). Mục đích của Đức Chúa Trời trong sự ban cho chúng ta vị trí của chúng ta trong Đấng Christ là “hầu cho đời sau tỏ ra sự giàu có vô hạn của ân điển Ngài, mà Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ” (Êph 2:7).

Vì Đức Chúa Trời là vô hạn, đời đời, và không hề thay đổi trong tất cả của sự toàn hảo của Ngài, nó tiếp bước với sự tốt nhất điều mà đã được thai nghén bên trong sự tạo dựng hữu hạn ấy là Ngài phải được làm vinh hiển. Đó là sự yêu thương, sự tốt lành, sự thánh khiết, và sự công bình của Ngài phải được bày tỏ vô hạn trong vòng tất cả những tạo vật của Ngài là mục đích tối hậu nhất của những sự kiện hữu hạn. Như Giáo Lý Vấn Đáp Tóm Lược nói, “Ngài đã vì sự vinh hiển của Ngài định trước bất kỳ điều gì xảy ra.” Bất cứ điều gì xảy ra trên đất, trong lịch sử, tất cả muôn vật và các sự kiện rốt cuộc đều mang lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

MỤC ĐÍCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG LỊCH SỬ

Đức Chúa Trời luôn biết trước những gì Ngài sẽ biết khi ngày mai trở thành ngày hôm qua, cũng như từ cõi quá khứ đời đời, Đức Chúa Trời được vinh hiển bởi sự hiển nhiên ấy là sự ngợi khen của dân sự Ngài sẽ dâng lên trước ngai của Ngài ngày hôm nay và ngày mai. Khi chúng ta làm vinh hiển Ngài chúng ta không thêm vào sự tổng thể của sự vinh hiển đời đời của Ngài, vì sự vinh hiển đời đời của Ngài bao hàm sự vinh hiển của tất cả những sự kiện trong thời gian quá khứ, hiện tại, và tương lai, vì tương lai cũng sẽ xảy ra như ở quá khứ. Tất cả những gì chúng ta làm vinh hiển Chúa được bao gồm trong tính cách đời đời và đầy đủ trong những ý chỉ của Ngài.

Chúng ta nên hiểu về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời như được phân phát theo thứ tự thời gian và địa lý trên khắp mặt đất trong một tiến trình của thời gian, trong chính một chương trình mục vụ điều mà Đức Chúa Trời đã tuyên chỉ từ thời cổ xưa. Như chúng ta rao giảng Phúc Âm ngày này sang ngày nọ, tuần này sang tuần nọ; khi những linh hồn được dẫn đến với Chúa Jêsus Christ; khi những con trẻ lớn lên trong đức tin và sự hiểu biết về Chúa Jêsus, Đức Chúa Trời đang được làm vinh hiển trong vòng những vật thọ tạo của Ngài. Trong

động lực này, di chuyển sự vinh hiển của Đức Chúa Trời qua sự tạo dựng của Ngài, là đã được tồn tại trong những nguyên chỉ của Ngài từ trước khi sáng thế.

Trong lời cầu nguyện như thầy tế lễ cả thượng phẩm, Chúa Jêsus Christ của chúng ta nói, “Bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể gian mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha” (Giăng 17:5), Ngài đã liên tưởng đến sự vinh hiển của thập tự giá là điều bây giờ phải được hoàn thành trong một thời điểm, một lần đủ cả, sự vinh hiển đó được trùng khớp và chắc chắn một cách tuyệt đối “trước khi thể gian có” trong những ý chỉ đòi đòi của Đức Chúa Trời.

Phi-e-rơ làm nổi bật ý tưởng khi ông nói, “vì biết rằng chẳng phải bởi vật hay hư nát như bạc hoặc vàng mà anh em đã được chuộc khỏi sự ăn ở không ra chi của tổ tiên truyền lại cho mình, bèn là bởi huyết báu Đấng Christ, dường như huyết của chiên con không lỗi không vít, đã định sẵn trước buổi sáng thế, và hiện ra trong cuối các thời kỳ vì cơ anh em” (I Phi 1:18-20). Sự đền tội của Đấng Christ được thiết lập từ đời đời trong những ý chỉ của Đức Chúa Trời, và đã được hoàn thành một lần đủ cả như một sự thật lịch sử. “Người đó bị nộp theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời, các người đã mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi” (Công 2:23).

SỰ QUAN PHÒNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

“Những công việc của sự quan phòng của Đức Chúa Trời là sự bảo tồn và cai trị thánh khiết nhất, khôn ngoan, và uy quyền của Ngài trên tất cả các tạo vật và những hành động của chúng (Giáo Lý Vấn Đáp Tóm Lược, Câu hỏi 11).

Đức Chúa Trời không chỉ là Đấng Tạo Hóa của muôn vật, nhưng Ngài cũng tiếp tục bảo quản và cai trị tất cả sự tạo dựng của Ngài. Đấng Christ được nói đến như là Đấng “lấy lời có quyền phép Ngài nâng đỡ muôn vật” (Hêb 1:3). Là Đấng “bởi Ngài mà muôn vật tồn tại,” hay trong Đấng mà muôn vật có sự hài hòa một cách tự tự (Côl 1:17). Nê-hê-mi nói trong cụm từ lộng lẫy về sự bảo tồn và cai trị muôn vật của Đức Chúa Trời - “Ôi! Chỉ một mình Chúa là Đức Giê-hô-va có một không hai; Chúa đã dựng nên các tầng trời, và trời của các tầng trời, cùng toàn cơ binh của nó, trái đất và các vật ở trên nó, biển và muôn vật ở dưới nó; Chúa bảo tồn những vật ấy, và cơ binh của các tầng trời đều thờ lạy Chúa” (Nêh 9:6).

Gióp cũng dâng sự ngợi khen cho Đức Chúa Trời y như vậy “Nhưng khá hỏi loài thú, chúng nó sẽ dạy dỗ người, hỏi các chim trời, thì chúng nó sẽ bảo cho người; Hoặc nữa, hãy nói với đất, nó sẽ giảng dạy cho người; còn những cá biển sẽ thuật rõ cho người biết. Trong các loài này, loài nào chẳng biết rằng tay của Đức Chúa Trời đã làm ra những vật ấy? Trong tay Ngài cầm hồn của mọi vật sống, và hơi thở của cả loài người” (Gióp 12:7-10).

Đức Chúa Trời không chỉ đã tạo dựng muôn vật nhưng cũng bảo dưỡng và duy trì cả thế giới này. Sau công việc tạo dựng của Ngài, Ngài không đi "nghỉ hè."

SỰ QUAN PHÒNG ĐẶC BIỆT VÀ ƠN ĐIỂN PHỔ QUÁT

Sự quan phòng phổ quát của Đức Chúa Trời trong sự duy trì những quá trình của tự nhiên và chăm sóc cho những tạo vật không phải là con người được sử dụng như một sự biện luận về đức tin trong sự quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời cho con cái của Ngài. “Hãy xem con quạ: Nó không gieo, không gặt, cũng không có hầm vựa kho tàng chi, mà Đức Chúa Trời còn nuôi nó; huống chi các người quí

hơn chim chóc là đường nào?” (Lu 12:24). “Hãy xem loài chim trời: Chẳng có gieo, gặt, cũng chẳng có thu trữ vào kho tàng, mà Cha các người trên trời nuôi nó. Các người há chẳng phải là quý trọng hơn loài chim sao? ... Hỡi kẻ ít đức tin, loài cỏ ngoài đồng, là giống nay còn sống, mai bỏ vào lò, mà Đức Chúa Trời còn cho nó mặc đẹp thế ấy thay, huống chi là các người?” (Mat 6:26, 30).

Sự quan phòng phổ quát của Đức Chúa Trời được bao gồm ân điển phổ quát và được ban phát ròi rộng cho mọi người, “Ngài khiến mặt trời mọc lên soi kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công bình cùng kẻ độc ác” (Mat 5:45). “Dầu vậy, Ngài cứ làm chứng luôn về mình, tức là giáng phước cho, làm mưa từ trời xuống, ban cho các người mùa màng nhiều hoa quả, đồ ăn dư dật, và lòng đầy vui mừng” (Công 14:17). “Ngài cũng chẳng dùng tay người ta hầu việc Ngài dường như có cần đến sự gì, vì Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài. Ngài đã làm cho muôn dân sanh ra bởi chỉ một người và khiến ở khắp trên mặt đất, định trước thì giờ đời người ta cùng giới hạn chỗ ở, hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được, dầu Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta. Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có, y như xưa một vài thi nhân của các người có nói rằng: Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài” (Công 17:25-28).

“THÌ GIỜ CỦA CON TRONG TAY NGÀI”

Sự quan phòng của Đức Chúa Trời bao hàm quyền năng trọn vẹn nhằm hoàn thành ý muốn của Ngài trong vòng các nước trên đất, hoặc bởi phép lạ hay bởi những nguyên nhân tự nhiên. “Hỡi A-si-ri, là cái roi của sự thịnh nộ ta! Cái gậy cầm trong tay nó là sự tức giận của ta vậy! Ta sẽ sai nó nghịch cùng một nước chẳng tin kính; khiến nó đi đánh một dân mà ta nổi giận, để cướp lấy, bóc lột, và giày đạp chúng nó như bùn ngoài đường. Nhưng nó không có ý thế, trong lòng

nó chẳng nghĩ như vậy: lại thích phá hại, và hủy diệt nhiều dân ... Cái rìu há lại khoe mình cùng người cầm rìu ư? Cái cưa há lại dấy lên nghịch cùng kẻ cầm cưa ư? Thế cũng như cái roi vận động kẻ gíu roi, cái gậy nâng đỡ cánh tay cầm gậy” (Ê-sai 10:5-7, 15). “Ngài dùng quyền năng Ngài mà cai trị đời đời; Mắt Ngài xem xét các nước: Những kẻ phản nghịch chớ tự cao” (Thi 66:7). “Chính Ngài thay đổi thì giờ và mùa, bỏ và lập các vua; ban sự khôn ngoan cho kẻ khôn ngoan, và sự thông biết cho kẻ tỏ sáng” (Đaniên 2:21).

Nê-bu-cát-nét-sa cần phải học biết “rằng Đấng Rất Cao cai trị trong nước loài người, và Ngài muốn ban cho ai tùy ý” (Đan 4:25); và cuối cùng ông đã nhận biết, “... Đấng sống đời đời, uy quyền Ngài là uy quyền còn mãi mãi, nước Ngài từ đời nọ đến đời kia. Hết thầy dân cư trên đất thầy đều cảm như là không có; Ngài làm theo ý mình trong cơ binh trên trời, và ở giữa cư dân trên đất; chẳng ai có thể cản tay Ngài và hỏi rằng: Ngài làm chi vậy?” (Đan 4:34-35).

Chúa phán với Si-ru, “Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác, ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác nữa. Dầu người không biết ta, ta sẽ thất lung người” (Ê-sai 45:5). Với San-chê-ríp Ngài phán, “Bởi người giận dại cùng ta, và vì lời kiêu ngạo người đã thấu đến tai ta, ắt ta sẽ xô cái vòng nơi mũi người, để khóp nơi môi miếng người. Đoạn, ta sẽ khiến người trở về theo con đường mà người đã đi đến” (II Các 19:28). “Vì chẳng phải từ phương đông, phương tây, hay là từ phương nam, mà có sự tôn cao đến. Bèn là Đức Chúa Trời đoán xét: Ngài hạ kẻ này xuống, nhắc kẻ kia lên” (Thi 75:6-7). “Kỳ mạng tôi ở nơi tay Chúa” (Thi 31:15). Đức Chúa Trời cai trị và thống trị những người cai trị của thế gian này.

ĐỨC CHÚA TRỜI CAI TRỊ MỖI NGÀY

Sự quan phòng của Đức Chúa Trời bao gồm những phản ứng của lý trí của con người. “Con giận loài người hẳn sẽ ngợi khen Chúa; còn sự giận dư lại, Chúa sẽ ngăn trở” (Thi 76:10). “Xin hãy khiến lòng tôi hướng về chúng có Chúa, chớ đừng hướng về sự tham lam” (Thi 119:36). “Hãy phó các việc mình cho Đức Giê-hô-va, thì những mưu ý mình sẽ được thành công ... Lòng người toan định đường lối mình; song Đức Giê-hô-va chỉ dẫn các bước của người” (Châm 16:3-9). “Lòng của vua ở trong tay Đức Giê-hô-va khác nào dòng nước chảy; Ngài làm nghiêng lệch nó bề nào tùy ý Ngài muốn” (Châm 21:1).

Sự quan phòng của Đức Chúa Trời qua những hoạt động ngày này qua ngày nọ và trong những sự kiện thiên nhiên như là của một sự tự nhiên điều mà những tội tớ của Ngài có thể dâng bài làm chứng, “Đức Giê-hô-va đã cứu giúp chúng tôi đến bây giờ.” “Và nói cùng Sa-mu-ên rằng: Xin chớ vì chúng tôi mà ngừng kêu cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, để Ngài giải cứu chúng tôi khỏi tay dân Phi-li-tin. Sa-mu-ên bắt một chiên con còn bú, dâng nó làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va. Đoạn, người vì Y-sơ-ra-ên cầu khẩn Đức Giê-hô-va; Đức Giê-hô-va bèn nhậm lời. Trong lúc Sa-mu-ên dâng của lễ thiêu, dân Phi-li-tin đến gần đặng giao chiến cùng Y-sơ-ra-ên. Nhưng trong ngày đó Đức Giê-hô-va khiến sấm sét nổ vang trên dân Phi-li-tin, làm cho thua vỡ chạy, và chúng nó bị đánh bại trước mặt Y-sơ-ra-ên. Dân Y-sơ-ra-ên từ Mích-ba ra, đuổi theo dân Phi-li-tin, và đánh chúng nó cho đến dưới Bết-cạt. Bây giờ, Sa-mu-ên lấy một hòn đá, dựng lên giữa khoảng Mích-ba và Sen, đặt tên là Ê-bên-Ê-xe. Vì người nói rằng: Đức Giê-hô-va đã cứu giúp chúng tôi đến bây giờ” (I Sam 7:8-12).

PHÉP LẠ TRONG KINH THÁNH

Từ ngữ “phép lạ” (La-tin *miraculum*) có nghĩa đen là một sự kiện kỳ lạ phi thường hoặc một sự kiện khiến kinh ngạc. Trong bối cảnh Cơ Đốc, nó là (1) một sự kiện phi thường, không thể giải thích nổi trong những cụm từ của sức mạnh thông thường tự nhiên, (2) một sự kiện khiến người quan sát công nhận là một nguyên nhân của một con người siêu phàm, và (3) một sự kiện đem đến một bằng chứng (một “dấu hiệu”) của những hàm ý rộng hơn nhiều so với chính sự kiện đó.

Hầu hết những phép lạ trong Kinh Thánh được tìm thấy trong ba giai đoạn trong lịch sử Kinh Thánh. Giai đoạn đầu tiên là trong thời kỳ Xuất Ê-díp-tô: Thời kỳ của xuất Ai-cập là thời kỳ của tình trạng suy nhược thuộc linh tột bậc. Dân sự dưới sự nô lệ ở Ai-cập đã quên tên của Đức Yahweh Đức Chúa Trời của họ. Chúa Đức Chúa Trời của họ đã giải phóng họ khỏi cảnh nô lệ một cách nhân từ và đem họ vào vùng đất hứa. Trong khoảng thời gian của phép lạ này (v.d., bụi gai cháy, mười bệnh dịch của Ai-cập, vô số phép lạ được làm giữa sự rẽ Biển Đỏ và băng qua sông Giô-đanh, sự sụp đổ của thành Giê-ri-cô, cuộc chiến của Gi-bê-ôn, v.v.), năm quyển sách đầu tiên của Kinh Thánh (tức là Torah, hoặc Ngũ Kinh) được viết ra. Tất cả những sự kiện phi thường được ký thuật nhằm minh chứng rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là một Đức Chúa Trời duy nhất, hằng sống, và chân thật, không một ai giống như Ngài.

Giai đoạn đầu của thời kỳ của những phép lạ được kể theo bởi một giai đoạn dài của sự suy đồi thuộc linh dưới các quan xét, và chỉ vài phép lạ được tìm thấy trong giai đoạn này. Mặc cho sự khan hiếm về những phép lạ Đức Chúa Trời đã không phó chính Ngài với vô nhân chứng. Ít nhất có một thời điểm của sự phục hưng thuộc linh dưới thời Đa-vít và Sa-lô-môn.

Giai đoạn thứ hai của những phép lạ đến trong thời gian của sự bội đạo và thờ hình tượng lan tràn. Danh xưng của Yahweh và Ba-anh

được liên kết, và thậm chí vị vua tốt Giê-hô-sa-phát đã thiết lập sự liên minh với kẻ thờ thần tượng A-háp (I Các 21:25-26; 22:1-49). Do đó Đức Chúa Trời đã sai Ê-li và Ê-li-sê, và qua mục vụ tiên tri của họ, có nhiều phép lạ đã được làm ra. Bởi những phép lạ và những công việc của ân điển, Đức Chúa Trời đã phục hồi và củng cố sự thờ phượng thánh khiết của Ngài trong khoảng thời gian của những đày tớ của Ngài, những tiên tri. Trong khoảng thời gian này, nhiều quyển sách lịch sử và tiên tri của Cựu Ước được viết ra.

Có vài phép lạ trong thời kỳ của sự lưu đày sang Ba-by-lôn, và sự trở về Giê-ru-sa-lem. Vào lúc bấy giờ, sự khải thị đầy đủ được ban cho đời sống thuộc linh của dân sự của Đức Chúa Trời cho đến thời gian tái lâm của Đấng Christ.

Giai đoạn lớn nhất của những phép lạ trong lịch sử Kinh Thánh được thấy trong thời kỳ của Đấng Christ và Các Sứ Đồ của Ngài. Y-sơ-ra-ên đang ở trong sự giảm sút trầm trọng trong giới hạn của thuộc linh và sự tin kính, vì dân sự đang ở trong thời kỳ của người La-mã, bị đắm chìm trong sự công bình riêng và sự giả hình. Mặc dù họ đọc Kinh Thánh Hê-bơ-rơ cẩn mẫn, họ đã không làm theo với một tâm lòng của đức tin, nhưng của sự kiêu ngạo và vô tín (II Côr 3:13-16). Trong sự kiêu ngạo về tôn giáo và sự vô tín cứng cỏi, họ đã đóng đinh Chúa của vinh hiển, Đấng Mê-si-a của họ. Trong chính thời gian của thế giới đen tối và độc ác này Đức Chúa Trời đã sai Con độc sanh duy nhất của Ngài.

Những sách Phúc Âm chứa gần 40 dấu kỳ phép lạ được biểu lộ của Chúa Jêsus Christ. Chúa đã làm nhiều phép lạ, nhưng chúng được chọn và được ký thuật bởi sự cảm hứng thiêng liêng nhằm cho sự chỉ dẫn và khai trí của chúng ta. Sứ Đồ Giăng nói, “Đức Chúa Jêsus đã làm trước mặt môn đồ Ngài nhiều phép lạ khác nữa, mà không chép trong sách này. Nhưng các việc này đã chép, để cho các người tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống” (Giăng 20:30-31). Cả Kinh Thánh Tân Ước được viết ra bởi Các Sứ Đồ của

Chúa Jêsus Christ, những người làm phép lạ (Mác 16:19-20, Công 2:43).

TẠI SAO CẦN CÓ PHÉP LẠ?

Chức vụ của các Sứ Đồ được bắt đầu sau sự thăng thiên của Đấng Christ. Trong ngày nọ tại lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh làm tràn đầy các Sứ Đồ trong một cách quyền năng nhất hầu cho họ có khả năng nói các thứ tiếng và thổ ngữ khác nhau những tiếng mà họ chưa từng biết (Công 2:1-11). Phép lạ về sự nói tiếng lạ này được ban cho Hội Thánh cho đến khi nó được thành lập toàn xứ La-mã với cả những hội chúng của người Do Thái và Dân Ngoại Bang. Có nhiều phép lạ khác được biểu lộ. Như tác giả của thư tín gởi cho người Hê-bơ-ơ viết, “sự cứu rỗi lớn dường ấy ... là sự cứu rỗi Chúa truyền ra trước hết, rồi có những kẻ nghe chúng nghiệm nó cho chúng ta, Đức Chúa Trời cũng dùng những dấu kỳ sự lạ và đủ thứ phép mầu, lại dùng sự ban cho của Đức Thánh Linh mà Ngài đã theo ý muốn mình phát ra, để làm chúng với các kẻ đó” (Hêb 2:3-4).

Mục đích của những phép lạ là sự khải tỏ và sự khai trí. Không phải tất cả các phép lạ của Đấng Christ được ký thuật hết thảy trong Kinh Thánh, nhưng tất cả những phép lạ được ký thuật trong Kinh Thánh nhằm giúp chúng ta biết ai đúng là Cứu Chúa của chúng ta: “Nhưng các việc này đã chép, để cho các người tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống” (Giăng 20:31). Đấng Christ, đã vài lần, nhấn mạnh về mục đích của việc làm phép lạ của Ngài và Ngài đã từ chối những ai chỉ khao khát để nhìn thấy điều kỳ diệu.

“Dòng dõi hung ác gian dâm này xin một dấu lạ” (Mat 12:39, xem thêm Lu-ca 23:8). Mặc dù vậy, những phép lạ là chứng nhân uy quyền đích thực Ngài là ai, Con của chính Đức Chúa Trời, lời của

Ngài là lẽ thật và sự sống. “Nhưng ta có một chứng lớn hơn chứng của Giăng; vì các việc Cha đã giao cho ta làm trọn, tức là các việc ta làm đó, làm chứng cho ta rằng Cha đã sai ta (Giăng 5:36). Chúa Jêsus mong muốn họ nhìn phép lạ với một tấm lòng của đức tin tốt hơn là chỉ tìm kiếm thức ăn miễn phí (Giăng 6:26). Không một chút nghi ngờ, Jêsus thích một người tiếp nhận sứ điệp của Ngài về giá trị thực chất của nó hơn, nhưng tin Ngài bởi vì những phép lạ Ngài đã làm thì cũng không phải là sai trái. “Ví bằng ta không làm những việc của Cha ta, thì các người chớ tin ta. Còn nếu ta làm, thì, dầu các người chẳng tin ta, hãy tin những việc ta, để các người hiểu và biết rằng Cha ở trong ta và ta ở trong Cha” (Giăng 10:37-38).

PHÉP LẠ NGÀY HÔM NAY?

Hiện tượng ân tứ đem đến nhiều sự đảo lộn trong Hội Thánh ngày hôm nay. Giống như những người theo phong trào Cơ Đốc ở Tiểu Á (Montanists) ngày xưa, những người theo ân tứ khẳng khẳng cho rằng những phép lạ và nói tiên tri phải là những món quà vĩnh cửu. Với “sự chữa lành bằng đức tin,” “đuổi quỷ,” và “nói tiếng lạ,” họ sốt sắng thuyết phục chính họ rằng những phép lạ được biểu lộ đó thường xuyên xảy ra.

Trong khía cạnh khác, những Cơ Đốc Nhân rành rỏi đã công bố những sự nghiên cứu minh chứng cho những phép lạ bịa đặt là những trường hợp của tâm lý liệu pháp, hay là sự tự lừa dối, hoặc sự lừa gạt. *Bài Những Phép Lạ Giả Mạo* của Warfield được một sự phê bình xuất sắc về những phép lạ bịa đặt trong Hội Thánh ngày nay. Chúa Jêsus đã cảnh báo về những Christ giả và những tiên tri giả sẽ nổi lên trong những ngày sau rốt để thực hiện những phép lạ giả tạo hòng lừa bịp những kẻ kém hiểu biết, và nếu có thể được, những kẻ được chọn (Mat 24:24).

Rõ ràng là từ lịch sử Kinh Thánh và sự khai thị của Kinh Thánh rằng Đức Chúa Trời đã lựa chọn để khai tỏ chính Ngài bởi những sự biểu lộ của phép lạ trong mọi thời kỳ. Ngược lại, cũng có khoảng thời gian dài trong lịch sử, thậm chí trong thời kỳ Kinh Thánh, khi Đức Chúa Trời không sử dụng các phép lạ (ngoại trừ “phép lạ của ân điển”) trong các cách đối phó với dân sự của Ngài.

Đấng Christ đã chỉ ra rằng các phép lạ không xảy ra một cách thường xuyên với những hình thái giống nhau (Lu-ca 4:25-27). Thật ra, nếu những phép lạ là những việc xảy ra thường xuyên thì chúng sẽ không được xem là những phép lạ.

Trong thời kỳ Tân Ước, khả năng để thực hiện những phép lạ được ban cho một nhóm người đặc biệt, gọi là Sứ Đồ vì mục đích của sự xác minh sứ điệp và chức vụ của họ được ban cho từ Đức Chúa Trời (Mác 16:16-20, Công 2:43, 5:12, II Côr 12:12). Như vậy, những món quà dấu kỳ của những phép lạ, chữa bệnh, đuổi quỷ, nói tiếng lạ, tiên tri là những sự giống như vậy đã được cất khỏi sau khi các Sứ Đồ qua đời, và khi Kinh Thánh hoàn chỉnh.

NÓI TIẾNG LẠ NGÀY HÔM NAY?

Những chỉ thị của Phao-lô về sự hạn chế của việc sử dụng những ngôn ngữ ngoại quốc (I Côr 14) có thể được áp dụng bởi phép loại suy đối với tất cả các phép lạ. Một cách rõ ràng về phép lạ của ngôn ngữ đã xảy ra trong Ngày Lễ Ngũ Tuần đã làm đảo lộn trong tâm trí của nhiều người sốt sáng tại Cô-rinh-tô với duy sự mê mẩn, những lời thốt lên vô nghĩa. Phao-lô lưu ý, “Thế thì, các thứ tiếng là một dấu, chẳng cho người tin Chúa, song cho người chẳng tin” (c. 22). Và ông cũng ra lệnh rằng trong những hội họp Cơ Đốc không hơn hai, hoặc nhiều nhất là ba, theo từng người, được cho phép để nói một tiếng ngoại quốc, và “ví bằng có người nói tiếng lạ, chỉ nên hai hoặc ba

người là cùng; mỗi người phải nói theo lượt mình, và phải có một người thông giải. Nếu không có ai thông giải, thì người đó phải làm thình ở trong Hội Thánh” (c. 27-28).

Nếu sự hạn chế của Phao-lô được chấp hành theo nghĩa đen trong Hội Thánh hiện đại, nên chắc chắn rằng người thông dịch phải là một người dịch chân chính, theo các qui tắc ngữ pháp đã được biết và cú pháp và từ vựng, thì phép lạ thật của những ngôn ngữ như nó đã xảy ra trong Ngày Lễ Ngũ Tuần sẽ không bao giờ bị cản trở. Đúng hơn là nó được chứng thực tốt hơn; nhưng những “phép lạ” giả tạo sẽ bị loại trừ.

Nếu những phương pháp loại trừ đã được sử dụng trong việc kiểm chứng những báo cáo về những phép lạ bịa đặt, thì những phép lạ chân chính sẽ không bao giờ bị ngăn trở nhưng sẽ được chứng thực tốt hơn. Tuy nhiên, những lừa bịp và những sự thổi phồng phải được ngăn chặn.

Lịch sử đã thừa nhận sự chấm dứt của tiếng lạ. Một Giáo Phụ Hội Thánh—Augustine—đã viết trong thế kỷ thứ tư, “Trong lúc ban đầu nhất, Đức Thánh Linh đã giảng xuống trên những người tin: và họ đã nói với các tiếng, thứ tiếng mà họ chưa từng học, 'như Thánh Linh ban cho họ lời nói.' Những điều này là dấu kỳ được thích ứng với thời gian. Vì nó phải được sự minh chứng của Đức Thánh Linh trong tất cả các thứ tiếng và được biểu lộ rằng Phúc Âm của Đức Chúa Trời phải được rải ra khắp các thứ tiếng trên toàn cầu. Điều đó đã được hoàn thành cho một minh chứng và nó đã qua đi.”

Những gì chúng ta cần hôm nay không phải là tiếng lạ trong sự lộn xộn nhưng là những giọt nước mắt của sự xưng nhận tội lỗi.

PHÉP LẠ NGÀY HÔM NAY NHƯNG CẦN TRỌNG

Thật sai lầm khi nói rằng Đức Chúa Trời không thể, hay sẽ không làm phép lạ trong thời đại của chúng ta. Đức Chúa Trời thực hiện những phép lạ ngày hôm nay, không thông qua con người nữa, nhưng trực tiếp từ thiên đàng nếu Ngài muốn vậy. Thế nhưng, có một ý kiến hợp lý mà không chống lại bất kỳ lẽ thật được minh chứng nào là Đức Chúa Trời đã dùng làm những dấu kỳ phép lạ một cách tổng quát hoặc những ân tứ siêu nhiên của những dấu kỳ và phép lạ khi Tân Ước đã hoàn thành; và nó là ý muốn của Ngài mà “phép lạ của ân điển,” chứng nhân của Thánh Linh, trả lời sự cầu nguyện, và tột bậc nhất là Lời được viết ra, sẽ trở thành những nguồn cội chủ chốt của sự hiểu biết về chính Ngài cho dân sự của Ngài trong thời đại này.

Một tinh thần khỏe mạnh, đầy niềm tin nơi quyền năng của Đức Chúa Trời và nơi sự khôn ngoan của Ngài, không khước từ khả năng là phép lạ của Đức Chúa Trời, mong chờ để học những ngôn ngữ ngoại quốc bởi những cách thức có hệ thống của việc học tập và làm việc siêng năng. Một tinh thần Cơ Đốc khỏe mạnh mong chờ quan sát nguyên tắc thông thường của sức khỏe thân thể và gìn giữ vệ sinh, sử dụng những thức ăn phù hợp với nhu cầu của cơ thể, che ấm, thuốc men như là sự quan phòng thiêng liêng đã có sẵn. Trong việc truyền bá Phúc Âm chúng ta mong mỏi chức vụ cáo trách của Đức Thánh Linh và bằng chứng của những đời sống được thay đổi để rồi nhiều người sẽ nhóm lại để nghe chúng ta rao giảng Lời chứ chúng ta không trông mong về một sự chữa lành tức khắc cho một người bị trẹo chân và mất cá chân bẩm sinh. Chúng ta được trang bị để hầu việc Chúa, để kinh nghiệm những sự trả lời tuyệt vời của sự cầu nguyện, và để nhận thấy rằng Lời của Đức Chúa Trời không trở về luống không, không quan tâm đến “những dấu kỳ phép lạ.”

Cơ Đốc Giáo thật sự là một đức tin siêu nhiên. Song le, hãy cẩn trọng

về những phép lạ giả tạo và những kẻ làm phép lạ (Phục 13:1-3, Mat 7:15-23, 24:24). Thật vậy, hãy cẩn trọng.

TỪ QUYỂN SÁCH CỦA THẾ GIỚI ĐẾN KINH THÁNH

Chúng ta đã học từ sách Rô-ma 1 rằng sự sáng của sự khai thị tự nhiên (nghĩa là thế giới được tạo dựng này) là không đủ để dẫn con người sa ngã và tội lỗi trở về với Đức Chúa Trời. Bởi sự vô thức có chủ tâm và sự tưởng tượng hão huyền, tâm lòng ngu dốt của con người bị lu mờ. Thay vì thờ phượng Chúa Đức Chúa Trời Toàn Năng, họ đã dời đổi để thờ phượng những vật mà Ngài đã tạo nên. Đây là sự thờ hình tượng thật trắng trợn. Đây là sự ghê tởm trước mặt của Đấng Toàn Năng. Nhằm để dẫn con người đến con đường đúng, Đức Chúa Trời phải khai tỏ chính Ngài một cách đặc biệt. Ngài làm điều này bằng cách mở miệng của Ngài để nói với con người. Đây là ánh sáng của sự khai tỏ đặc biệt (tức, Lời của Đức Chúa Trời).

Đức Chúa Trời đã nói chuyện lần đầu tiên với A-đam. Dù con người đã bị phân rẽ với Ngài bởi tội lỗi, Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục nói thông qua những người thánh được chọn – với Ê-nóc, với Nô-ê, với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, với Giô-sép, với Môi-se, với các vua như Đa-vít và Sa-lô-môn, và với mười sáu tiên tri. Hoặc Ngài đã nói với họ miệng đối miệng như Ngài đã nói với Môi-se (Dân 12:8) hay bởi sự nhập thể và khai tượng như với Áp-ra-ham (Sáng 15:1, 18:1-15), hoặc bởi những giấc mộng như với Giô-sép (Sáng 37:5), hoặc trong lỗ tai của Sa-mu-ên (I Sam 9:15), những người đã nhận được những sự khai thị này tin rằng chúng đến từ Đức Chúa Trời Đấng Toàn Năng. Họ đã nhận chúng trong sự tôn kính.

Nhằm bảo quản Lời của Đức Chúa Trời được ban cho một cách tiệt

tiền cho con người qua mọi thời đại, Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm Môi-se viết Ngũ Kinh, kinh Torah hay Luật pháp (của Môi-se). Với những người thánh khác như Đa-vít viết Thi-thiên và Sa-lô-môn viết Văn Chương Khôn Ngoan. Những sách còn lại của Cựu Ước được viết bởi bốn Đại Tiên Tri, và mười hai Tiểu Tiên Tri. Những sách này được tạo thành 39 Sách của Cựu Ước. 39 Sách của Cựu Ước được thừa nhận không chỉ bởi những người Do-Thái như là Lời Thánh của Đức Chúa Trời nhưng cũng được xác nhận bởi Chúa Jêsus Christ của chúng ta (Mat 5:17, Lu-ca 24:44).

Hai mươi bảy Sách của Tân Ước được viết ra bởi các Sứ Đồ và những người đồng thời với các Sứ Đồ. Chúng được nhìn nhận ngang tầm với những Sách ở Cựu Ước như được công bố bởi Sứ Đồ Phao-lô rằng Hội Thánh được “xây trên nền của các Sứ Đồ [Tân Ước], và các đấng Tiên Tri [Cựu Ước] chính Jêsus Christ là đá góc nhà” (Êph 2:20). Một nền móng của Hội Thánh là Jêsus Christ và Lời của Ngài.

CHỨC VỤ VÔ NGỘ CỦA CÁC SỨ ĐỒ

Không chỉ trong lời viết (II Tim 3:16) và lời giảng (I Tê-s 2:13) của các Sứ Đồ vô ngộ và không sai lầm, nhưng gương mẫu của họ cũng vậy. Phao-lô nói với những người Cô-rinh-tô, “Hãy bắt chước tôi, cũng như chính mình tôi bắt chước Đấng Christ vậy” (I Cô-r 11:1).

Bằng cách nào các tiên tri và các Sứ Đồ viết Kinh Thánh?

1. Bằng việc nhận trực tiếp từ Chúa về kiểu mẫu của Đền Tạm “kiểu đã chỉ cho người trên núi” (Xuất 25:40) trong trường hợp của Môi-se.
2. Trong trường hợp của Đa-vít, “Đa-vít nói rằng: Kiểu mẫu [của đền thờ] về các công việc này, ta nhờ tay của Đức Giê-hô-va chép ra, khiến cho ta hiểu biết vậy” (I Sứ 28:19).

3. Bằng việc viết xuống những gì Môi-se được căn dặn bởi Chúa theo cách thức “Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng, ...” (Lêv 1:2). Hoặc “Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng, ...” (Xuất 6:10, v.v.). Môi-se đã viết xuống những gì được nói (đọc cho viết) cho ông. Cả quyển Lê-vi-ký từ đầu cho đến cuối, như nó được phán, được ký thuật trực tiếp từ miệng của Chúa.

4. Bảy Lá Thư cho Bảy Hội Thánh ở Tiểu Á (Khải 2-3) được ký thuật tương tự bởi sự đọc viết (dictation). Vì vấn đề này, ngoại trừ phần giới thiệu của Sách Khải Huyền, những phần còn lại của Sách được truyền đến cho Giảng bởi sự nghe và thấy từ Đấng Thánh, một vài là những bức tranh được mô tả bằng cách đọc cho viết.

5. Cũng vậy, cuộn giấy Ba-rúc viết chống lại Y-sơ-ra-ên và Giu-đa được đọc cho viết bởi miệng của tiên tri Giê-rê-mi mà vua Giê-hô-gia-kim lấy dao nhỏ cắt đi và ném vào trong lò lửa. Nhưng nó được phục hồi bởi Giê-rê-mi bằng việc đọc chép lại cuộn thứ hai, “có nhiều lời giống nhau đã thêm vào đó” (Giê 36:32).

6. Những phân đoạn đầu của Sáng Thế Ký về sự tạo dựng, chúng ta tin, được viết bởi sự đọc cho viết trực tiếp từ Chúa cho Môi-se, vì Ngài nói với đầy tớ của Ngài miệng đối miệng (Dân 12:8). Những yêu cầu hợp lý như sự kết luận từ khi không con người nào nhìn thấy những quá trình tạo dựng nhưng chỉ chính mình Đức Chúa Trời. Có bất cứ ai nói rằng Môi-se đã sử dụng những bảng đá phi lý, góm ghiếc, của dân ngoại Ba-by-lôn – Huyền thoại của Enuma Elish và Adapa – để viết lên Sáng Thế Ký bởi sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, thì nó là sự suy đoán không hợp lý và không thánh khiết. Tương đương với việc ép dầu ra từ hòn đá, hay biến hòn đá thành bánh.

7. Thay thế cho tiến trình đọc chép, Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời “Khi Đức Giê-hô-va đã phán xong cùng Môi-se tại núi Si-na-i, bèn cho người hai bảng chứng bằng đá, bởi ngón tay Đức Chúa Trời viết ra” (Xuất 31:18).

Trong khi chúng ta đã đem những phần được đọc chép của Kinh

Thánh ra ánh sáng, cho đến nay bị chôn vùi những thành kiến và sự ngu dốt, chúng ta nhận biết có những thư tín của Phao-lô và Phi-e-rơ, về những gì họ viết, là của chính họ. Và Phúc Âm Lu-ca được viết từ sự kỹ thuật của những người chứng kiến. Mặc dù vậy, những điều này được viết bởi bàn tay cao thượng của Đức Chúa Trời về những gì Ngài đã muốn viết về chính Ngài. Có yếu tố con người (human element) và yếu tố Thiên Liêng (Divine element), song yếu tố Thiên Liêng hoạt động trong yếu tố con người để sản phẩm hoàn thành được gìn giữ khỏi sai trật. “Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời” (II Phi 1:21).

Thật, sản phẩm hoàn thành là Lời của Đức Chúa Trời vô ngộ và không sai trật, từng lời và toàn bộ đều được hà hơi (VPI – Verble and Plenary Inspiration). “Cả Kinh thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn [Đức Chúa Trời hà hơi]” (II Tim 3:16), và sự hà hơi (inspiration) này nói rộng ra không chỉ những ý tưởng đằng sau những từ ngữ, nhưng của chính những từ ngữ đó (Mác 13:31) và cho đến từng chữ cái. “Vì ta nói thật cùng các ngươi, đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm [chữ cái Hê-bơ-rơ *yod*] một nét [giống như một nét gạch của chữ “t” hay một chấm của chữ “i”] trong luật pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn” (Matt 5:18).

LÀM THẾ NÀO ĐỂ CHÚNG TA BIẾT KINH THÁNH LÀ LỜI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI?

Kinh Thánh là một quyển sách bách khoa. Nó không chỉ là một tài liệu gốc của mọi vấn đề của đức tin nhưng cũng là một tài liệu gốc về những vấn đề của kiến thức. Kinh Thánh là một và là một kho kiến thức duy nhất mà Calvin đã định nghĩa là kiến thức của Đức Chúa Trời và con người (chứ không phải của những con muỗi).

Kinh Thánh là Lẽ Thật không thay đổi. Nó không đòi hỏi chỉnh sửa (Bạn đã nhận ra điều đó chưa?) như những quyển sách trần tục, hoặc những quyển sách nghệ thuật hay khoa học, nó cũng không lạc hậu theo thời gian. Nó là quyển sách xưa nhất, song luôn luôn mới.

Kinh Thánh chứa đựng lời phát biểu được dựa trên kiến thức. Jêsus nói, “các người sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông tha các người” (Giăng 8:32). Nếu bạn đã tin vào Chúa Jêsus và biết khoảng một phần mười Kinh Thánh, thì bạn được khai sáng hơn những nhà khoa học hay những nhà giáo dục vô tín. Tiến sĩ William Lyon Phelps của trường Đại Học Yale đã nhìn nhận, “Kiến thức của Kinh Thánh không có trường giáo dục là tốt hơn một trường giáo dục không có Kinh Thánh.” Điều gì khiến nhà sư phạm nổi bật nói vậy? Vì nó là thật xứng đáng với sự thật rằng ông đã nhận biết Kinh Thánh là một Quyển Sách tuyệt vời, một Quyển Sách siêu nhiên, một Quyển Sách mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người.

Làm thế nào chúng ta biết Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời? Khi chúng ta nói Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời, chúng ta không có ý như những học giả theo phái Tân Phúc Âm (New Evangelical) nói, Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời không sai trật khi nó chạm đến vấn đề của Đức Tin, nhưng không phải trên vấn đề khoa học, lịch sử, địa lý và ngôn ngữ. Những sự dạy của những con sói đội lớp chiên này được tóm gọn trong một giáo lý đáng nguyên rủa chống lại Lời của Đức Chúa Trời được gọi là “vô ngộ hạn chế” (limited inerrancy). Chúng ta phải vạch trần giáo lý ghê tởm này bất cứ nơi nào chúng ta đi đến. Khi chúng ta nói Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời chúng ta muốn nói những gì Chúa chúng ta đã phán một cách dứt khoát. Kinh Thánh là đúng và không thay đổi cho đến chữ cái cuối cùng, cho đến một chấm của chữ “i” và một dấu gạch ngang của chữ “t.” Jêsus nói trong Bài Giảng trên Núi, “Vì ta nói thật cùng các người, đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn” (Mat 5:18).

Chúng ta biết rằng Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời một cách chính xác bởi vì *Kinh Thánh phán vậy*. Không một người viết Kinh Thánh từng viết như những người viết thế tục. Những người viết thế tục nói ra những gì từ trong lòng họ, từ trong những suy nghĩ của chính họ, và tuyên bố chúng là của chính họ. Không có một người viết Kinh Thánh nào cho rằng những lời mà họ viết ra là của họ. Mỗi người đều nói trong Danh của Đức Chúa Trời hoặc của Chúa Jêsus Christ. Mỗi Sách hướng về Đấng Cứu Thế của Nhân loại. Sự tuyên bố, “như CHÚA [hay Chúa Đức Chúa Trời] phán,” hoặc “Hãy lắng nghe lời của CHÚA” hoặc “CHÚA phán ... nói rằng” xuất hiện khoảng 3.000 lần trong Kinh Thánh.

Ba mươi chín Sách của Cựu Ước đã được và đang được thừa nhận chính là Lời của Đức Chúa Trời bởi những người Do-thái. Nó được tìm thấy sự chứng thực trong Chúa Jêsus Christ của chúng ta. Jêsus tuyên bố sự đến của Ngài không phải để phá hủy hay thêm vào những sự giảng dạy của Cựu Ước nhưng đúng hơn là để làm trọn chúng (Mat 5:17-18).

Những Sách của Tân Ước được tuyên bố nằm trên mỗi quan hệ bình đẳng với Cựu Ước khi các Sứ Đồ (TU) và những tiên tri (CU), chính Jêsus Christ là đá góc nhà (Êph 2:20). Phi-e-rơ, khi trích dẫn sách của Phao-lô, đã đặt các sách của ông ngang hàng với các Sách trong Cựu Ước. Trong II Phi-e-rơ 3:15-16, Phi-e-rơ phân loại những thư tín của Phao-lô với “những quyển Kinh Thánh khác” tất nhiên chúng ám chỉ đến Cựu Ước. Thêm nữa, khi Phao-lô viết cho những hội thánh, trong Thư Tín Thứ Nhất cho người Tê-sa-lô-ni-ca, ông đã được hài lòng về lời mà ông đã ban cho họ được họ nhận lãnh không như lời của con người, “nhưng như trong lẽ thật, lời của Đức Chúa Trời ...” (1 Tê-s 2:13). Tóm gọn lại, chúng ta thấy thể nào những trước giả của cả Cựu Ước và Tân Ước đều tuyên bố về nguồn gốc Thiêng Liêng của sự viết của họ, không một lời xin lỗi, nhưng với uy quyền và tính chất xác thực. Chính Đức Chúa Trời là Tác Giả đằng sau những trước giả!

“Với chúng ta, chúng ta nắm giữ Kinh Thánh như nó là vậy, ngay tại bề mặt của giá trị của nó. Bất kỳ những gì Quyển Sách biểu lộ chính nó thì chúng ta nhận biết nó là vậy, và chúng ta chấp nhận uy quyền của Jê-sus Christ, là Đấng làm Đầu của Hội Thánh” (McIntire). Bởi đức tin chúng ta nắm giữ Đức Chúa Trời ngay tại Lời của Ngài vì Ngài là Lẽ Thật và không nói dối (Hêb 6:18).

Lý do thứ hai tại sao chúng ta nói rằng Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời là *sự hiệp nhất*. Kinh Thánh được bao gồm 66 Sách (ngoại trừ 14 sách Ngụy Kinh những quyển đang đi tìm con đường trở về qua những mưu đồ của những người theo phong trào Đại Đoàn Kết). 66 Sách này được viết bởi 40 người viết khác nhau. Môi-se viết Năm Sách đầu tiên, Đa-vít viết Thi-thiên và Sa-lô-môn viết Châm Ngôn, v.v. Hai người này là những vị vua. Những tiên tri là những người thuộc mọi tầng lớp trong xã hội. Một vài người đã chuyển vào trong cung vua, những người khác là những người chăn nuôi gia súc, không là ai cả; trong khi những Sách trong Tân Ước được viết bởi học giả như Phao-lô, và bởi những người đánh cá như Phi-e-rơ. Khoảng thời gian giữa những người viết Kinh Thánh đầu tiên và những người viết cuối cùng khoảng hơn 1.500 năm. Mặc cho tất cả những sự khác biệt về địa vị cá nhân và thời gian, Kinh Thánh được đang chen với nhau như Một Sách. Không có phần Kinh Thánh nào mâu thuẫn nhau.

Chủ đề của những Quyển Sách trong Kinh Thánh trình bày chỉ là một – Kế hoạch cứu rỗi đời đời và hoàn thiện tất cả qua Chúa và Cứu Thế Jê-sus Christ của chúng ta. Chủ đề bao trùm tất cả này không đến từ tâm trí của những trước giả, họ viết một cách độc lập và không có sự bàn bạc lẫn nhau qua các thời đại. Chủ đề bao trùm tất cả này chỉ duy có thể đến từ một Tâm Trí Cao Thượng, từ một mình Đức Chúa Trời. Nếu bạn chưa đọc xuyên suốt Kinh Thánh, bắt đầu đọc nó ngay bây giờ! Đa-vít nói, “Khá ném thử xem Đức Giê-hô-va tốt lành dường bao!” (Thi 34:8), và nói lần nữa, “Lời Chúa ngọt hơn tôi dường bao! Thật ngọt hơn mật ong trong miệng tôi!” (Thi 119:103).

Lý do thứ ba tại sao chúng ta nói Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời là sự ứng nghiệm của những lời tiên tri, và sự ứng nghiệm ngay ngày hôm nay trước mắt chúng ta về những gì xảy ra cho Y-sơ-ra-ên và những sự kiện của thế giới, dẫn đến việc Chúa Jêsus Christ sớm tái lâm. Nếu bạn muốn biết về những sự kiện tương lai, hãy đọc những phần Tiên Tri trong Kinh Thánh, chứ không phải đến với những thầy bói đời này.

Kinh Thánh không nói trước và khái quát hóa trên lời tiên tri. Đức Chúa Trời không cần thiết sử dụng ngôn ngữ lập lờ bởi vì Đức Chúa Trời hiểu biết mọi sự. Lời của Đức Chúa Trời là phải và Amen, vô ngộ, và đời đời. Mỗi một lời tiên tri về Chúa Jêsus Christ trong sự đến lần thứ nhất của Ngài—từ sự hoài thai của Ngài trong Trinh Nữ, sự sinh ra và sự giáo dục của Ngài cho đến sự đóng đinh và sự phục sinh—đã được ứng nghiệm. Những điều này được biết tỏ tường đến nỗi chúng ta không cần phải tham khảo những phân đoạn Kinh Thánh. Sự đến lần hai của Ngài trong quyền năng và vinh hiển cao cả, đặt chân của Ngài trên Núi Ô-li-ve, như Ngài đã được cất lên trước mặt các môn đồ có thể xảy ra ở thời gian của chúng ta, theo tiên tri Xa-cha-ri (14:14).

Cùng chung với những lời tiên tri về sự đến lần hai của Đấng Christ, có điều chưa được ứng nghiệm, có những lời tiên tri về sự Phục Hồi của Y-sơ-ra-ên rằng điều này phải đến trước, bởi vì Đấng Christ sẽ trở lại trên ngôi của Đa-vít (Ê-sai 9:7). Sự phục hồi Y-sơ-ra-ên như là một quốc gia vào ngày 14 tháng 5 năm 1948 sau 2.000 năm Phiêu Bạt (lưu đày đến vùng đất ngoại quốc), và sự chiến thắng trong bốn cuộc chiến họ đã đánh trả kẻ thù mình, như được nói trước trong Ê-sai 11, được ứng nghiệm một cách lạ lùng trong thời gian của chúng ta. Những con đường mà người Y-sơ-ra-ên dùng để hạ gục kẻ thù của họ trong Trận Chiến Sáu Ngày của năm 1967 có thể được vạch ra từng bước, theo Ê-sai 11:14: “Chúng nó sẽ bay trên vai dân Phi-li-tin về phía tây; cùng nhau cướp giựt con cái phương đông” (Sự chiếm đóng của Y-sơ-ra-ên ở Gaza trải dài bờ Địa Trung Hải). “Họ cùng

nhau cướp giựt con cái phương đông” [Syria được nói đến ở Cựu Ước như là những người phương đông (II Các 13:17)]. “Họ sẽ tra tay trên Ê-đôm và Mô-áp; con cái Am-môn sẽ vâng phục họ” (những tên của những nước nhỏ được nói đến ở đây được liên kết với vùng Giô-đanh, và từ Am-môn được bắt nguồn từ tên Amman, thủ đô của Giô-đanh). Tất cả các khu vực trên bị chiếm đóng hay bị thất bại bởi Y-sơ-ra-ên trong Cuộc Chiến Sáu Ngày.

Lời của Đức Chúa Trời được ứng nghiệm như một vở kịch của các quốc gia hiện tại được diễn trên sân khấu của lịch sử. Có một xu hướng bởi các giáo sư tiên tri đặt ra ngày hay phán đoán sự đến của Đấng Christ. Tất cả những điều đó đều thất bại và thất bại thê thảm.

Tại sao? Bởi vì Lời Tiên Tri của Đức Chúa Trời không chỉ phù hợp với nơi chốn và thời gian của sự ứng nghiệm, nhưng cũng ngăn cấm bất kỳ sự đưa bừa vào trong tính thiêng liêng của sự hiểu biết huyền bí của Ngài. Chúa Jêsus nói, “Về ngày và giờ đó, chẳng ai biết chi hết, các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa; song chỉ Cha mà thôi” (Mác 13:32). Vậy nếu những lời tiên tri dường như không được ứng nghiệm, chúng không được ứng nghiệm vì những sự phiên giải sai lầm của con người, và không phải vì chính lời tiên tri đó. “Vì, mọi xác thịt ví như cỏ, mọi sự vinh hiển của nó ví như hoa cỏ. Cỏ khô, hoa rụng, nhưng lời Chúa còn lại đời đời” (I Phi 1:24-25). Kinh Thánh là Lời Thánh của Đức Chúa Trời. Đừng nói quá to. “Hãy yên tịnh,” Kinh Thánh nói, “và biết rằng Ta là Đức Chúa Trời” (Thi 46:10).

Hãy cẩn trọng về các tiên tri giả của ngày hôm nay. Làm thế nào để thử những người được gọi là “tiên tri”? Sự tín nhiệm của bất kỳ một tiên tri nào là sự ứng nghiệm của sự tiên đoán của người ấy. Môi-se nói, “Khi kẻ tiên tri nhân danh Đức Giê-hô-va nói, ví bằng lời người nói không xảy đến và không ứng nghiệm, ấy là lời mà Đức Giê-hô-va chẳng có phán. Kẻ tiên tri đó bởi sự kiêu ngạo mà nói ra: chớ sợ người” (Phục 18:22).

Tại một buổi họp của những người theo nhóm ân tứ nọ, một truyền đạo người Mỹ cho rằng anh ta là người chữa lành bằng đức tin đã khuất phục các khán thính giả bởi sự tuyên bố về những thông tin đặc biệt từ Đức Chúa Trời. “Bạn đừng nói gì với tôi về bệnh của bạn,” anh ta lớn tiếng, “Đức Chúa Trời sẽ nói với tôi, và tôi sẽ nói với bạn.” Nhưng khi anh ta tiếp tục, anh ta chẳng làm trọn những gì anh ta đã khoe khoang. Anh ta bắt đầu nói lè nhè khi anh chỉ thẳng vào nhóm 30 người phụ nữ đang ngồi trước mặt anh ta, “Đức Chúa Trời nói với tôi rằng một người trong số các cô đang bị bệnh tiểu đường!” Thật đây là một sự bịp bợm của kẻ bất tài mà hay lèo bẹt và nhà tâm lý học. Người ấy là một tiên tri giả, vì những gì anh ta tiên đoán anh ta chẳng làm cho nó được trọn. Đừng sợ người ấy.

Bây giờ chúng ta hãy đến với lý do thứ tư và cũng là lý do cuối cùng, mặc dù nó không phải là nhỏ nhất. Mọi lý do được nêu ra nhằm bày tỏ Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời là quan trọng như nhau. Lý do thứ tư và cuối cùng này là *sự chính xác tuyệt đối và sự chân thật của những sự giảng dạy về đạo đức trong Lời của Đức Chúa Trời.*

Kinh Thánh có rất nhiều điều để nói về đời sống gia đình. Nó ký thuật những cuộc đời của các tổ phụ như Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp. Bây giờ, bởi vì Áp-ra-ham có Ha-ga và Kê-tu-ra là những vợ bé của Áp-ra-ham, và Gia-cốp có bốn vợ, do vậy người theo phái Mộc-môn cố gắng bênh vực cho chế độ đa thê, và thậm chí thực hành nó. Nhằm để đảm bảo rằng những ký thuật về chế độ hôn nhân đa thê của các tổ phụ không phải là một ví dụ điển hình, nhưng thay vì đó là một sự cảnh cáo, chúng ta phải so sánh với sự dạy dỗ của những phân đoạn Kinh Thánh khác. Ma-la-chi 2:14-16 trách những người Do-thái vì họ cưới hơn một vợ. Nó thách thức họ cho một câu trả lời tại sao Đức Chúa Trời đã tạo dựng một Ê-va mà không phải là hai. Thật mỉa mai, có phải bởi vì Đức Chúa Trời không còn sức để tạo nên một người đàn bà khác nữa? Không! Nhưng ấy là Ngài muốn có một dân sự tin kính.

Chúng ta hãy nghiên cứu một trường hợp khác. Nó luôn được trích

dẫn hoặc trích dẫn sai, “tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác.” Nhưng nếu vậy, thì làm thế nào Đức Chúa Trời làm thịnh vượng con cái Ngài với sự giàu có và tuyên bố sự giàu có là ơn phước của Ngài? Sáng Thế Ký 26:12-14 ký thuật “Y-sác gieo hạt giống trong xứ đó; năm ấy gặt được bội trăm phần; vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho. Người nên thịnh vượng, của cải càng ngày càng thêm cho đến đời người trở nên rất lớn. Người có nhiều bầy chiên, bầy bò và tôi tớ rất đông.” Tiền bạc, sự giàu có, của cải không phải là tự nó là ác. Những gì Phao-lô viết cho Ti-mô-thê là, “sự yêu mến tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác” (I Tim 6:10, KJV). Thật rất đúng! Một Cơ Đốc Nhân được ban phước qua công việc hay kinh doanh tốt và làm cho người ấy được thịnh vượng là được phước vậy. Một Cơ Đốc Nhân trở nên tham lam, yêu mến tiền bạc hơn Đức Chúa Trời, sớm muộn gì cũng sa vào “chước cám dỗ, mắc bẫy dò” (I Tim 6:9). Nó thật làm xấu hổ cho Chúa và cho Hội Thánh khi biết được một người tự xưng là Cơ Đốc Nhân bị tóm và bị vướng vào quai tắc vì một miếng bánh bất hợp pháp. Không phải tiền bạc làm rối rắm họ, nhưng ấy là sự yêu mến tiền bạc trong tâm lòng tham lam của họ.

Lời của Đức Chúa Trời không sai trật không chỉ trong hình thái của những mẫu tự nhưng thậm chí trong nội dung ý nghĩa của chúng. Để thử những sinh viên của tôi, tôi [Timothy Tow] giả bộ nói, Jê-sus nói, “Ngươi hãy yêu Chúa là Đức Chúa Trời ngươi hết lòng, hết linh hồn, và hết trí ... và ngươi hãy yêu kẻ lân cận hơn mình.” Có một số người đã bị mắc bẫy, nhưng chẳng mấy chốc họ đã được làm sáng tỏ bởi lời nguyên bản là không phải “hơn mình” nhưng là “như mình.” Phải chăng Đức Chúa Trời không công bằng với tất cả? Phao-lô nói, nếu chúng ta yêu vợ của chúng ta như yêu chính mình thì điều đó đủ tốt rồi. Không có sự bắt buộc trái lẽ nào của thuộc linh, và không một yêu cầu nào quá sức đối với những con người tội lỗi trong Lời của Đức Chúa Trời. Tôi hy vọng sự nghiên cứu về đạo đức Cơ Đốc này, thật thánh khiết và công bằng, sẽ khiến bạn trân trọng Lời của Đức Chúa Trời cực kỳ vô ngộ trong sự giảng dạy của nó. McIntire đã nói thật đúng, “Đức Chúa Trời được tôn trọng khi chúng ta tôn trọng Lời

của Ngài; Đức Chúa Trời được tôn cao khi chúng ta tin cậy nơi những lời hứa của Ngài.”

Than ôi! Sau tất cả những gì đã được nói, sau tất cả những lẽ thật quan trọng được trình bày cho bạn, sau tất cả những sự biện luận logic đã được giải thích trong một lối hợp lý, nếu bạn không phải là một Cơ Đốc Nhân, bạn sẽ không hiểu trọn hết. Có phải bạn là một Cơ Đốc Nhân đã được tái sanh? Nếu chưa, bạn sẽ không thể hiểu những gì tôi đã nói nhằm trình bày Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Jêsus nói, “Nếu một người chẳng sanh lại, thì không thể thấy được nước Đức Chúa Trời” (Giăng 3:3). Ngoại trừ bạn đã được tái sanh bởi công việc của Đức Thánh Linh trong tấm lòng của bạn, bạn sẽ trân trọng và yêu mến Kinh Thánh như những Cơ Đốc Nhân vậy, hiểu ít nhiều. Phao-lô viết trong thư I Cô-rinh-tô 2:14, “Vả, người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chung người đó coi sự ấy như là sự rồ dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng.”

Bạn có muốn Thánh Linh của Đức Chúa Trời giúp bạn để hiểu Lời tuyệt vời của Ngài? Hãy ăn năn những tội lỗi của bạn và tin vào Phúc Âm. Tin cậy nơi Chúa Jêsus như là Đấng Cứu Thế của bạn, vì bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá vì những tội lỗi của bạn và sự sống lại của Ngài từ kẻ chết, Ngài có thể thanh tẩy và tha thứ tất cả những tội lỗi của bạn, và ban cho bạn một đời sống mới, sự sống đời đời. Rồi có một câu trả lời đến cách tự nhiên, soi sáng cho câu hỏi, “Làm thế nào chúng ta biết Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời?,” sẽ đến trong lòng của bạn.

“Không có một tín đồ theo phái chính thống cần nói xin lỗi về Kinh Thánh hay bị xấu hổ về bất kỳ điều gì ở trong đó. Nó đã đứng vững trong sự thử thách của những niên kỷ. Đó là Lời Thánh và vô ngộ của Đức Chúa Trời” (McIntire).

SỰ SOI DẪN TOÀN VỆN VĂN TỰ

“Cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn (*theopneustos*)” (II Tim 3:16a). Kinh Thánh là một Quyển Sách được Đức Chúa Trời hà hơi, được viết bởi sự soi dẫn của Đức Thánh Linh. Khi Lời của Đức Chúa Trời được soi dẫn từng chữ một và một cách tổng thể—thì cũng được soi dẫn hoàn toàn trong các phần của nó, thậm chí đến từng chấm từng nét (Mat 5:18)—nó là hoàn toàn đủ và hoàn toàn có thẩm quyền, “và có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng để làm mọi việc lành” (II Tim 3:16b-17).

Ngoại trừ Đức Thánh Linh xác nhận Quyển Sách Thánh trong lòng của chúng ta, chúng ta sẽ không khuất phục dưới thẩm quyền của nó. Calvin nói, “Thẩm quyền của Kinh Thánh là được minh chứng đúng hơn là bởi lời chứng của Đức Thánh Linh. Vì như một mình Đức Chúa Trời là một nhân chứng đủ cho chính Ngài trong chính lời của Ngài, cũng như Kinh Thánh sẽ không bao giờ lấy được sự tín nhiệm trong tấm lòng của con người, cho đến khi chúng được xác nhận bởi lời chứng nội tại của Thánh Linh, Đấng đã nói bởi miệng của những tiên tri, phải thấm nhuần tấm lòng của chúng ta, nhằm thuyết phục chúng ta rằng họ đã ban phát Kinh Thánh một cách trung tín điều đã được giao phó một cách thiêng liêng cho họ. Và liên kết này được bày tỏ một cách thích hợp trong những lời này, “Đức Giê-hô-va phán: Về phần ta, này là giao ước ta đã lập với họ. Thần ta ở trên ngươi, cả đến những lời ta đã đặt nơi miệng ngươi, sẽ chẳng lìa khỏi miệng ngươi, miệng dòng dõi ngươi, và miệng dòng dõi của dòng dõi ngươi ... đến đời đời!” (Ê-sai 59:21).

“Đây là một lẽ thật không thể chối cãi, rằng họ, những người đã được dạy trong thâm tâm bởi Đức Thánh Linh, cảm nhận một sự phục tùng hoàn toàn nơi Kinh Thánh, và rằng nó được tự chứng thực, mang theo với nó chính bằng chứng của nó. Vì vậy thẩm quyền của Kinh

Thánh không phải bị biến thành sự lệ thuộc của sự chứng minh hay lý luận từ lý trí. Chỉ duy những người được khai sáng bởi Ngài mới có thể tin vào sự thiêng liêng và độc đáo của Kinh Thánh.

“Điều này, là điều mà tôi đã nói, là những gì mà mỗi người tin kinh nghiệm trong tấm lòng của người ấy. Chỉ duy điều đó là đức tin thật, điều mà Thần Linh của Đức Chúa Trời ấn chứng trong tấm lòng của chúng ta, như Ê-sai đã tiên đoán, rằng, “tất cả con cái” của Hội Thánh được đổi mới 'sẽ được dạy bởi Đức Giê-hô-va' (Ê-sai 54:13). Đức tin này, điều mà Đức Thánh Linh chuyển vào trong tấm lòng của chúng ta, Đức Chúa Trời thiết kế để trao tặng cho những người được chọn, và không phải cho hết thảy những người còn lại. Vì vậy, thật không ngạc nhiên khi chúng ta nhìn thấy rất nhiều sự ngu dốt và sự ngớ ngẩn trong vòng sự rác rưởi thô bỉ của con người.” Ngoại trừ sự tác động của Đức Thánh Linh, chúng ta sẽ không bao giờ tin Kinh Thánh.

Đức Thánh Linh xác chứng trong lòng chúng ta rằng Quyển Sách Thánh là Lời của Đức Chúa Trời cho chúng ta để chúng ta phải vâng phục những mệnh lệnh của nó. Như đối với Bác Sĩ John Sung (Tổng Thượng Tiết), đây là những gì mà ông đã làm chứng sau sự cải đạo của ông và bị thúc ép giam hãm trong Bệnh Viện Tâm Thần tại Mỹ: “Bài học đầu tiên mà tôi đã học được là làm thế nào để trở thành một người đầy tớ vâng lời. Đức Chúa Trời đã nặn đức tính cách và tính khí của tôi. Ngày đầu hàng và dâng phước đời sống của tôi cho Chúa là ngày mà tôi tốt nghiệp Trường Thần Học của Đức Chúa Trời!

“Bài học thứ hai là của sự hiểu biết của tôi về Kinh Thánh. Vì vậy tôi đã tuyên bố Bệnh Viện Tâm Thần là Trường Thần Học của tôi nơi tôi đã tốt nghiệp. Đức Thánh Linh là Thầy Giáo của tôi, dạy dỗ tôi những điều sâu thẳm của Lẽ Thật. Ngày mà tôi rời khỏi Bệnh Viện là ngày tôi nhận bằng tốt nghiệp.

“Kinh Thánh là quyển sách giáo khoa của tôi. ... Kinh Thánh bao gồm 1189 phân đoạn. Bởi sự chỉ dẫn của Chúa, tôi đã rút ra được 49

phương pháp của sự nghiên cứu, đọc Kinh Thánh 40 lần. Dĩ nhiên tôi không đọc Kinh Thánh qua loa từng từ. Khi tôi đọc Kinh Thánh tôi đã được đem đi khỏi bởi nó điều mà tôi cứ tiếp tục tận hưởng giống như một bữa ăn ngon miệng vậy.

“Kinh Thánh là Lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời, được viết bởi sự cảm thúc của Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy người đọc Kinh Thánh, ngoại trừ được Đức Chúa Trời khai tỏ bởi sự chỉ dẫn của Đức Thánh Linh, thì làm thế nào con người có thể hiểu nó được? Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời rằng Ngài đã bày tỏ cho tôi sự mầu nhiệm của Kinh Thánh. Tôi biết rằng mỗi phân đoạn, mỗi câu, mỗi từ có một vài điều tốt lành cho đời sống thuộc linh của tôi.”

Qua trình bày của Calvin và bài làm chứng của John Sung về Kinh Thánh nên tìm thấy một tiếng vang amen sẵn sàng từ tấm lòng của chúng ta. Đức Thánh Linh đã xác chứng Quyển Sách Thánh, quyển sách chúng ta nên vâng phục mọi mệnh lệnh của nó.

KINH THÁNH LÀ CAO HƠN HỘI THÁNH, KHÔNG PHẢI NGƯỢC LẠI

Thật là quá xác láo khi Hội Thánh Công Giáo La Mã tuyên bố rằng “Kinh Thánh chỉ có nhiều trọng lượng khi được thừa nhận bởi những sự bỏ phiếu của Hội Thánh.” Họ giả bộ quyết định rằng những Sách của Kinh Thánh đã ban xuống cho chúng ta từ Đức Chúa Trời, quyển sách đã được bao hàm trong kinh điển. Điều này đúng là kiêu ngạo, tương đương với một sự bóp méo từ kẻ ngu dốt. Với sự tuyên bố như thế này, khuất phục thẩm quyền của Lời của Đức Chúa Trời vào sự phán xét của con người là việc coi khinh Đức Thánh Linh.

Hội Thánh không được nắm quyền ưu tiên trên Kinh Thánh, nhưng là Kinh Thánh rồi mới đến Hội Thánh. Sứ Đồ minh chứng cho điều này.

Phao-lô làm chứng rằng Hội Thánh được “dựng lên trên nền của các sứ đồ cùng các đấng tiên tri” (Êph 2:20). Nếu giáo lý của các Tiên Tri và các Sứ Đồ là nền tảng của Hội Thánh, nó hỗ trợ Hội Thánh thì không phải Hội Thánh rồi mới đến giáo lý. Kinh Thánh tồn tại trước Hội Thánh, vì vậy thật là lố bịch khi nói Hội Thánh có quyền quyết định thẩm quyền của Kinh Thánh. Điều nào đến trước, con gà mái hay cái trứng gà?

Điều này đúng hơn là lẽ thật của mối quan hệ giữa Hội Thánh và Kinh Thánh: khi Hội Thánh nhận Kinh Thánh, và ấn chứng nó bởi việc bỏ phiếu, Hội Thánh không xác nhận được một điều gì nếu không thì mơ hồ và dễ gây tranh cãi. Nhận biết nó là lẽ thật của Đức Chúa Trời, Hội Thánh phải thực hiện một nhiệm vụ của lòng trung thành. Nhưng nếu nó được hỏi, “Làm thế nào để chúng ta biết đó là Lời của Đức Chúa Trời ngoại trừ chúng ta có Hội Thánh nói với chúng ta?” Điều này hỏi y như, “Làm thế nào chúng ta phân biệt sự sáng khỏi bóng tối, trắng khỏi đen, ngọt khỏi đắng?” Kinh Thánh phô bày lẽ thật một cách rõ ràng, như trắng được phân biệt với đen, như ngọt được phân biệt với đắng. Với sự xúc dầu của Đức Thánh Linh (I Giăng 1:20-27), chúng ta được tái xác quyết với Bản Xưng Nhận Đức Tin Westminster về sáu mươi sáu sách của Kinh Thánh của người Tin Lành (Protestant Bible) là Lời của Đức Chúa Trời vô ngộ và không sai trật, là nguyên tắc của đức tin và đời sống của chúng ta.

“Nếu là Cơ-đốc giáo và Phong trào Tin Lành thì Pháo đài phải được nắm giữ là Kinh thánh” (McIntire). “Nếu các nền bị phá đổ, người công bình sẽ làm sao?” (Thi 11:3).

SỰ BẢO TỒN TOÀN BỘ VĂN TỰ

Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster (WCF) tuyên bố rất rõ ràng rằng Kinh Thánh được soi dẫn một cách văn tự và hoàn toàn (VPI) trong những ngôn ngữ gốc bởi “sự quan tâm và quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời, đã gìn giữ tinh khiết trong mọi thời đại” (1:8). Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster sử dụng Ma-thi-ơ 5:18 cách thiêng liêng như là một đoạn trích minh chứng cho sự xác nhận về sự bảo tồn toàn bộ văn tự của Kinh Thánh. Điều này minh chứng rằng giáo lý bảo tồn toàn bộ văn tự của Kinh Thánh không chỉ được tin tưởng, nhưng còn quan trọng hơn thế nữa là phù hợp Kinh Thánh.

Giáo lý bảo tồn toàn bộ văn tự của Kinh Thánh là một vị trí của đức tin thứ mà chỉ dựa vào Lời của Đức Chúa Trời duy nhất. “Vả, đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đương trông mong, là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy” (Hêb 11:1). “Nhu vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đức Chúa Trời được rao giảng” (Rô-ma 10:17, KJV). “Vả, không có đức tin, thì chẳng hề có thể nào ở cho đẹp ý Ngài; vì kẻ đến gần Đức Chúa Trời phải tin rằng có Đức Chúa Trời, và Ngài là Đấng hay thưởng cho kẻ tìm kiếm Ngài” (Hêb 11:6). Đây là vị trí nơi mà chúng ta phải nắm lấy nếu như chúng ta phải vượt qua và sống sót qua những sự tấn công của thuyết hậu hiện đại (postmodernism), hiện đại thời phong (pop-modernism), thần học mở (open-theism), thuyết vô thần (neo-deism) tìm kiếm để tiêu diệt hội thánh ngày hôm nay.

Giáo lý bảo tồn toàn bộ văn tự có nghĩa gì? “Verbal” có nghĩa “mỗi từ cho đến chấm và nét” (Thi 12:6-7, Mat 5:18). “Plenary” có nghĩa “Kinh Thánh nói chung với tất cả những lời còn nguyên vẹn” (Mat 24:35; I Phi 1:25). Vậy bảo tồn toàn bộ văn tự có nghĩa là toàn bộ Kinh Thánh với những từ ngữ của nó thậm chí cho đến chấm và nét được bảo tồn một cách hoàn hảo bởi Đức Chúa Trời không có bất kỳ sự mất mát nào về các từ ngữ của nguyên bản, các lời tiên tri, các lời

hứa, những mạng lệnh, những giáo lý, và những lẽ thật, không chỉ trong những từ ngữ của sự cứu rỗi, nhưng cũng trong những từ ngữ về lịch sử, địa lý, và khoa học. Mỗi sách, mỗi phân đoạn, mỗi câu, mỗi từ, mỗi âm tiết, mỗi mẫu tự được bảo quản một cách vô ngộ bởi chính Chúa cho đến mẫu tự bé tí cuối cùng.

Bảo tồn toàn bộ văn tự được xác chứng bởi Helvetic Consensus Formular (1675): “Đức Chúa Trời, Đấng Đoán Xét tối cao, không chỉ chăm sóc Lời của Ngài, ấy là “quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Rôm 1:16), được giao phó bởi sự ghi chép của Môi-se, các tiên tri, và các sứ đồ, nhưng cũng quan sát, và nâng niu nó với một sự chăm sóc như của người cha từ khi nó được viết ra cho đến thời điểm hiện tại, để nó không thể bị hư hoại bởi mảnh khóc của Satan hay sự gian trá của con người. Vì vậy, hội thánh thẳng thắn gán cho nó ân điển phi thường và sự tốt lành đặc biệt mà nó có, và sẽ có cho đến lúc chung kết thể gian, một 'lời tiên tri chắc chắn' (II Phi 1:19) và 'Kinh Thánh' (II Tim 3:15), trời và đất bị hủy diệt, 'một chấm một nét cũng không qua đi được' (Mat 5:18).”

Giáo lý bảo tồn toàn bộ văn tự được dạy nhiều trong những phân đoạn Kinh Thánh:

Thi Thiên 12:6-7 - “Các lời Đức Giê-hô-va là lời trong sạch, dường như bạc đã thét trong nôi dốt bằng gốm, luyện đến bảy lần. Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ gìn giữ chúng, Ngài hằng bảo tồn chúng từ đời này cho đến đời đời” [KJV].

Thi Thiên 33:11 - “Muru của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời, ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia.”

Thi Thiên 78:1-7 - “Hỡi dân sự ta, hãy lắng tai nghe luật pháp ta; hãy nghiêng tai qua nghe lời của miệng ta. Ta sẽ mở miệng ra nói thí dụ, bày ra những câu đố của đời xưa, mà chúng ta đã nghe biết, và tỏ phụ chúng ta đã thuật lại cho chúng ta. Chúng ta sẽ chẳng giấu các điều ấy cùng con cháu họ. Bèn sẽ thuật lại cho dòng dõi hậu lai những sự ngợi khen Đức Giê-hô-va, quyền năng Ngài, và công việc lạ lùng mà

Ngài đã làm. Ngài đã lập chứng cứ nơi Gia-cốp, định luật pháp trong Y-sơ-ra-ên, truyền dạy tổ phụ chúng ta *phải dạy nó lại cho con cháu mình*; hầu cho dòng dõi hậu lai, tức là con cái sẽ sanh, được biết những điều đó, rồi đến phiên *chúng nó truyền lại cho con cháu mình*; hầu cho chúng nó để lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời, không hề quên các công việc Ngài, song gìn giữ các điều răn của Ngài.”

Thi Thiên 100:5 - “Vì Đức Giê-hô-va là thiện; sự nhân từ Ngài hằng có mãi mãi, và *lẽ thật [KJV] của Ngài còn đến đời đời.*”

Thi Thiên 105:8 - “Ngài nhớ đến sự giao ước Ngài luôn luôn, hỏi tưởng lời phán dạy Ngài *cho đến ngàn đời.*”

Thi Thiên 111:7-8 - “Công việc tay Ngài là chân thật và công bình; *các giếng mới Ngài đều là chắc chắn, được lập vững bền đời đời vô cùng, theo sự chân thật và sự ngay thẳng.*”

Thi Thiên 117: 2 - “Vì sự nhân từ Ngài rất lớn cho chúng ta; *sự chân thật Đức Giê-hô-va còn đến đời đời. Ha-lê-lu-gia!*”

Thi Thiên 119:89 - “Hỡi Đức Giê-hô-va, *lời Ngài được vững lập đời đời trên trời.*”

Thi Thiên 119:152 - “Cứ theo *chứng cứ Chúa* tôi đã biết từ lâu rằng Chúa *lập các điều răn ấy đến đời đời.*”

Thi Thiên 119:160 - “Sự *tổng cộng lời của Chúa* là chân thật, *các mạng lệnh công bình của Chúa còn đời đời.*”

Ê-sai 40:8 - “Cỏ khô, hoa rụng; nhưng *lời của Đức Chúa Trời chúng ta còn mãi đời đời!*”

Ê-sai 59:21 - “Đức Giê-hô-va phán: Về phần ta, này là *giao ước ta đã lập với họ. Thần ta ở trên ngươi, cả đến những lời ta đã đặt nơi miệng ngươi, sẽ chẳng lìa khỏi miệng ngươi, miệng dòng dõi ngươi, và miệng dòng dõi của dòng dõi ngươi, từ bây giờ cho đến đời đời!* Đức Giê-hô-va phán vậy.”

SỰ SOI DẪN VÀ SỰ BẢO TỒN KINH THÁNH:

BỐN QUAN ĐIỂM

	TÂN THỜI	TÂN PHÚC ÂM	TÂN CHÍNH THỐNG	CHÍNH THỐNG
SỰ SOI DẪN THÁNH KINH	Không soi dẫn	Soi dẫn không hoàn toàn	Soi dẫn hoàn toàn	Soi dẫn hoàn toàn
SỰ BẢO TỒN THÁNH KINH	Không bảo tồn	Bảo tồn không hoàn toàn	Bảo tồn không hoàn toàn	Bảo tồn hoàn toàn
TÍNH VÔ NGỘ VÀ KHÔNG SAI LẦM CỦA KINH THÁNH	Chối bỏ cả tính vô ngộ và không sai lầm trong bản viết tay và bản sao chép.	Xác nhận tính vô ngộ nhưng chối bỏ tính không thể sai lầm trong bản viết tay và các bản sao chép.	Xác nhận tính vô ngộ và tính không sai lầm nhưng chỉ ở các bản viết tay duy nhất.	Xác nhận tính vô ngộ hoàn toàn và tính không thể sai lầm ở cả các bản viết tay và các bản sao chép.
THÂM QUYỀN VÀ NHẬN THỨC	Chỉ một mình khoa học. Tri thức, không phải Đức Tin, là cao nhất.	Khoa học cộng với Kinh Thánh. Đức tin lệ thuộc nhiều	Khoa học cộng với Kinh Thánh. Đức tin lệ thuộc	Chỉ duy Kinh Thánh (<i>Sola Scriptura</i>). Đức tin và Tri thức lệ thuộc hoàn

LUẬN	Thấy mới tin.	vào tri thức hơn là Kinh Thánh. Thấy mới tin.	nhiều hơn vào tri thức hơn là Kinh Thánh. Thấy mới tin.	toàn vào Kinh Thánh. Tin để thấy.
PHÊ BÌNH BẢN VĂN	Chấp nhận Westcott và Hort	Chấp nhận Westcott và Hort	Chấp nhận Westcott và Hort	Không chấp nhận Westcott và Hort
NGUYÊN NGỮ HY LẠP	Thiếu số và duy nhất Bản văn phê bình	Thiếu số và duy nhất Bản văn phê bình	Thiếu số và duy nhất Bản văn phê bình	Đại đa số và duy nhất Textus Receptus
CÁC BẢN DỊCH ANH NGỮ	Duy nhất các bản dịch hiện đại được chấp nhận	Duy nhất các bản dịch hiện đại được chấp nhận	Mọi bản dịch được chấp nhận	Chỉ duy nhất bản dịch King James

Ma-thi-ơ 4:4 - “Đức Chúa Jêsus đáp: Có lời chép rằng: Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ *mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời.*”

Ma-thi-ơ 5:17-18 - “Các ngươi đừng tưởng ta đến để phá luật pháp hay là lời tiên tri; ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn. Vì ta nói thật cùng các ngươi, đương khi trời đất chưa qua đi, thì *một chấm một nét trong luật pháp cũng không qua đi được* cho đến khi mọi sự được trọn.”

Ma-thi-ơ 24:35 - “Quả thật, ta nói cùng các ngươi, dòng dõi này chẳng qua trước khi mọi điều kia chưa xảy đến. Trời đất sẽ qua, nhưng *lời ta nói chẳng bao giờ qua đi.*”

Giăng 10:35 - “Nếu luật pháp gọi những kẻ được lời Đức Chúa Trời phán đến là các thần, và nếu *Kinh thánh không thể bỏ được.*”

I Phi-e-rơ 1:23-25 - “Anh em đã được lại sanh, chẳng phải bởi giống hay hư nát, nhưng *bởi giống chẳng hư nát, là bởi lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời.* Vì, mọi xác thịt ví như cỏ, mọi sự vinh hiển của nó ví như hoa cỏ. Cỏ khô, hoa rụng, *nhưng lời Chúa còn lại đời đời.* Và lời đó là phúc âm [KJV] đã giảng ra cho anh em.”

Vậy có phải giáo lý bảo tồn toàn bộ văn tự là không phù hợp Kinh Thánh sao? Chắc chắn là phù hợp! Mỗi tín đồ, trẻ hay già, đàn ông hay đàn bà, giàu hay nghèo, không học thức hay được giáo dục, Do-thái hay Gờ-réc – bởi *đức tin đơn giản như con trẻ* nơi Lời của Đức Chúa Trời vô ngộ đời đời và không hề sai trật – có thể nói “Amen” với lẽ thật rằng Đức Chúa Trời thật đã bảo tồn những lời được soi dẫn của Ngài, và mỗi lời của nó cho đến *mẫu tự bé tí cuối cùng.*

Những lời được bảo tồn của Đức Chúa Trời là những gì và ở đâu ngày hôm nay? Chúng là những lời được soi dẫn trong kinh Cựu Ước Hê-bơ-rơ và kinh Tân Ước Hy-lạp mà những tiên tri, các Sứ Đồ, những giáo phụ, những nhà cải chánh đã sử dụng những điều được tìm thấy trong những lời được tồn tại lâu dài vĩnh cửu và được bảo tồn dưới Kinh Thánh của Phong Trào Cải Chánh được trình bày một cách tốt nhất bởi Bản Dịch King James (The King James Bible) được thời gian thử thách và được kính chuộng lâu đời, chứ không phải những bản viết tay của Alexander và những bản phê bình của Westcott–Hort núp dưới những bản dịch Tiếng Anh hiện đại thuộc phong trào tự do, hiệp nhất, và phúc âm mới.

SỰ BẢO TỒN CỦA NHỮNG LỜI THUỘC KINH CỰU ƯỚC

Lời của Đức Chúa Trời mãi mãi vô ngộ và không sai trật. Hội Thánh hôm nay có một quyển Kinh Thánh hoàn hảo 100% không có bất kỳ lỗi nào bởi vì Đức Chúa Trời đã hứa bảo tồn lời được soi dẫn của Ngài cho đến từng chấm và nét (Mat 5:18). Vì vậy, (1) Kinh Thánh được soi dẫn không bao giờ mất nhưng *luôn luôn được bảo tồn* không có bất kỳ sự hư hoại hay thiếu sót nào; (2) Kinh Thánh Thiêng Liêng *luôn luôn vô ngộ và không sai trật, có thẩm quyền tối cao không chỉ ở quá khứ, nhưng ngày nay cũng vậy* – *Sola Scriptura (Duy Kinh Thánh)!*

Kinh Thánh Cựu Ước được ban cho đầu tiên cho Y-sơ-ra-ên tuyển dân của Đức Chúa Trời. Rô-ma 3:1-2 bảo chúng ta rằng Đức Chúa Trời đã phó thác cho người Do-thái sự bảo tồn và sao chép Kinh Thánh. Nhận biết tốt về bản chất thiêng liêng của Kinh Thánh, rằng những lời của những trang sách thiêng liêng chính là lời của Đức Chúa Trời Toàn Năng, nên họ đã sao chép Kinh Thánh hết sức rõ ràng và chính xác, sử dụng những nguyên tắc thật nghiêm ngặt. H S Miller trong quyển sách của ông—General Biblical Introduction (Giới Thiệu Kinh Thánh Tổng Quát) – đưa ra những ví dụ của những nguyên tắc này: (1) Không từ hay chữ nào có thể được chép từ trí nhớ; học giả phải có một bản xác thực trước mặt, và người phải đọc và phát âm lớn tiếng mỗi từ trước khi viết nó.” (2) “Sự duyệt lại của một cuộn phải được thực hiện trong vòng 30 ngày sau khi công việc được hoàn thành; nếu không thì nó là vô giá trị. Một lỗi trên một tờ thì tờ đó bị loại bỏ đi; nếu có nhiều lỗi được tìm thấy trong bất kỳ tờ nào, thì toàn bản sao chép đó bị loại bỏ.” (3) “Mỗi từ hay mỗi chữ được đếm, và nếu một chữ bị thiếu, hay một chữ được thêm vào, hay nếu một chữ chạm đến chữ khác, thì bản sao tay đó bị loại bỏ đi và tiêu hủy ngay lập tức.”

Những nguyên tắc nghiêm ngặt của sự sao chép này cho thấy những

người Do-thái quan tâm đến lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời quí báu làm sao, và sự sao chép của những lời được soi dẫn này phải được chính xác ra sao. Sự thực hành nghiêm ngặt trong sự sao chép như thế này “cho chúng ta sự khích lệ mạnh mẽ để tin rằng chúng ta có Kinh Cựu Ước thật, giống y như quyển mà Chúa của chúng ta có và quyển mà được ban cho nguyên thủy bởi sự soi dẫn của Đức Chúa Trời” (Miller).

Các lời của Kinh Thánh rất quan trọng (Phục 8:3, Mat 4:4, Lu-ca 4:4). Đức Chúa Trời sử dụng lời của Ngài để chuyên tải Lễ Thật của Ngài để chúng ta có thể biết Ngài là ai và là gì và chúng ta có thể được cứu thông qua Ngài là làm sao. Kinh Thánh nói với chúng ta một cách rõ ràng rằng nó là các lời được viết ra của Đức Chúa Trời (*pasa graphe* - “cả Kinh Thánh”) được soi dẫn (II Tim 3:16), và từ những lời được soi dẫn này đến toàn bộ những giáo lý là đầy đủ và ích lợi cho sự phát triển và sự trưởng thành thuộc linh của tín đồ (II Tim 3:17). Kinh Thánh nói rất rõ ràng rằng chính mình Đức Chúa Trời sẽ bảo tồn tất cả những lời được soi dẫn của Ngài cho đến chัấm và nét không mất bất kỳ từ, âm tiết, hay mẫu tự nào (Thi 12:6-7, Mat 5:18,24:35).

Bây giờ nếu chúng ta có những lời được soi dẫn, vô ngộ và không hề sai lầm của Đức Chúa Trời ngày nay được bảo tồn trong những bản Kinh Thánh truyền thống và của Phong Trào Cải Chánh, vậy làm thế nào để chúng ta giải thích những sự khác biệt hay không đồng nhất được tìm thấy trong Kinh Thánh đặc biệt những điều đó được tìm thấy trong I Sa-mu-ên 13:1, II Sử Ký 22:2, và nhiều chỗ khác nữa. Có phải chúng vì những “sai sót thuộc về học giả” (scribal errors) hay là những từ bị lạc mất?

Vì Đức Chúa Trời đã bảo tồn lời được soi dẫn của Ngài cho đến mẫu tự "iota" và không có từ nào bị thất thoát nhưng tất cả được gìn giữ thánh khiết và còn nguyên vẹn trong ngôn ngữ gốc của Kinh Thánh, chúng ta phải thẳng thừng từ chối rằng Kinh Thánh của chúng ta chứa đựng lỗi và sai sót (thuộc người viết hay cách khác). Nhưng nó

rắc rối rằng một số người thuộc phái phúc âm và chính thống muốn từ chối tính vô ngộ và không sai trật của Kinh Thánh hiện nay bởi việc xem xét “những sự không nhất quán” được tìm thấy trong I Sa-mu-ên 13:1 và II Sử Ký 22:2 và những phân đoạn khác là thật sự thay cho những sự không nhất quán *hiển nhiên*, và gọi chúng là “những sai sót thuộc về học giả.”

Sự từ chối về sự bảo tồn toàn bộ văn tự của Kinh Thánh luôn luôn khiến một người tin rằng một vài lời của Đức Chúa Trời bị lạc mất và những sự lạc mất còn lại đó dẫn đến quan điểm “những sai sót thuộc về học giả” của Kinh Cựu Ước. Ví dụ như, trong quyển sách *Chỉ Có Một Kinh Thánh? (One Bible Only?)*, W Edward Glenny khước từ Đức Chúa Trời đã gìn giữ lời Ngài một cách hoàn hảo để không một từ nào bị lạc mất. Ông nói rằng, “Bằng chứng từ bản Cựu Ước đề xướng rằng không có quan điểm như vậy. *Chúng ta có thể mất một vài từ ...*”

Dựa trên quan điểm “những từ lạc mất” của ông, ông ta quá vội vàng chỉ ra “sự không nhất quán hiển nhiên” trong Cựu Ước như II Sử ký 22:2. Ông ta viết, “Trong I Sử ký 8:26 [nguyên văn], bản KJV cho rằng A-cha-xia được hai mươi hai tuổi khi ông bắt đầu cai trị; nhưng trong II Sử ký 22:2 nói rằng ông bắt đầu cai trị vào tuổi bốn mươi hai. ... Những sự *không nhất quán hiển nhiên* trong bản KJV và những bản viết tay Hê-bơ-rơ nơi mà nó dựa vào cho thấy rằng *không một quyển nào trong số chúng được bảo quản một cách hoàn hảo bản viết tay được soi dẫn.*”

Bây giờ, hãy biết rằng II Sử ký 22:2 đọc “bốn mươi hai” trong bản KJV. Một số bản dịch hiện đại như NASV, NIV, và ESV đọc thay cho là “hai mươi hai.” Vậy cái nào là cách đọc nguyên thủy được soi dẫn “bốn mươi hai” (trong KJV) hay “hai mươi hai” (trong NASV, NIV, và ESV)? Trong sự quyết định bản văn như vậy, chúng ta phải có một tiêu chuẩn hoàn hảo, và tiêu chuẩn vô ngộ và không sai lầm đó là Kinh Thánh Hê-bơ-rơ được soi dẫn và được bảo quản, chứ không phải bất kỳ một bản dịch cổ hay hiện đại nào.

Nó thật là quan trọng để chú ý rằng mọi bản viết tay Hê-bơ-rơ riêng rẽ đọc là “bốn mươi hai” (*arebba'im wushetha'im*) trong II Sử ký 22:2. Không có một bằng chứng nào về những từ bị mất—mỗi từ cho đến mỗi chữ được bảo quản, và đọc một cách chính xác như “bốn mươi hai” như được dịch trong bản KJV. Nếu bản viết tay Hê-bơ-rơ đọc “bốn mươi hai” trong II Sử ký 22:2, vậy dựa vào cái gì mà bản NASV, NIV, và ESV biến nó thành “hai mươi hai”? Sự thay đổi “bốn mươi hai” thành “hai mươi hai” dựa trên bản Septuagint (LXX) là bản dịch tiếng Hy-lạp của Kinh Thánh Hê-bơ-rơ giống như bản NIV là một bản Tiếng Anh của nó. Hay nói cách khác, chúng sử dụng một bản dịch nhằm chỉnh sửa bản văn Hê-bơ-rơ nguyên gốc! Nó có phải nên làm cách ngược lại không?

Tại sao họ làm những điều này? Họ làm điều này bởi vì sự giả định sai lầm của họ rằng (1) Đức Chúa Trời đã không bảo tồn lời Ngài một cách vô ngộ, (2) những từ bị mất tồn tại trong bản văn Hê-bơ-rơ, và (3) II Sử ký 22:2 là một điều không nhất quán “hiển nhiên” (tham khảo II Các 8:26). Do vậy, Glenný và tất cả những người theo quan điểm không-bảo quản quá vội vàng sử dụng bản dịch (v.d. LXX – bản Bảy Mươi) để chỉnh sửa Nguyên Bản Hê-bơ-rơ! Điều này không khác hơn một số người sử dụng NIV ngày hôm nay chỉnh sửa bất kỳ phần nào của Nguyên Bản Hê-bơ-rơ tùy theo ý nghĩ bất chợt và sức tưởng tượng của họ! Nhưng Glenný gọi nó “sự sửa lỗi có tính cách phỏng đoán” điều mà nghe có vẻ như uyên thâm lắm nhưng thật ra rõ ràng là sự phỏng đoán. Có thể nào một bản dịch lại được soi dẫn nhiều hơn hay tốt hơn bản văn ngôn ngữ gốc? Có thể nào một bài dịch hay bản dịch (bất kỳ ngôn ngữ nào) được sử dụng để chỉnh sửa nguyên bản Hê-bơ-rơ? Phương pháp giải thích của Glenný như “sự không nhất quán hiển nhiên” trong Kinh Thánh là rắc rối vì nó phò bày (1) thái độ hoài nghi về tính chân thật thuộc số học của Lời của Đức Chúa Trời, (2) sự sẵn sàng phê phán để khước từ sự không sai trật của Kinh Thánh hiện tại trong những chi tiết thuộc lịch sử, và (3) một phương pháp yếu ớt trong việc giải thích những chỗ khó hiểu trong Kinh Thánh bằng cách vứt bỏ một cách tiện tay như những sự

khó hiểu ấy là bởi “những sai sót thuộc về học giả.”

Một phương pháp tin kính là một điều mà nó giả định trước về tính chất vô ngộ và tính không sai trật hiện tại của Lời của Đức Chúa Trời không chỉ khi nó nói về sự cứu rỗi mà thôi, nhưng cũng nói về lịch sử, địa lý hay khoa học. “Thà xưng Đức Chúa Trời là thật và loài người là giả dối” (Rôm 3:4). Một cách tiếp cận tin kính tới những phân đoạn Kinh Thánh khó là tìm kiếm để so sánh (không phải chỉnh sửa) Kinh Thánh với Kinh Thánh. Bởi việc so sánh Kinh Thánh với Kinh Thánh, có hai giải pháp có thể để điều mà được cho là “vấn đề” hay “sai sót” trong II Sử ký 22:2. Năm tuổi “bốn mươi hai” có thể một trong hai (1) Số năm tuổi của A-cha-xia được tính từ đầu của triều đại được thiết lập bởi Ôm-ri, hay (2) năm mà A-cha-xia được ngồi trên ngôi vua thực thụ qua sự việc xúc dầu lúc “hai mươi hai” (II Các 8:26). Bất kỳ câu trả lời nào có thể, lẽ thật và sự thật là: Việc đọc bản Hê-bơ-rơ được soi dẫn và được bảo quản trong II Sử ký 22:2 là “bốn mươi hai” chứ không phải “hai mươi hai,” và không một ai có quyền để thay đổi hay chỉnh sửa Lời của Đức Chúa Trời bởi “sự sửa lỗi có tính cách phỏng đoán,” chú tâm đến sự cảnh báo nghiêm nghị không được thêm vào hay bớt đi khỏi Kinh Thánh (Khải 22:18-19).

Bây giờ, chúng ta hãy nhìn vào đoạn trích thứ hai ấy là I Sa-mu-ên 13:1 chỗ bản KJV dịch là “Sau-lơ cai trị một năm.” Nhưng những bản dịch khác đọc rất khác biệt. Bản NASV dịch, “Sau-lơ được bốn mươi tuổi khi người bắt đầu cai trị;” bản NIV dịch, “Sau-lơ được ba mươi tuổi khi người trở thành vua;” và bản RSV và ESV dịch, “Sau-lơ ... năm tuổi khi người bắt đầu cai trị.” Bản dịch nào ở trên là chính xác? Chỉ có một cách duy nhất để chúng ta biết chắc việc đọc chính xác là đi đến với Kinh Thánh Hê-bơ-rơ. Kinh Thánh Hê-bơ-rơ từ ban đầu đọc *Ben-shanah Shaoul*, nghĩa đen, “A son of a year (là) Saul,” hay phù hợp với phong cách bản ngữ, “Sau-lơ được một tuổi.”

Bây giờ, sự khó khăn là: Làm thế nào Sau-lơ chỉ được một tuổi khi người bắt đầu cai trị? Các học giả và những người dịch là những

người không tin và sự bảo quản chằm-nét của Kinh Thánh nói rằng đây thật sự là một sự không nhất quán trong Nguyên Bản Hê-bơ-rơ cái mà họ qui cho là một “lỗi sai sót thuộc về học giả.” Ấy là tại sao Michael Harding trong quyển sách sai tựa đề – *Lời của Đức Chúa Trời trong Tay của Chúng Ta (God's Word in Our Hands)* – viết, “Trong I Sa-mu-ên 13:1-2 Bản Masoretic nói rằng Sau-lơ được một tuổi (*ben-shanah*-nghĩa đen “con trai của một tuổi”) ... Vài bản viết tay tiếng Hy-lạp ... đọc “ba mươi năm” thay cho “một năm,” ... Trong lời giải thích của sự thuyết phục thuộc về thần học của tôi về tính không thể sai lầm của *bản viết tay*, tôi tin bản Hê-bơ-rơ nguyên ngữ cũng đọc là “ba mươi,” thậm chí mặc dù *hiện nay chúng ta không thể sở hữu một bản viết tay Hê-bơ-rơ với cách đọc như vậy.*”

Harding và một số người giống như ông ấy đã thất bại khi áp dụng chuỗi lý luận của đức tin về lời hứa của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ bảo quản và đã bảo quản mọi "iota" của những lời được soi dẫn của Ngài. Điều này dẫn họ đến kết luận rằng một từ bị mất trong I Sa-mu-ên 13:1 bao gồm một “sai sót thuộc về học giả” ngay khi không có lỗi như vậy. Họ thay đổi bản gốc khi bản gốc không cần sự thay đổi. Họ đã thay thế những từ thiêng liêng với những từ thuộc về con người. Thay vì qui lỗi cho bản dịch (NASV, NIV, RSV, ESV), họ chê bai Nguyên Bản Hê-bơ-rơ được soi dẫn và được bảo quản, và họ đối xử nó như một sự không nhất quán thực thụ thậm chí khi không có bất kỳ sai sót một cách tuyệt đối. Điều này đã làm suy yếu tính toàn vẹn của Lời của Đức Chúa Trời: Chúng ta thật sự có Lời của Đức Chúa Trời vô ngộ và không sai lầm trong tay của chúng ta chẳng? Nhiều người thật đã vấp phạm bởi những luận điệu vô căn cứ về Kinh Thánh như vậy, và nghi vấn rằng họ có thể thật sự tin cậy vào Kinh Thánh hay không nếu không có những điều như Lời hoàn chỉnh và hoàn hảo của Đức Chúa Trời ngày hôm nay.

Phải được nói một cách dứt khoát rằng không có sai sót nào cả trong Nguyên Bản Hê-bơ-rơ và cũng không có lỗi nào trong KJV dịch I Sa-mu-ên 13:1 một cách chính xác. Vậy làm thế nào để chúng ta giải

thích I Sa-mu-ên 13:1? Một sự giải thích trung tín được trình bày bởi Matthew Poole ông viết, “[Sau-lơ] đã cai trị được một năm, ngay tại sự chọn lựa đầu tiên tại Mích-ba, trong thời gian này những điều này được hoàn thành, chúng được ký thuật trong phân đoạn 11, 12, tức là, một cách bình an, hay một cách công bình. So sánh II Sam 2:10.”

Hay nói cách khác, năm của Sau-lơ được tính không phải từ thời điểm ra đời của ông nhưng là từ *sự bổ nhiệm làm vua*; “Sau-lơ được một năm tuổi đi vào sự cai trị của ông (*Saul was one year old into his reign*).” Ý nghĩa này được ủng hộ bởi Bản Kinh Thánh Geneva đọc là, “*Saul now had beene King one year.*” Vẫn vậy, không có một lỗi nào trong Nguyên Bản Hê-bơ-rơ và trong KJV ở đây. Đức Chúa Trời thật sự đã soi dẫn và đã bảo quản những lời thuộc Kinh Cựu Ước của Ngài một cách hoàn hảo để chúng ta có thể có một Kinh Thánh Cựu Ước vô ngộ, không sai lầm trong tay của chúng ta ngày hôm nay.

Giáo ký Kinh Thánh về sự bảo tồn chấ-mà-và-nét của Kinh Thánh xác nhận Kinh Thánh *ngày nay* là 100% vô ngộ và không sai lầm! Bản Viết Nền Móng của đức tin thuộc Cơ Đốc Nhân-Do Thái của chúng ta là chắc chắn và vững chắc vì “cỏ khô, hoa rụng; nhưng lời của Đức Chúa Trời chúng ta còn mãi đời đời” (Ê-sai 40:8). Amen!

SỰ BẢO TỒN CỦA CÁC LỜI THUỘC KINH TÂN ƯỚC

Trong ánh sáng của sự bảo tồn siêu nhiên và liên tục của Đức Chúa Trời về những lời được soi dẫn trong các ngôn ngữ cổ (Thi 12:6-7, Mat 5:18, Giăng 10:35, I Phi 1:23-25), chúng ta nhận biết Bản Truyền Thống, Bản được Đại Đa Số Công Nhận (Textus Receptus) là Nguyên Bản bảo tồn toàn bộ văn tự, và không phải nguyên bản hư hoại, bị cắt xén của Wescott và Hort (1881), tiêu biểu cho ngày hôm nay bởi Bản Văn Phê Bình hiện đại núp dưới những bản dịch hiện

đại.

Nguyên Bản bảo tồn toàn bộ văn tự là bản Textus Receptus nằm dưới Bản Kinh Thánh King James. Tất cả những bản hiệu đính của Textus Receptus kế thừa từ một dòng tinh sạch của Bản Văn Truyền Thống hay Đại Đa Số được bảo tồn một cách thiêng liêng. Nhưng bản hiệu đính nào là tinh sạch nhất? Chúng ta tin nó là bản Textus Receptus nằm dưới bản KJV. Edward F. Hills (ThD, Harvard) cùng chung quan điểm về KJV và Textus Receptus. Hãy nghe chính từ Hills, “Những bản văn của một vài bản hiệu đính của bản Textus Receptus được Đức Chúa Trời hướng dẫn. Chúng được gây dựng dưới sự dẫn dắt của sự quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời. Vì thế những sự khác biệt giữa chúng được giới hạn tới mức nhỏ nhất. ... Nhưng chúng ta làm gì với một vài chỗ nơi mà trong một vài bản hiệu đính của Textus Receptus không đồng ý với nhau? Bản văn nào chúng ta tin theo? Câu trả lời cho câu hỏi này là dễ dàng. Chúng ta được hướng dẫn bởi một đức tin chung. Do đó chúng ta ưu ái hình thức đó của Textus vì nó có Đức Chúa Trời làm việc một cách quan phòng, đã đặt con dấu của sự phê chuẩn của Ngài, cụ thể là, Bản Dịch King James (King James Version), hay chính xác hơn, nguyên bản Hy-lạp nằm dưới bản dịch King James.”

Giống như Tiên sĩ Hills, chúng ta tin rằng tất cả các bản hiệu đính thuộc Textus Receptus là thanh khiết, nhưng có một bản thanh khiết nhất—bản nằm dưới bản dịch KJV. Tiên sĩ Hills nói rằng Bản dịch King James phải được xem không chỉ như là một bản dịch của bản Textus Receptus nhưng cũng như một loại độc lập của Textus Receptus.” Không phải Bản Hy-lạp nằm dưới bản dịch KJV là bản Textus Receptus hay sao? Bản Textus Receptus là của ai? Không hoàn toàn thuộc về Erasmus, Stephen, hay Beza, nó là một bản hiệu đính mới của Textus Receptus là bản văn phản ánh sự chọn lựa bản văn của những dịch giả thuộc KJV khi họ nghiên cứu một cách cung kính và so sánh với các bản viết tay được bảo tồn. Theo Hiệp Hội Thánh Kinh Trinity (Trinitarian Bible Society), “Các bản hiệu đính

của Beza, cụ thể 1598, và hai bản hiệu đính sau cùng của Stephens, là một nguồn tư liệu chủ yếu được sử dụng cho Bản Dịch Tiếng Anh Được Ủy Thác của 1611 (The English Authorised Version, 1611). ... Bản hiệu đính hiện hành của bản Textus Receptus nằm dưới Bản Dịch Tiếng Anh Được Ủy Thác của 1611 tiếp nối bản văn hiệu đính 1598 của Beza như một căn cứ chính yếu, và tương ứng với 'Tân Ước trong Nguyên Bản Hy-lạp theo căn cứ theo bản văn được tiếp nối trong Bản Dịch Được Ủy Thác (Authorised Version), được hiệu đính bởi F H A Scrivener.'"

Phải chú ý rằng Đức Chúa Trời bảo tồn Kinh Thánh của Ngài không phải là bởi tình lực nhưng là động lực. Tà giáo thần luận cho rằng Đức Chúa Trời đã soi dẫn Lời của Ngài nhưng Ngài đã không làm điều gì để bảo vệ nó. Tà giáo này phải bị loại bỏ. Tiến sĩ Timothy Tow nói thẳng thắn rằng, "Nếu Thuyết Hữu Thần dạy rằng Đấng Tạo Hóa đi ngủ sau khi tạo dựng nên thế gian là lỗ bịch, để nắm vững giáo lý của sự soi dẫn nằm ngoài sự bảo tồn là bằng với sự thiếu hợp lý ... sự soi dẫn và sự bảo tồn được kết nối với nhau. Không có sự bảo tồn thì tất cả sự soi dẫn, Đức Chúa Trời hà hơi vào trong Kinh Thánh, sẽ bị mất. Nhưng chúng ta có một Kinh Thánh thật tinh khiết và quyền năng trong mỗi lời và nó là vậy bởi vì Đức Chúa Trời đã bảo vệ nó qua mọi thời đại."

Đức Chúa Trời đã hướng dẫn những dịch giả của KJV một cách quan phòng nhằm đem lại một bản Textus Receptus tinh khiết nhất. Những bản hiệu đính ban sơ là những nỗ lực của cá nhân, nhưng bản Textus Receptus nằm dưới KJV là một nỗ lực kết hợp của 57 học giả thần học thuộc Kinh Thánh xuất chúng nhất, và quan trọng hơn, họ là những học giả tin Kinh Thánh trong thời đại của họ. Và như Kinh Thánh nói "Song nếu có nhiều mưu sĩ, bèn được yên ổn" (Châm 11:14). Những dịch giả KJV đã có vài bản hiệu đính khác nhau của bản Textus Receptus để tham khảo, và họ đã nghiên cứu thật sâu với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh. Chúa đã dẫn dắt những dịch giả KJV một cách quan phòng để lựa chọn đúng bản văn. Như vậy,

không cần để cải tiến bản Textus Receptus nằm dưới KJV. Không một ai nên đùa giỡn với sự phê bình bản văn, và trở thành người xét đoán Lời của Đức Chúa Trời ngày hôm nay. Đức Chúa Trời chính là Nhà Phê Bình Bản Văn của Ngài. Công việc quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời trong lịch sử đương thời Cải Chánh Tin Lành thế kỷ thứ 16 được thấy trong sự phát hành và sử dụng phổ biến bản văn Textus Receptus.

Bây giờ câu hỏi vẫn còn tồn tại: Tại sao bản Textus Receptus nằm dưới KJV mà không phải là Kinh Thánh tiếng Đức của Luther, hay bản tiếng Tây Ban Nha Reina Valera, hay bản tiếng Ba-lan Biblia Gdanska, hay bản tiếng Pháp Martin Bible? Bây giờ chúng ta không khước từ có nhiều bản dịch trung tín và đáng tin cậy và chúng được dịch một cách chính xác từ bản Textus Receptus, và chúng ta cũng không coi nhẹ sự cần thiết của những bản Kinh Thánh tiếng ngoại quốc, nhưng ở đây sự trả lời của Tiên sĩ Hills cho câu hỏi: “Trong sự quan phòng của Ngài Đức Chúa Trời đã chứng minh một cách sáng tỏ về sự tin cậy của các dịch giả King James. Dòng lịch sử đã khiến Anh Ngữ thành một ngôn ngữ phổ biến trên thế giới và là ngôn ngữ bán xứ ít nhất 300 triệu người và ngôn ngữ thứ hai của nhiều triệu người. Vì lý do này Bản Dịch King James được biết đến trên toàn thế giới và được dùng phổ biến hơn bất cứ bản dịch nào của Kinh Thánh. Không chỉ vậy, nhưng Bản Dịch King James đã được sử dụng bởi những nhà truyền giáo như là một căn bản và hướng dẫn cho công việc dịch thuật của chính họ và trong cách này nó đã phát huy sự ảnh hưởng của nó thậm chí đến những người cải đạo biết Anh Ngữ. Vì hầu như 400 năm nay, cách diễn đạt thành kính của Bản Dịch King James đã được sử dụng bởi Đức Thánh Linh nhằm đem Lời của sự sống đến với hàng triệu triệu linh hồn đang hư mất. Chắc chắn đây là bản dịch được hướng dẫn bởi Đức Chúa Trời trong việc Đức Chúa Trời làm việc một cách quan phòng, đã đặt con dấu ấn chứng của sự phê chuẩn của Ngài.” Điều này y theo lời của Jê-sus, “Vậy, hễ cây nào tốt thì sanh trái tốt; nhưng cây nào xấu thì sanh trái xấu ... Ấy vậy, các ngươi nhờ những trái nó mà nhận biết được” (Mat

7:17-20).

Một vài người nói rằng sự tin tưởng nơi sự bảo tồn Kinh Thánh là một kết quả của “sự lập luận vòng vo.” Thật nó là vậy. Dựa trên nền tảng nào mà Hội Thánh tin vào Sự Soi Dẫn Toàn Bộ Văn Tự (VPI)? Há chẳng phải là sự làm chứng của chính Kinh Thánh đó sao (II Tim 3:16, Mat 5:18)? “Đức Chúa Trời phán vậy, tôi tin vậy, điều đó vững lập vậy.” Lý luận vòng vo hay lý luận *viện dẫn* (*priori*) không phải là không hợp lý. Nó chỉ sai khi giả thuyết được bắt đầu với điều sai. Nếu tôi lý luận, “Tôi là hoàn hảo bởi vì tôi nói tôi là vậy,” nó sai bởi vì giả thuyết này hoàn toàn không đúng (Rôm 3:4-23). Nếu Đức Chúa Trời nói về chính Ngài, “Ta là hoàn hảo bởi vì Ta nói Ta là vậy,” điều đó đúng tuyệt đối. Tại sao chúng ta tin Đức Chúa Trời đã bảo tồn Lời và những lời của Ngài một cách hoàn hảo? Thật đơn giản bởi vì Đức Chúa Trời đã hứa thực hiện như vậy trong Kinh Thánh được nói ở trên. Chúng ta đơn giản nắm lấy Đức Chúa Trời ngay tại Lời của Ngài bởi vì Đức Chúa Trời không thể nói dối (Dân 23:19).

Há chúng ta có thể biết hết mọi thứ đã trải qua trong sự chuyển giao của bản văn? Không, chúng ta không thể. Nhưng Đức Chúa Trời biết; Ngài biết tất cả và chúng ta tin Ngài biết những gì Ngài đang làm. Ví dụ, chúng ta đã không có ở đó khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên thế gian. Chúng ta đã không nhìn thấy công việc của Ngài bằng chính mắt của chúng ta. Khi “khoa học” được cho là đối nghịch với những gì Kinh Thánh nói về nguồn cội, ai là người chúng ta sẽ tin tưởng? Khoa học hay Kinh Thánh? Chúng ta tin Kinh Thánh. Hê-bơ-rơ 11:3 nói, “Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến.”

Sự trung tín với Đức Chúa Trời và Lời của Ngài yêu cầu một Cơ Đốc Nhân tin nơi một Đức Chúa Trời hoàn hảo Đấng đã ban cho Hội Thánh của Ngài một Kinh Thánh hoàn hảo. Nhận thức luận thuộc Kinh Thánh không phải “thấy là tin,” nhưng “tin là thấy.”

Có một sự kiện lịch sử nói với chúng ta rằng công việc quan phòng của Đức Chúa Trời có thể đòi hỏi một sự chấm dứt, một điểm đến cuối cùng không? Câu trả lời là có. Tất cả các sách Tân Ước được soi dẫn đã được hoàn thành trước năm 100 SC khi Sứ Đồ Giăng viết quyển sách cuối cùng Khải Huyền, và Đức Chúa Trời đã cảnh cáo chống lại sự thêm vào hay bớt đi Lời của Ngài trong Khải Huyền 22:18-19. Mặt khác, chúng ta biết rằng một vài thế kỷ đầu tiên có một vài người không được soi dẫn đã viết những quyển phúc âm và thư tín giả mạo, và đã được mạo nhận như là Kinh Thánh. Một vài trong chúng như Phúc Âm của Tô-ma, Phúc Âm của Phi-líp, Thư Tín của Ba-na-ba, v.v. Mặc dù vậy, không có một quyển được soi dẫn nào bị mất cả hay bị ngăn trở trong tiến trình kinh điển. Bởi sự dẫn dắt quan phòng của Đức Thánh Linh, dân sự của Đức Chúa Trời được dẫn dắt để nhận diện 27 sách trở thành Tân Ước Kinh Điển của chúng ta, không hơn, không kém. Có một điểm kết thúc của sự kinh điển của Kinh Thánh tại Hội Nghị của Carthage vào năm 397 SC.

Cùng cách như vậy, Chúa đã cho phép những lỗi sao chép và sự sửa đổi làm cho sai lạc xâm nhập vào trong tiến trình chuyển giao qua ngòi bút của những học giả lâm lạc và tà giáo. Mặc dù vậy, với bàn tay quan phòng đặc biệt của Ngài đã gìn giữ những lời được soi dẫn của Kinh Thánh khỏi sự lạc mất. Trong ánh sáng của sự quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời, không có một điều gì xảy ra bởi sự ngẫu nhiên, và lịch sử ở dưới sự tể trị tối cao của Ngài, chúng ta có thể thấy điều đó trong một thời gian thích hợp—một thời gian thuận lợi nhất của Phong Trào Cải Chánh khi hội thánh thật phân rẽ khỏi hội thánh giả, khi việc nghiên cứu những ngôn ngữ gốc được nhấn mạnh, và máy in được sáng chế (có nghĩa là sẽ không cần việc sao chép Kinh Thánh bằng tay do đó đảm bảo bản văn giống nhau)—Đức Chúa Trời khôi phục lại từ một dòng tinh khiết của bản văn Hê-bơ-rơ và Hy-lạp được bảo tồn, bản văn Hê-bơ-rơ và Hy-lạp tinh khiết nhất của tất cả—Bản Văn ấy nằm dưới bản KJV của chúng ta—nó phản chiếu một cách chính xác về Kinh Thánh nguyên gốc.

Sự bảo tồn quan phòng của Kinh Thánh đó cho thấy lịch sử tương đương của nó trong sự kinh điển quan phòng của Kinh Thánh cũng như cùng cách nghĩ của Dean Burgon. Ông tin rằng khi Đức Chúa Trời kết thúc kinh điển một cách dần dần của Tân Ước bởi sự bảo vệ các hội thánh của Ngài khỏi các sách không thuộc kinh điển, Ngài cũng thực hiện với Bản Văn y như vậy.

DUY NHỮNG BẢN VIẾT TAY HAY DUY NHỮNG BẢN SAO CHÉP?

Có ích gì khi có một quyển Kinh Thánh mà nó chỉ hoàn hảo trong quá khứ nhưng không còn hoàn hảo trong ngày hôm nay? Chỉ duy những bản viết tay (nguyên bản được hạ hơi bởi Đức Chúa Trời được viết bởi chính tay của các Sứ Đồ và các Tiên Tri được soi dẫn) có thể công bố tính vô ngộ và không sai trật nhưng không phải là những bản sao chép (những bản sao của những bản viết tay), điều này nó được dạy một cách phổ biến ngày nay. Phần này chú tâm đến câu trả lời cho câu hỏi: Có phải quan điểm rằng Hội Thánh không còn có những bản viết tay vô ngộ và không sai trật nhưng chỉ có những bản sao chép vô ngộ và không sai trật là quan điểm có thể đứng vững?

Quan điểm *Sola Autographa* về tính vô ngộ và tính không sai lầm được nắm giữ phổ quát ngày nay bởi những người được gọi là những người theo phái phúc âm và chính thống. Hiệp Hội Thần Học Phúc Âm (ETS) từ chối tính không sai lầm hoàn toàn và hiện tại của Kinh Thánh mặc dù ở các cấp độ khác nhau. Sự tranh luận về Thuyết Hữu Thần Mở trong Hiệp Hội Thần Học Phúc Âm (ETS) là một thí dụ điển hình. Sự khái niệm của Hiệp Hội Thần Học Phúc Âm (ETS) về tính không sai lầm là lỏng lẻo đến nỗi nó cho phép tất cả mọi kiểu thông giải với sự đề cập về tính không sai lầm có ý nghĩa là gì. Điều này là bởi vì niềm tin của Hiệp Hội Thần Học Phúc Âm (ETS) tin rằng tính không sai lầm chỉ hợp lệ trong những bản viết tay, “Chỉ duy

Kinh Thánh, và Kinh Thánh trong sự toàn bộ của nó, là Lời của Đức Chúa Trời được viết và vì vậy không sai trật trong những bản viết tay của nó. Sự nhất trí trong vòng những học giả theo phái phúc âm là những bản viết tay không còn tồn tại nữa. Như vậy, một người tin rằng Kinh Thánh chứa đựng những sai sót có thể tán thành với lời phát biểu như vậy bởi vì nó có thể được nói, “Tôi chỉ tin Kinh Thánh là không sai trật như được ban cho trước kia; Tôi không tin rằng nó không sai trật trong ngày nay từ khi chúng ta không còn có những bản chép tay nữa, Kinh Thánh được ban cho từ lúc ban đầu mà thôi.” Sự tiến triển này đem đến sự rối loạn của thần học được tìm thấy trong phúc âm (phúc âm mới). Cơ Đốc giáo ngày nay tìm thấy nguyên nhân cội rễ của nó như trong việc chối bỏ tính không sai lầm của Kinh Thánh trong những bản sao.

Thật đáng tiếc, quan điểm thuộc *Sola Autographa* về sự không sai lầm cũng được nắm giữ bởi những trường Kinh Thánh chính thống. Hai quyển sách gần đây – *From the Mind of God to the Mind of Man* (tạm dịch: từ Tâm Trí của Đức Chúa Trời đến Tâm Trí của Con Người) và *One Bible Only?* (tạm dịch: Duy Chỉ Một Quyển Kinh Thánh?) được viết bởi những người từ trường Đại Học Bob Jones và Trường Thần Học Central Baptist (Plymouth) theo thứ tự bênh vực cho quan điểm như vậy. Tách khỏi lập trường về sự tán thành Westcott/Hort và sự tán thành những bản dịch hiện đại mà họ đã giữ, họ cũng cho rằng mặc dù được soi dẫn toàn bộ và văn tự trong những bản viết tay nhưng không được bảo tồn một cách toàn bộ văn tự trong những bản sao chép. Giả định của họ là từ khi Đức Chúa Trời không bảo tồn những lời được soi dẫn hoàn hảo của Ngài, vậy không có một quyển Kinh Thánh nào hoàn hảo trong ngày hôm nay. Hoặc nếu có tồn tại một quyển Kinh Thánh hoàn hảo nào đi chăng nữa, thì không biết chắc chắn thật sự nó đang ở đâu.

Sự khước từ về sự bảo tồn siêu nhiên về chấm-và-nét của Kinh Thánh đã tạo ra sự rối loạn và sự ngăn trở lớn đến sự nghiệp truyền bá phúc âm chính thống trên toàn cầu. Một sự cần thiết ngày nay là

tái xác nhận tính vô ngộ và không sai lầm hiện thời của Kinh Thánh trong những bản sao được bảo tồn cách thiêng liêng của Lời của Đức Chúa Trời.

Theo Từ Điển của Chamber, từ “infallibility” có nghĩa “không có khả năng sai trật,” và từ “inerrancy” nghĩa “tự do khỏi sai trật.” Như vậy, “infallibility” có thể được đánh giá như là một thuật ngữ mạnh mẽ cho sự hoàn hảo của Kinh Thánh hơn cả thuật ngữ “inerrancy.” Nếu Kinh Thánh bởi tự nhiên là không có khả năng của sự sai trật, thì nó bước đi không cần nói rằng nó cũng phải hoàn toàn thoát khỏi sự sai trật. Chúng ta sẽ dùng những thuật ngữ “infallibility” và “inerrancy” trong ý tưởng mạch lạc của chúng trong từ điển vậy.

Kinh Thánh khi nói về sự soi dẫn và sự bảo tồn và hệ quả của tính vô ngộ và tính không sai trật của nó là nói về chúng trong những thuật ngữ của những bản sao chép của nó. Ví dụ, khi Chúa Jêsus nói về tính vô ngộ của chấ-m-và-nét (tính không sai trật thuộc văn tự) của Kinh Thánh trong Ma-thi-ơ 5:18, Ngài đang ám chỉ đến Kinh Thánh mà Ngài đang có trên tay của Ngài, ấy là những quyển sao chép của Kinh Thánh Cựu Ước, chứ không phải quyển chép tay là quyển đã không còn tồn tại vào thời đó. Kinh Điển Cựu Ước đã được hoàn thành vào thế kỷ thứ 5 TC đã bảo tồn chính xác và còn nguyên vẹn cho đến thời kỳ của Chúa Jêsus Christ vào năm 27 SC. Sứ Đồ Phao-lô khi ông nói về Kinh Thánh được soi dẫn thiêng liêng trong II Ti-mô-thê 3:16 phải được suy nghĩ đến chúng trong những thuật ngữ của Kinh Thánh rồi mới được sử dụng bởi Hội Thánh (64 SC), chúng là những bản sao, vì những bản viết tay không còn tồn tại nên khó có thể có chức năng như là nguyên tắc tối cao của đức tin và đời sống là điều “có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng để làm mọi việc lành” (II Tim 3:16-17).

Vài người nói rằng Sứ Đồ Phao-lô ám chỉ đến những bản viết tay hoàn hảo (*autographa*) khi ông nói về Kinh Thánh được Đức Chúa Trời soi dẫn trong II Ti-mô-thê 3:16. Nếu đó là những gì Phao-lô

muốn nói, vậy một câu hỏi có thể được nêu lên: làm thế nào một bản viết tay mơ hồ và không tồn tại có thể dùng làm thẩm quyền tối cao và tốt cùng được? Một thẩm quyền phải được hiện hữu, hiện thời và dễ dàng sử dụng được nếu không nó chẳng có thẩm quyền gì hết. Một nhân chứng đã chết rồi thì không thể làm chứng và chứng của người thì không có giá trị gì trước tòa án. Thêm nữa, há Phao-lô còn có ý nào khác về “Kinh Thánh” mà Ti-mô-thê được lớn lên chỉ duy chính những bản sao (II Tim 3:15)?

Một số người khác thì nói rằng Phao-lô nói đến những bản sao (*apographa*), nhưng lý luận rằng bản sao không thể được cho là hoàn hảo và đầy đủ. Nếu như vậy, thì làm thế nào một bản sao không hoàn hảo và không đầy trọn có thể dùng như là một sự hướng dẫn đầy đủ cho sự trang bị hoàn hảo và trọn vẹn của Cơ Đốc Nhân hướng về đời sống tin kính (II Tim 3:17)? Nếu một nhân chứng không phải là người hoàn hảo, nhưng là một kẻ có xu hướng dối trá, thì anh ta tốt gì? Lời chứng của anh ta hoàn toàn bị nghi ngờ. Nó cũng giống y với Kinh Thánh vậy. Nếu Hội Thánh không có một quyển Kinh Thánh vô ngộ và không sai lầm, và có nó ngày hôm nay, thì thẩm quyền tối cao và cuối cùng của đức tin và thực hành của nó tất cả là hoang đường. Thật vậy, Kinh Thánh đã, đang, và sẽ là Lời của Đức Chúa Trời vô ngộ và không sai lầm, và cũng vậy có thẩm quyền tối cao (Thi 12:6-7, Thi 119:89, Mat 24:35, Hêb 13:8).

Không chỉ duy lời chứng của chính Kinh Thánh xác chứng về sự hoàn hảo của bản sao của nó, mà còn những nhà Cải Chánh của thế kỷ thứ 16 nữa, trong lời tuyên bố của họ về *duy Kinh Thánh (Sola Scriptura)*, luôn được nghĩ trong những thuật ngữ về những bản sao hiện hành vô ngộ và không sai lầm hơn là những bản viết tay. Một nhà nhà Thanh Giáo (Puritan) vĩ đại—John Owen (1616-87)—Mục sư—nhà thần học của Hội Thánh và Học Viện Geneva—viết trong quyển Hệ Thống Thần Học của ông, “Bằng những bản văn nguyên thủy, chúng ta không có ý muốn nói đến những bản viết tay được viết bởi tay của Mô-i-se, của các tiên tri, của các sứ đồ, những quyển chắc

chấn không còn tồn tại. Chúng ta muốn nói đến những bản sao của chúng bởi vì chúng trình bày lời của Đức Chúa Trời trong chính những lời của những người đã viết dưới sự soi sáng trực tiếp của Đức Thánh Linh.”

Những tín điều của phái Tin Lành phản chiếu giáo lý Cải Chánh về tính vô ngộ của những bản sao (apographa) như quan điểm *Duy Kinh Thánh* của họ. Nó không đủ để xác nhận tính vô ngộ và không sai lầm của những bản viết tay (autographa) trong thời kỳ của Phong Trào Cải Chánh vì Hội Thánh Công Giáo La Mã thách thức quan điểm *Duy Kinh Thánh* tại Hội Nghị của Trent (1545-6) bởi việc chỉ ra những sai sót thuộc về người sao chép (scribal errors), những sự khác nhau và những chỗ không nhất quán trong Kinh Thánh hiện hành. Những nhà Cải Chánh đã gặp phải một sự thử thách quan trọng bởi lời tuyên bố dứt khoát rằng quyền Kinh Thánh hiện hành là vô ngộ và không sai lầm bởi tính chất của lời hứa của Đức Chúa Trời nhằm bảo tồn những lời của Ngài cho đến mẫu tự iota. Trong việc đáp ứng lại Hội Nghị của Trent, Bản Tín Điều Xung Nhận Đức Tin Wesminster (1643-1648) đã trình ra một lời phát biểu tuyệt vời nhất trên tính vô ngộ và không sai lầm liên tục của Kinh Thánh, “Cựu Ước trong tiếng Hê-bơ-rơ ... và Tân Ước trong tiếng Hy-lạp ... được soi dẫn trực tiếp bởi Đức Chúa Trời, và, bởi sự quan tâm và quan phòng đặc biệt, đã gìn giữ nó qua mọi thời đại, vì vậy có thẩm quyền; cho nên, trong tất cả các cuộc tranh luận của tôn giáo, Hội Thánh phải là nơi cuối cùng được yêu cầu giúp đỡ chúng” (1:8). Phân đoạn Kinh Thánh dẫn chứng được trích là Ma-thi-ơ 5:18, “Vì ta nói thật cùng các ngươi, đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn.” Trong trận chiến vì thẩm quyền duy nhất và tối cao của Kinh Thánh chống lại giáo điều Công Giáo La Mã về tính vô ngộ của giáo hoàng và hội thánh, giáo lý của sự bảo tồn đặc biệt và quan phòng của Kinh Thánh rốt cuộc và cuối cùng được xuất bản trong những ngày của Phong Trào Cải Chánh Tin Lành.

Mặc dầu nó được thú nhận là Bản Xung Nhận Wesminster đã không sử dụng những thuộc ngữ “vô ngộ” và “không sai lầm” để mô tả Kinh Thánh, họ đã sử dụng từ “thẩm quyền” rất nhiều. Họ đã không tin chút nào về Kinh Thánh Hê-bơ-rơ và Hy-lạp mà họ đang cố hữu trong bất cứ giá nào là không hoàn hảo và sai trật. J S Candlish quan sát chính xác rằng từ “thẩm quyền” không có nghĩa đơn giản rằng Kinh Thánh có “lịch sử thật,” nhưng nó có ý nói trong một nghĩa đen, Kinh Thánh hiện hành “là một bản sao công việc của tác giả.” William F Orr đặt nó trong cách mạnh mẽ hơn, “Bây giờ điều này xác chứng rằng bản văn Hê-bơ-rơ của Cựu Ước và bản văn Hy-lạp của Tân Ước đã được biết đến bởi các nhà thần học Wesminster rằng nó được soi dẫn trực tiếp bởi Đức Chúa Trời bởi vì nó giống hệt với bản văn thứ nhất là bản văn mà Đức Chúa Trời đã gìn giữ tinh khiết trong mọi thời đại. Ý tưởng cho rằng có những sai sót trong những bản văn Hê-bơ-rơ Masoretic hay trong bản Textus Receptus của Kinh Tân Ước đã không được biết đến bởi những tác giả của Bản Tín Điều Xung Nhận Đức Tin.”

Dựa vào tính chất lịch sử thì nó hết sức rõ ràng rằng khẩu hiệu của Phong Trào Cải Chánh về *Sola Scriptura* hàm chứa một niềm tin trong bản Cựu Ước Hê-bơ-rơ và Tân Ước Hy-lạp hiện hành trong những bản sao tương ứng của họ không chỉ được soi dẫn trọn vẹn mà còn được bảo tồn hoàn toàn cho đến từng chấm và từng nét cuối cùng của chúng, và vì thế nó tuyệt đối vô ngộ và hoàn toàn không sai trật. Những bản sao vô ngộ và không sai lầm có thể mang vai trò một cách hợp lệ như là thẩm quyền tối cao và cuối cùng của mọi vấn đề của đức tin và đời sống của Hội Thánh Tin Lành. Nó phải được chú ý tới ý tưởng của thế kỷ thứ 19-20 về tính vô ngộ và không sai lầm chỉ tập trung trong những bản văn viết tay là hoàn toàn xa lạ với những suy nghĩ của các thánh đồ và các học giả Cải Chánh của thế kỷ 16-17.

Quan điểm thịnh hành thuộc phái phúc âm về “những bản viết tay không sai lầm” là tương đối mới và nó được bắt đầu vào thế kỷ 19 trong sự kết hợp với sự thâm nhập của phong trào bình luận bản văn

thuộc chủ nghĩa duy lý (rationalistic textual criticism). Phong Trào Phê Bình Bản Văn (Textual Criticism) được đưa vào bởi Westcott và Hort đối xử với Kinh Thánh như bất kỳ văn chương thông thường, và được theo đuổi bởi lập luận của con người và sự phân tích thuộc quan điểm cá nhân để phê bình phần nào của Kinh Thánh được soi dẫn và phần nào không.

Họ đã chào hàng bản văn Codex Vaticanus và Codex Sinaiticus hết sức sai trật như là bản văn tiêu chuẩn mới, và đã khước từ bản truyền thống Textus Receptus là bản được bảo tồn một cách quan phòng. Việc duyệt lại bản Textus Receptus của họ đã cho thấy họ đã cắt bỏ tổng cộng 9.970 từ Hy-lạp khỏi nó trong bản văn Hy-lạp hiệu đính 1881 của họ. Bản văn của Westcott và Hort đã bỏ đi những phân đoạn được bảo tồn một cách thiêng liêng và được kính chuộng lâu đời như *Pericope de adultera* (Giăng 7:53-8:11), 12 câu cuối của Mác (Mác 16:9-20), và Johannine Comma (I Giăng 5:7). Sự khước từ về sự soi dẫn theo từng chữ một được thấy trong cách diễn đạt của họ về II Ti-mô-thê 3:16 được trau chuốt cẩn thận bởi nhà thần học Trưởng Lão Phương Nam – Robert Dabney – như là công việc của một người Socinian (thuộc phong trào tôn giáo theo Faustus Socinus ở thế kỷ 16, 17–phủ nhận thần tính của Jê-sus) và là một người theo chủ nghĩa duy lý.

Bi kịch trong giới học giả cải chánh là trong sự chấp nhận của Warfield về lý thuyết phê bình bản văn của Westcott và Hort và sự sự tái định nghĩa về giáo lý của tính không sai lầm của Kinh Thánh nhằm khiến nó duy nhất áp dụng cho các bản viết tay mà thôi. Khái niệm mới lạ của Warfield về *Sola Autographa* may mắn được nổi tiếng, và trở thành mô hình mới trong sự áp dụng phê bình bản văn của việc khôi phục lại (hay đúng hơn là sự phân chiết) bản văn được soi dẫn. Mô hình mới của cách đọc cũ hơn, khó hơn, ngắn hơn như cách đọc được soi dẫn được dựa trên những phương pháp sai. Dựa trên những phương pháp sai như vậy, “nhà phê bình bản văn đã bận rộn trong công việc của ông ta không giống như Newton sáng chế ra

những sự chuyển động của các hành tinh: ông ta giống hơn một con chó tìm kiếm những con bọ chết” (A E Housman). Thật vậy!

Sự chấp nhận không phê phán về lý thuyết phê bình bản văn sai lầm của Westcott và Hort bởi Trường Thần Học Princeton, và sau này là những trường thần học thuộc phái phúc âm và phái chính thống được dẫn đến Textus Receptus đã bị thay đổi bởi các Hiệp Hội Thánh Kinh Thống Nhất (the United Bible Societies) và những Bản Văn Phê Bình thuộc Nestle-Aland (the Nestle-Aland Critical Texts) như là bản văn được “chấp nhận một cách phổ biến” trong những sự nghiên cứu Kinh Tân Ước và những bản dịch hiện đại. Hơn một trăm bản dịch Anh Ngữ hiện đại đã được sản sinh bởi bản văn bị cắt xén và bị sửa đổi này khiến nhiều sự lộn xộn đối với tính vô ngộ, không sai lầm và thẩm quyền của Kinh Thánh. Kinh Thánh ở đâu? Những nhà phê bình bản văn hiện nay có câu trả lời hay không? Họ thuộc thuyết bất khả tri!

Ai là những người phê bình bản văn nhằm quyết định bản văn nào là bản văn được soi dẫn để Cơ Đốc Nhân nên sử dụng? Họ là những người chỉnh sửa các bản văn Phê Bình, tức là Aland và Metzger trong số những người theo phái tân thời. Chúng ta há có thể mong chờ họ làm nên những quyết định hướng dẫn tinh thần liên quan đến bản văn? “Ai sẽ được lên núi Đức Giê-hô-va? Ai sẽ được đứng nổi trong nơi thánh của Ngài? Ấy là người có tay trong sạch và lòng thanh khiết, chẳng hướng linh hồn mình về sự hư không, cũng chẳng thề nguyện giả dối” (Thi 24:3-4). Há có thể Thần Linh của Lễ Thật hài lòng sử dụng những người không có Thần Linh để hướng dẫn họ vào mọi lẽ thật về Lời Lễ Thật của Ngài (Giăng 16:13)? George Luck thuộc Trường Đại Học Johns Hopkins đã nói cách thẳng thắn, “những bản văn phê bình của chúng ta không tốt hơn những nhà phê bình của chúng ta.” Chúa Jêsus nói thật đúng, “Kẻ mù có thể dắt kẻ mù được chăng? Cả hai há chẳng cùng té xuống hố sao?” (Lu-ca 6:39). Những người không thuộc linh sản xuất ra bản văn không thuộc linh thứ mà đã hình thành một nền tảng của một trạng thái thừa

thái của các bản dịch thuộc phong trào tự do, phong trào đại đoàn kết và phong trào phụ nữ đó đã hạ thấp thần tính của Đấng Christ và từ chối tính xác thực của Kinh Thánh. Nó há chẳng ngạc nhiên chút nào khi những hội thánh thuộc giáo phái ngày hôm nay đang trong tình trạng thừa thãi, bịnh hoạn bởi vấn nạn bội đạo và vô đạo đức lan tràn?

Sự yêu thương của trào lưu chính thống (fundamentalism's love) giao thiệp với Westcott và Hort, những bản dịch hiện đại, và trào lưu phê bình bản văn thật sự là một tình huống hài hước của cái ách không cân bằng (II Cô-r 6:14-7:1). Bản KJV và bản văn Hê-bơ-rơ và Hy-lạp nằm dưới nó được soi dẫn và bảo tồn phải được dùng làm Bản Văn của phong trào chính thống thuộc Kinh Thánh. Nhưng ngày hôm nay, một số người theo trào lưu chính thống xung bằng môi miếng rằng KJV “thật” là (100%) Lời của Đức Chúa Trời, nhưng phá hoại ngầm ngay cội nguồn của nó—Bản Văn Hê-bơ-rơ Masoretic và Hy-lạp Textus Receptus—nói rằng nó không phải 100% (với nhiều sự tôn kính đến Westcott và Hort). Nó tiến triển mà không cần nói rằng sự cộng tác của KJV và Bản Văn của Westcott và Hort trong các lớp học của những trường cao đẳng và học viện thần học chính thống là một sự kết hợp không chung ách.

Có một sự cần thiết quan trọng ngày hôm nay cho những người theo quan điểm chính thống chân thật phù hợp với Kinh Thánh để dạy và bảo vệ giáo lý không thể thiếu được về sự bảo tồn toàn bộ văn tự (VPP) của Kinh Thánh, và bởi việc làm đó, khơi dậy tiếng hô xung trận của phong trào Cải Chánh về *Sola Scriptura* như được tìm thấy trong những bản sao vô ngộ và không sai lầm của bản truyền thống Hê-bơ-rơ Masoretic và bản Hy-lạp Textus Receptus mà bản dịch KJV thiêng liêng dựa trên.

Vào thế kỷ thứ 19 khái niệm của Warfield về bản viết tay (*autograph*) như được phản chiếu sự truyền giáo hiện đại phải được mở rộng ra nhằm bao hàm những bản sao không sai lầm. Theo Richard Muller thuộc Trường Thần Học Calvin, “những học giả Tin

Lành không nhân mạnh vào điểm được tạo ra bởi những bông hoa của thế kỷ thứ mười chín ấy là tính vô ngộ của Kinh Thánh và sự tự do của Kinh Thánh khỏi sai lầm tập trung tuyệt đối vào trong *autographa*, và chỉ duy trong ý nghĩa sao chép trong *apographa*; đúng hơn là, các học giả biện luận một cách tích cực rằng những bản sao bảo tồn nguyên vẹn những từ ngữ chân thật của các tiên tri và các sứ đồ và rằng cách Đức Chúa Trời hà hơi (*theopneustos*) của Kinh Thánh được thể hiện trong *apographa* cũng như trong *autographa*. Hay nói cách khác, vấn đề này được chú ý tới đầu tiên bởi phong trào chính thống vào thế kỷ thứ mười bảy trong sự bàn luận của họ về *autographa* là sự tiếp tục của những bản sao hiện hành trong Hê-bơ-rơ và trong Hy-lạp với nguyên ngữ cả *quoad res*, đối với sự vật hay chủ thể của bản văn, và *quoad verba*, đối với những từ ngữ của bản văn.” Nó thật hoàn toàn rõ ràng rằng những học giả của Phong Trào Cải Chánh tin vào sự soi dẫn 100% và sự bảo tồn 100% của những lời chân thật của Kinh Thánh mà Đức Chúa Trời đã hà hơi vào, không chỉ đơn thuần là giáo lý thôi đâu (II Tim 3:16, Thi 12:6-7, Mat 5:18, 24:35). Không có lời, thì ở đâu ra những giáo lý? Nó phải được chỉ ra rằng quan điểm của trào lưu phúc âm mới (neo-evangelical) và chính thống mới (neo-fundamental) về (1) sự soi dẫn từng lời và sự không sai lầm trong bản văn viết tay duy nhất, và (2) sự được soi dẫn dựa vào khái niệm và sự không sai lầm bị giới hạn trong những bản sao chép, trái ngược với những giáo điều thuộc cải chánh và chính thống.

Myron Houghton thuộc Trường Thần Học Faith Baptist thật chính xác khi ông viết, “Cả Kinh Thánh được ban cho bởi sự soi dẫn của Đức Chúa Trời” [II Tim 3:16]. Có thể có cách nói khác, 'cả Kinh Thánh được hà hơi bởi Đức Chúa Trời,' hay 'cả Kinh Thánh đến từ miệng của Đức Chúa Trời.' Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời có trách nhiệm trực tiếp cho việc khiến những người viết Kinh Thánh viết xuống tất cả những gì Ngài muốn được viết không có lỗi và không bỏ sót điều nào. Nhưng Kinh Thánh là thứ gì mà tôi nắm trên tay của tôi? Có phải là Lời của Đức Chúa Trời? Nó có đáng tin cậy

không? Câu trả lời là vâng! Cả hai đều là lẽ thật – sự soi dẫn và sự không sai lầm của những bản viết tay nguyên thủy và tính đáng tin cậy của Kinh Thánh trong tay tôi – phải được nhìn nhận. Để xác chứng sự soi dẫn và sự không sai lầm của các văn bản nguyên thủy trong khi gieo rắc sự nghi ngờ về thẩm quyền của Kinh Thánh dành sẵn cho chúng ta thì thật rõ ràng khờ dại. Bạn có thể thật sự tưởng tượng một ai đó nói một cách nghiêm túc rằng, ‘Tôi có một tin tốt lành và một tin xấu: tin tốt lành là Đức Chúa Trời muốn ban cho chúng ta một sứ điệp và vì vậy khiến một quyển sách được viết ra; tin xấu là Ngài không có quyền năng để bảo quản nó và vì vậy chúng ta không biết nó nói cái gì!’ Một quan điểm của sự soi dẫn không có một quan điểm tương ứng với sự bảo tồn là vô giá trị.”

Ian Paisley, một lãnh đạo nổi tiếng của Đại Hội Thế Giới của những người theo Phong Trào Chính Thống (World Congress of Fundamentalists) và Chủ Tịch của Học Viện Châu Âu về Tin Lành Học (European Institute of Protestant Studies) viết tương tự, “Sự Soi Dẫn văn tự của Kinh Thánh đòi hỏi sự Bảo Tồn văn tự của Kinh Thánh. Những ai muốn từ chối sự cần thiết của sự Bảo Tồn văn tự thì không thể được chấp nhận như người thật sự cam kết với sự Soi Dẫn văn tự. Nếu không có Lời được bảo tồn của Đức Chúa Trời ngày hôm nay thì công việc của Sự Khải Thị Thiêng Liêng và Sự Soi Dẫn Thiêng Liêng bị hư mất.”

Trong trận chiến cho Kinh Thánh ngày hôm nay, có một sự cần thiết cho các hội thánh và các trường thần học tin Kinh Thánh và bảo vệ Kinh Thánh để sản sinh ra những lời phát biểu của đức tin xác chứng Kinh Thánh được bảo vệ nguyên vẹn và từng từ một trong những bản sao; rằng tất cả những từ Hê-bơ-ơ và Hy-lạp của Bản Văn Masoretic và Bản Văn Textus Receptus nằm dưới Bản Kinh James được những lời của Đức Chúa Trời được soi dẫn từng từ một và một cách nguyên vẹn, và do đó tuyệt đối vô ngộ, hoàn toàn không sai lầm và thẩm quyền tối cao.

Cũng có một sự cần thiết để được rõ ràng trong sự nhận diện của bản

văn được bảo tồn. Trong thảo luận về “Làm Thế Nào để Chống Lại Phong Trào Tân Thời – Theo Đuổi Sự Lô-gích của Đức Tin (How to Combat Modernism-Follow the Logic of Faith),” Tiến sĩ Edward F. Hills cảnh cáo quan điểm sai lầm về sự bảo tồn là điều cho rằng, (1) những giáo lý được bảo tồn, nhưng không phải những từ ngữ (đổi lập Mat 24:35; Mác 13:31; Lu-ca 21:33), hay (2) Cách đọc đúng được bảo vệ ở đâu đó trong toàn thể của những bản viết tay hiện còn. Quan điểm mơ hồ và không chắc chắn như vậy muốn ám chỉ rằng Đức Chúa Trời không hiểu sao mà sơ suất trong việc bảo vệ những lời được soi dẫn của Ngài. Hills thẳng thắn khuyến cáo, “Thật chưa đủ khi chỉ nói rằng bạn tin vào giáo lý của sự bảo tồn đặc biệt, quan phòng của Kinh Thánh. Bạn phải thật sự tin giáo lý này và cho phép nó hướng dẫn suy nghĩ của bạn. Bạn phải bắt đầu với Đấng Christ và Phúc Âm và tiếp tục theo cái lô-gích của đức tin. Điều này sẽ dẫn bạn đến bản văn Truyền Thống, bản Textus Receptus, và Bản Kinh Thánh King James.”

Cùng chung với cái lô-gích của đức tin được áp dụng một cách kiên định, Tiến sĩ D A Wait, Chủ tịch của Hiệp Hội Dean Burgon, kết luận rằng “những LỜI của bản Hy-lạp Được Công Nhận (Received Greek) và bản Hê-bơ-rơ Masoretic nằm dưới KINH THÁNH KING JAMES chính là những LỜI được Đức Chúa Trời BẢO QUẢN qua mọi thế kỷ, chính xác với những LỜI của những NGUYÊN BẢN của chúng.” (Chú ý rằng Wait đang nói về những từ ngữ thuộc tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp nằm dưới bản KJV, chứ không phải những từ thuộc tiếng Anh, cũng không phải chính bản KJV).

Đây không phải là quan điểm mới, nhưng là một sự tái trình bày của một lẽ thật đã biết từ lâu. Bởi tin vào những bản sao được bảo tồn một cách văn tự và nguyên vẹn, chúng ta xác chứng hay tái xác chứng một Tin Lành tốt xưa cũ và Thần Học Cải Chánh. Nó có tính khích lệ để nhận thấy rằng dân sự của Đức Chúa Trời, là dân được tràn đầy và được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh, nhận biết lẽ thật quan trọng của sự bảo tồn văn tự và nguyên vẹn của Kinh Thánh, và không

chỉ vài học viện thần học đã nắm giữ lập trường cho nó.

Một trong những học viện như vậy là Hội Nghị Quốc Tế của các Hội Thánh Cơ Đốc (International Council of Christian Churches – ICCC). ICCC là một nhóm thông công có tính toàn cầu của những hội thánh chính thống chống lại phong trào tự do, đại đoàn kết, ân tứ, và phúc âm mới. Được dẫn dắt bởi Tiến sĩ Carl McIntire, Chủ tịch sáng lập của nó, trong đại hội thế giới của ICCC lần thứ 16 tại Giê-ru-sa-lem, 2000, có lời phát biểu, “Trong Lời của Đức Chúa Trời đòi đòi không sai lầm và vô ngộ,” được thông qua:

“Tin Kinh Thánh trong những nguyên bản là được soi dẫn nguyên vẹn với những từ ngữ và những giống của nó và là trọn vẹn như sự mặc khải của Đức Chúa Trời đến với con người không hề sai sót;

“Tin rằng Đức Chúa Trời không chỉ soi dẫn Kinh Thánh thật không chút sai sót nào, trong giáo lý và sự phán xét, mà còn bảo tồn Kinh Thánh trong mọi thời đại cho muôn đời như Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster nói, - 'Kinh Cựu Ước trong tiếng Hê-bơ-rơ và Kinh Tân Ước trong tiếng Hy-lạp ... được soi dẫn trực tiếp bởi Đức Chúa Trời và bởi sự quan tâm và quan phòng đặc biệt đã gìn giữ nó tinh khiết qua mọi thời đại vì vậy có thẩm quyền ... Chúng được dịch ra ngôn ngữ bản địa của mọi quốc gia tới nơi mà chúng đi đến.

“Tin Đức Thánh Linh, Ngôi thứ ba của Ba Ngôi, ban cho chúng ta một món quà siêu nhiên, cả soi dẫn lẫn bảo tồn nó. Bởi được bảo tồn chúng ta có ý muốn nói rằng Đức Thánh Linh cảm động tâm lòng các người viết của nó để họ ghi chép chính những lời mà Đức Chúa Trời muốn họ viết trong Kinh Thánh sử dụng phong cách riêng và lai lịch của các người viết của nó nhưng không có sai sót nào. 'Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời.' II Phi 1:21;

“Tin Đức Chúa Trời đã bảo vệ Kinh Thánh trong quá khứ và sẽ tiếp tục làm vậy trong tương lai và toàn cõi đời đời. Ngài bảo vệ Kinh

Thánh. 'Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi,' Mat 24:35;

“Tin Kinh Cựu Ước được bảo quản trong bản Masoratic và Tân Ước trong bản Textus Receptus, được gộp chung lại chúng cho chúng ta có Lời của Đức Chúa Trời trọn vẹn. Bản dịch King James trong tiếng Anh được dịch một cách trung tín từ những bản viết tay được Đức Chúa Trời bảo quản. Vài bản dịch tốt khác thuộc phái Tin Lành được phiên dịch khắp thế giới trong nhiều ngôn ngữ dựa trên bản Masoretic và Textus Receptus cho đến năm 1881 khi Tiến sĩ Westcott và Hort đã sử dụng một bản văn ngắn hơn cắt bỏ nhiều từ, cụm từ và tiết đoạn bởi việc theo đuổi những bản viết tay Vaticanus và Sinaiticus có tính đa dạng, bị giảm sút giá trị và bị đầu độc;

“Những bản viết tay này khác xa giữa chúng và với những bản khác lên đến ít hơn 5% của bản viết tay chứng thực. Đức Chúa Trời đã bảo quản Textus Receptus trong bản văn đại đa số (majority text) với 95%. Điều này được gọi là bản văn truyền thống (traditional text), hay bản văn đại đa số. Bản này cũng được gọi là bản văn Eastern Byzantine và cũng là những bản văn viết tay dài hơn và đầy đủ hơn; “Chúng ta, Hội Nghị Quốc Tế của các Hội Thánh Cơ Đốc họp tại Giê-ru-sa-lem, 8-14 tháng 11 năm 2000, thúc giục cách mạnh mẽ các Hội Thánh ở bực giảng và dân sự của họ nói chung, tiếp tục sử dụng những bản dịch được ưa chuộng, trung tín và dài hơn chứ không phải những bản dịch mới và ngắn hơn là những bản theo sau quá nhiều chỗ trong những bản văn ngắn và đa dạng. Chúng gần như rất giống với những bản văn ngắn của Westcott và Hort bản văn cắt bỏ hay gieo rắc sự nghi ngờ trong nhiều phân đoạn và từ ngữ. Thêm nữa, chúng ta không chống lại những bản dịch mới như vậy nhưng chúng ta tin tất cả những bản dịch đúng và trung tín phải dựa vào bản văn truyền thống dài hơn là những bản văn mà Đức Thánh Linh bảo quản qua những bản văn thuộc thế kỷ đầu tiên, qua những giáo phụ thuộc hội thánh đầu tiên và qua bản văn Textus Receptus trung tín.”

Thật đầy ý nghĩa khi chú ý rằng Tiến sĩ Carl McIntire—chủ tịch sáng

lập của hội nghị ICCC–tin Kinh Thánh là hoàn hảo 100% không có bất cứ một sai lầm nào, và Thi-thiên 12:6-7 dạy về Sự Bảo Tồn Toàn Bộ Văn Tự (VPP) của Kinh Thánh. Trong bài giảng của ông, “Xin Giúp Đỡ, hỡi CHÚA!” (Thi-thiên 12), giảng ngày 11 tháng 1, 1992, ông nói, “Bây giờ đến câu số 6, 'Các lời Đức Giê-hô-va là lời trong sạch,' là không có một từ nào của chúng bị sai sót, 'Dường như bạc đã thét trong nồi dốt bằng gốm, luyện đến bảy lần.' Tất cả những cặn bã bị loại bỏ ra. Chỗ này là một sự khẳng định chúng và xác minh tuyệt vời rằng Lời của Đức Chúa Trời là hoàn hảo. ... Bây giờ, 'Các lời Đức Giê-hô-va là lời trong sạch.' Và rồi câu 7, tôi thích câu này biết bao: 'Ngài sẽ gìn giữ chúng, ôi CHÚA,' ấy là, gìn giữ lời Ngài; 'Ngài sẽ bảo quản chúng từ đời này cho đến mãi mãi [KJV].' Mặc cho điều gì xảy ra, thế hệ này đến rồi thế hệ khác qua đi, Đức Chúa Trời sẽ bảo quản những lời của Ngài ... từ thế hệ này cho đến thế hệ khác. Những lời của Đức Chúa Trời sẽ được bảo vệ xuyên suốt mọi thế hệ.”

TẠI SAO LẠI LÀ BẢN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (BẢN DỊCH KING JAMES)?

Một vài xuất bản tấn công và hủy diệt sự toàn hảo của văn tự và tính nguyên vẹn của Kinh Thánh. Họ tuyên bố rằng Kinh Thánh được soi dẫn toàn bộ văn tự và nguyên vẹn (VPI) nhưng không được bảo tồn toàn bộ văn tự (VPP). Nói cách đơn giản, họ muốn Cơ Đốc Nhân tin rằng Kinh Thánh chỉ vô ngộ trong quá khứ nhưng không còn vô ngộ hôm nay.

Trong sự công kích tính vô ngộ và không sai lầm của Kinh Thánh ngày hôm nay và sự nhận diện về sự tồn tại của Kinh Thánh vô ngộ và không sai lầm trong ngôn ngữ nguyên bản trong những từ ngữ Hê-bơ-rơ và Hy-lạp được soi dẫn và bảo tồn nằm dưới những Kinh Thánh của Phong Trào Cải Chánh tiêu biểu nhất là bản KJV,



WILLIAM TYNDALE (1494-1536)

William Tyndale, nhà ngôn ngữ học ưu tú của Trường Đại Học Oxford và Cambridge, đã tặng dân tộc của ông một quyển Kinh Thánh, được phiên dịch từ những ngôn ngữ gốc. Bằng sự lao động không vị kỷ, ông đã hoàn thành phiên dịch quyển Tân Ước năm 1525 và gần hết quyển Cựu Ước trước khi chết. Bản Kinh Thánh Tyndale đã trở thành một nguyên mẫu đầu tiên của Bản Kinh Thánh King James (1611).

Bài làm chứng của ông trong bản dịch: “Tôi kêu cầu Đức Chúa Trời đặng ghi chép nghịch lại ngày mà chúng ta sẽ hiện ra trước mặt Chúa Jêsus của chúng ta, để khai báo những công việc, rằng tôi chẳng hề sửa đổi một âm tiết của Lời của Đức Chúa Trời nghịch với lương tâm của tôi, và ngày này cũng sẽ không bao giờ, nếu tất cả mọi người trên trái đất này, dù nó là sự sung sướng, tôn trọng, hay là giàu sang, có thể được ban cho tôi.”

những người theo phe chống đối sự toàn hảo, chống đối sự bảo tồn, chống đối TR/KJV, nhóm ủng hộ bản văn của Westcott và Hort cáo gian những người tin về sự toàn hảo của Kinh Thánh hiện tại như là những người ly giáo, dị giáo, và thậm chí là tà giáo bằng cách liệt họ vào chung với Ruckmanism (một giảng dạy sai rằng bản dịch KJV là tuyệt đối không sai lầm, hoàn toàn vô ngộ, và tốt hơn bất kỳ bản Hê-bơ-rơ hay Hy-lạp) và Nhóm Cơ-Độc Phục Lâm (SDAism). Những lỗi viết của họ ám chỉ rằng Cơ Đốc Nhân ngày hôm nay thật không sở hữu Kinh Thánh 100% vô ngộ và không sai lầm.

Bởi đó chúng ta qui cho những kẻ rao giảng như vậy là những “kẻ cáo gian,” hãy biết rằng không phải tất cả họ có cùng niềm tin giống nhau về VPP và KJV, như một vài người trong số họ thậm chí nói yêu mến bản KJV một cách rành mạch—mặc dù vậy họ luôn sẵn sàng tìm ra điểm sai trong bản KJV/hay những bản văn nguyên ngữ nằm dưới bản KJV. Danh hiệu “kẻ kiện cáo trưởng” (arch-accuser) nhắm vào Doug Kutilek người đã đóng góp vào trong quyển sách với một phân đoạn về sự nghi ngờ và chối bỏ đức tin, quyển sách đó được gọi là *One Bible Only? [Duy Chỉ Một Kinh Thánh?]* được sáng tác bởi những nhân viên của Central Baptist Theological Seminary (với sự tài trợ bởi Bob John University). Trong quyển sách đó, Kutilek phát họa bằng một ngòi bút khinh miệt đối với tất cả những ai ủng hộ KJV như là nhóm Ruckmanites. Ông ta đã kết những người bảo vệ KJV như Edward F Hill, David Otis Fuller, David Cloud, và D A Waite với Ruckman! Đây là đang đánh vào vùng dưới nịt. Ông ta đã không công bằng khi cáo gian những người ủng hộ và bảo vệ KJV thuộc nhóm Cơ Đốc Phục Lâm chỉ bởi vì D O Fuller trích từ SDA Benjamin Wilkinson người đã bảo vệ KJV trong quyển sách của ông, *Our Authorized Bible Vindicated (1930)*. Đây là những thủ đoạn của những kẻ phi báng nhằm làm cho lầm lạc, nhằm vẽ trắng thành đen để rồi người ta sẽ không thấy màu trắng nhưng chỉ thấy duy nhất màu đen, và nhằm khiến người ta nghĩ rằng màu đen mà họ đang xem kỹ thực là màu trắng. Lời lẽ ngụy biện như vậy thường được sử dụng bởi những kẻ không có lý lẽ hay yếu lý lẽ bắt buộc họ phải dùng cú đòn

ấy nhằm ghi điểm cho mình.

VPP không phải Ruckmanism. Một sự thật nổi tiếng là những tác giả như Hills, Fuller, Cloud and Waite bảo vệ KJV không giống như cách của Ruckman làm. Thật rõ ràng trong những lời viết của Hills, Fuller, Cloud và Waite rằng họ **KHÔNG** tán thành tất cả niềm tin của Ruckman rằng:

- 1) bản KJV được hà hơi gấp đôi;
- 2) bản KJV là sự khải thị cao cấp;
- 3) bản Tiếng Anh KJV là như, hoặc được hà hơi nhiều hơn Kinh Thánh nguyên ngữ;
- 4) bản KJV có thể được sử dụng để chỉnh sửa Kinh Thánh nguyên ngữ;
- 5) không cần thiết phải học những ngôn ngữ Kinh Thánh cổ của Hê-bơ-rơ, A-ra-mic và Hy-lạp vì sự “hà hơi” của bản dịch Tiếng Anh;
- 6) bản KJV không thể cải thiện thêm được nữa (*Quyển sách Defined King James Bible* chỉnh sửa bởi D A Waite và S H Tow và được xuất bản bởi Bible For Today là một sự cải thiện chắc chắn của bản KJV).
- 7) bản KJV là một quyển Kinh Thánh duy nhất hàm chứa nội dung của Phúc Âm và sự cứu rỗi;
- 8) những ai không sử dụng bản KJV là bị đày nơi địa ngục; và
- 9) tất cả những Cơ Đốc Nhân không biết nói Tiếng Anh phải học Tiếng Anh để biết lẽ thật.

Hills, Fuller, Cloud and Waite nói về sự vô ngộ và tính không sai lạc của Kinh Thánh được hà hơi trong tiếng Hê-bơ-rơ, A-ra-mic, Hy-lạp, nằm dưới những Bản Kinh Thánh trong Phong Trào Cải Chánh tiêu biểu nhất là bản KJV. Bản KJV không đứng cô lập hay phân cách. Nó dựa trên những bản văn nguyên ngữ cội nguồn của nó, và những bản

văn nguyên ngữ cội nguồn được biết đến với vài tên gọi—Bazantine, Majority, Received—là những bản văn sao chép được bảo quản một cách vô ngộ của những bản viết tay nguyên thủy không sai lầm.

Cho tận nơi đâu mà những bản dịch không phải là Tiếng Anh đi đến, tất cả những Cơ Đốc Nhân được khuyến khích sử dụng những Bản Kinh Thánh mà họ có trên tay trong chính ngôn ngữ mẹ đẻ của họ, nhưng họ phải sử dụng quyền Kinh Thánh gần nhất so với những bản văn được hà hơi và bảo quản như bản Bazantine, Majority, Received và tránh xa khỏi những bản văn của Alexandrian, Minority, và Wescott-Hort đến mức có thể. Họ cũng phải sử dụng quyền Kinh Thánh được phiên dịch bởi phương pháp tương đương văn tự [verbal equivalence method] (theo từng chữ một, word-for-word) thay cho phương pháp năng động văn tự [dynamic equivalence method] (theo từng ý, thought-for-thought) trong việc gìn giữ giáo lý sinh đôi của VPI và VPP. Những mục sư và giáo viên được huấn luyện kỹ lưỡng theo Kinh Thánh và Thần học nhất thiết phải giảng dạy toàn bộ giáo huấn của Đức Chúa Trời, giảng giải từ bản Kinh Thánh vô ngộ Hê-bơ-rơ và Hy-lạp mà Đức Chúa Trời đã bảo quản không một chút mai một cụ thể là Bản Masoretic và Textus Receptus của Phong Trào Cải Chánh, trong tất cả các lễ thật mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người một bản dịch tốt nhất mà họ có trên tay.

VPP không phải là SDAism (Nhóm Cơ-Đốc Phục Lâm). Tiến sĩ Benjamin Wilkinson (một người thuộc nhóm Cơ-Đốc Phục Lâm) không sở hữu quyền Kinh Thánh King James. Kinh Thánh King James không được dịch bởi SDAs nhưng bởi những học giả trong thời kỳ Tin Lành Cải Chánh. Họ là người có năng lực cao nhất trong đương thời cai trị của vua James trong thời kỳ đầu của thế kỷ 17. Quyền Kinh Thánh King James là dành cho ai yêu Kinh Thánh và khát khao để có một quyền Kinh Thánh Tiếng Anh tốt nhất và trung tín nhất luôn đem đến cho họ sự suy ngẫm và sự khai trí. Wilkinson cũng không sở hữu “bản quyền” của giáo lý thần học của VPP điều mà chỉ duy nhất thuộc về Chúa Jêsus Christ Đấng đã nói trong tất cả

ba sách Phúc Âm Cộng Quan, “Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi” (Mat 24:35; Mác 13:31; Lu-ca 21:33).

Wilkinson đã không tiên phong bảo vệ quyền Kinh Thánh King James. Sự bảo vệ quyền KJV có thể được truy nguyên đến Hiệp Hội Thánh Kinh Ba Ngôi (the Trinitarian Bible Society – TBS) được thành lập vào năm 1831 nhằm bênh vực giáo lý thần học chính thống về Ba Ngôi và 100% thần tính của Christ-từ đó nó được gọi là “Trinitarian.”

Một câu Kinh Thánh rõ ràng nhất minh chứng cho giáo lý Ba Ngôi là I Giăng 5:7, “Vì có ba [ngôi] mang chứng cứ trên trời, Cha, Lời, và Thánh Linh: và ba [ngôi] này là một.” Câu Kinh Thánh tuyệt hảo này đã bị cắt khỏi bởi Westcott và Hort, và bởi những bản dịch hiện đại. TBS trong sự bênh vực giáo lý Ba Ngôi họ nhận biết câu Kinh Thánh này cũng thật sự cần thiết để bênh vực I Giăng 5:7 như được tìm thấy trong bản văn Hy Lạp được bảo quản và nằm dưới quyền KJV. Bởi sự bênh vực quyền KJV và bản văn Hy Lạp của nó, phải chăng TBS trở thành SAD chỉ vì Wilkinson cũng bảo vệ quyền KJV và bản văn Hy Lạp của nó sau này? Lưu ý rằng TBS dững cảm chống lại Westcott và Hort, và những bản dịch hiện đại, và thậm chí cho rằng quyền NKJV là không đáng tin cậy.

Liên Đoàn Kinh Thánh (the Bible League) là nhóm người bảo vệ quyền KJV đầu tiên. Được thành lập vào năm 1892, Liên Đoàn Kinh Thánh chống lại “sự tụt dốc” ở Vương Quốc Anh. Những người theo phái tân thời lần lượt ném bỏ từng giáo lý một bao gồm cả giáo lý nền tảng và tuyệt đối cần thiết như giáo lý hà hơi thánh khiết và sự vô ngộ hoàn toàn của Kinh Thánh. Liên Đoàn Kinh Thánh được thành lập nhằm tranh chiến sốt sắng cho Niềm Tin Cơ Đốc lịch sử.

Từ thời khởi đầu của nó, Liên Đoàn đã kiên trì “khởi xướng Sự Nghiên Cứu Cung Kính về Kinh Thánh, và chống báng nhiều loại tấn công trên giáo lý Hà Hơi, Vô Ngộ và Thẩm Quyền Duy Nhất của Kinh Thánh.” Cho đến mức của vấn đề về những bản dịch Kinh

Thánh được quan tâm, Liên Đoàn Kinh Thánh không một chút hồ thẹn giữ vững quan điểm rằng “Bản Dịch Ủy Quyền [the Authorised Version] là chính xác nhất và Bản Dịch Kinh Thánh Anh Ngữ nên được sử dụng ngày hôm nay.” Ấn bản cuối cùng nhất của nó (2004), một quyển sách 126 trang được viết bởi Alan J Macgregor và được đặt tên *Three Modern Versions [Ba Bản Dịch Hiện Đại]* là một sự phê bình hiện thực nhất về NIV, ESV và NKJV. Thật là ý nghĩa để lưu ý rằng Macgregor trích dẫn quyển *Our Authorised Bible Vindicated (Quyển Kinh Thánh Được Minh Chứng Của Chúng Ta)* của Wilkinson, nhưng nơi phần chú thích Macgregor giải thích một cách khôn ngoan về cách sử dụng tài liệu của Wilkinson như vậy, “Nó phải được chỉ ra chỗ này rằng trong khi có vài những tài liệu tốt trong sách của Tiến Sĩ Wilkinson, nhưng cũng có và chỗ sai trật. Ông ấy là một người theo phái Cơ-Độc Phục Lâm (một sự thật rằng có nhiều người đã trích dẫn từ ông ấy đã không nhận ra điều đó). Một vài người ủng hộ việc sử dụng các bản dịch hiện đại của Kinh Thánh viện lẽ rằng một trong nhiều lý do vì sao Tiến Sĩ Wilkinson chống đối quyển Revised Version 1881 một cách mạnh mẽ là nó đã sửa đổi hai câu Kinh Thánh mà người theo phái Cơ-Độc Phục Lâm coi đó là một phân đoạn xác minh trong việc ủng hộ giáo lý của họ: Công vụ 13:42 (câu mà họ cho rằng nó là sự giảng dạy về sự cần thiết của dân Ngoại Bang giữ ngày Sa-bát hay Ngày Thứ Bảy), và Hê-bơ-rơ 9:27 (câu mà tín đồ Cơ Đốc Phục Lâm tin về sự giảng dạy về linh hồn ngủ [soul sleep]). Tôi đã khám phá ra rằng cần phải biết chọn lựa trong những câu trích dẫn mà tôi đã sử dụng. Một số người có thể tranh cãi, tại sao lại trích dẫn từ ông ta, nếu ông ta là thành viên của tà giáo? Câu trả lời là mặc cho quan điểm Cơ Đốc Phục Lâm của ông ta ... dù vậy có một bằng chứng có cơ sở trong sách của ông ta, nó thẳng thắn vạch trần những sự thật về bản văn của Westcott và Hort, và những sự sai lầm của bản văn Vaticanus và Sinaiticus. Ông ta cũng đã cung cấp một sự ủng hộ chắc chắn và thực tế cho sự tốt hơn của bản Recieved Text.”

Luận điệu cho rằng việc tin vào giáo lý của sự bảo tồn Kinh Thánh

hoàn toàn và từng chữ một và việc biện hộ cho quyền KJV là một “tín lý mới” và một “sự thực hành mới” là rất nhiều trong những mưu chước của những người chống đối VPP, chống đối giáo lý Ba Ngôi và chống đối KJV. Họ đã lăng mạ giáo lý chính thống (fundamental doctrine) về sự bảo tồn vô ngộ của những lời được hà hơi của Kinh Thánh cho đến một chấm một nét cuối cùng như đã được hứa bởi chính Chúa của chúng ta trong Ma-thi-ơ 5:18, và sự tốt lành của KJV và nguyên bản Hê-bơ-rơ và Hy-lạp nằm dưới nó, hầu cho những người thiếu hiểu biết tự nhiên xa lánh một giáo lý tốt và thân quen của VPP, bản văn tốt thân quen Textus Receptus, và bản dịch tốt KJV, với không một chút đắn đo suy gẫm về chúng lần thứ hai. Một vài trong những người cáo gian này cho rằng họ “đang bảo quản con đường tin kính xưa cũ” (Giê 6:16). Điều này có thể vậy sao?

David Cloud thẳng thắn nói rằng những sự tấn công chống lại những người ủng hộ KJV như vậy “đã đang tăng dần trong tính mãnh liệt của nó trong những năm gần đây và đang tìm thấy nơi trú ngụ thậm chí giữa những người tuyên bố họ là những người theo Phái Chính Thống và Phái Báp-tít tin Kinh Thánh.” Cloud trích dẫn từ Rev Denis Gibson (một người hầu việc của phúc âm trong những hội thánh Trưởng Lão và Báp-tít từ 1958, và là người thường xuyên cung cấp vào sự hướng dẫn tinh nguyện quốc tế—*Read, Pray, Grow*) trong một bức thư ngày 19 tháng 4 năm 1995 ông viết, “Tôi thấy thái độ thù địch thật sự đã phát tán trong tâm trí của một vài vị mục sư trẻ. Không có một chút thú vị đứng đắn nào (về phía họ) trong sự giải quyết vấn đề này ... Hơn nữa, sự thù địch đó là điều phiền phức. Những phe phái hình thành và những định kiến thâm hiểm là một bằng chứng. 'Một người theo King James' bây giờ đã trở thành thuật ngữ của điều sỉ nhục. Sự chống đối này là trong số những người được cho là những người theo phái Phúc Âm (Evangelicalism), không phải ở quá khứ, hay từ những người thuộc phong trào tân thời-tự do (liberal-modernist).”

Không một chút bất ngờ nào khi Hiệp Hội Thánh Kinh Trinity (TBS),

chú ý về một sự thay đổi đầy ý nghĩa trong xu hướng thần học chung của Cơ Đốc Giáo, cảm thấy cưỡng bách đề xuất bản một bản báo cáo bao quát vào năm 2005 minh định về những gì nó tin quyết vào Giáo Lý của Kinh Thánh? D P Rowland, Tổng thư ký của TBS viết trong Bản Báo Cáo từng quý (tháng 4-tháng 6, 2005), “Ngày hôm nay, như đã được nói, mọi việc khác hẳn. Giáo lý về Kinh Thánh đã và đang bị phê bình thậm tệ trên tất cả mọi mặt; không ít từ những nhánh (bao gồm cả những ai gọi mình là 'phúc âm' hay 'cải chánh' [và '*chánh thống*']) của những Hội Thánh Cơ Đốc hôm nay. Vì vậy Ủy Ban cho rằng nó thật sự là cần thiết cho Hiệp Hội để tuyên bố một cách rõ ràng và không mập mờ về vị thế của nó trong giáo lý chính thống nhất này trong tất cả các giáo lý.”

Những cuộc công kích mới trên giáo lý nền tảng và tuyệt đối cần thiết của sự bảo tồn vô ngộ của những lời được hà hơi vô ngộ của Kinh Thánh đòi hỏi những lời phát biểu cập nhật và những thuật ngữ đáng tin cậy hơn nhằm khẳng định niềm tin Cơ Đốc Chánh Thống về quyền Kinh Thánh mãi mãi vô ngộ và không sai lầm, vì lẽ đó chúng ta có thuật ngữ—“Verbal Plenary Preservation” [Sự Bảo Tồn Văn Tự Tuyệt Đối], nhưng được nhấn mạnh trong bản Hiến Chương của Trường Kinh Thánh Viễn Đông (Far Eastern Bible College):

Chúng tôi tin vào Sự Hà Hơi thiêng liêng Toàn Bộ Văn Tự (bản Viết Tay – Autographs) và Sự Bảo Tồn Toàn Bộ Văn Tự (Bản Sao Tay–Apographs) của Kinh Thánh trong các ngôn ngữ nguyên bản, sự vô ngộ và tính không sai lầm của chúng, và như là Lời hoàn hảo của Đức Chúa Trời, lời Tối Cao và thẩm quyền tối hậu của đức tin và đời sống (II Tim 3:16; II Phi 1:20-21; Thi 12:6-7; Mat 5:18, 24:35);

1. Chúng tôi tin Kinh Thánh Cựu Ước Hê-bơ-rơ và Tân Ước Hy-lạp nằm dưới bản dịch Authorised (King James) chính là Lời của Đức Chúa Trời, vô ngộ và không sai lầm;

2. Chúng tôi tán thành Bản Dịch Authorised (King James Version) là Lời của Đức Chúa Trời—bản dịch Kinh Thánh tốt nhất, trung tín nhất,

chính xác nhất, đẹp đẽ nhất trong Anh Ngữ, và sử dụng nó duy nhất như là bản Kinh Thánh chính yếu trong việc đọc công cộng, rao giảng, và dạy dỗ của Kinh Thánh Anh Ngữ.

Những vấn đề thật sự của ngày nay là gì? Phải chăng việc mang ách không cân xứng của nền thần học “cải chánh” và “chánh thống” với phương pháp phê bình bản văn của Westcott và Hort và quan điểm “bản viết tay vô ngộ duy nhất” của Warfield, và những bản văn sai lạc và hiện đại bị bóp méo của họ? Tại sao những người “cải chánh” lại đồng ý với một số tín đồ Báp-tít chánh thống những người cho rằng giáo lý bảo tồn kinh thánh quan phòng đặc biệt như là một “giáo lý mới,” không tồn tại trước 1648 và Tín Điều Xung Nhận Đức Tin Westminster? Tại sao những người theo nền thần học chính thống được nhiều người biết đến về sự bảo thủ của họ về Kinh Thánh và giáo lý về sự phân rẽ nhưng lại ủng hộ những phương pháp duy lý về sự phê bình Kinh Thánh, những bản văn phê bình hiện đại, và những bản văn hiện đại thuộc nhóm liên hệ phái (ecumenical) và phong trào phúc âm mới (neo-evangelical)? Phải chăng đã có sự tụt dốc trong nội bộ của Cơ Đốc Giáo cải chánh và trong vòng những người theo giáo lý chánh thống truyền thống? Nếu vậy, phải chăng nó là sự sa ngã khỏi phong trào cải chánh của thế kỷ 16 và thế kỷ 20?

Sự cầu nguyện thành thật và tha thiết của chúng tôi là những Cơ Đốc Nhân của Kinh Thánh và Cơ Đốc Nhân ủng hộ Kinh Thánh không chỉ tin và bảo vệ giáo lý của Sự Hà Hơi Toàn Bộ Văn Tự (VPI) của Kinh Thánh mà thôi, nhưng cũng tin và bảo vệ giáo lý Bảo Tồn Toàn Bộ Văn Tự (VPP) của Kinh Thánh nữa. Kinh Thánh không chỉ vô ngộ và không sai lầm trong quá khứ nhưng (trong các bản viết tay), nhưng cũng vô ngộ và không sai lầm trong hiện tại (trong các bản sao chép). Những bản sao chép này được xem là những bản viết tay Hê-bơ-rơ và Hy-lạp được bảo tồn, quan phòng một cách đặc biệt và là những bản văn nằm dưới những quyền Kinh Thánh trong thời Cải Chánh đại diện chuẩn nhất là quyền KJV.

Vị thế của bản Báo Cáo Quý (tháng tư–tháng sáu) của Hiệp Hội

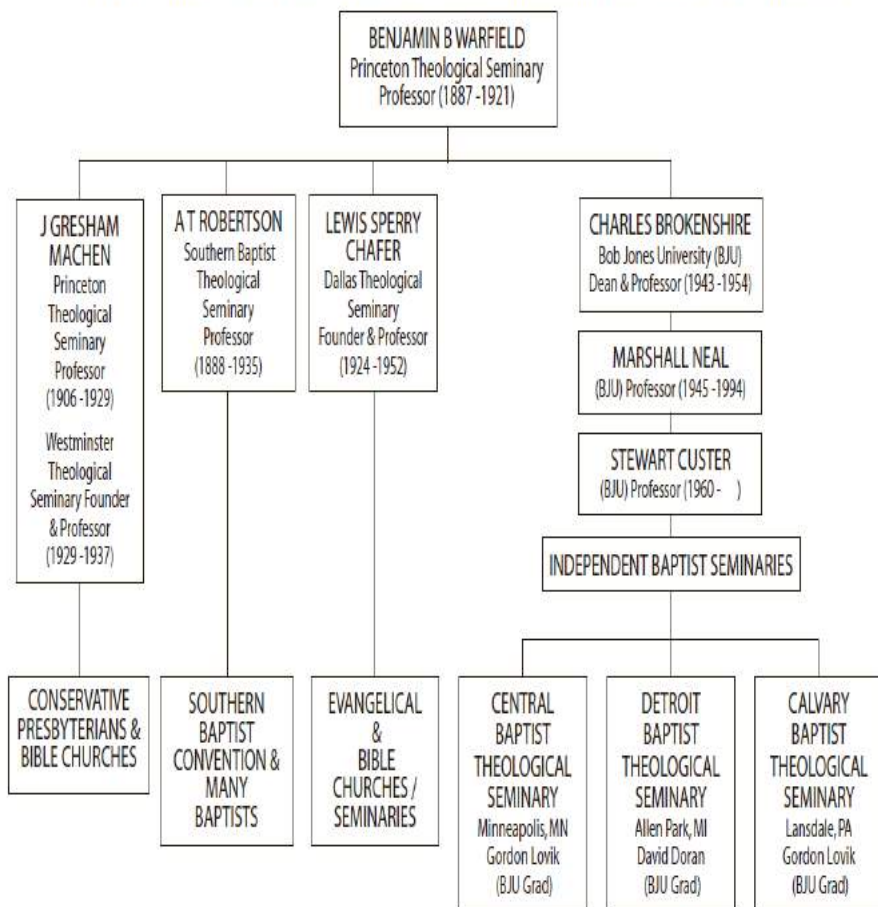
Thánh Kinh Ba Ngôi (TBS) là đáng chú ý. TBS đã nhận diện và mô tả những bản văn nằm dưới quyền KJV như sau:

“Bản Báo Cáo của Hiệp Hội Thánh Kinh Ba Ngôi về giáo lý của Kinh Thánh” được xác thực bởi Tổng Ủy Ban tại cuộc họp của nó vào ngày 17 tháng 1 năm 2005, và được tái duyệt vào ngày 25 tháng 2 năm 2005 công bố về vị trí của nó trên những bản văn nằm dưới quyền KJV:

“Bản Hiến Chương của Hiệp Hội Thánh Kinh Ba Ngôi định rõ những bản văn được dùng trong những bản dịch lưu hành. Bản văn Hê-bơ-rơ Masoretic và Hy-lạp Received là những bản văn được nhận biết bởi Bản Hiến Chương của Hiệp Hội Thánh Kinh Ba Ngôi là được bảo tồn bởi sự quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời trong vòng Do-thái Giáo và Cơ Đốc Giáo. Vì vậy những bản văn này là đáng tin cậy nhất và điểm đến cuối cùng của sự tham khảo trong mọi công việc của Hiệp Hội.

“Những bản văn của Kinh Thánh phản chiếu những nét đặc trưng của lời được hà hơi của Đức Chúa Trời, bao gồm cả tính xác thực, thánh khiết, trong sạch, chân thật, vô ngộ, đáng tin cậy, tuyệt vời, tự xác chứng, cần thiết, đầy đủ, minh bạch, tự giải thích, thẩm quyền và không sai lầm (Thi-thiên 19:7-9, Thi-thiên 119).

THE ENTRANCE OF THE LEAVEN OF TEXTUAL CRITICISM INTO FUNDAMENTALISM



SỰ XÂM NHẬP CỦA MEN PHÊ BÌNH KINH THÁNH VÀO CHÍNH THỐNG GIÁO

Do đó chúng được nhận lấy là Lời của Đức Chúa Trời (Ê-xơ-ra 7:14; Nê-hê-mi 8:8; Đa-ni-ên 9:2; II Phi-e-rơ 1:19) và cách giải thích chính

xác ở mọi thời điểm được tìm thấy trong những bản văn này.

“Hiệp Hội chấp nhận bản hiệu đính Hê-bơ-rơ Masoretic được chỉnh sửa vào năm 1524-1525 bởi Jacon Ben Chayyim và được biết đến, sau khi David Bomberg xuất bản, như bản Bomberg. Bản văn này nằm dưới Kinh Cựu Ước của Bản Dịch Authorised (Bản Dịch có Thẩm Quyền).

Có thể nào những kẻ cáo gian và những phi báng chê bai TBS vì đã cho chúng ta biết những bản văn nào được bảo tồn bởi sự quan phòng đặc biệt của Đức Chúa Trời và được sử dụng bởi TBS như là điểm cuối cùng của sự tham khảo trong mọi công việc của nó? Nếu họ có thể tìm thấy khuyết điểm, thì có thể là họ muốn tô vẽ VPP như chỉ là một lý thuyết không có một bản văn cụ thể nào được tìm thấy hay là được nhận diện trong sự thực hành (i.e., trên thế giới). Nếu VPP bị hủy diệt hay bị họ làm cho suy yếu, thì ngay tức khắc bản văn sao chép nguyên thủy Hê-bơ-rơ và Hy-lạp trở nên vô hiệu quả và trở thành vô giá trị nếu Cơ Đốc Nhân sử dụng những bản dịch hiện đại xuyên tạc khi những bản dịch như vậy cũng có thể cho rằng chúng được truy nguyên tận gốc đến những bản sao vô giá trị kia. VPI thiếu VPP thì có thể dẫn đến cánh cổng mở cho sự tiếp nhận những phúc âm tà giáo của Trí Huệ Giáo và những bản dịch Kinh Thánh hiện đại bị bóp méo.

SỰ NGUY HIỂM CỦA VIỆC CHỐI BỎ SỰ BẢO TỒN TOÀN BỘ VĂN TỰ

Kinh Thánh cảnh báo trong I Ti-mô-thê 4:1-2, “Vả, Đức Thánh Linh phán tỏ tường rằng, trong đời sau rốt, có mấy kẻ sẽ bội đạo mà theo các thần lừa dối, và đạo lý của quý dữ, bị lầm lạc bởi sự giả hình của giáo sư dối, là kẻ có lương tâm đã li.”

Kinh Thánh ngày hôm nay bị tấn công như chưa từng xảy ra trước đây. Những người theo phái tân thời (modernists) thông qua quyển *The Da Vince Code* nói với chúng ta rằng 27 sách trong Kinh Điển Tân Ước là sai và phải được thay thế bằng những bản văn viết tay được phát hiện mới nhất thuộc Coptic [Tiếng Ai Cập cổ đại] – nó nói nhiều về tính thực tế về Jê-sus đã lột bỏ thần tính và sự thánh khiết đạo đức của Ngài. Họ cho rằng Phúc Âm của Tô-ma, Phúc Âm của Phi-líp, Phúc Âm của Giu-đa, và những Phúc Âm khác của Trí Huệ Giáo là những Phúc Âm thật; và những Phúc Âm này phải thay thế những Phúc Âm Kinh Điển Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng.

Nhiều Trường Thần Học Kinh Thánh thuộc Hội Phúc Âm ngày hôm nay dạy rằng Kinh Thánh chỉ vô ngộ và không sai lầm trong quá khứ, nhưng không còn vô ngộ và ngày nay không sai lầm. Dựa theo thần học được nhiều người ưa chuộng tin rằng Kinh Thánh ngày nay chứa đựng “những lỗi không quan trọng,” “những từ dư thừa,” và được coi như là “những lỗi của các học giả.”

Thật quan trọng để chú ý rằng Kinh Thánh bị tấn công không ngừng bởi những người theo phái tân thời và phái phúc âm không phải là NIV, không phải NASB, không phải RSV, thậm chí cũng không phải NKJV, hay bất kỳ những bản dịch hiện đại khác nhưng là bản dịch Authorised tốt và cổ điển hay còn gọi là Bản dịch King James (AV/KJV). Tại sao KJV lại bị công kích như vậy? Quyển KJV bị công kích như vậy bởi vì nó là quyển Kinh Thánh của Tin Lành Cải Chánh vào thế kỷ 16, và cũng như sự Cải Chánh Kinh Thánh, nó chống lại trào lưu của sự vô tín, bội đạo, và thỏa hiệp ngày hôm nay.

Bart Ehrman trong quyển sách với tựa đề *Missquoting Jesus* (2005) đã công kích quyển KJV và Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp năm sau quyển KJV. Theo Ehrman, “Kinh Thánh King James được dựa trên những bản viết tay bị sai lạc và lạc hậu rằng trong nhiều trường hợp nó không trình bày một cách chính xác về ý nghĩa của bản văn nguyên thủy. Câu chuyện yêu thích về sự tha thứ của Jê-sus đối với người đàn bà phạm tội tà dâm (Giăng 8:3-11) không thuộc về

Kinh Thánh. Những lời của những học giả [dịch thuộc Kinh Thánh] là rất thông thường trong đời xưa đến nỗi tác giả của quyển sách Khải Huyền phải hăm dọa về sự nguyên rủa đối với những ai 'thêm vào' hay 'lấy đi' những lời trong bản văn.” Nói cách khác, trong trí của Ehrman, nếu bạn trích từ quyển KJV hay từ những bản văn nằm dưới nó, bạn đang trích sai lời của Chúa Jêsus.

Bart Ehrman khởi đầu là một người thuộc phái chính thống tại Học Viện Thánh Kinh Moody nhưng rồi cuộc ông đã mất đức tin tại Viện Thần Học Princeton nơi ông đạt được bằng tiến sĩ. Làm thế nào ông mất đức tin? Ehrman nói với chúng ta trong sách của ông trang thứ 11. Ông viết, “nếu một người khẳng khăng tin rằng Đức Chúa Trời đã hà hơi vào chính những lời của Kinh Thánh, vậy thì dựa vào đâu để nói điều này nếu chúng ta không có những lời thật sự của Kinh Thánh? Tại vài chỗ, như chúng ta thấy, đơn giản là chúng ta không thể chắc chắn rằng chúng ta đã tái thiết một bản văn nguyên thủy chính xác. Có một chút khó khăn để biết những gì mà những lời Kinh Thánh hàm ý nếu chúng ta thậm chí không biết về những từ này là gì! “Điều này trở thành một vấn đề cho quan điểm của tôi về sự hà hơi, vì tôi đã nhận ra rằng nó đã không còn chút khó khăn nào cho Ngài để hà hơi vào chúng ngay tại thời điểm ban đầu. Nếu Ngài muốn dân sự của Ngài có lời của Ngài, thì chắc chắn Ngài cũng đã ban chúng cho họ (và có thể thậm chí ban cho họ những lời trong một ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được, hơn là tiếng Hy-lạp và tiếng Hê-bơ-ơ). Sự thật là chúng ta không có những lời chắc chắn phải bày tỏ, tôi lý luận, rằng Ngài đã không bảo tồn chúng cho chúng ta. Và nếu Ngài đã không thực hiện phép lạ đó, thì dường như không có một lý do nào để tin rằng Ngài đã thực hiện phép lạ ban đầu trong việc hà hơi vào những lời đó.

“Tóm lại, sự học hỏi của tôi về Kinh Tân Ước, và những nghiên cứu của tôi về những bản văn viết tay hàm chứa nó, đã dẫn đến một sự cân nhắc triệt để về sự hiểu biết của tôi về Kinh Thánh là gì. Điều này là một chấn động thay đổi đối với tôi. Trước điều này–bắt đầu



JOHN WILLIAM BURGON (1813 -1888)

Giáo sư về Thần học, Trường Đại Học Oxford

Chủ Nhiệm Khoa của Chichester

John William Burgon là một người có một đức tin sâu sắc và sự tin quyết mạnh mẽ, với một tình yêu mãnh liệt về Lời Chúa, và sự trung thành mãnh liệt đối với Lễ Thật của Đức Chúa Trời. Được khơi dậy bởi Đức Chúa Trời vào một thời điểm của nhiều sự “rời bỏ” đức tin, Burgon đã cống hiến chính mình với toàn tâm toàn ý bênh vực Lời được hà hơi của Đức Chúa Trời bởi sự nghiên cứu những bản văn viết tay cổ, những bản văn gốc của những bản dịch.

Đi du hành khắp nơi, ông viếng thăm các thư viện xuyên suốt Châu Âu, kể cả Vatican, đăng tra xét và nghiên cứu những bản viết tay Tân Ước có sẵn. Bởi sự hiểu biết rộng lớn về tiếng Hy-lạp của ông, ông có khả năng để nhận biết được những bản văn viết tay Tân Ước được bảo tồn bắt nguồn từ hội thánh thời các Sứ Đồ, đã trao lại còn nguyên vẹn cho đến thời kỳ Cải Chánh.

Đối với nhóm bản văn viết tay được bảo tồn, Chủ Nhiệm Khoa Burgon đã đặt tên cho chúng là “Traditional Text,” [Bản Văn

Truyền Thống] bản văn này hình thành cơ sở của quyển KJV, và tiếp tục được sử dụng trong Hội Thánh Tin Lành cho đến ba trăm năm mươi năm kế tiếp. Ông cũng nhận biết các bản văn Codex Vaticanus và Codex Sinaiticus là những bản văn “sai lạc nhất” trong số những bản văn viết tay.

với kinh nghiệm tái sanh của tôi trong trường phổ thông, trải qua những ngày tin vào niềm tin chính thống ở Moody, và những ngày tin vào phái phúc âm ở Wheaton—đức tin của tôi đã hoàn toàn dựa trên một quan điểm về Kinh Thánh là lời của Đức Chúa Trời được hà hơi hoàn toàn và không sai lầm. Bây giờ tôi không nhìn nhận Kinh Thánh với cách nhìn đó.”

Bài làm chứng của Ehrman là một sự cảnh báo: Nếu chúng ta không tin rằng Đức Chúa Trời đã bảo tồn lời của Ngài một cách văn tự và hoàn toàn, rằng chúng ta thật sự có lời thật của Đức Chúa Trời ngày hôm nay—100% vô ngộ và không sai lầm không có bất kỳ lỗi nào—thì chúng ta phản đối lời Chúa trong tiếng Hê-bơ-rơ, A-ra-mic và Hy-lạp nằm sau quyển KJV, thì chúng ta sẽ kết thúc giống như Ehrman—một kẻ thuộc trí huệ giáo và phái tân thời.

Một Cơ Đốc Giáo thực thụ không thể không tin vào giáo lý của Sự Hà Hơi Toàn Vẹn Văn Tự (VPI) của Kinh Thánh; nó cũng quan trọng ngang tầm với việc tin vào Sự Bảo Tồn Toàn Vẹn Văn Tự (VPP) của Kinh Thánh. “Các lời Đức Giê-hô-va là lời trong sạch, dường như bạc đã thét trong nồi dốt bằng gốm, luyện đến bảy lần. Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ gìn giữ chúng [KJV], Ngài hằng bảo tồn chúng [KJV] từ đời này cho đến đời đời” (Thi Thiên 12:6-7). Hai giáo lý sinh đôi của VPI và VPP là vũ khí phòng thủ chắc chắn duy nhất của chúng ta chống lại những sự công kích vào Kinh Thánh ngày nay. Chúng ta có một Kinh Điển bất di và một Bản Văn bất dịch. Chúng ta không cần sự phê bình bản văn (textual criticism) và chúng ta khước từ phương pháp phê bình để thẩm định nguồn gốc của Kinh Thánh (higher criticism).

Những người lãnh đạo của Trường Kinh Thánh Viễn Đông (FEBC) tin không một chút do dự về tính vô ngộ hiện tại và tính không sai lầm của Kinh Thánh như được phát âm trong Bản Hiến Chương của Trường.

Hội Đồng Quản Trị và Khoa xác quyết lòng trung thành của họ đối

với Lời của Đức Chúa Trời bằng việc giữ Lời Tuyên Thệ của Trường Khoa Burgon trong mỗi buổi lễ tốt nghiệp: “Tôi xin thề trong Danh của Cha, Con và Thánh Linh rằng tôi tin 'Kinh Thánh chính là lời của Đấng Ngồi Trên Ngai. Mỗi quyển sách của nó, mỗi phân đoạn của nó, mỗi câu của nó, mỗi từ của nó, mỗi âm tiết của nó, mỗi mẫu tự của nó là lời nói ra trực tiếp của Đấng Cao Cả. Kinh Thánh chính là Lời của Đức Chúa Trời, không có phần nào hơn, không có phần nào kém, nhưng tất cả đều y như lời được nói ra của Đấng ngồi trên ngai, hoàn hảo, không phạm sai lầm, tối cao.' Vậy xin giúp đỡ con, hỡi Đức Chúa Trời. Amen.”



Cán bộ giảng dạy của FEBC đang tuyên thệ Lời Tuyên Thệ Dean Burgon

PHẦN II

NHÂN LOẠI HỌC NHẬN BIẾT CON NGƯỜI

SỰ TẠO DỰNG CON NGƯỜI

Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người như thế nào? Bản Giáo Lý Vấn Đáp Tóm Lược trả lời, “Đức Chúa Trời đã tạo dựng người nam và người nữ theo ảnh tượng của chính Ngài, trong sự hiểu biết, công bình, và thánh khiết, với sự tể trị trên các loài vật.”

Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên A-đam và Ê-va, người đàn ông đầu tiên và đàn bà đầu tiên. Ngài đã tạo nên họ một cách đặc biệt. Ngài đã phú cho họ sự thông minh và khả năng để lý luận. Ngài ban cho họ linh hồn bất tử – “Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sanh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sanh linh” (Sáng 2:7).

Con người được tạo dựng tinh sạch về mặt đạo đức và vô tội. Người đã được tạo dựng “trong sự công bình và sự thánh khiết thật” (Êph 4:24). Được khoác cho sự hiểu biết thuộc linh, con người có khả năng bước đi với Đức Chúa Trời và có một mối thông công với Ngài (xem Sáng 3:8-9).

Đức Chúa Trời cũng định cho con người thành phó cai trị (vice-ruler) trên thế giới được thọ tạo của Ngài. Là một người mang hình ảnh của Đức Chúa Trời, con người là cao trọng hơn tất cả các sinh vật ở biển cả, bầu trời và trên đất – “Đức Chúa Trời phán rằng: Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta, đặng quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật, loài côn trùng bò trên mặt đất, và khắp cả đất. Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ. Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán rằng: Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất” (Sáng 1:26-28).

Con người chứ không phải là con vượn được tôn cao.

HÌNH ẢNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG CON NGƯỜI

Hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người không phải thuộc thể nhưng là thuộc linh. Không phải cơ thể chúng ta tương tự với Đức Chúa Trời, nhưng là phần thuộc linh của chúng ta. Vì Đức Chúa Trời là Thần (Giăng 4:24), nét tương đồng của chúng ta với Ngài tất yếu phải là sự giống nhau về thuộc linh – “trong sự hiểu biết, công bình, và sự thánh khiết thật.”

Sự giảng dạy rằng “sự hiểu biết, sự công bình, và sự thánh khiết thật” là những khía cạnh về hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người được dựa vào sự kết hợp của Ê-phê-sô 4:24 và Cô-lô-se 3:10.

Mặt khác, về tội lỗi, hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người bị hư hoại. Nó chỉ có thể được phục hồi bởi việc ở trong Đấng Christ. Sự thánh khiết thật chỉ đến khi người đó tiếp nhận Chúa Jêsus Christ là Đấng Cứu Thế của cá nhân anh ta.

Chỉ duy một Cơ Đốc Nhân tái sanh có thể được cho là phù hợp với hình ảnh của Đấng Christ (Rô-ma 8:29). “Không có gì có thể mang hình ảnh của Đức Chúa Trời ngoại trừ linh hồn [spirit], khi Đức Chúa Trời là Thần” (Calvin).

Thánh Linh của Đấng Christ ngự trong những tín đồ khiến họ giống Đấng Christ càng hơn mỗi ngày – “Chúng ta ai nấy đều để mặt trần mà nhìn xem vinh hiển Chúa như trong gương, thì hóa nên cũng một ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Linh của Chúa [KJV]” (II Cô-r 3:18). Đấng Christ được nói đến là “hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được” (Cô-l 1:15; II Cô-r 4:4); “Sự chói sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời và hình bóng (sự giống y hệt hay sự đại diện) của bản thể Ngài” (Hêb 1:3).

Điểm cao trào của giáo lý về hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người, được tái tạo mới trong những ai được tái sanh, được tìm thấy

trong I Giăng 3:1-2, “Hãy xem Đức Chúa Cha đã tỏ cho chúng ta sự yêu thương dường nào, mà cho chúng ta được xưng là con cái Đức Chúa Trời; và chúng ta thật là con cái Ngài. Ấy là vì đó mà thế gian chẳng biết chúng ta, vì họ chẳng từng biết Ngài. Hỡi kẻ rất yêu dấu, chính lúc bây giờ chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, còn về sự chúng ta sẽ ra thế nào, thì điều đó chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy.”

Con người được tạo dựng cách đặc biệt, theo hình ảnh của Đức Chúa Trời được thấy trong điều răn bắt buộc Cơ Đốc Nhân phải đối đãi với người khác bằng sự thái độ đứng đắn và tôn trọng. Chúng ta không thể nói chúc phước Đức Chúa Trời nhưng lại nguyên rủa con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (Gia-cơ 3:9). Chúng ta không có quyền nguyên rủa bất cứ người nam hay người nữ nào. Đức Chúa Trời là đấng đoán xét duy nhất. Chúng ta phải không ngừng chịu khó để cho những con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời có thể được phục hồi hình ảnh đó qua sự cứu chuộc trong Chúa Jêsus Christ.

Sự thật rõ ràng rằng hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người là thuộc linh chứ không phải thuộc thể khiến sự thờ hình tượng là sai. Vì các hình tượng được làm ra trong ảnh tượng thuộc thể của con người, chứ không phải là của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là đấng vô hình và đó là lý do tại sao không có một tượng hay hình ảnh nào có thể được làm về Ngài. Vì chính lý do này nên chúng ta có Điều Răn Thứ Hai: “Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất” (Xuất 20:4).

Phao-lô đã sử dụng về lẽ thật của bản chất con người, được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, như một lý luận để chống lại sự thờ hình tượng (Công 17:28tt). Loài người là “dòng giống của Đức Chúa Trời.” Vì vậy, “Vâng, bởi chúng ta là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngỡ rằng Chúa giống như vàng, bạc, hay là đá, bởi công

nghệ và tài xảo của người ta chạm trở nên” (Công 17:29).

Ngay bây giờ, Đức Chúa Trời răn bảo tất cả mọi người ở mọi nơi hãy ăn năn về sự thờ hình tượng (Công 17:30). Con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời phải thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng hằng sống và chân thật trong tâm thần và trong lẽ thật (Giăng 4:24) chứ không phải thờ những vật thể bằng gỗ, đá, kim loại hay đất sét do tay người tạo ra.

Calvin thẳng thắn cảnh báo rằng, “Mọi hình, mọi tượng, bởi những con người ngu ngốc làm nên thay thế Đức Chúa Trời, là thầy giáo của sự sai lạc.”

Nếu tội nhân cố chấp trong sự thờ hình tượng được điều khắc từ chính hình ảnh của họ, thì sự thanh nợ của Đức Chúa Trời sẽ giáng trên họ đúng kỳ.

Một khía cạnh về hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người là con người được tạo dựng để thi hành quyền cai trị trên sự tạo dựng như một người phụ tá cai trị của Đức Chúa Trời. Lẽ thật này được nói rõ ràng trong Sáng Thế Ký 1:26-28, và một vài phần Kinh Thánh khác nữa. Trước khi tội lỗi vào trong thế gian, Đức Chúa Trời đã phán, “Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị” (Sáng 1:28). Thậm chí sau khi tội lỗi vào trong thế gian, con người được ra lệnh nhằm cai trị muôn loài như được nhắc lại trong Sáng Thế Ký 9:1-2.

Sự cai trị mà con người được định để thực hiện được nói đến một cách tuyệt vời trong Thi-thiên: “Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? Con loài người là chi, mà Chúa thăm viếng nó? Chúa làm người kém Đức Chúa Trời một chút, đội cho người sự vinh hiển và sang trọng. Chúa ban cho người quyền cai trị công việc tay Chúa làm, khiến muôn vật phục dưới chân người: Cả loài chiên, loài bò, đến đổi các thú rừng, chim trời và cá biển, cùng phàm vật gì lợi đi các lối biển. Hỡi Đức Giê-hô-va là Chúa chúng tôi, danh Chúa được sáng cả trên khắp trái đất biết bao!” (Thi 8:4-9).

Nhưng, con người tội lỗi không có khả năng để cai trị thế giới một cách hoàn hảo. Chỉ duy Chúa Jêsus Christ mới có thể chế ngự và cai trị trên toàn thế giới một cách hoàn toàn và tuyệt đối. Một ngày Ngài sẽ trở lại để làm điều đó. Ngài cũng hứa rằng dân sự của Ngài sẽ đồng cai trị với Ngài trong vương quốc tương lai của Ngài (Mat 19:28; Lu-ca 22:18, 28-30; II Tim 2:12; I Côr 6:2-3; Lu-ca 19:11-28; Khải 5:10, 20:6). Thời điểm của sự phục hồi sắp đến (Công 3:20-21). Khi nó đến, thế giới được tạo dựng này sẽ được giải thoát khỏi “ách của sự hư nát” (Rôm 8:18-23). Khi đó con dân của Đức Chúa Trời sẽ cai trị với Đấng Christ và sẽ có sự thống trị trên hết thảy sự tạo dựng trong sự ứng nghiệm của kế hoạch và ý định nguyên thủy của Đấng Sáng Tạo. Sự cai trị hoàn hảo của Đấng Christ sẽ mãi cho hết một ngàn năm (Khải 20:6).

CON NGƯỜI CÓ BAO NHIÊU PHẦN?

Dựa theo Kinh Thánh, con người gồm có hai phần: phần thân thể và linh hồn (soul/spirit). Hai điều này của con người không chỉ không thể phân biệt, nhưng cũng không thể tách rời nhau. Ngay lúc chết linh hồn của con người sẽ đi vào một vương quốc vô hình. Cơ Đốc Nhân sẽ lên thiên đàng trong khi những người vô tín sẽ đi vào địa ngục. Trong khi đó thể xác sẽ trở về bụi đất, đợi chờ sự sống lại khi đó nó sẽ được hiệp lại với linh hồn.

Con người phải có cả hai linh hồn và thể xác mới trở thành hoàn thiện. Mặc dù những người chết thật phước hạnh khi họ ở trên thiên đàng, trong linh hồn của họ (Khải 6:9-11), vui mừng trong sự hiện diện của Chúa, trong khi thân thể của họ “ngủ trong Đấng Christ” một ngày nào đó sẽ được sống lại từ trong kẻ chết ngay lúc “tiếng kèn chót” (Lu 14:14; I Côr 15:50-57; I Tê 4:13-18). Kinh Thánh không có chỗ nào dạy rằng con người sẽ vẫn giữ nguyên tình trạng sống chỉ với linh hồn mãi mãi. Nhưng luôn có một hy vọng nơi tương lai về sự

sống lại của thân thể khi Đấng Christ trở lại.

Khi một Cơ Đốc Nhân còn đang sống trên thế gian này, người ấy phải đảm bảo chắc chắn rằng thân thể của người phải được giữ cho được thanh sạch và thánh khiết. Được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, Cơ Đốc Nhân phải bày tỏ một lối sống tin kính qua thân thể của họ. Phao-lô nói một cách giận dữ chống lại những người làm ô uế thân thể của họ với sự đòi truy tội lỗi (Rôm 1:24). Ông dạy rằng thân thể hay chết của chúng ta không bị cai trị bởi tội lỗi (Rôm 6:12). Thân thể của chúng ta bị khuất phục trước sự chết vì có tội lỗi (Rôm 8:10) nhưng thân thể của chúng ta chờ đợi sự trọn vẹn của sự kế thừa như con cái của Đức Chúa Trời nơi sự sống lại (Rôm 8:23). Trong lúc ấy, thân thể của chúng ta được dâng lên Đức Chúa Trời như một của lễ sống và được chấp nhận (Rôm 12:1). Chúng ta phải nhận biết thân thể chúng ta là “chi thể của Đấng Christ” và là “đền thờ của Đức Thánh Linh” (I Côr 6:13-20).

Bây giờ, có một số người nói rằng con người gồm có ba phần dựa vào I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 và I Cô-rinh-tô 15:44, đặt sự nhấn mạnh quá mức trên từ “linh và hồn và thân thể.” Nhưng với cùng một lý luận được áp dụng với Lu-ca 10:27 sẽ khiến con người có bốn phần, “tám lòng và hồn và tâm trí và sức lực!” Điều này thật quan trọng nên hãy chú ý rằng từ “hồn” và “linh” thường được dùng thay thế nhau (Ê-sai 26:9; Mat 20:28, xem 27:50) ám chỉ đến một phần không thể nhìn thấy và vô hình của con người. Vậy con người bao gồm hai phần (hữu hình và vô hình), không phải ba hay bốn phần.

NGUỒN GỐC CỦA LINH HỒN

Linh hồn của con người không hiện hữu trước. Nó có một sự bắt đầu. Chỉ duy Đức Chúa Trời hiện hữu trước ban đầu, và Ngài biết mỗi linh hồn con người từ cõi ngàn xưa. Trong lịch sử, chỉ duy Origen (khoảng 185-254 SC) giữ quan điểm cá nhân của ông về sự tiền hiện hữu (pre-existence) của linh hồn. Ông nói rằng linh hồn đã được qua nhiều lần đầu thai. Qua những sự luân hồi này nó thừa kế tội lỗi. Quan điểm tà giáo của ông không khác gì giáo lý đầu thai của Lão giáo. Quan điểm về sự tồn tại trước của linh hồn này là hoàn toàn mâu thuẫn với những giáo lý về sự sống đời đời và sự trừng phạt.

Kinh Thánh dạy rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng linh hồn con người vào lúc ban đầu (Sáng 2:7). Nó được tạo dựng tinh sạch và thánh khiết. Nhưng tội lỗi của A-đam và Ê-va trong việc ăn trái cấm đã dẫn đến sự hư hoại của nó. Tất cả ai được sanh ra sau A-đam và Ê-va đều thừa hưởng không chỉ về bản chất thuộc thể nhưng còn bản chất thuộc linh.

Linh hồn được tạo dựng từ lúc ban đầu bởi Đức Chúa Trời cho A-đam và Ê-va, nhưng sau đó, nó được chuyển tiếp qua tất cả mọi người thông qua sự thụ thai và sinh nở.

Vậy Chúa Jêsus Christ có kế thừa linh hồn của Ngài từ con người tội lỗi? Câu trả lời một cách quả quyết nhất là ở thể phủ định. Đấng Christ đã mặc lấy cho chính Ngài một thân thể vô tội được lấy từ Mary bởi phép lạ sinh hạ đồng trinh. Tính chất vô tội của thân thể đó được đảm bảo bởi sự bảo vệ đặc biệt của Đức Chúa Trời. Thân thể của Đấng Christ là vô tội hoàn toàn, đơn giản bởi vì sự bảo vệ siêu nhiên. Như Kinh Thánh nói rằng, Ma-ry được hứa rằng, “Đức Thánh Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền phép Đấng Rất Cao sẽ che phủ ngươi dưới bóng mình, cho nên con thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời” (Lu-ca 1:35).

Khi Jêsus được sinh ra, không có bản thể cá nhân mới nào được hình thành. Linh hồn của Ngài không được tạo dựng cũng không được thừa hưởng. Con đời đời của Đức Chúa Trời đã mặc lấy cho Ngài một thân thể vô tội và một linh hồn vô tội không bao giờ ngưng làm một Con Người thiêng liêng và một Linh Hồn thiêng liêng trong bất cứ cách nào. Và Đấng Christ có thể trở thành con người một cách chính xác bởi vì linh hồn của con người được tạo dựng trong hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Nếu con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời với một bản chất thông sáng, đạo đức, và thuộc linh, thì con người không phải là một con vật và không phải cư xử như con vật. Tội lỗi là một vấn đề nan giải và nó được giải quyết.

Như là các đối tượng của ân điển của Đức Chúa Trời, “Mục đích tối hậu của con người là làm vinh hiển Đức Chúa Trời và tận hưởng Ngài mãi mãi.” Đức Chúa Trời thành thật mời mọi người đến với sự thông công với Ngài qua phúc âm. Chúa phán rằng, “Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được yên nghỉ.” (Mat 11:28). Trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một con đường cho con người tội lỗi để được hòa thuận lại với Ngài (Giăng 3:16). Calvin đã đề cập một cách tuyệt vời rằng, “Con của Đức Chúa Trời đã trở thành Con của loài người để mà con của loài người có thể trở thành con của Đức Chúa Trời.”

Được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, con người có được mối thông công cá nhân và mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời, và với những ai đã tiếp nhận lời mời gọi của Ngài để trở thành thành viên trong nhà Ngài. “Hãy xem Đức Chúa Cha đã tỏ cho chúng ta sự yêu thương dường nào, mà cho chúng ta được xưng là con cái Đức Chúa Trời; và chúng ta thật là con cái Ngài” (I Giăng 3:1).

Những ai tin nơi Đấng Christ không chỉ là người tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời và đủ tư cách cho sự thông với Ngài, nhưng họ cũng là những người đại diện của Ngài trong thế gian. Trong bài cầu

nguyên như thầy cả thượng phẩm của Ngài, Chúa nói, “Nhu Cha đã sai Con trong thế gian, thì Con cũng sai họ trong thế gian” (Giăng 17:18). Chúng ta được bảo rằng chúng ta là “sự sáng của thế gian” (Mat 5:14), như chúng ta đại diện Đấng Christ chính Ngài là “sự sáng của thế gian” (Giăng 8:12). Chúng ta được răn bảo rằng sự sáng của chúng ta phải chiếu sáng để mọi người có thể dâng sự vinh hiển về cho Đức Chúa Trời (Mat 5:16). Chúng ta là những sứ giả của Đấng Christ.

Là những Cơ Đốc Nhân, chúng ta không chỉ phải sống một đời sống thánh khiết nhưng cũng chống lại những thú trong thế gian che khuất đi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải “chớ dự vào công việc vô ích của sự tối tăm, thà quở trách chúng nó thì hơn” (Êph 5:11). Chúng ta được chỉ dạy rằng “kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội” (Gia-cơ 4:17).

Các Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm về việc chia sẻ Phúc Âm về ân điển của Đức Chúa Trời cho toàn nhân loại ở mọi nơi. Chỉ duy Chúa Jêsus Christ mới có thể phục hồi con người tội lỗi trở lại hình ảnh của sự công bình và sự thánh khiết thật của Đức Chúa Trời vì “cả phúc âm được hàm chứa trong Đấng Christ” (Calvin).

Đấng Christ đã truyền lệnh cho Hội Thánh của Ngài đi khắp thế gian giảng tin lành cho thế gian, báp-têm và truyền bá giáo lý cho dân sự của Ngài với tất cả các ý muốn của Đức Chúa Trời. Nó là một Đại Mạng Lệnh (Mat 28:18-20). Chúng ta có trách nhiệm chia sẻ sự sáng mà chúng ta có cho tất cả những ai không có sự sáng.

Phao-lô giải thích rằng ông không có gì để khoe khoang về lẽ thật rằng ông giảng Phúc Âm bởi vì, ông nói, “vì có lẽ cần buộc tôi; còn không rao truyền Tin lành, thì khôn khó cho tôi thay...” (I Côr 9:16-17). Khi Phao-lô nói với các trưởng lão của hội thánh Ê-phê-sô, “Nên bữa nay tôi nói quyết trước mặt các anh em rằng tôi tinh sạch về huyết anh em hết thảy. Vì tôi không trề nải một chút nào để tỏ ra cho biết hết thảy ý muốn của Đức Chúa Trời” (Công 20:26-27), ông đang

ám chỉ về những lời trang trọng được ban cho Ê-xê-chi-ên (3:17-18, 33:7-8), khiến ông mang trọng trách về việc truyền bá sứ điệp của Đức Chúa Trời cho những người xung quanh ông.

Nhưng chúng ta giảng tin lành không nên giảng như chỉ là một nghĩa vụ nhưng phát xuất từ sự yêu thương. Phao-lô nói, “khốn khó cho tôi thay, nếu tôi không giảng phúc âm,” nhưng ông cũng nói, “tình yêu thương của Đấng Christ đã thúc ép chúng ta” (I Côr 9:16; II Côr 5:14).

Khi biết lẽ thật rằng con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời thì chúng ta phải thay đổi cách chúng ta nhìn người khác. Giáo lý về ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong con người thúc đẩy chúng ta tìm cách để chiến thắng người khác nhằm để họ tiếp nhận ân điển mà Đức Chúa Trời trao tặng để họ có thể sở hữu hình ảnh của Đấng Christ trong họ.

Chúng ta phải thật xót xa tội bậc bởi tình trạng vô thần. Mặc dù chúng ta ghét sự đòi bại và việc khur khur giữ lấy lối sống của một con người chưa được tái sanh, nhưng chúng ta phải suy nghĩ về con người như con người trong ánh sáng của những mục đích của Đức Chúa Trời cho nhân loại. Chỉ duy nhất phúc âm mới có thể cứu và thay đổi họ. Chúng ta không biết ai hay ở nơi đâu là những người được chọn của Đức Chúa Trời. Chúng ta cần phải tìm kiếm họ ở mọi nơi.

Từ khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người theo hình ảnh của Ngài để cai trị muôn vật được sáng tạo của Ngài, ý định nguyên thủy đó phải được ứng nghiệm. Nó đã chưa được ứng nghiệm trong vườn Ê-đen bởi vì con người đã phạm tội chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Nó phải được ứng nghiệm vào một ngày nào đó, và nó chỉ được ứng nghiệm trong Đấng Christ (Hêb 2:8).

Chúa Jêsus Christ sẽ trở lại trong một ngày nhằm chinh phục và cai trị thế giới trong sự công bình. Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế gian trong ngày nào đó, và Ngài sẽ tiêu diệt hết thảy kẻ thù của Ngài nơi trận chiến Ha-ma-ghe-đôn (Khải 19:11-21). Rồi trái đất này sẽ được

làm mới lại (rejuvenated). Muôn vật sẽ được giải thoát khỏi ách hù hoạ và con cái của Đức Chúa Trời sẽ tận hưởng sự tự do vinh hiển trong thân thể phục sinh (Rôm 8:19-21; I Giăng 3:2-3).

Đức Chúa Trời đã ban cho con người quyền thống trị trên toàn cõi thế gian bao gồm những con vật trong biển, bầu trời, và trên mặt đất (Sáng 1:28). Chú ý rằng quyền thống trị này không bao hàm trên loài người và ngoài hành tinh. Cũng vậy, trong thời đại tiên tiến này những cuộc thám hiểm và sự cư trú ngoài hành tinh vượt quá giới hạn của sự thống trị nguyên thủy mà Đức Chúa Trời đã ban cho A-đam.

Thêm nữa, thẩm quyền tuyệt đối và quyền lực cai trị trên loài người duy nhất thuộc về Đức Chúa Trời Đấng duy nhất quyết định sự tồn tại và vận mệnh của loài người, bất kể họ sống hay chết (Truyền 8:8; Đan 4:32). Con người không được ban cho quyền thống trị trên giống loài của họ nhằm tạo nên một dòng giống cao thượng. Một sự nỗ lực như vậy trong thời Kinh Thánh đã bị thất bại thảm khốc (Sáng 6:1-7, 17). Đừng bao giờ đùa giỡn với Đức Chúa Trời!

Việc nhân giống người bằng phương pháp vô tính là một cố gắng nguy hiểm khác bởi việc con người đùa giỡn với Đức Chúa Trời. Khi con người cố gắng nhân bản chính họ, họ đã vi phạm ý định nguyên thủy về quyền thống trị của Đức Chúa Trời. Sự nhân bản như vậy đã vượt quá giới hạn của con người. Con người không nên đùa giỡn với Đức Chúa Trời. Nếu con người cố chấp trong sự gian ác của họ, sự phán xét giậm dũ rồi sẽ đến chắc chắn (II Phi 3:3-12).

LOÀI NGƯỜI SA NGÃ

Dựa theo Kinh Thánh, con người trong thế gian này là một tạo vật sa ngã. Đức Chúa Trời đã định cho con người là một tạo vật đặc biệt và thuộc linh, được tạo dựng một cách hoàn hảo theo hình ảnh của Ngài.

Nhưng con người đã không trở thành điều họ phải trở thành từ khi sự sa ngã. Mặc dù hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người không bị tẩy xóa đi, nhưng nó bị hư hoại. Con người ngày nay là tuyệt vọng và ô uế.

Tính chất thực tế về tội lỗi và sự hư hoại của con người được phơi bày trong Rô-ma 1:18-2:13 và Rô-ma 3:9-18, và tìm thấy ngay hiện tại trong những bài bình luận báo cáo tin tức. Hầu như hằng ngày, chúng ta đọc và nghe những trận chiến và sự khùng bố, trợn lẩn với cướp bóc, hãm hiếp, và giết người, và hết thảy những kiểu cách về sự bại hoại và sự truy lạc của con người.

Con người biết Đức Chúa Trời tồn tại. “Bổn tính quyền năng đòi đòi và thiêng liêng” của Ngài được nhìn thấy rõ ràng trong sự tạo dựng và thiên nhiên. Con người thật “không tự chữa mình được” khi họ chối bỏ Đức Chúa Trời. Những tội lỗi của người sẽ bị trừng phạt trong một ngày nào đó. Calvin quan sát một cách đứng đắn, “Bất kỳ nơi nào tội lỗi tồn tại ... nó được đi cùng với sự giận dữ và sự trả thù của Đức Chúa Trời.”

Con người không chỉ được sinh ra trong tội lỗi, nhưng con người cũng phạm tội hằng ngày trong đời sống. Mọi người đều phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời. Nếu loài người cứ tiếp tục từ chối tin lành về sự cứu rỗi của Đấng Christ, từ chối xưng nhận và ăn năn những tội lỗi của mình, thì rốt lại Đức Chúa Trời sẽ “từ bỏ họ.” Đã ba lần trong Rô-ma 1:24,26, và 28, chúng ta được bảo rằng “Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ.” Phao-lô nói rằng con người thích thờ phượng và sùng bái những tạo vật thay cho Đấng Tạo Hóa, “Cho nên Đức Chúa Trời đã phó họ sa vào sự ô uế theo lòng ham muốn mình, đến nỗi tự làm nhục thân thể mình nữa” (c 24). “Ấy vì có đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ...” (c 26). Phao-lô tiếp tục nêu rõ những tội lỗi kinh tởm của sự bại hoại và truy lạc và rồi tóm lược, “Tại họ không lo nhìn biết Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời đã phó họ theo lòng hư xấu, đặng phạm những sự chẳng xứng đáng” (c 28).

Phao-lô mô tả khái quát về tính chất tội lỗi của loài người trong Rô-ma 1:29-31. Sự mô tả của ông về sự bại hoại hoàn toàn của con người trong hai khổ thơ hùng hồn; một từ tượng thanh (*onomatopoeia*) vang dội làm lay động cảm xúc với một cảm giác ghê tởm.

Không một ai trốn thoát khỏi tội lỗi. Trong Rô-ma 1, Phao-lô lý luận rằng Dân Ngoại Bang là tội nhân. Trong Rô-ma 2, ông nói rằng dân Do Thái là tội nhân. Trong Rô-ma 3, ông đã bao hàm hết thảy mọi người là tội nhân không một sự ngoại lệ nào. Trong Rô-ma 3:9-18, sự buộc tội của ông chống lại con người tội lỗi “là một miếng tranh ghép của những phân đoạn trong Cựu Ước đang xen với nhau vào một bức tranh đáng sợ được ghép lại” (Buswell):

Thế nào! Chúng ta có điều gì hơn chẳng? Chẳng có, vì chúng ta đã tỏ ra rằng người Giu-đa và người Gô-réc thảy đều phục dưới quyền tội lỗi, như có chép rằng: chẳng có một người công bình nào hết, dầu một người cũng không. Chẳng có một người nào hiểu biết, chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Chúng nó đều sai lạc cả, thảy cùng nhau ra vô ích; Chẳng có một người làm điều lành, dầu một người cũng không. Họng chúng nó như huyết mả mở ra; Dừng lưỡi mình để phỉn gạc; Dưới môi chúng nó có nọc rắn hổ mang. Miệng chúng nó đầy những lời nguyền rủa và cay đắng. Chúng nó có chân nhẹ nhàng dặng làm cho đổ máu. Trên đường lối chúng nó rạc những sự tàn hại và khổ nạn, Chúng nó chẳng hề biết con đường bình an. Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó.

Tham khảo Rô-ma 3:9-18, người đọc có thể nói rằng, “Nó quá khắt khe. Không phải tất cả loài người đều như vậy.” Mặc dù điều đó là đúng rằng không phải tất cả loài người đều được mô tả bởi tất cả các bản tính của sự đồi bại này, nhưng tất cả các bản tính của sự đồi bại này được tìm thấy trong loài người và nhìn thấy quá thường xuyên. Ví dụ, không phải mỗi căn phòng đều được phá vỡ một cách giống nhau; tương tự không phải mọi người đều phạm tội trong mọi điều này. Mặc dù điều này có thể xảy ra, nhưng mỗi căn phòng nằm trong

một căn hộ đồ vỡ là một phần của sự sụp đổ và được mô tả theo cách ấy.

Có một câu chuyện kể về một người truyền giáo nọ trong một vùng đất ngoại quốc lần đầu tiên đọc sách Rô-ma cho một nhóm người chưa bao giờ được nghe bất cứ phần nào của Kinh Thánh. Khi sự miêu tả kinh khiếp về tội lỗi và sự đỗi bại được đọc ra, một ông già đã giận dữ một cách kinh khủng, bày tỏ những điều bộ hăm dọa. Sau khi đọc xong, ông già đó đột nhiên nhảy chồm lên và la lên rằng, “ai đã nói cho anh biết tất cả về tôi?”

Không một ai sau khi tra xét chính mình có thể khước từ những gì Kinh Thánh dạy về bản tính tội lỗi của người ấy. Con người sa ngã, mặc dù không phạm hết thấy các tội lỗi như đã đề cập, phải xưng nhận rằng, “Đó là dòng giống mà tôi thuộc về. Tôi là loại người đó. Tôi thuộc về sự hư nát đó.”

Sự quan sát của Calvin về cách sống tội lỗi và tự hủy diệt của con người là đúng, “Khi con người thêm tội lỗi và tội lỗi, Đức Chúa Trời nói lòng sự cai trị của Ngài, và cho phép họ tự hủy diệt chính mình.”

SỰ CỨU RỖI TRONG ĐẢNG CHRIST

Chỉ có duy nhất Chúa Jêsus Christ mới có thể cứu chúng ta khỏi tội lỗi.

Khi chạm trán với Ba Ngôi Đức Chúa Trời thánh khiết “cao sang” (Ê-sai 6:1), ngay lập tức Ê-sai nhận biết ba lần tội lỗi và la lên rằng, “Khốn nạn cho tôi! Tôi là kẻ bất tài [undone - KJV]! Vì tôi là người có môi dơ dáy, ở giữa một dân có môi dơ dáy, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân” (Ê-sai 6:5).

Ê-sai đã được ban cho một khái tượng về Chúa và ông đã nhìn thấy

sự tội tệ của mình. Ngày nay, khái tượng như vậy được tìm thấy trong các Phúc Âm nơi mà chúng ta nhìn thấy Đấng Christ được khai tỏ một cách tối thượng trong mọi sự hoàn hảo và sự thánh khiết. Khái tượng của Đấng Christ như vậy lên án chúng ta và kết án chúng ta là những kẻ phạm tội. Khi chúng ta thấy Đấng Christ tốt biết bao, thì chúng ta thấy chúng ta thật xấu xa bấy nhiêu. Jêsus trong lịch sử là một bằng chứng tốt nhất rằng con người là một tạo vật sa ngã, thiếu kém xa so với nguyên mẫu.

Chúng ta không nên quên công việc của Đức Thánh Linh. Chúa Jêsus đã hứa, “Khi Ngài [Thần của Lẽ Thật] đến thì sẽ gỡ trách thể gian về tội lỗi, về sự công bình và về sự phán xét” (Giăng 16:8). Đây là lời hứa của Chúa Jêsus về công tác của Chúa Thánh Linh.

Thế giới gian ác này là vô kỷ luật, vô tín, và vô tình; nhưng dù thích hay không, sự cáo trách về tội lỗi chỉ đến khi những con người được đổ đầy Thánh Linh giảng một cách trung tín về lời Đức Chúa Trời được hà hơi bởi Thánh Linh. Sự nhu cầu cần thiết tột bậc của thế giới ngày nay là về những người nam và nữ trung tín trong việc giảng dạy Phúc Âm thanh sạch của Đấng Christ. Sự rao giảng phúc âm thánh hóa được đi đôi với sự công tác cáo trách của Thánh Linh sẽ thấy sự ăn năn thật, và một sự thay đổi của những linh hồn cho Chúa.

TỘI LỖI LÀ GÌ?

Giáo lý Vấn Đáp Tóm Lược Westminster định nghĩa tội lỗi như “bất kỳ sự thiếu hụt về sự tuân theo, hay sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.” Những từ này được dựa vào I Giăng 3:4, “tội lỗi tức là sự trái luật pháp.”

Đức Chúa Trời nói với con người, “Hãy nên thánh, vì ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, vốn là thánh” (Lêv 19:1). Nhưng con

người, khi đối diện với Ba Ngôi Đức Chúa Trời thánh khiết, nhận biết chính mình phạm tội hoàn toàn, cực kỳ dơ bẩn, và tội lỗi tuyệt đối. Khi tiên tri Ê-sai thấy sự khải thị về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:1-6), ngay lập tức ông nhận biết sự đỗi bại của chính ông.

Vì vậy, tội lỗi không chỉ là vượt quá giới hạn (trái với những mạng lệnh thánh của Đức Chúa Trời), nhưng cũng là sự thiếu hụt tiêu chuẩn (thiếu kém so với bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời). “Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rôm 3:23).

NGUỒN GỐC CỦA TỘI LỖI

Tội lỗi bắt đầu ở thiên đàng, không phải ở mặt đất. Một thiên sứ đã phạm tội trước, chứ không phải con người. I Giăng 3:8 nói với chúng ta rằng “ma quỷ phạm tội từ lúc ban đầu.” Lu-xi-phe, một thiên sứ trưởng, nổi loạn chống nghịch Đức Chúa Trời và đã sa vào tội lỗi (Ê-sai 14:12-14; Ê-xê 28:1-19). Lu-xi-phe trở thành Sa-tan. Nó đã bị trục xuất ra khỏi thiên đàng, và bị quăng xuống đất (Khải 12:9). Khi Lu-xi-phe sa ngã, nó đã không sa ngã một mình (Khải 12:4). Trong Giu-đe 6 chúng ta được bảo rằng có những thiên sứ khác cùng sa ngã với nó, “còn các thiên sứ không giữ thứ bậc và bỏ chỗ riêng mình.” Có một câu Kinh Thánh song song khác, II Phi-e-rơ 2:4, nói về “các thiên sứ đã phạm tội.”

Nguyên nhân phạm tội của Sa-tan là sự kiêu ngạo của nó (I Tim 3:6). Quan sát năm chữ “TA” trong Ê-sai 14:13-14. Tâm điểm của chữ PRIDE (SỰ KIÊU NGẠO) là mẫu tự “P” (TA). Sa-tan cũng là kẻ nói dối và là kẻ giết người từ ban đầu. Chúa Jê-sus phán rằng, “Các người bởi cha mình, là ma quỷ, mà sanh ra; và các người muốn làm nên sự ưa muốn của cha mình. Vừa lúc ban đầu nó đã là kẻ giết người,

chẳng bền giữ được lẽ thật, vì không có lẽ thật trong nó đâu. Khi nó nói dối, thì nói theo tánh riêng mình, vì nó vốn là kẻ nói dối và là cha sự nói dối.”

Khi Sa-tan bị quăng xuống đất, nó đã cám dỗ con người. Chủ tâm của nó là giết con người qua sự dối trá của nó. Sự dối trá của nó đã đem con người đến sự sa ngã. Sa-tan đã nói dối, con người đã tin lời nó. Thật là một sai lầm lớn! Con người đã chết! Sự chết này là: (1) sự chết thuộc thể, (2) sự chết thuộc linh (tức là: sự cách biệt khỏi mối thông công với Đức Chúa Trời), và (3) sự chết đời đời (nghĩa: sự đoán phạt trong hồ lửa đời đời).

Là những Cơ Đốc Nhân chúng ta phải cảnh giác đề phòng với những lời dối trá của Sa-tan. Chúng ta phải đề phòng những trình thám của nó. Coi chừng nếu có bất cứ ai đến với anh em với một phúc âm khác, Jêsus khác, và với một thần linh khác (II Côr 11:4). Trong những ngày sau rốt này, những tiên tri giả và Christ giả đầy dẫy (Mat 24:5, 11, 24). Chính Sa-tan sẽ giả mạo thiên sứ sáng láng (II Côr 11:14). Nó nhìn đẹp đẽ, nhưng đầy dẫy nọc độc. Nhiều con rắn có nhiều màu sắc rất sặc sỡ, nhưng chúng đầy nọc độc. “Đừng cứ bề ngoài mà xét đoán, nhưng phải xét đoán theo lẽ công bình” (Giăng 7:24). “Hãy coi chừng tiên tri giả, là những kẻ mang lột chiên đến cùng các người, song bề trong thật là muông sói hay cắn xé. Các người nhờ những trái nó mà nhận biết được...” (Mat 7:15-16).

TÍNH VÔ TỘI NGUYÊN THỦY CỦA CON NGƯỜI

Như được ký thuật ở Sáng Thế Ký 1 và 2, con người được tạo dựng trong tình trạng thánh khiết. Con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Hình ảnh này là thuộc linh, ám chỉ đến sự giống

nhau và sự tương quan về đạo đức, với sự vắng mặt hoàn toàn của tội lỗi, và với quyền tể trị hài hòa trên toàn vật thọ tạo của Đức Chúa Trời.

Sự thống trị được thi hành bởi con người trên toàn vật thọ tạo được thấy từ lúc ban đầu của hoạt động sản xuất kinh tế. Điều này được nói đến trong Sáng Thế Ký 2:8, “Đoạn, Giê-hô-va Đức Chúa Trời lập một cảnh vườn tại Ê-đen, ở về hướng Đông, và đặt người mà Ngài vừa dựng nên ở đó.” Chúng ta cũng đọc trong câu 15-17, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn Ê-đen để trồng và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn, chắc sẽ chết.”

Đúng với sự bổ nhiệm của một người phụ giúp Đức Chúa Trời để cai trị vật thọ tạo của Ngài, con người bắt đầu học và phân loại thế giới nơi họ sống. Nó cần được chỉ ra rằng trong Sáng Thế Ký 2:18-20 con người đã sống với một cấp bậc hoàn toàn khác biệt với thế giới loài vật. Như vậy, sự giao cấu với một con vật bị ngăn cấm hoàn toàn, thậm chí bị đoán phạt trong Kinh Thánh.

Đức Chúa Trời biết nhu cầu của A-đam nên đã tạo dựng cho ông một người phụ giúp thích hợp nhất nơi Ê-va (Sáng 2:21-25). Việc đem A-đam và Ê-va lại với nhau bởi Đức Chúa Trời dạy rành mạch về tính duy nhất và tính thiêng liêng của mối quan hệ hôn nhân một vợ một chồng.

Nó thật là một thiên đàng trên đất trong vườn Ê-đen khi chưa có tội lỗi.

HAI CÂY ĐẶC BIỆT

Có hai cây đặc biệt, hai cây mang tính chất lịch sử trong khu vườn, cây sự sống và cây hiểu biết về điều thiện và điều ác. Hai cây này có ý nghĩa gì, và tại sao chúng được đặt ở đó? Thật rõ ràng rằng hai cây này được đặt ở đó đặng thử con người. “Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết” (Sáng 2:16-17). Đức Chúa Trời đã không tạo con người giống như những con rô-bốt. Ngài đã ban cho con người ý chí tự do. Họ sẽ chọn để vâng lời Đức Chúa Trời đặng giành được sự sống đời đời, hoặc họ không vâng lời và sẽ nhận sự đoán xét?

Cây sự sống có ý nghĩa biểu tượng thuộc linh. Ăn trái cây sự sống biểu tượng, hoặc kết nối bằng cách nào đó với, sự sống đời đời. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán rằng: Nay, về sự phân biệt điều thiện và điều ác, loài người đã thành một bụi như chúng ta; vậy bây giờ, ta hãy coi chừng, e loài người giơ tay lên cũng hái trái cây sự sống mà ăn và được sống đời đời chẳng. Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn đuổi loài người ra khỏi vườn Ê-đen đặng cày cấy đất, là nơi có người ra. Vậy, Ngài đuổi loài người ra khỏi vườn, rồi đặt tại phía đông vườn Ê-đen các thần chê-ru-bim với lưỡi gươm chói lòa, để giữ con đường đi đến cây sự sống (Sáng 3:22-24).

Trong khu vườn, nếu A-đam đã ăn trái cây sự sống trong một ý chí quả quyết và tự do, thì ông đã giành được sự sống đời đời, và trở thành con của Đức Chúa Trời đời đời. Vượt qua sự thử nghiệm thì ông sẽ được nâng lên ở vị trí làm con thuộc linh đời đời. Nếu A-đam đã ăn trái cây sự sống thì tất cả chúng ta được sinh ra thánh khiết và có được sự sống đời đời. Cây thứ hai: cây của sự hiểu biết về điều thiện và điều ác – cũng phải được hiểu trong ý nghĩa tượng trưng. Ý nghĩa của cụm từ “biết điều thiện và điều ác” là mang tính biểu tượng

và tính đạo đức. Nếu cây hiểu biết về điều thiện và điều ác tương trưng cho sự hiểu biết thuộc đạo đức về điều thiện và điều ác, vậy thì làm thế nào việc ăn trái cây của nó lại có thể làm cho một người “biết” điều thiện và điều ác?

Khi Đức Chúa Trời chỉ dụ con người không được ăn trái của cây cấm, chắc chắn con người đã biết trong tâm trí rằng sự vâng lời Đức Chúa Trời là tốt, và không vâng lời là xấu. Sự hiểu biết thanh sạch của tâm trí có thể được chỉ dẫn như thế. Nó không phải là một sự hiểu biết lý thuyết suông.

Có một sự hiểu biết khác, sự hiểu biết thuộc về kinh nghiệm (sự hiểu biết của sự thực hành) (Phục 1:39; Ê-sai 7:15-16; II Sam 14:17-20). Khi Ê-va thấy cây đó là, “một cây để mở trí khôn” (Sáng 3:6), bà đã khao khát đặng nếm nó. Bà đã khao khát đặng kinh nghiệm sự kiêu ngạo của sự sống.

Bằng việc ăn trái cấm, con người đã làm một sự chọn lựa. Trong một hành động của ý chí tự do, bà đã quyết định chống lại mạng lệnh của Đức Chúa Trời bằng mọi giá. Hành động của sự bất tuân này đã dẫn con người sa vào tội lỗi và sự đoán phạt đời đời (Khải 20:6, 14).

Tội lỗi thật ngọt ngào nhưng đầy chết chóc.

SỰ CÁM DỠ CỦA A-ĐAM VÀ Ê-VA

Như đã được nói đến, tội phạm đầu tiên không phải là con người, nhưng bởi một vị thiên sứ. Nó không phải là con người đầu tiên, A-đam, nhưng mà vị thiên sứ trưởng với tên gọi là Lu-xi-phe sa ngã vào tội lỗi trước tiên. Sự sa ngã của nó được ký thuật trong Ê-sai 14:12-14 và Ê-xê-chi-ên 28:12-19. Nó là một chê-ru-bim được xúc dầu của Đức Chúa Trời, được tạo dựng một cách hoàn hảo và tuyệt đẹp từ lúc ban đầu. Nó được đặt làm đầu các thiên sứ khác, và được

hầu việc trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Nhưng nó đã trở nên kiêu ngạo và nổi loạn nghịch lại Đức Chúa Trời (I Tim 3:6). Lu-xi-phe kẻ mang ánh sáng đã trở thành Sa-tan kẻ vu khống và giết người.

Sa-tan là kẻ cám dỗ. Nó cám dỗ con người phạm tội chống nghịch Đức Chúa Trời. Vì lý do này, con người thường đổ lỗi và sự trừng phạt khỏi mình. Ví dụ như, Ê-va, đã biện hộ cho chính mình bằng việc đổ lỗi cho con rắn, “con rắn dỗ dành tôi,” và A-đam đổ lỗi cho Ê-va, “người nữ mà Chúa đã để gần bên tôi cho tôi...” (Sáng 3:12-13).

Con người chỉ đổ lỗi cho chính mình. Người đã có sự chọn lựa. Người đã có thể chọn để không phạm tội, không gieo mình vào sự cám dỗ, nhưng người đã làm một quyết định tinh táo để chống nghịch lại với Đức Chúa Trời và Lời của Ngài. Con người cũng đã không có sự giúp đỡ. Nếu con người đã kêu cầu Đức Chúa Trời cho sự giúp đỡ thì có lẽ Ngài đã ban cho điều đó. Kinh Thánh nói với chúng ta, “Những sự cám dỗ đến cho anh em, chẳng có sự nào quá sức loài người. Đức Chúa Trời là thành tín, Ngài chẳng hề cho anh em bị cám dỗ quá sức mình đâu; nhưng trong sự cám dỗ, Ngài cũng mở đường cho ra khỏi, để anh em có thể chịu được” (I Côr 10:13).

Sa-tan đã bắt đầu sự cám dỗ của nó với Ê-va bằng việc gieo rắc sự nghi ngờ trên Lời của Đức Chúa Trời (c 1b). Sự cám dỗ đã tiếp tục với sự bóp méo Lời của Đức Chúa Trời, “Mà chi! Đức Chúa Trời há có phán dặn các ngươi không được phép ăn trái các cây trong vườn sao?” (tk Sáng 2:17). Mặc dù Ê-va đã chỉnh sửa Con Rắn, bà nói thêm bằng lời của chính bà, “cũng chẳng nên đá động đến” (c 3). Cảm thấy rằng Ê-va đã không chắc chắn về Lời của Đức Chúa Trời, Sa-tan tiếp tục sự giết chóc bằng lời nói dối này, “ngươi chắc chắn chết đâu [KJV].” Đức Chúa Trời đã nói một cách tường tận, “ngươi chắc sẽ chết,” hai lần chết – sự chết thuộc thể và sự chết thuộc linh. Khi con người phạm tội, người thật sự đã chết trong ba cách này: con người sẽ trở nên (1) chết trong tội lỗi (Êph 2:1), (2) dưới quyền của sự chết thuộc thể (Sáng 3:19), (3) nguy cơ dẫn đến “sự chết thứ hai”

là sự đoán phạt đời đời trong hồ lửa (Khải 20:6,14).

Sa-tan đã dụ dỗ Ê-va với nửa sự thật. Nửa sự thật vẫn là sự dối trá, và sự dối trá đầy chết chóc (c 5). Đức Chúa Trời đã đặt tên cho cây “cây của sự hiểu biết điều thiện và điều ác,” và sau khi con người phạm tội chúng ta đọc “Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán rằng: Nay, về sự phân biệt điều thiện và điều ác, loài người đã thành một bực như chúng ta” (c 22). Những từ này có nghĩa là con người đã thất bại trong bài thử nghiệm, bất tuân Đức Chúa Trời, và đã trở nên một trạng thái của tội lỗi được ấn định. Con người có sự hiểu biết thuộc về kinh nghiệm của điều tốt và điều xấu bởi việc làm một sự quyết định đầy trách nhiệm. Không còn bất kỳ điều gì tốt trong con người nữa, và không còn bất kỳ hy vọng nào của sự cứu rỗi trong con người. Nếu con người muốn được cứu, nó phải qua một Con Người Khác, và Người ấy là Đấng Christ.

Jêsus Christ—A-đam lớn hơn (the greater Adam)—cũng đã bị cám dỗ như vậy (Mat 4:1-11), nhưng Ngài đã chống trả ma quỷ một cách thành công bởi vì Ngài biết, trích dẫn, và đã vâng lời Kinh Thánh: “như có chép rằng ... như có chép rằng ... như có chép rằng” (c 4, 7, 10). Lời của Đức Chúa Trời là Thanh Gươm của Thánh Linh. Hãy sử dụng nó để đánh trả Sa-tan và những sự cám dỗ của nó. “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Mat 4:4). Chúng ta rất dễ bị tổn thương bởi sự cám dỗ của Sa-tan nếu chúng ta không biết Lời của Đức Chúa Trời một cách tốt nhất.

BẢN CHẤT CỦA SỰ CÁM DỠ

Bản chất cận kề của sự cám dỗ được nói ở trong Sáng Thế Ký 3:6. Tội lỗi gồm có ba phần bản chất. Ê-va đã bị cám dỗ phạm tội qua ba cách như được đề cập trong I Giăng 2:16, “Sự mê tham của

xác thịt, mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời.” Sự mê tham của xác thịt là một sự thèm muốn nhục dục và khát khao về xác thịt đối nghịch với ý muốn của Đức Chúa Trời; người nữ đã thấy trái cây “bộ ăn ngon.” Sự mê tham của mắt là sự tham lam hay sự thèm khát; người nữ đã nhìn thấy trái cây “đẹp mắt.” Sự kiêu ngạo của đời là sự ích kỷ và sự nổi loạn; người nữ nhìn thấy trái cây “là cây để mở trí khôn.”

Tất cả các cách khác nhau của sự phạm tội được phân loại ra như ở trên gồm có ba loại (1) sự mê tham của xác thịt (tính háu ăn, sự tham dâm, v.v.), (2) sự mê tham của mắt (thèm muốn, đồ kỵ, v.v.), và (3) sự kiêu ngạo của đời (thờ hình tượng, tự mãn, v.v.).

Đấng Christ đã bị cám dỗ bởi ba cách như vậy trong đồng vắng (Lu-ca 4:1-15). Đấng Christ đã bị cám dỗ (1) đặng biến hòn đá thành bánh (nghĩa: sự tham muốn của xác thịt), (2) đặng gieo mình xuống từ nóc đền thờ nhằm bày tỏ cho mắt xem thấy (nghĩa: sự mê tham của mắt), (3) đặng chiếm hữu mọi vương quốc trên thế gian dưới sự lãnh đạo của Sa-tan (nghĩa: sự kiêu ngạo của đời).

A-đam thứ nhất đã thất bại bài thử nghiệm của sự cám dỗ, nhưng A-đam lớn hơn hết—chính là Đấng Christ—đã vượt qua sự thử nghiệm một cách tuyệt vời nhất, và giành được sự cứu rỗi cho chúng ta. “Vậy, như bởi chỉ một tội mà sự đoán phạt rải khắp hết thảy mọi người thế nào, thì bởi chỉ một việc công bình mà sự xưng công bình, là sự ban sự sống, cũng rải khắp cho mọi người thế ấy. Vì, như bởi sự không vâng phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội, thì cũng một lẽ ấy, bởi sự vâng phục của một người mà mọi người khác sẽ đều thành ra công bình” (Rôm 5-8-9). Chúng ta không thể cứu chính chúng ta. Chỉ duy nhất Chúa Jê-sus mới có thể cứu chúng ta.

AI LÀ NGƯỜI PHẠM TỘI LỚN HƠN, A-ĐAM HAY Ê-VA?

Câu hỏi về ai là người đáng khiển trách nhiều hơn, người nam hay người nữ, là không phù hợp. Cả A-đam và Ê-va đã bị cám dỗ, và cả hai đã sa vào tội lỗi. Trong những phân đoạn đầy giáo lý, như Rô-ma 5 và I Cô-rinh-tô 15, A-đam là người đàn ông đại diện, không phải Ê-va.

Thật thú vị khi chú ý rằng trong sự cảnh báo hội thánh Cô-rinh-tô, nơi bị hư hoại bởi những tà giáo, Phao-lô viết, “tôi ngại rằng như xưa Ê-va bị cám dỗ bởi mưu chước con rắn kia, thì ý tưởng anh em cũng hư đi, mà dòi dôi lòng thật thà tinh sạch đối với Đấng Christ chẳng” (II Côr 11:3). Mặt khác, bạn có biết Phao-lô đang áp dụng lời của ông một cách tổng quát cho cả người nam lẫn người nữ trong hội thánh là những người đang ở trong sự nguy hiểm của sự lừa dối bởi những giáo sư giả.

Trong I Ti-mô-thê 2:8-15, Phao-lô nói đến người nữ là những người có khuynh hướng dễ bị cám dỗ hơn, “Lại không phải A-đam bị dỗ dành, bèn là người đàn bà bị dỗ dành mà sa vào tội lỗi.” Mặc dù vậy, A-đam vẫn phạm tội ngang bằng không hơn vì ông lẽ ra là người lãnh đạo, chứ không phải là kẻ theo sau. Trong sự cám dỗ, ông đã nhường vị trí lãnh đạo cho Ê-va mà Đức Chúa Trời đã ban cho. Thật là một sai lầm lớn! A-đam là cái đầu xứng đáng bị khiển trách.

Lời nói khó hiểu trong câu 15, “sẽ nhân đẻ con mà được cứu rỗi,” được giải thích một cách tốt nhất khi tham khảo Sáng Thế Ký 3:15, rằng, lời hứa về một dòng dõi của người nữ sẽ giày đạp đầu Con Rắn. Nó đây ý nghĩa đề chú ý rằng việc đẻ con, nghĩa là, một việc đẻ con cụ thể [particular: cụ thể, ngoại lệ, đặc biệt, riêng], chứ không phải bất cứ sự đẻ con nào. Tiếng Hy-lạp với một mạo từ hạn định - “the” - được dùng với từ “childbearing” trong I Ti-mô-thê chỉ định một cách đặc biệt đến sự sinh nở đồng trinh (virgin birth) của Đấng Christ. Người nữ, dầu bị lừa dối và bị lôi kéo vào tội lỗi, cũng có sự cứu rỗi

ngang bằng với người nam qua Đấng Christ, Dòng Dõi được sinh ra trong sự đồng trình. Cả người đàn ông và người đàn bà phạm tội ngang bằng nhau, và cả hai giành được những ích lợi của sự cứu rỗi nếu họ tin vào Đấng Christ. Đức Chúa Trời không thiên vị bất kỳ ai.

NGUYÊN TỘI LÀ GÌ?

Nguyên tội (tội lỗi nguyên thủy) là sự hư hoại đạo đức ở trong mọi người khi sinh ra được sinh ra, và nó bao gồm cả sự vi phạm về luật pháp lẫn sự hư hoại thực tại của loài người là kết quả từ tội lỗi của A-đam. Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Phô Quát nói rằng, “Tội lỗi của sự việc đó điều khiển cho con người sa ngã, bao gồm sự phạm tội đầu tiên của A-đam, sự thiếu hụt của sự công bình nguyên thủy và sự hư hoại của toàn thể bản chất của người, thường được gọi là Nguyên Tội; cùng với tất cả những sự phạm tội thực tại ra từ nó.”

Điều này rõ ràng (1) rằng tội lỗi đầu tiên của A-đam được quy cho chúng ta trên một nguyên tắc đại diện, (2) và tội lỗi của sự hư hoại của chúng ta và của những tội lỗi cá nhân của chúng ta được quy cho chúng ta bởi vì nó ở trong chúng ta nói riêng và trong một dòng giống nói chung.

Điều này là quan trọng để hiểu rằng tội lỗi không chỉ duy những gì chúng ta làm nhưng cũng là những gì chúng ta là (what we are). Tội lỗi, trong hình dáng của sự đồi trụy, ở trong chính bản tính của chúng ta. Trong bầy đoàn của thư tín gửi cho người Rô-ma Phao-lô đã bàn luận một cách rành mạch, “tội lỗi đang ngự trị trong tôi.” Ông nói, “Tôi biết rằng trong tôi, trong xác thịt của tôi [hay trong bản tính xác thịt sa ngã] chẳng có điều gì tốt.”

Ông đã la lên trong sự đau đớn, “Khốn nạn cho tôi! Ai sẽ cứu tôi thoát khỏi thân thể hay chết này?”

Nhưng những tội nhân kiêu ngạo, đầy dẫy tự mãn và tự ngã thường không đủ khả năng để nhìn biết điều này. Đây là một bi kịch vì con người sẽ không bao giờ đến với Đấng Cứu Thế cho đến khi con người nhận biết được tội lỗi của anh ta.

Tính chất tội lỗi là cội rễ của bản chất của con người, và những tội lỗi là những trái của nó. Rô-ma 5:12-21 là một ví dụ minh họa bao quát nhất về tội lỗi của A-đam được tìm thấy ở bất cứ nơi nào trong Kinh Thánh. Tại đây Phao-lô dạy rằng bởi việc làm đại diện của A-đam tất cả dòng dõi của ông tự nhiên ra thành những tội nhân và rốt cuộc đối diện với sự trừng phạt với sự chết.

Nguyên tắc đại diện được dạy rõ ràng trong Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược:

Câu hỏi 13: Có phải tổ phụ đầu tiên của chúng ta đã tiếp tục ở trong địa vị của mình nơi mà họ đã được tạo dựng? Trả lời: Tổ phụ đầu tiên của chúng ta, chạy theo sự tự do của ý chí của chính họ, rời bỏ vị trí của họ nơi mà họ đã được tạo dựng bằng việc phạm tội chống nghịch lại Đức Chúa Trời.

Câu hỏi 16: Có phải cả nhân loại đều sa ngã trong sự phạm tội đầu tiên của A-đam? Trả lời: Giao Ước được làm với A-đam, không chỉ với ông ta mà thôi, nhưng cũng với hậu tự của ông ta nữa; cả nhân loại, kể từ ông ấy bởi dòng dõi tự nhiên, đã phạm tội trong ông ta, và sa ngã với ông ta, trong sự phạm tội đầu tiên.

Câu hỏi 17: Sự sa ngã đã đem loài người vào địa vị nào? Trả lời: Sự sa ngã đã đem loài người vào trong một tình trạng của tội lỗi và đau khổ.

Câu hỏi 18: Sự phạm tội của con người khiến con người sa ngã vào trong địa vị đó bao gồm những gì? Trả lời: Sự phạm tội của con người khiến con người sa ngã vào trong địa vị đó bao gồm tội lỗi đầu tiên của A-đam, sự thiếu hụt sự công bình ban đầu, và sự suy đồi của cả bản chất điều mà thường được gọi là Nguyên Tội; cùng với những

sự phạm tội hiện thời mà phát sinh ra từ nó.

Câu hỏi 19: Sự đau khổ của tình trạng đó bởi tại sự sa ngã là gì? Trả lời: Tất cả loài người bởi sự sa ngã của họ đã làm mất đi sự giao thông với Đức Chúa Trời, đang ở dưới cơn thịnh nộ và sự rửa sạch của Ngài, và có thể đem đến mọi sự đau khổ trong đời sống này, đến sự chết, và sự đau đớn đời đời nơi địa ngục.

Chúng ta được sinh ra trong tội lỗi và chết trong tội lỗi. Nếu chúng ta muốn sống đời đời thì chúng ta cần phải được tái sinh.

Tội lỗi của A-đam là một việc làm đại diện bao gồm toàn thể những dòng dõi tự nhiên của ông được minh chứng từ sự bày tỏ rõ ràng và trực tiếp của Kinh Thánh, “Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội” (Rô-ma 5:12).

Cụm từ “mọi người đều đã phạm tội” trong câu này không có nghĩa đơn thuần rằng tất cả mọi người đã phạm tội vài lần hoặc khác nhau, nhưng nó hàm ý rằng mọi người đã phạm tội một cách đại diện khi A-đam phạm tội. Cũng vậy, sự vâng phục của Đấng Christ được nói đến như là việc làm đại diện bởi điều đó con người có thể được làm cho sống khi họ được sanh lại trong Đấng Christ. Bằng cách thí dụ, khi đội bóng đá Brazil chiến thắng World Cup, thì tất cả những người Brazil chiến thắng mặc dù không phải hoàn toàn cư dân của Brazil ở trên sân cỏ. Đội bóng đại diện cho quốc gia.

Trong II Cô-rinh-tô 5:14-15, Phao-lô viết, “Vì tình yêu thương của Đấng Christ cảm động chúng tôi, và chúng tôi tưởng rằng nếu có một người chết vì mọi người, thì mọi người đều chết, lại Ngài đã chết vì mọi người, hầu cho những kẻ còn sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình.” Nếu bạn tin vào Đấng Christ, bạn sẽ được cứu. Vì những ai được cứu, Đấng Christ Cứu Chúa của chúng ta là Đấng Đại Diện Hoàn Hảo.

Vì vậy, tội lỗi và sự chết đã vào trong thế gian qua sự bất tuân và thất bại của A-đam. Nhưng sự ngợi khen thuộc về Đức Chúa Trời vì một A-đam Lớn Hơn—Chúa Jêsus Christ—Đấng bởi sự vâng phục và sự công bình của Ngài đã giành được món quà miễn phí của sự sống đời đời cho tất cả (Rô 5:17-19). Calvin nói, “Bởi sự vâng phục của Đức Chúa Trời, Ngài đã lau sạch những sự vi phạm của chúng ta; bởi của lễ của Ngài, đã làm nguôi cơn thịnh nộ thánh; bởi huyết của Ngài, đã tẩy rửa những vết nhơ của chúng ta; bởi thập tự giá của Ngài, đã gánh lấy sự rủa sả của chúng ta; và bởi sự chết của Ngài, đã làm sự đền đáp cho chúng ta.” Đây là món quà miễn phí của sự cứu rỗi trong Đấng Christ là đầy đủ vô hạn cho tất cả và ban tặng cho tất cả.

Jêsus Christ là một câu trả lời cho tội lỗi của A-đam điều đã dẫn đến sự chết phổ biến trong con người. Trong I Cô-rinh-tô 15:22, chúng ta tìm thấy những từ này, “Như trong A-đam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ được làm cho sống lại.” Điều này cũng được nói đến trong I Cô-rinh-tô 15:45, “Ấy vậy, có lời chép rằng: Người thứ nhứt là A-đam đã nên linh hồn sống. A-đam sau (Christ) hết là thân ban sự sống.” Phao-lô tiếp tục nói, “Người thứ nhứt bởi đất mà ra, là thuộc về đất [tk, Sáng 2:7, 3:19], người thứ hai bởi trời mà ra. Người thuộc về đất thể nào, thì những kẻ thuộc về đất cũng thể ấy; người thuộc về trời thể nào, thì những kẻ thuộc về trời cũng thể ấy. Như chúng ta đã mang ảnh tượng của người thuộc về đất, thì chúng ta cũng sẽ mang ảnh tượng của người thuộc về trời” (I Cô-rinh-tô 15:47-49).

Jêsus Christ là Đấng Ban Sự Sống (Life-Giver). Ngài có quyền năng để ban sự sống. Ngài có quyền năng để khiến người chết sống lại, Ngài là cội nguồn của sự sống vĩnh cửu. Về Đấng Christ mãi mãi là Đấng Ban Sự Sống được trình bày rõ ràng trong Giăng 1:14, “Trong Ngài có sự sống, sự sống là sự sáng của loài người.” Đấng Christ là đấng ban sự sống một cách rõ ràng (Giăng 5:40; 6:33, 51). Ngài là “sự sống lại và sự sống” (Giăng 11:25; 14:6; 20:31).

Con người là vô vọng nếu không có Đấng Christ. Đấng Christ là

niềm hy vọng của sự vinh hiển. Nếu chúng ta muốn tận hưởng thiên đàng với Đức Chúa Trời, chúng ta cần phải ăn năn tội lỗi của chúng ta, và tin nơi Đấng Christ. Nếu không, sự chết và địa ngục là điểm đến cuối cùng của chúng ta, và hồ lửa là nơi ở đời đời của chúng ta. Chúa Jêsus phán, “Ta là sự sống lại và sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Còn ai sống và tin ta thì không hề chết. Người tin điều đó chẳng?” (Giăng 11:25-26). Đừng chậm trễ, hãy tin vào Chúa Jêsus ngay hôm nay.

AI ĐÃ TREO CHÚA JÊSUS TRÊN THẬP TỰ GIÁ?

Là những tội nhân, chúng ta là những kẻ đã treo Chúa Jêsus trên thập tự giá. Bởi nguyên tắc đại diện, tất cả chúng ta đã ở tại Calvary (Gô-gô-tha). Tất cả chúng ta đều tham gia một cách cá nhân vào sự lãng mạ Con của Đức Chúa Trời: Tôi đã nhạo báng Ngài. Tôi đã nhổ lên mặt Ngài. Tôi đã vả và đấm Ngài. Tôi đã đóng đinh ngài trên thập tự giá. Tôi đã đấm Ngài. Tôi đã chế giễu và thách thức Ngài, “Nếu người là Con Đức Chúa Trời, hãy xuống khỏi cây thập tự!” (Mat 27:40).

Bây giờ, đừng ai nên đổ lỗi cho những người Do-thái duy nhất; dân Ngoại Bang cũng phạm tội ngang bằng trong việc treo Chúa Jêsus trên thập tự giá. Buswell thẳng thắn chỉ ra, “Những tên lính Ngoại Bang đã mặc cho Ngài áo bào màu tím và đội mão gai cho Ngài. Những tên lính Ngoại Bang đã đóng những chiếc đinh vào tay và chân của Ngài. Mũi giáo Ngoại Bang đã đâm vào hông Ngài. Những kẻ Ngoại Bang đã gieo què bắt thăm áo choàng của Ngài. Người Do-thái và người Ngoại Bang cùng nhau, cả dòng dõi loài người, phạm tội.”

Bởi nguyên tắc đại diện, cả người Do-thái lẫn người Ngoại Bang chịu đoán phạt trước mặt Đức Chúa Trời vì tội ác ghê tởm của họ trong

việc treo Chúa Jêsus trên thập tự giá. Nhưng tại đây là tình yêu của Đức Chúa Trời, “Đấng Christ đã bị lột áo choàng của Ngài để Ngài có thể mặc cho chúng ta sự công bình; ... thân thể trần trụi của Ngài bị phô bày với những lời lăng mạ của con người, để chúng ta có thể hiện ra trong sự vinh hiển trước bệ Ngài đoán xét của Đức Chúa Trời” (Calvin).

Ngoại trừ chúng ta nhận biết sự dính líu của chúng ta trong nguyên tội của con người, chúng ta sẽ không bao giờ có khả năng để hiểu làm thế nào để có thể tham dự vào sự cứu chuộc được mua bởi Đấng Christ. A-đam là người đại diện cho chúng ta và chúng ta đã phạm tội trong ông ấy. Nhưng trong Đấng Christ, Đấng Đại Diện và Thay Thế, chúng ta được trở nên công bình khi chúng ta tin vào Ngài (Rôm 5:19).

THẦN HỌC GIAO ƯỚC

Từ “giao ước” (Hê-bơ-rơ *berith*, Hy-lạp *diatheke*) được sử dụng xuyên suốt Kinh Thánh để nói đến sự sắp xếp, đồng ý, hợp đồng hay hiệp ước cân đối hay không cân đối được làm bởi hai hay nhiều bên. Từ “giao ước” cũng có nghĩa là một “ý muốn” hay một “chức vụ” (Hêb 9:16-17). Đôi lúc một giao ước có nghĩa đơn giản là một lời hứa được làm bởi một bên để ban phước cho người khác không bao gồm bất kỳ điều kiện nào.

Thuật ngữ “Tân Ước” hay “Giao Ước Mới” như trái ngược với “Cựu Ước” hay “Giao Ước Cũ” được bắt nguồn từ Giê-rê-mi 31:31-33. “Giao ước” mới này được nói đến bởi Đấng Christ trong Bữa Tiệc Cuối (Mat 26:28; Mác 14:24; Lu-ca 22:20; I Côr 11:25). Sứ Đồ Phao-lô thảo luận ở tại sự trái ngược giữa Tân Ước và Cựu Ước trong II Cô-rinh-tô 3:6-16 và Hê-bơ-rơ 7:22, 8:6-10, 9:4, 15-20, 10:16, 29, 12:24 (tk 10:19tt), 13:20.

“Cựu Ước” hay “Giao Ước Cũ” nói đến một giai đoạn trước khi Đấng Christ đến. Nó là một giai đoạn chứa đầy những biểu tượng và lễ nghi được thực hiện bởi những thầy tế lễ trong đền thờ. Những vật thể này chỉ về con người và công việc của Đấng Christ Đấng sẽ đến. Sau cùng khi Đấng Christ đến trong thể xác, những biểu tượng và lễ nghi sẽ bị thôi đi nhằm dành chỗ cho một phương pháp thờ phượng mới và tốt hơn. Chúa Jêsus nói với người đàn bà Sa-ma-ri, “Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hỡi người đàn bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các ngươi thờ lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi này, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ phượng thật lấy tâm thần và lễ thật mà thờ phượng Cha: Ấy đó là những kẻ thờ phượng mà Cha ưa thích vậy” (Giăng 4:21-22).

“Tân Ước” hay “Giao Ước Mới” nói về mối quan hệ thuộc linh mà mỗi tín đồ có trong Đấng Christ bởi đức tin. Giao Ước Mới đã được phê chuẩn khi Con của Đức Chúa Trời trở thành Con của loài người. Khi Ngài chết trên thập tự giá, Ngài đã ấn chứng Giao Ước Mới với huyết của Ngài. Công việc cứu chuộc của Đấng Christ được nói trước trong Cựu Ước được ứng nghiệm trong Tân Ước ấy là một giao ước “tốt hơn.”

GIAO ƯỚC VIỆC LÀM

Giao ước việc làm là giao ước đầu tiên mà Đức Chúa Trời đã thiết lập với con người trong vườn. Trong giao ước này, con người được yêu cầu vâng lời hai mạng lệnh này: (1) “Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất” (Sáng 1:28), và (2) “Ngươi được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết” (Sáng 2:16-17).

Tình trạng thuộc linh thánh khiết đòi đòi không phải tự động ban cho A-đam. Ông ấy phải làm việc vì nó. Nếu A-đam vâng lời giao ước việc làm của Đức Chúa Trời một cách hoàn hảo, thì ông và con cháu của ông sẽ được ban phước đời đời bởi Đức Chúa Trời với một địa vị làm con thuộc linh đời đời. Nếu ông không vâng lời, sự phán xét thiêng liêng sẽ đến. Vậy dựa trên căn cứ của việc làm của A-đam, phước hạnh hay sự phán xét sẽ được quyết định.

Trước sự sa ngã, sự cứu rỗi bởi việc làm, nhưng sau sự sa ngã, nó chỉ có thể được bởi ân điển duy nhất. Và vì vậy Giáo Lý Xung Nhận Westminster nói, “Giao ước đầu tiên được thiết lập với con người là một giao ước việc làm, bởi đó sự sống được hứa cho A-đam; và ở ông cho đến hậu thế, trên điều kiện của sự vâng lời trọn vẹn và cá nhân.”

A-đam như chúng ta biết đã thất bại, và sa vào tội lỗi. Có phải Đức Chúa Trời đã phó thác họ ngay lập tức vào trong sự hủy diệt đời đời? Bản Xung Nhận Đức Tin trả lời, “Con người, bởi sự sa ngã của người, đã làm cho chính mình người không có khả năng [để chiếm được] sự sống bởi giao ước đó, Chúa đã bằng lòng thiết lập một giao ước thứ hai, thông thường được gọi là giao ước ân điển; bởi đó Ngài đã ban cho tội nhân sự sống và sự cứu rỗi bởi Jêsus Christ một cách miễn phí; yêu cầu họ có đức tin nơi Ngài, để họ được cứu, và hứa sẽ ban cho tất cả những ai được định cho sự sống đời đời Thánh Linh của Ngài, đặng khiến họ tự nguyện, và có khả năng để tin.” Có một niềm hy vọng.

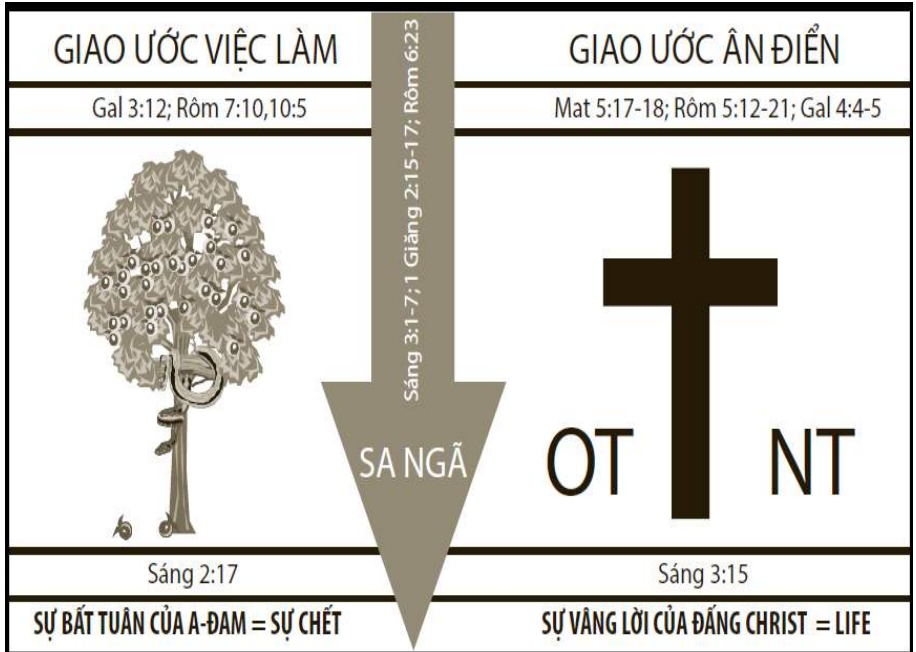
GIAO ƯỚC ÂN ĐIỂN

Vâng, có hy vọng! Đức Chúa Trời “lấy lòng nhịn nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (II Phi 3:9).

Từ khi con người không giành lấy được sự sống đời đời qua giao ước việc làm, Đức Chúa Trời đã thiết lập một giao ước khác được gọi là giao ước ân điển. Con người trong tội lỗi của mình không thể giành được sự sống đời đời nữa bởi phương tiện của những việc làm. Sự trục xuất A-đam ra khỏi khu vườn biểu thị sự chấm dứt của giao ước việc làm. Con người đã mất vườn Địa đàng, và sự tự do để ăn trái cây của sự sống (Sáng 3:22).

Vườn Địa đàng có thể giành lại được chỉ duy bởi Đấng Christ, và cây của sự sống bây giờ phải được ban cho, không phải lấy được. Sự sống đời đời phải được nhận lấy một cách khiêm nhường như một món quà miễn phí. Không còn giành lấy được bởi những việc làm tốt. “Không phải cứ vì việc công bình chúng ta đã làm, nhưng cứ theo lòng thương xót Ngài, bởi sự rửa về sự lại sanh và sự đổi mới của Đức Thánh Linh” (Tit 3:5).

Đấng Christ đã giành được sự công bình mà chúng ta cần phải có để được vào thiên đàng bởi: (1) Đời sống hoàn hảo của sự vâng lời đối với mười điều răn của Đức Chúa Trời, và (2) Cửa lễ hoàn hảo của Ngài trên thập tự giá đổ huyết báu của Ngài cho sự chuộc tội.



Thần Học Giao Ước được minh họa

Ấy là bởi sự thương xót và sự yêu thương thanh sạch của Đức Chúa Trời để nhờ đó chúng ta được cứu. Đức Chúa Trời đã thiết lập giao ước ân điển trong Sáng Thế Ký 3:15. Đức Chúa Trời đã hứa cho một Đấng Cứu Thế qua dòng dõi của một người nữ—một sự mang thai và sinh nở đồng trinh. Đấng Cứu Thế được sinh đồng trinh này rồi cuộc đã đến, chính là Con của chính Đức Chúa Trời. Những gì Đức Chúa Trời hứa, Ngài sẽ ban cho, “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con Độc Sinh của Ngài, hầu cho hễ ai tin con ấy không bị hư mất, nhưng được sự sống đời đời [KJV]” (Giăng 3:16).

PHẢI CHĂNG CON NGƯỜI RA TỪ LOÀI VƯỜN?

Đức Chúa Trời đã tạo dựng loài người một cách đặc biệt, trong hình ảnh của Ngài. Thi-thiên 8:4-5 nói với chúng ta rằng chúng ta không được tạo nên hơn những con vật một chút, nhưng là thấp hơn các thiên sứ một chút. Có nhiều điều khác biệt giữa con người và những con vật. “Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? Con loài người là chi, mà Chúa thăm viếng nó? Chúa làm người kém Đức Chúa Trời một chút, đội cho người sự vinh hiển và sang trọng.” Đức Chúa Trời nâng con người lên, nhưng Khoa học đã hạ con người xuống. Đây là sự xúc phạm đến Đức Chúa Trời và đến con người, khi nói rằng, con người, được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, ra từ những con vượn.

Vài người đã tạo ra lý thuyết rằng Đức Chúa Trời đã dùng quá trình của sự tiến hóa để tạo dựng nên con người. Qua nhiều triệu năm, Đức Chúa Trời đã tạo nên con người từ những con vượn. Những người được gọi là những Cơ Đốc Nhân Khoa Học này tuyên bố rằng con người có một thời điểm là không phải con người, chưa giống con người, cuối cùng là con người. Quan điểm về cội nguồn của con người như thế này thật là vô lý hết sức. Con người được tạo dựng từ vật liệu vô cơ chứ không phải xuất phát từ bất cứ sinh vật sống hữu cơ nào (Sáng 3:9).

Chỉ duy nhất A-đam được tạo dựng từ đất bởi Đức Chúa Trời, và rồi Ngài khiến ông sống bởi hơi thở sáng tạo của Ngài (Sáng 2:7). Hơi thở biểu tượng cho Thần Linh là một phép ẩn dụ xuyên suốt Kinh Thánh, “Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va; cả cơ binh trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có” (Thi 33:6). Thần Linh hà hơi vào con người một sự sống thuộc linh của sự tái sanh (Giăng 3:8). Như vậy, hơi thở của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 2:7 tượng trưng một hành động tạo dựng thuộc linh đặc biệt nhờ đó con người được trở nên một con người sống. Như một con người sống,

linh hồn của con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Điều này là không giống như linh hồn hay sự sống của các con thú (Sáng 1:20-21,24).

Một minh chứng khác nghịch lại thuyết tiến hóa là sự tạo dựng Ê-va (Sáng 2:21-22). Ê-va đã không được tồn tại qua sự tiến hóa, nhưng bởi sự tạo dựng đặc biệt—bà đã được tạo nên một cách đặc biệt và đẹp đẽ bởi Đức Chúa Trời từ xương sườn của A-đam. Có một lý do cho điều này. Nó được nói một cách văn hoa như vậy, “người nữ không được lấy từ chân của người nam để trở thành kẻ thấp kém hơn người, cũng không từ đầu của người nam để trở nên cao hơn người, nhưng từ hông của người nam để trở nên người đồng đi và quân bình.”

TRÁI ĐẤT BAO NHIÊU TUỔI?

Trái đất này trẻ chứ không già. Archbishop Usser (1581-1656) đã nói rằng trái đất bắt đầu vào năm 4004 BC. Mặc dù không chắc rằng năm 4004 BC là năm chính xác của thế giới của Sáng Thế Ký (xem xét về khoảng cách của gia phả được tìm thấy trong Sáng Thế Ký), nó không sai lệch bao nhiêu. Điều này thật quan trọng để hiểu rằng khoảng cách gia phả trong Sáng Thế Ký không phải là khoảng cách khổng lồ của hàng trăm nghìn hay hàng triệu năm. Thêm nữa, không phải mọi bảng phả hệ đều có những khoảng cách như vậy. Khi xem xét gia phả của các Tộc Trưởng thời Tiền Hồng Thủy trong Sáng Thế Ký 5 (tk Lu-ca 3:36-38), bằng chứng nội tại khải tỏ không có những khoảng cách như vậy. Những năm giữa A-đam và Con Hồng Thủy của Nô-ê tổng cộng chừng 1656. Sự thật rằng Lê-méc, đời thứ 9 kể từ A-đam, nói về sự rửa sả của Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 5:29 khải tỏ về những sự kiện trong vườn Ê-đen vẫn còn mới trong trí của ông.

TS John Whitcomb biện luận chống lại thuyết cho rằng con người được tạo dựng hàng trăm ngàn hay hàng triệu năm về trước. Trong

quyển sách—*The Early Earth (Trái Đất Ban Khai)*—ông viết, “Tại điểm đầu tiên, để kéo dài những bảng gia phả trong Sáng Thế Ký 5 và 11 dạng yếm hộ cho khoảng thời gian một trăm ngàn năm là trái ngược với cốt truyện sử ký của tất cả lịch sử Kinh Thánh tiếp theo sau. Bởi cách phân tích Kinh Thánh, nó thật có thể những khoảng cách đó, đặc biệt là bảng gia phả trong Sáng Thế Ký 11. Nhưng những sự phân tích đó giới hạn các giai đoạn kế tiếp nhau của Sáng Thế Ký 11. Khoảng cách giữa Am-ram và Môi-se là ba trăm năm, chứ không phải ba mươi ngàn (tk Xuất 6:20; Dân 3:17-19, 27-28). Và khoảng cách giữa Giô-ram và Ô-xia (Uzziah) trong Ma-thi-ơ 1:8 là năm mươi năm chứ không phải năm ngàn năm.

“Tại điểm thứ hai, thật là khó có thể để tưởng tượng rằng Rê-hu, Sê-rúc, và Na-cô không nói điều gì về La-méc, Nô-ê, và Sem là những người sống ở hang động, hoang dã và thất học trong thời đại đồ đá. Trong bốn đoạn của Sáng Thế Ký với sự ám chỉ rõ ràng của nó về sự thành tựu văn hóa, bao gồm mẫu kim loại 'của tất cả các dụng cụ bằng đồng và bằng sắt' (c 22), và Sáng Thế Ký 6, với sự kỹ thuật của nó về một công trình xây dựng một chiếc tàu vĩ đại, khiến cho thuyết này không thể đứng vững được.”

CÓ PHẢI KHOA HỌC LÀ THẨM QUYỀN CỦA ĐỨC TIN CỦA CHÚNG TA?

TS Whitcomb cung cấp một câu trả lời tuyệt hảo cho câu hỏi trên: “Sự hiểu biết của chúng ta về nguyên tắc cơ bản của lịch sử sớm nhất của con người phải đến từ Kinh Thánh hơn là từ khoa học.

“Sự thật rằng mười một đoạn đầu tiên của Sáng Thế Ký không thể được hòa nhập với lượt đồ của thuyết tiến hóa của lịch sử trái đất là hiển nhiên bởi lẽ thật rằng những học giả của phong trào truyền thống mới (neo-orthodox) và phong trào tự do mới (neo-liberal) đã từ bỏ từ

lâu việc cố gắng nắm giữ những đoạn văn đó như là lịch sử quan trọng. Nó là một đặc ân của những người này khỏi cần một A-đam lịch sử nếu họ khao khát như vậy. Nhưng không thể cùng một lúc mà họ có đặc ân của việc công bố như Chúa Jê-sus nói, 'Vì nếu các ngươi tin Môi-se, cũng sẽ tin ta; ... Nhưng nếu các ngươi chẳng tin những lời người chép, các ngươi há lại tin lời ta sao?' (Giăng 5:46-47). Chúa của chúng ta cũng nhấn mạnh rằng '... đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật pháp [và điều này bao gồm cả Sáng Thế Ký] cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn' (Ma-thi-ơ 5:18). Nếu Sáng Thế Ký không có lịch sử đáng tin cậy, thì Chúa Jê-sus không phải là một sự hướng dẫn đáng tin cậy của mọi lẽ thật, và chúng ta không có một Đấng Cứu Thế.

“Nếu A-đam đã không sa ngã khỏi sự công bình ban đầu, thì không có tội lỗi, và Đấng Christ chết cách vô nghĩa. Nếu sự chết phổ quát qua A-đam như là một chuyện thần thoại (chuyện tưởng tượng), thì giáo lý của sự sống lại cũng vậy, và Sứ Đồ Phao-lô là kẻ làm chứng dối (I Cô-r 15:15). Tính chất lịch sử trọn vẹn của sự kỳ thuật của Sáng Thế Ký về A-đam và Ê-va là quyết định tuyệt đối với toàn bộ kế hoạch cứu rỗi được khải tỏ bởi Đức Chúa Trời.

“Vấn đề cơ bản của chúng ta ngày nay trong câu hỏi về những nguồn gốc là không nhiều về việc chúng ta vô thức về những lý thuyết và những sự suy đoán của con người. Vấn đề quá thường xuyên của chúng ta là việc chúng ta không biết Kinh Thánh cũng như quyền năng của Đức Chúa Trời, và vì vậy chúng ta vô cùng sai lầm khi chúng ta truyền đạt sứ điệp của Đức Chúa Trời cho những con người hiện đại. Nguyên Chúa vui lòng đặt ban cho mỗi chúng ta một sự đổi mới trong tâm trí qua sự khuất phục đối với sự khải thị đặc biệt của lẽ thật trong Lời vô ngộ của Ngài, đặt chúng ta có thể thử cho biết ý muốn nào là tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời.”

Kinh Thánh, không phải khoa học, là thâm quyền duy nhất và tối cao của đức tin của chúng ta.

CƠN ĐẠI HỒNG THỦY TOÀN CẦU

Kinh Thánh nói về thảm họa nước lụt trên toàn bộ trái đất trong Sáng Thế Ký 6-8. Những ai cố gắng để liên kết khoa học với Kinh Thánh, những người nghi vấn tính chất lịch sử của Sáng Thế Ký, nói rằng chưa từng có một sự hủy diệt thánh nào của nền văn minh nhân loại ở mức toàn thế giới (II Phi 3:4). Họ hoặc là khước từ Con Đại Hồng Thủy ở Sáng Thế Ký (Genesis Flood) như là một chuyện thần thoại hoặc là khẳng khái cho rằng nó chỉ là một trận lụt cục bộ. Những gì Kinh Thánh nói khi đọc và nghiên cứu một cách trung thực? Rõ ràng và quả quyết, cả Cựu Ước và Tân Ước đều chứng thực về cơn nước lụt toàn cầu đó không bao giờ tái diễn nữa. Sự hủy diệt gây ra bởi Con Đại Hồng Thủy ở Sáng Thế Ký xảy ra trên toàn thế giới cả về mặt địa lý lẫn nhân loại. Nước đã bao phủ từng tấc của mặt đất, và nhấn chìm mọi người ngoại trừ Nô-ê và gia đình của ông được an toàn chiếc tàu.

Thời điểm của Sáng Thế Ký 6, khoảng 2000 năm được tiết lộ. Sáng Thế Ký 6:1 nói với chúng ta rằng con người đã nhân lên nhiều, và trái đất được con người cư ngụ cách dồi dào. Dân số lúc bấy giờ như thế nào trong thuật ngữ số đếm? Sự kỹ thuật của Kinh Thánh không cung cấp một con số chính xác, nhưng Tiến Sĩ Henry Morris trong quyển sách của ông—*The Beginning of the World (Sự bắt đầu của thế giới)*— cho một sự phỏng đoán thích hợp rất có thể: “Giả định rằng mỗi gia đình duy có khoảng sáu người con, và giả định rằng mỗi thế hệ (khoảng thời gian đòi hỏi cho một vòng sinh sản, phát triển, kết hôn, và sinh con) chừng 100 năm, và cũng như khoảng thời gian sống bình quân là năm thế hệ, vậy dân số ở cuối năm 930 tuổi của A-đam khoảng chừng 80.000. Tại thời điểm Đại Hồng Thủy (1656 năm sau sự tạo dựng A-đam), dân số lúc ấy khoảng chừng 235.000.000 người. Nếu một thế hệ là 90 năm thay vì 100 năm thì hai số này lần lượt là 250.000 và 1.750.000.000 người. Nếu mỗi gia đình có tám người con mỗi thế hệ 100 năm thay vì sáu người con thì chúng trở thành một

triệu và 25 tỉ, theo thứ tự.”

Sáng Thế Ký 6:2 nói với chúng ta rằng “các con trai của Đức Chúa Trời thấy con gái loài người tốt-đẹp, bèn cưới người nào vừa lòng mình mà làm vợ.” Ai là “những con trai của Đức Chúa Trời”? Có một quan điểm cho rằng “những con trai của Đức Chúa Trời” là những thiên sứ sa ngã đã ăn ở với những con gái loài người tạo nên thế hệ gian ác ghê gớm nhưng đầy quyền năng. Quan điểm thứ hai cho rằng “những con trai của Đức Chúa Trời” là những người con trai tin kính của Sét (Sáng 4:25-26) đã kết hôn với những con gái của Ca-in. Điều này dẫn toàn thế hệ mới trở thành những kẻ vô tín và nó đã đe dọa hủy diệt dòng dõi được hứa của Đấng Mê-si-a (tk Gen:3:15).

Sự khó khăn chính với quan điểm thứ nhất là nó có vẻ mâu thuẫn với những gì Chúa Jêsus nói về các thiên sứ rằng họ không cưới gả (Mat 22:30). Mặt khác, nó có thể là những vị thiên sứ sa ngã này nhập vào cơ thể của những người nam nhằm để ăn ở với những người nữ để thỏa mãn nhục dục của họ (Giu-đe; II Phi 2:4). Quan điểm thứ hai cũng không ít vấn đề. Thuật ngữ “các con trai của Đức Chúa Trời” (*bene elohim*) được dùng trong Cựu Ước luôn nói về các thiên sứ chứ không bao giờ nói về con người (xem Gióp 1:6, 2:1, 38:7). Hơn nữa, Giu-đe 6 và II Phi-e-rơ 2:4 có vẻ móc nối với sự kiện này trong thời của Nô-ê khi các thiên sứ bị đoán xét vì đã chạy theo những xác thịt lạ, phạm tội tà dâm.

Sự hợp nhất của hai quan điểm này là có khả năng. Những thiên sứ sa ngã, để ngăn trở kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Sáng 3:5), đã nhập vào những người đàn ông thuộc dòng dõi của Sét để quan hệ tình dục với người nữ thuộc dòng dõi của Ca-in nhằm sinh ra một thế hệ gian ác ghê gớm và một loài người có năng lực vĩ đại và thân hình to lớn. Đây là cố gắng thứ hai của Sa-tan nhằm hủy diệt dòng dõi của Đấng Mê-si-a; cố gắng đầu tiên là việc giết người của Ca-in đối với A-bên (Sáng 4:8, 25).

Đức Chúa Trời đã phải hủy diệt dòng dõi gian ác đó một cách hoàn

toàn (Sáng 6:11-13). Đức Chúa Trời không thể thất bại. Kế hoạch của Ngài không thể bị tiêu diệt. Ngài luôn có một dân sót vì “Nô-ê được ơn trước mặt Đức Giê-hô-va (6:8-9). Qua Nô-ê dòng dõi được hứa cuối cùng sẽ đến (Lu-ca 3:36).

Đức Chúa Trời đã ra lệnh rằng dòng dõi gian ác và hung dữ trước cơn nước lụt này phải bị tiêu trừ. “Đức Giê-hô-va thấy sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn; thì tự trách đã dựng nên loài người trên mặt đất, và buồn rầu trong lòng. Đức Giê-hô-va phán rằng: Ta sẽ hủy diệt khỏi mặt đất loài người mà ta đã dựng nên, từ loài người cho đến loài súc vật, loài côn trùng, loài chim trời; ... Còn ta đây, ta sẽ dẫn nước lụt khắp trên mặt đất, đặng tuyệt diệt các xác thịt có sanh khí ở dưới trời; hết thảy vật chi ở trên mặt đất đều sẽ chết hết” (Sáng 6:5-7, 17). Những bằng chứng Kinh Thánh nào chứng tỏ Đức Chúa Trời đã đem cơn nước lụt này đến mặt đất là cơn nước lụt toàn cầu, chứ không phải cục bộ?

Kinh Thánh nói về cơn Đại Hồng Thủy trong những thuật ngữ có tính toàn cầu. Đầu tiên, Sáng Thế Ký 7:19-20 cho biết, “Nước càng dâng lên bội phần trên mặt đất, hết thảy những ngọn núi cao ở dưới trời đều bị ngập. Nước dâng lên mười lăm thước cao hơn, mấy ngọn núi đều ngập.” Vì nước phải tới mức của nó, nên cơn Đại Hồng Thủy phải mang tính toàn cầu vì những ngọn núi dưới trời đều bị ngập. Chú ý đến sự nhấn mạnh tính toàn cầu “các ngọn núi cao,” và “ở dưới trời.” Sự giải nghĩa của Leupold là đáng chú ý, “thước đo của nước được làm lúc bấy giờ bằng sự so sánh với mực nước là những ngọn núi. Chúng được nói rằng chúng đã bị 'che phủ' [ngập]. Không chỉ có một vài nhưng 'hết thảy những ngọn núi ở dưới trời đều ngập.' Một trong những sự nhấn mạnh đơn độc này thôi cũng hầu như bắt buộc dấu ấn mà tác giả định chuyển tải ý tưởng về cơn Đại Hồng Thủy mang tính toàn cầu tuyệt đối, ví dụ, 'hết thảy các ngọn núi cao.' Còn nữa, khi từ 'hết thảy' được biết là luôn được sử dụng trong ý nghĩa cân xứng, người viết đã loại bỏ hết những ý nghĩa mơ hồ có thể xảy ra bằng việc thêm vào cụm từ 'ở dưới hết thảy các tầng trời.' Sự

lặp lại từ “hết thủy” (*kol*) không dành chỗ cho ý nghĩa tương đối. Nó hầu như tạo thành một thể tuyệt đối Hê-bơ-rơ. Vì vậy chúng ta tin rằng phân đoạn này làm mãn nguyện cho câu hỏi về tính chất toàn cầu của con Đại Hồng Thủy.” Kinh Thánh là rõ ràng khi chúng ta đọc nó qua con mắt của đức tin.

Điều thứ hai, Sáng Thế Ký 7:11 và 8:13-14 nói với chúng ta rằng con Đại Hồng Thủy xảy ra 371 ngày. Con Đại Hồng Thủy đã đạt mức cao nhất che phủ ngọn núi trong sáu tuần, và ở mức đó thêm 16 tuần (Sáng 7:17-20, 24). Với tình trạng mưa kéo dài như vậy chỉ có thể được làm nên bởi sự chọc thủng bầu khí quyển cách siêu tự nhiên trước con nước lụt.

Điều thứ ba, Sáng Thế Ký 6:13-16 khái tả kích thước to lớn của chiếc tàu. “Đức Chúa Trời bèn phán cùng Nô-ê rằng: ... Ngươi hãy đóng một chiếc tàu bằng cây gô-phe, đóng có từng phòng, rồi trét chai bê trong cùng bê ngoài. Vậy, hãy làm theo thể này: Bề dài tàu ba trăm thước, bề ngang năm mươi thước, bề cao ba mươi thước. Trên tàu ngươi sẽ làm một cửa sổ, bề cao một thước, và chừa một cửa bên hông; ngươi sẽ làm một từng dưới, một từng giữa và một từng trên.”

Hãy xem xét chiếc tàu này lớn chừng nào. Một cu-bít (một thước) có thể khoảng chừng 17,5 inches hoặc 20,4 inches. Whitcomb và Morris dựa vào sự tính toán của họ về kích thước của chiếc tàu bằng việc sử dụng một cu-bít ngắn hơn [17,5 inches]. Trong quyển *Con Đại Hồng Thủy trong Sáng Thế Ký*, họ viết, “Dựa vào chuẩn mực này, Chiếc Tàu dài 437,5 feet, rộng 72,92 feet, và cao 43,75 feet (1 foot = 0,3048m). Vì nó có ba boong tàu (Sáng 6:16), nên một khu vực boong tàu rộng chừng 95.700 feet vuông.” Số liệu này có thể tương đương với một HDB (nhà tầng hình khối) có 80 phòng! Một căn hộ cao tầng! Chiếc Tàu như vậy không phải là một chiếc tàu gia đình cho Nô-ê và gia đình của ông, nhưng một chiếc thuyền lớn ngoài biển khơi, kích thước của một chiếc tàu Star Cruise. Chắc chắn nhu cầu để đóng chiếc tàu này đã tốn hơn một thế kỷ được lường trước cho một trận lụt toàn cầu. Nếu nó chỉ là một trận lụt cục bộ thì Đức Chúa Trời

có lẽ đã biểu Nô-ê dời ra khỏi vùng bị hủy diệt đó. Thậm chí nếu Nô-ê được yêu cầu ở yên đó, thì chỉ cần một *chiếc thuyền ba ván nhỏ* hay một chiếc thuyền nhỏ cũng đủ để đáp ứng rồi. Kích thước và nhu cầu cho Chiếc Tàu chắc chắn chỉ về một trận lụt toàn cầu.

Trong Sáng Thế Ký 2:6, Kinh Thánh nói rằng đã không có mưa trên mặt đất nhưng có hơi nước dưới đất bay lên tưới khắp các cây cỏ trên khắp mặt đất. Khi Nô-ê giảng cho thế hệ của ông rằng một cơn nước lụt sẽ hủy diệt trái đất, ông đã giảng cho những người chưa bao giờ thấy mưa. Ấy là đức tin của Nô-ê nơi Lời của Đức Chúa Trời đã khiến ông đóng Chiếc Tàu trong sự chuẩn bị cho ngày phán xét. Hê-bơ-rơ 11:7 nói rằng, “Bởi đức tin, Nô-ê được Chúa mách báo



CĂN HỘ CAO TẦNG (KÍCH THƯỚC CHIẾC TÀU CỦA NÔ-Ê)

cho về những việc chưa thấy, và người thành tâm kính sợ, đóng một chiếc tàu để cứu nhà mình; bởi đó người định tội thể gian, và trở nên kẻ kẻ tự của sự công bình đến từ đức tin vậy.”

Điều này cũng đầy ý nghĩa để chú ý rằng chưa từng có cầu vồng cho đến sau cơn Đại Hồng Thủy. Đức Chúa Trời ban cầu vồng như một dấu hiệu rằng Ngài sẽ không hủy diệt trái đất bằng nước nữa. Sáng Thế Ký 9:12-15 dạy rằng, “Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đây là dấu chỉ về sự giao ước mà ta lập cùng các ngươi, cùng hết thảy vật sống ở với các ngươi, trải qua các đời mãi mãi. Ta đặt móng của ta trên từng mây, dùng làm dấu chỉ sự giao ước của ta với đất. Phàm lúc nào ta góp các đám mây trên mặt đất và phàm móng mọc trên từng mây, thì ta sẽ nhớ lại sự giao ước của ta đã lập cùng các ngươi, và cùng các loài xác thịt có sự sống, thì nước chẳng bao giờ lại trở nên lụt mà hủy diệt các loài xác thịt nữa.”

Cái móng rõ ràng chỉ về một cơn lụt toàn cầu. Nếu nó là một trận lụt cục bộ, thì Đức Chúa Trời đã vi phạm lời hứa của Ngài, vì ngày hôm nay chúng ta vẫn còn nhìn thấy một vài vùng đất trên thế giới vẫn còn bị ngập lụt cục bộ đặc biệt là sau những cơn mưa lớn. Đức Chúa Trời không hứa rằng sẽ không có những trận lụt cục bộ; Ngài chỉ hứa rằng sẽ không có trận lụt toàn cầu nữa. Bất cứ khi nào bạn xem cầu vồng, hãy nhớ đến trận lụt toàn cầu.

Trong II Phi-e-rơ 3:3-7, Sứ Đồ Phi-e-rơ sử dụng cơn Đại Hồng Thủy của Sáng Thế Ký để cảnh báo cho mọi người về một sự hủy diệt toàn cầu trong tương lai bởi lửa: “Trước hết phải biết rằng, trong những ngày sau rốt, sẽ có mấy kẻ hay gièm chê, dùng lời giễu cợt, ở theo tình dục riêng của mình, đến mà nói rằng: Chớ nào lời hứa về sự Chúa đến ở đâu? Vì từ khi tổ phụ chúng ta qua đời rồi, muôn vật vẫn còn nguyên như lúc bắt đầu sáng thế. Chúng nó có ý quên lũng đi rằng buổi xưa bởi lời Đức Chúa Trời có các từng trời và trái đất, đất ra từ nước và làm nên ở giữa nước, thể gian bấy giờ cũng bị hủy phá như vậy, là bị chìm đắm bởi nước lụt. Nhưng trời đất thời bấy giờ cũng là bởi lời ấy mà còn lại, và để dành cho lửa; lửa sẽ đốt nó đi

trong ngày phán xét và hủy phá kẻ ác.”

Phi-e-rơ sử dụng con Đại Hồng Thủy của Sáng Thế Ký như một ví dụ minh chứng cho tính chắc chắn và tính chất toàn cầu của sự đoán xét bằng lửa ở tương lai. Withcomb và Morris biện luận rằng, “Trong việc nói về những sự kiện trong ngày thứ hai và thứ ba của sự tạo dựng, Phi-e-rơ sử dụng những thuật ngữ 'các tầng trời từ thời xưa cũ và một trái đất' trong một ý nghĩa mang tính toàn cầu rõ ràng. Bởi cùng ví dụ minh họa đó, không ai có thể chối bỏ việc Phi-e-rơ cũng sử dụng những thuật ngữ 'trời đất thời bây giờ' trong một ý nghĩa có tính toàn cầu hoàn toàn. Nếu không thì Phi-e-rơ đã nói về sự sáng thế và sự hủy diệt sau rốt chỉ một phần của trái đất mà thôi!” Sự giải thích vô ngộ của Sứ Đồ Phi-e-rơ về mức độ của con Đại Hồng Thủy trong Sáng Thế Ký đã giải quyết dứt khoát rằng nước thật đã bao phủ khắp mặt đất.

Sẽ có một thảm họa toàn cầu khác nữa, bây giờ sẽ không còn bởi nước nữa nhưng bởi lửa. Sự hủy diệt bằng lửa sẽ đến sớm ư? “Cầu xin Chúa dạy chúng tôi biết đếm các ngày chúng tôi, hầu cho chúng tôi được lòng khôn ngoan” (Thi 90:12).

THẾ GIỚI SAU CON ĐẠI HỒNG THỦY

Thế giới sau con Đại Hồng Thủy khác biệt đáng kể so với thế giới trước con Đại Hồng Thủy. Con Đại Hồng Thủy đã gây ra nhiều thay đổi chắc chắn về mặt địa lý lẫn con người trên thế giới. Sự thay đổi về địa lý là trong việc chia cắt đại lục ra thành nhiều lục địa khác nhau và trong những điều kiện khí hậu khác nhau. Chúng ta được cho biết trong Thi-thiên 104:6-9 rằng con Đại Hồng Thủy (tức: “nước thì cao hơn các núi”) đã lui dần về những trũng sâu đại dương (vd: Trũng

Mariana sâu khoảng 35810 feet hay 10915 mét). Hiện tượng chấn động toàn cầu và thay đổi mặt đất trong cơn Đại Hồng Thủy của Sáng Thế Ký không chỉ khiến những chỗ trũng của đại dương chìm ngập vào trong sâu thẳm, nó còn khiến các ngọn núi cao hơn rất nhiều (“Núi ló lên, trũng sụp sâu xuống”). Những lục địa lớn được phân rẽ bởi các đại dương và mép nước của chúng là kết quả của cơn Đại Hồng Thủy (“Chúa định chân cho nước để nước không hề qua khỏi, không còn trở lại ngập đất nữa”).

Không chỉ có sự thay đổi về địa hình của trái đất, nó cũng có sự thay đổi về thời tiết nữa. Với sự vỡ tung của trời trước cơn nước lụt [the pre-Flood “firmament”] (Sáng 1:6-7), hệ thống vận hành, duy trì sự sống, thời tiết đồng đều tương đối không còn nữa. Không có mưa trước cơn Đại Hồng Thủy (Sáng 2:5), nhưng cơn Đại Hồng Thủy không chỉ đem mưa đến nhưng cũng đem đến một sự biến thiên rất lớn trong khí hậu của thế giới: “lạnh và nóng,” “mùa hè và mùa đông” (Sáng 8:22, 9:13-16).

Sự thay đổi về mặt nhân loại là trong việc rút ngắn thời gian sống của con người. Con người trước cơn Đại Hồng Thủy có thể sống gần một ngàn năm (Sáng 5). Sau cơn Đại Hồng Thủy, khi bầu trời bảo vệ bị hủy hoại, trái đất và cư dân của nó hứng chịu sự bức xạ nguy hiểm của các tia tử ngoại khiến cho quá trình lão hóa trở nên nhanh hơn. Thay vì một ngàn năm, thời gian sống của con người bị giảm xuống qua từng thế kỷ (Sáng 11), khoảng 70 cộng thêm một thập niên nữa hoặc hơn nếu sức khỏe cho phép (Thi 90:10).

NGUỒN GỐC CỦA CÁC QUỐC GIA VÀ NGÔN NGỮ

Những quốc gia trên thế giới đã hình thành như thế nào? Tại sao có nhiều ngôn ngữ trên thế giới? Kinh Thánh có câu trả lời trong Sáng Thế Ký 10:1-32, 11:1-29, và I Sứ ký 1:4-34.

Mọi quốc gia trên thế giới có thể truy nguyên cội nguồn của chúng từ một trong ba người con trai của Nô-ê, tức là: Sem, Cham hoặc Gia-phết. Được nói đến trong Sáng 9:19, “Ấy đó, là ba con trai của Nô-ê, và cũng do nơi họ mà có loài người ở khắp trên mặt đất.” Về Gia-phết, thì được nói rằng, “Do họ mà có người ta ở tràn ra các cù lao của các dân, tùy theo xứ, tiếng nói, chi phái và dân tộc của họ mà chia ra” (Sáng 10:5); về Cham, “Đó là con cháu của Cham, tùy theo họ hàng, tiếng nói, xứ và dân tộc của họ” (Sáng 10:20); và về Sem, “Đó là con cháu của Sem, tùy theo họ hàng, tiếng nói, xứ và dân tộc của họ” (Sáng 10:31). Sau phân chia vào thời điểm của Bê-léc (Sáng 10:25) Đức Chúa Trời đã lật nhào tháp Ba-bên và làm lộn xộn tiếng nói của họ (Sáng 11:1-9), những gia đình của Sem, Cham, Gia-phết đã phân rẽ và cư trú ở những chỗ khác nhau.

Nói chung, Sem đã di chuyển về phía đông (Châu Á), Cham về phía nam (Châu Phi), và Gia-phết về phía bắc và phía tây (Châu Âu).

TẠI SAO HUYẾT BỊ CẤM TRONG THỰC ĐƠN CỦA CON NGƯỜI?

Được tạo dựng trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, con người được dự định và được định đoạt để cai trị trên toàn trái đất và muôn vật trên mặt đất. Nhưng, vì có tội lỗi, ý định này không được nhận thấy trong thời nay (Hêb 2:8-9). Mặc dù vậy, ý định cai trị của con người trên toàn cõi đất được nắm giữ trước dòng dõi loài người như là một

mục tiêu và tiêu chuẩn. Điều này được nhìn thấy trong mạng lưới của Đức Chúa Trời cho Nô-ê và hậu thế của ông để cai quản trái đất thậm chí sau khi con người trở nên tội lỗi (Sáng 1:26ff, xem 8:15-9:7).

Mặc dù con người là để cai trị trái đất, những điều kiện của sự cai trị đó đã thay đổi. Ví dụ như, sự sợ hãi của con người trên những loài vật khác, là các loài được ban cho người, được giao phó trong tay con người (Sáng 9:2-3). Trước sự sa ngã thì có một sự cấm đoán, cây cấm. Bây giờ, con người bị hoàn toàn cấm ăn huyết (Sáng 9:4). Sự cấm đoán này được lặp lại trong văn cảnh ngay sau đó về tính thiêng liêng của sự sống của con người (Sáng 9:5-6. Cũng xem điều răn thứ sáu, Xuất 20:13); nhưng hơn cả điều này, những lời giáo huấn thuộc về nghi lễ Lê-vi (Đặc biệt xem Lêv 17:10-14. Những phân đoạn khác nói về việc ăn huyết bị cấm là Lêv 3:17; 7:26, 27; 19:26; Phục 12:16, 23; 15:23) đặc biệt liên quan đến việc cấm ăn huyết với giáo lý của sự chuộc tội: “vì sanh mạng của xác thịt ở trong huyết; ta đã cho các người huyết rưới trên bàn thờ dâng làm lễ chuộc tội cho linh hồn mình; vì nhờ sanh mạng mà huyết mới chuộc tội được” (Lêv 17:11). Đấng Christ chết bởi việc rưới huyết của Ngài trên thập tự giá. Như vậy sanh mạng của Ngài được làm một của lễ vì tội lỗi.

Dường như không có một lý do cho việc cấm đoán ăn huyết hơn là hai lý do được nêu ra ở trên, cụ thể là: (1) để dạy về tính thiêng liêng của sự sống con người, và (2) để dạy về ý nghĩa của sự chuộc tội mà Đấng Christ đã từ bỏ sanh mạng của Ngài, bằng việc đổ huyết, vì sự cứu chuộc linh hồn của chúng ta. Calvin bình luận, “việc ăn huyết bị cấm bởi vì nó được dâng lên cho Đức Chúa Trời nhằm để làm sự chuộc tội.”

SỰ CAI TRỊ CỦA CON NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI

Nô-ê và hậu tự của ông được hưởng cùng một nhiệm vụ ấy là để cai trị thế giới mà Đức Chúa Trời đã ban cho A-đam từ lúc đầu. Nhưng nhiệm vụ không còn được ban cho trong một bối cảnh của sự vô tội và hòa hợp. Nhiệm vụ cai trị này bây giờ được sắp đặt để chống lại một bối cảnh của tội lỗi và sự bất hòa. Trái đất vừa mới bị tàn phá và dòng dõi loài người hầu như bị tuyệt diệt. Con người còn lại là tội lỗi. Sự phạm tội giết người phải được giải quyết mạnh mẽ (Sáng 9:6). Sự say xin và sự vô đạo đức hiện diện trong đời sống con người (Sáng 9:20-27). Con người âm mưu chống lại sự cai trị của Đức Chúa Trời (Sáng 11:1-9).

Mặc cho tình trạng tội lỗi của con người trong thế gian sau cơn Đại Hồng Thủy, Đức Chúa Trời đã tiếp tục bảo quản một mối quan hệ giao ước với con người (Sáng 9:8-17). Đức Chúa Trời của Giao Ước đã không hề rời bỏ con người mà không có Lời của Ngài, nhưng đã bảo tồn lời Ngài bởi việc kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng 12:1-3; Rôm 3:1-2). Con người trong tội lỗi của mình phải vật lộn dữ dội để hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời dưới quan hệ giao ước, và sẽ thành công chỉ duy khi sự phù hộ thiêng liêng khiến họ có thể. Sự thành công của con người được dựa hoàn toàn trên ân điển của Đức Chúa Trời trong Jê-sus Christ.

Tân Ước nói trước về sự cai trị của chúng ta như những vì vua với Đấng Christ trong vương quốc tương lai của Ngài, chứ không phải trong thời hiện tại này (Khải 5:10, 20:6). Nhưng bây giờ chúng ta đang ở trong vị trí của những tôi tớ và quản trị trong thế gian này. Sự cai trị hoàn hảo chỉ có thể đến từ một Con Người hoàn hảo, và không ai khác hơn là Jê-sus Christ-Trời-Người. Đấng Christ sẽ trở lại một ngày nào đó, và những thánh đồ của Ngài sẽ cai trị với Ngài một ngàn năm (Khải 20:6).

CÓ PHẢI ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA KINH THÁNH LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA NGƯỜI DO-THÁI DUY NHẤT?

Cựu Ước nói rất nhiều về dân Do-thái. Việc đọc Kinh Thánh sơ suất có thể dẫn một người đến kết luận rằng Đức Chúa Trời bị bần tâm với một nhóm ít người trong một vùng đất nhỏ ở cận Đông của Địa Trung Hải, lơ là những quyền lợi thuộc linh của những dân tộc xung quanh, không quan tâm đến Ấn-độ, Trung Quốc và các quốc gia vô danh ở phương tây.

Đầu tiên, nó phải được làm sáng tỏ rằng Kinh Thánh không nói về lịch sử của việc đối xử của Đức Chúa Trời với mọi dân tộc của thế giới, nhưng với một phần cụ thể của lịch sử thế giới nơi mà “sấm ngôn của Đức Chúa Trời” được bảo quản trong một cách đặc biệt. Nét đặc trưng của sự ký thuật lịch sử này không nên được hiểu rằng Đức Chúa Trời không quan tâm đến những vấn đề của các quốc gia khác.

Buswell chú giải thích đáng rằng “một kiểu loại nào đó của một quan điểm đặc thù [cụ thể] về lịch sử là cốt lõi của đức tin Cơ Đốc, và nếu kiểu loại của chủ nghĩa đặc thù này bị khước từ, thì Cơ Đốc Giáo bị khước từ.” Chủ nghĩa đặc thù của Kinh Thánh không phải là một trong sự thiên vị về chủng tộc hay địa lý. Thực tế, Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh được nói đến một cách sinh động. Buswell viết, “Cựu Ước chứa đựng hàng trăm lần về việc lên án tội lỗi và sự thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên cũng như những tội lỗi của các dân ngoại bang. Tân Ước bao hàm một chút ít sơ lược về lịch sử khi được so sánh với Cựu Ước, nhưng, trong tỷ lệ thì việc nhấn mạnh tội lỗi của các Cơ Đốc Nhân nhiều hơn nhiều so với tội lỗi của toàn dân ngoại.”

Đức Chúa Trời có một cái nhìn phổ quát về thế giới. “Đỏ và vàng, đen và trắng, tất cả đều quý báu trong mắt Ngài.” Đức Chúa Trời làm việc qua Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh dựng ban phước cho toàn thế giới. Há chẳng phải Chúa đã nói với Áp-ram rằng, “các chi tộc trong thế

gian sẽ nhờ người mà được phước” (Sáng 12:3)? Chúa Jêsus Christ có thể là người Do-thái nhưng Ngài là Cứu Chúa của thế gian. Chẳng phải thiên sứ cũng đã nói, “Đừng sợ chi; vì này, ta báo cho các người một tin lành, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân; ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các người một Đấng Cứu-thế, là Christ, là Chúa (Lu-ca 2:10-11)? Chẳng phải các thiên sứ cũng đã hát, “Sáng danh Chúa trên các tầng trời rất cao, bình an dưới đất, ân trạch cho loài người!” (Lu-ca 2:14)? Do vậy thật là sai lầm khi nói rằng Đức Chúa Trời quan tâm duy nhất đến một quốc gia mà không không đối hoài đến mọi quốc gia.

TÍNH PHỔ QUÁT CỦA SỰ QUAN PHÒNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Sách Sáng Thế Ký thừa nhận tính phổ quát của sự quan phòng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã nói trực diện với Pha-ra-ôn (Sáng 12:17) và với A-bi-mê-léc (Sáng 20:3). Đức Chúa Trời phán với Giô-na giảng cho dân Ni-ni-ve, chứ không chỉ riêng cho dân Do-thái. A-môt đã bày tỏ một Đức Chúa Trời không chỉ cao cả hơn muôn dân xung quanh, nhưng cũng hơn dân Ê-thi-ô-bi, dân Ê-díp-tô, dân Phi-li-tin và dân Sy-ri. Trong Tân Ước những nhà thông thái từ phương Đông đã đến dâng thờ phượng Đấng Christ trong sự kiện giáng sanh của Ngài. Đây là một bằng chứng thêm rằng, dù lịch sử Kinh Thánh nói nhiều về người Pa-lét-tin, nhưng Đức Chúa Trời của người Do-thái cũng là Đức Chúa Trời của mọi dân tộc.

Trong Rô-ma, Phao-lô đã viết nhấn mạnh về quyền tể trị toàn cầu của Đức Chúa Trời. Ông đã lý luận rằng lý do tại sao con người được tìm thấy trong bóng tối của sự thờ thần tượng của các dân tộc ngoại bang là bởi vì họ đã xoay lưng lại với những khả tượng mà họ đã có. Ấy không phải là Đức Chúa Trời từ bỏ con người, nhưng con người đã từ bỏ Đức Chúa Trời. Lẽ thật tự nhiên là đầy đủ rằng những kẻ thờ hình

tượng là “không có sự bào chữa” (Rôm 1:18-32). Phao-lô đã trích dẫn Thi-thiên 19 nói về bằng chứng của Đức Chúa Trời được nhìn thấy trong thiên nhiên và sự hiểu biết này đã đi cùng khắp trong thế gian (Rôm 10:18).

Sứ Đồ Phi-e-rơ, trong Công Vụ 10:34-35, khi nhận biết được tính phổ quát của sự quan phòng thiêng liêng của Đức Chúa Trời khi ông nói, “Quả thật, ta biết Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai, nhưng trong các dân, hễ ai kính sợ Ngài và làm sự công bình, thì nấy được đẹp lòng Chúa.” Đức Chúa Trời là Đấng mà Sứ Đồ Phao-lô đã giảng về trong những cuộc truyền giáo của mình là “Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật trong đó. Trong các đời trước đây, Ngài để cho mọi dân theo đường riêng mình, dầu vậy, Ngài cứ làm chứng luôn về mình, tức là giáng phước cho, làm mưa từ trời xuống, ban cho các người mùa màng nhiều hoa quả, đồ ăn dư dật, và lòng đầy vui mừng.”

Quan sát nhiều phân đoạn nói về sự phân phát về Phúc Âm và sứ mạng của Đấng Mê-si-a, đã cho một ví dụ như ở trong phân đoạn tiên tri Ê-sai 2:1-4, nên nó là hợp lý khi nói rằng những Tiên Tri trong Cựu Ước cũng như những Sứ Đồ trong Tân Ước biết rõ về sự quan phòng phổ quát của Đức Chúa Trời không kém hơn hầu hết những mục sư truyền giáo trong hội thánh tin vào Kinh Thánh ngày nay.

Đức tin Cơ Đốc yêu cầu mọi người ở mọi nơi tin vào Jê-sus Christ và tiếp nhận công việc cứu chuộc của Ngài đặng được cứu (Công 4:12, I Côr 3:1). Lẽ Thật về Jê-sus Christ là Cứu Chúa duy nhất của thế gian là điều mà Cơ Đốc Giáo không thể từ bỏ hay thỏa hiệp. Sự cứu chuộc thông qua thập tự giá của Đấng Christ được trình bày một cách dứt khoát như một sự kiện được hoàn thành một lần đủ cả. Đấng Christ đã được làm cho sống lại từ kẻ chết, không chết nữa. Sự chết sẽ không còn có quyền cai trị trên Ngài. Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời (Rôm 6:9-10).

Thậm chí trong Cựu Ước, con người được cứu bởi Đấng Christ. Áp-ra-ham là một “Cơ Đốc Nhân.” Chúa Jêsus đã biết Áp-ra-ham nên Ngài nói về đức tin của ông, “Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ ... Trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có ta” (Giăng 8:56-58). Môi-se cũng thế đã làm cho mình sự chọn lựa, “đành cùng dân Đức Chúa Trời chịu hà hiếp hơn là tận hưởng sự vui sướng của tội lỗi: người coi sự sỉ nhục về Đấng Christ là quý hơn của châu báu xứ Ê-díp-tô” (Hêb 11:25-26). Môi-se coi sự sỉ nhục về Đấng Christ, và Đấng Christ đó là ở trong Cựu Ước là sự nhận thức tự nhiên (xem I Côr 10:4 “Hòn Đá là Đấng Christ”) của một người với những suy nghĩ được tràn ngập trong quan niệm thần học của đời sống con người. Hơn nữa, cũng không thể có một chút nghi ngờ nào rằng Giu-đe có ý định nói rằng chính Đấng Christ đã cứu dân sự ra khỏi Ê-díp-tô (Giu-đe 5).

Đấng Christ của Kinh Thánh là một nhân vật của mọi người trên thế giới, mọi lúc và mọi nơi Đấng Christ đã không bắt đầu tồn tại khi Ngài được sanh ra tại Bê-t-lê-hem. “Gốc tích của Ngài bởi từ đời xưa, từ trước vô cùng” (Mi-chê 5:2). Áp-ra-ham, Môi-se, Đa-vít, Ê-sai tất cả được cứu bởi đức tin trong sự chuộc tội của Jêsus Christ. Và điều đó tương tự đúng về Gióp; về vua của dân thành Ni-ni-ve khi Giô-na giảng; về Na-a-man người Sy-ri (II Các 5); và về những nhà thông giáo đến từ Đông phương đặng thờ phượng Đấng Christ khi Ngài được sanh ra.

Có một lý do để tin rằng sự hiện diện sống động của Chúa Jêsus Christ và sự hiện diện sống động của Đức Thánh Linh Đấng “cáo trách thế gian,” đang vận hành trong thế giới tối tăm qua Phúc Âm và Kinh Thánh. Giáo Lý Xung Nhận Đức Tin Westminster nói, “Những điều cần thiết để được biết, được tin vào, và được tuân theo, vì sự cứu rỗi, đã được chứng thực rõ ràng và được phơi bày trong chỗ này hoặc chỗ khác trong Kinh Thánh đặng những người học thức và những người ít học, trong việc sử dụng những ý nghĩa thông thường, có thể đạt tới một sự hiểu biết đầy đủ về chúng.”

Chúng ta phải nhớ rằng Kinh Thánh không ký thuật những sự kiện lịch sử trong cách băng quơ hay máy móc. Chúng ta không được coi thường sự quản lý riêng tư của Đức Chúa Trời trên các sự kiện đã xảy ra trên thế giới. Chúng ta phải nhận biết rằng sự can thiệp cụ thể của Đức Chúa Trời trong mọi việc trên thế giới luôn được nhận định xuyên suốt Kinh Thánh. Đức Thánh Linh hà hơi vào nơi nào Ngài chọn. Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng Đức Chúa Trời có những người được chọn lựa của Ngài trong mọi chủng tộc, mọi ngôn ngữ và mọi bộ tộc trên thế giới. Nó được dạy một cách rõ ràng rằng bất cứ ai bị hư mất đời đời, thì bị hư mất bởi vì sự khước từ ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ “vì không tin đến danh Con một Đức Chúa Trời” (Giăng 3:18).

Chúng ta có thể dạn dĩ mà nói rằng từ khắp mặt đất, Đức Chúa Trời của chúng ta sẽ cứu dân sự của Ngài. Cứu Chúa cá nhân của chúng ta là Đấng Chấn Chiên lớn. Chúng ta phải luôn giữ lẽ thật này trong trí rằng phương cách được tán thành thông qua việc Phúc Âm được đem đến cho những người hư mất là thông qua những tín đồ đã được tái sanh rao giảng Lời của Đức Chúa Trời trong sự đầy trọn của nó. Khi chúng ta trình bày và bảo vệ lịch sử Kinh Thánh, chúng ta không cần phải ngưng nghịu trên sự chật hẹp của giáo lý về sự cứu rỗi qua sự chuộc tội của Đấng Christ và chỉ duy qua Ngài, và Đấng Christ của chúng ta là Chúa của tất cả. Ngài là Con đời đời, toàn tri của Đức Chúa Trời.

THỜI ĐẠI HOÀNG KIM TRÊN ĐẤT

Nó thường được biết đến rằng đại đa số các triết lý tôn giáo trên thế giới chú ý nhiều về khái niệm của “thời đại hoàng kim.” Ví dụ như, triết học thuộc chủ nghĩa Mác thúc đẩy ý tưởng về một thời đại hoàng kim được đem đến bởi những quá trình biến đổi kinh tế chắc chắn xảy ra thông qua cuộc cách mạng vô sản. Chủ nghĩa Mác là chủ

nghĩa vô thần trong những sự biểu lộ thịnh hành, và sự hy vọng của nó trong quan điểm lạc quan của những sự ảnh hưởng mù quáng của tự nhiên. Nó là sự ngu ngốc, không kém!

Cơ Đốc Giáo dạy khá khác biệt so với các hệ thống khác “trong thời kỳ hoàng kim đó được đem đến không phải qua những quá trình của tự nhiên hay những chương trình của con người, nhưng bởi sự can thiệp cá nhân của Đức Chúa Trời trong sự kiện Tái Lâm của Jêsus Christ đang thiết lập vương quốc của Ngài trong một hình trạng trông thấy được trên mặt đất, và đem đến một thời đại của sự phước hạnh là điều mà mục đích sáng tạo và chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời sẽ đi đến sự xác chứng đầy trọn và sự hoàn mỹ của chúng” (Buswell).

Kinh Thánh biểu lộ chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời khi được nhận biết duy nhất trong và qua (in and through) con người và công việc của Jêsus Christ. Mọi sự kiện xảy ra trên mặt đất đã được định trước bởi Đức Chúa Trời. Kế hoạch bất biến và phạm vi toàn cầu của sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và trong việc ban tặng ân điển của Ngài được khải tỏ rõ ràng trong Giăng 3:16; I Giăng 2:2.

Quan điểm Kinh Thánh về lịch sử đòi hỏi chúng ta phải nhận biết rằng Đức Chúa Trời đã sáng tạo dòng dõi loài người cho một mục đích; Ngài đã cho phép những sự gian ác thuộc đạo đức đi vào sự hiện hữu bởi hành vi tự nguyện của con người như một tác nhân đạo đức; và đối diện với hậu cảnh của tội lỗi con người và sự suy đồi đạo đức, Ngài đã chọn lựa để cứu chuộc một dân cho chính Ngài bởi ân điển của Ngài.

Kinh Thánh từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền xác nhận về một mục đích và sự hoàn mỹ mà chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời sẽ được xác minh hoàn toàn trên mặt đất trong một vương quốc thấy được của Đấng Christ khi Ngài trở lại. Sự bình an trên đất sẽ được thiết lập chỉ duy khi vị Vua của sự bình an trở lại.

CÓ PHẢI MỌI NGƯỜI CÓ CÙNG DÒNG MÁU?

Cả nhân loại có cội nguồn trong một cặp vợ chồng, tức là, A-đam và Ê-va. Phao-lô nói với những nhà triết học của Areopagus rằng Đức Chúa Trời Đấng sáng tạo “Ngài đã làm cho muôn dân sanh ra bởi chỉ một người và khiến ở khắp trên mặt đất, định trước thì giờ đòi người ta cùng giới hạn chỗ ở, hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được, dẫu Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta” (Công 17:26-27).

Vậy Đức Chúa Trời đã làm cho mọi người “từ một người” được dạy rõ ràng trong sách Sáng Thế Ký. Đức Chúa Trời đã làm mọi người từ một tổ tiên, của một dòng giống, của một chủng loại. Với ý tưởng tương tự được nói trong Hê-bơ-rơ 2:11 về Đấng Christ, “Vi Đấng làm nên thánh và kẻ được nên thánh, đều bởi một người mà ra [KJV].” Tính hiệp nhất của Đấng Christ với anh em của Ngài được nói hầu như rõ ràng trong những câu kế tiếp, đặc biệt là câu 14 và 16, “Vậy thì, vì con cái có phần về huyết và thịt, nên chính Ngài cũng có phần vào đó ... Ngài không mặc lấy trên Ngài khuôn mẫu của thiên sứ, bèn là mặc lấy cho Ngài khuôn mẫu của dòng dõi của Áp-ra-ham [KJV].” Tính hiệp nhất của Đấng Christ với anh em Ngài được chỉ rõ ở đây như là sự hiệp nhất của “xác thịt và huyết.”

Cả nhân loại là một đại gia đình. Chúng ta là từ cùng một chủng loại, loài người. Là loài người hết thảy chúng ta có cùng một họ—A-đam. Điều này thật chính xác bởi vì sự hiệp một của thân thể này trong loài người nên sự sa ngã của A-đam cũng có nghĩa là sự sa ngã của chúng ta mặc dù chúng ta là những hậu tự xa vời từ ông ấy; và rằng sự chuộc tội của Đấng Christ, hai ngàn năm trước, vẫn đầy ý nghĩa và có thể áp dụng cho chúng ta nên chúng ta được sinh lại trong Ngài.

CÁC ĐƯỜNG BIÊN GIỚI QUỐC GIA CÓ NGĂN CẢN SỰ TRUYỀN GIÁO KHÔNG?

Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:8-9 nói với chúng ta rằng những đường biên giới quốc gia được bỏ định bởi Đức Chúa Trời: “Khi Đấng Chí Cao phân phát sản nghiệp cho muôn dân, phân rẽ những con cái A-đam, thì Ngài định bờ cõi của các dân, cứ theo số dân Y-sơ-ra-ên. Vì phần của Đức Giê-hô-va là dân Ngài, Gia-cốp là cơ nghiệp Ngài.” So sánh với Thi-thiên 74:16-17, “Ngày thuộc về Chúa, đêm cũng vậy; Chúa đã sấm sửa mặt trăng và mặt trời. Chúa đã đặt các bờ cõi của đất và làm nên mùa hè và mùa đông.”

Phao-lô trong sự giảng dạy cho những người A-rê-ô-ba, đã rõ mục đích mà Đức Chúa Trời đã tạo ra mùa màng và bờ cõi của các quốc gia, tức là, hầu cho con người có thể tìm kiếm Đức Chúa Trời (Công 17:26-27). Qua những chương trình truyền giáo của Hội Thánh của Ngài, Đức Chúa Trời đã đoan chắc về sự phát triển về mặt địa hình của Phúc Âm từ nước này đến nước nọ. “Tin lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân; bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến” (Mat 24:14).

Phúc Âm phải được giảng cho mọi quốc gia. Kinh Thánh không có chỗ nào dạy về sự phân biệt chủng tộc. Đức Chúa Trời đã không làm những đường biên giới của các dân tộc cá biệt cứng cõi và không thay đổi. Ngược lại, Gióp 12:23 nói rõ ràng, “Ngài khiến các dân tộc hưng thịnh, rồi lại phá diệt đi; mở rộng giới hạn cho các nước, đoan thân nó lại.” Trong nhiều trường hợp, sự di cư của các Cơ Đốc Nhân đến những quốc gia khác đã đem kết quả là một nhân chứng phúc âm được thành lập trong những quốc gia đó.

VĂN HÓA BẮT ĐẦU KHI NÀO?

A-đam và Ê-va đã không có thể sống sót nếu không có ít nhất một vài khía cạnh của những gì chúng ta gọi là văn hóa nhân loại. Văn hóa là nét đặc thù của xã hội và trí tuệ. Về những khía cạnh cần thiết của văn hóa cho sự sinh tồn của con người, khả năng để giao tiếp bằng ngôn ngữ tất nhiên là rất quan trọng. Ngôn ngữ có nguồn gốc siêu nhiên. Nó đến từ Đức Chúa Trời. Kinh Thánh nói với chúng ta rằng con người, từ ban đầu, đã có thể tiếp nhận thông tin từ nơi Đức Chúa Trời, và người nam và người nữ đó đã có thể sử dụng ngôn ngữ.

Con người cần ngôn ngữ để chuyển tải những ý tưởng. Ngay tại trong sách Sáng Thế Ký, con người đã có thể nói. A-đam đã đặt tên cho các con vật. Chúng ta đọc trong Sáng Thế Ký 2:19-20, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy đất nắn nên các loài thú đồng, các loài chim trời, rồi dẫn đến trước mặt A-đam để thử xem người đặt tên chúng nó làm sao, hầu cho tên nào A-đam đặt cho mỗi vật sống, đều thành tên riêng cho nó. A-đam đặt tên các loài súc vật, các loài chim trời cùng các loài thú đồng; nhưng về phần A-đam, thì chẳng tìm được một ai giúp đỡ giống như mình hết.”

Trong cách dùng của người Hê-bơ-rơ, đặt tên có nghĩa là ban cho một đặc tính cốt yếu của vật được đặt tên, hay phân loại chúng. Đức Chúa Trời, trong vườn Ê-đen, đã khiến con người bắt đầu học tập về thiên nhiên. A-đam quan sát thiên nhiên về những con vật, và đặt tên cho con vật đó tùy theo sự mô tả của nó. Ấy không phải là một sự suy đoán nhưng là một cách đặt tên thông minh về những con vật. Sự đặt tên các con vật cũng đề xuất về sự bắt đầu của việc chăn nuôi gia súc (xem Sáng 4:2).

Khi nó được nói rằng A-đam đặt tên cho tất cả các con vật, “tất cả” trong bối cảnh của văn mạch không có nghĩa cần thiết là tất cả bất kể loại nào, nhưng tất cả ở thể tổng quát, hoặc tất cả các loài. A-đam đã

không đặt tên cho mỗi con vật cụ thể và các con chim trên toàn mặt đất, nhưng A-đam đã đặt tên, hay là ban cho những đặc tính cốt yếu, hoặc phân loại, mọi loài súc vật và chim trời, tất cả những con vật mà Đức Chúa Trời đã đem đến trước mặt ông. Con người vẫn còn được tham gia vào việc đặt tên và phân loại mọi thứ. Nguyên tắc phân loại là trách nhiệm của con người được ban cho bởi Đức Chúa Trời.

TẠI SAO CUỘC SỐNG TRÊN ĐẤT KHÓ VẬY?

Sự ban đầu của nền văn minh trong Vườn Ê-đen có thể được nhìn thấy trong tự nhiên của chính khu vườn và mối quan hệ của con người với nó. Sự kỹ thuật nói với chúng ta, “Đoạn, Giê-hô-va Đức Chúa Trời lập một cảnh vườn tại Ê-đen, ở về hướng Đông, và đặt người mà Ngài vừa dựng nên ở đó. ... Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn Ê-đen để trồng và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn” (Sáng 2:8, 15, 16). Rõ ràng là Đức Chúa Trời đã ban cho sự khởi đầu của nông nghiệp và nghệ thuật làm vườn. Con người được phán dặn là phải gìn giữ vườn và tu dưỡng nó vì thức ăn.

A-đam đã bị trục xuất ra khỏi Ê-đen sau khi ông phạm tội. Đó là một sự kỷ luật khắc khe nhất cho con người về mặt văn hóa và kinh tế. Sự kỹ thuật cho biết lời tuyên bố của Đức Chúa Trời, “... Đất sẽ bị rửa sả vì người; trọn đời người phải chịu khó nhọc mới có vật đất sanh ra mà ăn. Đất sẽ sanh chông gai và cây tật lê, và người sẽ ăn rau của đồng ruộng; người sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn ...” (Sáng 3:17-19). Tội lỗi không phải chấm dứt việc cày cấy của con người nhưng nó chỉ khiến nó khó nhọc hơn. Sự tiêu diệt về những hoa quả và súc vật qua khí hậu (lụt, hạn hán, v.v.) hay dịch lệ (bò điên, cúm gà, v.v.) khiến cho nhiều nhà máy và công ty phải đóng cửa hoặc phá sản đột ngột.

Chúng ta đang sống trong một thế giới bị rửa sả bởi tội lỗi. Tội lỗi được tìm thấy trong mọi tầng lớp xã hội và văn hóa. Có nhiều áp lực và căng thẳng ở nơi làm việc. Nó đòi hỏi sự vật lộn để có thể có được đời sống thỏa mái. Những nghệ thuật ở tình trạng nào đó không tốt hơn những thuật ngữ của sự đẹp đẽ và sự trong sạch. Những gì là gian ác và xấu xa ngày nay thì được cho là tốt và đẹp đẽ. Tranh khiêu dâm được miêu tả là một mỹ thuật hoặc nghệ thuật. Sự suy đồi của nền văn minh nhân loại sẽ tiếp diễn, và nó sẽ đạt đến đỉnh điểm thì sự phán xét phải đến.

Là những Cơ Đốc Nhân, chúng ta luôn phải nhắc nhở chính chúng ta rằng mặc dù chúng ta đang ở trong thế gian, nhưng chúng ta không thuộc về thế gian: “Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào” (Rôm 12:2).

LUẬT PHÁP VÀ QUY TẮC CỦA NGÀY SA-BÁT

Văn hóa có thể thay đổi nhưng Lễ Thật không bao giờ. Kinh Thánh có một ý nghĩa nhưng nhiều sự áp dụng. Nguyên tắc là bất dịch, nhưng những áp dụng thì linh động. Kinh Thánh đã đặt ra nhiều luật lệ đòi hỏi sự tôn trọng triệt để, nhưng điều—*ceteris paribus*, “với điều kiện là”—vẫn còn áp dụng.

Một ví dụ về “nguyên tắc bất dịch nhưng áp dụng linh hoạt” được thấy trong những lời chú giải của Chúa Jê-sus về luật pháp của ngày Sa-bát. Điều răn về ngày Sa-bát được ban cho rõ ràng trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8-11. Nó được biết đến về những người Do-thái tuân thủ luật pháp, trong thời kỳ giao thoa tân cựu, đã thêm nhiều qui tắc vào điều răn về ngày Sa-bát. Chúng ta phải hiểu rằng Chúa Jê-sus đã chống lại những điều này nhưng không chống điều răn nguyên thủy. Chúa Jê-sus không bao giờ vứt đi những luật pháp của Môi-se. Ngài

là chính Tác Giả của những luật pháp này. Điều đơn thuần mà Ngài đã làm là thông giải chúng phù hợp với ý định ban đầu của chúng. Lời phát biểu của Ngài trong Mác 2:27 là tâm điểm trong cách lý giải của tất cả những gì mà Ngài nói trong chủ đề này.

Để ủng hộ thêm cho lẽ thật này, Chúa Jê-sus đã chỉ ra thí dụ của Cựu Ước về việc ăn bánh thánh khi con người cần thức ăn khẩn cấp (I Sam 21:1-6). Tình tiết này trong Cựu Ước tự nó không liên quan gì đến luật ngày Sa-bát nhưng nó làm ví dụ về một nguyên tắc đó là có nhiều qui định trong luật pháp của Đức Chúa Trời được hiểu ngầm, như chúng ta đã nói ở trên, *ceteris paribus* (Mat 12:1-5; Mác 2:23-26; Lu-ca 6:1-4).

Ngày nay có nhiều người Pha-ri-si Mới (Neo-Pharisees) họ đưa ra khuynh hướng của chính họ về việc thêm những quy tắc cho việc giữ ngày Sa-bát: “Người không được đi xe công cộng đến nhà thờ vào ngày Chúa Nhật;” “Người không được đi ăn ở ngoài phố trong ngày Chúa Nhật;” “Người không được vi phạm ngày Sa-bát bởi việc đọc báo.” Những mục đích của họ có thể là tốt, nhưng họ đã vượt quá giới hạn khi họ lên án người khác vì không giữ ngày Sa-bát theo những qui tắc của loài người làm nên. Khi những người thanh giáo quá khích đã nâng cao những qui tắc của họ ngang tầm với Kinh Thánh, họ sa vào sự nguy hiểm của chủ nghĩa luật pháp điều mà Chúa Jê-sus lên án. “Những ai muốn ăn 'ở trong,' chúng ta đừng phê phán họ. Nhưng hãy để họ đừng phê phán những ai ăn 'ở ngoài!'”

Chúa Jê-sus đã chỉ ra rằng theo luật pháp Mô-i-se những thầy tế lễ có nhiều nhiệm vụ để thực thi trong ngày Sa-bát, nhưng họ không được xem là vi phạm ngày Sa-bát. “Hay là các người không đọc trong sách luật, đến ngày Sa-bát, các thầy tế lễ trong đền thờ phạm luật ngày đó, mà không phải tội sao? Vả lại, ta phán cùng các người, tại chỗ này có một đấng tôn trọng hơn đền thờ. Phải chi các người hiểu nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhân từ, không muốn của tế lễ, thì các người không trách những người vô tội; vì Con người là Chúa ngày Sa-bát” (Mat 12:5-8).

Khi Đấng Christ nói rằng Ngài là Chúa của ngày Sa-bát, thì Ngài không có nói Ngài muốn bãi bỏ hoặc vô hiệu hóa luật pháp Môi-se. Điều đó là trái ngược lại những gì Ngài đã đề cập về Kinh Thánh Cựu Ước. Những lời này ngụ ý rằng Ngài là Tác Giả và là Người Thông Giải có thẩm quyền của những luật pháp thuộc Cựu Ước.

Sự thông giải vô ngộ và sự áp dụng của Chúa Jêsus về luật pháp của ngày Sa-bát có thể được thấy trong Ma-thi-ơ 12:11-12, “Ai trong vòng các người có một con chiên, nếu đương ngày Sa-bát, bị té xuống hầm, thì há không kéo nó lên sao? Huống chi người ta trọng hơn con chiên là dường nào! Vậy, trong ngày Sa-bát có phép làm việc lành.” Trong dịp chữa lành khác, Ngài nói, “Nào có ai trong các người, đương ngày Sa-bát, nếu có con trai hay là bò mình té xuống giếng mà không kéo liền lên sao? Họ không đối đáp gì về điều đó được” (Lu-ca 14:5-6).

Luật pháp tối cao về sự cần thiết thay thế cho luật pháp của nghi lễ.

NGÀY SA-BÁT CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

Đấng Christ phục sinh vào ngày thứ nhất của tuần lễ, nghĩa là ngày Chúa Nhật. Ngày Chúa Nhật trở thành “Ngày của Chúa” (Khải 1:10). Nó đã trở thành ngày Sa-bát của Cơ Đốc Nhân và đã thay thế ngày Sa-bát của người Do-thái như là “ngày thánh,” một ngày của sự nghỉ ngơi và thờ phượng. Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược dạy rằng: “Từ lúc ban đầu của thế giới cho đến sự phục sinh của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã định ngày thứ bảy của tuần lễ là ngày sa-bát của tuần; và ngày thứ nhất của tuần lễ từ đạo ấy, tiếp tục cho đến ngày kết thúc của thế giới, là ngày sa-bát của Cơ Đốc Nhân.”

Những Cơ Đốc Nhân xem ngày đầu của tuần lễ là ngày thích hợp nhất cho sự hội hiệp Cơ Đốc Nhân với nhau, điều đó là rõ ràng từ

Tân Ước. Phao-lô đã sửa soạn các hội thánh cử hành lễ vào ngày đầu tuần lễ như là ngày hội hiệp của Cơ Đốc Nhân (I Côr 16:1-2).

Những lời này khó có thể hiểu ngoại trừ sự chấp nhận rằng đã có một ngày hội họp thường xuyên trong ngày đầu tuần lễ. Từ *thesauros* [tiếng Hy-lạp nghĩa để dành] là thứ mà ở trong mỗi người có, bởi chính mình không có sự ép buộc, dâng hiến của lễ của mình, phải có ngân khố của hội thánh, bởi vì Phao-lô nói thêm, “hầu cho khỏi đợi khi tôi đến rồi mới góp.” Nếu mỗi người đã để dành riêng vào kho thì việc thu góp công khai không cần thiết lắm khi Phao-lô đến. Thường có nhiều phân đoạn tham khảo trong thư tín của Phao-lô về việc hội họp thường xuyên nhiều lần được hiểu một cách hiển nhiên bởi mọi người.

Hê-bơ-rơ 10:25 nói rằng hội thánh trong thời bấy giờ có thói quen nhóm lại thường xuyên. Chúng ta có thể cho rằng việc này là một sự ám chỉ về sự hội họp cho việc thờ phượng và thông công trong ngày đầu tuần lễ. Tại Trô-ách, “Ngày thứ nhất trong tuần lễ, chúng ta đang nhóm lại để bẻ bánh; Phao-lô phải đi ngày mai...” (Công 20:7).

Lễ thật về ngày Sa-bát không hề thay đổi, nhưng ngày Sa-bát thay đổi. Trong Tân Ước nó là vào ngày Chúa Nhật, không phải là Thứ Bảy, tưởng niệm sự phục sinh của Chúa. Hội thánh đầu tiên đã giữ ngày Sa-bát vào ngày đầu tuần lễ. Ignatius, sống sau năm 100 SC một chút, viết về “những ai đã chiếm được gia tài của sự hy vọng mới, không còn giữ ngày Sa-bát (Cựu Ước) nữa, nhưng sống trong vâng giữ Ngày của Chúa với hy vọng là sự sống của chúng ta cũng được hiện ra một lần nữa bởi ngài.”

Mặc dù ngày Sa-bát của Cơ Đốc Nhân trong nguyên tắc là vào ngày thứ nhất của tuần lễ, việc giữ gìn nó không nên để nó trở nên chủ nghĩa lễ nghi luật pháp. Ngày của Chúa không trở nên quan trọng hơn chính Chúa. Ấy là Chúa, chứ không phải là ngày, Đáng chúng ta thờ phượng. Phao-lô giải thích rõ ràng rằng sự cứu rỗi không đến bởi sự giữ ngày lễ (Gal 4:10-11; Côl 2:16-17; Rôm 14:5-6). Sự cứu rỗi

đến từ Chúa (Giô-na 2:9).

Sự chống đối chủ nghĩa luật pháp của Phao-lô là chính xác trong lời giảng dạy của Chúa Jêsus. Chúa Jêsus và Phao-lô đã không bài trừ luật pháp của ngày Sa-bát; họ đã nêu ra một ý nghĩa đúng của nó. Phao-lô không chống lại lẽ thật của ngày Sa-bát khi ông nói, “ai nấy hãy tin chắc ở trí mình” (Rôm 14:5) với sự đề cập đến một ngày thuộc tôn giáo. Một tín đồ thật sự yêu Chúa và hiểu trọn ý nghĩa Kinh Thánh và thực hành ngày Sa-bát, thì có sự tự do trong việc áp dụng nguyên tắc của nó vào mọi chi tiết trong đời sống của người.

Ngày Sa-bát của Cựu Ước được nói đến như là “một hình bóng của các việc sẽ tới” (Côl 2:17). Như Lễ Tiệc Thánh thay thế và có giá trị ngang bằng với Lễ Vượt Qua (I Côr 5:7-8) và những sinh tế được đòi hỏi sự rải huyết và được ăn với bánh không men; và cũng như lễ Báp-tem Cơ Đốc Nhân thay thế phép cắt bì (Côl 2:11-12) và những nghi thức được quy định trong Lê-vi Ký 12; cũng vậy Ngày của Chúa [Chúa Nhật] thay thế và có giá trị ngang bằng với ngày Sa-bát của người Do-thái.

MƯỜI ĐIỀU RĂN

Mười điều răn (Xuất 20:1-17) gồm có những lời huấn thị phủ định cơ bản “Ngươi chớ.” Nhưng, nó không có nghĩa rằng lời huấn thị phủ định đó không mang những hàm ý khẳng định. Mệnh lệnh không được làm điều ác khẳng định một yêu cầu để làm việc tốt. Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tổng Quát nói, “... nơi nào một nhiệm vụ được bắt buộc, thì tội lỗi ngược lại bị ngăn cấm; và nơi nào tội lỗi bị ngăn cấm, một nhiệm vụ ngược lại được bắt buộc; vậy, khi một lời hứa được phụ thêm vào, sự đe dọa ngược lại được bao gồm; và nơi nào có một lời đe dọa được thêm vào, thì một lời hứa ngược lại được bao gồm.”

Mười Điều Răn nêu lên những nguyên tắc tổng quát nhằm bao quát hết thảy mọi kiểu loại của tội lỗi thuộc về đạo đức và giáo lý. Mỗi loại tội lỗi có thể được sắp xếp dưới một hay nhiều điều răn trong Mười Điều Răn. Cơ Đốc Nhân được đòi hỏi phải trung thành với những nguyên tắc của Mười Điều Răn, và cần phải áp dụng những nguyên tắc này trong những tình huống xã hội và văn hóa khác nhau phù hợp với Kinh Thánh.

Do vậy nó thật là quan trọng để hiểu rằng Mười Điều Răn không phải để liệt kê có bao nhiêu tội lỗi duy nhất trong thế gian này. Có nhiều kiểu loại của thái độ cư xử tội lỗi. Trong Ga-la-ti 5:19-21, Phao-lô liệt kê một vài công việc của xác thịt, “Vả, các việc làm của xác thịt là rõ ràng lắm: Ấy là ngoại tình, gian dâm, ô uế, dâm dật, thờ hình tượng, phù phép, ghen ghét, cãi cọ, tranh đấu, giận dữ, cãi lẫy, nổi loạn, tà giáo, ganh gổ, giết người, say sưa, mê ăn uống, cùng các sự khác giống như vậy. Tôi nói trước cho anh em, như tôi đã nói rồi: Hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời [KJV].” Sự nhắc đến hai lần “như vậy” và “thể ấy” khiến nó có tính chất mệnh lệnh rằng dân sự của Đức Chúa Trời không chỉ vâng lời Mười Điều Răn mà thôi như đã liệt kê rõ ràng cụ thể để thực hành, nhưng họ cũng phải áp dụng sốt sắng những nguyên tắc được đòi hỏi như những điều kiện không được nêu ra nhưng tương tự.

SỰ TRƯỞNG THÀNH THUỘC LINH

Sự trưởng thành thuộc linh không đến một sớm một chiều. Nó giành nhiều thời gian để lớn lên trong đức tin. Nó giành nhiều thời gian để trở nên giống Đấng Christ hơn. Chúng ta phải nhớ rằng những ai chưa trưởng thành trong đời sống Cơ Đốc, người đó chưa “vận dụng tâm tư luyện tập mà phân biệt điều lành và dữ” (Hêb 5:14), cần, không chỉ sự sửa trách, nhưng còn sự khích lệ cảm thông. “Người sẽ chẳng bẻ cây sậy đã gãy, chẳng tắt ngọn đèn gân tàn” (Mat 12:20).

Thật quan trọng cho những tín đồ phải cẩn thận với thái độ ta đây là thánh khiết hơn những tín đồ khác là những người đang vật lộn trong đời sống Cơ Đốc, cố gắng sống theo đức tin của họ. Chúng ta phải nhận biết quá trình phát triển thích hợp được cần đến cho một người trở nên giống với Đấng Christ hơn. Những tín đồ lâu năm hoặc trưởng thành hơn cần chỉ dẫn những người trẻ một cách kiên nhẫn và sửa sai họ cách mềm mại trong tinh thần khiêm nhường và nhu mì.

Tuyệt đối không có một chút thỏa hiệp nào trong khía cạnh của lẽ thật và giáo lý. Chúng ta phải dành hết sức và hết thời gian để cảnh tỉnh chống lại sự sai lạc và những giáo sư giả.

Mặt khác, trong khía cạnh về nếp sống Cơ Đốc và thực hành, chúng ta cần phải cầu nguyện nhiều hơn và ít đoán xét lẫn nhau.

“Vì sự yêu thương che đậy vô số tội lỗi” (I Phi 4:8).

SỰ HIỂU BIẾT LUYỆN TIẾN

Không có điều gì nên thêm vào Kinh Thánh bất cứ lúc nào. Giáo điều Xung Nhận Wesminster diễn đạt, “Tất cả các lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, về tất cả mọi mặt cần thiết cho sự vinh hiển của Ngài, sự cứu rỗi của con người, đức tin, và sự sống, hoặc được ghi chép rõ ràng trong Kinh Thánh, hoặc bởi hệ quả tốt và cần thiết có thể được suy ra từ Kinh Thánh; để mà không có bất cứ điều gì ở bất cứ thời gian nào có thể được thêm vào, hoặc giả bởi những sự khai thị mới của Thánh Linh hay truyền thống của con người.” Mặc dù vậy nó mong mọi rằng Đức Thánh Linh sẽ tiếp tục hướng dẫn Hội Thánh vào sự hiểu biết sâu sắc hơn và đầy đủ hơn, và những sự kiện tương lai đó sẽ làm sáng tỏ những câu hỏi cho đến nay chưa giải quyết được và chưa trả lời được.

Lịch sử hội thánh cung cấp nhiều trường hợp và nhiều bằng chứng

thể nào dân sự của Đức Chúa Trời phát triển sự hiểu biết của họ về lẽ thật đã được khải tỏ. Cụ thể, giáo lý về Ba Ngôi được dạy trong Kinh Thánh. Nhưng mãi đến Hội Nghị Nicea, 325 SC, mới được định nghĩa trong sự chú ý của Hội Thánh. Tương tự, giáo lý về hai bản chất của Đấng Christ (Đức Chúa Trời hoàn toàn và Con Người hoàn toàn) trong một Thân Vị đã không được biểu lộ rõ ràng cho đến Hội Nghị Chalcedon, 451 SC. Giáo lý về sự công bình duy bởi đức tin cũng được làm sáng tỏ tường tận trong Phong Trào Cải Chánh của thế kỷ mười sáu. Những giáo lý này được chứa đựng trong Kinh Thánh và được tin tưởng bởi Hội Thánh. Nhưng thời gian có một phần vai trò trong việc đem lại sự sáng tỏ của sự hiểu biết và sự diễn đạt.

Chúng ta hy vọng rằng thời gian sẽ mang lại sự sáng tỏ vượt bậc và sự nhất trí trong vòng các Cơ Đốc Nhân trong những giáo lý như sự hà hơi hoàn hảo và sự bảo vệ hoàn hảo của Kinh Thánh. Cảm tạ Đức Chúa Trời rằng giáo lý của sự hà hơi của Kinh Thánh bây giờ đã rõ ràng sau khi được định nghĩa và được bảo vệ ở thế kỷ trước. Bây giờ nó được thành lập cách kiên định rằng Kinh Thánh là được hà hơi 100% và không có một sai sót nào thậm chí về mặt khoa học, lịch sử và địa lý, chứ không chỉ về sự cứu rỗi thôi đâu. Trong thế kỷ này, giáo lý về sự bảo tồn Kinh Thánh 100% không được hiểu một cách sáng tỏ cho mấy. Nguyên nó được thảo luận thêm lên, được cân nhắc, và bảo vệ, cho đến khi nó được định nghĩa một cách rõ ràng. Nó phải được rao giảng không có một chút mập mờ rằng Lời của Đức Chúa Trời được gìn giữ thanh sạch qua mọi thế hệ, được bảo quản từng lời và tuyệt đối cho đến một ký tự cuối cùng (Thi 12:6-7; Mat 5:18). Hội Thánh ngày nay có Lời toàn hảo của Đức Chúa Trời và chúng ta tin ấy là trong Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp nằm dưới quyền Kinh Thánh King James được thử thách và được tôn trọng theo thời gian.

TẠI SAO ĐỨC CHÚA TRỜI TẠO RA NGƯỜI NỮ CHO NGƯỜI NAM?

Trong Sáng Thế Ký 2:18-25, Đức Chúa Trời đã thiết lập lễ hôn phối. Trong Vườn Ê-đen, Đức Chúa Trời thấy rằng người nam ở một mình là không tốt. Nên Ngài đã tạo cho A-đam một người phụ giúp—người đồng hành—một người vợ. Ngài đã thiết kế thật lộng lẫy và đã cẩn thận làm nên một người nữ, và đem nàng đến cho A-đam. Đăng họ sẽ cùng nhau cai quản tạo vật của Đức Chúa Trời (Sáng 1:27-28).

Hôn nhân không phải đơn giản là một mối quan hệ song phương nhưng là mối quan hệ tam phương. Không có một sự hội họp nào mà khi Đấng Christ là kẻ thứ ba. Đức Chúa Trời là Đấng Mai Mối Thiêng Liêng phải được kể đến trong mọi mối quan hệ hôn nhân. Vấn đề ngày nay là Đức Chúa Trời đã bị cất đi ra khỏi bức tranh. Ly hôn sẽ không bao giờ là một sự chọn lựa cho Cơ Đốc Nhân nếu Đức Chúa Trời được đặt trong mối quan hệ hôn nhân. Sự tan vỡ trong hôn nhân của chúng ta thường thường là bởi vì sự đổ vỡ trong sự bước đi cá nhân của chúng ta với Đức Chúa Trời.

Những mối hôn nhân gặp khó khăn cần đến Hòn Đá—Chúa Jêsus Christ. Những cặp đôi gặp khó khăn nên ngưng việc nói lại nhưng hãy bắt đầu làm một điều gì đó. Hãy bắt đầu vâng lời sự chỉ dẫn thiêng liêng: “Hãy kính sợ Đấng Christ mà vâng phục nhau. Hỡi kẻ làm vợ, phải vâng phục chồng mình như vâng phục Chúa, vì chồng là đầu vợ, khác nào Đấng Christ là đầu hội thánh, hội thánh là thân thể Ngài, và Ngài là Cứu Chúa của Hội Thánh. Ấy vậy, như hội thánh phục dưới Đấng Christ, thì đàn bà cũng phải phục dưới quyền chồng mình trong mọi sự. Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ đã yêu hội thánh, phó chính mình vì Hội Thánh ... Cũng một thể ấy, chồng phải yêu vợ như chính thân mình. Ai yêu vợ mình thì yêu chính mình vậy. Vì chẳng hề có người nào ghét chính thân mình, nhưng nuôi nấng săn sóc nó như Chúa đối với hội thánh ... Thế

thì mỗi người trong anh em phải yêu vợ mình như mình, còn vợ thì phải kính chồng” (Êph 5:21-23).

GIAO ƯỚC HÔN NHÂN

Ma-la-chi 2:14 nói hôn nhân như là một giao ước: “Các ngươi lại nói rằng: Vì sao? Ấy là vì Đức Giê-hô-va làm chứng giữa ngươi và vợ ngươi lấy lúc tuổi trẻ, mà ngươi đả nó cách phỉnh dối, dầu rằng nó là bạn ngươi và là vợ giao ước của ngươi.” Giao ước hôn nhân là gì? Một giao ước hôn nhân là một sự đồng ý trang trọng trước mặt Đức Chúa Trời giữa người nam và người nữ để trở nên những người bạn chung thủy và yêu thương của nhau cho cuộc sống. Một giao ước có những quy tắc. Những quy tắc này được sắp đặt bởi Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta muốn có một hôn nhân phước hạnh và thành công chúng ta phải sử dụng những nguyên tắc của Đức Chúa Trời. “Hôn nhân là một giao ước được thánh hóa bởi Đức Chúa Trời” (Calvin). Một hôn nhân đổ vỡ khi chúng ta bẻ gãy giao ước bởi việc vi phạm những quy tắc của Đức Chúa Trời.

Một quy tắc cơ bản là chế độ một vợ một chồng. Khi Đức Chúa Trời ban cho người nam một người nữ, Ngài đã lấy một cái xương sườn từ A-đam đặng làm nên một Ê-va; Ngài đã không lấy vài cái xương đặng làm nên nhiều người nữ. Chú ý đến số ít “một người nữ” (Sáng 2:23), và “vợ của ông” (c 24-25). Quan trọng hơn nữa là ý tưởng của “một thịt” (c 24)—nói về sự hiệp một trong thể xác và tâm linh giữa một người nam và một người nữ. Khái niệm “một thịt” ngoại trừ chế độ đa thê như một sự chọn lựa. Ấy là tại sao trong Tân Ước yêu cầu ở một vị lãnh đạo trong hội thánh là “chồng của một vợ” (I Tim 3:2). Sự thật này cũng được chứng thực bởi sự tương quan của mỗi quan hệ của Chúa Jê-sus với Hội Thánh—Cô Dâu của Ngài. Chỉ có một Cô Dâu của Đấng Christ—một Hội Thánh chân thật, vô hình, toàn cầu bao gồm hết cả những người được chọn của Đức Chúa Trời. Đó là

tại sao khi một người đã kết hôn có sự quan hệ tình dục với người khác không phải là người phối ngẫu chung thủy của mình, thì ấy là sự tà dâm. “Người chớ phạm tội tà dâm” (điều răn thứ bảy). Vàng, trong Cựu Ước chúng ta có rất nhiều ví dụ về những người của Đức Chúa Trời có nhiều vợ. Chúng ta nghĩ về Áp-ra-ham và vợ của ông là Sa-ra và A-ga, nhưng hãy nhìn vào sự rối rắm mà Áp-ra-ham đã đem lại cho chính ông và cho dòng dõi của ông. Sự đối lập giữa hai anh em—Y-sác và Ích-ma-ên—tiếp diễn cho đến ngày nay. Có nhiều hơn một người vợ là trái ngược lại với ý muốn và Lời của Đức Chúa Trời.

CÓ PHẢI ĐỨC CHÚA TRỜI LÀM NÊN A-ĐAM VÀ STEVE?

Hôn nhân là một mối quan hệ đặc biệt giữa hai người có giới tính khác nhau—không phải người nam với người nam, hoặc người nữ với người nữ, nhưng người nam với người nữ. Như có lời nói rằng, “Đức Chúa Trời đã tạo dựng A-đam và Ê-va, chứ không phải A-đam và Steve.” Lê-vi Ký 18:22, “Chớ nằm cùng một người nam như người ta nằm cùng một người nữ; ấy là một sự quái gớm.” Sự đoán phạt kinh khiếp giáng trên những ai làm sai những gì Đức Chúa Trời đã quy định như vậy. “Ấy vì có đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ; vì trong vòng họ, những người đàn bà đã đổi cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tánh tự nhiên. Những người đàn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đàn bà mà un đốt tình dục người này với kẻ kia, đàn ông cùng đàn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo ứng xứng với điều lầm lỗi của mình” (Rôm 1:26-27).

Tình trạng đồng tính luyến ái là một tội lỗi. Những người đồng tính luyến ái cố tình chọn sống trong tội lỗi. Sự chọn lựa này có thể đảo ngược được. Nó là thứ có thể ăn năn được. Có một phương cách duy

nhất để bẻ gãy xích xiềng của thứ hủy diệt lối sống thứ hủy hoại sự thiết lập hôn nhân thiêng liêng và gia đình là đối với những người đồng tính phải xưng nhận và ăn năn tội lỗi của người đó, và tiếp nhận Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa của mình. Phúc âm thanh sạch sẽ bẻ gãy cái còng của tình trạng đồng tính luyến ái vì nó là “quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Rôm 1:16).

Nó phải được hiểu một cách rất rõ ràng rằng đồng tính luyến ái là một lối sống tội lỗi mà Đức Chúa Trời ghét, và nó là một căn bệnh chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể chữa lành.

CƯƠNG VỊ LÀM ĐẦU VÀ LÃNH ĐẠO CỦA PHÁI NAM

Quy tắc cơ bản bị lu mờ ngày nay là vai trò khác biệt của người nam và người nữ được quy định bởi Đức Chúa Trời. Trong thuật ngữ về giá trị, hết thảy chúng ta đều ngang bằng nhau trước mắt của Đức Chúa Trời bất kể giới tính, ngôn ngữ, dòng giống hay màu da; nhưng trong thuật ngữ về chức năng, có một sự khác biệt!

Trong lời thề của hôn nhân truyền thống và hợp với Kinh Thánh, chú rể hứa sẽ yêu thương và nâng niu vợ của anh ấy, trong khi cô dâu hứa sẽ yêu thương, nâng niu, và vâng lời chồng của cô ấy. Trong những bản dịch hiện đại, từ “vâng lời” đã bị cắt bỏ mất. Đức Chúa Trời nói gì về cương vị làm đầu và thẩm quyền?

Trong I Cô-rinh-tô 11:3 Phao-lô nói, “Đầu vậy, tôi muốn anh em biết Đấng Christ là đầu mọi người; người đàn ông là đầu người đàn bà; và Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ.” Rõ ràng, nó không thể nói theo nghĩa đen rằng người đàn bà có một cái đầu của đàn ông. Ở đây nó muốn nói đến cương vị làm đầu hay cương vị cai trị. Nó ám chỉ về thẩm quyền.

Để chứng minh điểm này, Phao-lô hệ thống cấp bậc về chức năng có

ở trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Phao-lô nói, “Đầu của Đấng Christ là Đức Chúa Trời.” Chú ý rằng trong Ba Ngôi của Đức Chúa Trời có cùng bản chất ngang bằng tuyệt đối, trong sự toàn năng, toàn tại, toàn tri của các Ngài; Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Con là Đức Chúa Trời, Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời. Nhưng về khía cạnh của chức năng hay vai trò, thì có sự lệ thuộc [subordination]. Đức Chúa Cha có thẩm quyền trên Đức Chúa Con. Đấng Christ chiếm hữu một vị trí thấp hơn trong hệ thống cấp bậc thuộc chức năng của Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Ấy là tại sao Chúa Jêsus nói, “Cha ta tôn trọng hơn ta” (Giăng 14:28). Chúa Jêsus đang nói, “Ta là một người Con vâng lời Cha ta, và Ta ở đây là để làm tròn ý muốn và sự vui thích của Ngài.” Chúa Jêsus đã thực hiện vai trò đó một cách hoàn hảo. Và Đức Chúa Cha đã khen Đức Chúa Con, “Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng.” (Đọc Giăng 17 về việc Chúa Jêsus là một người Con vâng lời là thế nào). Cũng vậy, Đức Chúa Trời đã đặt để một vai trò cấp bậc như vậy trong gia đình riêng lẻ.

“Hai cái đầu là tốt hơn một cái đầu,” nhưng nó không ở trong hôn nhân. Người chồng là đầu của người vợ. Nhiệm vụ của người là yêu mến vợ người như Đấng Christ yêu Hội Thánh và phó sự sống của Ngài vì Hội Thánh. Nhiệm vụ của nàng là vâng phục chồng mình, như Hội Thánh vâng phục Đấng Christ và thực hiện ý muốn của Ngài. Khi người chồng không yêu vợ mình, và người vợ không vâng phục chồng mình trong Chúa thì cuộc hôn nhân đó bị đổ vỡ. Tiến sĩ Carl McIntire tư vấn sáng suốt, “Sẽ có một niềm hạnh phúc lớn trong những ngôi nhà nếu có nhiều sự am hiểu về phương cách phù hợp và làm việc đúng phương cách.”

TÍNH VĨNH CỬU CỦA HÔN NHÂN

Sáng Thế Ký 2:24 đọc, “Bởi vậy cho nên người nam sẽ lìa cha mẹ mà dính dứu cùng vợ mình, và cả hai sẽ nên một thịt.” Từ “dính dứu” ở đây mang đầy ý nghĩa. Nó là một từ ngữ mạnh mẽ của sự hiệp một. Ví dụ, nó được dùng trong sách Ê-sai 41:7 về việc hàn lại với nhau những tấm kim loại thành một vũ khí. Cũng vậy người nam lìa cha mẹ mình, và được hàn gắn với vợ của mình. Đây là sự kết nối vĩnh cửu của người nam và vợ của anh ta. Câu này được trích bởi Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 19:5-6, “... Vậy, loài người không nên phân rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp (hay hàn gắn).”

Hôn nhân là một sự ủy thác cả đời sống. Nó là một “sự ủy thác hoàn toàn và một sự chia sẻ hoàn toàn về một cá nhân hoàn toàn với một người khác cho đến chết.” Trong hôn nhân Cơ Đốc, “sự tín nhiệm là trưởng thành, có nghĩa vụ qua lại, và sự tin cậy vào Đức Chúa Trời, tuyệt đối.”

Tâm điểm của hôn nhân là sự đồng hành, đồng cảm, và hoàn thiện. Bản thiết kế của Đức Chúa Trời cho hôn nhân bao gồm lìa xa, dính dứu, và trở nên một thịt. Mỗi quan hệ vợ chồng là một mối quan hệ gần nhất, thân mật nhất của tất cả mối quan hệ của con người, vì nó được ví như mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh (Êph 5:22-23).

Tiến sĩ William Lyon Phelps nói cách khôn ngoan, “Sự hạnh phúc tột cùng nhất trên đất là trong hôn nhân. Mọi người đàn ông có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc là một người đàn ông thành công thậm chí nếu anh ta thất bại trong mọi điều khác.” Làm thế nào để kết hôn và hoãn hôn? Đức tin là cái chìa khóa: “Đức tin xây nhà, Đức tin giữ gia đình, Đức tin là sự chiến thắng” (McIntire).

LY HÔN VÀ TÁI HÔN

Kinh Thánh nói gì về ly hôn và tái hôn? Nếu tôi ly hôn, tôi có thể tái hôn được không? Trong lẽ thật của những gì mà Đức Chúa Trời đã định về hôn nhân trở nên, thì không nên có sự ly hôn sau hôn nhân (Mal 2:14-16; Mác 10:9, 11-12). Nhưng há chẳng phải là Đức Chúa Trời cho phép sự hủy bỏ giao ước hôn nhân trong Kinh Thánh? Vâng, Ngài cho phép, nhưng chỉ trên ba lý do: chết, ruồng bỏ, và ngoại tình.

Một Cơ Đốc Nhân có thể tái hôn hay không? Nhằm để trả lời cho những câu hỏi quan trọng này, chúng ta cần phải hiểu một cách chính xác về giáo lý của hôn nhân. Hôn nhân được thiết lập bởi Đức Chúa Trời bao gồm một quan hệ giao ước ám chỉ về tính vĩnh cửu và ràng buộc. Với những điều này trong trí, bây giờ chúng ta vào sự thảo luận về sự ly hôn và sự tái hôn.

Cơ Đốc Nhân có nên ly hôn? Dưới ánh sáng của những gì mà Đức Chúa Trời đã định cho hôn nhân, câu trả lời sẽ là không. Ý Chỉ Giáo Huấn của Đức Chúa Trời (nghĩa là, những điều răn trong Kinh Thánh) nói không với việc ly hôn. Nhưng, vì có tội lỗi, Ý Chỉ Cho Phép của Đức Chúa Trời cho phép việc ly hôn với một vài sự hạn chế.

Trong Ma-thi-ơ 19:3, câu hỏi trở trêu của những người Pha-ri-si là, “Không cứ vì có gì người ta có phép để vợ mình chẳng?” Những người Pha-ri-si dạy rằng một người có thể ly hôn vợ mình chỉ vì những lý do không đáng kể nhất: nếu vợ người không nấu nướng giỏi—ly hôn!; nếu có ai đó hấp dẫn hơn theo cùng—ly hôn!; Người phụ nữ bị hiếp đáp, và Chúa Jêsus bảo vệ những quyền lợi của phái nữ. Chúa Jêsus nhấn mạnh rằng hôn nhân là một sự thiết lập thiêng liêng bao gồm một mối quan hệ giao ước nên nó có nghĩa là vĩnh cửu: “Các ngươi há chưa đọc lời chép về Đấng Tạo Hóa, hồi ban đầu, dựng nên một người nam, một người nữ, và có phán rằng: Vì có đó người nam sẽ lìa cha mẹ, mà dính dứu với vợ mình; hai người sẽ cùng

nên một thịt hay sao? Thế thì, vợ chồng không phải là hai nữa, nhưng một thịt mà thôi. Vậy, loài người không nên phân rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp” (Mat 19:4-6). Nói cách khác, không ly hôn!

Nếu không có ly hôn, vậy thì những lời của Môi-se trong Phục Truyền 24 thì như thế nào? “Vậy chớ sao Môi-se đã dạy lập tờ để đặng để vợ đi?” (Mat 19:7). Chúa Jêsus trả lời, “Vì có lòng các người cứng cõi, nên Môi-se cho phép để vợ; nhưng, lúc ban đầu, không có như vậy đâu.” Chúa Jêsus đã nhắc nhở họ rằng hôn nhân là một sự thiết lập thiêng liêng nói về tính vĩnh cửu và sự phước hạnh cho một cặp đôi kết hôn ngay từ lúc ban đầu. Ý định ban đầu đó đã bị hu hoại bởi tội lỗi. Vậy ly hôn không phải thiêng liêng nhưng là sự thiết lập bởi con người. Ly hôn là điều mà Đức Chúa Trời không muốn, nhưng đó là những gì con người muốn - “sự cứng cõi của lòng!” Những người thời đó khăng khăng đòi tờ khế để vợ. Như vậy sự ly hôn là sản phẩm của tội lỗi. Nó thật xấu hổ khi ly hôn thậm chí mặc dù Đức Chúa Trời cho phép làm điều đó.

Hôn nhân phải được coi trọng, và ly hôn không nên làm một cách dễ dàng. Phục Truyền 24 không cung cấp sự dễ dãi cho việc trốn tránh hôn nhân. Hãy xem xét những điều lệ của Môi-se. Môi-se chỉ dẫn rằng với việc ly hôn có hiệu lực:

1. Nó phải đi đến tòa án trong sự trình bày về những bằng chứng nơi mà tờ khế hợp lệ cho sự ly hôn phải được phát thảo, và được ký vào. Sự hội họp này đòi hỏi thời gian. Không có chuyện kết hôn hôm nay và ly hôn vào ngày mai. Cũng không có việc một người ly hôn người phối ngẫu của mình mà nói bằng miệng đơn giản “Tôi ly dị cô” ba lần. Sự ly dị đột ngột bị ngăn cấm.

2. Một tờ chứng chỉ của sự ly hôn phải được hợp lệ. Người đệ trình sự ly hôn được yêu cầu đưa tờ khế đó vào tay của người bên kia.

3. Người bị ly dị phải dời ra khỏi nhà; họ không còn sống chung với nhau nữa. Có sự tuyệt giao trong gia đình.

4. Một khi họ bị ly dị và tái hôn, thì họ sẽ không bao giờ kết hôn lại với nhau nữa.

Những nguyên tắc này được áp đặt nhằm can ngăn việc ly hôn, đặng khích lệ sự hòa giải, và để cho phép thời gian hàn gắn mỗi quan hệ. “Không có gì được giải quyết cho đến khi nó được giải quyết đúng” (Carl McIntire).

Những người Pha-ri-si dạy rằng một người có thể ly dị vợ mình vì bất cứ lý do nào. Chống lại điều này Chúa Jê-sus nói, “nếu ai để vợ mình không phải vì có gian dâm, và cưới vợ khác, thì người ấy phạm tội tà dâm; và hễ ai cưới người bị để, thì phạm tội tà dâm” (Mat 19:9).

Chỉ có một lý do cho sự ly hôn và chỉ một mà thôi, đó là, sự thông dâm (tức là, sự không chung thủy trong hôn nhân hoặc ngoại tình và những loại tội dâm dục khác như đồng tính luyến ái, giao cấu với động vật và loạn luân). Những ai cưới người đàn ông tà dâm hoặc người đàn bà tà dâm thì cũng phạm tội tà dâm vậy.

Thật đây ý nghĩa khi chú ý rằng mệnh đề ngoại lệ (“không phải vì có gian dâm”) được tìm thấy chỉ duy nhất trong Ma-thi-ơ 19. Mác 10:1-12 và Lu-ca 16:18 là những phân đoạn tương đương về hôn nhân và trong những chỗ đó thì mệnh đề ngoại lệ vắng bóng. Tại sao? Tại vì nó để nhấn mạnh một nguyên tắc ấy là giao ước hôn nhân là một sự ràng buộc. Chúa Jê-sus đang nhấn mạnh nguyên tắc chứ không phải sự ngoại lệ.

Một khi đã kết hôn, thì sẽ không có ly hôn. Chúa ghét sự ly hôn, và nếu chúng ta khăng khăng đòi ly hôn, thì lý do duy nhất là sự thông dâm. Như Chúa không bao giờ bẻ gãy giao ước cứu chuộc của Ngài để cứu chúng ta cho đến cuối cùng, cũng vậy chúng ta không nên bẻ gãy giao ước hôn nhân của chúng ta; chúng ta cần phải chung thủy với người phối ngẫu của chúng ta cho đến cuối cùng. Hãy nhớ rằng lời thề hôn nhân, “miễn là cả hai còn sống.”

Lời thề hôn nhân không nên làm cách hời hợt vì lời thề đó được làm

trước Đức Chúa Trời. Hãy coi chừng đừng nên lấy danh Chúa mà làm chơi. “Chớ hề dối mình; Đức Chúa Trời không chịu khinh dễ đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy” (Gal 6:7).

Trong I Cô-rinh-tô 7, Phao-lô trả lời những câu hỏi về hôn nhân và ly hôn được đặt ra cho ông bởi Hội Thánh Cô-rinh-tô. Đoạn Kinh Thánh này đặc biệt dành riêng cho Cơ Đốc Nhân. Có thể một cặp vợ chồng Cơ Đốc ly hôn và tái hôn không? Phao-lô cho ý kiến như những gì Chúa Jêsus đã dạy về sự ly hôn trong Ma-thi-ơ 19, Mác 10, Lu-ca 16. Ở chỗ này Phao-lô lặp lại những gì Chúa Jêsus đã nói, “Hôn nhân là vĩnh cửu.” Vì vậy Phao-lô nêu ra những lời huấn thị này: (1) câu 10: “vợ không nên lìa bỏ chồng,” và (2) câu 11: “chồng không nên để vợ.”

Nhưng nếu lỡ mà việc ly hôn đã xảy ra rồi thì làm sao? Nếu điều đó đã xảy ra rồi, vậy cả hai hãy đừng tái hôn! Tại sao? Đặt cho phép Chúa làm việc. (Như đã được nói trước, mối quan hệ hôn nhân, đặc biệt là thuộc Cơ Đốc Nhân, không chỉ là một mối quan hệ song phương, nhưng là tam phương). Nếu cả vợ và chồng là Cơ Đốc Nhân, tái sanh, và được ngự trị bởi Đức Thánh Linh, thì Chúa có thể làm việc trên đời sống của họ nhằm chỉ cho họ thấy tội lỗi, và khiến họ hòa thuận lại với nhau. Điều này có thể là khó với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không.

Phương pháp giải quyết đối với một cuộc hôn nhân Cơ Đốc đổ vỡ không phải là sự ly dị và tái hôn với người khác, nhưng là sự giải hòa với cùng người đó. Giả sử, nếu sự tái hôn với người khác đã diễn ra rồi thì sao? Vậy thì người này đã trở thành kẻ tà dâm. Sự hy vọng về sự giải hòa đã bị hỏng; Phục Truyền 24 áp dụng ở đây. Bạn không thể tái hôn với người phối ngẫu trước dưới bất cứ trường hợp nào; nó là một sự quái gớm với Chúa. Vậy về bên vô tội thì như thế nào? Anh ta hay chị ta có thể tái hôn được không?

Phao-lô giữ im lặng. Giáo điều Xung Nhận Wesminster nêu, “Trong trường hợp của sự gian dâm sau hôn nhân, nó là hợp lệ cho bên vô tội

xin ân xá ly hôn: và, sau khi ly hôn, cưới một người khác, như thể người kia đã chết” (24:5).

Trong câu 12-16, Phao-lô giải quyết câu hỏi về một người phụ nữ cô ta đã kết hôn khi cô ta chưa tin Chúa. Bây giờ cô ấy là một Cơ Đốc Nhân, nhưng chồng của cô ta vẫn chưa phải là tín đồ; vậy cô ta phải làm gì? Trường hợp này cũng áp dụng cho người đàn ông có một người vợ chưa phải là tín đồ. Vậy Cơ Đốc Nhân có thể hay nên ly hôn người phối ngẫu của anh ta hay của chị ta? Lần nữa nguyên tắc tổng quát về hôn nhân là áp dụng vĩnh cửu. Người tin Chúa đừng vội vàng ly hôn. Nếu người chồng vô tín yêu thương vợ của anh ta, bằng lòng ở vậy, mặc cho sự cải đạo của cô ấy, thì cô ấy không nên ly hôn. Lý do được nêu trong câu 14, “Bởi vì, chồng không tin Chúa, nhân vợ mình được nên thánh, vợ không tin Chúa, nhân chồng mình tin Chúa được nên thánh; bằng chẳng vậy, con cái anh em nên chẳng sạch, song nay đều là thánh.”

Nhằm để đánh giá đúng điều này, một người phải hiểu những sự dính líu của thần học giao ước. Thần học giao ước dạy rằng Đức Chúa Trời không chỉ quan tâm đến các cá nhân nhưng cũng cho gia đình của người ấy nữa. Khi một người trở thành một tín đồ, Chúa thích thú nhìn thấy gia đình của người ấy cũng đến với sự cứu rỗi. Ấy là tại sao Phao-lô nói, “Hãy tin Đức Chúa Jêsus Christ, thì người và cả nhà đều sẽ được cứu rỗi” (Công 16:31). Điều này không có nghĩa là sự cứu rỗi tự động đến với các thành viên trong gia đình chúng ta khi chúng ta được cứu. Những thành viên gia đình của chúng ta, chồng hoặc vợ hoặc con cái cũng đều phải tin Đấng Christ một cách cá nhân đặng được cứu. Điều này có nghĩa rằng bởi vì một thành viên trong gia đình được cứu, trong trường hợp này thì người mẹ, người cha và con cái, mặc dù chưa phải là một phần của gia đình của Đức Chúa Trời, được thánh hóa vì mục đích thánh của Đức Chúa Trời. Từ “được nên thánh” ở đây không có nghĩa là sự thánh hóa bên trong hay sự công bình, nhưng là “việc để riêng ra” như những cái bình trong đền thờ được “thánh hóa” hay “để riêng ra” cho việc dùng thiêng liêng.

Phao-lô giải thích rằng đức tin của người mẹ tin Chúa đã mang lại kết quả cho cả gia đình dưới sự chăm sóc và bảo vệ đặc biệt của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời ban phước cho người mẹ tin Chúa, thì phước hạnh này cũng được kinh nghiệm bởi người chồng chưa tin và con cái. Lời của Đức Chúa Trời bây giờ được tìm thấy ở nhà. Kinh Thánh được đọc bởi người mẹ. Bà nói về Đấng Christ. Bà có những câu trả lời về sự sống là gì. Bà mang một bài làm chứng Cơ Đốc tốt. Bà cầu nguyện, và Đức Chúa Trời trả lời sự cầu nguyện của bà. Đức Chúa Trời bắt đầu làm việc. Với việc Phúc Âm được tìm thấy ở nhà trong lời nói, việc làm, Đức Thánh Linh sử dụng Phúc Âm đó cái mà có quyền năng để thay đổi nhiều đời sống đang đem cả gia đình đến sự hiểu biết cứu rỗi của Đấng Christ theo ý muốn của Ngài.

Song, nếu người chồng vô tín kia không thích Cơ Đốc Giáo và không muốn ràng buộc hôn nhân thì như thế nào? Câu 15 trả lời, “Trong cơn đó, người anh em hay là người chị em (là Cơ Đốc Nhân) chẳng phải cảm buộc gì.” Hay nói cách khác, nếu người ấy đòi ly hôn thì hãy để người ấy làm vậy. Nhưng “Đức Chúa Trời đã gọi anh em ăn ở trong sự bình an.” Trước khi đồng ý ly hôn, phải cố gắng hết sức với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời đừng gìn giữ mỗi hôn nhân đó, và chiến thắng người phối ngẫu đó về cho Đấng Christ. Nhưng nếu người phối ngẫu đó khăng khăng đòi ly dị, thì Cơ Đốc Nhân không nằm dưới bốn phận đang giữ mỗi hôn nhân ấy. Ly hôn trở thành bước đi chính đáng khi sự tan rã là cách giải quyết duy nhất.

Câu hỏi khơi dậy: Trong trường hợp này Cơ Đốc Nhân có thể tái hôn được không? Lần nữa Phao-lô giữ im lặng. Có nhiều sự khôn ngoan trong sự im lặng của Phao-lô. Vậy nếu giả sử sau khi ly hôn, người chồng vô tín cũ cải đạo, và muốn trở lại (giả sử anh ta chưa tái hôn) thì như thế nào? Nếu người vợ Cơ Đốc tái hôn, cơ hội để trở lại với người phối ngẫu cũ bị thất bại. Ý định và lý tưởng của Đức Chúa Trời là những người phối ngẫu được hòa giải và sống tiếp tục với nhau.

Dầu vậy, Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster không ngăn cấm Cơ

Độc Nhân bị bỏ rơi bởi một người phối ngẫu vô tín tái hôn (24:6). Trong việc quyết định như thế này, tái hôn hay không, hãy áp dụng Châm ngôn 3:5-6.

Một Cơ Đốc Nhân nữ góa chồng hoặc một Cơ Đốc Nhân nam góa vợ có thể tái hôn được không? Phao-lô cho một sự hướng dẫn rõ ràng trong câu 39. Tái hôn nếu bạn muốn khi chồng hoặc vợ của bạn đã qua đời, nhưng phải chắc chắn là cưới một Cơ Đốc Nhân (“chỉ duy ở trong Chúa”). Phao-lô nói trong câu 40 rằng nếu sống độc thân thì tốt hơn. Tái hôn là tốt, những ở vậy là tốt hơn, theo Phao-lô.

Tóm lại, sự giảng dạy về hôn nhân, ly hôn, và tái hôn là:

1. Giao ước hôn nhân là vĩnh cửu, và ràng buộc.
2. Tội lỗi đi vào và làm hư hoại sự thiết lập tuyệt vời của Đức Chúa Trời về hôn nhân. Con người muốn ly hôn, Đức Chúa Trời cho phép điều đó chỉ duy vì cơ gian dâm (Mat 19). Những quy định khác về ly hôn và tái hôn áp dụng (Phục 24).
3. Không một đôi Cơ Đốc Nhân muốn ly hôn, ly hôn được cho phép nhưng cả hai phải không được tái hôn. Cách giải quyết không phải là tái hôn với một người khác, nhưng là sự giải hòa với nhau (I Côr 7:11). Nếu sự ly hôn bởi cơ gian dâm, Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster cho phép bên vô tội tái hôn.
4. Cơ Đốc Nhân không nên tìm đến sự ly hôn chỉ vì người phối ngẫu của anh ta hay của chị ta là người chưa tin đạo. Người tin đạo phải mang một bài làm chứng giống Đấng Christ. Nhưng nếu người chưa tin đạo đó khăng khăng đòi ly hôn, thì Cơ Đốc Nhân không bị ép buộc phải gìn giữ mỗi hôn nhân đó. Trong trường hợp như vậy, không có điều gì sai trong việc ly hôn (I Côr 7:15). Nhưng, không có một sự cho phép rõ ràng nào được nói về sự tái hôn. Nhưng Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster cho phép Cơ Đốc Nhân người đã bị người phối ngẫu của mình cố tình bỏ rơi thì được quyền tái hôn.

5. Một sự cho phép rõ ràng về việc tái hôn được ban cho chỉ khi người phối ngẫu của một người qua đời (I Côr 7:39).

Một cuộc hôn nhân thất bại thường đem đến cảm giác tội lỗi và đau đớn. Nếu bạn cảm thấy rằng bạn đã phạm tội, và những điều đó không thể cứu vãn được nữa, và bạn thật hối hận, và bạn hỏi: “Đức Chúa Trời có thể tha thứ cho tôi?” Câu trả lời là: Vâng, Ngài có thể và Ngài sẽ (I Giăng 1:9; Giăng 8:10-11).

GIAO ƯỚC GIA ĐÌNH

Sự giảng dạy rõ ràng rằng một hôn nhân không thể bị đổ vỡ vì lý do khác biệt về niềm tin tôn giáo được tiếp tục nói trong một trong những lời dạy quan trọng trong Kinh Thánh về chủ đề của giao ước gia đình với Đức Chúa Trời. I Cô-rinh-tô 7:14 nói, “Bởi vì, chồng không tin Chúa, nhân vợ mình được nên thánh, vợ không tin Chúa, nhân chồng mình tin Chúa được nên thánh; bằng chẳng vậy, con cái anh em nên chẳng sạch, song nay đều là thánh.” Sự thánh khiết được ám chỉ ở đây là sự thánh khiết của một mối quan hệ giao ước. Mặc dù Phao-lô không đề cập đến từ “giao ước,” nhưng rõ ràng rằng ông có trong đầu của mình về những nguyên tắc được ngụ ý trong Sáng Thế Ký 17:7, “Ta sẽ lập giao ước cùng ngươi, và cùng hậu tự ngươi trải qua các đời; ấy là giao ước đời đời, hầu cho ta làm Đức Chúa Trời của ngươi và của dòng dõi ngươi.”

Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là Đức Chúa Trời của gia đình. Sự thật rằng Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Chúa Trời của riêng chúng ta, nhưng cũng là Đức Chúa Trời của con cái chúng ta, Đức Chúa Trời của gia đình được dạy nhấn mạnh xuyên suốt Kinh Thánh, và nên được quan tâm như là một nguồn an ủi cho những bậc cha mẹ Cơ

Độc ở mọi thời đại và dưới mọi hoàn cảnh. Những bậc cha mẹ kính sợ Đức Chúa Trời có thể, trong sự tự tin, công bố lời hứa cho con cái của họ, “Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ” (Sáng 17:8). Trên nền tảng này Phao-lô tuyên bố rằng nếu một người cha hoặc mẹ là một tín đồ, thì những thành viên khác trong gia đình là “được nên thánh” bởi mối quan hệ giao ước.

Những lời này không bày tỏ rằng các cá nhân “được nên thánh” là được tái sinh hết thảy. Phao-lô nói trong văn mạch sau này “Hỡi kẻ làm vợ kia, biết đâu người sẽ cứu được chồng mình? Hỡi kẻ làm chồng kia, biết đâu người sẽ cứu được vợ mình?” (c 16). Tín đồ phải tiếp tục đứng vững trong đức tin, cầu nguyện cho sự cứu rỗi của các thành viên chưa tin trong gia đình mình. Rô-ma 11:16 và Hê-bơ-rơ 10:29 là hai phân đoạn khác chỗ nói về những người chưa tin trở nên thánh hóa bởi vì họ ở trong một mối quan hệ giao ước.

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của những ai (được sinh ra mỗi quan hệ giao ước gia đình) quay trở lại với Ngài. Những ai xuất thân từ trong mối quan hệ giao ước thánh này mà từ chối ân điển của Đức Chúa Trời, thì xứng đáng cho sự trừng phạt kinh khiếp hơn nhiều. Từ những sự tra cứu này chúng ta thấy rằng mỗi quan hệ thánh trong giao ước gia đình là một vấn đề hết sức thiêng liêng, một vấn đề mà không nên được coi thường. Giao ước này là căn bản thuộc linh cho tính vĩnh cửu của hôn nhân Cơ Đốc.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI

Câu văn chia khóa của Kinh Thánh trên chủ đề về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái là điều răn thứ năm: “Hãy hiếu kính cha mẹ người, hầu cho người được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho” (Xuất 20:12). Xuyên suốt Kinh Thánh có một sự nhấn mạnh về mối quan hệ cha mẹ–con cái. Về Áp-ra-ham, Đức

Chúa Trời nói, “Vi Áp-ra-ham chắc sẽ được trở nên một dân lớn và cường thịnh; các dân tộc trên thế gian đều sẽ nhờ người mà được phước ... vì Ta biết người, rằng người sẽ dạy con cái của người và cả nhà người, và họ sẽ giữ đường lối của Đức Giê-hô-va, đặng làm sự công bình và đoán xét” (Sáng 18:18-19, KJV).

Mối quan hệ cha mẹ và con cái một lần nữa được nhấn mạnh trong sự liên kết với đại mạng lệnh trong Phục Truyền 6:4-5, “Hỡi Y-sơ-ra-ên! Hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai. Người phải hết lòng, hết ý, hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” (Phục 6:4-5). Những lời này được thêm ngay sau đó, “Các lời mà ta truyền cho người ngày nay sẽ ở tại trong lòng người; khá ân cần dạy dỗ điều đó cho con cái người, và phải nói đến, hoặc khi người ngồi trong nhà, hoặc khi đi ngoài đường, hoặc lúc người nằm, hay là khi chỗi dậy” (Phục 6:6-7).

Trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái của họ bao gồm hơn cả việc giáo dục. Phao-lô ra lệnh, “Hỡi các người làm cha, chớ chộc cho con cái mình giận dữ, hãy dùng sự sửa phạt khuyên bảo của Chúa mà nuôi nấng chúng nó” (Êph 6:4). Sự giảng dạy tương tự được tìm thấy trong Cô-lô-se 3:21, “Hỡi kẻ làm cha, chớ hề chộc giận con cái mình, e chúng nó ngã lòng chẳng.” Đừng giận dữ hay quá khắt khe với con cái của bạn vô cớ. Hãy cho nó sự tự do đặng học tập và tìm tòi trong một giới hạn thích hợp miễn là chúng không vi phạm các luật pháp của Đức Chúa Trời.

Chú ý: “Niềm hy vọng về việc gìn giữ tương lai của chúng ta được bao bọc hoàn toàn trong con cái chúng ta” (Carl McIntire).

SỰ GIÁO DỤC CỦA CON CÁI CỦA CHÚNG TA

Cha mẹ có trách nhiệm giáo dục con cái của họ trong những điều dạy của Chúa. Sự giáo dục thế tục là không đủ. Sự giáo dục thuộc linh là cần thiết nhất nếu chúng ta muốn con cái của chúng ta lớn lên không chỉ là những công dân hữu ích cho xã hội mà còn là những tôi tớ tin kính của Chúa trong vương quốc của Ngài. Tại đâu và làm thế nào điều này có thể hoàn thành?

Châm ngôn 22:6 nói, “Hãy dạy [dạy bằng vấn đáp] cho trẻ thơ con đường nó phải theo; dầu khi nó trở về già, cũng không hề lìa khỏi đó.” Dạy Kinh Thánh cho con cái của chúng ta là một điều bắt buộc. Điều này phải nên làm ngay từ khi sanh. Những người mẹ phải cầu nguyện và hát những lời của Kinh Thánh khi cho ăn, tắm, chơi đùa với trẻ nhỏ. Những lời nói đầu tiên của chúng không chỉ là Papa và Mama mà còn là Jêsus.

Nó thật quan trọng khi những người mẹ dành trọn thời gian trong việc nuôi nấng con cái của họ trong Chúa và trong Lời của Ngài (xem II Tim 1:5). Điều này nên thực hiện trong bảy năm đầu đời của trẻ, vì đây là thời gian của sự hình thành thuộc linh của chúng. Nếu chúng được đào tạo tốt trong cách sống Cơ Đốc, chúng sẽ không bao giờ lìa bỏ Chúa trong đời sống thiếu niên và thành niên khi những sự cám dỗ đến náo nhiệt. Rễ của đức tin phải được đâm sâu và mạnh mẽ cho chúng đứng chống lại sự công kích không ngừng của những ham muốn dâm dục của tuổi trẻ. Con cái không chỉ được dạy ở nhà, nhưng cũng ở nhà thờ nữa. Chúng nên được ghi danh vào trường Chúa Nhật không chỉ học Kinh Thánh mà thôi nhưng cũng làm bạn với những Cơ Đốc Nhân tốt điều sẽ kéo dài cả cuộc đời. Chúng nó cũng nên tham gia vào những buổi lễ thờ phượng khi còn nhỏ.

Trẻ em phải được kỷ luật khi chúng không vâng lời. Trái ngược với môn tâm lý học hiện đại và vô thần, cái roi là một dụng cụ thật hữu ích để khắc sâu những giá trị và phẩm hạnh vào trong những tấm

lòng và tâm trí non trẻ của chúng (Châm 13:24, 19:18, 22:15, 23:13-14, 29:15, 17).

Khi kỷ luật con cái của chúng ta, thật quan trọng để đảm bảo rằng chúng hiểu tại sao chúng bị kỷ luật trong chân lý của những điều răn của Đức Chúa Trời. Tiên sĩ Carl McIntire khuyên thẳng thắn, “Khi bạn dạy con cái mà không có sự hiểu biết về Lời của Đức Chúa Trời, thì các cửa cổng mở ra, các nhà thờ trống rỗng, và những sự yêu chuộng khoái lạc thay thế cho sự yêu chuộng Đức Chúa Trời.”

NHIỆM VỤ CỦA MỘT CƠ ĐỐC NHÂN VỚI CHÍNH QUYỀN

Sự giảng dạy phù hợp với Kinh Thánh về thẩm quyền con người hoặc chính quyền có thể tìm thấy trong Sáng Thế Ký nơi Đức Chúa Trời nói, “Hễ kẻ nào làm đổ máu người, thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại.” Những lời này không nói về sự trả thù cá nhân, nhưng ấy là Đức Chúa Trời định rằng chính quyền loài người sẽ thực thi quyền lực về việc sống và chết trong sự việc thi hành luật pháp và trật tự.

Trong Tân Ước, một phân đoạn Kinh Thánh nổi tiếng về nghĩa vụ của một Cơ Đốc Nhân đối với chính quyền loài người là trong Rô-ma 13:1-2. Ở đây, Phao-lô dạy, “Mọi người phải vâng phục các đấng cầm quyền trên mình; vì chẳng có quyền nào mà không đến bởi Đức Chúa Trời, các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định. Cho nên ai chống cự quyền phép, tức là đối địch với mạng lệnh Đức Chúa Trời đã lập; và những kẻ đối địch thì chuốc lấy sự phán xét vào mình.”

Chúng ta phải vâng phục chính quyền. Chính quyền loài người được thiết lập cách thiêng liêng. Nếu một người vô luật pháp chống lại những gì Đức Chúa Trời đã lập, thì người ấy thật ra đang chống lại Đức Chúa Trời (những thứ khác như nhau).

Những gì Phao-lô đang nói trong Rô-ma 13 là một kiểu chính quyền

theo đuổi gìn giữ luật pháp và trật tự cho cuộc sống bình an của con người. Ông không nói về một chính quyền vô luật pháp vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời và chà đạp các quyền lợi của con người.

Khi một chính quyền ra lệnh cho con người đang thực hiện trái với luật pháp của Đức Chúa Trời, thì Cơ Đốc Nhân phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là người ta. Ví dụ, khi các môn đồ bị cấm giảng đạo hay dạy trong danh của Chúa Jê-sus, Phi-e-rơ và Giăng trả lời, “Chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chẳng? Vì, về phần chúng tôi, không có thể chẳng nói về những điều mình đã thấy và nghe” (Công 4:19-20). Sau đó, cũng tương tự như tình huống đó các môn đồ trả lời, “Chúng tôi thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta” (Công 5:29).

Đọc Rô-ma 13:3-7 về sự mô tả của Phao-lô về một chính quyền công bằng. Chỉ có hai vai trò của chúng ta được nêu ra đây: (1) “khen ngợi” những ai làm tốt, và (2) “trừng phạt” những ai làm ác.

Sự thực hành hai chức năng này được nói ở đây trở thành lý do cho việc nộp thuế và tôn kính.

Chức năng chính của chính quyền như đã được nhấn mạnh bởi Phao-lô trong Rô-ma 13 là sự duy trì luật pháp và trật tự bằng vũ lực, chống lại những việc làm xấu và khích lệ việc làm tốt. Câu nói, “cầm gươm chẳng phải là vô cơ” dạy về sự cần thiết mang vũ khí vì có sự bình an và an toàn. “Sự bảo vệ, công bằng, công bình—tất cả những thứ này là trách nhiệm của nhà nước” (Carl McIntire). Vì vậy chủ nghĩa hòa bình cực đoan (nghĩa là, sự chống lại hành động vũ lực) là sai và chống lại Kinh Thánh. Sự hiệp lực của các quốc gia yêu chuộng hòa bình bằng vũ lực nhằm chống lại những sự xâm lược gian ác của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa khủng bố được tán thành hoàn toàn bởi Kinh Thánh.

Hơn nữa, nó sẽ là sai nếu chúng ta nghĩ rằng chính quyền không còn có những chức năng nào khác. Những dịch vụ công cộng cũng là một

phần của các chức năng của chính quyền trong thời Cựu Ước. Chúng ta đọc về vua Ê-xê-chia, “xây hồ chứa nước, và kinh dẫn nước vào trong thành” (II Các 20:20). Chúng ta có thể suy ra từ những cuộc truyền giáo của Phao-lô rằng ông đã chứng thực về chức năng của chính quyền Rô-ma trong việc xây dựng đường xá khắp đế quốc. Nếu Phao-lô chứng thực về hoạt động của chính quyền Rô-ma trong việc xây đường xá, chúng ta có thể tìm thấy một cơ sở về việc chính quyền đang gìn giữ những dịch vụ công ích khác.

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NHỮNG NHÀ CẦM QUYỀN TÔN GIÁO KHÔNG TIN KÍNH

Làm thế nào chúng ta có thể đáp ứng lại với những người cầm quyền tôn giáo không tin kính? Trong câu trả lời cho câu hỏi này, chúng ta có một ví dụ của Sứ Đồ Phao-lô trong Công Vụ 23:1-10. Phao-lô bị lôi ra trước mặt những người lãnh đạo tôn giáo những người đã đóng đinh Chúa Jê-sus. Ông đã không sợ hãi (Công 23:1-5). Chúng ta học từ Phao-lô để đứng vững trên lẽ thật, và chất vấn bất kỳ sự không công bằng nào. Chú ý rằng ông không nhượng bộ hay giữ im lặng khi đối diện với thủ tục vô pháp lý. Ông đã nói ra không úp mở trong sự quở trách. Tiên sĩ Carl McIntire đã khuyên bảo đúng đắn, “Phương cách để đối diện sự chống đối không phải là cầm nín nó lại hay làm lu mờ nó đi, nhưng phải trả lời nó.”

Trong việc chú giải Công Vụ 23:1-5, Calvin tranh luận rằng mạng lệnh “xoay má bên kia” (Mat 5:39), “Trong những từ này Đấng Christ không yêu cầu giữ yên lặng, nhờ đó sự gian ác và sự xác xược của kẻ ác có thể được nuôi dưỡng.” Đấng Christ, trong những hoàn cảnh tương tự (Giăng 18:19-23) cũng phản kháng lại sự đối xử bất hợp pháp. Điều này thật rõ ràng rằng Phao-lô, thậm chí khi bị ngược đãi như vậy, đi ra vì sự vâng lời nhà cầm quyền thực thi quyền hành hợp pháp. Ông trích từ sách Xuất Ê-díp-tô Ký với các từ, “như có chép

rằng,” như vậy ám chỉ, như Calvin đã chỉ ra, rằng sự vâng lời luật pháp là nguyên tắc sống của ông.

Trong Công Vụ 23:6-10, chúng ta thấy Phao-lô lợi dụng sự chia rẽ giữa những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê trong Tòa Công Luận. Bởi bằng chứng chân thật của ông, ông đã đặt hai bên chống nghịch với nhau. “Bèn kêu lên trước tòa công luận rằng: Hỡi anh em tôi là người Pha-ri-si, con của dòng Pha-ri-si. Ấy là vì sự trông cậy của chúng ta và sự sống lại của những kẻ chết mà tôi phải chịu xử đoán. Người vừa nói xong như vậy, thì sự cãi lầy nổi lên giữa người Pha-ri-si với người Sa-đu-sê, và hội đồng chia phe ra. Vì chung người Sa-đu-sê quyết rằng không có sự sống lại, cũng không có thiên sứ, thần chi hết, còn người Pha-ri-si lại nhận cả hai điều tin ấy.” Nó thật là một cách nói mang tính chiến lược tại một khoảnh khắc quyết định. Điều này theo sự chỉ dẫn được hà hơi của Chúa Jê-sus, “Khi người ta đem các người đến nhà hội, trước mặt quan án và quan cai trị, thì chớ lo về nói cách nào để bình vực mình, hoặc nói lời gì; bởi vì chính giờ đó Đức Thánh Linh sẽ dạy các người những lời phải nói” (Lu-ca 12:11-12).

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÁC NHÀ CẦM QUYỀN THẾ TỤC

Thái độ của Phao-lô với chính quyền La-mã được thấy trong việc kháng cáo quyền công dân La-mã cho sự bảo vệ trong vài trường hợp (Công 16:37-40, 22:25-29), và sự kháng cáo của ông cuối cùng tới Sê-sa (Công 25:10-12, 26:32). Phao-lô rõ ràng bày tỏ sự nhận thức sâu sắc về vai trò của chính quyền, dưới Đức Chúa Trời, trong việc gìn giữ luật pháp và trật tự và đẩy mạnh sự công bằng.

Sự tôn trọng của Phao-lô cho chính quyền được phản chiếu thêm nữa trong những thư tín của ông, “VẬY, trước hết mọi sự ta dặn rằng, phải khẩn nguyện, cầu xin, kêu van, tạ ơn cho mọi người, cho các vua, cho

hết thảy các bậc cầm quyền, để chúng ta được lấy điều nhân đức và thành thật mà ở đời cho bình tịnh yên ổn. Ấy là một sự lành và đẹp mắt Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta, Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật” (I Tim 2:1-4). Ông cũng chỉ dẫn Tít dặn nhắc nhở hội thánh “phải vâng phục những bậc cầm quyền chấp chánh, phải vâng lời các bậc ấy, sẵn sàng làm mọi việc lành” (Tít 3:1).

Phi-e-rơ cũng ra lệnh tương tự cho hội thánh phải vâng phục những bậc cầm quyền. “Vì có Chúa, hãy phục theo mọi phép tắc loài người lập lên, hoặc vua, như đáng rất cao, hoặc các quan, như người vua sai ra để phạt kẻ làm dữ và khen người làm lành. Vì anh em làm điều lành để ngăn miệng những kẻ ngu muội đại dốt, ấy là ý muốn của Đức Chúa Trời. Hãy ăn ở như người tự do, nhưng chớ dùng tự do làm cái màn che sự hung ác, song phải coi mình là tôi mọi Đức Chúa Trời. Hãy kính mọi người; yêu anh em [Cơ Đốc Nhân]; kính sợ Đức Chúa Trời; tôn trọng vua” (I Phi 2:13-17). Không nghi ngờ gì Phi-e-rơ đã nhớ lại những lời của Đấng Christ, “Vậy, hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời” (Mat 22:12).

Còn việc Nghĩa Vụ Quân Sự thì sao? Mọi vài người nghĩ về lời của Đấng Christ là không nên trả đũa khi bị sỉ nhục hay bị đánh đập cách cá nhân (Mat 5:38-39) nói lên việc ngăn cấm nghĩa vụ quân sự. Buswell nói rằng đây là một sự hiểu nhầm lời của Chúa Jêsus: “Nếu Sứ Đồ Phao-lô đã không thẳng thừng phủ nhận lời dạy của Đấng Christ khi ông nói rằng ấy là chức năng được Đức Chúa Trời ban cho chính quyền trong việc cầm gươm để chống lại chế độ xâm lăng, và cầm gươm “không phải là vô cớ,” thì chúng ta cũng đừng nên giải thích các lời của Đấng Christ trong Bài Giảng Trên Núi như là một sự giảng dạy có vẻ xa vời những gì mà các lời của Chúa Jêsus thật sự đã nói, cũng không nên tạo nên một sự đối lập nào không cần thiết nào như vậy. Sự sỉ nhục, hành động vô lý không công bằng với việc lấy đi cái áo choàng hoặc áo khoác, sự yêu cầu giúp đỡ vô lý từ một nhà

cầm quyền, việc mượn tạm vô lý của người hàng xóm, tất cả những điều này là những vấn đề mà một Cơ Đốc Nhân nên trở nên rời rạc vô cùng. Tôi tin chúng ta có thể chiếm được giá trị nhiều nhất từ Bài Giảng Trên Núi nếu chúng ta hiểu nó theo nghĩa đen trong ý nghĩa đơn giản và rõ ràng nhất. Nó không là quan trọng cho một Cơ Đốc Nhân chống lại hay bực tức về sự sỉ nhục hay bất kỳ sự xúc phạm cá nhân hoặc sự phiền phức nào.” Calvin nói có lý, “Sự khát khao trả thù cai trị trong mọi tín đồ, trong khi, mặt khác, Đức Chúa Trời cai quản con cái của Ngài bởi tình thân mềm mại và tốt bụng.”

Việc chính quyền cầm gươm chống lại sự xâm lược và những việc làm vô đạo đức là không có gì trái ngược với sự công bình.

HỘI THÁNH CÓ NÊN CÓ MỘT QUÂN ĐỘI?

Vào một lúc của bữa tiệc cuối cùng, Chúa Jêsus nói cùng các môn đệ của Ngài, “Nhưng bây giờ, ai có túi bạc, hãy lấy đi, ai có bao, cũng vậy; ai không có gươm, hãy bán áo ngoài đi mà mua.” Rồi Ngài được bảo, “Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây. Ngài phán rằng: Ấy là đủ” (Lu-ca 22:35-38).

Chúa Jêsus muốn nói điều gì khi Ngài bảo các môn đệ của Ngài mua một cây gươm, và rằng hai cây gươm là đủ? Điều này thật rõ ràng rằng Ngài không muốn nói rằng mỗi một người phải tìm một cây gươm thật, vì lúc đó là quá trễ vào buổi tối rồi. Đó là lý do tại sao Ngài nói hai thanh gươm là đủ. Hai cây gươm là đủ bởi vì Ngài không nghĩ về một cuộc cách mạng vũ trang chống lại chính quyền La-mã, nhưng chỉ cho sự bảo vệ cá nhân của các môn đệ của Ngài mà thôi.

Điều này là rành rành trong cuộc đối thoại của Chúa Jêsus với Phi-lát (Giăng 18:36). Chúa Jêsus ám chỉ về sự thật rằng những tội tớ của

Ngài không đánh trận và Ngài cũng không chỉ định họ đánh trận đặng phò thích Ngài. Chúa Jê-sus cũng khẳng định rằng vương quốc của Ngài không dấy lên bởi quyền lực thế gian ra từ sự sắp đặt trần tục. Đó là lý do tại sao khi Phi-e-rơ sử dụng thanh gươm cho sự tấn công thay vì phòng thủ, và Chúa đã quở trách ông một cách đúng đắn. “Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Hãy nạp gươm vào vỏ; vì hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết vì gươm. Người tưởng ta không có thể xin Cha ta lập tức cho ta hơn mười hai đạo thiên sứ sao?” (Mat 26:52-53).

Vậy nên, Hội Thánh không phải là một quốc gia. Nó không có đất đai để mà phòng thủ. Hội Thánh là một thân thể thuộc linh của Đấng Christ, và công việc của nó là một việc thuộc linh—rao giảng tin lành về sự cứu rỗi trong Đấng Christ cho nhân loại (Mat 28:18-20). Chúa Jê-sus đã mệnh lệnh hết thầy các tín đồ phải vác thập tự giá của họ, chứ không phải vũ khí. Chúa Jê-sus đã đến trước nhất đặng chịu đau khổ và chết cho tội lỗi của nhiều người, và những người theo Ngài được kêu gọi bước theo tấm gương của Ngài. Các Cơ Đốc Nhân phải rao giảng tin lành cho thế giới mặc cho sự bắt bớ hay sự chết đi chẳng nữa.

SỰ GIẢI QUYẾT NHỮNG VIỆC KIỆN TỤNG VÀ XUNG ĐỘT

Phải chăng I Cô-rinh-tô 6:1-11 dạy rằng một Cơ Đốc Nhân có quyền để kháng cáo lên tòa án dân sự đặng bảo vệ quyền hạn tài sản của anh ta? Chúng ta hãy tra cứu Kinh Thánh cẩn thận về điểm này. Phao-lô bắt đầu sự thảo luận, “Khi trong anh em ai có sự nghịch cùng người khác, sao dám để cho kẻ không công bình [những kẻ vô tín] đoán xét hơn là cho các thánh đồ?” (I Côr 6:1). Nó có thể được hiểu rằng Phao-lô không hoàn toàn tuyệt đối cấm đoán việc kiện tụng ra tòa án thế gian ở đây, thậm chí là trước những người vô tín. Nhưng, điểm mấu chốt của sự tranh luận của Phao-lô là các Cơ Đốc Nhân phải cố gắng hết sức để làm êm xuôi các việc tố tụng của họ trước những

người cùng niềm tin, không cần phải kháng cáo lên tòa án dân sự.

Phao-lô nói chi tiết thêm về sự đoán xét trong nội bộ hội thánh, “Anh em há chẳng biết các thánh đồ sẽ xét đoán thế gian sao? (xem Mat 19:28; Lu-ca 22:28-30) Ví bằng thế gian sẽ bị anh em xét đoán, thì anh em há chẳng đáng xét đoán việc nhỏ mọn hơn sao? Anh em chẳng biết chúng ta sẽ xét đoán các thiên sứ sao? Huống chi việc đời này! Vậy khi anh em có sự nghịch cùng nhau về việc đời này, sao lấy những kẻ không kể ra chi trong Hội thánh làm người xét đoán! Tôi nói thế làm cho anh em hổ thẹn. Ấy vậy, trong vòng anh em chẳng có một kẻ khôn ngoan nào phân xử được giữa anh em mình hay sao? Nhưng anh em kiện anh em, lại đem đến trước mặt kẻ chẳng tin!” (I Côr 6:2-6).

Những lời này hàm ý về sự đúng đắn của tòa án tổ chức bởi hội thánh nhằm chăm lo cho các việc tranh tụng giữa các Cơ Đốc Nhân về những điều mà không thể được giải quyết bằng cách thảo luận thông thường, thân mật, cá nhân. Chủ đề này cũng y như chủ đề mà Chúa Jê-sus giảng ở Ma-thi-ơ 18:15-17.

Các Cơ Đốc Nhân phải bằng lòng chấp nhận không một chút phần nản trước khi bước tới sự sửa sai. Điều này khớp với những lời dạy của Chúa Jê-sus trong việc xoay cái má còn lại cho người khác và luôn.

Kết hợp lời của Phao-lô trong I Cô-rinh-tô 6 và lời của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 18 lại với nhau, năm bước tiếp theo ở các Cơ Đốc Nhân về việc giải quyết các vấn đề tranh chấp với nhau phải được tuân theo. Bước đầu tiên là không cần phải tiến hành bước nào. Một Cơ Đốc Nhân nên bằng lòng xoay má bên kia của mình và nhận cái tát vào mặt, một sự phiền phức, thậm chí là việc mất đi của cái, hơn là khiến sự xáo trộn.

Nhưng cũng có nhiều trường hợp mà một người là một quản lý về tài sản của chính anh ta và của người khác, những trường hợp mà có thể sai và khiến sự mất mát thật lớn mà không có sự phản kháng nào.

Trong các trường hợp này một người phải: (1) bàn bạc với người làm sai đó cách riêng tư, sau đó, nếu không thành công, (2) đem một hoặc hai Cơ Đốc Nhân khác vào cuộc thảo luận, và để làm chứng. (3) Nếu bước thứ hai không thành công, hãy đem vấn đề đó ra trước tòa án hội thánh. (4) Nhưng nếu người xung là Cơ Đốc Nhân đó cứng lòng từ chối đàm phán và cứ tiếp tục trong cách cư xử mà gây hại cho những người bạn Cơ Đốc Nhân của anh ta, thì những lời của Đấng Christ, “hãy coi người đó như là người ngoại bang và kẻ thù” áp dụng. Điều này không có nghĩa là anh ta bị đối xử với ác tâm, nhưng đúng hơn là anh ta bị cắt phép thông công.

Có nhiều trường hợp ngoại lệ trong việc mà việc quản lý của sự sinh tồn hay tài sản cho chính chúng ta hay cho người khác là quan trọng đến nỗi nếu cuộc tranh luận đó không thể giải quyết trong vòng các Cơ Đốc Nhân, thì nó đành phải đem ra luật pháp của thế gian như việc kháng cáo của Phao-lô lên Sê-sa.

KINH TẾ THUỘC KINH THÁNH

Cơ sở thần học của sự giảng về kinh tế được đề cập trong Kinh Thánh được nhấn mạnh trong những từ ngữ, “Hãy lấy tài vật và huê lợi đầu mùa của con, mà tôn vinh Đức Giê-hô-va” (Châm 3:9). Phao-lô trong Ê-phê-sô 4:28 nêu lên hết thảy những yếu tố cần thiết của giáo lý đúng đắn về kinh tế trên nền tảng của Xuất Ê-díp-tô ký 20:15, “Kẻ vốn hay trộm cắp chớ trộm cắp nữa; nhưng thà chịu khó, chính tay mình làm nghề lương thiện, đừng có vật chi giúp cho kẻ thiếu thốn thì hơn.” Buswell chú giải, “Ở đây chúng ta có sự tiết kiệm, làm việc chăm chỉ, cần cù, 'Hãy chịu khó, chính tay mình làm nghề lương thiện.' Ở đây chúng ta có tài sản cá nhân, 'Đừng có vật chi.' Ở đây chúng ta có người quản gia Cơ Đốc, 'cho kẻ thiếu thốn.'”

Vì Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Dựng và Đấng Chu Cấp của chúng ta,

chúng ta phải nhận biết rằng tất cả những gì chúng ta có và chiếm hữu được coi như là cương vị quản lý hay sự ủy thác từ Đức Chúa Trời. “Đất và muôn vật trên đất, thế gian và những kẻ ở trong đó, đều thuộc về Đức Giê-hô-va” (Thi 24:1; được trích trong I Côr 10:26-28). “Các tầng trời thuộc về Đức Giê-hô-va; nhưng Ngài đã ban đất cho con cái loài người” (Thi 115:6).

Sự cần thiết để làm việc và sự lao nhọc cùng đi với nó phải được hiểu trong lẽ thật về ân điển phổ quát của Đức Chúa Trời cho loài người sa ngã. Theo Buswell giải thích rằng, “Khi tội lỗi đã vào trong thế gian, Đức Chúa Trời đã đưa ra một tiêu chuẩn đo lường về sự kỷ luật trong phạm trù kinh tế. 'Người phải làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn' (Sáng 3:19). Sự quan phòng kỷ luật này là một trong những thứ quan trọng nhất mà Đức Chúa Trời đã từng làm cho dòng dõi sa ngã tội lỗi. Sự cần thiết của sự làm việc chăm chỉ để kiếm sống cho gia đình là một trong những nhân tố chính trong đời sống điều mà khiến một người đàn ông không thể không quan tâm nhưng cần làm việc chăm chỉ hơn. Người cày cấy đất một cách chăm chỉ, hoặc người thịnh vượng nhờ sự chăm chỉ trong công việc của mình, thì không lấy bất cứ thứ gì từ người lân cận mình nhưng đúng hơn là góp phần vào những điều tốt hơn hết, và vào thanh danh cá nhân của chính anh ta.” Carl McIntire nói cũng có lý, “Dùng lao động để làm giàu, dùng lao động để thêm lợi tức, dùng lao động để xây quốc gia hoặc hội thánh.”

Những hội thánh của Tân Ước trong thời kỳ của các Sứ Đồ thực hành một kiểu mẫu của chủ nghĩa công xã (communalism, khác với CNCS-communism). Hội thánh Giê-ru-sa-lem đã thật sự không thể chu cấp cho chính mình. Họ bị thống khổ rất lớn vì có nạn đói và sự bắt bớ, và không phải vì sự lười biếng hay biếng nhác (Công 11:27-30, I Côr 16:1-3). Trong việc bày tỏ tình yêu thương Cơ Đốc, những hội thánh khác đã gọi sự giúp đỡ đến cho họ. Thật đây ý nghĩa khi thấy sự sẻ chia của chung trong hội thánh đầu tiên tự nguyện và chân thật, vì Phi-e-rơ đã nói với A-na-nia, “Nếu người chưa bán ruộng đó, há chẳng phải là của người sao? Khi bán rồi, há chẳng phải quyền ở

trong tay người sao?” (Công 5:4). Đã không có sự cưỡng bách hay ép buộc nào. Tất cả dâng hiến một cách tự nguyện, tùy thích, và vui vẻ. John Wesley miêu tả sâu sắc tinh thần từ thiện như thế khi ông nói, “Kiếm tiền nhiều nhất bạn có thể, tiết kiệm nhiều nhất bạn có thể, ban cho nhiều nhất bạn có thể.”

Quyển sách Châm Ngôn là một kho tàng của các nguyên tắc về kinh tế không thể sai lầm, “Hỡi kẻ biếng nhác, hãy đi đến loài kiến; hãy xem xét cách ăn ở nó mà học khôn ngoan. Tuy nó không có hoặc quan tướng, hoặc quan cai đốc, hay là quan trấn, thì nó cũng biết sắm sửa lương phạn mình trong lúc mùa hè, và thâu trữ vật thực nó trong khi mùa gặt” (Châm 6:6-8). “Con kiến dâu là loại yếu hèn, lo sắm sửa vật thực mình trong mùa hạ” (Châm 30:25). Buswell chú thích, “Thật là một bức tranh về một doanh nghiệp kinh tế! Không có kẻ cầm quyền, không quan lại nhưng với sự tự do vì mỗi công nhân tìm tòi và nghiên cứu trên óc sáng tạo của họ; một nền kinh tế đa dạng và phức tạp được phát triển bởi sự tiết kiệm và dành dụm. Những từ, 'không có hoặc quan tướng, hoặc quan cai đốc, hay là quan trấn,' không có ý nói về tình trạng vô tổ chức vì điều này không phải là trường hợp trong xã hội của loài kiến, nhưng chúng hàm ý về sự tự do sáng tạo không bị lệ thuộc vào sự giám sát hay sự bắt buộc nào.”

Kinh Thánh lên án tính tham lam, “Vì sự tham tiền là cội rễ của mọi điều ác” (I Tim 6:10). “Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa” (Mat 6:33). Và “sự tin kính cùng sự thỏa lòng, ấy là một lợi lớn” (I Tim 6:6). Đây là công thức của Đức Chúa Trời cho sự thịnh vượng và thành công: Sự Tin Kính + Sự Thỏa Lòng = Lợi Lớn. Điều này có nghĩa là chúng ta nên cố gắng để trở thành một điều phước chứ không nên là một gánh nặng cho những người khác.

Lao động là thiêng liêng. Đức Chúa Trời đã đặt để con người dưới một hệ thống của sự lao động cần thiết cho những phần thưởng kinh tế, và điều đó đem lợi ích cho chính anh ta và cho người khác nữa. Phao-lô hiểu sâu sắc điều này vì ông nói với những người Tê-sa-lô-

ni-ca, “Khi chúng tôi ở cùng anh em, cũng đã rao bảo cho anh em rằng: nếu ai không khứng làm việc, thì cũng không nên ăn nữa” (II Tê 3:10); “ráng tập ăn ở cho yên lặng, sẵn sóc việc riêng mình, lấy chính tay mình làm lưng, như chúng tôi đã dặn bảo anh em, hầu cho ăn ở với người ngoại cách ngay thẳng, và không thiếu chi hết” (I Tê 4:11-12). Sự giảng dạy của Phao-lô trong sự liên quan đến trách nhiệm của các cá nhân vì chính gia đình của người đó rất là mạnh mẽ, “Vì bằng có ai không sẵn sóc đến bà con mình, nhứt là không sẵn sóc đến người nhà mình, ấy là người chối bỏ đức tin, lại xấu hơn người không tin nữa” (I Tim 5:8; xem II Tê 3:12-14).

DÂNG MỘT PHẦN MƯƠI VÀ DÂNG HIẾN

Nguyên tắc đơn giản của việc dâng được phát biểu rõ ràng bởi Giacóp trong dịp mà ông đã đi vào mối quan hệ thuộc linh với Chúa, “và tôi sẽ nộp lại cho Ngài một phần mười mọi của cải mà Ngài sẽ cho tôi” (Sáng 28:22). Nguyên tắc thuộc linh của việc dâng một phần mười được chú ý đến trong đoạn cuối của Cựu Ước. “Các ngươi hãy đem hết thảy phần mười vào kho, hầu cho có lương thực trong nhà ta; và từ nay các ngươi khá lấy điều này mà thử ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán, xem ta có mở các cửa sổ trên trời cho các ngươi, đổ phước xuống cho các ngươi đến nỗi không chỗ chứa chẳng” (Mal 3:10).

Việc dâng hiến một phần mười của một người và việc dâng các của lễ tự nguyện được dạy trong Tân Ước. Với sự tham khảo về việc gom góp cho hội thánh ở Giê-ru-sa-lem, Phao-lô hướng dẫn, “Cứ ngày đầu tuần lễ, mỗi một người trong anh em khá tùy sức mình chất lót được bao nhiêu thì để dành tại nhà mình [theo tỉ lệ với] như Đức Chúa Trời đã làm cho người phát đạt, hầu cho khỏi đọi khi tôi đến rồi mới góp” (I Côr 16:2). Sau này, cũng cùng chung vấn đề đó, Phao-lô đã chỉ dẫn, “Hãy biết rõ điều đó, hễ ai gieo ít thì gặt ít, ai gieo nhiều

thì gặt nhiều. Mỗi người nên tùy theo lòng mình đã định mà quyên ra, không phải phân nần hay là vì ép uổng; vì Đức Chúa Trời yêu kẻ dâng của cách vui lòng. Đức Chúa Trời có quyền ban cho anh em đủ mọi thứ ơn đầy dẫy, hầu cho anh em hằng đủ điều cần dùng trong mọi sự, lại còn có rỗi rộng nữa để làm các thứ việc lành, như có chép rằng: Người đã rải ra, đã thí cho kẻ nghèo; sự công bình của người còn đời đời” (II Côr 9:6-9). “Những món quà mà chúng ta nhận từ nơi tay của Đức Chúa Trời phải trở thành những sự khuyến khích lòng biết ơn” (Calvin).

Chúng ta đã trung tín dâng một phần mười cho Đức Chúa Trời của những gì chúng ta kiếm được hay chưa? Khi Đức Chúa Trời cứu chúng ta từ sự hư mất hay chữa lành bệnh tật của chúng ta, chúng ta có cảm tạ Ngài với của lễ? Sự dâng hiến của chúng ta là một sự biểu lộ của lòng biết ơn và tình yêu của chúng ta cho Đức Chúa Trời.

Một điều chắc chắn rằng: Chúng ta không bao giờ dâng hơn Đức Chúa Trời ban cho, và Ngài không mắc nợ ai hết.

CƯƠNG VỊ QUẢN LÝ CỦA HỘI THÁNH

“Hội Thánh là một nhà hát cao quý tại nơi mà sự vinh hiển thiêng liêng được bày tỏ” (Calvin).

“Hội thánh hữu hình ... bao gồm tất cả những ai trên toàn thế giới xưng nhận một tôn giáo đúng, cùng với con cái của họ; và vương quốc của Chúa Jêsus Christ, ngôi nhà và gia đình của Đức Chúa Trời, ngoài nó ra không có một khả năng thông thường nào để có sự cứu rỗi” (Bản Xưng Nhận Đức Tin Wesminster).

Hội thánh hữu hình cũng được biết đến như là hội thánh địa phương. Hội thánh địa phương nên có khả năng nắm giữ tài sản vì mục đích thờ phượng. Những hội thánh địa phương thường kết hợp chặt chẽ

với luật pháp của nhà nước, và tổ chức bởi các ủy ban và các cơ quan có liên quan đến việc phân phát các nguồn tài chính. Có nhiều quốc gia cho phép những đoàn thể tôn giáo chưa có tư cách pháp nhân nắm giữ tài sản, và có nhiều trường hợp mà tài sản của hội thánh được nắm giữ trong danh của các cá nhân. Bất kể sự sắp xếp cụ thể nào đi chăng nữa, các hội thánh địa phương thấy nó là cần thiết dưới mọi hoàn cảnh đang được tổ chức tốt trong xã hội loài người để có thể nắm giữ tài sản như cương vị quản gia của Đức Chúa Trời.

Vì thế nó là cần thiết cho một hội thánh địa phương trong việc quản lý về tài sản của nó phải đúng đắn với luật pháp của địa phương đó và với những tiêu chuẩn được chấp nhận đúng nội quy trong sự quản trị của bất động sản, và những nguồn tài chính đã đầu tư và hiện thời. Những ai chịu trách nhiệm về tất cả tài sản hay nguồn tài chính phải nên tỉ mỉ trong việc thống kê ngân sách và đệ trình ra trước những nhà chức trách hợp quy tắc (xem Rôm 12:17, 13:13-14; II Côr 8:20-21; I Tê 4:12 và I Phi 2:12).

HỘI THÁNH TRONG CỰU ƯỚC

Hội Thánh trong Cựu Ước là Y-sơ-ra-ên. Mặc dù là một quốc gia nhưng Y-sơ-ra-ên đã sở hữu những đặc điểm của một hội thánh. Nó không chỉ là một thực thể chính trị, nhưng là một nhóm người “phân rẽ,” một dân “được chọn,” một hội chúng “được kêu gọi ra.” Nó một hội chúng được phân rẽ ra, chọn lựa và được kêu gọi ra để thờ phượng Đức Chúa Trời (Thi 22:22; Hêb 2:12). Ê-tiên nói về dân Y-sơ-ra-ên như là một “hội thánh [the church] trong đồng vắng” (Công 7:38–KJV). Y-sơ-ra-ên được hiểu theo nghĩa hẹp đã cư ngụ một vùng lãnh thổ cụ thể.

Một nét đặc trưng giống hội thánh của Y-sơ-ra-ên là điều khoản của sự cắt đứt phép thông công của những người vô tín trong đất nước

(xem I Côr 5:1-13). Cụm từ, “truất ra khỏi ngoài dân sự,” được tìm thấy thường xuyên trong Sách Ngũ Kinh, nói về việc loại bỏ những kẻ phạm luật của cộng đồng ra khỏi mỗi thông công và thờ phượng của một thân thể (Sáng 17:14; Xuất 12:15, 19; 30:33; 31:14; Lêv 7:20-21, 25, 27; 17:4, 10, 14; 18:29; 19:8; 20:3, 5,6, 17, 18; 22:3, 24; 23:29; Dân 9:13; 15:30-31; 19:13, 20).

Hội Thánh được tìm thấy rõ ràng trong Tân Ước. Mặc dù trong Tân Ước từ “dân” được sử dụng hai lần để miêu tả hội thánh, nó được dùng theo ý tượng trưng chứ không phải theo nghĩa đen. Khi Đấng Christ lên án Y-sơ-ra-ên vì sự vô tín của họ, Ngài nói, “Bởi vậy, ta phán cùng các ngươi, nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các ngươi, và cho một dân khác là dân sẽ có kết quả của nước đó” (Mat 21:43 - KJV). Những lời này có thể được hiểu như là sự báo trước về sự thay đổi bề mặt ngoài của sự quản trị từ hội thánh Y-sơ-ra-ên cho đến hội thánh như được tổ chức từ ngày Lễ Ngũ Tuần trở đi. Nếu điều này là đúng, thì từ “dân” được sử dụng một cách tượng trưng. Phi-e-rơ viết cho các Cơ Đốc Nhân ở Tiểu Á, “Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời, hầu cho anh em rao giảng nhân đức của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài” (I Phi 2:9). Trong ví dụ này cũng vậy nó thật rõ ràng rằng từ “dân” được sử dụng theo phép ẩn dụ. Buswell nói, “Hội thánh ngày nay không phải là một dân[quốc gia] trong bất cứ nghĩa đen nào của từ ngữ, nhưng nó là một dân [quốc gia] trước thời điểm của Đấng Christ.”

“Hội Thánh thuộc về Con của Đức Chúa Trời. Nó là của Ngài. Nó là Thân Thể của Ngài, Cô Dâu của Ngài. Ngài là Đầu của nó và là Vua của nó” (Carl McIntire).

SỰ PHÂN RẼ PHÙ HỢP KINH THÁNH

Sự phân rẽ là không phải là một sự chọn lựa nhưng là một mạng lệnh. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời ra lệnh dân Y-sơ-ra-ên giữ chính họ phân rẽ khỏi các quốc gia ngoại bang. Trong Phục Truyền 7:1-11, chúng ta đọc, “Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời đã dẫn ngời vào xứ mình sẽ nhận được, đuổi khỏi trước mặt ngời nhiều dân tộc ... và ngời đánh bại chúng, thì phải diệt hết chúng đi, chớ lập giao ước cùng, và cũng đừng thương xót lấy. Ngời chớ làm sui gia với chúng, chớ gả con gái mình cho con trai họ, cũng đừng cưới con gái họ cho con trai mình, vì các dân tộc này sẽ dụ con trai ngời lìa bỏ ta mà phục sự các thần khác, rồi con thành nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng ngời, diệt ngời cách vội vàng ... Vậy, khá cẩn thận làm theo những điều răn, luật lệ, và mạng lệnh mà ta truyền cho ngời ngày nay.”

Mạng lệnh về sự phân rẽ ở đây có cùng lối mệnh lệnh bắt buộc giống y như Mười Điều Răn. Sự vâng lời sẽ mang đến những phước hạnh, sự không vâng lời sẽ mang đến những sự rủa sả. Phục Truyền 22:9-10 đã áp dụng nó vào trong cuộc sống nông nghiệp hằng ngày của họ: “Chớ trồng vườn nho mình hai thứ con giâm, e hết thủy hoặc con giâm ngời đã trồng, hay là hoa lợi của vườn nho, đều thuộc về nơi thánh. Chớ cày bằng một con bò thặng chung với một con lừa.” Tại sao lại có một quy định chống lại việc pha trộn các hột giống và các thú vật như thế? Lý do là có tính giáo dục thuần khiết. Nó là phương cách thực hành của Đức Chúa Trời về sự giảng dạy cho dân Y-sơ-ra-ên trên nền tảng hằng ngày về ý nghĩa của một dân tộc phân rẽ của Đức Chúa Trời là gì (Phục 7:1-6). Mỗi lần họ cày ruộng của họ, họ sẽ được nhắc nhở về mạng lệnh của sự phân rẽ - “Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin” (II Côr 6:14). Họ không được quên giữ gìn chính họ phân rẽ và thánh khiết cho Đức Chúa Trời.

Không chỉ trong Cựu Ước, nhưng cũng ở trong Tân Ước, sự phân rẽ

là không phải là một sự chọn lựa nhưng là một mạng lệnh. Trong Tân Ước, mạng lệnh phân rẽ được nói rõ ràng trong II Cô-rinh-tô 6:14. Có vài mệnh lệnh ở đây: (1) “Chớ mang ách chung,” (2) “Hãy ra khỏi,” (3) “Hãy phân rẽ,” và (4) “Đừng đá đụng.” Không chỉ Hội Thánh được ra lệnh đừng phân rẽ khỏi những kẻ vô tín, nó cũng được ra lệnh phải phân rẽ khỏi những tín đồ không vâng lời.

Trong II Tê-sa-lô-ni-ca 3:6, 14 và 15, chúng ta đọc, “Hỡi anh em, nhân danh Đức Chúa Jê-sus Christ chúng ta, chúng tôi khuyên anh em phải lánh người anh em nào bước đi cách bừa bãi phóng đảng, và không bước theo các điều dạy dỗ mà anh em đã nhận lãnh nơi chúng tôi ... Ví bằng có ai không tuân theo lời chúng tôi nói trong thư này, thì hãy ghi lấy, chớ giao thông với họ, hầu cho họ nhận đó biết xấu hổ. Tuy vậy, chớ coi người đó như kẻ nghịch thù, nhưng hãy răn bảo người như anh em vậy.”

Liên quan đến những tín đồ sai phạm này, Phao-lô ra lệnh cho hội chúng, “chính anh em phải lánh,” nói về sự tránh xa và lãng xa. Phao-lô bảo những tín đồ chính họ hãy cắt bỏ hoàn toàn mối quan hệ với những Cơ Đốc Nhân đồng niềm tin người mà “bước đi cách bừa bãi phóng đảng.” Từ “disorderly” [bừa bãi phóng đảng] (*ataktos*) là một thuật ngữ quân sự được nói về một người đã “bước ra khỏi hàng ngũ.” Nói cách khác, người không vâng lời này không đứng trong hàng lối với “truyền thống” (*paradosin*) của các Sứ Đồ. “Truyền thống,” được sử dụng bởi Phao-lô nói về những sự giảng dạy của các Sứ Đồ của Chúa Jê-sus Christ, hoặc của Kinh Thánh (I Tê-s 2:13, II Tim 3:16). Phao-lô tiếp tục, “Ví bằng có ai không tuân theo lời chúng tôi nói trong thư này, thì hãy ghi lấy, chớ giao thông với họ, hầu cho họ nhận đó biết xấu hổ” (c 14).

Vì thế, bất cứ một thành viên nào mà không bước theo Lời của Đức Chúa Trời phải đối diện với một hành động kỷ luật của sự rút phép thông công khỏi hội thánh. Phao-lô nói với hội thánh “ghi lấy” cá nhân vi phạm đó và “chớ giao thông với người ấy.” “Tuy vậy, chớ coi người đó như kẻ nghịch thù, nhưng hãy răn bảo người như anh em

vậy.” Từ “răn bảo” (*noutheteo*) cũng có thể dịch là “chỉ bảo,” hay “dạy dỗ.” Điều này nói với chúng ta rằng sự rút phép thông công là vì mục đích sửa người tin đồ sai phạm đó để mà anh ta có thể ăn năn tội lỗi của mình, và được phục hồi vào mối thông công của Hội Thánh. Như vậy, hành động kỷ luật của sự phân rẽ là có tính cách xây dựng, chứ không phải là hủy diệt.

Những phân đoạn khác về sự phân rẽ là Rô-ma 12:1-2, 16:17, II Cô-rinh-tô 15:33, Ê-phê-sô 5:11, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:22, II Tê-sa-lô-ni-ca 3:6, 14-15, I Ti-mô-thê 6:3-5, II Ti-mô-thê 2:16-21, Tít 3:10, I Phi-e-rơ 1:14-16, II Giăng 7:11, Giu-đe 3, và Khải Huyền 18:4.

Giáo lý về sự phân rẽ là một giáo lý của sự bảo tồn. Giống như các bạch cầu trong cơ thể của chúng ta, chúng tìm kiếm và tiêu diệt bất cứ vi khuẩn hoặc vi-rút nào thâm nhập vào, sự phân rẽ gìn giữ Hội Thánh thánh khiết và thoát khỏi những giáo sư giả và những tà giáo.

Ai là người tin vào Kinh Thánh và bảo vệ Kinh Thánh? Ấy là Cơ Đốc Nhân người mà yêu mến Chúa và yêu mến Lời của Ngài 100%. Lẽ thật hiệp một, tình yêu phân rẽ (I Côr 13:6). Mỗi Cơ Đốc Nhân nên trở thành một người bảo vệ của đức tin. Một Cơ Đốc Nhân trung tín và chân thật tin vào các quy tắc cơ bản của Đức Tin và bảo vệ chúng. Nhằm để bảo vệ cho Đức Tin Cơ Đốc, Cơ Đốc Nhân phải phân rẽ chính mình khỏi mọi hình thức của sự vô tín và bội đạo.

PHẦN III

CỨU CHUỘC HỌC NHẬN BIẾT SỰ CỨU RỖI

JÊSUS CHRIST LÀ AI?

Trong Ma-thi-ơ 16:16, Chúa Jê-sus đã hỏi các môn đệ của Ngài, “Nhưng người ta nói Ta là ai?” Phi-e-rơ thưa rằng: “Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống” (Ma-thi-ơ 16:16).

Jê-sus Christ là một người quan trọng nhất trong lịch sử của nhân loại. Ngài là Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên và Đấng Cứu Thế của Hội Thánh Ngài. Tên của Ngài có ý nghĩa gì? “Jê-sus” nghĩa là “Đấng Cứu Thế,” và “Christ” nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu.” Ngài là Đấng Cứu Chuộc đã được hứa của chúng ta (Sáng 3:15). Theo Giáo Lý Vấn Đáp Wesminster Tóm Lược, “Đấng Cứu Chuộc duy nhất của sự chọn lựa của Đức Chúa Trời là Chúa Jê-sus Christ, là Con Đời Đời của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, và đã là vậy, và vẫn tiếp tục như vậy, Đức Chúa Trời và người trong hai bản chất riêng biệt, và một con người mãi mãi” (Câu hỏi 21).

Ấy là cốt lõi trong thần học Cơ Đốc điều mà con người lịch sử của Chúa Jê-sus Christ không ai khác hơn là Con Đời Đời của Đức Chúa Trời, ngang bằng trong bản chất và giống trong cốt lõi [thực chất] với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Thánh Linh. Giống như hai Ngôi còn lại của Ba Ngôi Thánh—Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh, Đức Chúa Con không có bắt đầu và không kết thúc. Ngài quả là một Đức Chúa Trời thật sự như Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời. Và khi Ngài trở thành người, Ngài cũng thật sự như con người giống như chúng ta.

Chúa Jê-sus đã được sanh vào trong thế gian này thông qua nữ đồng trinh Ma-ry. Con của Đức Chúa Trời đã được thụ thai và được sanh trong sự ứng nghiệm của lời tiên tri một cách siêu nhiên và một cách kỳ diệu, “Vậy nên, chính Chúa sẽ ban một điềm cho các người: này, một gái đồng trinh sẽ chịu thai, sanh ra một trai, và đặt tên là Em-manu-ên” (Ê-sai 7:14, Mat 1:23). Một sự thụ thai và sinh hạ đặc biệt duy nhất. Thiên sứ đã nói với Ma-ry, “Này, người sẽ chịu thai và sanh một

con trai” (Lu-ca 1:31), và nó đã xảy ra rằng “Trước khi họ (tức Giô-sép và Ma-ry) đến với nhau, thì người đã chịu thai bởi Đức Thánh Linh” (Mat 1:18). Ma-ry vẫn là một đồng trinh cho đến khi bà sanh hạ Jê-sus: “song [Giô-sép] không hề ăn ở với cho đến khi người sanh một trai, thì đặt tên là JÊ-SUS” (Mat 1:25).

Phép lạ siêu tự nhiên với Đức Chúa Trời trở thành người là một sự mâu nhiệm. Sự mâu nhiệm này có thể duy nhất được hiểu bởi sự lập luận lo-gic của đức tin - “Bởi đức tin chúng ta biết ...” (Hêb 11:3). Sự sinh đồng trinh phải được giải thích dựa theo Kinh Thánh, chứ không phải bởi khoa học. Bất cứ sự cố gắng nào giải thích theo khoa học là lộng ngôn.

JÊ-SUS VỪA LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ VỪA LÀ CON NGƯỜI

Trong Giảng 10, chúng ta tìm thấy kẻ thù của Đấng Christ từ chối lời phán của Jê-sus rằng Ngài là Đức Chúa Trời. Trong câu 30, Chúa Jê-sus đã nói, “Ta với Cha là một.” Điều này đã dẫn đến một sự phản ứng dữ dội: “Người Giu-đa lại lượm đá đặng ném Ngài” (c 31). Chúa Jê-sus đã trả lời sự hăm dọa của họ bằng cách nói, “Ta đã làm trước mắt các ngươi làm việc lành bởi Cha đến; vì việc chi mà các ngươi ném đá ta?” (c 32). Họ đã đáp lại, “Ấy chẳng phải vì một việc lành mà chúng ta ném đá ngươi, nhưng vì lỗi lộng ngôn: Ngươi là người, mà tự xưng là Đức Chúa Trời” (c 33).

Có thể con người bị khiển trách vì từ chối Jê-sus là Đức Chúa Trời? Chúa Jê-sus đứng ở đây, rõ ràng như một người - Ngài nói, Ngài thờ, Ngài đi, Ngài bày tỏ tất cả những nét đặc trưng của con người. Ngài còn nói, “Ta với Cha là một.” Chúa Jê-sus đã phán “Đức Chúa Trời là Thân Phụ mình, làm ra mình bằng Đức Chúa Trời” (Giăng 5:18). Ngài cũng đã nói “đặng ai nấy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính

Cha vậy.” Và Ngài cũng thêm, “Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến” (Giăng 5:23). Trong ý nghĩ của những kẻ thù Ngài, Ngài chỉ là một con người rành rành lại cho rằng là Đức Chúa Trời, ngang bằng với Đức Chúa Cha, không thể nào có thể là thật được; và vì thế sự tuyên xưng như vậy là phạm thượng rất lớn.

Sự trả lời của Chúa Jêsus trong dịp này mang một ý nghĩa lớn nhất. Nó là sự liên kết với giáo lý về hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người. Chúa Jêsus đã trả lời họ rằng, “Trong luật pháp của các người há chẳng chép rằng: Ta đã phán: Các người là các thần” (c 34). Chúa Jêsus trích Thi Thiên 82:6, và biện luận, “Nếu luật pháp gọi những kẻ [những người này] được lời Đức Chúa Trời phán đến là các thần, và nếu Kinh Thánh không thể bỏ được, thì ta đây, là Đấng Cha đã biệt ra thánh, và sai xuống thế gian, nói: Ta là Con Đức Chúa Trời, cơ sao các người cáo ta là nói lộng ngôn? ” (c 36).

Từ Thi thiên 82:6, Chúa Jêsus được chứng thực về sự hiện thân của Ngài (sự thật rằng Đức Chúa Trời có thể trở thành người) không phải là một khái niệm khó chấp nhận. Sự thật là con người có khả năng tiếp nhận Lời của Đức Chúa Trời về việc chứng thực có một bản chất tương đương giữa con người và Đức Chúa Trời. Được làm trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, con người giống với Đức Chúa Trời trong ý nghĩa thuộc linh. Vậy Đức Chúa Trời có thể trở thành con người thì không gì là không có thể. Và vì vậy, sự tuyên bố của Chúa Jêsus rằng Ngài chính là Đức Chúa Trời tất nhiên là không lộng ngôn. Với những bằng chứng chân thật là Ngài đã làm những công việc chỉ duy nhất Đức Chúa Trời mới có thể làm (c 35), sự khẳng định về thần tính của Ngài là chính xác hoàn toàn.

Chúa Jêsus không bao giờ có thể bị nghi vấn, Ngài phải được tin.

TÌNH YÊU CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG ĐÁNG CHRIST

Tình yêu của Đấng Christ cho chúng ta giống như là keo dán cao cấp. Chúng ta được dán mãi mãi vào Ngài.

Ấy là tình yêu của Đức Chúa Trời mà Ngài đã sai Chúa Jêsus Christ đến để cứu con người khỏi những tội lỗi của họ. Việc đến của Đấng Christ để cứu thế gian khỏi tội lỗi bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời. Sự bày tỏ tình yêu này được thấy trong Phi-líp 2:1-5 nơi Phao-lô khẩn nài, “Vậy nếu trong Đấng Christ có điều yên ủi nào, nếu vì lòng yêu thương có điều cứu giúp nào, nếu có sự thông công nơi Thánh Linh, nếu có lòng yêu mến và lòng thương xót, thì anh em hãy hiệp ý với nhau, đồng tình yêu thương, đồng tâm, đồng tư tưởng mà làm cho tôi vui mừng trọn vẹn. Chớ làm sự chi vì lòng tranh cạnh hoặc vì hư vinh, nhưng hãy khiêm nhường, coi người khác như tôn trọng hơn mình. Mỗi một người trong anh em chớ chăm về lợi riêng mình, nhưng phải chăm về lợi kẻ khác nữa. Hãy có đồng một tâm tình như Đấng Christ đã có.”

Con người được răn dạy để bày tỏ tình yêu cho người khác y như tình yêu được bày tỏ bởi Đấng Christ (c 2-4). Chúa Jêsus ở trong bản chất thật sự của chính Đức Chúa Trời (“ở trong hình ảnh của Đức Chúa Trời”). Khi Ngài đã trở thành người và sống trên đất Ngài đã không ngừng là Đức Chúa Trời, nhưng vẫn là Đức Chúa Trời hoàn toàn – toàn tại–toàn tri, và toàn năng.

Theo Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược định nghĩa những thuộc tính của Đức Chúa Trời như sau: “Đức Chúa Trời là thần, vô hạn, đời đời, và không thể thay đổi trong sự hiện hữu của Ngài, khôn ngoan, quyền năng, thánh khiết, công bình, tốt lành, và chân thật” (Câu hỏi 4). Khi Chúa Jêsus Christ lấy thân xác loài người, Ngài đã không mất tất cả những bản tính thiêng liêng đó như đã được biểu thị bởi những từ ngữ “trong hình ảnh của Đức Chúa Trời.”

Điều này được viết trong Cô-lô-se 2:9, “Vì sự đầy đầy của bốn tánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình. Anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy đầy mọi sự, vì Ngài là đầu của mọi quyền cai trị và mọi thế lực.” Nó cũng được viết lại trong một nơi khác, “Mọi người đều cho sự mầu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm: Đức Chúa Trời [God- theo KJV] đã được tỏ ra trong xác thịt, thì đã được Đức Thánh Linh xưng là công bình, được thiên sứ trông thấy, được giảng ra cho dân ngoại, được thiên hạ tin cậy, được cất lên trong sự vinh hiển” (I Tim 3:16).

Không có một nghi ngờ nào rằng Jêsus Christ là Đức Chúa Trời thật và Con Người thật trong một Con Người khi Ngài ở trên đất.

SỰ TIỀN HIỆN HỮU CỦA Đấng CHRIST

Chúa Jêsus có một khởi đầu của sự vô khởi đầu [“a beginning of no beginning”].

Jêsus Christ–Ngôi Hai trong Ba Ngôi của Đức Chúa Trời–đã và đang hiện hữu luôn luôn. Sự tiền hiện hữu [pre-existence] của Ngài được dạy trong Giăng 1:1-3. “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài.”

Phao-lô cũng nhấn mạnh tương tự rõ ràng về sự tiền hiện hữu của Đấng Christ trong Cô-lô-se 1:15-17, “Ấy chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được, là Đấng sanh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên. Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật thấy được, vật không thấy được, hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chánh, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà được dựng nên cả. Ngài có trước muôn vật, và

muôn vật đứng vững trong Ngài.”

Trong sách Khải Huyền, Chúa Jê-sus được bày tỏ như “An-pha và Ô-mê-ga, Sự đầu tiên và cuối cùng” (Khải 1:8, 11; 21:6; 22:13). Ngài là Đấng Vô Khởi (the Uncaused First Cause).

Chính Chúa Jê-sus đã nhấn mạnh một cách rõ ràng về sự tiên hiện hữu của Ngài trong lời cầu nguyện như Thầy Cả của Ngài, “Cha ôi! Bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể gian mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha” (Giăng 17:5). Ngài luôn luôn ám chỉ đến chính Ngài cách tin chắc “đã đến từ nơi Cha.” Ngài đã nói với đoàn dân về sự cất lên của Ngài đến “nơi Ngài vốn ở khi trước” (Giăng 6:62). Ngài phán một cách quả quyết về sự tiên hiện hữu của Ngài trong Giăng 8:56-58, “Cha các ngươi là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của Ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ. Người Giu-đa nói rằng: Thầy chưa đầy năm mươi tuổi, mà đã thấy Áp-ra-ham! Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có Ta.” Khi Jê-sus ám chỉ đến chính Ngài như Đấng TA LÀ, là Ngài đang quả quyết Ngài chính là Đức Giê-hô-va (Xuất 3:14-15).

SỰ TỰ HẠ MÌNH CỦA Đấng CHRIST

Con của Đức Chúa Trời đã trở thành một con người hoàn toàn ngoài sự chọn lựa của chính Ngài. Ngài đã trở thành con người một cách tự nguyện để Ngài có thể cứu loài người. Ngài “chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người; Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (Phi-líp 2:7-8).

Chúa Jê-sus sở hữu sự bình đẳng với Đức Chúa Trời trước khi Ngài trở thành người. Sự bình đẳng của Ngài với Đức Chúa Trời không

phải là điều mà Ngài cần giành lấy. Nó là của Ngài từ cõi đời đời. Và khi Ngài trở thành người, Ngài đã không từ bỏ bản chất là Đức Chúa Trời.

Nếu như vậy, thì những gì Jê-sus đã bỏ lại đằng sau để lấy thân xác loài người? Phải, Ngài đã mặc cho chính Ngài “hình của một tội tở” (đó là tất cả những thuộc tính của một người đầy tở), và đã được làm “giống như loài người” (đó là trong tất cả những thuộc tính của một con người).

Những gì Chúa Jê-sus đã từ bỏ không phải là thần tánh của Ngài, nhưng địa vị làm vua của Ngài. Ngài lìa ngai của Ngài trên thiên đàng để trở thành một người đầy tở trên đất. Ngài đã làm vậy để Ngài có thể chết trên thập tự giá thay cho tội nhân (Hê-b 2:14).

Trên sự hoàn thành thắng lợi của sứ mạng cứu chuộc của Ngài, Chúa Jê-sus đã trở về trong vương quốc thiên đàng và vinh hiển của Ngài với tình trạng vừa là Đức Chúa Trời vừa là Con Người. Bây giờ, tất cả những ai ước muốn vào thiên đàng phải quỳ lạy Ngài. Con đời đời của Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc duy nhất của loài người (Giăng 14:6).

“Mọi lưỡi thầy xưng Jê-sus Christ là Chúa” (Phi-líp 2:11). Từ “Chúa” là một sự ám chỉ đến Đức Giê-hô-va hay Đức Gia-vê. Không ai có thể từ chối được rằng Jê-sus thật sự mang một danh thiêng liêng được ban cho Ngài trong Kinh Thánh Cựu Ước, một danh cao trên hết mọi danh. Chỉ có mình Chúa Jê-sus cứu rỗi.

Sự tán dương của Đấng Christ sau công tác cứu chuộc trên đất của Ngài không nên xem như một “sự thăng chức.” Ý nghĩ như vậy sẽ hoàn toàn mâu thuẫn với thần tánh đời đời của Ngài. Sự tán xưng của Ngài đơn giản là một sự tiếp tục lại của sự bình đẳng đời đời vốn có của Ngài với Đức Chúa Trời.

SỰ TÁN DƯƠNG ĐỜI ĐỜI CỦA ĐẢNG CHRIST

Jêsus Christ là Chúa được tôn cao đời đời. Ngài đã được “tôn cao” trước sự hạ mình thành con người. Ngài đã ở đó “lúc ban đầu.” Ngài “đã đặt nền móng trái đất.” Các “bầu trời” đã làm ra bởi tay của Ngài. Hê-bơ-rơ 2:10 lặp lại Sáng thế ký 1:1, “Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời và đất.”

Nếu Đảng Christ không phải là Con Đời Đời của Đức Chúa Trời, thì Ngài không bao giờ có thể dâng chính mình Ngài như một của lễ đầy trọn cho mọi người. Chỉ duy nhất Cứu Chúa của chúng ta—Jêsus Christ—mới có thể trở thành sự công bình của chúng ta. Ngài là “Đức Gia-vê, sự công bình của chúng ta.” Chỉ một mình Ngài có thể giành được sự công bình điều mà chúng ta cần phải có để bước vào thiên đàng.

Đảng Christ cũng thật sự là Con của loài người, và con người hoàn toàn. Khi Ngài trên đất, Ngài đã thật sự bị lệ thuộc vào tất cả những kinh nghiệm của con người ngoại trừ sự phạm tội ở bất cứ thời điểm nào. Đó là tại sao chúng ta có thể được khích lệ “Vi chúng ta không có thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thương sự yếu đuối chúng ta, bèn có một thầy tế lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội” (Hêb 4:15). Trong con người hoàn hảo và vô tội của Ngài, Ngài đã trở thành Đảng Chủ Tể (*Captain, ctd. Người Cầm Đầu*) sự cứu rỗi của chúng ta (Hêb 2:10) vì “Dầu Ngài là Con, cũng đã học tập vâng lời bởi những sự khốn khổ mình đã chịu, và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi, thì trở nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài” (Hêb 5:8-9).

Không có một sự mâu thuẫn nào trong 100% thần tánh và 100% nhân tánh của Đảng Christ. Đức Chúa Jêsus đã không ngưng là Đức Chúa Trời khi Ngài trở thành con người. Khi Ngài ở trên đất, Ngài đã hành động một cách hoàn hảo tùy theo thần tánh cũng như nhân tánh của Ngài. Thần tánh của Ngài đã không mâu thuẫn với nhân tánh của

Ngài trong bất kỳ phương diện nào cũng như nhân tính của Ngài cũng không mâu thuẫn với thần tánh của Ngài. Một Con Người với hai bản tánh, Đấng Christ đã cư xử chính Ngài trong sự hài hòa tuyệt hảo như Đức Chúa Trời—Con Người. Khi Ngài ở trên đất, Ngài đã hoàn thành những gì Ngài đã luôn dự định để hoàn thành thậm chí trước khi thế gian bắt đầu.

Chúng ta tìm được nguồn an ủi trong một Đấng Cứu Rỗi Hoàn Hảo như vậy. Con người có thể thay đổi và thất hứa với chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời thì không. Ngài không bao giờ thay đổi, và luôn luôn giữ lời hứa của Ngài—“Đức Chúa Jêsus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi” (Hêb 13:8).

ĐÁNG CHRIST ĐÃ SỐNG LẠI THẬT SỰ

“Sự phục sinh là điểm quan trọng bậc nhất của phúc âm” (Calvin).

Chúa Jêsus là ai và những gì Ngài đã phán đã thành hiện thực. Điều này được chứng minh bởi sự thật rằng Ngài đã sống lại từ cõi chết như Ngài đã nói. Sự sống lại của Đấng Christ là một sự thật của lịch sử không thể bàn cãi được. Khẩu hiệu, *Christus vere resurrexit*, “Đấng Christ đã sống lại thật sự,” đã trở nên một tâm điểm cho niềm tin Cơ Đốc và bằng chứng xuyên qua các thời đại.

Sự sống lại của Đấng Christ được tường thuật một cách tuyệt đối trong Kinh Thánh Tân Ước (I Côr 15:1-23). Tân Ước được viết vào niên đại đầu tiên của chúng ta. Nó được viết trong khoảng thời gian của phong trào Cơ Đốc đã được tổ chức với nhiều đoàn thể được gọi là “các hội thánh” trong những thành phố lớn của thế giới của người La Mã. Nó đã được viết bởi những người tin nhận Jêsus Christ đã sống lại từ cõi chết một cách tuyệt đối. Họ tin rằng phần mộ của Ngài đã trống rỗng và Ngài đã hiện ra trong hình dạng có thể thấy được y

như thân thể mà Ngài đã chịu thương khó trên thập tự giá.

Tân Ước không cố gắng chứng minh về sự sống lại của Chúa Jêsus. Sự sống lại của Chúa Jêsus đã là một sự kiện được biết đến một cách công khai. Nó đã được thừa nhận là thật. Không ai đã biết những sự thật rồi mà cố thể nghi ngờ giá trị của sự thật đó. Trong thời đó, sự phục sinh phải được rao báo chứ không phải được chứng minh.

Trong thời đó, đã có một sự cố gắng để phủ nhận sự thật về sự phục sinh của Đấng Christ như được ký thuật trong Ma-thi-ơ 28:11-15.

Những kẻ thù của Đấng Christ đã bịa đặt một câu chuyện rằng các môn đồ đã lấy trộm xác của Ngài vào ban đêm khi những lính canh đang ngủ! Tất nhiên Ma-thi-ơ đã không phí thời gian để bác lại một lý lẽ như vậy (Mat 28:16-20). Nó dường như là lý lẽ trái ngược duy nhất lan truyền lúc bấy giờ (Mat 28:15).

Tuy nhiên, sự thật về sự phục sinh đã được công bố rộng rãi. Những nhà viết kinh đã có mọi sự tự tin về bằng chứng của họ về sự phục sinh của Đấng Christ không thể bị thách thức hoặc bác bỏ được.

Sự phục sinh đã xảy ra như Kinh Thánh nói. Chắc chắn những kẻ phạm tội lừa gạt tôn giáo, hoặc những kẻ đang theo đuổi những ảo giác thì không có khả năng về sự trình bày văn chương giống như thế này. Tự Tân Ước là bằng chứng hiển nhiên về Đấng Christ đã sống lại từ cõi chết.

“BỞI NHIỀU BẰNG CHỨNG KHÔNG THỂ SAI LẦM”

Phong trào Cơ Đốc đã tồn tại trên thế giới, và vẫn còn tồn tại, chỉ có trên nền tảng của lẽ thật ấy là Jêsus Christ đã chết trên thập tự giá và đã sống lại từ cõi chết. Vào năm 30 TC hầu như không có một hội thánh Cơ Đốc nào là một phong trào đáng chú ý trong xã hội loài người. Cho đến năm 40 SC và sau đó không lâu, những hội Cơ Đốc được gọi là “các hội thánh” đã được thành lập trong những thành phố lớn của thế giới La Mã. Những tư liệu Cơ Đốc bắt đầu xuất hiện, và những tên của Cơ Đốc Nhân đã được thấy khắc ghi trong các nghĩa trang. Trong một cách lạ lùng, phong trào Cơ Đốc đã quét sạch toàn bộ Đế Quốc La Mã trong khoảng chừng 300 năm.

Làm thế nào phong trào Cơ Đốc đã bắt đầu? Sự kỳ thuật vô ngộ của các Phúc Âm và Công Vụ Các Sứ Đồ đã khải tỏ rằng Cơ Đốc Giáo bắt đầu bởi đức tin trong sự thật lịch sử của sự chết, sự chôn, và sự sống lại của Đấng Christ trong sự ứng nghiệm của Kinh Thánh (I Côr 15:1-4). Khi Chúa Jêsus chết, nhóm nhỏ các môn đệ của Ngài đã bị tan lạc và lẫn trốn. Những hy vọng của họ đã hoàn toàn bị tiêu tan và được chứng mình bởi chính nỗi thất vọng hoàn toàn của họ. Con người không miêu tả chính họ trong thuật ngữ một cách hư cấu như vậy. Họ nói “Chúng tôi trông mong Ngài sẽ cứu lấy dân Y-sơ-ra-ên” (Lu-ca 24:21), nhưng bây giờ Ngài đã chết và tất cả hy vọng đã không còn nữa.

Sự thay đổi một cách đột ngột của các Cơ Đốc Nhân trong ý chí và tinh thần, và đã đối diện thế giới với một bằng chứng can đảm và tự tin về điều mà không bao giờ tàn lụi. Việc Jêsus Christ đã sống lại từ cõi chết là một sự thật đã được chứng nhận “bằng nhiều bằng chứng không thể sai lầm” (Công vụ 1:3). Một sự tồn tại thật sự của phong trào Cơ Đốc ngay ngày hôm nay là một bằng chứng rõ ràng quan trọng về Ngài đã sống lại thật sự.

Một bằng chứng khác cho sự phục sinh của Đấng Christ là, trước thời gian của Đấng Christ, ngày thờ phượng của người Do Thái là ngày thứ bảy của tuần lễ; nhưng hội thánh Cơ Đốc, ngay lập tức sau sự phục sinh, đã bắt đầu thờ phượng Đức Chúa Trời trong ngày đầu tiên của tuần lễ. Đó là vì ngày đầu tiên của tuần lễ là ngày Chúa phục sinh, và được biết đến như là “Ngày của Chúa” (Giăng 20:1, 19, xem Công vụ 20:7, I Côr 16:2, Khải 1:10).

SỨC SỐNG PHỤC SINH

Một bằng chứng khác về sự phục sinh của Chúa Jêsus là sự thật về những đời sống được thay đổi. Khi một linh hồn đổ vỡ và tội lỗi đặt sự tin cậy của nó vào trong Chúa Jêsus Christ, người ấy sẽ kinh nghiệm một quyền năng biến đổi điều được gọi là “sức sống phục sinh.” Nếu Chúa Jêsus chỉ chết mà thôi, thì sự chết đã chiến thắng Ngài; nhưng nếu Chúa Jêsus chết và đã sống lại thì sự chết của Ngài là một sự chiến thắng. Khi một người tin trong Jêsus Christ như Đấng Cứu Rỗi của riêng mình thì anh ấy sống một đời sống mới bởi quyền năng được truyền cho anh ấy bởi sự sống lại của Chúa của anh ta. Như Phao-lô diễn đạt nó, “Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-têm trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy” (Rô-ma 6:4). Phép lạ của những đời sống được thay đổi này dựa trên niềm tin trong Chúa Jêsus Christ như đã được thấy trong các thánh đồ ngày xưa và trong những kẻ tin ngày nay là không thể giải thích được nếu Chúa Jêsus chỉ chết và đã không sống lại. Thật Ngài đã sống lại như Ngài đã phán.

Tất cả bốn sách Phúc Âm trong Tân Ước nói với chúng ta về sự phục sinh của Chúa Jêsus. Những Phúc Âm này được viết cùng thời với Chúa Jêsus trong lúc nhiều người là những người có sự hiểu biết cá nhân về những sự thật được nối liền với sự sống, sự chết của Ngài,

phải còn sống trong thời đó. Cho tới năm 170 SC, Bốn Sách Phúc Âm đã được truyền bá rộng rãi trong thế giới La Mã không chỉ là những quyển sách thuộc cá nhân, nhưng cũng như là một sự "cộng quan" độc nhất. Tatian đã gộp tất cả Bốn Sách Phúc Âm thành một, và gọi nó là *The Diatessaron*. Vì vậy, nó không thể bị khước từ rằng Bốn Sách Phúc Âm đã được viết, được truyền bá rộng rãi, được chấp nhận bởi hầu hết mọi người, và đã được gộp lại làm một sự cộng quan của các phúc âm vào năm 170 SC (sau sự chết của Chúa Jêsus 140 năm). Tên của quyển sách cộng quan của Tatian, *The Diatessaron*, cho rằng mọi người đều có thể hiểu được. Tatian sẽ không bao giờ dùng cái tên đó nếu ông không thừa nhận rằng tất cả mọi người đã biết Bốn Sách Phúc Âm mà ông đã hòa hợp với nhau.

Tất cả bốn Phúc Âm trong Tân Ước được viết từ rất sớm, trong khoảng thế kỷ đầu tiên, sau khi Chúa Jêsus chết và sống lại. Chúng ta có thể nói với sự quả quyết rằng không một học giả Tân Ước nào có thể từ chối rằng Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng đã được viết trong thế hệ của những người cùng thời của Chúa Jêsus, đó là, khi phải có nhiều người còn sống là những người quen thuộc với sự thật đó. Ma-thi-ơ được viết vào khoảng năm 40 SC, Mác 45 SC, Lu-ca 50 SC, và Giăng 85 SC.

TỪ KẼ BẮT BÓ ĐẾN NGƯỜI TRUYỀN GIẢNG

Sau-lơ người Tạt-sơ là một người Do Thái lỗi lạc, và được huấn luyện một cách kỹ lưỡng thuộc về tầng lớp học giả Do Thái. Ông đã ghét Hội Thánh Cơ Đốc và đã tìm cách hủy diệt nó. Nhưng bất thành linh, ông đã trở thành một người truyền giảng vĩ đại nhất về Đức Tin Cơ Đốc, và một giáo sĩ vĩ đại nhất của Hội Thánh Cơ Đốc (Công Vụ 22:3-21). Ông cũng trở thành tác giả của ít nhất 13 trong 27 sách trong Tân Ước.

Điều gì đã đem đến sự biến đổi đột ngột và lạ lùng này? Sau-lơ đã làm chứng rằng sự thay đổi triệt để về quan điểm của ông là bởi vì khả năng siêu nhiên không cưỡng lại được về Christ Phục Sinh. Qua kinh nghiệm này, ông đã được thuyết phục rằng Đấng Christ đã sống lại từ cõi chết. Ông đã một thuở mù lòa, nhưng bây giờ ông đã thấy. Sự phục sinh của Đấng Christ là sự thật, không phải là điều hư cấu. Thật vậy, nó có quyền năng để thay đổi một con người trở nên tốt hơn, thậm chí một kẻ ghét Cơ Đốc Giáo như Sau-lơ.

Sau-lơ kẻ bắt bớ đã trở thành Phao-lô người truyền đạo. Ông đã đi giảng Phúc Âm và thành lập những Hội Thánh. Phương pháp của ông trước tiên là giảng trong nhà hội của người Do Thái, giải thích những lời tiên tri của Cựu Ước về Đấng Mê-si-a rằng Jêsus thật sự là Đấng Christ Đấng đã được hứa đã đến, Đấng đã chết và đã sống lại. Đấng Christ đã sống lại từ cõi chết đó là điểm then chốt trong sứ điệp (I Côr 1:17, 15:1-4).

Đúng ra phải có những kẻ đối địch nghe sự giảng dạy của Phao-lô sẽ cố gắng hết sức mà họ có thể dặng bác bỏ lại sự rao giảng của ông. Nhưng không một ai có thể làm được điều đó. Nếu lời chứng của Phao-lô về sự phục sinh của Đấng Christ có thể dễ dàng bị bác bỏ thì các hội thánh mà ông đã thành lập sẽ không sống sót và hưng thịnh nổi nhiều năm sau sự chết của ông.

Mọi tín đồ thật của Chúa Jêsus Christ sẽ được kinh nghiệm quyền năng về sự phục sinh của Ngài trong đời sống của người đó. Lẽ thật của sự phục sinh là được kinh nghiệm tốt hơn là được giải thích.

**ĐỨC CHÚA TRỜI HOÀN TOÀN
VÀ CON NGƯỜI HOÀN TOÀN**

**LỊCH SỬ ĐẦU TIÊN CỦA GIÁO LÝ VỀ CON NGƯỜI VÀ
NHỮNG BẢN TÁNH CỦA ĐÁNG CHRIST**

Nhóm Người	Thời gian	Phân Đoạn	Nhân tánh	Thần tánh
Docetists	Cuối TK I	I Giăng 4:1-3	0%	100%
Ebionites	Thế kỷ II	Irenaeus, v.v.	100%	0%
Arians	Thế kỷ IV	Kết án bởi Nicaea, 325	100%	50%
Apollinarians	Thế kỷ IV	Kết án bởi Constantinople, 381	50%	100%
Nestorians	Thế kỷ V	Kết án bởi Ephesus, 431	100% (con người phân rẽ)	100% (con người phân rẽ)
Eutychians	Thế kỷ V	Kết án bởi Chalcedon, 451 và Constantinople, 680	50%	50%
Orthodox	Từ ban đầu	Được định nghĩa bởi Chalcedon, 451	100%	100%

Ở bốn thế kỷ đầu, Thân Vị của Đấng Christ bị công kích. Những quan điểm sai lầm của thuyết Docetism, Ebionism, Arianism, Appollinarinism, and Eutychianism tất cả đều bị kết án là tà giáo bởi Hội Thánh ở những thế kỷ đầu.

Trong Hội Nghị của Chalcedon (451 SC), quan điểm phù hợp lịch sử Cơ Đốc và Kinh Thánh cuối cùng được tuyên bố rõ: Đấng Christ là một Con người với một bản tánh siêu phàm hoàn toàn và một bản tánh con người hoàn toàn, và những bản tánh của Ngài không có sự pha trộn, không thay đổi, không phân chia, không chia cắt.

Ngoài Giăng 1:1 và 14, giáo lý về Jêsus Christ là 100% Đức Chúa Trời và 100% Con Người được dạy rõ ràng trong Cô-lô-se 2:9 “Vì sự đầy đầy của bản tánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình” và I Ti-mô-thê 3:16, “Mọi người đều cho sự mâu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm: Đức Chúa Trời [KJV] đã được tỏ ra trong xác thịt.”

Jêsus Christ là một Con Người Thật, chỉ duy có một mình Ngài vừa là Đức Chúa Trời 100% và Con Người 100%.

SỰ VÔ TỘI CỦA Đấng CHRIST

Tất cả con người đều thừa hưởng tội lỗi nguyên thủy của A-đam bởi dòng dõi tự nhiên và sinh ra trong tội lỗi vì ông ấy người cha đầu tiên và người đại diện của chúng ta. Jêsus Christ, mặt khác, không sinh ra trong tội lỗi. Điều này bởi vì sự thụ thai và sinh nở đồng trình của Ngài. Như vậy Ngài không can hệ hay đại diện tội lỗi nguyên thủy của A-đam. Ngài cũng không chịu ảnh hưởng tội lỗi của sự phạm tội của A-đam. Trong sự ra đời của Ngài Ngài đã được bảo vệ một cách siêu nhiên khỏi sự ô uế và sự hư hoại của tội lỗi. Lời hứa đã dành cho Mary, “Đức Thánh Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền phép Đấng Rất

Cao sẽ che phủ người dưới bóng mình, cho nên con thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời” (Lu-ca 1:35).

Đấng Christ không chỉ vô tội trong lúc sanh ra, mà Ngài cũng vô tội trong suốt đời sống của Ngài trên đất. Ngài có thể thách đố những kẻ thù của Ngài, “Trong các người có ai bắt ta thú tội được chăng?” (Giăng 8:46). Giăng ám chỉ Ngài như “Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Đấng công bình” (I Giăng 2:1). Và Giăng chú thích, “Ai có sự trông cậy đó trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài là thanh sạch” (I Giăng 3:3). Phi-e-rơ nhấn mạnh ý tưởng tương tự, “Đấng Christ cũng đã chịu khổ cho anh em, để lại cho anh em một gương, hầu cho anh em noi dấu chân Ngài; Ngài chưa hề phạm tội, trong miệng Ngài không thấy có chút chi dối trá” (I Phi-e-rơ 2:21-22). Trong tất cả những thử thách của Ngài trên đất, Ngài là “vô tội” (Hêb 4:15).

Đấng Christ cũng vô tội ngay thời điểm của sự chết của Ngài, lúc chuộc tội. Như một của lễ hoàn hảo cho tội lỗi của chúng ta, Chúa Jêsus phải trở thành Chiên Con của Đức Chúa Trời không vết và không chỗ trách. Phao-lô viết, “Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời” (II Côr 5:21). Tương tự Phi-e-rơ cũng dạy, “vì anh em biết rằng chẳng phải bởi vật hay hư nát như bạc hoặc vàng mà anh em đã được chuộc khỏi sự ăn ở không ra chi của tổ tiên truyền lại cho mình, bèn là bởi huyết báu Đấng Christ, dường như huyết của chiên con không lỗi không vít” (I Phi-e-rơ 1:18-19)

CHIÊN CON HOÀN HẢO CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Jêsus Christ là thầy Tế Lễ Cả của Đức Chúa Trời và cũng là Chiên Con của Đức Chúa Trời. Chiên con không vết Cựa Ước, “không tì vết” được yêu cầu cho Lễ Vượt Qua (Xuất 12:5) chỉ đến sự chuộc tội điều mà được hoàn thành bởi Đấng Christ. Tương tự, như thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Ngài phải không bị tật nguyên: “Ấy đó thật là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta có cần dùng, thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội, được cất lên cao hơn các tầng trời: không như những thầy tế lễ thượng phẩm khác [ngày xưa], cần phải hằng ngày dâng tế lễ, trước vì tội mình, sau vì tội dân; Ngài làm việc đó một lần thì đủ cả, mà dâng chính mình Ngài làm tế lễ. Vì luật pháp lập những người vốn yếu đuối làm thầy tế lễ thượng phẩm; nhưng lời thề [Thi 110:4] có sau luật pháp thì lập [chọn] Con, là Đấng đã nên trọn lành đời đời” (Hêb 7:26-28).

Một cách rõ ràng rằng sự vô tội của Đấng Christ là một thuộc tính điều mà cốt yếu tuyệt đối đối với của lễ chuộc tội điều mà Ngài đã hoàn thành trên thập tự giá trên Gô-gô-tha. Sự vô tội của Ngài xuyên suốt cả cuộc đời của Ngài khi Ngài vâng phục một cách trọn vẹn luật pháp thánh của Đức Chúa Trời được gọi là “sự vâng lời chủ động” [active obedience] của Ngài. Ngài phải sống một đời sống trọn vẹn trước khi Ngài có thể dâng chính Ngài như một của lễ trọn vẹn. Chiên Con đối với tôi là Sự Công Bình.

Chúa Jêsus Christ phải chiến thắng tất cả mọi thứ thử thách và những cám dỗ vì có giành lấy sự công bình điều mà chúng ta cần để bước vào thiên đàng. Hê-bơ-rơ 4:15 nói rõ ràng, “Vì chúng ta không có thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thương sự yếu đuối chúng ta, bèn có một thầy tế lễ bị thử thách [bị cám dỗ, bị thử nghiệm] trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội.” Những sự thử thách và những sự cám dỗ Đấng Christ đã đối diện là thật sự, Ngài lại còn trải qua tất cả chúng nhưng không bao giờ phạm tội. Ngài đã

không bao giờ phạm tội ở bất kỳ thời gian nào trong ý nghĩ, lời nói, hay việc làm của Ngài.

Nhiều lần khi chúng ta bị cám dỗ, chúng ta đã phạm tội trong suy nghĩ của chúng ta rồi hoặc trong tâm lòng thậm chí trước khi thực hiện hành động phạm tội. Thật là quan trọng để hiểu rằng Chúa Jêsus không bao giờ biết tội lỗi trong bất cứ cách nào, vì trong Ngài không có tội lỗi chi hết. Khi những thử thách hay thậm chí những cám dỗ trong những hoàn cảnh đương thời của chúng ta về lời nói, đã đến với Ngài, Ngài đã không vội vàng cất bước hướng đến tội lỗi và không có một sự đáp ứng tội lỗi trong bản tính của Ngài. Ấy là tại sao Chúa Jêsus đã có thể nói, “vì vua chúa thế gian này hầu đến; người chẳng có chi hết nơi ta” (Giăng 14:30).

SỰ CÁM DỖ CỦA CHÚA JÊSUS

Sự cám dỗ của Jêsus được thuật lại trong tất cả ba sách phúc âm cộng quan (Lu-ca 4:1-13, Mat 4:1-11, Mác 1:1-12). Nó thật là một sự kiện quyết định trong đời sống Đấng Christ. Chúng ta được kể rằng Jêsus, tràn đầy Thánh Linh, lập tức được dẫn vào trong đồng vắng. Ở đó Ngài đã bị cám dỗ bởi Sa-tan trong khoảng thời gian 40 ngày đêm. Trong khoảng thời gian này, Jêsus đã kiêng ăn, không ăn bất kỳ thứ gì. Điều này khiến thể chất của Ngài dễ bị tổn thương hơn đối với những sự cám dỗ của ác quỷ.

Tại sao Jêsus phải đi qua thời gian của sự cám dỗ hay thử nghiệm này? Chúa Jêsus đã phải trải qua thời gian của sự thử nghiệm bởi vì Ngài phải giành được sự công bình cho dân sự của Ngài cần có để vào vương quốc thiên đàng. Nó là một phần của sự vâng lời chủ động (active obedience) của Ngài. Giống như A-đam đã phải bị thử nghiệm trong Vườn Ê-đen nhằm để bảo đảm sự sống đời đời thông qua sự vâng lời, Đấng Christ như một A-đam lớn hơn đã phải trải qua sự thử

nghiệm như vậy để bảo đảm sự cứu rỗi của chúng ta. Điều này đã được dạy rõ ràng bởi Phao-lô trong Rô-ma 5:12-21: “Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội. (Vì, trước khi chưa có luật pháp, tội lỗi đã có trong thế gian, song chưa có luật pháp, thì cũng không kể là tội lỗi. Nhưng từ A-đam cho đến Môi-se, sự chết đã cai trị cả đến những kẻ chẳng phạm tội giống như tội của A-đam, là người làm hình bóng của Đấng phải đến. Song tội lỗi chẳng phải như sự ban cho của ân điển. Vì nếu bởi tội lỗi của chỉ một người mà mọi kẻ khác đều phải chết, thì huống chi ơn của Đức Chúa Trời và sự ban cho trong ơn Ngài tỏ ra bởi một người là Jê-sus Christ, chan chứa cho hết thảy mọi người khác là dường nào! Lại sự ban cho này chẳng phải như việc xảy đến bởi một người phạm tội đâu: Sự phán xét bởi chỉ một tội mà làm nên đoán phạt; nhưng sự ban cho của ân điển thì sau nhiều tội rồi, dẫn đến sự xưng công bình. Và, nếu bởi tội một người mà sự chết đã cai trị bởi một người ấy, thì huống chi những kẻ nhận ân điển và sự ban cho của sự công bình cách dư dật, họ sẽ nhờ một mình Jê-sus Christ mà cai trị trong sự sống là dường nào!). Vậy, như bởi chỉ một tội mà sự đoán phạt rải khắp hết thảy mọi người thế nào, thì bởi chỉ một việc công bình mà sự xưng công bình, là sự ban sự sống, cũng rải khắp cho mọi người thế ấy. Vì, như bởi sự không vâng phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội, thì cũng một lẽ ấy, bởi sự vâng phục của một người mà mọi người khác sẽ đều thành ra công bình. Và, luật pháp đã xen vào, hầu cho tội lỗi gia thêm; nhưng nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa, hầu cho tội lỗi đã cai trị làm nên sự chết thế nào, thì ân điển cũng cai trị bởi sự công bình thế ấy, đặng ban cho sự sống đời đời bởi Jê-sus Christ, là Chúa chúng ta.”

A-đam đã thất bại, nhưng Đấng Christ đã vượt qua sự thử nghiệm. Chúng ta không chỉ được cứu bởi sự chết của Ngài; chúng ta cũng “được cứu bởi sự sống của Ngài” (Rô-ma 5:10). Jê-sus đã cứu chúng ta bởi đời sống của Ngài, bởi sự chết của Ngài, và bởi sự sống lại của

Ngài.

Trong Lu-ca, việc ký thuật về sự cám dỗ đặt ngay lập tức sau gia phả của Jê-sus điều mà Lu-ca đã truy nguyên đến A-đam. Lu-ca qua sự chỉ dẫn của Phao-lô, đã phát họa Đấng Christ một cách chính xác như A-đam thứ hai người phải giành được sự sống đời đời cho con người điều mà A-đam thứ nhất đã không có khả năng để đạt được.

Những gì A-đam đã không đủ khả năng để thực hiện dưới giao ước việc làm, Đấng Christ đã thành công dưới giao ước ân điển. Đấng Christ, là Đấng Đại Diện trọn vẹn của con người, đã giữ Luật Pháp của Đức Chúa Trời trên danh nghĩa của chúng ta qua sự vâng lời chủ động [active obedience] của Ngài. A-đam đã không đủ khả năng để vâng lời mạng lệnh của Đức Chúa Trời trong Vườn Ê-đen bởi việc gieo mình vào các yếu tố của sự cám dỗ của Sa-tan (Sáng 3:6, I Giăng 2:16). Nhưng Đấng Christ đã chống trả một cách thành công tương tự ba cách của sự cám dỗ, do đó bảo đảm “sự công bình cho những kẻ tin” (Rô 10:4).

Ba yếu tố của sự cám dỗ bao gồm (1) sự ham muốn của xác thịt, (2) sự tham lam của mắt, và (3) sự kiêu ngạo của đời. Bị cám dỗ bởi Sa-tan, Ê-va đã ăn trái cây bởi vì nó là (1) “thức ăn ngon,” (ham muốn của xác thịt), (2) “đẹp mắt” (tham lam của mắt), và (3) “được mở trí khôn” (kiêu ngạo của đời). Bởi sự không vâng lời của Đức Chúa Trời, A-đam và Ê-va đã làm cho chính mình họ rơi vào sự đoán phạt của tội lỗi, mà còn tất cả dòng dõi loài người nữa.

Jê-sus Christ cũng đã bị cám dỗ trong cùng ba yếu tố: Ngài đã bị cám dỗ (1) biến đá thành bánh (ham muốn của xác thịt), (2) với các vương quốc của thế gian (tham lam của mắt), và (3) nhảy từ nóc đền thờ (sự kiêu ngạo của đời). Nhưng Đấng Christ đã chiến thắng. Ngài đã đánh bại Sa-tan với việc trích dẫn Lời của Đức Chúa Trời (1) Phục Truyền Luật Lệ Ký 8:3, “loài người sống chẳng phải nhờ bánh mà thôi, nhưng loài người sống nhờ mọi lời bởi miệng Đức Giê-hô-va mà ra;” (2) Phục truyền luật lệ ký 6:13, "Người phải kính sợ Giê-hô-va Đức

Chúa Trời ngời, phục sự Ngài;” và (3) Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:16, “Các ngươi chớ thử Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi.” Lời của Đức Chúa Trời là Gươm của Thánh Linh (Êph 6:17). Nó là vũ khí rất hữu dụng để chống lại tên lửa của sự cám dỗ của Sa-tan. Đấng Christ đã chiến thắng Sa-tan. Ngài đã vâng phục những mạng lệnh của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn và cũng cứu chúng ta bởi sự vâng lời chủ động của Ngài.

SỰ THƯƠNG KHÓ Ở GHẾT-SÊ-MA-NÊ

Sự thương khó của Chúa Jêsus được thuật lại trong tất cả ba sách cộng quan (Lu-ca 22:29-46, Mat 26:30-46, Mác 14:26, 32-42). Ghết-sê-ma-nê (nghĩa là “dầu ép”) là một vườn cây ô-li-ve bên kia trũng Kít-rôn, phía Đông của Giê-ru-sa-lem, gần núi Ô-li-ve. Vườn “dầu ép” đã tràn đầy với các nhánh cây được xoắn lại của những cây Ô-li-ve điển hình phát họa một cách sống động về một sự đau đớn mãnh liệt mà Chúa Jêsus đã trải qua khi Ngài nghĩ đến “chén này,” tức là sự chết sắp xảy đến trên thập tự giá của Ngài. Sự đau đớn quá lớn đến nỗi Ngài đã đổ mồ hôi như những giọt máu. Đấng Christ đã đổ huyết của Ngài không chỉ ở Gô-gô-tha, nhưng cũng ở Ghết-sê-ma-nê nữa.

Ở đây chúng ta có một biểu lộ về sự vâng lời thụ động [passive obedience] của Ngài. Mặc dù Ngài đã vật lộn trong xác thịt của Ngài lo sợ về sự đau đớn, khổ não, và sự chết hầu đến, Ngài còn vâng lời ý muốn của Cha Ngài để đi đến thập tự giá một cách tự nguyện. Hê-bơ-rơ 5:7-9 làm sáng tỏ, “Khi Đấng Christ còn trong xác thịt, thì đã kêu lớn tiếng khóc lóc mà dâng những lời cầu nguyện nài xin cho Đấng có quyền cứu mình khỏi chết, và vì lòng nhân đức Ngài, nên được nhậm lời. Dầu Ngài là Con, cũng đã học tập vâng lời bởi những sự khốn khổ mình đã chịu, và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi, thì trở nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài.”

Có phải Đức Chúa Cha đã trả lời cho sự cầu nguyện của Đức Chúa Con? Thật Ngài đã trả lời. Sự cầu nguyện của Ngài đã được trả lời bởi vì Ngài đã cầu nguyện một cách vâng phục, “không phải ý con, nhưng ý cha, được nên.” Jêsus là một Thần Nhân (*Theoanthropos*: Đức Chúa Trời–Người). Ngài có hai ý muốn: Thần tánh và nhân tánh. Ý muốn của xác thịt Ngài muốn chén lia khỏi, nhưng ý muốn thần tính của Ngài sẽ như cùng một ý với Đức Cha là uống cái chén như mạng lệnh đời đời. Ấy là tại sao Chúa Jêsus đã nói với Phi-e-ơ, “ta há chẳng uống chén mà Cha đã ban cho ta uống sao?” (Giăng 18:11). Chúa Jêsus đã chinh phục ý muốn thuộc nhân tính cho ý muốn thần tính. Lời cầu nguyện ý Cha được nên của Ngài đã được trả lời (Hêb 5:7). Mặc dù đã có một sự căng thẳng giữa ý muốn nhân tính và ý muốn thần tính (động lực mà chúng ta không thể dò thấu), ý muốn thần tính của Ngài là hoàn toàn phù hợp với ý muốn của Cha Ngài–“Ta với Cha là một” (Giăng 10:30).

Lời cầu nguyện hài lòng Cha tốt nhất là lời cầu nguyện trong đức tin: “không phải ý con, nhưng ý Cha được nên.”

SỰ THƯƠNG KHÓ TRÊN THẬP TỰ GIÁ

Sự thương khó khốc liệt nhất mà Chúa Jêsus Christ chúng ta cam chịu trong cuộc sống của Ngài trên đất là sự thương khó của thập tự giá. Sự đau khổ của thể xác là tội bực. Sự đóng đinh theo sau sự đau khổ, với mào gai, đánh đập và sự sỉ nhục của mọi hình thức.

Sự đau đớn của thể xác Đấng Christ là thật lớn, nhưng sự đau khổ thuộc linh–sự thống khổ của lí trí và tinh thần–là lớn hơn. Vì một người hầu việc Phúc Âm hay một nhà truyền giáo của thập tự giá không có sự đau khổ nào lớn hơn là nhìn thấy sứ điệp của ân điển của Đức Chúa Trời bị khinh bỉ và bị từ chối. Người ấy nên học biết yêu thương những linh hồn mà mình đang cố gắng chăm sóc. Khi họ

khước từ và khinh bỉ Phúc Âm người ấy kinh nghiệm sự buồn bã và sầu khổ thật lớn lao. Khi Chúa Jêsus mang những tội lỗi của chúng ta trên thập tự giá, Ngài đã chịu đựng sự căm thù của những người Ngài yêu, và chịu đựng điều này trong mức độ tốt bậc nhất. Sự bản thù của chúng ta xứng đáng được đối xử như thế này. Tất cả các thiên sứ nên nhỏ nước bọt lên chúng ta; nhưng Đấng Christ, cốt để trình dâng chúng ta thanh sạch và thánh khiết trong sự hiện diện của Cha, Ngài đã quyết tâm để bị nhỏ nước bọt trên chính mình.

Tất nhiên Chúa Jêsus biết rằng sự bắt bớ đó đang hình thành chống lại Ngài. Về điều này có nhiều bằng chứng rõ ràng trong các Phúc Âm. Chúa Jêsus đã cảnh báo, “Đừng cho chó những đồ thánh, và đừng quăng hột trai mình trước mặt heo, kẻo nó đạp dưới chân, và quay lại cắn xé các ngươi” (Mat 7:6). Những ai được kêu gọi để giảng phúc âm là được kêu gọi để dâng điều thánh khiết nhất và tốt nhất cho điều xấu nhất. Và họ đã được cảnh báo trước rằng sứ điệp của họ đôi lúc sẽ bị khinh bỉ và họ đôi lúc sẽ là những đối tượng của sự tấn công.

Những gì Chúa Jêsus đã thực hiện trong đời sống của Ngài trên đất thật đúng là ban của thánh khiết nhất cho những con chó và ném hột ngọc trai của thiên đàng trước mặt heo; và thật vậy họ đã dẫm đạp cả sứ điệp và thân vị của Ngài. Điều này, không chỉ là sự đau đớn thể xác, mà là sự hiến thân trên thập tự giá.

Điểm đau khổ hết sức nhất của Đấng Christ trên thập tự giá là khoảng thời điểm mà Ngài thốt lên, “Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lia bỏ tôi?” (Mat 27:46; Mác 15:34). Những lời này được lấy từ câu mở đầu của Thi Thiên 22 hàm chứa sự mâu nhiệm mà không một con người nào có thể thấu hiểu được. Nếu chúng ta đã từng tin cậy nơi Đấng Christ cảm thấy bị Đức Chúa Trời lia bỏ, chúng ta biết rằng chúng ta thật sự không bị lia bỏ, vì Đấng Christ đã cam chịu điều này cho chúng ta như Người Đại Diện và Người Thay Thế của chúng ta trên thập tự giá. Ngài biết làm thế nào để an ủi và động viên chúng ta khi chúng ta đi đến Ngài trong sự cầu

nguyện (Hêb 4:14-16).

“TẠI SAO NGÀI LIA BỎ TÔI?”

Chúa Jêsus đã nếm trải sự sâu thẳm của sự thống khổ và đau đớn sâu xa hơn nhiều bất cứ ai có thể trải qua, sâu xa hơn bất kỳ ý chí hữu hạn có thể thấu hiểu. Ngài thốt lên, “Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lia bỏ tôi?,” bày tỏ nỗi thống khổ của Ngài. Mặc dù chúng ta không hiểu về sâu thẳm của ý nghĩa về sự than khóc này, nhưng chúng ta có thể được chắc chắn rằng nó không miêu tả một sự đánh lừa hay một ấn tượng giả dối. Chúa Jêsus Christ của chúng ta trên thập tự giá bằng những lời này đã ngụ ý câu mở đầu Thi Thiên 22 miêu tả hoàn cảnh ngay tại thời điểm của Ngài. Còn từ “tử bỏ” của câu 1 là không phải hoàn toàn tử bỏ, vì câu 24 của cùng Thi Thiên này thêm vào, “Khi người kêu cầu cùng Ngài, thì bèn nhậm lời.”

Đó thật là Đức Chúa Con đã chết trên thập tự giá chứ chẳng phải Đức Chúa Cha cũng không phải Đức Thánh Linh. Do đó, tội lỗi mà Đức Chúa Con đã mang là tội lỗi chống lại Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Như vậy, động cơ của sự hiến thân và toàn bộ hành động của sự chuộc tội y như là động cơ thật sự của Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh, như là của Đức Chúa Con. “Đức Chúa Trời” của Giăng 3:16 là được liên quan trực tiếp trong sự làm trọn mục đích cứu chuộc của Ngài. Tất cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời được bao gồm trong công việc của sự cứu chuộc, nhưng ấy là Ngôi Hai của Ba Ngôi Đức Chúa Trời—Chúa Jêsus Christ—Đấng đã chịu khổ trên thập tự giá.

Calvin giải thích những lời của Đấng Christ, “cho đến mức độ mà Đấng Christ đã bị ngã lòng như vậy, ấy là trong nỗi đau khổ của Ngài Ngài đã bị ép buộc để kêu lên, 'Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lia bỏ tôi?' ... nét mặt đã bị vò xé từ nỗi thống khổ

trong sâu thẳm của tâm hồn Ngài. Nhưng chúng ta không nói bóng gió rằng Đức Chúa Trời không thân thiện hay giận Ngài. Làm thế nào Ngài có thể giận với Con yêu dấu của Ngài, người mà linh hồn của Ngài rất hài lòng? Hoặc làm thế nào có thể Ngài đã khuyên giải Đức Chúa Cha bởi sự can thiệp cho những người khác nếu Ngài căm ghét chính Ngài?”.

Khi chúng ta đọc, “Đức Giê-hô-va đã làm cho tội lỗi của hết thầy chúng ta đều chất trên người,” Ngài “vừa ý mà làm tổn thương người” (Ê-sai 53:6,10) “Ngài ... đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thầy mà phó Con ấy cho” (Rôm 8:32), Chúng ta phải hiểu một cách chắc chắn rằng nó là tội của chúng ta dẫn đến sự đóng đinh của Đấng Christ. Ấy là ý của Đức Chúa Cha (và tất nhiên cũng bởi chính ý của Ngài) và bởi quyền năng của Đức Thánh Linh (Hêb 9:14) mà Ngài đã bị "nộp" dâng mang lấy những tội lỗi chúng ta.

Khi Đấng Christ nói những lời “Đức Chúa Trời tội ời! Đức Chúa Trời tội ời! Sao Ngài lia bỏ tôi?,” trên thập tự giá, Ngài với hàm ý nói với các môn đệ của Ngài, “Hãy nhớ Thi Thiên 22.” Trong một cách khác, Jê-sus đang ám chỉ rằng Ngài là sự ứng nghiệm của Thi Thiên đó của Mô-i-se.

Những kẻ thù của Đấng Christ đã trích lời khác từ Thi Thiên này sự chế giễu Ngài, “Nó nhờ cậy Đức Chúa Trời; nếu Đức Chúa Trời yêu nó thì bây giờ Ngài phải giải cứu cho, vì nó đã nói rằng: Ta là Con Đức Chúa Trời” (Mat 27:43, trích Thi 22:8). Sự thật này sẽ thêm sức thuyết phục vào sự trích dẫn của Chúa Jê-sus về Thi Thiên này của Ngài như bằng chứng rằng Ngài đã thực sự làm trọn mục đích lời tiên tri trong Thi Thiên này.

Mặc dù Thi Thiên nói về sự đau đớn của Đấng Christ bị khổ nạn trên thập tự giá, nó cũng được làm tràn đầy với những lời của niềm hy vọng. Ví dụ, câu 22 nói, “Tôi sẽ rao truyền danh Chúa cho anh em tôi, và ngợi khen Chúa giữa hội chúng.” Chính những lời này đã

được đặt vào miệng của Chúa Jêsus với một giọng điệu chiến thắng trong Hê-bơ-rơ 2:12. Vì vậy, dường như Chúa Jêsus trích những lời mở đầu của Thi Thiên khi Ngài bị treo trên thập tự giá muốn nói cho các môn đệ của Ngài vài điều như sau: “Thật vậy Ta đã ở trong hoàn cảnh đã được miêu tả trong Thi Thiên tiên tri này. Những phần khác của Thi Thiên này là đang được ứng nghiệm bây giờ, những lời thật chi tiết, 'Chúng nó chia nhau áo xống của ta, và bắt thăm về áo dài của ta' (c 8). Nhưng nhớ rằng Thi Thiên này là kết quả trong sự chiến thắng.”

Mặc dù các môn đồ ở lúc bấy giờ đã tràn đầy với sự thất vọng, sự hoài nghi về sự ám chỉ đến Thi Thiên này của Jêsus có thể nhắc nhở họ rõ ràng về lời hứa. “Vi Ngài không khinh bỉ, chẳng gớm ghiếc sự hoạn nạn của kẻ khốn khổ, cũng không giấu mặt Ngài cùng người; Nhưng khi người kêu cầu cùng Ngài, thì bèn nhậm lời” (Thi 22:24).

MÃI MÃI LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ CON NGƯỜI

Sự hiện thân của Đấng Christ là vĩnh cửu. Con của Đức Chúa Trời một khi trở thành Con của loài người, Ngài sẽ luôn luôn hiện hữu vừa là Con của Đức Chúa Trời vừa là Con của loài người. Câu trả lời của câu hỏi 21 của Giáo Lý Vấn Đáp Wesminster Tóm Lược cho rằng Đấng Christ “tiếp tục là Đức Chúa Trời và con người trong hai bản tánh khác biệt và trong một con người mãi mãi.” Chúa Jêsus Christ chúng ta tiếp tục là một con người và sẽ mãi là một thành viên của loài người chúng ta. Tất nhiên điều này không có nghĩa rằng Ngài bị lệ thuộc vào những sự giới hạn của thể xác là đặc điểm của sự sống của chúng ta trên đất, nhưng nó có nghĩa rằng Ngài có một thân thể, hình thể có thể sờ được như đã được bày tỏ cho các môn đệ của Ngài sau sự phục sinh của Ngài, và như Ngài sẽ hiện ra cho tất cả chúng ta trong Tái Lâm của Ngài. Lời hứa của các thiên sứ khi Chúa Jêsus được cất lên (Công vụ 1:11) là, “Jêsus này đã được cất lên trời khỏi

giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy.”

Từ đời đời Chúa Jêsus Christ của chúng ta có và không bao giờ ngừng có tất cả những thuộc tính của Thần Thánh. Từ khi sự hiện thân của Ngài Ngài có, và sẽ không bao giờ ngưng có, tất cả các thuộc tính của một con người. Ấy là về bản tính của con người, được tạo dựng trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, mặc dù đã bị sa vào tội lỗi, nhưng được cứu chuộc bởi ân điển của Đức Chúa Trời, để vui hưởng sự phước hạnh đời đời với Đức Chúa Trời trong hình dạng bất diệt sau sự phục sinh. Bất kể những gì là thuộc tính của bản chất con người trong sự sống lại và trong sự bày tỏ của viễn cảnh đời đời, Chúa Jêsus Christ của chúng ta có các thuộc tính của bản chất con người. Ngài là một người trong vòng chúng ta.

Như Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, Chúa Jêsus phải mãi tồn tại không chỉ là Đức Chúa Trời mà còn là Con người. Lễ thật này được dạy trong sách Hê-bơ-rơ: “Vì thế, Đức Chúa Jêsus đã trở nên Đáng bảo lãnh cho một cái giao ước rất tôn trọng hơn cái trước. Và lại, số thầy tế lễ rất nhiều, vì sự chết nên không giữ luôn được chức vụ. Nhưng Ngài, vì hằng có đời đời, nên giữ lấy chức tế lễ không hề đổi thay. Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy” (Hêb 7:22-25).

SỰ THỎA LÒNG, SỰ THAY THẾ, SỰ LÀM LÀNH

Bản Tín Điều Wesminster tuyên xưng, “Chúa Jêsus, bởi sự vâng lời trọn vẹn của Ngài và sự hiến thân của chính mình Ngài điều mà Ngài, thông qua Thánh Linh Đời Đời dâng lên một lần cho Đức Chúa Trời,

đã làm thỏa mãn hoàn toàn sự công bình của Cha Ngài; và đã mua chuộc không chỉ sự giải hòa mà thôi, nhưng cũng một sự thừa kế đời đời trong Vương Quốc Thiên Đàng cho tất cả những ai mà Cha đã ban cho Ngài” (8:5). Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược câu 25 hỏi, “Làm thế nào Đấng Christ thực hiện chức vụ của một thầy tế lễ?” Câu trả lời được cho là, “Đấng Christ thực hiện chức vụ của một thầy tế lễ, trong sự dâng chính mình Ngài một của tế lễ dâng làm thỏa mãn sự công bình thánh khiết, và giải hòa chúng ta với Đức Chúa Trời, và cứ tiếp tục trong sự làm trung gian cầu thay cho chúng ta.”

Giáo lý của sự chuộc tội có thể được nhìn thấy như một sự thỏa lòng. Ý nghĩa của thuật ngữ trong chính văn cảnh này không nói về tâm lý học, nghĩa là, nó không phải chỉ là sự làm thỏa mãn của một sự ham muốn. Thuật ngữ trong văn cảnh thần học có ý nghĩa đơn giản là sự chuộc tội của Đấng Christ mà Ngài đã hiến dâng bằng cách đổ huyết của Ngài trên thập tự giá đã làm thỏa mãn những yêu cầu của luật pháp thánh của Đức Chúa Trời.

Con người đã vi phạm luật pháp thánh của Đức Chúa Trời, và sự hình phạt cho tội lỗi đó là sự chết (Rôm 6:23). Đấng Christ trên thập tự giá đã gánh lấy hình phạt vì những tội lỗi của chúng ta. Điều này được dạy trong nhiều phần của Kinh Thánh, ví dụ như, “Nhưng người đã vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác chúng ta mà bị thương, bởi sự sửa phạt người chịu chúng ta được bình an, bởi lần roi người chúng ta được lành bệnh” (Ê-sai 53:5). Quy tắc thiêng liêng về đạo đức được xây dựng trên toàn nhân loại yêu cầu một sự trừng phạt công bình vì bất cứ sự vi phạm nào về luật pháp đạo đức. Như thế, sự chuộc tội của Đấng Christ cũng có thể được hiểu như một sự thay thế. Calvin đã viết, “cốt để Đấng Christ có thể thỏa mãn Đức Chúa Trời vì chúng ta, ấy là cần thiết để Ngài bị đặt để như một phạm nhân ở ngay tòa án của Đức Chúa Trời để chịu đựng hình phạt của Đức Chúa Trời trong vị trí của chúng ta.”

Trong sự trả giá của sự hình phạt tội lỗi, Chúa đã trở nên của lễ chuộc tội [propitiation] cho những tội lỗi của chúng ta. I Giăng 2:2 tuyên

bố, “Áy chính Ngài làm của lễ chuộc tội lỗi chúng ta, không những vì tội lỗi chúng ta thôi đâu, mà cũng vì tội lỗi cả thế gian nữa.” Sự làm lành này không chỉ nói về sự che phủ tội lỗi, nhưng cũng nói về sự khuyên giải về con thành nộ của Đức Chúa Trời nghịch lại tội nhân. Rất cần thiết để chỉ ra rằng sự cứu rỗi của chúng ta là hoàn toàn dựa trên sự chấp nhận hoàn toàn về những gì Đấng Christ đã làm hoàn thành cho chúng ta, chứ không chỉ là một sự hiểu biết về lẽ thật mà thôi. Chỉ là sự hiểu biết về lẽ thật của phúc âm thì không được cứu rỗi đâu. Một người được cứu chỉ duy nhất khi người đó (1) biết phúc âm (2) đồng ý với phúc âm, và (3) tin vào phúc âm. Tất cả ba nhân tố về sự hiểu biết, đồng ý, và tin phải ở cùng với nhau nếu sự cứu rỗi xảy ra. Khi một người tin rằng “Đấng Christ đã chết vì tội lỗi chúng ta theo lời Kinh Thánh” (I Côr 15:3), và khi một người chấp nhận Đấng Christ là Đấng Cứu Thế của người đó, thì người đó được tái sinh, và người đó trở thành một thành viên của ngôi nhà đức tin.

Công việc của Đức Chúa Trời trong việc thay đổi một tội nhân thành một thánh đồ là một việc siêu nhiên. Phúc âm có thể hiểu được một cách trọn vẹn đối với một trẻ em mẫu giáo người lắng nghe một cách ngoan ngoãn về Lời của Đức Chúa Trời với một sự tin cậy giản dị và ngây thơ. Nhưng cũng cùng một phúc âm không thể đến gần với một Tiên Sĩ Triết Học để hiểu biết nếu ông ta không tin Kinh Thánh, và suy nghĩ một cách kiêu ngạo rằng ông hiểu biết nhiều hơn Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao Phao-lô đã nói, “Bởi vì lời giảng về thập tự giá, thì những người hư mất cho là điên dại; song về phần chúng ta, là kẻ được cứu chuộc, thì cho là quyền phép của Đức Chúa Trời ... Vì, tại thế gian cậy sự khôn ngoan mình, chẳng nhờ sự khôn ngoan Đức Chúa Trời mà nhận biết Đức Chúa Trời, nên Ngài đành lòng dùng sự giảng rồ dại của chúng ta mà cứu rỗi những người tin cậy” (I Côr 1:18, 21).

Câu chuyện được kể về một người có tâm trí giản dị gặp các trưởng lão của một hội thánh ở một thành phố lớn và yêu cầu được chấp nhận là một thành viên của hội thánh. Anh ta đã không thể ghi nhớ

những bản tuyên nhận trong giáo lý vấn đáp, và không thể phát biểu những giáo lý với mức rõ ràng. Những trưởng lão định đuổi anh ra khi một người trong vòng họ hỏi, "Tại sao anh lại muốn trở thành một thành viên của hội thánh chúng tôi nhưng anh không thể giải thích về đức tin của anh?" Trên đôi mắt của người đàn ông giản dị lúc này đã giàn giụa nước mắt, và với một sự thành tâm chân thật anh ta nói, "Tôi là một tội nhân tồi tàn và không ra gì, nhưng Jê-sus-Cứu Chúa của tôi là tất cả." Anh ta đã được chấp nhận và tiếp tục sống đời sống tuy giản dị nhưng có một đời sống Cơ Đốc sáng chói.

SỰ THA THỨ

Khi suy nghĩ về thập tự giá, hãy suy nghĩ về sự tha thứ.

Thật là quan trọng để chú ý rằng khi Đấng Christ chết vì tội lỗi của chúng ta trên thập tự giá, Ngài không phải là một "người thứ ba," nhưng là bên đã bị vi phạm. "Đấng Trung Bảo" là "Đức Chúa Trời bày tỏ trong xác thịt" (I Tim 2:5; 3:16). Vì sự tha thứ chân thật cần thiết bao gồm sự gánh thay tội lỗi được tha thứ, và vì sự đóng đinh của Đấng Christ thay thế tất cả và hoàn toàn hành động của tội lỗi, vì vậy Đấng Christ đã chết cho tội lỗi của tôi trong vị trí của tôi như Đấng Thay Thế của tôi. Tôi xứng đáng bị lừa vào trong Hồ Lửa. Trên thập tự giá, Ngài có thể nói "Thiên sứ hãy hủy diệt chúng nó." Nhưng khi Ngài nói, "Lạy Cha, xin tha thứ cho họ," Ngài đã chết trong địa vị của tôi.

Đấng Christ đã chết cho những tội lỗi của tôi như Đấng Thay Thế của tôi. Mọi sự tha thứ, thuộc thể và thuộc linh, là trong bản chất riêng của cách thay thế. Chưa bao giờ có ai thật sự tha thứ cho người khác trừ khi anh ấy mang sự đoán phạt tội lỗi của người khác nghịch lại anh ta. Khi chính quyền dân sự tha thứ một phạm nhân, xã hội đặt trên chính mình gánh nặng tội lỗi của phạm nhân đó.

Hành vi tội lỗi của một cá nhân đối với người khác không thể được chuyển sang một người thứ ba về phương diện đạo đức. Môi-se và Phao-lô đã cầu nguyện rằng họ có thể trở thành vật thay thế cho Y-sơ-ra-ên, và mang tội lỗi của họ, nhưng về phương diện đạo đức thì không thể được, vì họ là người thứ ba trong vụ việc. “Chẳng có người nào chuộc được anh em mình, hoặc đóng giá chuộc người nơi Đức Chúa Trời” (Thi 49:7). Khi chúng ta nói rằng Đấng Christ đã chết như Đấng Thay Thế của chúng ta, chúng ta không ám chỉ trong bất cứ ý nghĩa nào rằng Ngài là một người thứ ba xen vào giữa Đức Chúa Trời và con người.

Đấng Christ không phải là người thứ ba trong vụ việc ở Gô-gô-tha. Ngài chính là Đấng bị chống nghịch bởi sự phạm tội (và mọi tội lỗi suy cho cùng) của con người. Tại Gô-gô-tha mười hai đạo binh thiên sứ đã không thể chờ đợi đặng giết những kẻ phạm tội, là những kẻ đã treo Chúa Jêsus trên thập tự giá, nhưng Cứu Chúa đơn độc, Đấng mà chúng ta đã phạm tội chống lại với Ngài, trong sự tha thứ, Ngài đã mang lấy tội lỗi của chúng ta trên chính Ngài. Toàn bộ ý nghĩa của sự chết của Đấng Christ có thể được tóm gọn trong một từ, một từ ngữ đẹp đẽ “sự tha thứ.” Khi Con của Đức Chúa Trời, bị treo trên giá treo của sự xấu hổ bởi con của loài người, đã nói, “Lạy Cha, xin tha tội cho họ,” thay vì nói “Những thiên sứ hãy hủy diệt chúng,” Ngài đã thay thế chính Ngài cho những tội nhân, và mang tội lỗi của họ “trong chính thân thể của Ngài trên cây gỗ” trong một phương cách có thể hình dung rõ ràng nhất. Thật là một Cứu Chúa tuyệt vời!

CỦA LỄ CHUỘC TỘI

Jêsus Christ là “của lễ chuộc tội của chúng ta.” Trong toàn thư tín Hê-bơ-rơ đã miêu tả Đấng Christ như là thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta, dâng chính mình Ngài trên thập tự giá như sinh tế của chúng ta. Chúc tế lễ của Ngài không phải là chúc tế lễ của A-rôn,

nhưng là chức tế lễ của Mên-chi-xê-đéc người vừa là vua cũng là thầy tế lễ, một chức tế lễ đến trước và thế chỗ cho chức tế lễ của A-rôn. Chức tế lễ của A-rôn, người đã "bị vây trong sự yếu đuối," cần thiết phải làm một của lễ không những cho tội lỗi của nhiều người mà cũng cho tội lỗi của chính mình nữa (Hêb 5:2-3). "Cũng một thế ấy, Đấng Christ không tự tôn mình làm thầy tế lễ thượng phẩm; nhưng tại [Đấng đã làm vinh hiển Ngài là] Đấng đã phán cùng Ngài rằng: 'Người là Con ta, ta đã sanh người ngày nay' [Thi 2:7]. Lại nơi khác có phán cùng Ngài rằng [Thi.110:4]: 'Người làm thầy tế lễ đời đời theo ban Mên-chi-xê-đéc'" (Hêb 5:5-6). "Ấy đó thật là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta có cần dùng ... không như những thầy tế lễ thượng phẩm [thời xưa] khác, cần phải hằng ngày dâng tế lễ, trước vì tội mình, sau vì tội dân; Ngài làm việc đó [dâng tội lỗi] một lần thì đủ cả, mà dâng chính mình Ngài làm tế lễ" (Hêb 7:26-27). Đấng Christ như thầy tế lễ thượng phẩm dâng chính mình Ngài như một của lễ không có điều gì khác hơn là sự đền tội thay thế. Chúa Jêsus vừa là Thầy Tế Lễ cũng vừa là Của Tế Lễ.

Chức vụ tế lễ và của lễ chuộc tội không chỉ là những thuật ngữ trong sự chuộc tội của Đấng Christ được miêu tả trong Thánh Kinh. Từ ngữ Kinh Thánh khác về sự chuộc tội [atonement] của Đấng Christ là "tiền chuộc" [ransom]. Cả Ma-thi-ơ và Mác ký thuật lời của Đấng Christ khi Ngài đến "để ban sự sống mình làm giá chuộc nhiều người" (Mat 20:28; Mác 10:45). Phao-lô viết cho Tít, Ngài "là Đấng liêu mình vì chúng ta, để chuộc [mua chuộc] chúng ta khỏi mọi tội và làm cho sạch, dâng lấy chúng ta làm một dân thuộc riêng về Ngài, là dân có lòng sốt sắng về các việc lành" (Tít 2:14). Phi-e-rơ viết, "vì biết rằng chẳng phải bởi vật hay hư nát như bạc hoặc vàng mà anh em đã được chuộc [được mua chuộc] khỏi sự ăn ở không ra chi của tổ tiên truyền lại cho mình, bèn là bởi huyết báu Đấng Christ, dường như huyết của chiên con không lỗi không vót" (I Phi 1:18-19).

Một bài tỏ miêu tả khác của sự chuộc tội của Đấng Christ là "sự trả nợ." Trong Bài Cầu Nguyện Chung [the Lord's prayer] chúng ta được

dạy để nói, "Xin tha nợ cho chúng con, như chúng con tha nợ cho những người mắc nợ chúng con" (Mat 6:12). Ân điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong vài phân đoạn trong những lời dạy của Chúa Jêsus, như sự tha thứ một con nợ (Mat 18:30tt; Lu-ca 7:41).

ĐẮNG CỨU THẾ

Từ “người cứu vớt” và danh từ trừu tượng tương đương, “sự cứu rỗi,” và động từ, “cứu,” xuất hiện thường xuyên xuyên suốt Kinh Thánh. Từ “người cứu vớt” có thể được áp dụng cho bất cứ ai là người cứu vớt bất cứ người nào lâm vào hoàn cảnh đáng thương. Trong Tân Ước, từ “người cứu vớt” đôi lúc áp dụng cho Đức Chúa Cha: trong I Ti-mô-thê 1:1, “Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta, và ... Đức Chúa Jêsus Christ là sự trông cậy chúng ta,” và hầu như cũng chắc chắn trong I Ti-mô-thê 4:10, Tít 1:3; 3:4.

Việc sử dụng chung nhất và quan trọng nhất của các từ này liên quan đến sự cứu rỗi khỏi tội lỗi và những hậu quả của nó, sự cứu rỗi đó đến từ Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng được gọi là Chúa Cứu Thế Siêu Việt. Vai trò như vậy của Ngài được nói trong Ma-thi-ơ 1:21, “ngươi khá đặt tên là JÊSUS ['Jêsus' là từ Hy-lạp tương đương với từ Hê-bơ-rơ *Yeshua* nghĩa là 'Gia-vê là sự cứu rỗi'], vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội.” Chức vụ cứu thế của Đấng Christ được trình bày nổi bật trong những phân đoạn Kinh Thánh sau: “Bởi Con người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất” (Lu-ca 19:10). “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã khiến Đức Chúa Jêsus sống lại, là Đấng mà các ông đã treo trên cây gỗ và giết đi. Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa, để ban lòng ăn năn và sự tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên” (Công 5:30-31).

“Huống chi nay chúng ta đã nhờ huyết Ngài được xưng công bình, thì sẽ nhờ Ngài được cứu khỏi cơn thịnh nộ là dường nào! Vì nếu khi

chúng ta còn là thù nghịch cùng Đức Chúa Trời, mà đã được hòa thuận với Ngài bởi sự chết của Con Ngài, thì huống chi nay đã hòa thuận rồi, chúng ta sẽ nhờ sự sống của Con ấy mà được cứu là dường nào!” (Rôm 5:9-10). “Nhưng chúng ta là công dân trên trời; ấy là từ nơi đó mà chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Jêsus Christ” (Phi 3:20). “Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thế gian để cứu vớt kẻ có tội, ấy là lời chắc chắn, đáng đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy; trong những kẻ có tội đó ta là đầu” (I Tim 1:15). “Mà bây giờ mới bày ra bởi sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta, Ngài đã hủy phá sự chết, dùng Tin lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng” (II Tim 1:10). “Đương chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ, là Đấng liềm mình vì chúng ta, để chuộc chúng ta khỏi mọi tội và làm cho sạch, đặt lấy chúng ta làm một dân thuộc riêng về Ngài, là dân có lòng sốt sắng về các việc lành” (Tít 2:13-14). “Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy” (Hêb 7:25).

Chúa Jêsus cứu thế gian một cách đầy đủ nhưng cứu những người được chọn một cách có hiệu quả.

SỰ GIẢI QUYẾT MỘT LẦN ĐỦ CẢ

Sự chuộc tội của Đấng Christ trên thập tự giá ở Gô-gô-tha phải được xem như là một sự giải quyết không bao giờ được lặp lại, một sự hoàn thành thật sự của sự cứu rỗi của những người được chọn của Đức Chúa Trời một lần đủ cả.

Sự chuộc tội đang và đã có hiệu lực ở mọi thời đại, quá khứ, và tương lai. Nó là một nền tảng của “sự bỏ qua các tội phạm trước kia” (Rôm 3:25). Nó biểu thị rằng Đức Chúa Trời vừa “là công bình và

xung công bình kẻ nào tin đến Đức Chúa Jêsus” (Rôm 3:26), và nó là cơ sở của tiến trình liên tục của sự nên thánh (I Giăng 1:7). Phao-lô dạy, “Bởi biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài. Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời” (Rôm 6:9-10).

Thư tín cho người Hê-bơ-rơ nói rằng Đấng Christ đã hoàn thành của tế lễ của chính Ngài như là của lễ chuộc tội “một lần [đủ cả]” (Hêb 7:27). Nó cũng nhấn mạnh tính dứt khoát của tế lễ không thể lặp lại: “Ấy chẳng phải là dâng chính mình Ngài nhiều lần, như thầy tế lễ thượng phẩm mỗi năm vào trong nơi rất thánh mà dâng huyết của người khác; bằng chẳng vậy, thì từ buổi sáng thế đến nay, Ngài đã phải chịu khổ nhiều lần rồi. Nhưng hiện nay đến cuối cùng các thời đại, Ngài đã hiện ra chỉ một lần [đủ cả], dâng mình làm tế lễ để cất tội lỗi đi” (Hêb 9:25-26). Đấng Christ là “cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài” (Hêb 5:9). “Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy” (Hêb 7:25).

Sự chuộc tội một lần đủ cả của Đấng Christ được làm trọn sự thỏa mãn của nguyên tắc đời đời của sự công bình thiêng liêng và sự xác chứng của luật pháp thánh của Đức Chúa Trời. Vì vậy nó phản đối sự sai lạc về lối giải thích của Công Giáo La-mã về Lễ Tiệc Thánh (lễ Mi-xa [mass], hoặc bí tích mình thánh Chúa [Eucharist]) dạy rằng công việc chuộc tội của Đấng Christ vẫn chưa xong, vì lễ đó mỗi lần bánh và chén được cử hành, Đấng Christ đang bị đóng đinh lặp đi lặp lại. Calvin nói, “Lễ Mi-xa là sự đi đầu của mọi sự ghê tởm, và vì vậy phải bị kết án là quỷ quái.”

MỘT TỘI LỖI KHÔNG THỂ THA THỨ ĐƯỢC

Tin tức tốt lành của sự cứu rỗi được ban tặng cho mọi người ở mọi nơi. Khi người nào đó cứng lòng và dứt khoát từ chối ân điển của Đức Chúa Trời đã ban tặng cho người, họ “phạm tội chống nghịch Đức Thánh Linh” và phạm “tội không thể tha thứ được.” Một tội lỗi không thể tha thứ được là sự khước từ ân điển của Đức Chúa Trời trong công việc cứu chuộc của Đấng Christ được ban tặng cho những con người hư mất qua công tác cáo trách của Đức Thánh Linh.

Tội lỗi không thể tha thứ được minh chứng sự chuộc tội một lần đủ cả của Đấng Christ. Khi con người tội lỗi khước từ sự chuộc tội của Đấng Christ, thì không còn hoặc không có thêm sự chuộc tội nào nữa. Họ đang “lâm vào sự đoán phạt đời đời,” và “phải mắc tội đời đời” (Mác 3:29).

Vì Đấng Christ “không chết nữa” thêm một ý nghĩa nổi bật vào sự tuyên bố được tìm thấy trong Hê-bơ-rơ 6:4-6. Những ai phạm tội lỗi không thể tha thứ được đang cố gắng đóng đinh Chúa Jêsus một lần nữa. Điều đó nói về sự gian ác tội bực của những người mà đã có một cơ hội của sự cứu rỗi và đã khước từ nó một cách thẳng thừng. Lời tuyên bố là những ai được miêu tả ở đây sẽ không bao giờ ăn năn, “Thì không thể khiến họ lại ăn năn nữa.” Họ chắc chắn là những người không được tái sanh. Họ chỉ tin ở vẻ bề ngoài, nhưng thật ra họ chẳng tin vào Đấng Christ. Một tín đồ thật sẽ không bao giờ vi phạm tội lỗi “không thể tha thứ được.”

Phao-lô cũng căn dặn đề phòng một sự dự phần bất khiết về Lễ Tiệc Thánh, “Bởi đó, ai ăn bánh hoặc uống chén của Chúa cách không xứng đáng, thì sẽ mắc tội với thân và huyết của Chúa. Vậy mỗi người phải tự xét lấy mình, và như thế mới ăn bánh uống chén ấy; vì người nào không phân biệt thân Chúa mà ăn bánh uống chén đó, tức là ăn uống sự xét đoán cho mình” (I Côr 11:27-29). Những lời này làm vững thêm lẽ thật rằng Đấng Christ “không chết nữa,” và làm sáng tỏ

những lời trong Hê-bơ-rơ 6:6, “họ [cố gắng] đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài si nhục tỏ tường.”

Sáu điều được khẳng định về những người được thảo luận trong Hê-bơ-rơ 6:4-6: (1) Họ đã được “khai sáng.” Điều này phải có nghĩa là họ đã nghe Phúc Âm của Jêsus Christ, nhưng điều đó không có ý nhất thiết là họ đã thật sự cải đạo. (2) Họ “đã ném sự ban cho từ trên trời.” Điều này có thể hiểu rằng họ đã tận hưởng mỗi thông công với các thánh đồ, có lẽ trong một gia đình Cơ Đốc hoặc trong một hội thánh, như Giu-đa Ích-ca-ri-ôt đã tận hưởng tình bầu bạn với các môn đồ khác. (3) Họ được “dự phần về Đức Thánh Linh.” Điều này không cần có ý nói rằng họ đã được tái sinh, nhưng rằng họ đã được chứng kiến về công việc quyền năng của Đức Thánh Linh trong đời sống của người khác. (4) Họ đã “ném lời tốt đẹp của Đức Chúa Trời.” Có nhiều người chưa được cứu nhưng họ thích thú đọc Kinh Thánh như là một quyển sách văn học vĩ đại, nhưng ấy không nhất thiết như là Lời của Đức Chúa Trời cần phải vâng lời. (5) Họ “đã ném ... quyền phép của đời sau.” Những người này đã biết Vương Quốc được hứa của Đức Chúa Trời, nhưng họ thích thể gian tội lỗi này hơn thể gian hầu đến. (6) Họ đã “vấp ngã.” Điều này không có nghĩa là họ đã được cứu một lần rồi lại bị mất đi, nhưng ấy là với tất cả các lợi ích của sự dạy dỗ Cơ Đốc, thông công với các Cơ Đốc Nhân, sự cáo trách của Đức Thánh Linh dưới ân điển phổ quát của Đức Chúa Trời, họ đã khước từ và chối bỏ Đấng Christ một cách dứt khoát và có chủ tâm. Nó phải được hiểu rằng hội thánh hiện hữu trên đất là một sự pha trộn bao gồm cả các tín đồ thật và tín đồ giả. Những người cuối cùng là những người “đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài si nhục tỏ tường.” Họ đã chưa bao giờ được tái sinh ngay tại lúc ban đầu.

Tiến sĩ H Framer Smith kết luận rất đúng, “Không có một thế lực mạnh mẽ nào về tình yêu và sự tin quyết, không có sứ điệp nào vĩ đại về tình yêu trong thế giới, lớn hơn sứ điệp về ân điển của Đức Chúa

Trời khai tỏ trên thập tự giá của Chúa Jêsus Christ. Những ai cố ý và thẳng thừng khước từ Đấng Christ và chống nghịch lại quyền năng cáo trách của Đức Thánh Linh, sẽ không bao giờ ăn năn.”

SỰ VÂNG LỜI CHỦ ĐỘNG CỦA ĐÁNG CHRIST

Chúa Jêsus Christ cứu chúng ta bởi sự vâng lời hoàn hảo của Ngài. Calvin nói trong quyển *Bản Tóm Tắt Những Điều Cơ Bản của Cơ Đốc Giáo* của ông, “... về mặt tổng quát Ngài đã hoàn thành nó [sự chuộc tội] cho chúng ta bởi sự vâng lời hoàn toàn của Ngài. Điều này được minh chứng bởi lời chứng của Phao-lô, 'Vì, như bởi sự không vâng phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội, thì cũng một lẽ ấy, bởi sự vâng phục của một người mà mọi người khác sẽ đều thành ra công bình' (Rôm 5:19).” Calvin tiếp tục nói, “Tóm lại, từ lúc Ngài còn ở trong bản tính của một người đầy tớ, Ngài đã bắt đầu trả giá cho sự giải cứu của chúng ta nhằm mua chuộc chúng ta.” Calvin ghi chú rằng Bản Tín Điều Các Sứ Đồ nói về sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ một cách đặc biệt, “điều đó bao gồm một số tiền của sự cứu rỗi hoàn hảo.” Không còn có một sự loại trừ của sự vâng lời nào nữa điều mà Ngài đã thực hiện trong đời sống của Ngài; như Phao-lô hiểu tổng thể của nó, từ đầu đến cuối, khi ông nói, rằng Ngài 'đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người; ... vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự' (Phil 2:7-8).”

Trong quyển *Hệ Thống Thần Học*, Charles Hodge không nói nhiều về sự vâng lời chủ động của Đấng Christ, nhưng ông làm cho giáo lý này tỏ tường, “... vì sự vượt trội của đạo đức của chúng ta, thói quen hay trên thực tế, không và không thể trở thành nền tảng của sự tuyên bố phán xét [như giáo lý về sự xưng công bình được bao gồm]. Vậy nền tảng này là gì? Kinh Thánh và dân sự của Đức Chúa Trời, đồng thanh trả lời, 'sự công bình của Đấng Christ.' ... nó là ... câu trả lời

được đáp lại bởi mọi tâm lòng của mỗi tín đồ. Anh ta dựa vào sự chấp thuận của Đức Chúa Trời, chứ không phải trên chính mình, nhưng trên Đấng Christ, không trên những gì anh ta là thứ gì hoặc những gì anh ta đã làm, nhưng trên Đấng Christ là ai và những gì Ngài đã làm cho anh ta. Bởi sự công bình của Đấng Christ nó nói lên tất cả rằng Ngài đã trở thành người, chịu thương khó để thỏa mãn những yêu cầu của sự công bằng thiêng liêng, và lập công đức cho dân sự của Ngài về sự tha thứ tội lỗi và món quà của sự sống đời đời.” Nói cách khác, Jêsus Christ đã giữ Mười Điều Răn trong danh nghĩa của chúng ta để giành sự công bình điều mà chúng ta cần có để vào thiên đàng. Áo choàng công bình của chúng ta không phải được tự làm hay được làm bởi tay người ta nhưng bởi Đấng Christ.

Đấng Christ cứu dân sự của Ngài bởi sự vâng lời chủ động (active obedience) và thụ động (passive obedience) của Ngài. Sự vâng lời chủ động nói về việc Ngài giữ Luật Pháp, trong khi sự vâng lời thụ động nói về những sự chịu đựng của Ngài trên đất và sự chết của Ngài trên thập tự giá. Mặc dù sự khác biệt này là thuộc về Kinh Thánh học, nhưng nó là quan trọng để hiểu rằng sự vâng lời chủ động và thụ động của Đấng Christ không phải là hai sự vâng lời nhưng là một sự vâng lời hoàn toàn và thống nhất.

Sự vâng lời chủ động và thụ động của Đấng Christ đơn giản là hai khía cạnh của một sự vâng lời của Đấng Christ.

Sự vâng giữ Luật Pháp và sự khổ nạn của Đức Chúa Trời trên Thập Tự Giá là vì một mục đích duy nhất của việc cứu rỗi dân sự của Ngài ra khỏi tội lỗi của họ. Chúng ta được xưng công bình bởi huyết của Ngài điều tượng trưng cho sự sống của Ngài cũng như sự chết của Ngài. Sự vâng lời của Đấng Christ bao gồm tất cả những gì Ngài làm trong việc làm thỏa mãn những yêu cầu của luật pháp từ lúc Ngài sanh ra cho đến lúc Ngài chết (Gal 4:4-5). A. A. Hogde nói rất đúng, “Ngài đã sống cả cuộc đời của Ngài, từ lúc sanh ra cho đến lúc chết của Ngài, như là người đại diện của chúng ta, vâng giữ luật pháp và chịu khổ thay thế cho chúng ta; và trong toàn khoảng thời gian này,

tất cả sự khổ nạn của Ngài là sự vâng lời và tất cả sự vâng lời của Ngài là sự khổ nạn ... Cuộc sống trên đất của Ngài với sự khổ nạn, [Ngài] hủy bỏ sự trừng phạt, và, với sự vâng lời [Ngài] làm trọn mệnh lệnh và đảm bảo phần thưởng đã được hứa.”

A. A. Hodge tiếp tục nói, “Vi vậy sự bền đỗ trong sự mang lấy hình phạt tội lỗi đòi hỏi ở Đấng Christ đặng tội lỗi của dân sự Ngài được chuộc. Và sự vâng lời hoàn hảo được đòi hỏi một thời kỳ nhất định, đặng họ có thể được tiến gần đến với ân điển một cách công bình điều mà đã có, từ ban đầu, đã được dâng lên cho điều kiện đó duy nhất. Sự vâng lời chủ động và thụ động của Đấng Christ, sự chịu đựng của sự trừng phạt cho sự tha thứ tội lỗi, và sự vâng lời luật pháp vì sự sống, chỉ là một sự thỏa mãn hoàn toàn và hoàn hảo của cả luật pháp trong những sự liên quan của nó.”

Giáo lý của sự vâng lời thụ động (passive obedience) luôn được nhấn mạnh, nhưng đáng tiếc sự vâng lời chủ động (active obedience) của Đấng Christ khá bị lãng quên trong các hội thánh và trường Kinh Thánh. Cơ Đốc Nhân không nên vô tâm đến nét đặc trưng quan trọng về sự vâng lời của Đấng Christ. Những lời cuối cùng của J Gresham Machen, nhà thần học Kinh Thánh lỗi lạc, “Sự vâng lời chủ động của Đấng Christ ... không có hy vọng nếu không có nó.” Amen!

MỘT SỰ CHUỘC TỘI

Sự vâng lời chủ động của Đấng Christ là đời sống thánh khiết, và sự vâng lời thụ động là sự chịu khổ của Ngài trên thập tự giá. Chúng không phải là hai sự chuộc tội, nhưng chỉ là một sự chuộc tội mà thôi. Điều này nhấn mạnh rằng sự vâng lời chủ động và thụ động của Đấng Christ là hai phương diện của một sự chuộc tội.

Nếu Đấng Christ không sống một đời sống vô tội trong một sự vâng

lời luật pháp thánh của Đức Chúa Trời hoàn toàn và tuyệt đối, thì Ngài đã không thể dâng một của lễ hoàn hảo “không tí vít” theo như sự tương đồng của của lễ chuộc tội của Cựu Ước. Chúa đã sống một đời sống hoàn hảo như Đức Chúa Trời biểu lộ trong xác thịt. Ngài đã dâng một đời sống hoàn hảo như một của lễ hoàn hảo trên thập tự giá, như trên bàn thờ của đền thờ ở trên trời. Sự sống lại của Ngài đã đem lại một bằng chứng xác thực minh chứng rằng đời sống hoàn hảo của Ngài và của lễ hoàn hảo của Ngài là một sự chiến thắng cho chúng ta, một sự chiến thắng trên những kẻ thù của Ngài và của chúng ta. Ấy là bởi vì sự vâng lời chủ động của Đấng Christ nhờ đó mà chúng ta có thể “được ở trong Ngài, được sự công bình, không phải công bình của tôi [của chúng ta] ... bèn là bởi tin đến Đấng Christ mà được, tức là công bình của Đức Chúa bởi đức tin” (Phil 3:9).

Chúng ta có một Cứu Chúa trọn vẹn, chân thật và hoàn hảo, Đấng đã từ bỏ hết mọi sự đặng cứu chúng ta khỏi tội lỗi, và giành lấy sự công bình cho chúng ta, điều mà chúng ta cần có để được vào thiên đàng. Đó là lý do tại sao Kinh Thánh nói rằng Đấng Christ là Cội Rễ và Cuối Cùng của đức tin của chúng ta. Hê-bơ-rơ 5:8-9 nói với chúng ta, “Dầu Ngài là Con, cũng đã học tập vâng lời bởi những sự khốn khổ mình đã chịu, và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi, thì trở nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài.” Khi chúng ta có một Đấng Cứu Thế tuyệt vời như vậy, chúng ta được yêu cầu để tiếp tục “nhìn xem Đức Chúa Jêsus, là cội rễ và cuối cùng của đức tin, tức là Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá, khinh điều sỉ nhục, và hiện nay ngồi bên hữu Ngài Đức Chúa Trời” (Hêb 12:2). Jêsus đã thực hiện công việc cứu chuộc mọi lúc mọi ngày suốt cả cuộc đời của Ngài trên đất.

BẢN TÁNH THÁNH KHIẾT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời là thánh khiết và Ngài đòi hỏi chúng ta cũng trở nên thánh khiết. Khi Chúa Jêsus giảng, trong Bài Giảng Trên Núi, “Thế thì các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn” (Mat 5:48), Ngài đang chắc chắn nói về nhiều phân đoạn trong Cựu Ước đòi hỏi sự thánh khiết của dân sự của Đức Chúa Trời trên một nền tảng của sự thánh khiết của chính bản tánh của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus chắc chắn có trong trí mình những phân đoạn như Phục Truyền 18:13, “Ngươi phải ở trọn vẹn với Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi.” “Vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi; ta là thánh, nên các ngươi phải nên thánh, thì sẽ được thánh ... Vì ta là Đức Giê-hô-va, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô để làm Đức Chúa Trời của các ngươi; các ngươi phải nên thánh, vì ta là thánh ... Hãy nên thánh, vì ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, vốn là thánh” (Lêv 11:44-45; 19:2).

Những hàm ý trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trên các tạo vật của Ngài được nhấn mạnh rõ ràng trong khái tượng của Ê-sai về ngài của Đức Chúa Trời. Ê-sai đã kể lại kinh nghiệm đáng sợ của ông, “Về năm vua Ô-xia băng, tôi thấy Chúa ngồi trên ngôi cao sang, vạt áo của Ngài đầy dẫy đèn thờ. Những sê-ra-phim đứng bên trên Ngài; mỗi Sê-ra-phim có sáu cánh, hai cái che mặt, hai cái che chân và hai cái dùng để bay. Các Sê-ra-phim cùng nhau kêu lên rằng: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân! Khắp đất đầy dẫy sự vinh hiển Ngài! Nhân tiếng kêu đó, các nền gạch cửa rung động, và đèn đầy những khói. Bấy giờ tôi nói: Khôn nạn cho tôi! Xong đời tôi rồi! Vì tôi là người có môi dơ dáy, ở giữa một dân có môi dơ dáy, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân!” (Ê-sai 6:1-5). Ngoại trừ Đức Chúa Trời thanh tẩy chúng ta khỏi tội lỗi, và làm chúng ta trở nên thánh khiết, chúng ta không thể nào có thể đến gần sự hiện diện rất thánh của Ngài.

Đức Chúa Trời Ba Ngôi thánh khiết không bao giờ, và không thể nào

bỏ qua tội lỗi. Những tội nhân sẽ bị đoán xét trong ngày đó và bị trừng phạt bởi Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ “chắc chắn là không hề xóa sự vi phạm” (Xuất 34:4-7). Tội lỗi không bị trừng phạt trong đời này sẽ bị trừng phạt trong đời sau (Khải 20:13-15). Nếu những quan xét thuộc thế gian không thể cho phép những kẻ phạm tội mà không bị trừng phạt, huống gì Quan Xét ở trên trời sẽ trừng phạt những kẻ phạm tội chống nghịch Ngài là biết dường bao.

Ha-ba-cúc nói về bản tánh thánh khiết của Đức Chúa Trời, “Mắt Chúa thánh sạch chẳng nhìn sự dữ, chẳng có thể nhìn được sự trái ngược” (Hab 1:13). Những lời này của Ha-ba-cúc không nên bị lấy ra khỏi văn mạch, vì ông tiếp tục nói, “Sao Ngài nhìn xem kẻ làm sự dối trá, khi kẻ dữ nuốt người công bình hơn nó, sao Ngài nín lặng đi?” Câu trả lời của Ha-ba-cúc cho câu hỏi này là những người phạm tội sẽ đi đến “sự phán xét” (c 12), và trong cùng một lúc, “người công bình sẽ sống bởi đức tin” (Hab 2:4). Nói cách khác, bản tánh thánh khiết của Đức Chúa Trời phải yêu cầu mọi tội lỗi phải bị trừng phạt. Đức tin trong sự phán xét để trừng trị của Đức Chúa Trời là một yếu tố mạnh mẽ trong sứ điệp đức tin toàn vẹn của lời tiên tri của Ha-ba-cúc.

Những hàm ý của bản tánh thánh khiết của Đức Chúa Trời được trình bày một cách sinh động trong thơ tín Hê-bơ-rơ, “Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay!” (Hêb 10:31). “Vì nếu không nên thánh thì chẳng ai được thấy Đức Chúa Trời” (Hêb 12:14). Những ai khước từ Phúc Âm của Đấng Christ và sự vinh hiển của thế giới hầu đến chỉ có thể trông chờ đối diện cơn thịnh nộ và sự đoán xét của Đức Chúa Trời, “vì Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (Hêb 12:29).

Mọi người đã nói, nó là quan trọng để biết rằng Đức Chúa Trời của Kinh Thánh ghét tội lỗi và sẽ chắc chắn trừng phạt tội lỗi. Con thịnh nộ của Ngài chống nghịch lại mọi tội lỗi và sự đòi bại trái ngược với bản chất thánh khiết của Ngài, được bày tỏ trong những sự phán xét hiện tại, và được nói trước một cách nghiêm nghị và mạnh mẽ chắc

chấn trong ngày phán xét cuối cùng hầu đến.

NGUYÊN TẮC ĐẠI DIỆN

Nguyên tắc đại diện là một sự thật về cuộc sống loài người và được thấy xuyên suốt lịch sử loài người. Chúng ta hoạt động thông qua những người đại diện của chúng ta và gánh lấy trách nhiệm, không chỉ những cá nhân cô lập mà thôi, nhưng cũng như những thành viên cá nhân của cộng đồng chúng ta.

Buswell chứng minh nguyên tắc này bằng việc biện luận từ Kinh Thánh và xã hội. Ông viết, “Trong lịch sử Kinh Thánh, thật rõ ràng, một cách nổi bật rằng Đức Chúa Trời không chỉ đối xử với mỗi cá nhân, nhưng cũng với các gia đình, với các quốc gia, và với dòng dõi loài người như sự liên kết, nhưng một sự liên kết trong đó mỗi trách nhiệm cá nhân không bao giờ bị nhấn chìm hay bị bãi bỏ bởi trách nhiệm của nhóm.

Vậy nguyên tắc đại diện có thể được ví dụ: Tôi là một công dân của nước Singapore bởi vì tôi được sinh ra bởi cha mẹ của tôi là những người Singapore. Tôi trở thành một người Singapore bởi sự đại diện của cha mẹ của tôi, tôi có thể chọn di cư hay nhận diện mình với một quốc gia khác.

Vậy nói theo cách thần học, “Tôi là một tội nhân gian ác, phạm tội và hư hoại, trong Vườn Ê-đen. Tôi đã không ở đó nhưng người đại diện của tôi đã ở đó hành động cho tôi. Tôi bị dính líu không chỉ đơn giản bởi vì sự liên kết sinh học của dòng dõi loài người, nhưng liên quan đến nguyên tắc đại diện. Nhưng tôi đã khước từ người đại diện của tôi, bởi người đó mà tôi là một người phạm tội và một tội nhân hư hoại. Tôi đã chết cho những tội lỗi của tôi trên thập tự giá ở Ca-va-ry vào năm 30 SC. Tôi đã không ở đó, nhưng Người Đại Diện của tôi đã

ở đó. Tôi đã chọn chấp nhận Ngài như là Người Đại Diện, bởi Đấng Chủ Tể của giao ước, Người Mang Tội Lỗi thay thế cho tôi. Tôi đã đi đến với Ngài, như là “ra khỏi trại” (Hêb 13:12-13).

Vì nguyên tắc đại diện là đúng và dễ hiểu trong đời sống con người, thì giáo lý của sự chuộc tội thay thế không chỉ được dạy minh bạch trong Kinh Thánh, nhưng nó còn dễ hiểu một cách hữu lý và theo luân thường đạo lý.

Giáo lý phù hợp Kinh Thánh về sự chuộc tội, giáo lý mà Đấng Christ đã chết cho tội lỗi của tôi, trong vị trí của tôi, như là Đấng Thay Thế của tôi, được xây dựng một cách hợp lý trên nguyên tắc đại diện. Như A-đam trong tội lỗi của ông đại diện cho tôi, và thông qua hành động của ông tôi trở thành một phạm nhân, cũng vậy Đấng Christ trên thập tự giá đại diện cho những người được chọn của Ngài như một Người Cầm Đầu liên bang hay giao ước (Rôm 5:12-21). Vậy Đấng Christ là Đấng Thay Thế duy nhất và tốt nhất cho sự cứu rỗi của tội nhân.

GAO ƯỚC VIỆC LÀM

Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là một Đức Chúa Trời giao ước. Ngài liên hệ với con người theo các giao ước của Ngài. Một giao ước trong ý nghĩa Kinh Thánh là một sự đồng ý giữa Đức Chúa Trời và con người nơi Đức Chúa Trời hứa đặt ban phước con người nếu và khi con người giữ sự quy định (các quy định) được đặt ra bởi Ngài.

“Giao ước đầu tiên được làm với con người là một giao ước của việc làm, nơi mà sự sống được hứa cho A-đam, và ở ông và cho hậu tự của ông, dựa trên điều kiện của sự vâng lời hoàn hảo và cá nhân” (Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster, 7:2). Trong Vườn Ê-đen, Đức Chúa Trời đã thiết lập một giao ước của việc làm với A-đam. Đức Chúa Trời đã hứa với A-đam sự sống đời đời trên điều kiện của sự

vâng lời hoàn hảo. Nếu A-đam thực hiện điều đó một cách hoàn hảo bởi việc không ăn trái cấm của cây biết điều thiện và điều ác, ông đã có thể sống đời đời, và sẽ không chết.

Đức Chúa Trời đã tạo nên A-đam với một ý chí tự do. A-đam, trong tình trạng vô tội, có tự do, và có quyền chọn và làm những gì đúng và đẹp lòng Đức Chúa Trời; nhưng cũng cùng thời điểm, ông có khả năng để không vâng lời, và cũng vậy cũng có thể sa ngã.

Trong giao ước của việc làm, A-đam là người đại diện và người cầm đầu một liên bang của dòng dõi loài người. Vì vậy, những gì ông ấy đã làm, ông ấy đã làm trên danh nghĩa của toàn thể nhân loại (Rôm 5:12, 19). A-đam đã ở dưới sự thử thách trong Vườn. Ông đã phụ thuộc vào sự thử thách đó. Ông được ban cho sự tự do của ý chí để chọn lựa giữa Đức Chúa Trời và chính mình, giữa sự vâng lời hay sự nổi loạn (Sáng 2:15-17). Sự sống đời đời không phải được ban cho một cách tự động; nó phải được giành lấy. Đức Chúa Trời đã hứa với A-đam sự sống đời đời nếu ông vâng lời (Rôm 7:10). Sự không vâng lời đã chịu hình phạt của sự chết đời đời (Rôm 6:23).

A-đam đã không vâng lời Đức Chúa Trời, sa vào tội lỗi (Sáng 3:1-7), và đó là lý do tại sao thế gian ngày nay đang ở trong tình trạng khốn khổ như vậy—sự đau khổ, bệnh tật, đau đớn, chiến tranh, tình trạng vô đạo đức, gia đình đổ vỡ, v.v. là bởi vì tội lỗi ban đầu của con người chống nghịch lại với Đức Chúa Trời.

Con người bị đổ lỗi vì những sự đau khổ của thế giới này, chứ không phải Đức Chúa Trời.

HAI CÂY TRONG VƯỜN Ê-ĐEN

Cây sự sống và cây biết điều thiện và điều ác là những cây có thật trong lịch sử (Sáng 2:9, 16-17). Hai cây đặc biệt này có ý nghĩa gì?

Cây sự sống tượng trưng cho sự sống đời đời (Sáng 3:22-24; xem Khải 2:7; 22:2,14). Con người được tự do để ăn lấy cây của sự sống trước khi trở nên tội lỗi. Nó là một biểu tượng của sự sống và sự vâng lời. Nó nên được nhìn thấy trong cùng một cách của hệ thống lễ lễ của Cựu Ước, và những thánh lễ trong Tân Ước, được nhìn như một biểu tượng của đức tin nơi Đức Chúa Trời của một tín đồ. A-đam trong Vườn Ê-đen đã ở dưới sự thử thách. Ông đã chưa ở địa vị làm con thuộc linh đời đời. Nếu giả sử ông đã chọn ăn trái của cây này, thì ông sẽ được nhắc cao lên vị trí đời đời này, và hậu tự của ông sẽ được tận hưởng tương tự.

Cây sự sống không phải là kỳ ảo. Ý tưởng về việc ăn trái cây sẽ đem đến sự sống lâu về thuộc thể và được sự miễn dịch là sai. Nó cũng không phải là cây thần thoại. Quan điểm thần thoại từ chối tính chân thật của lịch sử của sự ký thuật của Sáng Thế Ký.

Cây biết điều thiện và điều ác không được xem như là cây mang tính kỳ ảo hoặc thần thoại, nhưng trong ý nghĩa tượng trưng. Cụm từ “thiện và ác” được hiểu về mặt luân thường đạo lý hay đạo đức (Phục 1:39; 30:15; II Sam 14:17; I Các 3:9; Ê-sai 5:20; 7:15-16; A-mốt 5:14-15; Mi-chê 3:2). Sự hiểu biết này được nói đến không phải là một sự hiểu biết liên quan đến sự nhận thức trong sạch. (Chúng ta có thể phỏng đoán từ Sáng thế ký 2:16-17 rằng A-đam biết trong trí của mình về sự xấu xa của việc không vâng lời và sự tốt lành của việc vâng lời thậm chí trước khi ông phạm tội). Sự hiểu biết này đúng hơn là sự hiểu biết liên quan đến kinh nghiệm. Nó là sự hiểu biết của hành động và trách nhiệm (Sáng 3:6; xem I Giăng 2:15-17). Việc ăn trái cấm là một hành động bất tuân Đức Chúa Trời. Điều này đem lại sự chết trong thuộc thể, thuộc linh và đời đời. Con người đã trở thành

một kẻ thù của Đức Chúa Trời. Nó là sự phân rẽ khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời và một sự gián đoạn mối thông công với Ngài (Sáng 2:7; xem Rôm 6:23).

GIAO ƯỚC ÂN ĐIỂN

“Con người, bởi sự sa ngã của mình, đã khiến chính mình không có khả năng sống bằng giao ước đó, Chúa đã hài lòng làm cái thứ hai, thường được gọi là giao ước ân điển; bởi đó Ngài đã ban cho tội nhân sự sống và sự cứu rỗi bởi Chúa Jêsus Christ; đòi hỏi họ có đức tin trong Ngài, để họ có thể được cứu, và hứa ban Đức Thánh Linh cho tất cả những ai được định cho sự sống đời đời, đặng khiến họ tự nguyện, và có khả năng để tin” (Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster, 7:3).

Vì tội nhân không thể cứu chính họ, nên Đức Chúa Trời sai Con của Ngài—Chúa Jêsus Christ—để cứu họ khỏi tội lỗi. Điều này hoàn toàn là bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Con người không xứng đáng với sự cứu rỗi của Ngài, nhưng Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót qua Đấng Christ. Đó là tại sao nó được biết đến là Giao Ước Ân Điển, và ÂN ĐIỂN tượng trưng cho “Sự giàu có của Đức Chúa Trời trả giá bởi Đấng Christ [GRACE = God's Riches at Christ's Expense].”

Trong Cựu Ước, con người được cứu khi họ bởi đức tin hướng về những gì Đấng Christ sẽ làm trên Thập Tự Giá như được tìm thấy trong những lời hứa, lời tiên tri, những của lễ của Luật Pháp và những Tiên Tri. Con người trong Tân Ước được cứu khi họ bởi đức tin nhìn về quá khứ về những gì Đấng Christ đã làm cho họ trên Thập Tự Giá như được khai tỏ trong các Phúc Âm và các Thư Tín.

Ví dụ như Áp-ra-ham được cứu bởi ân điển thông qua đức tin trong Đấng Christ duy nhất, “Vì Kinh thánh có dạy chi? Áp-ra-ham tin Đức

Chúa Trời, và điều đó kể là công bình cho người” (Rôm 4:3). Chính Chúa Jêsus đã nói, “Cha các ngươi là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ” (Giăng 8:56). Thông qua con mắt của đức tin dựa trên những lời hứa của Đức Chúa Trời, Áp-ra-ham đã thấy những gì Chúa Cứu Thế của ông sẽ thực hiện trong ngày đó để cứu ông khỏi tội lỗi. Cùng một đức tin đó được vận dụng bởi những ai tin nơi Đấng Christ ngày nay, “Vậy chúng ta đã được xưng công bình bởi đức tin, thì được hòa thuận với Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, là Đấng đã làm cho chúng ta cậy đức tin vào trong ơn này là ơn chúng ta hiện đang đứng vững [như Áp-ra-ham]; và chúng ta khoe mình trong sự trông cậy về vinh hiển Đức Chúa Trời” (Rôm 5:1-2). “Đức tin không thể đứng vững được ngoại trừ nó được đứng trên những lời hứa của Đức Chúa Trời” (Calvin).

Nhân Vật Trọng Tâm của Giao Ước Ân Điển không ai khác hơn là Chúa Jêsus Christ. Ngài là Đấng Trung Bảo của Giao Ước Ân Điển.

Giao Ước Ân Điển được thiết lập bởi Đức Chúa Trời sau sự sa ngã của con người trong Vườn Ê-đen khi phúc âm đầu tiên được rao giảng (Sáng 3:15). Nó được bắt đầu bởi Đức Chúa Trời thậm chí mặc dù con người không xứng đáng để được cứu (Sáng 3:21; 4:1-5, xem Giăng 15:16; Rôm 5:8; Hêb 9:22). Nó là một giao ước đầy ân điển.

Vì Đức Chúa Trời là thành tín và chân thật, Ngài sẽ làm trọn và hoàn thành những gì Ngài đã hứa (Sáng 17:1-8; II Sam 23:5; Hêb 13:20). Mặc dù con người có thể vi phạm những quy định của giao ước, nhưng mối quan hệ giao ước không thể bị đổ vỡ (Hêb 10:23; I Têr 5:24). Nó là một giao ước không thể hủy bỏ được.

Sự cứu rỗi của con người không dựa trên những việc lành hay những công đức cá nhân (Êph 2:8-9; Tít 3:5). Nó dựa trên công việc đã được làm trọn của Đấng Christ trong sự sống và sự chết của Ngài (Gal 2:20; 4:4-5; Mat 3:15; 5:17-18; Hêb 4:14-16; 10:10-12; Giăng 1:29, 36). Bởi đức tin, một Cơ Đốc Nhân tin mọi thứ đều chân thật rằng

điều ấy được khai tỏ trong Kinh Thánh, vâng lời những mạng lệnh, run sợ trước những lời cảnh báo, và ôm chặt những lời hứa của Đức Chúa Trời cho đời sống này và cho đời sống hầu đến. Như vậy, đức tin cứu rỗi là sự tiếp nhận, nhận lấy, và yên nghỉ trên duy Đấng Christ vì sự xưng công bình, sự thánh hóa, và sự sống đời đời, bởi công hiệu của Giao Ước Ân Điển. Đây là một giao ước vô điều kiện.

Giáo Ước Ân Điển giống nhau về bản chất như trong Cựu Ước và Tân Ước: (1) Lời hứa giống nhau - “Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của ngươi” (Sáng 17:7; Xuất 19:5; 20:1; Phục 29:13; II Sam 7:14; Giê 31:33; Hêb 8:10). (2) Phúc âm giống nhau - “Sự cứu rỗi thuộc về Đức Giê-hô-va” (Thi 3:8; Giô-na 2:9; Ê-sai 43:11; Công 4:12; Khải 7:10; v.d., Áp-ra-ham [Gal 3:8-9, Lu-ca 24:27; Giảng 5:46; 8:56]). (3) Những ý nghĩa của sự cứu rỗi giống nhau - “bởi ân điển thông qua đức tin” (Hab 2:4; Rôm 4:1-3; Êph 2:8-9; Gal 3:7-9; Hêb 11:6). (4) Đấng Trung Bảo giống nhau - “Đức Chúa Jêsus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi” (Hêb 13:8; Giảng 14:6; Công 4:12; Sáng 3:21; 4:4).

Cũng vậy, những thánh lễ cũng chia sẻ chung một ý nghĩa mặc dù chúng khác nhau trong nghi thức và cách thức. Trong Cựu Ước, những thánh lễ là Lễ Vượt Qua và lễ cắt bì. Trong Tân Ước, chúng là Lễ Tiệc Thánh và lễ báp-tem bằng nước. Tất cả chúng dùng như là những dấu hiệu và ấn chứng của Giao Ước Ân Điển (Sáng 17:10-11; Rôm 4:11; I Côr 5:7; Côi 2:11-12).

“Bất cứ khi nào từ 'giao ước' tìm thấy trong Kinh Thánh, chúng ta phải nhớ đến từ 'ân điển’” (Calvin).

GIAO ƯỚC VÀ TRUYỀN GIÁO

Khái niệm giao ước là sự quan trọng cao cả nhất cho sự hiểu biết của chúng ta và của sự truyền giáo. Chúng ta có một Đức Chúa Trời của Giao Ước, và chúng ta giảng về Kinh Thánh là một Đức Chúa Trời gìn giữ giao ước, và Ngài không thể nói dối (Hêb 6:18), Ngài cũng không thể từ chối chính Ngài được (II Tim 2:13). Khi chúng ta giảng Phúc Âm hiển tặc sự cứu rỗi cho mọi người người mà sẽ tin, chúng ta giảng với một sự tự tin đầy tràn vì lời hứa phúc âm là hoàn toàn đúng, và được đảm bảo trọn vẹn bởi một Đức Chúa Trời toàn năng Đấng không hề thay đổi (Mal 3:6; Hêb 13:8). Những lời hứa của Đức Chúa Trời là luôn luôn Vâng và Amen, được ấn chứng bởi huyết báu của Chúa Jêsus Christ trên Thập Tự Giá ở Gô-gô-tha.

Sự chuộc tội vẫn giữ nguyên sự thật dựa trên lời hứa của Đức Chúa Trời và giao ước. Sự thật này đã được kinh nghiệm bởi những người của Đức Chúa Trời suốt mọi thời đại. Những giáo lý có giá trị rất lớn cho sự truyền giáo và suy gẫm, nhưng chúng không có giá trị nếu chúng không có căn cứ và không chân thật. “Nhu vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đức Chúa Trời được rao giảng” (Rôm 10:17), và Lời của Đức Chúa Trời là Lẽ Thật (Giăng 17:17). Vô số người nam và nữ đã bày tỏ những bài làm chứng của họ trong lời tương tự như lời của người bị mù từ thuở mới sanh: “Tôi chỉ biết một điều, là tôi đã mù mà bây giờ lại sáng” (Giăng 9:25). Điều đó là một sự thật không thể bàn cãi được rằng trong Đấng Christ “chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội, theo sự dư dật của ân điển Ngài” (Êph 1:7).

Con người hoàn toàn bị hư mất và vô vọng nếu họ cứ ở dưới sự công bình riêng của sự tuân thủ luật pháp tuyệt đối và những việc làm hư không. Nhưng tin tức tốt lành ở đây là, “Nhưng hiện bây giờ, sự công bình của Đức Chúa Trời, mà luật pháp và các đấng tiên tri đều làm chứng cho, đã bày tỏ ra ngoài luật pháp: tức là sự công bình của Đức

Chúa Trời, bởi sự tin đến Đức Chúa Jêsus Christ, cho mọi người nào tin. Chẳng có phân biệt chi hết, vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và họ nhờ ân điển Ngài mà được xưng công bình nhưng không, bởi sự chuộc tội đã làm trọn trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Đấng Đức Chúa Trời đã lập làm của lễ chuộc tội, bởi đức tin trong huyết Đấng ấy. Ngài đã bày tỏ sự công bình mình như vậy, vì đã bỏ qua các tội phạm trước kia, trong buổi Ngài nhin nhục; tức là Ngài đã tỏ sự công bình Ngài trong thời hiện tại, tỏ ra mình là công bình và xưng công bình kẻ nào tin đến Đức Chúa Jêsus” (Rôm 3:21-26).

Lời của Đức Chúa Trời là một Sự Thật chứ không phải là Chuyện Hư Cấu. “Như vậy, đức tin đến bởi việc nghe, mà nghe là bởi lời của Đức Chúa Trời được rao giảng” (Rôm 10:17).

SỰ VINH HIỂN CỦA THẬP TỰ GIÁ

Từ “vinh hiển” tất nhiên có ý nói về vẻ lộng lẫy, sự huy hoàng, hay là những gì được ngưỡng mộ. Trong Phúc Âm của Giảng, có nhiều phân đoạn trong đó có từ này được chỉ về thập tự giá ngụ ý rằng trong thập tự giá đó sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ một cách tối cao.

Một phân đoạn như vậy được tìm thấy trong Giảng 12. Chúa Jêsus đang dạy dỗ; đám đông đang ở đó. Phi-líp và Anh-rê vừa mới đưa đến trước Jêsus mấy người khách Gờ-réc. “Đức Chúa Jêsus bèn đáp rằng: Giờ đã đến, khi Con Người sẽ được vinh hiển. Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình; nhưng nếu chết đi, thì kết quả được nhiều” (c 23-24).

Sau một vài lời liên quan đến bản chất hy sinh của chức vụ môn đồ:

“Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất đi, ai ghét sự sống mình trong đời này thì sẽ giữ lại đến sự sống đời đời. Nếu ai hầu việc ta, thì phải theo ta, và ta ở đâu, thì kẻ hầu việc ta cũng sẽ ở đó; nếu ai hầu việc ta, thì Cha ta ắt tôn quý người” (c 25-26). Chúa Jê-sus tiếp tục nói, “Hiện nay tâm thần ta bối rối; ta sẽ nói gì? Lạy Cha, xin cứu Con khỏi giờ này! Nhưng ấy cũng vì sự đó mà Con đến giờ này! Cha ơi, xin làm sáng danh Cha! Bấy giờ có tiếng từ trên trời phán xuống rằng: Ta đã làm sáng danh rồi, ta còn làm cho sáng danh nữa” (c 27-28).

Dưới sự thật của những gì Chúa Jê-sus đã nói trong câu 23, “Giờ đã đến, khi Con Người sẽ được vinh hiển,” nó khá rõ ràng rằng Chúa Jê-sus đang ám chỉ đến sự đóng đinh của Ngài. Vì lẽ đó Giăng sử dụng từ “vinh hiển” ở đây để nói về thập tự giá, soi sáng câu 16 của cùng phân đoạn. “Môn đồ trước vốn không hiểu điều đó [sự ứng nghiệm của lời tiên tri về sự tiến vào thành hoan hỉ]; nhưng đến khi Đức Chúa Jê-sus đã được vinh hiển [sự đóng đinh của Ngài tiếp sau đó là sự sống lại], mới nhớ lại những sự đó đã chép về Ngài, và người ta đã làm thành cho Ngài” (Giăng 12:26). Nó chưa xảy ra cho đến khi các môn đệ của Ngài nhận biết được trọn ý nghĩa của lời tiên tri về thập tự giá được ứng nghiệm. Không thập tự giá, không vương miện.

Việc sử dụng từ, “vinh hiển,” trong Giăng 12 làm sáng tỏ lời nói, “Jê-sus chưa được vinh hiển” trong Giăng 7:39, “dòng nước sống” tuôn chảy từ những tấm lòng của những tín đồ, đó là, chương trình truyền giáo cho thời đại này, đã không được bắt đầu cho đến khi sau thập tự giá.

Việc nói đến sự “vinh hiển” trong Giăng 12:41tt không chỉ nói về thập tự giá mà thôi, nhưng còn nói về ngôi vua nữa. Trong những câu trước, Giăng trích Ê-sai 53:1, “Ai tin điều đã rao truyền cho chúng ta, và cánh tay Đức Giê-hô-va đã được tỏ ra cho ai?” Trong sự giải thích sự thật kỳ lạ của sự vô tín Giăng trích dẫn thêm, “Ngài đã khiến mắt họ mù, lòng họ cứng, hầu cho mắt chẳng thấy, lòng chẳng hiểu,

không tự hồi cải, và ta chẳng chữa lành cho” (Ê-sai 6:9 như được trích trong Giăng 12:40). Điều này xảy ra ngay sau những lời buồn bã mà Giăng nói, “Ê-sai nói điều đó, khi thấy sự vinh hiển của Ngài và nói về Ngài” (Giăng 12:41). Xem “sự vinh hiển của Ngài” chắc chắn nói về Ê-sai 6:1, “Tôi thấy Chúa ngồi trên ngai cao sang.” Khái tượng của Ê-sai là một sự xem trước về sự vinh hiển tối cao mà đã được biểu lộ nơi thập tự giá.

Giăng tiếp tục, “Nhưng, trong hàng quan trưởng cũng có nhiều người tin Đức Chúa Jê-sus; song vì có người Pha-ri-si, nên không xưng Ngài ra, sợ bị đuổi khỏi nhà hội chẳng. Vì họ chuộng danh vọng bởi người ta đến hơn là danh vọng bởi Đức Chúa Trời đến” (c 42-43). Vì những quan trưởng này đã tin vào Chúa Jê-sus nhưng không dám xưng nhận Ngài bởi vì họ thích sự vinh hiển của con người hơn là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ấy là sự vinh hiển của thập tự giá thật là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Vì nếu họ xưng nhận Chúa Jê-sus họ sẽ bị bắt bớ và khổ nạn.

Thật hổ thẹn thay khi một Cơ Đốc Nhân cảm thấy xấu hổ vì Đấng Christ và Phúc Âm của Ngài. Không một tín đồ nào nên giấu giếm đức tin của mình. Người ấy phải công khai công bố, và chuẩn bị để chịu khổ vì điều đó. Nếu Đấng Christ đã không cảm thấy xấu hổ để chịu sỉ nhục công khai nhằm để cứu chúng ta khỏi tội lỗi, vậy thì làm thế nào chúng ta lại cảm thấy xấu hổ khi xưng nhận Danh của Ngài và rao giảng Phúc Âm của Ngài cho người khác? Calvin nói, “Trong thập tự giá của Đấng Christ, giống như trong một sân khấu trống lếch, sự tốt lành vô giá của Đức Chúa Trời được bày tỏ trước toàn thế gian.”

Trong Giăng 13 sự đóng đinh được ám chỉ đến sự vinh hiển của Đấng Christ, Giu-đa vừa mới lấy miếng bánh và đi ra, khi đó Chúa Jê-sus nói, “Hiện bây giờ Con Người được vinh hiển, và Đức Chúa Trời được vinh hiển nơi Con Người. Đức Chúa Trời cũng sẽ làm cho Con Người vinh hiển nơi chính mình Ngài, và Ngài sẽ kíp làm cho vinh hiển” (c 31-32).

Vậy thập tự giá là một sự khải tỏ đỉnh điểm của sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được lộ ra với sự giàu có bậc nhất trong Giăng 17. Chúa Jêsus cầu nguyện, “Thưa Cha, giờ đã đến; xin làm vinh hiển Con, hầu cho Con cũng làm vinh hiển Cha ... Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm. Cha ôi! Bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thế gian mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha” (c 1, 4-5).

Lời cầu nguyện của Chúa Jêsus với Cha của Ngài trên thiên đàng, “Giờ đã đến; xin làm vinh hiển Con ...” nói trực tiếp đến thập tự giá. Sự vinh hiển mà Chúa Jêsus có từ trước sáng thế chắc chắn chỉ về sự thật rằng Chúa Jêsus là “Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế” (Khải 13:8; 17:8; I Phi 1:20; Êph 1:4). Điều này đã được định sẵn từ trước khi sáng thế rằng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời phải được khải tỏ tốt bậc của thập tự giá của Đấng Christ. Đấng Christ đang nói, trong thực tế, “Như trong sự định sẵn đời đời của chúng ta, sự vinh hiển của tình yêu cứu rỗi phải được hoàn thành trên thập tự giá, vậy bây giờ hãy để nó thành hiện thực.”

Điều này cũng giải thích Giăng 17:24 nơi mà Đấng Christ cầu nguyện, “Cha ôi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con, để họ ngắm xem sự vinh hiển của Con, là vinh hiển Cha đã ban cho Con, vì Cha đã yêu Con trước khi sáng thế.” Chúa Jêsus đang cầu nguyện rằng một vài môn đệ của Ngài có thể nhìn thấy sự đóng đỉnh đẽ mà họ có thể rao báo câu chuyện có nhiều hiệu lực hơn. Chắc chắn nó có ý nghĩa rằng chúng ta có những người chứng kiến câu chuyện thập tự giá bằng mắt trần từ những người yêu Ngài. Câu chuyện về sự vinh hiển của thập tự giá có thể được đọc trong sự trọn vẹn và được hà hơi một cách thiêng liêng, sự kỹ thuật chứng kiến bằng mắt được tìm thấy trong Bốn Sách Phúc Âm.

Khi Giăng nói, “Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, (và chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con Một) đầy ơn và lẽ thật” (Giăng 1:14), những từ “chúng ta ngắm

xem sự vinh hiển của Ngài” bao hàm sự vinh hiển tột bậc của thập tự giá.

Một khía cạnh của sự vinh hiển của thập tự giá được làm nổi bật trong lời cầu nguyện như thầy tế lễ cả của Chúa, với sự ám chỉ đến các môn đệ của Ngài, nói, “Con nhận họ được tôn vinh” (Giăng 17:10). “Con đã ban cho họ sự vinh hiển mà Cha đã ban cho Con, để hiệp làm một cũng như chúng ta vẫn là một” (Giăng 17:22). Nếu sự vinh hiển tột bậc trong đời sống trên đất của Đấng Christ là những sự đau khổ của Ngài trên đất và sự chết trên thập tự giá, vậy Cơ Đốc Nhân cũng phải sống với một đời sống được đóng đinh vì cũng cùng sự vinh hiển đó đã chuyển tiếp đến họ bởi Chúa.

Những từ của Chúa với Phi-e-rơ trong Giăng 21:18-19, “nói về ông phải chết cách nào đặng làm vinh hiển danh Chúa,” nói rõ ràng về nguyên tắc của đời sống đã được đóng đinh, nó sẽ không quá khó cho những ai tin Ngài rằng chúng ta thật có một Cứu Chúa đã bị đóng đinh và đã sống lại.

Con đường thập tự giá là con đường của sự sống. Đó là lý do tại sao Chúa Jêsus nói, “Nếu ai muốn theo ta, thì phải liêu [chối bỏ] mình, vác thập tự giá mình mà theo ta. Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì có ta mà mất sự sống thì sẽ được lại” (Mat 16:24-25). Thế gian nghĩ về thập tự giá như là sự xấu hổ và sự thất bại của Đấng Christ, nhưng trên thực tế nó là sự vinh hiển và sự chiến thắng của Ngài và cũng như của chúng ta nếu chúng ta thuộc về Ngài.

SỰ THA THỨ CHO NGƯỜI KHÁC

Nếu Đấng Christ đã chết vì tội lỗi của chúng ta, và đã tha thứ tội lỗi cho chúng ta là những tội lỗi chống nghịch Ngài, vậy chúng ta phải sống một đời sống tha thứ cho người khác. Sự dạy dỗ này được tìm thấy trong Ê-phê-sô 4:32, “Hãy ở với nhau cách nhân từ, đầy đầy lòng thương xót, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy.” Sự dạy dỗ tương tự được tìm thấy trong Cô-lô-se 3:12-13, “Vậy anh em là kẻ chọn lựa của Đức Chúa Trời, là người thánh và rất yêu dấu của Ngài, hãy có lòng thương xót. Hãy mặc lấy sự nhân từ, khiêm nhượng, mềm mại, nhịn nhục, nếu một người trong anh em có sự gì phàn nàn với kẻ khác, thì hãy nhường nhịn nhau và tha thứ nhau: như Chúa đã tha thứ anh em thế nào, thì anh em cũng phải tha thứ thế ấy.”

Sự dạy dỗ đó dạy chúng ta phải tha thứ cho người khác bởi vì chúng ta được tha thứ, được tìm thấy trong lời giải thích của Chúa Jêsu trong “Bài Cầu Nguyện Chung” trong Bài Giảng trên Núi. “Vả, nếu các ngươi tha lỗi cho người ta, thì Cha các ngươi ở trên trời cũng sẽ tha thứ các ngươi. Song nếu không tha lỗi cho người ta, thì Cha các ngươi cũng sẽ không tha lỗi cho các ngươi” (Mat 6:14-15). Tương tự với lời đó cũng được viết vài chỗ khác, “Khi các ngươi đứng cầu nguyện, nếu có sự gì bất bình cùng ai, thì hãy tha thứ, để Cha các ngươi ở trên trời cũng tha lỗi cho các ngươi” (Mác 11:25). “Các ngươi hãy giữ lấy mình. Nếu anh em người đã phạm tội hãy quở trách họ; và nếu họ ăn năn, thì hãy tha thứ. Dầu trong một ngày, họ phạm tội cùng ngươi bảy lần, và bảy lần trở lại cùng ngươi mà nói rằng: Tôi ăn năn, thì hãy tha tội cho họ” (Lu 17:3-4).

Khi Phi-e-rơ hỏi Chúa, “Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chăng? Ngài đáp rằng: Ta không nói cùng ngươi rằng đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy” (Mat 18:21-22). Nói cách khác, chúng ta phải tha thứ

luôn luôn. Chúng ta tha thứ vì chúng ta đã được tha thứ (Êph 4:32). Buswell nói, “*nếu chúng ta áp ử sự không tha thứ trong lòng của chúng ta, thì đó là một bằng chứng cho thấy rằng chúng ta chưa được tái sanh, và chúng ta chưa từng tiếp nhận Đấng Christ là Chúa Cứu Thế cá nhân của chúng ta, là Đấng Thay Thế của chúng ta chết trên thập tự giá.*” Nếu chúng ta thật sự đã kinh nghiệm được sự tha thứ của Đấng Christ, thì chúng ta sẽ sống một đời sống bị đóng đinh và bày tỏ sự tha thứ của Ngài, Đấng đã chết cho chúng ta.

Giáo lý Kinh Thánh về sự tha thứ dựa trên nền tảng của sự chuộc tội của Đấng Christ bởi đó mà chúng ta đã được tha thứ, không phải là một giáo lý không thể thực hành. Thật đúng khi nói rằng “chẳng có sự đoán phạt nào” cho những ai ở trong Jêsus Christ (Rôm 8:1); nhưng nó cũng đúng “Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu. Hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt” (Hêb 12:6).

Thật quan trọng rằng những ai thực hành sự sửa phạt thuộc Kinh Thánh dù là trong hội thánh hay trong trường học, được thúc đẩy bởi tình yêu và không phải sự trả thù. Nếu một Cơ Đốc Nhân trong bất cứ hoàn cảnh nào cảm thấy rằng anh ta có thể ở một mức độ bị thúc đẩy bởi sự trả thù khi anh ta thi hành chức vụ của người sửa phạt, thì anh ta không xứng đáng trong chức vụ đó, và nên để chức vụ đó cho người khác.

Có một câu chuyện về Leonardo da Vinci, một họa sĩ vĩ đại. Trước khi ông bắt tay vào việc vẽ “Bữa Tiệc Cuối Cùng,” ông đã có một cuộc cãi cọ gắt gao với các họa sĩ khác. Leonardo quá giận dữ và cay đắng đến nỗi ông muốn vẽ khuôn mặt của kẻ thù của ông là một họa sĩ khác, vào khuôn mặt của Giu-đa, để ông có thể trả thù người đó. Vì vậy khuôn mặt của Giu-đa được ông vẽ xong trước nhất, và mọi người có thể dễ dàng nhận ra nó là khuôn mặt của một họa sĩ mà ông đã cãi cọ với. Nhưng khi đến lượt vẽ khuôn mặt của Đấng Christ, ông không thể tiếp tục được. Điều gì đó đã níu tay của ông lại, vô hiệu hóa những cố gắng tốt nhất của ông. Rốt cuộc ông đã nhận ra rằng điều đã ngăn trở ông đó là việc ông đã vẽ khuôn mặt của kẻ thù mình

vào khuôn mặt của Giu-đa. Vì vậy ông đã xóa đi khuôn mặt của Giu-đa. Điều duy nhất ấy là khi ông tha thứ cho kẻ thù của ông thì ông mới thành công trong việc vẽ khuôn mặt của Đấng Christ. Bài học thật rõ ràng: Chúng ta không thể khắc họa những nét đặc trưng của Đấng Christ trong đời sống của chúng ta với những màu sơn của sự ganh ghét và thù hận. Như có lời nói thế này, “Phạm lỗi là con người, tha thứ là thánh nhân.”

ĐỜI SỐNG THÁNH KHIẾT

Những điều ở trên là vấn đề của sự tha thứ, sự chuộc tội của Đấng Christ phải buộc các tín đồ sống một đời sống thánh khiết. Điều này được dạy dỗ sinh động và minh bạch bởi Sứ Đồ Phao-lô trong Cô-lô-se 2:20-3:4, “Ví bằng anh em chết với Đấng Christ về sự sơ học của thế gian, thì làm sao lại để cho những thể lệ này ép buộc mình, như anh em còn sống trong thế gian ... Vậy nếu anh em được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm các sự ở trên trời ... Hãy ham mến các sự ở trên trời, đừng ham mến các sự ở dưới đất; vì anh em đã chết, sự sống mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. Khi nào Đấng Christ, là sự sống của anh em, sẽ hiện ra, bấy giờ anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển.” Trong một chỗ khác, Phao-lô nói, “Vì chúng anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể mình làm sáng danh Đức Chúa Trời” (I Côr 6:20; xem 7:23).

Cả đoạn 6 của sách Rô-ma là một sự biện luận cho đời sống thánh khiết trên nền tảng của sự chuộc tội của Đấng Christ. “Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời. Vậy anh em cũng hãy coi mình như chết về tội lỗi và như sống cho Đức Chúa Trời qua Jê-sus Christ Chúa của chúng ta” (c 10-11). “Vì tình yêu thương của Đấng Christ cảm động chúng tôi, và chúng tôi tưởng rằng nếu có một người chết vì mọi người, thì mọi người đều chết, lại Ngài đã chết vì mọi người,

hầu cho những kẻ còn sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình” (II Côr 5:14-15).

Sự chuộc tội của Đấng Christ không phải xem như là giấy phép cho sự phạm tội. Phao-lô nói điều này rất rõ ràng, “Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Chúng ta phải cứ ở trong tội lỗi, hầu cho ân điển được dư dật chăng? Chẳng hề như vậy! Chúng ta đã chết về tội lỗi, lẽ nào còn sống trong tội lỗi nữa? Hay là, anh em chẳng biết rằng chúng ta thấy đều đã chịu phép báp-têm trong Đức Chúa Jêsus Christ, tức là chịu phép báp-têm trong sự chết Ngài sao? Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-têm trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy ... Vì biết rõ rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh trên thập tự giá với Ngài, hầu cho thân thể của tội lỗi bị tiêu diệt đi, và chúng ta không phục dưới tội lỗi nữa.”

Một tín đồ đã kinh nghiệm sự thương xót của Đức Chúa Trời và sự tha thứ trong Đấng Christ sẽ luôn cân trọng trong việc không lạm dụng ân điển của Đức Chúa Trời mà người đó đã nhận lãnh. Người đó sẽ không ham thích sống trong lối sống tội lỗi. Những người cho mình là Cơ Đốc Nhân, là người cố tình và thường xuyên đem đời sống mình vào tội lỗi, đem ân điển của Đức Chúa Trời như một tờ giấy thông hành cho tội lỗi mà họ thích, chưa bao giờ thật sự kinh nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời và chưa được tái sanh.

NGUYÊN CHỈ CỦA SỰ CHỌN LỰA

“Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là gì? Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là mục đích đời đời của Ngài theo ý định của ý muốn của Ngài, bởi đó, vì sự vinh hiển của Ngài, Ngài đã định trước bất cứ điều gì xảy ra” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm lược, Câu hỏi 7).

Những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời bao gồm nguyên chỉ của sự chọn lựa một số người từ trong dòng dõi sa ngã của A-đam để hưởng sự sống đời đời. Giáo lý của sự chọn lựa được định nghĩa trong Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược như sau, “Đức Chúa Trời đã, không nằm ngoài ý định của Ngài, từ muôn cõi đời đời, chọn lựa một vài người cho sự sống đời đời, đã thiết lập giao ước ân điển đặng giải phóng họ khỏi tình trạng của tội lỗi và đau khổ (mang đến bởi sự sa ngã) và đem họ vào trong tình trạng của sự cứu rỗi bởi một Đấng Cứu Chuộc” (Câu hỏi 20).

Khi chúng ta nghĩ về nguyên chỉ chọn lựa của Đức Chúa Trời và về nguyên chỉ cho phép sự sa ngã, chúng ta nên nghĩ trong những thuật ngữ của thứ tự lô-gích hơn là thứ tự thời gian. Nguyên chỉ của sự chọn lựa vào sự cứu rỗi nên được xem là một nguyên chỉ theo sau nguyên chỉ cho phép sự sa ngã của con người một cách lô-gích. Trong quyển *Bản Tóm Tắt Những Điều Cơ Bản của Cơ Đốc Giáo*, Calvin nói, “Phao-lô, bởi việc mệnh danh là 'A-đam thứ hai,' đặt sự sa ngã ... trong một vấn đề trước mắt giữa [nguồn gốc] của con người và sự phục hồi điều mà chúng ta giành được qua Đấng Christ; do đó sự sa ngã là nguyên nhân của sự hiện thân của Con Đức Chúa Trời.

Thứ tự lô-gích của những nguyên chỉ như sau: (1) sự tạo dựng con người trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, (2) sự cho phép sự sa ngã của con người, (3) sự chọn lựa một vài người vào sự sống đời đời, (4) sự chuộc tội của Đức Chúa Trời để đảm bảo sự cứu rỗi cho những người được chọn, (5) món quà của Đức Thánh Linh để cáo trách thế gian, (6) sự tái sanh của những người được chọn, và (7) sự nên thánh

của những người tái sanh.

Nó phải bao gồm sự quyết định của Đức Chúa Trời để cứu một dân cần phải xem như là một việc hợp lý đến sau sự cho phép con người phạm tội. Hơn nữa, ý chỉ cứu rỗi một dân, đó là ý chỉ của sự chọn lựa cho sự sống đời đời, nên được xem như là một sự ưu tiên hàng đầu hợp với ý chỉ chu cấp một sự chuộc tội như là phương tiện của sự cứu rỗi. Đấng Christ chẳng chết đặng con người có thể được cứu theo giả thuyết; Đấng Christ đã chết để cứu một dân, một cách chắc chắn nhất.

“Đức Chúa Trời không cân nhắc hay bàn thảo với ai, nhưng đã quyết định một lần đủ cả, trước sự tạo dựng thế gian, những gì Ngài sẽ làm” (Calvin).

JOHN CALVIN LÀ AI?

John Calvin (1509-1564) là một nhà cải cách người Pháp, người đã viết Hệ Thống Thần Học để giáo dục hội thánh với những giáo lý chính thống của niềm tin Cơ Đốc. Hệ Thống Thần Học này được gọi là *Bản Tóm Tắt Những Điều Cơ Bản của Cơ Đốc Giáo (Institutes of The Chritian Religion)*. Sự cống hiến thần học vĩ đại của Calvin đã trải qua nhiều sự thử thách theo thời gian, và được yêu chuộng của nhiều người, đã được hoàn thành và xuất bản vào năm 1536, khi ông chỉ 27 tuổi. Ông đã được Đức Chúa Trời sử dụng một cách vĩ đại trong việc chấn bầy ở Geneva, Thụy Sĩ. Sau này ông thành lập một Trường Thần Học tại Geneva vào năm 1559 nơi đã đào tạo một người kế nghiệp triển vọng Theodore Beza (1519-1605). Beza không chỉ bênh vực những giáo lý về sự tể trị của Đức Chúa Trời và ân điển của Ngài được dạy bởi Calvin, ông cũng hiệu đính quyển Textus Receptus trở thành quyển Kinh Thánh Tân Ước Hy Lạp được sử dụng bởi những dịch giả của bản dịch King James.

C. H. Spurgeon tỏ lòng tôn kính đến Calvin, “Trong vòng những người được sinh ra bởi người nữ, chưa từng có ai vĩ đại hơn Calvin. Chưa từng có một thể hệ nào trước ông ấy có người sánh bằng ông và những thể hệ sau này chưa từng thấy ai là đối thủ của ông. Trong thần học, ông không phụ thuộc vào ai, chiếu sáng như sao-một ngôi sao rạng ngời bất dịch, trong khi những nhà lãnh đạo và giáo sư khác chỉ có thể quay tròn quanh ông, tại một khoảng cách rộng lớn, không có gì giống như sự vinh hiển hay tính vĩnh cửu của ông. Danh tiếng của Calvin là đời đời bởi vì lẽ thật mà ông đã rao giảng; và thậm chí trên thiên đàng, mặc dù chúng ta mất đi tên của hệ thống của giáo lý mà ông đã giảng dạy, nó sẽ trở thành lẽ thật điều sẽ khiến chúng ta gầy đàn hạc, và hát: 'Cho Ngài đáng đã yêu chúng con, và tẩy rửa chúng con khỏi tội lỗi của chúng con bởi huyết báu của Ngài, và biến chúng con thành các vua và các thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Cha Ngài; sự vinh hiển thuộc về Ngài cho đến đời đời.' Vì cốt lõi của thuyết Calvin là chúng ta được tái sinh, 'chẳng phải sanh bởi khí huyết, hoặc bởi tình dục, hoặc bởi ý người, nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời vậy'.”

THUYẾT CALVIN ĐỐI ĐỊCH VỚI THUYẾT ARMINIUS

Giáo lý của Phao-lô được hệ thống trong học thuyết Calvin. Năm điểm của Thuyết Calvin có được dễ dàng ghi nhớ bởi những chữ cái của từ TULIP đại diện cho, (1) Sự Hư Hoại Hoàn Toàn (hoặc Hoàn Toàn Bất Năng), (2) Sự Chọn Lựa Vô Điều Kiện, (3) Sự Cứu Chuộc Hạn Chế (hoặc là Sự Chuộc Tội Cá Nhân), (4) Ân Điển Không Cường Lại Được (hoặc là Ân Điển Không Hư Hoại), (5) Sự Bền Đồi của các thánh đồ (hoặc là Sự bảo vệ các thánh đồ). Sự cứu rỗi là tất cả công việc của Đức Chúa Trời, không phải của con người.¹

¹[T = Total Depravity/Total Inability; U = Unconditional Election; L =

Năm điểm này là một sự đáp trả năm điểm của Thuyết Arminius dạy rằng (1) con người không hoàn toàn bị hư hoại bởi tội lỗi, (2) con người có khả năng để chọn Đức Chúa Trời, (3) Đấng Christ đã chết cho tất cả mọi người một cách đầy quyền năng và cho mọi người, (4) con người có khả năng khước từ sự kêu gọi của Đức Chúa Trời đến với sự cứu rỗi, và (5) một tín đồ có thể trở nên không được cứu hay bị hư mất một lần nữa nếu người đó sa ngã khỏi niềm tin.

Một sự kiểm chứng cẩn thận về năm điểm của Thuyết Arminius khải tỏ những sự phỏng đoán và hàm ý không phù hợp với Kinh Thánh. Nếu con người có khả năng để chọn Đức Chúa Trời và vận hành ý chí của mình trong sự đối địch lại Đức Chúa Trời, thì nó không thể được cho rằng Đức Chúa Trời “theo mạng làm mọi sự hiệp với ý định của ý muốn Ngài” (Êph 1:11, KJV). Nếu con người có thể vận hành ý chí của mình cách độc lập đặt tin vào Đấng Christ, thì chính nó là công trạng trong công việc mà người ấy có thể được cho là đã cộng tác với Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi của chính người. Điều này chắc chắn ăn cắp sự vinh hiển vô đối của Đức Chúa Trời và trái ngược với Ê-phê-sô 2:8-9.

Nếu sự chuộc tội là trong ý định của nó cho mọi người (theo Arminius) thì nó được dự định một cách ngang bằng và có ý như nhau cho mọi người, thế thì hoặc là chúng ta được dẫn dắt đến với giáo lý của sự cứu rỗi toàn nhân loại, hay là quan điểm về sự chuộc tội đó không hoàn thành những gì mà nó đã được dự định để hoàn thành. Và nếu một tín đồ cuối cùng đi đến địa ngục, thế thì không có sự yên ủi nào trong ý tưởng đó là chúng ta đã được “chọn trong Ngài từ trước buổi sáng thế” (Êph 1:4).

Hội Nghị Dort ở Hòa Lan, vào năm 1618-1619 đã tụ họp lại vì mục đích chống lại Thuyết Arminius. Từ Hội Nghị Dort, chúng ta có năm

Limited Atonement/Particular Atonement; **I** = Irresistible Grace/Infallible Grace; **P** = Perseverance of the saints/Preservation of the saints]. Người dịch đặt footnote này để làm sáng tỏ từ “**TULIP**.”

điểm của thuyết Calvin trong sự trả lời năm điểm của Thuyết Arminius.

SỰ HƯ HOẠI HOÀN TOÀN

“Chúng ta được sinh ra là những con sư tử, hổ, sói, gấu, cho đến khi Thần Linh của Đấng Christ chế ngự chúng ta, và từ những con thú hoang dã và hung dữ biến chúng ta thành những con chiên hiền lành” (Calvin).

Con người trong tình trạng sa ngã của mình bị đoán phạt trong tội lỗi và không có bất kỳ một khả năng nào để có thể tiến vào công thiên đàng. “Như có chép rằng: Chẳng có một người công bình nào hết, dẫu một người cũng không. Chẳng có một người nào hiểu biết, Chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Chúng nó đều sai lạc cả, thấy cùng nhau ra vô ích; Chẳng có một người làm điều lành, dẫu một người cũng không ... Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, ... Thật thế, kẻ sống theo xác thịt thì chăm những sự thuộc về xác thịt; ... vì sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời, bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại cũng không thể phục được. Và, những kẻ sống theo xác thịt, thì không thể đẹp lòng Đức Chúa Trời” (Rôm 8:5-8).

Chính mình người đó bị bỏ lại, con người tội lỗi, xác thịt bị định cho sự hủy diệt đời đời. Nếu Đức Thánh Linh không cáo trách về tội lỗi của người đó, người ấy sẽ không quan tâm đến tình trạng hư mất của mình và sẽ không có một khao khát nào về những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Con người bị hư hoại hoàn toàn bởi tội lỗi của mình đến nỗi con người không có khả năng để chọn lựa Đức Chúa Trời. Con người là ích kỷ, kiêu ngạo, và liên tục bất tuân Đức Chúa Trời. Con người không có một chút sức mạnh nào để giữ Mười Điều Răn. Trên thực tế, con người vi phạm các Điều Răn hàng ngày.

Ngoại trừ Thánh Linh của Đức Chúa Trời làm việc trong lòng của tội nhân hư hoại hoàn toàn, anh ta sẽ không bao giờ tin vào Chúa Jêsus Christ và được cứu. Như Phao-lô đã nói, “Vậy điều đó chẳng phải bởi người nào ao ước hay người nào bôn ba mà được, bèn là bởi Đức Chúa Trời thương xót” (Rôm 9:16). Một tội nhân được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời không cung cấp vào bất cứ điều gì vào sự cứu rỗi của người đó. Nó là hoàn toàn bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời để một tội nhân được cứu. “Và, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình” (Êph 2:8-9).

SỰ CHỌN LỰA VÔ ĐIỀU KIỆN

Giáo lý về sự chọn lựa vô điều kiện theo sau giáo lý về sự hư hoại hoàn toàn một cách cần thiết. Nếu con người không có khả năng để cứu chính mình khỏi tội lỗi, thì điều tiếp theo sự cứu rỗi đó có thể đến chỉ duy bởi ân điển thánh khiết và sự chọn lựa của Đức Chúa Trời. Sự chọn lựa con người đến với sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời không có điều kiện nào dựa trên bất cứ đức hạnh nào, được thấy trước hay về cách nào khác, trong loài người sa ngã. Sự cứu rỗi của chúng ta là “chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình; vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo.” (Êph 2:9-10). Đức tin bởi đó mà chúng ta được cứu là “món quà của Đức Chúa Trời.” “Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài” (Phil 2:13). “Vậy thì sự khoe mình ở đâu? Đã bị trừ bỏ rồi. Bởi luật pháp nào? Luật pháp của việc làm chẳng? Không phải, nhưng bởi luật pháp của đức tin; vì chúng ta kể rằng người ta được xưng công bình bởi đức tin, chớ không bởi việc làm theo luật pháp” (Rôm 3:27-

28). “Không phải cứu vì việc công bình chúng ta đã làm, nhưng cứ theo lòng thương xót Ngài, bởi sự rửa về sự lại sanh [tái sanh] và sự đổi mới của Đức Thánh Linh” (Tit 3:5).

Chúng ta phải hiểu rằng nguyên chỉ chọn lựa của Đức Chúa Trời không phụ thuộc một chút nào trên đức tin được biết trước. Đức Chúa Trời không nhìn xuyên qua các thời đại chỉ để xem ai là người tốt đủ để tin vào Con của Ngài, và để rồi chọn họ dựa trên cơ sở của đức tin của họ. Ý kiến như thế này không làm vinh hiển Đức Chúa Trời nhưng làm vinh hiển con người, và rõ ràng là sai lầm.

Kinh Thánh dạy rằng sự biết trước của Đức Chúa Trời không phải là thụ động nhưng là chủ động. Ngài biết chúng ta trước thời gian, và chọn chúng ta thậm chí trước khi chúng ta tồn tại và chưa làm bất cứ điều gì tốt hay xấu (Rôm 9:11, 16). Ê-phê-sô 1:5 chỉ khá rõ ràng ấy chính là Ngài đã chọn chúng ta trực tiếp và có chủ định bởi từ ý muốn tốt lành của Ngài, và không bao giờ ngược lại. Chúa Jêsus nói, “Ấy chẳng phải các ngươi đã chọn ta, bèn là ta đã chọn và lập các ngươi, để các ngươi đi và kết quả, hầu cho trái các ngươi thường đậu luôn: Lại cũng cho mọi điều các ngươi sẽ nhân danh ta cầu xin Cha, thì Ngài ban cho các ngươi” (Giăng 15:16).

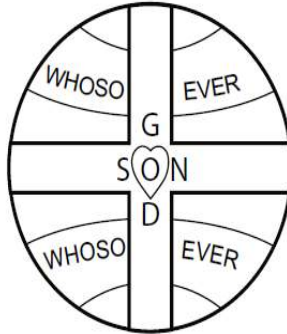
Sự chọn lựa trong Kinh Thánh thường chỉ về việc chọn lựa có chủ ý và đòi hỏi của Đức Chúa Trời về một dân tộc từ giữa một đồng đồ nát của dòng dõi tội lỗi và đặt để họ đặng hưởng sự sống đời đời qua Con yêu dấu của Ngài, Chúa Jêsus Christ. Theo Calvin, “Mọi thành phần của sự cứu rỗi của chúng ta dựa vào sự chọn lựa.” Vậy, sự chọn lựa vô điều kiện về sự cứu rỗi của chúng ta hoàn toàn dựa trên ân điển của Đức Chúa Trời. Như lời tiếp dẫn, “Nếu bất cứ ai được cứu, Đức Chúa Trời làm mọi việc cứu rỗi.” “Ân điển lạ lùng—lời thật ngọt ngào làm sao—điều đó đã cứu một kẻ hư hoại như tôi đây.” Chúng ta tin bởi vì chúng ta đã được chọn lựa” (Calvin).

SỰ CHUỘC TỘI CÓ GIỚI HẠN

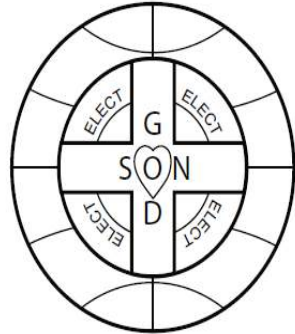
Giáo lý về sự cứu chuộc có giới hạn hay thuộc cá nhân được nhấn mạnh súc tích bởi Augustine, “Đầy đủ cho tất cả, hiệu quả cho người được chọn.” Calvin chấp nhận điều này là đúng trong quyền giải kinh của mình trong



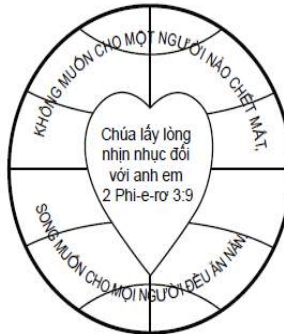
“Đủ cho Tất cả, Hiệu quả cho Kẻ được chọn”



Quan Điểm Của Calvin Về Giảng 3:16

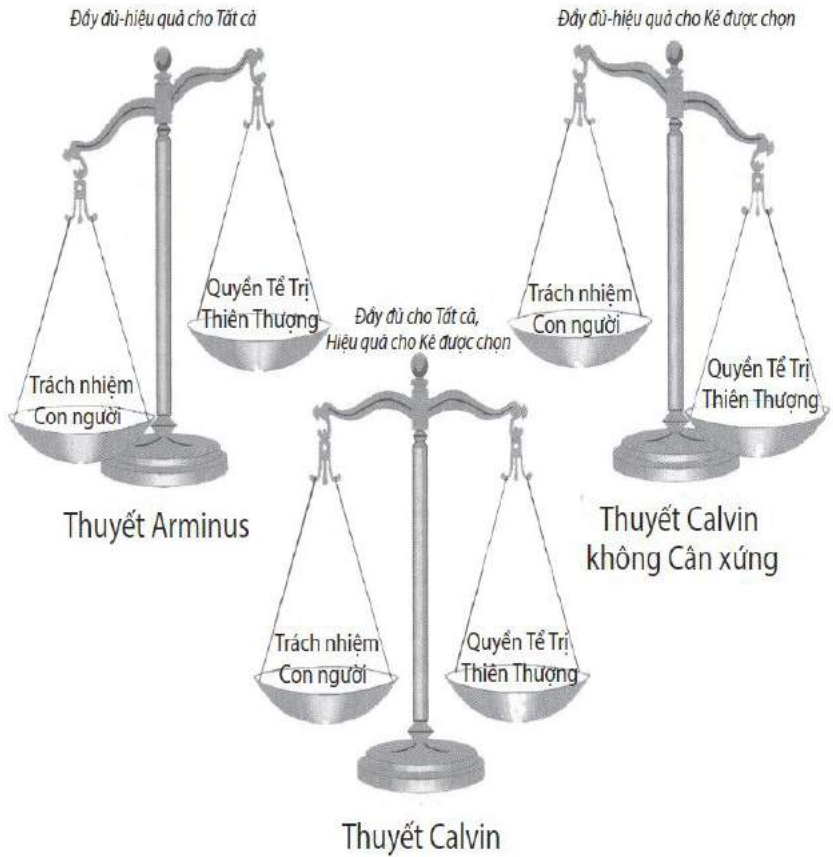


Quan Điểm Calvin Không Cân Xứng Về Giảng 3:16



Trái tim biểu thị Ý Muốn Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời trong việc chọn chúng ta, và hình cầu là Ý Muốn Ước Muốn của Ngài hướng đến toàn nhân loại.

Ba Quan Điểm về Sự Chuộc Tội



1 Giăng 2:2 “Ấy chính Ngài làm của lễ chuộc tội lỗi chúng ta, không những vì tội lỗi chúng ta thôi đâu, mà cũng vì tội lỗi cả thế gian nữa.”

Hệ thống Giáo Lý thuộc Calvin ấn định sự chuộc tội của Đấng Christ

là cho toàn nhân loại trong ba khía cạnh—nó là đầy đủ, có thể áp dụng và được ban tặng cho mọi người. Không có điều gì là không cân xứng với công việc cứu chuộc của Đấng Christ trên đất điều mà khiến nó không thể áp dụng cho bất cứ cá thể nào của dòng dõi loài người trong bất cứ những hoàn cảnh thuộc về đất. Sự cứu chuộc là tuyệt đối vô hạn trong giá trị của nó và cũng như trong khả năng của nó. Không có một tội nhân nào bị hư mất vì thiếu sự cứu chuộc đầy trọn. Thật sự không có lý do tại sao mà bất cứ ai là người theo phái Calvin vội vàng sử dụng những từ ngữ trong bài thánh ca vĩ đại của Wesley:

Chúa, con tin tội nhân là nhiều

Hơn cát trên bãi biển đại dương

Ngài đã trả hết giá chuộc tội,

Ngài đã làm trọn sự chuộc tội.

Mặc dù sự chuộc tội là cho mọi người hay không giới hạn trong tính đầy trọn, tính có thể áp dụng và tính sẵn có của nó, nó cần được chú ý rằng sự chuộc tội được giới hạn hay riêng biệt trong ý định, thiết kế, và những kết quả tối hậu của nó. Nó không phải là mọi cá thể loài người nhưng chỉ là những ai mà được Đức Chúa Trời đã chọn thì người đó mới được cứu. Có một ý nghĩa đặc biệt trong việc mà Đấng Christ là Đấng Trung Bảo cho những người được chọn của Ngài, chứ không phải cho hết thảy mọi người. Ngài nói, “Con vì họ mà cầu nguyện; chẳng phải vì thế gian mà cầu nguyện, nhưng vì kẻ Cha đã giao cho Con, bởi chưng họ thuộc về Cha” (Giăng 17:9). Trong vòng các nguyên chỉ của Đức Chúa Trời, sự cứu chuộc đã được dự định để hoàn thành một cách chính xác về những gì nó hoàn thành. Nó hoàn thành sự cứu rỗi của những người được chọn của Đức Chúa Trời; nó cung cấp một lý do hợp lý và đúng quy cách cho ân điển phổ quát (Rôm 3:25); và nó báo trả lại cho những kẻ hư mất một cách hợp lý và đúng quy cách không thể chối thoát được (Rôm 1:20).

ÂN ĐIỂN KHÔNG CƯỖNG LẠI ĐƯỢC

“Khi Đấng Christ quyết định để cứu một dân, Ngài cứu họ!” (Machen).

Nếu Đức Chúa Trời đã chọn lựa để cứu một dân, và Ngài đã cung cấp một sự chắc chắn về sự cứu rỗi của họ, thì nó sẽ tiếp theo là Ngài sẽ hoàn thành sự cứu rỗi đó một cách hoàn hảo. Theo Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster, “Tất cả những ai mà Đức Chúa Trời đã định trước đến sự sống, và chỉ duy những người đó, Ngài hài lòng, tại một thời điểm xác định và chấp thuận, gọi họ một cách hiệu nghiệm, bởi Lời và Thánh Linh của Ngài, ra khỏi tình trạng của tội lỗi và sự chết, trong những gì họ là bởi bản tính tự nhiên đến ân điển và sự cứu rỗi, bởi Jêsus Christ; khai sáng tâm trí một cách thuộc linh và cách cứu vớt đặng hiểu những điều thuộc về Đức Chúa Trời, lấy đi tấm lòng bằng đá của họ, và ban cho họ tấm lòng bằng thịt; làm mới lại ý muốn của họ, và, bởi quyền năng cao cả của Ngài, định đoạt họ đến những điều nào là tốt lành, và kéo đến với Đấng Christ một cách hiệu nghiệm: để rồi, khi họ đến với Ngài hết sức tự do, họ được khiến tự nguyện bởi ân điển của Ngài. Sự kêu gọi hiệu quả này là duy ân điển tự do và đặc biệt của Đức Chúa Trời, không phải bất cứ điều gì được nhìn thấy ở trong con người, là những con người bất lực hết thảy, cho đến khi, được hồi sinh và được làm cho mới lại bởi Đức Thánh Linh, người đó được làm cho có khả năng để trả lời sự kêu gọi này, và chiếm hữu ân điển được trao tặng và được đem đến trong nó” (10:1-2).

Đức Chúa Trời kêu gọi những người được chọn một cách cá nhân đến với Ngài. Có hai sự kêu gọi: sự kêu gọi bên ngoài và sự kêu gọi bên trong. Sự kêu gọi bên ngoài là sự kêu gọi phổ quát của phúc âm cho cả người được chọn và người không được chọn được rao ra bởi người rao giảng điều mà chính nó không cứu. Nếu tội nhân muốn

được cứu, thì người ấy phải tiếp nhận sự kêu gọi bên trong. Sự kêu gọi bên trong là sự kêu gọi đặc biệt nhờ đó mà Thánh Linh cáo trách tâm lòng của tội nhân, và cho tội nhân có khả năng để hiểu phúc âm, và để tin vào Đấng Christ. Món quà của đức tin được trao tại thời điểm này. Sự kêu gọi bên ngoài có thể bị khước từ, nhưng không ai có thể khước từ sự kêu gọi bên trong một cách hiệu quả và cuối cùng (Giăng 6:37, 44; Rôm 8:14, 30).

SỰ BỀN ĐỖ CỦA CÁC THÁNH ĐỒ

“Một lần được cứu—luôn luôn được cứu.” Những người được chọn của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ mất sự cứu rỗi của họ bởi vì Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ họ cho đến cuối cùng. Một người thật sự được tái sinh sẽ được lên thiên đàng bởi vì Đức Chúa Trời luôn luôn giữ lời hứa của Ngài và Ngài không bao giờ thất hứa.

Chúa Jêsus nói điều này rất rõ ràng trong Giăng 10:27-29, “Chiên ta nghe tiếng ta, ta quen nó, và nó theo ta. Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta. Cha ta là Đấng lớn hơn hết đã cho ta chiên đó, và chẳng ai cướp nổi chiên đó khỏi tay Cha.”

Về sự bền đỗ của các thánh đồ, Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster viết, “Họ, người mà Đức Chúa Trời đã chấp nhận trong Con Yêu Dấu của Ngài, được gọi cách hiệu quả, và được thánh hóa bởi Đức Thánh Linh, không có thể nào hoàn toàn hay cuối cùng sa ngã khỏi địa vị của ân điển, nhưng sẽ chắc chắn bảo vệ họ từ đó cho đến cuối cùng, và được cứu đời đời.

“Sự bảo vệ của các thánh đồ này không dựa vào ý chí tự do của họ, nhưng dựa vào tính bất biến của nguyên chỉ của sự chọn lựa, tuân chảy từ tình yêu tự do và bất biến của Đức Chúa Cha; trên sự hiệu

quả của công trạng và sự cầu thay của Jêsus Christ, sự ngự trị của Thánh Linh, và của hạt giống của Đức Chúa Trời ở trong họ, và bản chất của giao ước ân điển: từ tất cả những điều đó cũng phát sinh tính chắc chắn và tính không thể hư hoại của nó” (7:12).

Một trong những câu nói được lặp lại của Calvin là sự khích lệ, “hãy lợi dụng tính chân thực của Đức Chúa Trời.” Trong Anh Ngữ đơn giản hiện đại, chúng ta nên nói, “Chiếm hữu Đức Chúa Trời ngay tại Lời của Ngài.” Calvin nói, “Nhưng, đối với chúng ta, vì chúng ta nhìn biết rằng những tội nhân được ra lệnh bởi những sấm ngôn của Đức Chúa Trời đừng áp ủ một niềm hy vọng của sự cứu rỗi, chúng ta hãy lợi dụng tính chân thực của Ngài nhằm để từ chối những sự tự tin vào công việc của chính chúng ta, đừng nương dựa duy nhất nơi sự thương xót của Ngài, và liệu lĩnh nuôi dưỡng một niềm hy vọng của sự vui mừng. Đáng đã nói, 'Theo như đức tin các ngươi, phải được thành vậy,' (Mat 9:29) sẽ không bao giờ lừa dối chúng ta.”

“Đức Chúa Trời chiếu cố những ai mà Ngài đã quyết định để gọi đến sự cứu rỗi bằng một ân điển đặc biệt” (Calvin). Đức Chúa Trời là Đáng đã gọi chúng ta về nhà và sẽ chắc chắn dẫn dắt chúng ta về đến nhà cách an toàn như Ngài đã hứa.

THUYẾT CALVIN VÀ SỰ CHỨNG ĐẠO

Những Cơ Đốc Nhân được ra lệnh và được khích lệ để rao giảng Phúc Âm cho toàn nhân loại trên cả thế giới. Đức Chúa Trời đã hứa một cách nhấn mạnh và lặp đi lặp lại rằng “bất cứ ai” giao phó chính mình cho Jêsus Christ là Đáng Cứu Rỗi của cá nhân mình, “bất cứ ai” tin và cậy trông nơi Ngài, sẽ chắc chắn được cứu cho đến sự sống đời đời của sự phước hạnh. Những giáo lý về sự chọn lựa và cứu chuộc không hề đối kháng với Đại Mạng Lệnh của Đáng Christ (Mat 28:18-19).

Thật sự ra, hoàn toàn đúng bởi vì Đức Chúa Trời đã chọn một vài người để được cứu điều đó khiến sự rao giảng phúc âm hiệu quả và thành công. Nếu Đức Chúa Trời đã không chọn bất cứ ai để được cứu, thì không có ai sẽ được cứu. Con người trong trạng thái hư hoại hoàn toàn của mình không thể nào và sẽ không bao giờ đến với Đấng Cứu Thế bởi chính người đó.

Và vì vậy Đức Chúa Trời đã mời gọi mọi người đến với sự cứu rỗi cách nhân từ, và Thánh Linh khiến họ có khả năng để tiếp nhận lời mời gọi đó. “Thánh Linh và vợ mới cùng nói: Hãy đến! Kẻ nào nghe cũng hãy nói rằng: Hãy đến! Ai khát, khá đến. Kẻ nào muốn, khá nhận lấy nước sự sống cách nhưng không” (Khải 22:17). “Đức Chúa Trời đã ban cho lời của Ngài không phân biệt người tốt hay xấu; nhưng nó hoạt động bởi Thánh Linh của Ngài trong kẻ được chọn; ... đối với những kẻ nguyên rửa ... thì điều đó sẽ phơi bày họ không một lời bào chữa nào” (Calvin). Chúng ta phải giảng phúc âm cho mọi tầng lớp con người, và phải đảm bảo mọi người rằng nếu họ ăn năn và tin vào Chúa Jêsus Christ thì người đó sẽ được cứu.

Giáo lý của Calvin về sự chọn lựa và sự tiền định của Đức Chúa Trời đem lại một sự đảm bảo to lớn trong việc rao giảng phúc âm và huấn luyện nhiều người trẻ cho chức vụ mục sư, truyền đạo, và công tác chứng đạo. Chúng ta có một giáo lý vững chắc và vui mừng về sự chứng đạo và cứu rỗi: “Đức Chúa Trời đã chọn một dân trong Đấng Christ, từ trước sự thành lập nên thế gian. Ngài đã chu cấp trong Đấng Christ với một sự chắc chắn về sự cứu rỗi của họ, và với sự tấn tới trong ân điển. Ngài đã ban tặng sự cứu rỗi bởi đức tin trong Đấng Christ cho hết thảy mọi người. Vì vậy, nếu, bạn đặt niềm tin và sự tin tưởng của mình nơi Đấng Christ là Đấng Cứu Thế cá nhân của bạn, thì bạn có thể biết, với một sự đảm bảo chắc chắn của Lời của Đức Chúa Trời, rằng bạn là một trong những kẻ được chọn của Ngài. 'Hãy chiếm hữu Đức Chúa Trời ngay tại lời của Ngài!'"

CƠ ĐỐC NHÂN XÁC THỊT?

Việc giảng dạy rằng có hai con đường đi đến thiên đàng, con đường thuộc linh và con đường xác thịt, là sai lạc. Để vào thiên đàng, chỉ có một con đường thuộc linh duy nhất. Con đường xác thịt là con đường dẫn đến sự trừng phạt đời đời. Phao-lô cảnh báo, “Vả, các việc làm của xác thịt là rõ ràng lắm: Ấy là ngoại tình, gian dâm, ô uế, dâm dật, thờ hình tượng, phù phép, ghen ghét, cãi cọ, thi đua, giận dữ, cãi lẫy, nổi loạn, tà giáo, ganh gổ, giết người, say sưa, mê ăn uống, cùng các sự khác giống như vậy. Tôi nói trước cho anh em, như tôi đã nói rồi: Hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời” (Ga-la-ti 5:19-21 KJV). Một người thật sự được tái sinh sẽ không tiếp tục kiên trì trong một đời sống tội lỗi.

Thật đúng khi một đứa con của Đức Chúa Trời có thể sa ngã hoặc sa vào sự nhục dục của xác thịt. Một tín đồ không trở nên người hoàn hảo vô tội (sinlessly perfect) khi người ấy được cứu. Mặc dù người đó được Đức Thánh Linh ngự trị, nhưng bản chất tội lỗi của người vẫn tồn đọng trong mình. Thế thì người đó có thể bị sa vào sự cám dỗ và tội lỗi, và làm đau buồn Đức Thánh Linh.

Chẳng hạn như Đa-vít, đã phạm tội tà dâm và giết người lúc ông ở trong thời điểm thấp nhất của đời sống thuộc linh của ông (II Sam 11-12), nhưng ông đã không cứ dai dẳng sống trong lối sống tội lỗi đó. Khi ông bị quở trách, ông đã ăn năn ngay lập tức. Mặc dù Đa-vít được tha thứ bởi Đức Chúa Trời khi ông xưng nhận những tội lỗi của mình, ông phải đối diện với những hậu quả của những điều gian ác của ông—ông đã mất đi bốn người con trai (đứa bé sinh bởi Bát-sê-ba, và ba đứa con trai khác—Am-môn, Áp-sa-lôm và A-đô-ni-gia).

Điểm quan trọng cần hiểu ở đây là: Miễn là một người xưng mình là Cơ Đốc Nhân mà còn ở trong tình trạng của xác thịt, và không bày tỏ bằng chứng về sự ăn năn trong đời sống của người ấy, thì câu hỏi được nêu ra rằng liệu anh ta có thật sự được tái sinh tại lúc ban đầu

hay không. Chúng ta không phải đoán xét về khía cạnh tuyên bố số phận đời đời vì sự đoán xét của Đức Chúa Trời là không thể dò được. Mặc dù vậy, một người tự xưng mình là một Cơ Đốc Nhân nhưng không bày tỏ những dấu hiệu của ân điển thì nên chú ý đến lời cảnh báo của Phao-lô, “Chính anh em hãy tự xét để xem mình có đức tin chẳng. Hãy tự thử mình: Anh em há không nhận biết rằng có Đức Chúa Jêsus Christ ở trong anh em sao, miễn là anh em không đáng bị bỏ?” (II Côr 13:5). Nó không phải là sự xưng nhận đức tin nhưng là sự chiếm hữu đức tin cứu rỗi.

NHỮNG CẢNH CÁO VỀ SỰ BỘI ĐẠO

Kinh Thánh chứa đầy đầy những lời cảnh báo chống lại sự bội đạo. Trong Ma-thi-ơ 5:13, Chúa Jêsus nói, “Các ngươi là muối của đất; song nếu mất mặn đi, thì sẽ lấy giống chi mà làm cho mặn lại?” Chúa Jêsus đã sử dụng ví dụ này để bày tỏ sự vô ích của sự xưng nhận dối. Cũng cùng lẽ thật được đem ra trong ví dụ về những hạt giống tốt không có rễ đâm sâu (Mat 13:6).

Phi-e-rơ cũng nói cách mạnh mẽ nghịch lại những ai không những lừa dối chính mình, nhưng cũng lừa dối người khác về sự cứu rỗi. Ông nói, “Chúng nó dùng những lời văn hoa hư đốn, đem những điều ham muốn của xác thịt và điều gian dâm mà dỗ dành những kẻ mới vừa tránh khỏi các người theo đường lầm lạc; chúng nó hứa sự tự do cho người, mà chính mình thì làm tội mọi sự hư nát; vì có sự chi đã thắng hơn người, thì người là tội mọi sự đó. Và, chúng nó bởi sự nhận biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ, mà đã thoát khỏi sự ô uế của thế gian, rồi lại mắc phải và suy phục những sự đó, thì số phận sau cùng của chúng nó trở xấu hơn lúc đầu. Chúng nó đã biết đường công bình, rồi lại lui đi về lời răn thánh đã truyền cho mình, thế thì thà rằng không biết là hơn. Đã xảy đến cho chúng nó như lời tục ngữ rằng: Chó liếm lại đồ nó đã mửa, heo đã

rửa sạch rồi, lại lăn lóc trong vũng bùn” (II Phi 2:18-22).

Chúng ta đừng bao giờ làm suy giảm hay lơ là trong sự nhấn mạnh một cách mạnh mẽ nhất đối với những lời cảnh cáo như thế này. Những ai bền đỗ cho đến cuối cùng thì sẽ được cứu (Mat 24:13; xem Mác 13:13; Lu-ca 21:19). Sự đảm bảo vững chắc của tính bền vững của những lời hứa của Đức Chúa Trời là được nêu ra lặp đi lặp lại trong Hê-bơ-rơ 3:6 và 14 mệnh đề điều kiện lặp lại, “Miễn là chúng ta giữ vững vàng cho đến cuối cùng lòng tin chắc và trông cậy, là sự chúng ta lấy làm vinh hiển ... miễn là giữ lòng tin ban đầu của chúng ta cho vững bền đến cuối cùng.” Nếu chúng ta có đức tin thật, chúng ta sẽ đứng vững vàng cho đến cuối cùng.

Đức tin thật sẽ không bao giờ bỏ cuộc; nó không bao giờ nói chết!

SỰ CHỌN LỰA

“Sự chọn lựa là nguồn và khởi đầu của tất cả mọi việc lành” (Calvin).

Từ “sự chọn lựa” đơn giản là nói về việc chọn lựa, tuyển lựa, một sự định đoạt. Bản chất và mục đích của sự chọn lựa phải được quyết định trong mọi trường hợp bởi bối cảnh. Từ “sự chọn lựa” được dùng trong hai cách trong Kinh Thánh.

Mặc dù nó được sử dụng một cách khái quát nhằm chỉ về một sự chọn lựa cho sự cứu rỗi đời đời, nó phải được chú ý rằng nó thỉnh thoảng được sử dụng nhằm để nói về một sự chọn lựa cho một sự phục vụ đặc biệt. Ví dụ, khi Đức Chúa Trời nói Sau-lơ người Tạt-sơ, “Nhưng Chúa phán rằng: Hãy đi, vì ta đã chọn người này làm một đồ dùng ta, để đem danh ta đồn ra trước mặt các dân ngoại, các vua, và con cái Y-sơ-ra-ên; ta lại sẽ tỏ ra cho người biết phải chịu đau đớn vì danh ta là bao nả” (Công vụ 9:15-16). Trong bối cảnh này, Đức Chúa Trời sử dụng từ “chọn” (*ekloges*) với sự ám chỉ đến một chức vụ đặc

biệt mà vị Sứ Đồ vĩ đại này sẽ phải thực hiện.

Một ví dụ khác có thể được tìm thấy trong Rô-ma 9 nơi mà từ “sự chọn lựa” được sử dụng với sự ám chỉ đến sự tuyển chọn của Đức Chúa Trời về một dòng giống của Đấng Mê-si-a, hơn là sự cứu rỗi đời đời như thế. Khi chúng ta đọc, “con cái thuộc về lời hứa thì được kể là dòng dõi” (c 8), từ “được kể” có từ gốc và có ý nghĩa khái quát như từ “chọn.” Phao-lô đang ám chỉ về sự thật rằng dòng dõi của Đấng Mê-si-a phải được mãi duy trì trong Y-sác, chứ không phải Ích-ma-ên. Nhưng điều này không nên hiểu rằng Ích-ma-ên nhất thiết là kẻ bị đày đi địa ngục, với chùng mực của sự cứu rỗi đời đời được quan tâm. Ân điển của Đức Chúa Trời được nhìn thấy rõ ràng trong sự đáp lời sự cầu nguyện của Áp-ra-ham cho Ích-ma-ên con trai của ông: “Áp-ra-ham thưa cùng Đức Chúa Trời rằng: Chớ chi Ích-ma-ên vẫn được sống trước mặt Ngài! Đức Chúa Trời bèn phán rằng: Ta cũng nhậm lời người xin cho Ích-ma-ên. Nay, ta ban phước cho người, sẽ làm cho người sanh sản và thêm nhiều quá bội; ... Nhưng ta sẽ lập giao ước ta cùng Y-sác” (Sáng 17:18-21). Phân đoạn trong Rô-ma 9 nói về Gia-cốp và Ê-sau cũng tương tự vậy, “Vì, khi hai con chưa sanh ra, chưa làm điều chi lành hay dữ (hầu cho được giữ vững ý chỉ Đức Chúa Trời, là ý định sẵn bởi sự kén chọn tự do của Ngài, chẳng cứ việc làm, nhưng cứ Đấng kêu gọi;) thì có lời phán cho mẹ của hai con rằng: Đứa lớn sẽ làm tôi đứa nhỏ” (Rôm 9:11-12). Điều đang nói ở đây là việc Đức Chúa Trời chọn lựa Gia-cốp là để duy trì dòng dõi Mê-si-a chứ không có ý muốn nói về sự phủ nhận sự sống đời đời của Ê-sau.

“Sự cuối cùng của sự chọn lựa của chúng ta là để chúng ta có thể biểu lộ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trong mọi cách có thể” (Calvin). Phao-lô dạy lẽ thật này dựa trên trường hợp của Pha-ra-ôn và con cháu của Y-sơ-ra-ên. Phao-lô viết, “Nếu Đức Chúa Trời muốn tỏ ra cơn thịnh nộ và làm cho biết quyền phép Ngài, đã lấy lòng khoan nhẫn lớn chịu những bình đáng giận sẵn cho sự hư mất, để cũng làm cho biết sự giàu có của vinh hiển Ngài bởi những bình đáng

thương xót mà Ngài đã định sẵn cho sự vinh hiển (Rôm 9:22-23). Nó khá rõ ràng rằng Phao-lô ở đây đang thảo luận về nguyên chỉ của sự chọn lựa đến sự sống đời đời cho những ai mà Ngài đã chọn để trở thành đối tượng của sự thương xót của Ngài.

Những lời này là một sự soạn thảo tỉ mỉ trên một sự giảng dạy rõ ràng về Rô-ma 8:28-31, “trước, thì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài, hầu cho Con này được làm Con cả ở giữa nhiều anh em; còn những kẻ Ngài đã định sẵn, thì Ngài cũng đã gọi, những kẻ Ngài đã gọi, thì Ngài cũng đã xưng là công bình, và những kẻ Ngài đã xưng là công bình, thì Ngài cũng đã làm cho vinh hiển. Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?”

Bảy điều được liệt kê trong những câu này có những ý nghĩa thật to lớn: (1) Tình yêu hướng đến Đức Chúa Trời; (2) Sự quan phòng tốt lành của Đức Chúa Trời; (3) Sự biết trước của Đức Chúa Trời; (4) Sự định trước của Ngài cho những người được chọn về sự làm con; (5) Sự kêu gọi của Ngài dành cho họ; (6) Sự xưng công bình của Ngài cho họ; (7) Sự làm vinh hiển của Ngài cho họ.

Những ý nghĩa này được giải thích rất rõ ràng bởi Buswel, “Bảy điều trong chuỗi này làm thành một mặt lựa dính sát nhau mà không có lỗ hổng nào. Những ai yêu mến Đức Chúa Trời là những người được gọi, được định trước, theo mục đích [đời đời] của Ngài; và họ đã được định đoạt một cách thiêng liêng cho các hiệu quả của ân điển, từ sự xưng công bình cho đến sự làm cho vinh hiển. Không thể nào trốn thoát khỏi mạng lưới được dệt này. Nếu một người ở giữa nó, người ấy sẽ được an toàn trong đó, vì không có một sự gián đoạn nào trong mạng lưới đó khỏi nguyên chỉ đời đời đến sự vinh hiển đời đời.”

“Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Rôm 8:31). Nếu chúng ta đã tiếp nhận Đấng Christ là Đấng Cứu Thế cá nhân của mình, thì

chúng ta được chắc chắn tuyệt đối bởi lời hứa chắc chắn và sự bảo đảm của sự cứu rỗi. Điều này hẳn là sự suy nghĩ của Phi-e-rơ khi ông nói, “VẬY, HỒI ANH EM, HÃY CHÚ Ý CHO CHẮC CHẴN VỀ SỰ CHÚA KÊU GỌI VÀ CHỌN LỰA MÌNH. LÀM ĐIỀU ĐÓ ANH EM SẼ KHÔNG HỀ VẤP NGÃ; ĐƯỜNG ẤY, ANH EM SẼ ĐƯỢC CHO VÀO CÁCH RỘNG RÃI TRONG NƯỚC ĐỜI ĐỜI CỦA ĐỨC CHÚA JÊSUS CHRIST LÀ CHÚA VÀ CỨU CHÚA CỦA CHÚNG TA” (II Phi 1:10-11). Nói cách khác, nếu chúng ta thật tâm tiếp nhận Đấng Christ, chúng ta cần phải chú ý chắc chắn về sự kêu gọi và sự chọn lựa của chúng ta.

Giáo lý về sự chọn lựa chắc chắn là một giáo lý đầy nhân từ và khích lệ được dạy trong Kinh Thánh “Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta? Ngài đã không tiếm chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy cho, thì Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao? Ai sẽ kiện kẻ lựa chọn của Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình những kẻ ấy. Ai sẽ lên án họ ư? Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng đã chết, và cũng đã sống lại nữa, Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu nguyện thế cho chúng ta. Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Đấng Christ? ... Vì tôi chắc rằng bất kỳ sự chết, sự sống, các thiên sứ, các kẻ cầm quyền, việc bây giờ, việc hầu đến, quyền phép, bề cao, hay là bề sâu, hoặc một vật nào, chẳng có thể phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương mà Đức Chúa Trời đã chứng cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta” (Rôm 8:31-39).

Sự chọn lựa một dân của Đức Chúa Trời là một sự chọn lựa đến đời sống thánh khiết. Điều này được dạy bởi Sứ Đồ Phao-lô, “Trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ, đặt làm nên thánh không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời, bởi sự thương yêu của Ngài đã định trước cho chúng ta được trở nên con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Jêsus Christ, theo ý tốt của Ngài, để khen ngợi sự vinh hiển của ân điển Ngài đã ban cho chúng ta cách nhưng không trong Con yêu dấu của Ngài” (Êph 1:4-6).

“Ấy cũng là trong Ngài [Christ] mà chúng ta đã nên kẻ dự phần kế nghiệp [từ Đức Chúa Trời], như đã định trước cho chúng ta được điều đó, theo mạng của Đấng làm mọi sự hiệp với ý quyết đoán, hầu cho sự vinh hiển của Ngài nhờ chúng ta là kẻ đã trông cậy trong Đấng Christ trước nhứt mà được ngợi khen” (Êph 1:11-12).

Sự chọn lựa đến sự cứu rỗi không nên được hiểu sai đặng làm giấy thông hành cho tội lỗi. Vài người nghĩ thế này: “Vì Đấng Christ đã chọn tôi đặng được cứu, và sự chọn lựa của Ngài là chắc chắn và đảm bảo, và tôi sẽ không bao giờ bị hư mất, vậy hãy để tôi cứ phạm tội thêm nữa vì khi tôi phạm tội càng nhiều thì ân điển của Đức Chúa Trời bày tỏ dư dật trên tôi dường ấy.” Với những người như thế, Phao-lô nói, “Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Chúng ta phải cứ ở trong tội lỗi, hầu cho ân điển được dư dật chăng? Chẳng hề như vậy! [Đức Chúa Trời không cho phép]! Chúng ta đã chết về tội lỗi, lẽ nào còn sống trong tội lỗi nữa? Hay là, anh em chẳng biết rằng chúng ta thấy đều đã chịu phép báp-têm trong Đức Chúa Jêsus Christ, tức là chịu phép báp-têm trong sự chết Ngài sao? Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-têm trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy. Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau: Vì biết rõ rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh trên thập tự giá với Ngài, hầu cho thân thể của tội lỗi bị tiêu diệt đi, và chúng ta không phục dưới tội lỗi nữa. Vì ai đã chết thì được thoát khỏi tội lỗi. Và, nếu chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ, thì chúng ta tin rằng mình cũng sẽ cùng sống với Ngài, bởi biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài. Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời. Vậy anh em cũng hãy coi mình như chết về tội lỗi và như sống cho Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ. Vậy, chớ để tội lỗi cai trị trong xác hay chết của anh em, và chớ chiều theo tư dục nó. Chớ nộp chi thể mình cho tội lỗi, như là đồ dùng gian ác,

nhưng hãy phó chính mình anh em cho Đức Chúa Trời, dường như đã chết mà nay trở nên sống, và dâng chi thể mình cho Đức Chúa Trời như là đồ dùng về sự công bình” (Rôm 6:1-13).

SỰ HUYỀN NHIỆM CỦA SỰ TIỀN ĐỊNH

Bản Xung Nhận Đức Tin Wesminster nói, “Giáo lý về sự tiền định mâu nhiệm cao cả này phải được nghiên cứu với sự khôn ngoan và đặc biệt thận trọng, để những ai chú tâm vào ý muốn của Đức Chúa Trời được khải tỏ trong Lời của Ngài, và vâng phục nó, có thể được đảm bảo chắc chắn về sự chọn lựa đời đời của họ. Vì vậy giáo lý này cung cấp việc ngợi khen, tôn kính, cảm phục lên Đức Chúa Trời, và khiêm nhường, sốt sắng, an ủi lớn, cho những ai thật tâm vâng lời Phúc Âm” (3:8).

Sự khiêm nhường phải được biểu lộ bất cứ khi nào giáo lý của sự chọn lựa và sự tiền định này được bàn đến. Giáo lý này được tìm thấy trong nhiều phần của Kinh Thánh, và nó tốn nhiều trang giấy và thời gian để nghiên cứu nó. Dù sao đi nữa, sinh viên Kinh Thánh phải cẩn thận không được nói quá về giáo lý này, và cũng không nên dò tìm ở bất cứ phân đoạn Kinh Thánh trái với mục đích thiêng liêng. Khi Đức Chúa Trời im lặng, chúng ta cũng nên im lặng là tốt hơn, như Calvin cố vấn vậy.

Trong Công Vụ 13:48, chúng ta tìm thấy một ví dụ làm thế nào một số người đã phân giải và áp dụng sai giáo lý về sự chọn lựa. Tham khảo bài giảng ở Bi-si-đi An-ti-ôt, chúng ta đọc, “Những người ngoại nghe lời đó thì vui mừng, ngợi khen đạo Chúa, và phàm những kẻ đã được định sẵn cho sự sống đời đời, đều tin theo” (Công 13:48). Từ căn bản của cụm từ, “phàm những kẻ đã được định sẵn cho sự sống đời đời,” một vài người tranh luận rằng tại ngay cuộc truyền giáo cụ thể đó của Phao-lô, và Ba-na-ba, mỗi cá nhân trong thành phố đó là

những người trong vòng những kẻ được chọn của Đức Chúa Trời được cứu ngay tại thời điểm cụ thể đó. Sự suy nghĩ này đã được nói rộng ra của giáo lý, “bị đốt trên mặt đất” [burnt over ground]. Một vài người đã tranh luận rằng những cuộc truyền giáo đến những nước phương Tây là vô hiệu quả, bởi vì những nước đó đã được chứng đạo rồi. Trái lại, Đức Chúa Trời luôn cất giữ một số người được chọn của Ngài trong ý định bí mật của Ngài, và không bao giờ cho chúng ta một cơ sở nào để tranh luận rằng tất cả những người được chọn trong một bất kỳ một tình huống ban cho nào đó đều được cứu.

Chúng ta luôn phải rao giảng Phúc Âm cho mọi người ở bất kỳ quốc gia nào. Không có sự chọn lựa của Đức Chúa Trời, chúng ta thất bại.

SỰ ĐÀY ĐI ĐỊA NGỤC

Thật sự rằng không phải tất cả mọi người đều được cứu bởi sự chuộc tội của Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời “làm mọi sự hiệp với ý quyết đoán [của Ngài]” (Êph 1:11), nên nó kéo theo rằng sự đoán phạt cuối cùng của những kẻ hư mất là nằm trong nguyên chỉ của Đức Chúa Trời (Châm 16:4). Đây là giáo lý của sự từ bỏ, hoặc có thể được gọi theo cách truyền thống “Sự đày đi địa ngục” (từ *reprobate* nghĩa là “từ bỏ”). Những kẻ bị từ bỏ không phải bị hư mất đơn giản vì Đức Chúa Trời đã nhìn thấy trước rằng họ sẽ khước từ ân điển của Ngài và không thêm thêm xia gì với nó, nhưng bởi vì Đức Chúa Trời đã cho phép họ đặng khước từ ân điển của Ngài.

Nó phải được nói cách nhấn mạnh rằng kế hoạch của sự cứu rỗi không tương đương hay đối xứng với lẽ thật về sự đày đi địa ngục. Những người được cứu là được cứu bởi vì “Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự thương xót” (Rôm 9:16). Không ai có thể thêm vào hay làm bất cứ điều gì cho sự cứu rỗi của mình. Những ai được cứu đó là được cứu

bởi ân điển lạ lùng của Đức Chúa Trời. Mặc dù vậy, Kinh Thánh có nói rõ ràng rằng những người bị từ bỏ là những kẻ đáng bị khiển trách hoàn toàn về tình trạng hư mất của họ. Buswell nói rất đúng, “Nguyên nhân của sự hư mất của những kẻ bị hư mất là trong những kẻ bị hư mất.” [the chargeable cause of the loss of the lost is in the lost]. Sự thật về những người bị từ bỏ đáng bị khiển trách về tình trạng hư mất của họ được nhấn mạnh nhiều lần trong Kinh Thánh rằng Đức Chúa Trời rất tức giận với những kẻ không ăn năn bởi vì họ đã chối bỏ ân điển của Ngài. “Ai tin Ngài thì chẳng bị đoán xét đâu; ai không tin thì đã bị đoán xét rồi, vì không tin đến danh Con một Đức Chúa Trời. Và, sự đoán xét đó là như vậy: Sự sáng đã đến thế gian, mà người ta ưa sự tối tăm hơn sự sáng, vì việc làm của họ là xấu xa” (Giăng 3:18-19). “Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (Giăng 3:36). “... vì chúng nó đã không nhận lãnh sự yêu thương của lễ thật để được cứu rỗi. Ấy vì thế mà Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải sự lầm lạc, là sự khiến chúng nó tin điều dối giả, hầu cho hết thảy những người không tin lễ thật, song chuộng sự không công bình, đều bị phục dưới sự phán xét của Ngài” (II Tê-sa-lô-ni-mô 2:10-12). Từ những câu Kinh Thánh này thật rõ ràng rằng Đức Chúa Trời giận dữ với những kẻ hư mất và quy trách nhiệm trên họ vì tình trạng hư mất của họ trên cơ sở khước từ ân điển của Ngài. “Những kẻ bị từ bỏ là tác giả của những sự gian ác của mình và theo sau Sa-tan lãnh đạo của họ” (Calvin).

TIỀN ĐỊNH KÉP

Đức Chúa Trời không phải là nguyên nhân về sự hư mất của kẻ hư mất như Kinh Thánh nói rất rõ ràng! “Ta há có vui chút nào về sự chết của kẻ dữ sao? há chẳng thà vui về sự nó xây bỏ đường lối mình và nó sống sao? Chúa Giê-hô-va phán rằng: Thật vậy, ta không vui đâu về sự chết của kẻ phải chết, vậy các ngươi hãy xây lại, mà được sống! ... Hãy nói cùng chúng nó rằng: Chúa Giê-hô-va phán: Thật như ta hằng sống, ta chẳng lấy sự kẻ dữ chết làm vui, nhưng vui về nó xây bỏ đường lối mình và được sống. Các ngươi khá xây bỏ, xây bỏ đường lối xấu của mình. Sao các ngươi muốn chết, hỡi nhà Y-sa-ra-ên? (Ê-xê 18:23,32; 33:11). Ngài “muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật” (1 Tim 2:4). “Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như mấy người kia tưởng đâu, nhưng Ngài lấy lòng nhịn nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (II Phi 3:9).

Một ví dụ khác về sự kiên nhẫn lớn của Đức Chúa Trời, chờ đợi tội nhân ăn năn trước khi Ngài đem sự phán xét lớn đến được tìm thấy trong Rô-ma 9:22-23. Trong phân đoạn này, chúng ta được dạy rằng thái độ của Đức Chúa Trời đối với Pha-ra-ôn, Đức Chúa Trời “đã lấy lòng khoan nhẫn lớn chịu những bình đáng giận sẵn cho sự hư mất, để cũng làm cho biết sự giàu có của vinh hiển Ngài bởi những bình đáng thương xót mà Ngài đã định sẵn cho sự vinh hiển.”

“Cụm từ, 'tiền định kép,' được sử dụng thường xuyên trong việc liên kết với giáo lý sự lưu đày đi địa ngục (reprobation). Nếu điều này có nghĩa là cả sự cứu rỗi của những kẻ được cứu và sự hư mất của kẻ bị hư mất là chắc chắn nằm trong nguyên chỉ đời đời của Đức Chúa Trời, vậy thì không có một lý do nào có thể tránh khỏi kết cục này. Nhưng nếu 'sự tiền định kép,' có ý nói rằng sự cứu rỗi và sự hư mất là hai phương diện đối xứng nhau, và rằng Đức Chúa Trời là nguyên nhân của sự hư mất của kẻ hư mất, như thể Ngài thật là nguyên nhân

của sự cứu rỗi của những kẻ được cứu, vậy ý nghĩa của cụm từ như vậy phải chắc chắn bị khước từ vì nó không được ủng hộ bởi Kinh Thánh và bị khước từ bởi Kinh Thánh” (Buswell).

Vậy người bị từ bỏ là nguyên cớ của sự đoán phạt của chính mình có thể được minh họa bởi câu chuyện “Vỏ Chuối” của Tiến Sĩ Timothy Tow: Giả dụ tôi mời bạn bữa ăn tối và bạn tự làm trật khớp mắt cá chân trên đường đi bởi trượt một vỏ chuối. Ai là người chịu trách nhiệm về pháp lý? Bạn (nguyên nhân trực tiếp), không phải tôi (nguyên nhân gián tiếp), có trách nhiệm về pháp lý.

Sự cứu rỗi của những người được chọn được bắt nguồn ở Đức Chúa Trời, nhưng những kẻ bị từ bỏ là tác giả của chính sự đoán phạt của họ (Mác 14:21).

NHỮNG NGUYÊN CHỈ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược nói, “những nguyên chỉ của Đức Chúa Trời là mục đích đời đời của Ngài, tùy theo ý định của ý muốn Ngài, bởi cho sự vinh hiển của chính Ngài, Ngài đã định trước tất cả những gì xảy ra” (Câu hỏi 7). Ý muốn ra lệnh (decretive will) của Đức Chúa Trời được dạy rõ ràng trong Rô-ma và Ê-phê-sô, chúng ta khám phá ra rằng sự cứu rỗi của chúng ta hoàn toàn là của Chúa. Nếu Chúa đã không chọn chúng ta từ trước buổi sáng thế, chúng ta sẽ không là chúng ta như ngày nay.

Không một ai tin vào Đấng Christ nếu người đó không được xác định, tiền định, chọn trước bởi Đức Chúa Cha. Khẩu hiệu của Calvin là, “Sự cứu rỗi thuộc về Đức Giê-hô-va” (Giô-na 2:9).

Vậy còn những kẻ bị từ bỏ? Con trai của sự hư mất–Giu-đa Ích-ca-ri-ốt–Phải chăng ông ta đã ở dưới ý muốn ra lệnh của Đức Chúa Trời, dưới sự tiền định của Ngài? Tất nhiên là vậy! Sa-lô-môn nói, “Đức

Giê-hô-va đã dựng nên muôn vật để dùng cho Ngài; Đến đời kẻ ác cũng vậy, để dành cho ngày tai họa” (Châm 16:4). Vậy, nếu Đức Chúa Trời đã định trước cho ông ấy trở thành kẻ phản bội, vậy ông ta có thể làm được gì? Lý luận này được khơi lên trong Rô-ma 9:19, “Vậy thì người sẽ hỏi ta rằng: Sao Ngài còn quở trách? Vì có ai chống lại ý muốn Ngài được chẳng?” Nhưng con người nhỏ bé có thể hỏi Đức Chúa Trời như vậy? Ngài là Thợ Gốm, chúng ta là đất sét (Rôm 9:10-23).

Trường hợp của Giu-đa Ích-ca-ri-ốt bị tuyên án bởi Chúa Cứu Thế của chúng ta, “Vì Con người đi, y như lời đã chép về Ngài; song khốn cho kẻ phản Con người! Thà nó chẳng sanh ra thì hơn” (Mác 14:21). Không nghi ngờ gì về ý chỉ sắc lệnh của Đức Chúa Trời về Giu-đa sẽ phản bội Jêsus, nhưng Giu-đa phải mang lấy trách nhiệm của mình trong việc phản bội người Thầy của mình. Tại sao? Bởi vì khi ông ấy phản bội Thầy của mình. Nó đến từ tấm lòng gian ác của ông ấy giết Chúa Jêsus chứ không đến từ bất cứ nơi nào, ngoại trừ việc ông ấy đã nhường bước cho Sa-tan để chỉ dẫn kế hoạch của ông ấy.

Vì vậy Chúa chúng ta nói trong chỗ khác, “Không có thể khỏi xảy đến sự gây nên phạm tội được; song khốn thay cho ai là kẻ làm ra sự ấy! Nếu ai gây cho chỉ một kẻ nhỏ này phạm tội, thì thà rằng buộc cối đá vào cổ nó mà quăng xuống biển còn hơn” (Lu-ca 17:1-2). Trách nhiệm của con người!

Về nguyên chỉ đòi đòi của Đức Chúa Trời, Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster tuyên bố, “Đức Chúa Trời từ cõi đời đời đã, bởi ý định khôn ngoan và thánh khiết nhất của ý muốn Ngài, tự do kiên định bỏ định bất cứ việc gì đều ứng nghiệm hết thảy: nhưng Đức Chúa Trời không phải là tác giả của tội lỗi, cũng không phải của sự bạo lực phú cho ý muốn của tạo vật của Ngài, cũng không phải là sự tự do hay sự ngẫu nhiên của những nguyên nhân thứ yếu lấy đi mất, nhưng đúng hơn là được vững lập” (3:1).

Vì Đức Chúa Trời không bị buộc tội là nguyên nhân của sự hư mất của những người hư mất như Kinh Thánh dạy điều đó thật rõ ràng (Giăng 3:18-19, 36; II Tê-s 2:10-12). Vâng Giu-đa là một trong những Mười Hai người được đặc ân vì được chọn lựa (như một sứ đồ), đã sống với Chúa, đã nghe những lời quý báu của Ngài, đã nhìn thấy những phép lạ của Ngài. Mặc dù vậy Chúa gọi ông ta là ma quỷ bởi vì sự vô tín và cố chấp quay bỏ Lễ Thật. Calvin nói, “Ma quỷ, bởi ngón tay gian xảo của nó làm thối miên kẻ bội đạo, khi nó trả ơn Lời Đức Chúa Trời hoặc ganh ghét hoặc đê tiện.” Ý muốn thuộc sắc luật là một sự mâu nhiệm cao cả về quyền tể trị thiêng liêng của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người.

Hãy để Calvin kết luận về sự nghiên cứu trên ý muốn sắc lệnh của Đức Chúa Trời cho chúng ta như sau, “Vi ý muốn của Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn cao nhất của sự công bằng, bởi vì Ngài muốn vậy. Khi được hỏi, tại sao Chúa đã làm vậy, câu trả lời phải là, bởi vì Ngài muốn, Nhưng nếu bạn đi xa hơn chút nữa, và hỏi tại sao Ngài đã quyết định như vậy, bạn đang trong sự tìm kiếm những gì lớn hơn và cao hơn ý muốn của Đức Chúa Trời, điều mà bạn không bao giờ tìm được. Những con người táo bạo hãy dừng lại việc hỏi về những việc không nên hỏi, e nó sẽ thất bại trong việc tìm kiếm điều đó là gì.”

Vì vậy, không nói hay đoán mò những gì Kinh Thánh im lặng là khôn ngoan. “Những sự bí mật thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta; song những sự bày tỏ thuộc về chúng ta, và con cháu chúng ta đời đời, để chúng ta làm theo mọi lời của luật pháp này” (Phục 29:29).

Giáo lý về sự chọn lựa và sự đày đi địa ngục (reprobation) là một giáo lý cao cả và sâu sắc. Nó làm Đức Chúa Trời vĩ đại và con người trở nên nhỏ bé. *Soli Deo Gloria!*

CÔNG TÁC CÁO TRÁCH CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Công tác cáo trách của Đức Thánh Linh được hứa bởi Chúa Jêsus Christ chúng ta trong lời tạm biệt. “Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, về sự công bình và về sự phán xét. Về tội lỗi, vì họ không tin ta” (Giăng 16:8-9). Công tác cáo trách của Đức Thánh Linh trong thế gian bao quát, được coi là ân điển phổ quát của Đức Chúa Trời, là công việc trên tấm lòng của mọi người, một công việc mà trong đó không chỉ là Phúc Âm được ban tặng một cách nhưng không cho tất cả, nhưng cũng hết thảy đều được đem đến sự cáo trách rằng nếu họ khước từ ân điển của Đức Chúa Trời đã ban tặng cho họ, họ gánh chịu con thạnh nộ và sự rửa sả đời đời của Đức Chúa Trời bởi vì họ “không tin đến danh Con độc sanh của Đức Chúa Trời” (Giăng 3:18) và bởi vì “đã không nhận lãnh sự yêu thương của lẽ thật để được cứu rỗi ... song chuộng sự không công bình” (II Tê-sa 2:10-12).

Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng công tác cáo trách đặc biệt của Đức Thánh Linh sẽ dẫn con người đến sự cải đạo cứu rỗi của linh hồn. Công tác cứu rỗi của Đức Thánh Linh này là không thể dò thấu nổi. Nó vượt quá sự hiểu biết và lý luận của con người hữu hạn. Những gì chúng ta biết đó là Thánh Linh, qua ân điển đặc biệt của Đức Chúa Trời, ban cho kẻ được chọn đức tin để tin, và trên niềm tin đó kết hiệp họ lại với Đấng Christ (Êph 2:8-9, Rô-m 5:1-2). Đây là sự kêu gọi hiệu quả của những người được chọn của Đức Chúa Trời.

Sự kêu gọi hiệu quả là gì? Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược trả lời, “Sự kêu gọi hiệu quả là công việc của Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bởi đó, cáo trách tội lỗi và sự bất hạnh của chúng ta, khai trí chúng ta trong sự hiểu biết về Đấng Christ, và làm mới lại ý muốn của chúng ta, Ngài thuyết phục và khiến chúng ta có khả năng để nắm lấy Jêsus Christ, được ban tặng một cách nhưng không cho chúng ta trong Phúc Âm” (Câu hỏi 31). “Ấy là công việc đặc biệt của Đức Chúa Trời

đặng quay đổi tấm lòng con người về phía Ngài bởi tác động kín nhiệm của Đức Thánh Linh” (Calvin).

Đức Thánh Linh cáo trách thế gian về tội lỗi qua Lời được hà hơi và bảo tồn của Đức Chúa Trời, và qua những bài làm chứng sống của các tín đồ được cứu bởi ân điển. Hội Thánh phải thực hiện công tác chứng đạo vì nó là phương cách được trang bị thiêng liêng về sự giải hòa của thế gian hư mất với Đấng Christ.

Đấng Christ là Lời đời đời của Đức Chúa Trời. “Gốc tích của Ngài bởi từ đời xưa, từ trước vô cùng (Michê 5:1). Ngài là “Sự sáng này là sự sáng thật, khi đến thế gian soi sáng mọi người” (Giăng 1:9). Đức Chúa Trời có thể vươn đến những người xa xôi nhất, thậm chí những người nguyên thủy. Khi những người truyền giáo rao giảng Phúc Âm, Đức Thánh Linh có thể đem sự thuyết phục đến con người trong những nơi khó khăn nhất. Đức Chúa Trời toàn năng chuẩn bị tấm lòng của những người được chọn, và Ngài cũng quan sát các nẻo của những nhà truyền giáo khi họ đi ra tìm kiếm những người hư mất và đem cả hai về.

Chúng ta có trách nhiệm với sự sáng mà chúng ta có cho những ai không có nó. “Này, hỡi con người, ta đã lập ngươi đặng làm kẻ canh giữ cho nhà Y-sơ-ra-ên; nên hãy nghe lời từ miệng ta, và thay ta răn bảo trước cho chúng nó. Khi ta phán cùng kẻ dữ rằng: Hỡi kẻ dữ, mày chắc chết! Nếu ngươi không răn bảo để cho kẻ dữ xây bỏ đường lối xấu của nó, thì kẻ dữ ấy sẽ chết trong sự gian ác mình; nhưng ta sẽ đòi máu nó nơi tay ngươi” (Ê-xê 33:7-8; xem 3:17-18). Phao-lô cũng có những lời này trong trí khi ông nói với các trưởng lão của hội thánh Ê-phê-sô tại buổi họp với họ ở Mi-lê, “Anh em biết tôi chẳng trể nải rao truyền mọi điều ích lợi cho anh em, chẳng giấu điều chi hết, lại biết tôi đã dạy anh em hoặc giữa công chúng, hoặc từ nhà này sang nhà kia ... Nên bữa nay tôi nói quyết trước mặt các anh em rằng tôi tinh sạch về huyết anh em hết thảy. Vì tôi không trể nải một chút nào để tỏ ra cho biết hết thảy ý muốn của Đức Chúa Trời ... Vậy, hãy tỉnh thức, nhớ lại rằng trong ba năm hằng đêm và ngày, tôi hằng chảy nước mắt ra mà

khuyến bảo cho mọi người luôn” (Công 20:20, 26, 27, 31). Sự cứu rỗi của người được chọn là một sự nhiệm mầu mà chúng ta chẳng bao giờ thấu hiểu hết. Những ai mà được cứu đều đến từ cùng dòng họ của loài người gian ác.

Thậm chí ngay cả hạng người xấu xa nhất của loài người sa ngã, Đức Chúa Trời đã vừa lòng cứu vớt họ. Sự tốt lành của Ngài là không thể dò thấu và sự khôn ngoan của Ngài là không thể hiểu thấu. Khi Đức Chúa Trời cứu một dân ra khỏi sự hủy diệt đời đời, Ngài cứu họ một cách tuyệt đối. Những người được cứu sẽ không bao giờ bị hư mất nữa vì Đức Chúa Trời của họ không hề thất bại. Nó không cần phải nói nhiều rằng sự chọn lựa là lý do cho sự truyền giáo.

SỰ SÁNG CỦA THIÊN NHIÊN

“Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được viết và được in ấn trên các tầng trời. Chúng vang dội một âm thanh thật lớn và rõ ràng, nó vang ra đến tận lỗ tai của con người, một ngôn ngữ có thể thấy được” (Calvin).

Kinh Thánh dạy rằng sự hiểu biết về thiên nhiên là một nhân tố trong việc cáo trách những người hư mất. Trong Rô-ma 1:20, Phao-lô nói rằng bằng chứng là rõ ràng đầy đủ từ sự tạo dựng Đức Chúa Trời để mà những ai khước từ Ngài không thể tự bào chữa cho mình được. Trong Rô-ma 10:18, ông đã trình bày một điều tương tự khi ông hỏi, “Nhưng tôi nói, phải chăng họ chưa nghe?” Ông trích Thi-thiên 19:5 chỉ rõ rằng rằng sự sáng của thiên nhiên là một nhân tố trong việc đem đến sự cáo trách. Rồi ông bày tỏ theo phong cách đối kháng về việc những người có sự khải tỏ rõ ràng về lời của Đức Chúa Trời bị quở trách cho đến mức nào.

Kinh Thánh chỉ cho biết rằng Đức Chúa Trời đã khải tỏ chính mình Ngài cho nhân loại ngay từ lúc ban đầu của lịch sử loài người, và hơn thế nữa, rằng Ngài “Ngài không bao giờ thiếu người làm chứng về Ngài” (Công 14:16,17). Thật đây ý nghĩa khi chú ý rằng những truyền thống tôn giáo xưa cũ nhất là gần nhất với thuyết hữu thần (theism). Ví dụ, lịch sử Trung Quốc cổ đại vào 4000 năm về trước ký thuật vào ba triều đại đầu tiên, Hsia, Shang, and Chou (tk 2205-2255 TC), người Trung Quốc chỉ thờ một Đức Chúa Trời và gọi là *Shang Ti* – Vua Thiên Đàng Tối Cao. Người Trung Quốc nguyên thủy là những người thờ một thần, không thờ hình tượng. Chỉ nhiều thời gian sau họ chuyển sang đa thần và thờ thần tượng.

Kinh Thánh dạy rằng Đức Thánh Linh sử dụng sự hiểu biết về thiên nhiên hay sự tạo dựng để thuyết phục con người về sự thực hữu của Đức Chúa Trời. Đa số trong nhóm người nguyên thủy có vết tích hay truyền thống về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật. Những người cha của Nền Thần Học Cải Chánh chứng tỏ sự hiểu biết về thiên nhiên vì sự ảnh hưởng cáo trách của nó. Calvin nói, “Ngài không chỉ chịu đựng những ý tưởng của con người điều mà Ngài gọi là sự cần thiết của tôn giáo. Vì vậy Ngài đã khải tỏ nó trong tất cả sự tạo dựng của thế gian, và đã dâng chính mình Ngài đến nỗi họ không thể mở mắt họ mà không bị ép buộc để ngắm nhìn Ngài.”

SỰ CỨU RỖI CỦA NHỮNG THÁNH ĐỒ Ở CỤU ƯỚC

Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Ngôi Thứ Ba của Ba Ngôi Đức Chúa Trời, có biện pháp để thực hiện công việc của Ngài vượt quá sự hiểu biết của chúng ta. Đức Thánh Linh thực hiện công tác cáo trách tội nhân về những tội lỗi của họ, và dẫn dắt họ đến với Đấng Christ, không chỉ ở Tân Ước nhưng cũng ở Cựu Ước nữa.

Xem xét làm thế nào những tín đồ trong Cựu Ước được cứu. A-bên, Ê-nóc, Áp-ra-ham, và những thánh đồ khác trong Cựu Ước được cáo trách bởi cùng chung một Thánh Linh. Họ được xưng công bình bởi đức tin, và vì vậy chúng ta biết rằng họ là trong vòng những người được chọn của Đức Chúa Trời. Chắc chắn rằng không ai có thể hoặc tin hay không tin mà không có vài sự hiểu biết. J. Gresham Machen nói thật đúng, “một người tin không thể nào có một cái đầu trống rỗng.” Bao nhiêu sự hiểu biết là cần thiết cho đức tin? Yếu tố cơ bản của niềm tin giống như con trẻ đơn giản là sự giao phó chính mình cho ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ là Đấng đã chết cho tội lỗi của chúng ta, đã chịu chôn, và đã sống lại vào ngày thứ ba theo Kinh Thánh (I Côr 15:3-4). Ấy là sự thật rằng Áp-ra-ham được cứu bởi đức tin vì “Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, và điều đó kể là công bình cho người” (Rôm 4:3, trích Sáng 15:56). Cũng nói rằng Áp-ra-ham tin nơi Đấng Christ, vì Chúa Jêsus nói với những người Do-thái, “Cha các ngươi là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ” (Giăng 8:56).

Đức Chúa Trời sẽ đem Phúc Âm đến những linh hồn mà Ngài đã chọn để cứu bằng cách này hay cách khác. Sự cứu rỗi của những người được chọn là sự khước từ của những người bị đầy đi địa ngục (reprobate) không được hiểu như một vấn đề máy móc. Đức Chúa Trời giám sát mọi hành động của con người một cách cá nhân (xem Mat 10:29-31). Nơi nào mà người được chọn của Đức Chúa Trời được chuẩn bị để tin, Đức Chúa Trời sẽ chăm sóc người ấy để người ấy nhận lãnh Phúc Âm trong vài cách khác nhau. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ quên những kẻ thuộc về Ngài. Ngài là công bình trong những sự đoán xét của Ngài: “Chẳng hề như vậy! Thà xưng Đức Chúa Trời là thật và loài người là giả dối, như có chép rằng: Ấy vậy Chúa sẽ được xưng công bình trong lời phán của Ngài, Và sẽ được thắng khi chịu xét đoán” (Rôm 3:4).

SỰ CỨU RỖI CỦA TRẺ EM

Sự cứu rỗi của những đứa trẻ mà chết trong khi còn thơ ấu thì như thế nào? Về vấn đề này, chúng ta không nên quá độc đoán, vì Kinh Thánh cho biết rất ít chân lý về điều này. Hết thấy những sự nhấn mạnh của Kinh Thánh về sự cứu rỗi là trên sự trình bày Phúc Âm cho những ai có trách nhiệm. Quan sát hết thấy những lời phát biểu khẳng định tuyên bố rằng không có sự cứu rỗi nào ngoài đức tin trong Chúa Jêsus Christ. “Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng con thanh nô của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (Giăng 3:36). “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Công 4:12). “Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống” (I Giăng 5:12).

Kinh Thánh cho biết hết lẽ thật để chúng ta hiểu về sự cứu rỗi và sự chứng đạo. Trong điều căn bản này, chúng ta có thể được chắc chắn rằng những người được chọn mà chết trong lúc thơ ấu là được cứu qua sự chuộc tội của Đấng Christ, và được tái sinh bởi quyền năng của Đức Thánh Linh. Ví dụ như Đa-vít đã tự tin về sự cứu rỗi của con trai đã chết của ông với bà Bát-sê-ba, vì ông nói, “Ta sẽ đi đến nó, nhưng nó không trở lại cùng ta” (II Sam 12:23). Chúng ta có nhiều phân đoạn Kinh Thánh nhấn mạnh về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời cho con trẻ, và chúng ta có thể tin cậy an toàn nơi sự chăm sóc yêu thương của Ngài đặng khiến mọi sự tốt lành (Rôm 8:28).

Theo Calvin, “Chỉ duy lời hứa của Đức Chúa Trời mới được đầy đủ để đảm bảo cho chúng ta về sự cứu rỗi của con cái chúng ta.”

Bản Xưng Nhận Đức Tin Westminster làm một giới hạn về việc làm thế nào chúng ta có thể quan sát sự cứu rỗi của các trẻ thơ và những ai

không có khả năng để nghe phúc âm: “Những trẻ em được chọn, chết lúc trẻ thơ, được tái sinh và được cứu bởi Đấng Christ qua Thánh Linh Đấng làm việc bất kể khi nào, nơi nào, và như thế nào Ngài muốn. Cũng như vậy, tất cả những người được chọn mà không có khả năng để được kêu gọi bên ngoài bởi công tác của Lời” (10:3). Vậy những đứa trẻ được chọn là ai? Chỉ có một mình Chúa biết, và chúng ta có thể tin tưởng sự khôn ngoan và những lời hứa của Ngài làm mọi sự hiệp lại tốt lành cho dân sự của Ngài và cuối cùng là sự vinh hiển của Ngài.

ĐỘNG CƠ CỦA TRUYỀN GIÁO

Động cơ của truyền giáo là một trách nhiệm nghiêm chỉnh, thậm chí là khủng khiếp. Phao-lô nói, “Vị bằng tôi rao truyền Tin lành, tôi chẳng có cơ gì khoe mình, vì có lẽ cần buộc tôi; còn không rao truyền Tin lành, thì khổn khó cho tôi thay. Nếu tôi vui lòng làm việc đó, thì được thưởng; lại nếu tôi không vui lòng mà làm, thì cái chức vụ cũng vẫn phó thác cho tôi (I Côr 9:16-17).

Những lời của Phao-lô không nên được hiểu như cách con người nói rằng nếu chúng ta thất bại trong việc thực hiện nhiệm vụ rao giảng phúc âm, chúng ta sẽ tận hưởng phước hạnh của thiên đàng dù với phần thưởng ít hơn, trong khi những người khác đã có thể được cứu bởi những nỗ lực của chúng ta bị trừng phạt đời đời. Ngược lại, phân đoạn Kinh Thánh này ám chỉ rằng nếu chúng ta không bày tỏ sự quan tâm của mình về sự cứu rỗi của những người lạc mất, thì sẽ có một khả năng rằng chúng ta không sở hữu trái của Thánh Linh trong đời sống của chúng ta, và vì vậy chúng ta chưa được tái sinh. Theo Buswell, “Cơ Đốc Giáo không truyền giáo thì không phải là Cơ Đốc Giáo thật.”

Động cơ cao cả của truyền giáo là tình yêu của Đấng Christ đã thúc ép chúng ta (II Côr 5:14).

Vậy nếu không có đủ tình yêu của Đấng Christ trong chúng ta để mà chúng ta nắm lấy vị trí của mình trong chương trình truyền giáo rộng lớn như được giao phó trong Đại Mạng Lệnh của Đấng Christ đã trao phó cho hội thánh trong Ma-thi-ơ 28:18-20, thì rất có thể là chúng ta không biết ý nghĩa của việc được cứu từ ban đầu—đức tin tưởng tượng của chúng ta là đức tin giả mạo [our supposed faith is a spurious faith].

Mặc dù công việc truyền giáo được giao phó cho chúng ta—những tín đồ, song sự tái sinh của những người lạc mất không lệ thuộc vào sự thuyết phục và tính hiệu quả trong việc truyền giáo, nhưng nó hoàn toàn dựa vào ân điển đặc biệt và sự thương xót của Đức Chúa Trời. Công việc chiến-thắng-linh-hồn không phải là công việc của Cơ Đốc Nhân, nhưng của Đức Chúa Trời. Những Cơ Đốc Nhân chỉ hầu việc như là cái loa cho Đức Chúa Trời. Nhiệm vụ của họ đơn giản là lan truyền tin tức tốt lành của sự cứu rỗi. Ấy là Đức Thánh Linh thực hiện việc cáo trách những người vô tín về tội lỗi của họ, và thay đổi họ trở nên con cái của Đức Chúa Trời. Với sự hiểu biết này, những Cơ Đốc Nhân có thể thực hiện công tác truyền giáo với sự vui mừng và tự tin tốt bậc, vì biết rằng chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời không hề thất bại nhưng nó sẽ chắc chắn được thành công vì chính Ngài sẽ đem những người được chọn của Ngài vào vương quốc của Ngài an toàn bởi đức tin trong phúc âm được giảng ra một cách trung tín.

Mục đích tối hậu của Cơ Đốc Nhân trên đất không phải là sự truyền giáo nhưng là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Vì vậy chúng ta phải làm vinh hiển Đức Chúa Trời trong truyền giáo và trong mọi việc chúng ta làm.

SỰ KHAI TRÍ

Từ sự khai trí (hay sự khai sáng) được bắt nguồn từ “sự sáng” (Hy-lạp là *phos*) và động từ khai trí (*phitizo*), và được liên hệ với danh từ và tính từ xuất hiện nhiều trong Tân Ước. Cũng có từ *lampo* (Anh ngữ “cái đèn/lamp”) là những từ ngữ liên quan. *Lampo* có nghĩa là “chiếu rọi.” Những từ này hầu như luôn luôn được sử dụng theo cách tượng hình.

Từ “ánh sáng” được Sứ Đồ trong Kinh Thánh với sự nói đến lẽ thật và ân điển của Đức Chúa Trời. “Vả, lúc trước anh em đương còn tối tăm, nhưng bây giờ đã nên người sáng láng trong Chúa. Hãy bước đi như các con sáng láng; vì trái của sự sáng láng ở tại mọi điều nhân từ, công bình và thành thật. Hãy xét điều chi vừa lòng Chúa, và chớ dự vào công việc vô ích của sự tối tăm, thà quả trách chúng nó thì hơn” (Êph 5:8-11). “Vì Đức Chúa Trời, là Đấng có phán: Sự sáng phải soi từ trong sự tối tăm! [Sáng 1:3, Êsai 9:2], đã làm cho sự sáng Ngài chói lòa trong lòng chúng tôi, đặng sự thông biết về vinh hiển Đức Chúa Trời soi sáng nơi mặt Đức Chúa Jêsus Christ” (II Côr 4:6). “Các người là sự sáng của thế gian; một cái thành ở trên núi thì không khi nào bị khuất được ... Sự sáng các người hãy soi trước mặt người ta như vậy, đặng họ thấy những việc lành của các người, và ngợi khen Cha các người ở trên trời” (Mat 5:14, 16). Chúa phán với Sau-lơ người Tạt-sơ, “Ta sẽ bảo hộ người khỏi dân này và dân ngoại là nơi ta sai người đến, đặng mở mắt họ, hầu cho họ từ tối tăm mà qua sáng láng, từ quyền lực của quỷ Sa-tan mà đến Đức Chúa Trời, và cho họ bởi đức tin noi ta được sự tha tội, cùng phần gia tài với các thánh đồ” (Công 26:17-18).

Những phân đoạn ở trên về sự khai trí nói lên sự kêu gọi bên ngoài của những người truyền giáo, chứ không phải sự kêu gọi bên trong của Đức Thánh Linh. Khi Đấng Christ được rao giảng là “Sự Sáng thật, soi sáng mọi người” (Giăng 1:9), nó có nghĩa rõ ràng rằng không phải hết thảy

những ai được chiếu rọi là được tái sinh bởi sự soi sáng của sự sáng này. Trong Hê-bơ-rơ 6:4-6, nói rằng một vài người “đã được khai trí” hay “soi sáng” có thể “sa ngã” cho đến nỗi mà họ không thể nào được đem đến sự ăn năn. Thêm nữa, trong Hê-bơ-rơ 10:32-39, nó được khẳng định chắc chắn rằng những ai là những người mà lá thư này nói đến là những người “đã được khai trí” và cũng đã chịu đựng sự bắt bớ khốc liệt. Mặc dù vậy, tác giả Kinh Thánh răn đe họ là không nên lui đi “đến sự hư mất.” Ông nhấn mạnh sự tin tưởng rằng họ sẽ không đi đến sự hư mất như đúng hơn là họ được biểu lộ bằng đức tin “đến sự cứu rỗi linh hồn.” Tuy vậy ông cho rằng sự răn đe của ông là cần thiết.

ON KÊU GỌI

Sự kêu gọi hiệu quả là gì? Giáo Lý Văn Đáp Westminster Tóm Lược trả lời, “Sự kêu gọi hiệu quả là công việc của Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bởi đó, cáo trách tội lỗi và sự bất hạnh của chúng ta, khai trí chúng ta trong sự hiểu biết về Đấng Christ, và làm mới lại ý muốn của chúng ta, Ngài thuyết phục và khiến chúng ta có khả năng để nắm lấy Jêsus Christ, được ban tặng một cách nhưng không cho chúng ta trong Phúc Âm” (Câu hỏi 31).

Đức Thánh Linh làm việc đặc biệt trong tâm lòng và tâm trí của người được chọn của Đức Chúa Trời là điều luôn khó hiểu. Đức Thánh Linh thuyết phục và soi sáng cho tâm trí của chúng ta. Ngài thuyết phục thành công và Ngài thật sự làm mới lại ý muốn để mà việc làm của đức tin cứu rỗi thay thế, không phải năng lượng của thể xác chúng ta, nhưng bởi quyền năng của Đức Chúa Trời. Công việc của sự kêu gọi này là hoàn toàn của ân điển của Đức Chúa Trời chứ không phải bởi công trạng của con người.

Sự kêu gọi của Đức Thánh Linh đến sự cứu rỗi được dạy trong vài nơi: với những Cơ Đốc Nhân ở Cô-rinh-tô, Phao-lô nói, “Hỡi anh em, hãy suy xét rằng ở giữa anh em là kẻ đã được gọi, không có nhiều người khôn ngoan theo xác thịt, chẳng nhiều kẻ quyền thế, chẳng nhiều kẻ sang trọng” (I Côr 1:26). Lại nữa, Phao-lô viết cho những Cơ Đốc Nhân ở Tê-sa-lô-ni-ca, “Cho nên, chúng tôi vì anh em cầu nguyện không thôi, hầu cho Đức Chúa Trời chúng ta khiến anh em xứng đáng với sự gọi của Ngài, và cho Ngài lấy quyền phép làm trọn trong anh em mọi ý định thương xót của lòng nhân từ Ngài và công việc của đức tin; đến nỗi làm sáng danh Đức Chúa Jê-sus Christ chúng ta trong anh em, và anh em trong Ngài, tùy theo ân điển của Đức Chúa Trời chúng ta và của Đức Chúa Jê-sus Christ” (II Tê-s 1:11-12). Lại nữa, Phao-lô viết cho Cơ Đốc Nhân ở Ê-phê-sô, “VẬY, tôi ... khuyên anh em phải ăn ở một cách xứng đáng với chức phận mà Chúa đã gọi anh em, ... Chỉ có một thân thể, một Thánh Linh, như anh em bởi chức phận mình đã được gọi đến một sự trông cậy mà thôi” (Êph 4:1,4). Với Ti-mô-thê ông viết, “VẬY, con chớ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa chúng ta, cũng đừng lấy sự ta vì Ngài ở tù làm xấu hổ; nhưng hãy cậy quyền phép Đức Chúa Trời mà chịu khổ với Tin lành. Ấy chính Chúa đã cứu chúng ta, đã gọi chúng ta bởi sự kêu gọi thánh, chẳng phải theo việc làm chúng ta, bèn là theo ý riêng Ngài chỉ định, theo ân điển đã ban cho chúng ta trong Đức Chúa Jê-sus Christ từ trước muôn đời vô cùng” (II Tim 1:8-9).

Những phân đoạn ở trên dạy chúng ta rằng dù sự kêu gọi bên ngoài đến với hết thảy, hoặc là đến với tín đồ hay là không, sự kêu gọi hiệu quả bên trong được kinh nghiệm bởi duy nhất các tín đồ mà thôi. Sự tái sinh là kết quả của sự kêu gọi hiệu quả. Sự kêu gọi bên ngoài phải đi đôi với sự kêu gọi bên trong nếu nó là sự kêu gọi hiệu quả cho sự cứu rỗi.

SỰ TÁI SANH

Sự tái sinh là công việc siêu nhiên của Đức Chúa Trời, bởi điều đó mà những người được chọn, người đã chết về thuộc linh, được thẩm nhuần với sự sống mới và đời đời bởi quyền năng siêu nhiên của Đức Thánh Linh qua hạt giống không hề hư nát của Lời của Đức Chúa Trời. Nó là một việc đơn lẻ và tức thời của Đức Thánh Linh bởi đó mà những tội nhân lạc mất được hiệp một lại với Đấng Christ và bởi đó trở nên con cái của Đức Chúa Trời.

Nói cách đơn giản, sự tái sinh là sự sanh lại. Điều này được dạy trong lời của Đấng Christ cho Ni-cô-đem, “Đức Chúa Jêsus cất tiếng đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng sanh lại, thì không thể thấy được nước Đức Chúa Trời. Ni-cô-đem thưa rằng: Người đã già thì sanh lại làm sao được? Có thể nào trở vào lòng mẹ và sanh lần thứ hai sao? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời. Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt; hễ chi sanh bởi Thánh Linh là thần. Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với ngươi: Các ngươi phải sanh lại. Gió muốn thổi đâu thì thổi, ngươi nghe tiếng động; nhưng chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu. Hễ người nào sanh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy” (Giăng 3:3-8).

Sự tái sinh đó là công việc của Đức Thánh Linh, áp dụng cho chúng ta những ích lợi của sự chuộc tội, là lời giảng đồng điệu trong Kinh Thánh. Không có gì nghi ngờ về ý nghĩa mà Phao-lô nhấn mạnh trong cách nói của Phao-lô về “Thần Linh của sự sống” là Đấng đã giải thoát chúng ta khỏi “luật của tội lỗi và sự chết” (Rôm 8:2). “Thần Linh của sự sống là Thánh Linh ban sự sống Đấng ban cho chúng ta sự sống mới

trong sự sanh nở mới. “Không phải cứu vì việc công bình chúng ta đã làm, nhưng cứ theo lòng thương xót Ngài, bởi sự rửa về sự lại sanh và sự đổi mới của Đức Thánh Linh mà Ngài đã rải ra trên chúng ta cách dư dật bởi Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta; hầu cho chúng ta nhờ ơn Ngài được xưng công bình, trở nên con kế tự của Ngài trong sự trông cậy của sự sống đời đời” (Tit 3:5-6).

Đức Thánh Linh sử dụng Lời của Đức Chúa Trời trong công tác của sự tái sanh. Phi-e-rơ nói rằng chúng ta được “lại sanh, chẳng phải bởi giống hay hư nát, nhưng bởi giống chẳng hư nát, là bởi lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời” (I Phi 1:23). Gia-cơ khích lệ, “Vây, hãy bỏ đi mọi điều ô uế và mọi điều gian ác còn lại, đem lòng nhu mì nhận lấy lời đã trồng trong anh em, là lời cứu được linh hồn của anh em” (Gia-cơ 1:21). Công cụ của sự tái sanh không khác hơn là Lời của Đức Chúa Trời.

Sự tái sanh chứ không phải là sự đầu thai là cách để đi đến thiên đàng.

SỰ CHÀO ĐỜI MỚI

Sự chào đời mới dẫn đến đời sống mới với bản tính mới được mặc lấy một đồng phục mới. “Và mặc lấy người mới, tức là người đã được dựng nên giống như [hình ảnh của] Đức Chúa Trời, trong sự công bình và sự thánh sạch của lẽ thật” (Êph 4:24). “Mặc lấy người mới là người đang đổi ra mới theo hình tượng Đấng dựng nên người ấy, đặng đạt đến sự hiểu biết đầy trọn” (Côl 3:10).

Con người mới, hay bản tánh mới, có một hy vọng mới. “Ngợi khen Đức Chúa Trời, là Cha Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, Ngài lấy lòng thương xót cả thể khiến chúng ta lại sanh, đặng chúng ta nhờ sự Đức Chúa Jêsus Christ sống lại từ trong kẻ chết mà có sự trông cậy sống” (I

Phi 1:3).

Vì Đức Thánh Linh được nói đến như là nước theo cách ẩn dụ (Giăng 4:10-14; 7:37-39; Tít 3:5-6), thì không có gì ngạc nhiên rằng những người được tái sinh được nói theo lối ẩn dụ là được báp-têm với Thánh Linh và uống Thánh Linh. “Vì chung chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gờ-réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ, đều đã chịu phép báp-têm chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng ta đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa” (I Côr 12:13).

Phép lạ của sự tái sinh được nói trong nhiều cách nói tượng hình khác. Ê-xê-chi-ên nói, “Ta sẽ rưới nước trong trên các ngươi, và các ngươi sẽ trở nên sạch; ta sẽ làm sạch hết mọi sự ô uế và mọi thần tượng của các ngươi. Ta sẽ ban lòng mới cho các ngươi, và đặt thần mới trong các ngươi. Ta sẽ cắt lòng bằng đá khỏi thịt các ngươi, và ban cho các ngươi lòng bằng thịt. Ta sẽ đặt Thần ta trong các ngươi, và khiến các ngươi noi theo luật lệ ta, thì các ngươi sẽ giữ mạng lịnh ta và làm theo” (Ê-xê 36:25-27). Vì lễ thờ phượng trong Cựu Ước bao gồm “nhiều sự tẩy rửa” (Hêb 9:10), thì không có gì ngạc nhiên khi thấy đời sống mới của sự tái sinh được nói đến như là một sự tẩy rửa. “Trước kia anh em ít nữa cũng có một đôi người như thế; nhưng nhân danh Đức Chúa Jê-sus Christ, và nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời chúng ta, thì anh em được rửa sạch, được nên thánh, được xưng công bình rồi” (I Côr 6:11). Do vậy ấy không phải là nước của phép báp-têm cứu nhưng là phép báp-têm thuộc linh cứu. Ấy không phải là sự tẩy rửa thuộc thể nhưng là thuộc linh đến từ Đức Thánh Linh và Kinh Thánh tẩy rửa chúng ta khỏi tội lỗi.

Báp-têm bằng nước là một dấu chỉ bên ngoài của ân điển bên trong.

MỘT TẠO VẬT MỚI

Người được tái sinh được cho là người sống trong một thế giới mới. Đức Chúa Trời, “đã giải thoát chúng ta khỏi quyền của sự tối tăm, làm cho chúng ta dời qua nước của Con rất yêu dấu Ngài” (Côl 1:13). “Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nầy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới” (II Côr 5:17). Nó không chỉ đúng rằng những cá nhân được tái sinh có một đời sống mới, nhưng người ấy cũng có mọi thứ mới trong thế gian này. Đã được trở thành “một tạo vật mới” (Gal 6:15), người được tái sinh là giống như người được sống lại từ cõi chết đến một sự sống mới. Người con trai hoang đàng đã trở về nhà, “đã chết mà lại sống, đã mất mà lại thấy được” (Lu-ca 15:32).

Buổi đám tang đã được làm cho chúng ta khi chúng ta chịu báp-têm trong sự chết của Đấng Christ, “hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy. Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau: Vì biết rõ rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh trên thập tự giá với Ngài, hầu cho thân thể của tội lỗi bị tiêu diệt đi, và chúng ta không phục dưới tội lỗi nữa. Vì ai đã chết thì được thoát khỏi tội lỗi. Và, nếu chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ, thì chúng ta tin rằng mình cũng sẽ cùng sống với Ngài, bởi biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài. Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời. Vậy anh em cũng hãy coi mình như chết về tội lỗi và như sống cho Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ” (Rôm 1-11, cũng xem Êph 2:1-6, Gal 5:25).

Đời sống mới trong Đấng Christ là một thứ mà tiền bạc không thể mua được.

ĐỨC TIN CỨU RỠI

“Đức tin trong Jêsus Christ là một ân điển cứu rỗi, bởi đó chúng ta nhận lãnh và yên nghỉ trong Ngài duy nhất cho sự cứu rỗi, như Ngài đã được ban cho chúng ta trong Phúc Âm.” “Sự ăn năn đặng đến sự sống là ân điển cứu rỗi bởi đó một tội nhân, từ thâm tâm của tội lỗi đích thực và sự cảm kích của sự thương xót của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, với sự thống hối và căm ghét tội lỗi của người ấy, quay trở lại với Đức Chúa Trời, với mục đích cụ thể, và ráng sức theo sau sự vâng lời mới” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 86-87 xem Vấn Đáp Tổng Quát, Câu hỏi 72 và 76; Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster, Chương 14 và 15).

Đức tin cứu rỗi là một hành động của con người được truyền sự tự tin bởi Đức Thánh Linh qua một công tác vô hình thường được biết đến như “sự kêu gọi hiệu quả.” Ân điển của Đức Chúa Trời truyền đức tin cứu rỗi cho những ai được chọn đặng được cứu. Thư Phi-líp 2:12-13 nói, “Áy vậy, hỡi những kẻ rất yêu dấu của tôi, như anh em đã vâng lời luôn luôn, chẳng những khi tôi có mặt mà thôi, lại bây giờ là lúc tôi vắng mặt, hãy càng hơn nữa, mà lấy lòng sợ sệt run rẩy làm nên sự cứu chuộc mình. Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài.” Ê-phê-sô 2:8-10 cũng nói tương tự, “Vả, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời.” Từ “điều đó” nói về cả “ân điển” và “đức tin,” thậm chí cả công việc cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Lẽ thật này được minh chứng bởi các câu tiếp theo, “Áy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình; vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn

trước cho chúng ta làm theo.”

Hành động của đức tin cứu rỗi, được tiếp sinh lực bởi Đức Thánh Linh, phải được coi như là một hành động tức thời. Để đạt đến điểm này, nó phải cần có một quá trình của sự cáo trách và sự kêu gọi hiệu quả. Một khi điểm đó được đạt đến, thì quá trình của sự lớn lên trong ân điển và sự hiểu biết và sự nên thánh bắt đầu. “Đức tin là sự sống lại của linh hồn” (Calvin).

Không một ai có thể quan sát khoảnh khắc chính xác khi nào tội nhân lạc mất chuyển từ sự chết đến sự sống. Nhiệm vụ của chúng ta là làm hết thảy những gì cần thiết cho Đức Thánh Linh đem đến sự cáo trách, và để thuyết phục họ những cá nhân lạc mất để thực hiện một sự quyết định được kêu gọi trong lời này, “Hãy tin Đức Chúa Jêsus, thì ngươi và cả nhà đều sẽ được cứu rỗi” (Công 16:31; xem Giăng 3:16). Lời của Đức Chúa Trời giống như hạt giống đâm rễ, mọc thành cây và cuối cùng sanh ra trái.

SỰ CẢI ĐẠO TỨC THỜI

Chúng ta có thể khái niệm sự cải đạo như là một sự thay đổi rõ ràng của chiều hướng điều mà thực hiện ngay tại khoảnh khắc khi một cá nhân được tái sanh và tin. Điều đó là tức thời. Tuy nhiên, có nhiều bước trong quá trình của sự cáo trách và sự kêu gọi hiệu quả điều mà dẫn đến sự cải đạo, và có nhiều bước trong quá trình trưởng thành và nên thánh đều bắt nguồn từ sự cải đạo.

Hãy lấy ví dụ từ Sau-lơ người Tạt-sơ. Đã có lúc ông là một kẻ thù của Đấng Christ sốt sắng trong công việc của ông để hủy diệt hội thánh. Bỗng chốc lát ông gọi Jêsus, “Chúa,” và sẵn sàng vâng lời. Đọc cẩn thận sự ký thuật chúng ta sẽ thấy những bước rõ ràng trong quá trình

của sự cáo trách dẫn đến sự cải đạo tức thời này. Phao-lô nói với chúng ta sau này rằng ông đã có ấn tượng với bài làm chứng của Ê-tiên (Stephen) được ký thuật trong Công Vụ Các Sứ Đồ 22:20. Đức tính anh hùng của những Cơ Đốc Nhân khi họ chịu bắt bớ chắc chắn đã gây ấn tượng cho ông. Sự cáo trách đối với Phao-lô cũng được ám chỉ bởi lời của Đấng Christ, “Người đá đến ghim nhọn thì là khó chịu cho người vậy” (Công 9:5; 26:14). Sau-lơ có thể đã ở trong vòng những người đã thăm viếng ngôi mộ trống và không tài nào giải thích được mảnh vải liệm nằm đó với thân thể bị biến mất. Tính mãnh liệt của sự bắt bớ của Sau-lơ là một bằng chứng tâm lý của sự chiến đấu của tâm trí. Đá vào ghim nhọn là một sự nhấn mạnh tượng hình cho một tâm trí bị cáo trách chống lại bằng chứng và sự cáo trách. Nhưng người được chọn của Đức Chúa Trời sẽ không có khả năng để chống lại sự cáo trách của Thánh Linh liên tục và thành công. Người ấy cuối cùng phải đầu hàng Đức Chúa Trời trong một lúc nào đó.

Vậy chúng ta thấy rằng thậm chí trong trường hợp đột ngột của sự cải đạo như Sau-lơ người Tạt-sơ, có một sự đến trước và đến sau; có một quá trình. Từ sự thật này những Cơ Đốc Nhân với vai trò là cha mẹ và công nhận có thể nắm lấy sự khích lệ này cho việc nỗ lực kiên trì và trung tín của họ. Đức Chúa Trời có thời gian của Ngài, và Lời của Ngài sẽ không trở về cách luống nhưng, “thì lời nói của ta cũng vậy, đã ra từ miệng ta, thì chẳng trở về luống nhưng, mà chắc sẽ làm trọn điều ta muốn, thuận lợi công việc ta đã sai khiến nó” (Ê-sai 55:11). Vậy hãy tiếp tục rao giảng phúc âm và bày tỏ đức tin Cơ Đốc cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. “Không có một đức tin nào mà không có Lời của Đức Chúa Trời” (Calvin).

ĐỨC TIN

Từ “đức tin” trong Kinh Thánh được sử dụng trong hai cách: (1) một cách chủ quan [subjectively] nói về niềm tin cá nhân của chúng ta và sự tin cậy trong Đấng Christ (Êph 2:8), và (2) một cách khách quan [objectively] nói về Đức Tin Cơ Đốc hay chủ thể của các giáo lý chính thống như đã được dạy trong Kinh Thánh (Giu-đe 3). Như vậy bất cứ khi nào chúng ta bắt gặp từ “đức tin” trong Kinh Thánh, nó không có nghĩa luôn luôn là việc tin tưởng. Có nhiều lúc khi nó nói về điều mà nó tin đến. Chẳng hạn, “đức tin đã truyền ra cho các thánh một lần đủ rồi” trong Giu-đe [KJV] chắc chắn là bản thể của giáo lý chứ không phải là hành động của tâm trí hoặc tấm lòng. Cũng có nhiều lúc khi từ “đức tin” được sử dụng cả hai cách khách quan và chủ quan. Ví dụ, khi Giăng nói, “vì hề sự gì sanh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian; và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (I Giăng 5:4), thì ông không chỉ đang nói về hành động tin, nhưng cũng là những gì chúng ta tin.

Là những Cơ Đốc Nhân chúng ta có một bản thể của giáo lý, nhưng hơn bản thể của giáo lý, chúng ta có một Đấng mà sự thành tín của Ngài là cốt lõi của đức tin. Khi Giăng viết những lời của I Giăng 5:4, nó có thể có một sự nghi ngờ nho nhỏ rằng ông có những lời của Chúa Jêsus trong trí ký thuật trong Giăng 16:33, “Hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế gian rồi.” Sự nhấn mạnh, “nhìn xem Đức Chúa Jêsus, là cội rễ và cuối cùng của đức tin” (Hêb 12:2), là một ví dụ khác về đức tin khách quan, nghĩa là Chúa Cứu Thế của chúng ta—Đấng chúng ta tin.

Hê-bơ-rơ 11:1 nói, “Vả, đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đương trông mong, là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy.” Đức tin ở đây dưới sự thảo luận là cả về khách quan và chủ quan. Những gì chúng ta tin (chủ quan—subjective faith) liên quan đến Đấng Christ (khách quan—objective faith) là “những điều mình đương

trông mong, là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy.” Thật là đơn giản và rõ ràng dường bao!

Hệ thống của lẽ thật mà chúng ta đồng ý, là lẽ thật mà trọng tâm trong Đức Chúa Jê-sus Christ là sự biết chắc vững vàng và bằng cứ cho những lời hứa nhân từ của Đấng Christ trong việc nói đến những việc được nhận biết trong tương lai. Nó tương tự như sự tranh luận của Phao-lô như được nhân mạnh trong I Tê-sa-lô-ni-ca 4:4, “Vì nếu chúng ta tin (đức tin chủ quan) Đức Chúa Jê-sus đã chết và sống lại (đức tin khách quan), thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những kẻ ngủ trong Đức Chúa Jê-sus cùng đến với Ngài.” Hay nói cách khác, điều này là những lẽ thật đơn giản của Phúc Âm điều mà góp phần vào nền tảng của niềm hy vọng tương lai của chúng ta.

Đức tin Cơ Đốc không phải mù quáng.

SỰ TRUNG TÍN

“Đức tin không phải là một sự hiểu biết trống rỗng nhưng nó mang theo bên mình nó một tình yêu sống động, thứ mà đặt bệ ngai của nó ở bên trong tâm lòng” (Calvin).

Hê-bơ-rơ 11:2 nói, “Ấy là nhờ đức tin mà các đấng thuở xưa đã được lời chứng tốt.” Đó là, bởi đức tin nơi sự đến của Đấng Mê-si-a và trong sự cứu rỗi qua của tế lễ điều mà Ngài đã dâng nộp, những trưởng lão đã làm hài lòng Đức Chúa Trời và đặt để một tấm gương tốt để chúng ta noi theo.

Hãy lấy ví dụ của A-bên. “Bởi đức tin, A-bên đã dâng cho Đức Chúa Trời một tế lễ tốt hơn của Ca-in, và được xưng công bình, vì Đức Chúa Trời làm chứng về người rằng Ngài nhậm lễ vật ấy; lại cũng nhờ đó dầu người chết rồi, hãy còn nói” (c 4). A-bên được cứu bởi việc hướng

về sự ứng nghiệm của lời hứa của Đức Chúa Trời về sự chuộc tội qua sự đền tội của Đấng Christ. Bởi đức tin, ông đã hiểu phúc âm được ban cho trong của lễ chuộc tội rằng không có sự đổ huyết thì không có sự tha tội (Hêb 9:22).

Tác giả Hê-bơ-ơ tiếp tục, “Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến” (c 3). Ấy là bởi những gì chúng ta tin về vấn đề Jêsus Christ—sự sống, sự chết, sự sống lại, Thần thánh và Nhân thánh của Ngài—bởi cốt lõi của lễ thật này, khiến chúng ta tin giáo lý về sự tạo dựng cái có từ cái không có. Nếu một câu chuyện của Phúc Âm là đúng, và nó được tiếp nhận thật lòng, thì ý chí sẽ không khó khăn lắm trong việc tin giáo lý thuộc Kinh Thánh về sự tạo dựng của vũ trụ.

Điều này thật quan trọng rằng chúng ta không chỉ có đức tin trong Đấng Christ, nhưng nó cũng bày tỏ rằng chúng ta trung tín với Ngài. Đức tin thật phải nên được dịch là sự trung tín trong đời sống của một tín đồ người mà được kích động bởi Đức Thánh Linh. Khi Phao-lô nói, “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi; nay tôi còn sống trong xác thịt, ấy là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì tôi” (Gal 2:20), chắc chắn ông nói đến đức tin của ông đó là đức tin sống và được thực hiện trong đời sống của ông trong sự vâng lời Đức Chúa Trời và Lời của Ngài.

Cũng như khi chúng ta đọc trong những đoạn trích trong Tân Ước từ Ha-ba-cúc 2:4 (Rôm 1:17; Gal 3:11; Hêb 10:38-39), “Người công bình thì sống bởi đức tin,” chúng ta có một lời tràn đầy ý nghĩa. Đức tin ở đây có nghĩa là một sự dâng phó trọn cả tấm lòng, tiếp nhận, và trung thành trong một sự trung tín với Đức Chúa Trời và Cứu Chúa Jêsus Christ. Chúa chúng ta ra lệnh, “Khá giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người nào triều thiên của sự sống” (Khải 2:10).

SỰ XUNG CÔNG BÌNH

“Người công bình chẳng dâng lên trước mặt Đức Chúa Trời bất cứ thứ gì ngoại trừ đức tin” (Calvin).

“Sự công bình là một công việc của ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời, bởi đó Ngài tha thứ tội lỗi của chúng ta, và tiếp nhận chúng ta như là người công bình trước mặt Ngài, chỉ duy nhất vì sự công bình của Đấng Christ quy cho chúng ta, và được nhận lãnh bởi đức tin” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu 33).

Sự xung công bình là khía cạnh pháp lý của sự cứu rỗi chúng ta. Nó có thể được thấy như Đức Chúa Trời tuyên án địa vị công bình của chúng ta trong mối liên hệ với luật pháp thánh do sự chuộc tội được hoàn thành cho chúng ta bởi Jêsus Christ.

Giáo lý của sự xung công bình bởi đức tin được tìm thấy trong thư tín của Phao-lô cho người Rô-ma. Trong ba đoạn đầu, Phao-lô tranh luận rằng tất cả mọi người—Do-thái hay Ngoại bang—đều là tội nhân và xứng đáng nhận sự phán xét và đoán phạt. “Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rôm 3:23).

Không có một ai có thể vào thiên đàng bởi sự công bình riêng của mình vì con người không có sự công bình trong người; con người hoàn toàn bị hư hoại trong tội lỗi. Chỉ có một con đường duy nhất bởi đó con người có thể được cứu bởi ân điển tinh khiết của Đức Chúa Trời qua sự xung công bình bởi đức tin duy nhất: “Nhưng hiện bây giờ, sự công bình của Đức Chúa Trời, mà luật pháp và các đấng tiên tri đều làm chứng cho, đã bày tỏ ra ngoài luật pháp: tức là sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi sự tin đến Đức Chúa Jêsus Christ, cho mọi người nào tin ... và họ nhờ ân điển Ngài mà được xung công bình nhưng không, bởi sự chuộc tội đã làm trọn trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Đấng Đức Chúa Trời đã lập làm của lễ chuộc tội, bởi đức tin trong

huyết Đấng ấy. Ngài đã bày tỏ sự công bình mình như vậy, vì đã bỏ qua các tội phạm trước kia, trong buổi Ngài nhịn nhục; tức là Ngài đã tỏ sự công bình Ngài trong thời hiện tại, tỏ ra mình là công bình và xưng công bình kẻ nào tin đến Đức Chúa Jêsus” (Rôm 3:21-26).

“Vậy thì sự khoe mình ở đâu? Đã bị trừ bỏ rồi. Bởi luật pháp nào? Luật pháp của việc làm chẳng? Không phải, nhưng bởi luật pháp của đức tin; vì chúng ta kể rằng người ta được xưng công bình bởi đức tin, chứ không bởi việc làm theo luật pháp. Hay là, Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Giu-đa sao? Há chẳng phải cũng là Đức Chúa Trời của dân ngoại ư? Phải, Ngài cũng là của dân ngoại nữa; vì chỉ có một Đức Chúa Trời, là Đấng làm cho kẻ chịu cắt bì được xưng công bình bởi đức tin, cũng làm cho kẻ không chịu cắt bì được xưng công bình bởi đức tin nữa. Vậy, chúng ta nhân đức tin mà bỏ luật pháp hay sao? Chẳng hề như vậy! Trái lại, chúng ta làm vững bền luật pháp” (Rôm 3:27-31).

Những lời này không cần phải giải thích nữa. Nếu chúng ta tin nơi Đấng Christ không dựa vào những công đức của mình như luật pháp của Đức Chúa Trời đòi hỏi thì chúng ta được kể và được tuyên bố là “công bình” tùy theo bản tánh thánh khiết và luật pháp thánh của Đức Chúa Trời được kể đến.

ĐỨC TIN HÀNH ĐỘNG

Sứ Đồ Gia-cơ nói, “Đức tin không có việc làm là chết” (Gia 2:20). Đọc lướt qua, vài người có thể nghĩ Gia-cơ trái ngược với Phao-lô. Nhưng nếu chúng ta nghiên cứu cẩn thận văn mạch thì nó không phải vậy.

Những gì Gia-cơ nói là hoàn toàn hiệp nhất, “Hỡi anh em, nếu ai nói mình có đức tin, song không có việc làm, thì ích chi chẳng? [Liệu loại] đức tin đó cứu người ấy được chẳng? Ví thử có anh em hoặc chị em

nào không quần áo mặc, thiếu của ăn uống hằng ngày, mà một kẻ trong anh em nói với họ rằng: Hãy đi cho bình an, hãy sưởi cho ấm và ăn cho no, nhưng không cho họ đồ cần dùng về phần xác, thì có ích gì chẳng? Về đức tin, cũng một lẽ ấy; nếu đức tin không sanh ra việc làm, thì tự mình nó chết. Hoặc có kẻ nói: Người có đức tin, còn ta có việc làm. Hãy chỉ cho ta đức tin của người không có việc làm, rồi ta sẽ chỉ cho người đức tin bởi việc làm của ta. Người tin rằng chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, người tin phải; ma quỷ cũng tin như vậy và run sợ. Nhưng, hỡi người vô tri kia, người muốn biết chắc rằng đức tin không có việc làm là vô ích [chết] chẳng? Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, khi dâng con mình là Y-sác trên bàn thờ, há chẳng từng cậy việc làm được xưng công bình hay sao? Thế thì, người thấy đức tin đồng công với việc làm, và nhờ việc làm mà đức tin được trọn vẹn. Vậy được ứng nghiệm lời Kinh Thánh rằng: Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, và điều đó kể là công bình cho người; và người được gọi là bạn Đức Chúa Trời. Nhân đó anh em biết người ta cậy việc làm được xưng công bình, chớ chẳng những là cậy đức tin mà thôi. Đồng một thể ấy, ky nữ Ra-háp tiếp rước các sứ giả và khiến họ noi đường khác mà đi, người há chẳng phải cậy việc làm mà được xưng công bình sao? Và, xác chẳng có hồn thì chết, đức tin không có việc làm cũng chết như vậy” (Gia-cơ 2:14-26).

Phải hiểu rằng Gia-cơ không trả lời câu hỏi “Cái gì cứu?” Câu hỏi đó được trả lời bởi Phao-lô, “duy đức tin cứu” (Rôm 5:1). Câu hỏi mà Gia-cơ cố gắng trả lời là, “Loại đức tin nào cứu?” Và câu trả lời của Gia-cơ là, “Đó là đức tin hành động; loại đức tin đó cứu.” Thực tế, Phao-lô cũng dạy tương tự khi ông khiển trách gay gắt những ai có khái niệm về đức tin không cần việc làm. “Vì chẳng phải kẻ nghe đọc luật pháp là người công bình trước mặt Đức Chúa Trời, bèn là kẻ làm theo luật pháp được xưng công bình vậy” (Rôm 2:13). Phao-lô thậm chí nói tình yêu thương là lớn hơn đức tin. “Nên bây giờ còn có ba điều này: Đức tin, sự trông cậy, tình yêu thương; nhưng điều trọng hơn trong ba điều đó là tình yêu thương” (I Côr 13:13). Tình yêu thương là lớn nhất bởi vì nó là trái và là bằng chứng của đức tin, nhưng đức tin là

rẽ, điều kiện cần thiết tuyệt đối của sự xung công bình và của tất cả những gì mà nó tiến triển trong quá trình của sự thánh hóa.

Đức tin thật sẽ sản sinh trong một đời sống tin kính.

SỰ THÁNH HÓA

“Sự thánh hóa là gì? Sự thánh hóa là công việc của ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời, nhờ đó chúng ta được đổi mới trong cả con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, và được làm cho có khả năng càng ngày càng chết với tội lỗi, và sống với sự công bình” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 35).

Từ “sự thánh hóa” có nghĩa là “được làm nên thánh.” Buswell nói rằng sự thánh hóa có khái niệm căn bản của “một sự phân rẽ khỏi những mối quan hệ trái với ý muốn của Đức Chúa Trời và hiệp một trong mối quan hệ với ý muốn của Đức Chúa Trời.”

Sự thánh hóa là công việc của Đức Thánh Linh trong đời sống của dân sự của Đức Chúa Trời. Công việc của Đức Thánh Linh được miêu tả sống động trong thư tín Ga-la-ti 5:13-6:2. “Hỡi anh em, anh em đã được gọi đến sự tự do, song chớ lấy sự tự do đó làm dịp cho anh em ăn ở theo tánh xác thịt, nhưng hãy lấy lòng yêu thương làm đầy tớ lẫn nhau. Vì cả luật pháp chỉ tóm lại trong một lời này: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình [Lêvi 19:18]. Nhưng nếu anh em cắn nuốt nhau, thì hãy giữ, kẻ kẻ này bị diệt mất bởi kẻ khác. Vậy tôi nói rằng: Hãy bước đi theo Thánh Linh, chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt. Vì xác thịt có những điều ưa muốn trái với những điều của Thánh Linh, Thánh Linh có những điều ưa muốn trái với của xác thịt; hai bên trái nhau dường ấy, nên anh em không làm được điều mình muốn làm.

Nhưng, ví bằng anh em nhờ Thánh Linh chỉ dẫn, thì chẳng hề ở dưới luật pháp” (c 13-18).

Một Cơ Đốc Nhân, mặc dầu đã tái sanh, vẫn còn bị ảnh hưởng của các khuynh hướng và xu thế của tội lỗi. Nhưng trong sự vật lộn với tội lỗi của người ấy, Thánh Linh của Đức Chúa Trời tác động cai trị, kiềm chế, sửa trị, và dẫn dắt người ấy để người đó trở nên ngày càng giống Đấng Christ hơn. “Sự tiến bộ của mỗi người trong sự tin kính là công việc thầm kín của Đức Thánh Linh” (Calvin).

Thật quan trọng rằng chúng ta không được lầm lẫn giữa sự thánh hóa và sự xung công bình. Sự xung công bình duy chỉ bởi đức tin cứu rỗi (Rôm 5:1). Trong khi sự xung công bình là một công việc của Đức Chúa Trời tại một thời điểm duy nhất lúc cải đạo, sự thánh hóa là một hành động của Đức Chúa Trời trong đời sống của một tín đồ sau cải đạo. Sự xung công bình là nền tảng của sự thánh hóa chứ không phải ngược lại.

ĐỜI SỐNG THÁNH KHIẾT

Phao-lô răn bảo chống lại những “việc làm của xác thịt.” “Vả, các việc làm của xác thịt là rõ ràng lắm: Ấy là gian dâm, ô uế, luông tuồng, thờ hình tượng, phù phép, thù oán, tranh đấu, ghen ghét, buồn giận, cãi lẫy, bất bình, bè đảng, ganh gổ, say sưa, mê ăn uống, cùng các sự khác giống như vậy. Tôi nói trước cho anh em, như tôi đã nói rồi: Hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời” (Gal 5:19-21).

Mặc dầu bản tính của con người sa ngã chưa được trừ tiết trong những Cơ Đốc Nhân đã được tái sanh, nhưng thật là quan trọng rằng những

tín đồ thật không được mô tả bởi những việc làm của xác thịt. Những ai được miêu tả bởi những việc làm của xác thịt là không được xem như là người được tái sanh.

Cơ Đốc Nhân phải phục tòng công việc của Thánh Linh trong việc thánh hóa. Sự thánh hóa có ý nghĩa là đời sống thánh khiết. Chúng ta phải bày tỏ trái của Thánh Linh như bằng chứng của sự tái sanh của chúng ta.

Cơ Đốc Nhân phải làm tràn đầy tư tưởng của mình với những ý tưởng thuộc về trời (Côl 3:2). Phao-lô nói, “Vậy hãy làm chết các chi thể của anh em ở nơi hạ giới, tức là tà dâm, ô uế, tình dục, ham muốn xấu xa, tham lam, tham lam chẳng khác gì thờ hình tượng: bởi những sự ấy con giận của Đức Chúa Trời giáng trên các con không vâng phục” (Côl 3:5-6). Nếu chúng ta là con cái của sự vâng lời, thì chúng ta phải mặc lấy “người mới” (Êph 4:24) thứ mà có sự tham gia của “sự công bình và sự thánh khiết thật.” “Sự chết của xác thịt là sự sống của Thánh Linh” (Calvin).

Chúng ta là những người được tái sanh được sanh ra như là con cái bé nhỏ trong những sự thuộc linh. Chúng ta cần học hỏi một cách kiên trì và cẩn thận những điều liên quan đến sự bước đi của đời sống Cơ Đốc. Là những người được tái sanh, công việc liên tục của Đức Thánh Linh sẽ khiến chúng ta lớn lên trong đời sống thánh khiết. Nhưng chúng ta cũng phải biết rằng trong đời sống hiện tại này chúng ta sẽ không bao giờ đạt đến sự trọn vẹn vô tội (sinless perfection). Vâng, sự trọn vẹn là tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời điều mà Ngài đã đặt ra cho chúng ta, nhưng chúng ta sẽ đạt được điều đó khi chúng ta thấy Chúa mặt đối mặt (I John 3:2).

SỰ TRỌN VẸN (HOÀN HẢO)

Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân sự của Ngài phải trở nên trọn vẹn. Chúa Jêsus phán, trong Bài Giảng trên Núi, “Thế thì các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn” (Mat 5:48). Trong lời này, Chúa Jêsus phản chiếu sự giảng dạy của luật pháp Cựu Ước. “Hãy nên thánh, vì ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, vốn là thánh” (Lêv 19:2). “Ngươi phải ở trọn vẹn với Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi” (Phục 18:13).

Thật vậy, là một Cơ Đốc Nhân chúng ta phải cố gắng hướng đến sự trọn vẹn vì điều này chính là mục đích của Kinh Thánh, “hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn” (II Tim 3:16-17).

Tiêu chuẩn đặt trước mặt của dân sự Đức Chúa Trời trong lời nói của Chúa Jêsus Christ là sự trọn vẹn tuyệt đối của chính Đức Chúa Trời. Điều này nên làm rõ rằng từ “trọn vẹn” ở đây có nghĩa là thoát khỏi những sự sai phạm, khỏi tội lỗi của việc sự chệnh mảng trong công việc. Là các tạo vật được tạo thành đặc biệt trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, ấy là ý định của Đức Chúa Trời rằng chúng ta phải lánh khỏi mọi tội lỗi hay sự thiếu sót, lánh xa như chính Ngài khỏi khuyết điểm.

Đức Chúa Trời yêu cầu những tiêu chuẩn cao nhất của những lối cư xử đạo đức từ con cái của Ngài. Ấy là hoàn toàn vô lý khi chúng ta suy nghĩ rằng Đức Chúa Trời đòi hỏi điều gì khác hơn là sự trọn vẹn. Thật nực cười khi nói Kinh Thánh nói rằng “Hãy dừng 90% của việc trộm cắp, nói dối, v.v.!” Như vậy, chắc chắn rằng Đức Chúa Trời đòi hỏi 100%.

Hãy biết rằng điều răn thứ mười là điều răn khắt khe nhất của tất cả, “Ngươi chớ có những ham muốn gian ác.” Thật vô lý và vô đạo đức

làm sao khi nếu Kinh Thánh nói, “Người có thể áp ủ sự khao khát gian ác miễn là người chớ thực hiện cái sự khao khát gian ác đó!” Chắc chắn rằng Chúa yêu cầu chúng ta trở nên thánh khiết không chỉ trong suy nghĩ và cảm xúc, nhưng cũng trong các việc làm của chúng ta.

Chúng ta không thể được trọn vẹn một cách vô tội (sinlessly perfect) ngay bây giờ nhưng chúng ta không nên ngừng cố gắng nỗ lực để đạt được điều đó—được giống Đấng Christ là Chúa và Cứu Chúa chúng ta càng ngày càng hơn. “Sự trọn vẹn cao nhất của người tin kính trong đời sống này là một sự khao khát để được tiến triển” (Calvin).

SỰ TRƯỞNG THÀNH THUỘC LINH

Tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời là sự thánh khiết trọn vẹn. Nhưng sự thánh khiết trọn vẹn không đến ngay lập tức. Ngay lúc này, chúng ta không được thánh khiết một cách hoàn hảo nhất. Sự thánh hóa hoàn hảo sẽ đến dựa theo thời gian. Đức Chúa Trời, là Đấng “từ đời đời cho đến đời đời,” đã lựa chọn thời gian để thực hiện những mục đích của Ngài. Một người bước vào vương quốc thiên đàng phải bước vào đó như “một đứa trẻ.” Chúa Jêsus phán, “Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai chẳng nhận lấy nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì chẳng được vào đó bao giờ” (Mác 10:15, xem Mat 18:3; Lu-ca 18:17). Một đứa trẻ nhỏ phải học cách bước đi và tiếp tục như vậy trong xã hội này nơi mà nó được sinh ra. Đức Chúa Trời đã chọn phương pháp của thời gian cho việc trưởng thành của những ai được tái sanh vào ngôi nhà của Ngài.

Một trong những sự nhấn mạnh rõ ràng nhất về thời gian được bao hàm trong sự nên thánh được tìm thấy trong Rô-ma 8:18-25. Phao-lô vừa giải thích xong, “miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài, hầu

cho cũng được vinh hiển với Ngài.” Ông tiếp tục, “Vả, tôi tưởng rằng những sự đau đớn bây giờ chẳng đáng so sánh với sự vinh hiển hầu đến, là sự sẽ được bày ra trong chúng ta. Đỉnh điểm của phần này là ở trong câu 24 và 25. “Vì chúng ta được cứu trong sự trông cậy, nhưng khi người ta đã thấy điều mình trông rồi, ấy không phải là trông nữa: mình thấy rồi, sao còn trông làm chi? Song nếu chúng ta trông điều mình không thấy, ấy là chúng ta chờ đợi điều đó cách nhịn nhục.” Sự suy nghĩ không đơn giản như là việc chúng ta khoanh tay và chờ đợi để đạt đến mục đích, nhưng chúng ta phải chờ đợi, và tranh chiến, và tiếp tục tranh chiến vì đức tin.

Sứ Đồ Phao-lô nói tiếp, “Cũng một lẽ ấy, Đức Thánh Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin dâng cầu nguyện cho xứng đáng; nhưng chính Đức Thánh Linh lấy sự thờ than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta.” Sự trọn vẹn vô tội (sinless perfection) đó không được đạt được trong đời sống hiện tại này như nó được nói rõ ràng nhất bởi câu 22 và 23, “Vì chúng ta biết rằng muôn vật đều than thở và chịu khó nhọc cho đến ngày nay; không những muôn vật thôi, lại chúng ta, là kẻ có trái đầu mùa của Đức Thánh Linh, cũng than thở trong lòng, đang khi trông đợi sự làm con nuôi, tức là sự cứu chuộc thân thể chúng ta vậy.” Những lời này miêu tả những Cơ Đốc Nhân được tái sanh. Chúng ta không thỏa lòng và không có quyền để được thỏa lòng với trạng thái hiện tại của chúng ta. Chúng ta nên tiếp tục đấu tranh hướng đến sự trọn vẹn, và chúng ta chiếm hữu sự hy vọng vinh hiển ấy là sự trọn vẹn cuối cùng sẽ được nhận thấy khi Đấng Christ trở lại (Phil 3:20-21).

Một Cơ Đốc Nhân sẽ không vui trong tội lỗi.

SỰ TRÀN ĐẦY ĐỨC THÁNH LINH

Sự tràn đầy của Thánh Linh là một sự cai trị hoàn toàn của Đức Thánh Linh trên đời sống của Cơ Đốc Nhân khi người đó hoàn toàn phó thác chính mình cho công việc thánh hóa của Thánh Linh (Êph 5:18, Gal 2:20, 5:16). Bản Xưng Nhận Đức Tin Westminster nói, “Khả năng để làm các việc tốt của họ không phải là của họ, nhưng hoàn toàn từ Thần Linh của Đấng Christ. Và thêm vào đó rằng họ có thể được làm cho có khả năng, ngoài ân điển mà họ đã nhận lãnh, được yêu cầu một sự ảnh hưởng thật sự y như của Đức Thánh Linh đang làm việc trong họ để họ có thể tự nguyện làm theo ý muốn tốt lành của Ngài: nhưng họ cũng không nên chệnh mảng, như thể họ không bị cầm buộc đang thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào trừ khi sự lay chuyển của Thánh Linh; nhưng họ bị bắt buộc phải siêng năng trong việc trao dồi ân điển của Đức Chúa Trời ở trong họ” (16:3).

Điều gì xảy ra khi chúng ta được tràn đầy với Đức Thánh Linh? (1) chúng ta sẽ sản sinh ra trái của Thánh Linh (Gal 5:22-25). (2) Chúng ta sẽ hăng hái nhiệt tình chia sẻ Phúc Âm, và được hữu dụng trong hầu việc Đức Chúa Trời (Công 2:4, 4:3, 6:3-8, 7:54-55). (3) Chúng ta sẽ yêu mến Lời của Ngài và dân sự của Ngài (Công 2:41-47). (4) Chúng ta sẽ vui mừng khi đi đến hội thánh để thờ phượng Đức Chúa Trời, và thông công với các Cơ Đốc Nhân khác (Êph 5:18-20).

Chúng ta phải làm điều gì để được tràn đầy Đức Thánh Linh? (1) Chúng ta phải xưng nhận tội lỗi và ăn năn các tội lỗi của chúng ta (I Giăng 1:9). (2) Chúng ta phải nhận biết sự xấu xa của chúng ta và nương dựa hoàn toàn nơi Đức Chúa Trời (I Giăng 1:10). (3) Chúng ta phải đọc Kinh Thánh hằng ngày và tham dự Trường Chúa Nhật hay Những lớp học Kinh Thánh (I Phi-e-rơ 2:2). (4) Chúng ta phải cầu nguyện riêng tư cũng như cầu nguyện chung với trong hội thánh bằng việc tham gia những buổi cầu nguyện (Hêb 10:25). (5) Chúng ta phải

thông công với các Cơ Đốc Nhân không thôi bằng việc tham gia các buổi nhóm thông công (Hêb 10:25). (6) Chúng ta phải tiếp nhận lễ báp tem bằng nước, và tham gia Lễ Tiệc Thánh. (7) Chúng ta phải hầu việc Chúa với bất cứ ân tứ nào mà chúng ta có (I Côr 12:4-11, xem Êph 4:11-13). (8) Chúng ta phải rao giảng phúc âm (Mat 28:18-20, xem Công 8:4). (9) Chúng ta phải dâng hiến cho Chúa từ tấm lòng vui vẻ (II Côr 9:7). (10) Chúng ta phải luôn sẵn sàng chịu khổ vì có Đấng Christ (II Tim 2:12; Mat 16:24).

ĐÓNG ẤN VÀ XỨC DẦU CỦA THÁNH LINH

Phao-lô nói về sự hiện diện của Thánh Linh trong đời sống của dân sự Đức Chúa Trời như là một con “ấn” hay một dấu của sự nhận dạng. Trong II Cô-rinh-tô 1:21-22, Phao-lô nói đến “Vả, Đấng làm cho bền vững chúng tôi với anh em trong Đấng Christ, và đã xức dầu cho chúng tôi, ấy là Đức Chúa Trời; Ngài cũng lấy ấn mình mà đóng cho chúng tôi và ban của tin Đức Thánh Linh trong lòng chúng tôi.” Sự “xức dầu” của Thánh Linh, cũng được nói đến trong I Giăng 2:20, 27 y như lẽ thật thuộc linh như sự “ấn chứng” của Thánh Linh. Sự hiện diện thật của Thánh Linh là một vật làm tin của những phước hạnh tương lai.

Hai lần trong thư tín cho người Ê-phê-sô sự hiện diện thật của Đức Thánh Linh trong đời sống của một Cơ Đốc Nhân được nói đến như là “dấu ấn” của Đức Chúa Trời (Êph 1:13, 4:30). Mặc dù Đức Thánh Linh không được nói đến trực tiếp trong Khải Huyền 7:2-4, ý nghĩa chắc chắn của cụm từ “ấn của Đức Chúa Trời hằng sống” nằm trên trán của dân sự của Đức Chúa Trời.

Sự ấn chứng của Thánh Linh cũng có nghĩa rằng chúng được đảm bảo đời đời trong Đấng Christ (Êph 4:30). Khi dân sự của Đức Chúa Trời được nói là được “ấn chứng” bởi Thánh Linh của Ngài, nó có nghĩa rằng họ là sự sở hữu của Ngài—họ thuộc về Ngài. Từ “ấn” miêu tả quyền sở hữu. Chúa đã mua chuộc chúng ta một giá. Cái giá đó là huyết của Đấng Christ tuôn đổ trên thập tự giá (Êph 1:14; Công 20:28). Đức Chúa Trời có quyền hoàn toàn trên chúng ta, và chúng ta mắc nợ Ngài đời đời. Calvin nói, “Đức Chúa Trời, bởi việc tuôn đổ trên chúng ta ân điển thiên thượng của Thánh Linh, bằng cách này, Ngài ấn chứng trên tâm lòng của chúng ta sự chắc chắn của chính lời Ngài.”

Có một khía cạnh của việc xúc dầu của Thánh Linh mà nó được nói đến là *sự hầu việc* chứ không phải cho sự cứu rỗi. Sự ngự trị của Thánh Linh và sự xúc dầu cho cứu rỗi (I Giăng 2:20, 27) đến ngay tại thời điểm của sự tái sinh là đời đời và không bao giờ có thể dời đổi. Nhưng sự xúc dầu của Thánh Linh liên quan đến sự hầu việc là tạm thời và có thể bị cất khỏi đi. Sự xúc dầu kiểu ấy được nhìn thấy trong trường hợp của vua Sau-lơ nơi Thánh Linh được nói “đến trên” ông (I Sam 10:1, 6, 11:6). Nhưng sau khi Sau-lơ phạm tội chống nghịch Đức Chúa Trời bởi khinh bỉ và bất tuân các mạng lệnh của Ngài, thì sự xúc dầu của Thánh Linh trên Sau-lơ đã bị cất đi mất khỏi ông ấy và ban cho một người khác là Đa-vít, người được chọn của Đức Chúa Trời (II Sam 12:7, 13; Thi 51:11). Nên hiểu rằng sự cất đi sự xúc dầu của Thánh Linh cho sự hầu việc không có nghĩa là người đó mất sự cứu rỗi (vd. Dân 24:2). Hai khía cạnh này (cho sự cứu rỗi và cho sự hầu việc) của sự xúc dầu của Thánh Linh cần phải được phân biệt rõ ràng. Sự xúc dầu của Thánh Linh cho sự cứu rỗi nói về sự cư ngụ của Thánh Linh *bên trong* một người (nghĩa là, ở trong, xúc dầu), trong khi đó sự xúc dầu cho Thánh Linh cho sự hầu việc nói về chức vụ của Ngài *ở trên* một người (nghĩa là, làm cho có thể, ban cho năng quyền).

SỰ LÀM VINH HIỂN

“Sự cứu rỗi của chúng ta được bắt đầu bởi sự hy sinh bởi đó những tội lỗi của chúng ta được chuộc, và cuối cùng được hoàn thành bởi sự sống lại của Ngài” (Calvin).

Bản Xung Nhận Đức Tin Westminster câu 37 và 38 hỏi, “Những ích lợi gì mà các tín đồ nhận lãnh từ Đấng Christ ngay tại lúc chết? Linh hồn của các tín đồ tại lúc chết được làm hoàn hảo trong sự thánh khiết, và ngay lập tức được chuyển qua sự vinh hiển; và thân thể của họ, vẫn còn hiệp một với Đấng Christ, được an nghỉ nơi phần mộ cho đến lúc phục sanh. Những tín đồ nhận được những ích lợi gì từ sự Đấng Christ ngay lúc phục sanh? Tại lúc phục sanh, những tín đồ, được sống lại trong vinh hiển, sẽ được nhận biết một cách công khai và được tuyên bố trắng án trong ngày phán xét, và được phước hạnh trọn vẹn trong sự tận hưởng Đức Chúa Trời đầy trọn cho đến đời đời.”

Trong ngày phục sinh, tất cả tội lỗi và sự suy đồi sẽ hoàn toàn được cất khỏi chúng ta. Chúng ta chưa được hoàn hảo, nhưng chúng ta sẽ được điều đó khi Đấng Christ trở lại. Sứ Đồ Giăng nói, “Hỡi kẻ rất yêu dấu, chính lúc bây giờ chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, còn về sự chúng ta sẽ ra thể nào, thì điều đó chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy” (I Giăng 3:2). “Vì anh em đã chết, sự sống mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. Khi nào Đấng Christ, là sự sống của anh em, sẽ hiện ra, bấy giờ anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển” (Côl 3:3-4). “Còn những kẻ Ngài đã định sẵn, thì Ngài cũng đã gọi, những kẻ Ngài đã gọi, thì Ngài cũng đã xưng là công bình, và những kẻ Ngài đã xưng là công bình, thì Ngài cũng đã làm cho vinh hiển” (Rôm 8:30).

Sự hiện diện thật của Đức Thánh Linh trong đời sống của các tín đồ đảm bảo sự hoàn hảo cuối cùng và đời đời. Vậy chúng ta đọc, “Ngài cũng lấy ấn mình mà đóng cho chúng tôi và ban của tin Đức Thánh Linh trong lòng chúng tôi” (II Côr 1:22; xem 5:5). “Ấy là trong Ngài mà anh em đã tin và được ấn chứng bằng Đức Thánh Linh là Đấng Chúa đã hứa, Đấng ấy làm của cầm về cơ nghiệp chúng ta, cho đến kỳ chuộc lấy những kẻ mà Ngài đã được để khen ngợi sự vinh hiển Ngài” (Êph 1:13-14). Từ “của cầm” không có nghĩa là lợi tức hay tiền lãi cổ phần, nhưng là một sự trả trước trên nhân vật chính. Nó là một tài khoản quan trọng của sự chi trả, được trả trước như là sự đảm bảo rằng toàn bộ số tiền sẽ được trả sau này. Đức Chúa Trời không hề thất bại hay làm mất những gì thuộc về Ngài. Những gì Đức Chúa Trời đã hứa, Ngài sẽ thực hiện điều đó. Sự hiện diện dễ thấy của Đức Thánh Linh là sự nếm trước và sự đảm bảo của sự đầy trọn của gia tài của chúng ta điều mà chúng ta sẽ nhận lãnh trong cuộc sống tương lai.

Ý NGHĨA CỦA “HỘI THÁNH”

Trong Anh Ngữ từ “hội thánh,” giống tiếng Đức *kirche* và tiếng Scotch *kirk*, được bắt nguồn từ tiếng tính từ Hy-lạp, *kyriakon*, có nghĩa là “thuộc về Chúa.” Nó có thể nói đến (1) dân sự của Chúa trong tổng thể, (2) bất cứ nhóm nào trong dân sự của Chúa, hay (3) ngôi nhà mà dân sự của Chúa thờ phượng (I Côr 11:20; Khải 1:10).

Từ “hội thánh” được dịch trong Tân Ước là *ekklesia*. Danh từ này liên quan đến động từ *ekkaleo* có nghĩa “được gọi ra.” Mặc dù thuật ngữ được sử dụng cho một hội họp thuộc thể gian (Công 19:32, 41), trong một ý nghĩa đặc biệt thuộc hội thánh, thì nó nói đến một sự hội họp hay một thân thể của một dân sự được gọi ra, được phân rẽ ra cho Đức Chúa Trời.

Dựa theo Bản Xưng Nhận Đức Tin Westminster, “hội thánh bao quát hay toàn cầu mà là vô hình, bao gồm tổng số những người được chọn, là những người đã được, đang được, và sẽ được nhóm họp lại làm một, dưới Đấng Christ là Đầu; và nó là vợ, thân thể, sự đầy trọn của Ngài tràn đầy trên hết thảy” (25:1). Sứ Đồ Phao-lô xem những Cơ Đốc Nhân ở Cô-rinh-tô như là một phần của hội thánh vô hình, “Gởi cho Hội thánh Đức Chúa Trời tại thành Cô-rinh-tô, tức là cho những người đã được nên thánh trong Đức Chúa Jê-sus Christ, được gọi làm thánh đồ, lại cho mọi người bất luận ở nơi nào, cầu khẩn danh Đức Chúa Jê-sus Christ chúng ta, là Chúa của những người ấy và của chúng ta” (I Côr 1:2, cũng xem Côi 1:24).

Hội thánh đôi lúc được nói đến trong Kinh Thánh không ngoại lệ với việc sử dụng chính từ đó. Ví dụ như Sứ Đồ Phi-e-rơ miêu tả các tín đồ trong cách này, “Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời, hầu cho anh em rao giảng nhân đức của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài; anh em ngày trước không phải là một dân, mà bây giờ là dân Đức Chúa Trời, trước không được thương xót, mà bây giờ được thương xót” (I Phi 2:9-10).

CÔ DÂU CỦA ĐÁNG CHRIST

Có một sự hiệp một mẫu nhiệm giữa các tín đồ và Đấng Christ. Sự hiệp một này được tiến hành khi một người được sanh lại. Sự hiệp một này là hơn cả mỗi thông công tự nhiên. Ấy là sự hiệp một của kiểu cách siêu nhiên trong Đức Thánh Linh. Đó là lý do tại sao trong Kinh Thánh hội thánh thật được biết như (1) cô dâu của Đấng Christ, và (2) thân thể của Đấng Christ.

Xuyên suốt Kinh Thánh, mỗi quan hệ hôn nhân được sử dụng bằng cách ẩn dụ nhằm miêu tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài. Trong Cựu Ước, Y-sơ-ra-ên, là dân sự của Đức Chúa Trời, được so sánh với một người vợ, và sự thờ hình tượng là thường xuyên được nói đến như là sự không chung thủy trong mối quan hệ hôn nhân. Đặc biệt hãy xem ba đoạn đầu của lời sách Ô-sê.

Trong một hình ảnh tương tự, Phao-lô viết cho Hội Thánh của Cô-rinh-tô, “Vi về anh em, tôi rất sốt sắng như sự sốt sắng của Đức Chúa Trời, bởi tôi đã gả anh em cho một chồng mà thôi, dâng anh em như người trinh nữ tinh sạch cho Đấng Christ. Nhưng tôi ngại rằng như xưa Ê-va bị cám dỗ bởi mưu chước con rắn kia, thì ý tưởng anh em cũng hư đi, mà dời đổi lòng thật thà tinh sạch đối với Đấng Christ chẳng” (II Côr 11:2-3).

Mối quan hệ hôn nhân giữa Đấng Christ và Hội Thánh của Ngài được miêu tả cùng khắp trong Ê-phê-sô 5:21-32. (Cũng xem I Côr 7; I Côr 11:1-16; 14:34,35; I Tim 2:9-15; 3:11, 12; Tít 1:6; 2:5; I Phi 3:7).

Ê-phê-sô 5:21 nhấn mạnh nhu cầu cần thiết cho các Cơ Đốc Nhân thuận phục lẫn nhau trong sự kính sợ Đức Chúa Trời. Rồi ông giới thiệu sự thảo luận về mối quan hệ hôn nhân với sự khích lệ trong câu 22 và 23. Một huấn thị tương tự được tìm thấy trong I Phi-e-rơ 3:1-2, “Hỡi người làm vợ, hãy phục chồng mình, hầu cho nếu có người chồng nào không vâng theo Đạo, dầu chẳng lấy lời khuyên bảo, chỉ bởi cách ăn ở của vợ, cũng đủ hóa theo, vì thấy cách ăn ở của chị em là tinh sạch và cung kính.”

Phao-lô tiếp tục bài phân tích của ông, “Áy vạy, như Hội thánh phục dưới Đấng Christ, thì đàn bà cũng phải phục dưới quyền chồng mình trong mọi sự.

Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ đã yêu Hội thánh, phó chính mình vì Hội thánh” (Ê-phê-sô 5:24-25).

Ấy là tự nhiên khi một người chồng nên là người khởi xướng cho tình yêu hôn nhân, thì cũng thế tình yêu bắt đầu giữa Đấng Christ và Hội Thánh, “Chúng ta yêu Ngài, vì Ngài đã yêu chúng ta trước” (I Giăng 4:19). Cũng như một người đau buồn khi tình yêu của người ấy không làm tròn trách nhiệm, nhưng đã khiến nó trở nên lạnh lẽo, thì cũng vậy Đấng Christ đau buồn bởi những trạng thái vô cảm về thuộc linh. Hội thánh được cảm động bởi Đức Thánh Linh nhằm đáp ứng lại tình yêu của Đấng Christ trong tình yêu. Tình yêu hai chiều được bày tỏ giữa Đấng Christ và hội thánh của Ngài. Đấng Christ bày tỏ sự lãnh đạo yêu thương, và hội thánh đáp ứng lại với sự thuận phục cách yêu thương.

Ê-phê-sô 5:26-27 cho biết tại sao hội thánh phải thuận phục chính mình dưới tình yêu của Đấng Christ, “để khiến Hội nên thánh sau khi lấy nước rửa và dùng Đạo làm cho Hội tinh sạch, đặt tỏ ra Hội thánh đầy vinh hiển, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thánh sạch không chỗ trách được ở trước mặt Ngài.”

Tình yêu của Đấng Christ cho Hội Thánh của Ngài cũng được nhấn mạnh sống động trong các lời này, “Cũng một thể ấy, chồng phải yêu vợ như chính thân mình. Ai yêu vợ mình thì yêu chính mình vậy. Vì chẳng hề có người nào ghét chính thân mình, nhưng nuôi nâng săn sóc nó như Đấng Christ đối với Hội thánh, vì chúng ta là các chi thể của thân Ngài. Vậy nên người đàn ông phải lìa cha mẹ mà dính dứu với vợ mình, hai người cùng nên một thịt [Sáng 2:24, Mat 19:5]. Sự mầu nhiệm ấy là lớn, tôi nói về Đấng Christ và Hội thánh vậy. Thế thì mỗi người trong anh em phải yêu vợ mình như mình, còn vợ thì phải kính chồng” (Êph 5:28-33).

Không nơi nào trong Kinh Thánh mà tình yêu của Đấng Christ cho Hội Thánh của Ngài được nhấn mạnh hơn hay cảm động hơn những cụm từ trong Êph 5:25-33. “Yêu” ở đây không phải là *philia*, tình yêu của bạn bè, cũng không phải là *eros*, là từ thuộc tiếng Hy-lạp cổ điển cho tình yêu giữa chồng và vợ. Nó là từ *agape*, là từ ngữ sâu sắc, mạnh mẽ, rộng rãi, đạo đức, thuộc linh nói về tình yêu của Đức Chúa Trời (Rôm

5:5). Tình yêu này là được tìm thấy không chỉ trong cá nhân, nhưng cũng trong Hội Thánh thật, là một thân thể, được gắn kết trong một sự hiệp nhất màu nhiệm với Đấng Christ.

Sự hoàn mỹ của mối quan hệ hôn nhân giữa Đấng Christ và Hội Thánh của Ngài được tiên đoán trong Khải huyền 19:6-9, “Đoạn, tôi lại nghe có tiếng như một đám đông vô số người, khác nào tiếng nước lớn hoặc như tiếng sấm dữ, mà rằng: A-lê-lu-gia! Vì Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn năng, đã cầm quyền cai trị. Chúng ta hãy hớn hờ vui mừng, tôn vinh Ngài; vì lễ cưới Chiên Con đã tới, và vợ Ngài đã sửa soạn, đã cho người được mặc áo sáng láng tinh sạch bằng vải gai mịn, vải gai mịn tức là công việc công bình của các thánh đồ. Thiên sứ phán cùng tôi rằng: Hãy chép: Phước thay cho những kẻ được mời đến dự tiệc cưới Chiên Con! Người lại tiếp rằng: Đó là những lời chân thật của Đức Chúa Trời.” Bữa tiệc cưới của Chiên Con sẽ được tổ chức sau sự cất lên của Hội Thánh, và chỉ trước trận đánh cuối cùng ở Hama-ghê-đôn.

Sau một ngàn năm cai trị của Đấng Christ trên đất, sau sự nổi loạn của Gót và Ma-gót, sau sự đoán xét cuối cùng của Tòa Án Lớn và Trắng, sau khi thế gian hiện tại này bị tiêu hủy, và sau sự tạo dựng mới của một trời mới và một trái đất mới, thì một thành Giê-ru-sa-lem Mới sẽ đến từ thiên đàng xuống trái đất mới, “có vinh hiển của Đức Chúa Trời.” “Một vị trong bảy thiên sứ ..., nói với tôi, bảo rằng: Hãy đến, ta sẽ chỉ cho ngươi thấy người vợ mới cưới là vợ Chiên Con” (Khải 21:9). Giăng có một cái thoáng nhìn về thành phố thánh và thuộc thiên đàng, thành Giê-ru-sa-lem mới, “sửa soạn sẵn như một người vợ mới cưới trang sức cho chồng mình” (Khải 21:2, 10, 11).

THÂN THỂ CỦA Đấng CHRIST

Là cô dâu của Đấng Christ, Hội Thánh cũng là thân thể của Ngài. Sự ẩn dụ về cô dâu và thân thể thật sự là một. Có vài lần Ê-phê-sô 5:21-33, Phao-lô đề cập hai phép ẩn dụ này cùng với nhau. Trong câu 23, ông nói rằng Đấng Christ là “cứu Chúa của thân thể” trong mối quan hệ giữa Chông của Hội Thánh. Lại trong câu 28, người chông yêu vợ của mình, yêu “chính thân thể mình.” Câu 30 nhắc nhở chúng ta rằng, “chúng ta là chi thể của thân thể Ngài,” và câu 31 trích Sáng Thế Ký 2:24 cũng liên quan đến sự hiệp một hôn nhân.

Bài học thuộc linh cao cả được dạy bởi phép ẩn dụ về cô dâu là một bài học về sự tác động thanh tẩy của tình yêu của Đức Chúa Trời trong tâm lòng chúng ta. Có lẽ bài học mạnh mẽ nhất được dạy bởi phép ẩn dụ của thân thể là bài học về sự hiệp nhất thuộc linh mẫu nhiệm của các tín đồ, như các chi thể của thân thể Đấng Christ (Rôm 12:5; Êph 4:25).

Sự hiệp một của các tín đồ trong thân thể của Đấng Christ được nhấn mạnh mẽ bởi Phao-lô: “Ngài đã bắt muôn vật phục dưới chân Đấng Christ, và ban cho Đấng Christ làm đầu Hội thánh, Hội thánh là thân thể của Đấng Christ, tức là sự đầy đủ của Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi loài” (Êph 1:22-23, xem Côl 1:18); “Phải khiêm nhường đến điều, mềm mại đến điều, phải nhịn nhục, lấy lòng thương yêu mà chịu nhau, dùng dây hòa bình mà giữ gìn sự hiệp một của Thánh Linh. Chỉ có một thân thể, một Thánh Linh, như anh em bởi chức phận mình đã được gọi đến một sự trông cậy mà thôi; chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép báp-têm; chỉ có một Đức Chúa Trời và một Cha của mọi người, Ngài là trên cả mọi người, giữa mọi người và ở trong mọi người” (Êph 4:2-6).

Mục đích của các ân tứ thuộc linh mà Đấng Christ đã ban cho mọi chi thể khác nhau trong thân thể của Ngài là “để các thánh đồ được trọn vẹn về công việc của chức dịch và sự gây dựng thân thể Đấng Christ, cho đến chừng chúng ta thấy đều hiệp một trong đức tin và trong sự

hiểu biết Con Đức Chúa Trời, mà nên bậc thành nhân, được tâm thước vóc giặc trọn vẹn của Đấng Christ” (Êph 4:12-13).

SỰ HIỆP MỘT CỦA THÂN THỂ CỦA ĐÁNG CHRIST

Sự hiệp một của thân thể của Đấng Christ có nghĩa là sự bình an thuộc Cơ Đốc Nhân (Côl 3:5). Thật là một ý tưởng kỳ diệu, sự bình an của Đấng Christ, nó làm yên lặng và cân bằng tâm lòng và ý chí điều mà an nghỉ với một lương tâm hoàn toàn trao phó cho ý muốn của Đức Chúa Trời!

Nhưng, điều này không có nghĩa rằng tín đồ sẽ không đối diện với bất cứ vấn đề gì trong đời sống của mình. Chẳng hạn như Phao-lô đã kinh nghiệm sự bần khổ thật lớn ở Trô-ách (II Côr 2:12-13) và tại Ma-xê-đoan (II Côr 7:5-6). Mặc dù vậy, Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho dân sự của Ngài với sự bình an điều mà Ngài có thể ban cho chỉ khi họ sống một đời sống hoàn toàn hiệp nhất với ý muốn của Đấng Christ.

Sự hiệp một của thân thể của Đấng Christ đó kêu gọi sự thanh khiết của các chi thể. Nếu chúng ta là những chi thể của sự thân thể mầu nhiệm của Đấng Christ, nó phải theo sau rằng toàn bộ con người của chúng ta, bao gồm cả cơ thể xác thịt, là các chi thể của Đấng Christ. Và vì vậy chúng ta phải chăm sóc cơ thể này và không bao giờ sử dụng nó như là công cụ của tội lỗi. Phao-lô nói, “Đồ ăn vì bụng, bụng vì đồ ăn, Đức Chúa Trời sẽ hủy hoại cái nọ và cái kia. Nhưng thân thể chẳng phải vì sự dâm dục dêu, bèn là vì Chúa, và Chúa vì thân thể; và Đức Chúa Trời là Đấng đã khiến Chúa sống lại, cũng sẽ lấy quyền phép mình khiến chúng ta sống lại nữa. Anh em há chẳng biết thân thể mình là chi thể của Đấng Christ sao? Vậy thì mình có nên lấy chi thể của Đấng Christ mà làm thành chi thể của điếm đĩ chăng? Đức Chúa Trời nào nõ vậy! Anh em há chẳng biết người nào kết hiệp với điếm đĩ, thì trở nên một xác với nó sao? Vì có chép rằng: Hai người sẽ đồng nên

một thịt. Còn ai kết hiệp với Chúa thì trở nên một tánh thiêng liêng cùng Ngài. Hãy tránh sự dâm dục. Mặc dầu người ta phạm tội gì, tội ấy còn là ngoài thân thể; nhưng kẻ buông mình vào sự dâm dục, thì phạm đến chính thân thể mình. Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em, là Đấng mà anh em đã nhận bởi Đức Chúa Trời, và anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao? Vì chưng anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể mình làm sáng danh Đức Chúa Trời” (I Côr 6:13-20).

SỰ PHỤ THUỘC LẤN NHAU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI THÁNH

Hai lần Phao-lô nói rằng chúng ta, là các chi thể của thân thể của Đấng Christ, là “chi thể của nhau” (Rôm 12:5; Êph 4:25). Một phân đoạn dài nhất của Kinh Thánh giải quyết với sự lệ thuộc lẫn nhau của các chi thể trong thân thể của Đấng Christ là I Cô-rinh-tô 12:12-27.

Vì Hội Thánh hoạt động và lớn lên một cách hòa hợp, mỗi thành viên của Hội Thánh phải nhận biết rằng người ấy cần những thành viên khác của hội thánh là không thể bỏ qua hay là quan trọng hơn các điều khác. Mỗi thành viên có một ân tứ đặc biệt và có một chức năng đặc biệt trong thân thể của Đấng Christ. Vì vậy Phao-lô biện luận rằng, “Nếu chân rằng: Vì ta chẳng phải là tay, nên ta không thuộc về thân, thì chẳng phải bởi đó chân không có phần trong thân. Và nếu tai rằng: Vì ta chẳng phải là mắt, nên ta không thuộc về thân, thì tai chẳng phải bởi đó không có phần trong thân. Ví bằng cả thân đều là mắt, thì sự nghe ở đâu? Nếu cả thân đều là tai, thì sự ngửi ở đâu? Nhưng bây giờ, Đức Chúa Trời đã sắp đặt các chi thể của thân chúng ta, ban cho mỗi một chi thể cái địa vị theo ý Ngài lấy làm tốt mà chỉ định. Nếu chỉ có một chi thể mà thôi, thì cái thân ở đâu? Vậy, có nhiều chi thể, song chỉ có một thân. Mắt không được nói với bàn tay rằng: Ta chẳng cần đến mày; đầu cũng chẳng được nói với chân rằng: Ta chẳng cần đến bay.

Trái lại, các chi thể của thân xem ra rất yếu đuối lại là cần dùng. Chi thể nào trong thân chúng ta nghĩ là hèn hạ hơn, thì chúng ta tôn trọng hơn; chi thể nào chẳng đẹp, thì chúng ta lại trau giồi hơn, còn như cái nào đã đẹp rồi, thì không cần trau giồi. Nhưng Đức Chúa Trời đã sắp đặt thân người, để chi thể nào thiếu thốn thì được quý trọng hơn, hầu cho trong thân không có sự phân rẽ, mà các chi thể phải đồng lo tưởng đến nhau. Lại, trong các chi thể, khi có một cái nào chịu đau đớn, thì các cái khác đều cùng chịu; và khi một cái nào được tôn trọng, thì các cái khác đều cùng vui mừng. Vả, anh em là thân của Đấng Christ, và là chi thể của thân, ai riêng phần nấy” (I Côr 12:15-27).

NHỮNG ÂN TƯ THUỘC LINH CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỘI THÁNH

Có nhiều ân tứ thuộc linh cho mỗi chi thể riêng biệt của thân thể của Đấng Christ (Rôm 12:6). Mỗi tín đồ có một ân tứ riêng từ Đức Chúa Trời, người này thì kiểu này, người kia thì kiểu khác (I Côr 12:6-8, Êph 4:7-8). Chính Đức Thánh Linh quyết định ân tứ nào hay những ân tứ nào mà một tín đồ nên có (I Côr 12:11). Calvin quan sát chính xác, “Những ân tứ của Thánh Linh không phải là những món quà của tự nhiên.” Một người hữu dụng và thành công trong công việc thế tục không khiến anh ta có thể trở nên đầy ân tứ thuộc linh đặng trở thành một người quản trị hội thánh. Có bốn danh sách của những ân tứ thuộc linh trong Tân Ước. Những sự khác biệt trong các danh sách này, và cách mà mỗi một ân tứ được ban cho, đề xuất rằng không có danh sách nào được dự định để được thấu đáo, và rằng những ân tứ được liệt kê không cần thiết phải liên quan với những chức vụ hay nghề nghiệp cụ thể.

Danh sách trong Rô-ma 12:3-8 là như sau: (1) Nói tiên tri, (2) mục vụ (thuật ngữ mở rộng cho từ hầu việc), (3) dạy dỗ, (4) khích lệ (an ủi), (5) ban cho, (6) lãnh đạo, (7) bày tỏ sự thương xót.

Danh sách trong I Cô-rinh-tô 12:4-11 là: (1) khôn ngoan, (2) hiểu biết, (3) đức tin, (4) chữa bệnh, (5) quyền năng (nghĩa là làm phép lạ), (6) nói tiên tri, (7) phân biệt các thần, (8) ngôn ngữ (“tiếng lạ”), (9) thông dịch các ngôn ngữ.

Trong I Cô-rinh-tô 12:28-31 có một danh sách lặp lại. Trong phần đầu tiên của nền tảng chúng ta có (1) các sứ đồ, (2) các tiên tri, (3) các giáo viên, (4) quyền năng (phép lạ), (5) chữa bệnh, (6) giúp đỡ, (7) quản trị, (8) ngôn ngữ (“tiếng lạ”). Như Phao-lô tiếp tục nói, chúng ta không đề cập đến “sự giúp đỡ” hay “quản trị” nhưng chúng ta có một thứ thêm vào “sự thông dịch.” Nó được hiểu rằng “sự giúp đỡ” có thể nói đến các chức vụ hay mục vụ nhỏ hơn được thành lập trong hội thánh ban sơ. “Sự quản trị” được hiểu là để nói về sự phân biệt trong các chức vụ trưởng lão là giữa trưởng lão giảng dạy và trưởng lão quản trị hay người quản trị của hội thánh.

Danh sách tìm thấy trong Ê-phê-sô 4:11 là rất vắn tắt: (1) các sứ đồ, (2) các tiên tri, (3) các nhà truyền giáo, (4) các mục sư và giáo sư. Mỗi ân tứ trong những ân tứ này được xem như là công việc hay chức vụ đặc biệt.

Nói tiên tri là một ân tứ thuộc linh được tìm thấy trong bốn danh sách. Các sứ đồ cũng được đề cập đến trong hai danh sách (I Cô-r 12:28-29; Êph 4:1). Ân tứ ngôn ngữ (“tiếng lạ”) và ân tứ thông giải và chữa lành được đề cập trong hai danh sách được tìm thấy trong I Cô-rinh-tô 12. Ân tứ dạy dỗ được tìm thấy trong Rô-ma 12, và trong danh sách thứ hai trong I Cô-rinh-tô 12. Trong Ê-phê-sô 4:11 chúng ta tìm thấy một ân tứ gọi là “mục sư và giáo sư.” Hai vai trò của việc chăn bầy và dạy dỗ phải được xem như là một ân tứ. Mỗi mục sư (chăn bầy) phải là một giáo sư và mỗi giáo viên phải là một người chăn bầy.

Chức vụ của các sứ đồ là một chức vụ đặc biệt và không phải đòi hỏi trong hội thánh. Chỉ có 12 Sứ Đồ tham gia trong việc thành lập Hội Thánh Tân Ước, và viết Kinh Thánh Tân Ước. Không cần có bất kỳ nhu cầu về các Sứ Đồ ngày nay, vì Hội Thánh đã được thành lập rộng rãi, và Kinh Thánh được hoàn thành và được kinh điển. Ngoài chức vụ sứ đồ, “mục vụ” (Rôm 12:7) có thể được xem xét sự liên quan đến chức vụ chấp sự. “Những người cai quản” hay “quản trị” (I Côr 12:28) có thể nói về những trưởng lão cai trị.

Những ân tứ của Thánh Linh là đa dạng. Chúng ta không có ý định để có một bảng danh sách hoàn hảo. Thánh Linh hà hơi khi Ngài chọn lựa (Giăng 3:8). Mỗi thành viên trong hội thánh được ban cho ít nhất một ân tứ như là bằng chứng của sự hiện hữu của Đức Thánh Linh ngự trong người đó (xem Rôm 12:6; I Côr 7:7; 12:7; Êph 4:7). Sự biểu lộ của Đức Thánh Linh trong đời sống của mỗi một cá nhân được cứu được nói đến như một cái “ấn” (Êph 1:13; 4:30; II Côr 1:22), một dấu riêng của sự chân thật của một chi thể của thân. Những ân tứ thuộc linh không được sử dụng một cách riêng biệt. Phao-lô nói về chính ông và A-bô-lô, “Vả, chúng tôi là bạn cùng làm việc với Đức Chúa Trời” (I Côr 3:9). Những ân tứ là “để các thánh đồ được trọn vẹn về công việc của chức dịch và sự gây dựng thân thể Đấng Christ” (Êph 4:12).

Những ân tứ dấu lạ như chức vụ Sứ Đồ, phép lạ, nói tiếng lạ, chữa bệnh, v.v. không xảy ra mọi thời gian và mọi nơi trong hội thánh, và đã ngưng hẳn (I Côr 13:8-10).

SỰ NGỪNG LẠI CỦA NHỮNG AN TỨ DẤU KỲ

I Cô-rinh-tô 13:8-10 là một phân đoạn rõ ràng nhất về sự chấm dứt của những ân tứ dấu lạ (sign-gifts). Những từ của sự chấm dứt là, “hết,”

“thôi,” “bị bỏ” được sử dụng. Sứ Đồ Phao-lô viết, “Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ. Các lời tiên tri sẽ hết, sự ban cho nói tiếng lạ sẽ thôi, sự thông biết hầu bị bỏ. Vì chung chúng ta hiểu biết chưa trọn vẹn, nói tiên tri cũng chưa trọn vẹn; song lúc sự trọn lành đã đến, thì sự chưa được trọn lành sẽ bị bỏ.”

Sự nói tiên tri, tiếng lạ, và sự thông biết đã ngừng hiện hữu. Trước khi chúng ta giải quyết về sự chấm dứt của việc nói tiếng lạ, chúng ta hãy giải quyết sự chấm dứt của việc nói tiên tri và sự thông biết. Phao-lô nói rằng “các lời tiên tri “sẽ hết” và “bị bỏ,” và cũng giống như từ ngữ Hy-lạp, cụ thể, *katargeo*, là từ rất mạnh cho sự chấm dứt. Nó có nghĩa cơ bản là “tiêu diệt” (xem I Côr 15:24, 26). Từ *katargeo* (“tiêu diệt”) được viết trong tiếng Hy-lạp ở thể bị động.

Thể bị động nói về những điều từ bên ngoài sẽ khiến các sự nói tiên tri và sự thông biết ngưng lại. Nhân tố bên ngoài (ngoại tại) này là gì? Câu 9-10 cho chúng ta câu trả lời: nó là *to teleion* - “sự trọn lành.” “Sự trọn lành” này là gì? Nó là sự hoàn chỉnh của Kinh Điển (nghĩa là 66 sách của Kinh Thánh). Khi Phao-lô viết thư tín cho người Cô-rinh-tô, Tân Ước đang được viết ra. Một khi Tân Ước được hoàn thành—quyển sách cuối cùng được viết ra—ân tứ nói tiên tri, và thông biết sẽ dừng. Mọi lẽ thật mà Đức Chúa Trời muốn con người biết về chính Ngài được tìm thấy trong Kinh Thánh. Nó là đầy đủ và có thẩm quyền. Nó là sự khai thị hoàn chỉnh và cuối cùng của Đức Chúa Trời cho con người (II Tim 3:16-17, Khải 22:18-19).

Bây giờ, về tiếng lạ thì sao? Phao-lô viết rằng tiếng lạ “sẽ thôi.” Từ “thôi” ở đây trong tiếng Hy-lạp *pauo* có nghĩa “dừng lại.” Không giống như những ân tứ tiên tri và thông biết, những thứ đòi hỏi một nhân tố ngoại tại khiến chúng ngưng lại, ân tứ nói tiếng lạ sẽ tự nó ngưng lại (Thể Trung cách trong tiếng Hy-lạp – Greek Middle voice). Nó sẽ tự động bị biên mất trong một khoảng thời gian khi nó đã phục vụ xong mục đích của nó. G F Rendal, trước kia đã theo phái Ân tứ có nhận xét, “Mục đích này đã đạt được hoàn toàn khi nó hoàn toàn thừa nhận rằng

các quốc gia, cũng như 'dân này' (người Do-thái), được ích lợi từ sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va. Khi sự thật này được tin nhận trên toàn cầu, và không còn tranh cãi bởi bất kỳ ai, thì ân tứ này không còn cần nữa. ... Các ngôi sao, ai cũng biết, là tỏ sáng và hữu dụng trong bóng đêm của những người Y-so-ra-ên vô tín là những người làm trở ngại sự cứu rỗi của các nước. Ân tứ này mờ dần rất đơn giản là khi sự kêu gọi Dân Ngoại đến với sự sáng. Đây là những gì kết thúc sự chống đối của tôi.” Ân tứ nói tiếng lạ sẽ bị rút lại khi nó đã hoàn thành mục đích của nó như một dấu cho những người Do-thái vô tín (I Côr 14:22). Ngày nay Đức Chúa Trời có cần thuyết phục người Do-thái rằng Phúc Âm cũng được ban cho Dân Ngoại không? Không cần. Những người Do-thái không giảng Phúc Âm cho Dân Ngoại nữa, nhưng Dân Ngoại giảng cho người Do-thái.

Có phải lịch sử khẳng định sự dừng lại sớm của tiếng lạ? Một giáo phụ nổi tiếng—Augustine—viết trong thế kỷ thứ 4, “Trong thời gian đầu tiên nhất Đức Thánh Linh giảng trên những người tin: và họ nói các thứ tiếng, là thứ mà họ chưa từng học, 'như Thánh Linh ban cho họ nói.' Đây là những dấu thích nghi theo thời gian. Vì phải có dấu hiệu của Đức Thánh Linh trong các tiếng lạ, và để bày tỏ rằng Phúc Âm của Đức Chúa Trời phải được tuôn tràn qua mọi thứ tiếng trên toàn trái đất. Thứ đó đã được làm vì một dấu và nó đã bị bỏ rồi.” Trong thế kỷ 16 của Thời Kỳ Cải Chánh và Phục Hưng, không được mô tả bởi việc nói tiếng lạ, nhưng bởi năng quyền của sự giảng dạy. Luther, Calvin, và Knox không nói tiếng lạ.

Bây giờ, từ “trọn lành” trong I Cô-rinh-tô 13:10 có nghĩa là gì? Từ “trọn lành” trong I Cô-rinh-tô 13:10 không có nghĩa là Đấng Christ hay thiên đàng. Làm thế nào để chúng ta biết điều này? Chúng ta biết điều này bởi sự quyết định từ ngữ được sử dụng như thế nào trong bối cảnh của nó. Cách sử dụng quyết định ý nghĩa của nó.

I Cô-rinh-tô 13:10 nói, “Song lúc sự trọn lành đã đến, thì sự chưa được trọn lành sẽ bị bỏ.” Nó thật rõ ràng rằng từ câu này có một mối quan hệ

giữa, “sự trọn lành” và “sự chưa trọn lành.” Sự “trọn lành” sẽ khiến sự “chưa trọn lành” dừng lại. Câu hỏi chúng ta cần phải hỏi trước là: “sự chưa trọn lành” là gì? Câu trả lời nằm trong câu 8-9. Câu 8-9 nói với chúng ta rằng những sự chưa trọn lành là “các lời tiên tri,” “nói tiếng lạ,” và “sự thông biết.” Tất cả ba ân tứ dấu kỳ này được khải tỏ. Chúng là các ân tứ siêu nhiên để chuyển tải Lời và Ý muốn của Đức Chúa Trời. Phao-lô nói rằng những ân tứ khải tỏ này cuối cùng sẽ “hết,” “thôi,” và “bị bỏ.” Một ngày chúng sẽ ngưng tồn tại, hoặc sẽ hết được sử dụng.

Câu hỏi kế tiếp chúng ta muốn hỏi là: Khi nào điều này xảy ra? Điều này xảy ra khi “sự trọn lành” đến. Phao-lô nói rằng sự nói tiên tri “sẽ hết,” và sự thông biết “sẽ bị bỏ.” Những từ, “hết,” và “bị bỏ,” được viết trong thể bị động trong tiếng Hy-lạp. Bởi việc viết như vậy, Phao-lô đang nói với những độc giả của ông rằng một vài thứ từ bên ngoài sẽ khiến các ân tứ nói tiên tri và thông biết hết và bị bỏ. Nhân tố bên ngoài này là gì? Câu trả lời được tìm thấy trong câu 9 và 10, “Vi chùng chúng ta hiểu biết (tức là ân tứ thông biết) chưa trọn vẹn, nói tiên tri (tức là ân tứ nói tiên tri) cũng chưa trọn vẹn; song lúc sự trọn lành đã đến, thì sự chưa được trọn lành sẽ bị bỏ.” Có một mối quan hệ nguyên nhân-và-kết quả giữa “sự trọn lành” và “sự không trọn lành.” Rõ ràng từ bối cảnh ấy những ân tứ của thông biết và nói tiên tri chỉ là những ân tứ tạm thời, chứ không phải đời đời. Chúng sẽ bị đời bỏ một khi sự hoàn hảo đến.

Bây giờ, “sự hoàn hảo” này là gì mà sẽ khiến những ân tứ thông biết và tiên tri dừng lại? Từ “hoàn hảo” ở đây trong tiếng Hy-lạp là *to teleion* có nghĩa đen là “sự hoàn hảo.” Sự hoàn hảo này là dính liền không phân cách với những ân tứ khải tỏ của nói tiên tri và sự thông biết. Mối quan hệ nguyên nhân-và-kết quả giữa sự hoàn hảo và sự không hoàn hảo (tức là sự nói tiên tri và sự thông biết) chỉ chúng ta đến với những gì là hoàn hảo. Tính tự nhiên thuộc khải thị của sự nói tiên tri và sự thông biết nói với chúng ta rằng sự hoàn hảo này là cần thiết phải được khải tỏ. Nó phải nói đến sự khải thị của Đức Chúa Trời. Từ Hy-lạp

“*teleion*” có nhiệm vụ là một tính từ miêu tả. Ở đây nó miêu tả sự khải thị của Đức Chúa Trời. Những ân tứ khải tỏ của nói tiên tri và thông biết là chưa trọn vẹn, nhưng sự Khải Thị sắp tới là sự hoàn hảo. Vậy sự “hoàn hảo” đó chính là Sự Khải Thị Hoàn Hảo của Đức Chúa Trời. Khi Sự Khải Thị Hoàn Hảo hay Hoàn Chính của Đức Chúa Trời đến, những sự chưa hoàn hảo sẽ bị cất khỏi. Đức Chúa Trời đã khải thị chính Ngài cho dân sự của Ngài từng chút một qua các tiên tri (xem Hêb 1:1-2), nhưng cũng có một thời điểm khi Ngài sẽ khải tỏ hoàn toàn những gì mà Ngài muốn khải tỏ. Khi điều đó xảy ra, không cần cho sự nói tiên tri và sự thông biết nữa. Khi Phao-lô viết I Cô-rinh-tô, Tân Ước đang trong quá trình được viết ra.

Sự nói tiên tri và sự thông biết sẽ dừng khi Tân Ước được hoàn chỉnh. Khi nào điều này đã xảy ra? Điều này đã xảy ra khi quyển sách cuối cùng của Kinh Thánh được viết và được hoàn chỉnh, chính là quyển Khải Huyền. Đức Chúa Trời khẳng định sự hoàn chỉnh của nó bởi việc ban hành một lời cảnh cáo rất nghiêm khắc trong phân đoạn cuối cùng của sách Khải Huyền, câu 18 và 19: “Tôi ngó cho kẻ nào nghe lời tiên tri trong sách này: Nếu ai thêm vào sách tiên tri này điều gì, thì Đức Chúa Trời sẽ thêm cho người ấy tai nạn đã ghi chép trong sách này. Và kẻ nào bớt điều gì trong những lời ở sách tiên tri này, thì Đức Chúa Trời sẽ cất lấy phần họ về cây sự sống và thành thánh, mà đã chép ra trong sách này.” Sự Khải Thị Hoàn Hảo của Đức Chúa Trời được đóng ấn và hoàn tất – 66 sách của Kinh Thánh.

Giờ đây, chúng ta biết rằng từ “hoàn hảo” trong I Cô-rinh-tô 13:10 không có nghĩa là sự tái lâm của Đấng Christ bởi vì nếu Phao-lô có điều đó trong trí, thì ông đã sử dụng điều đó rõ ràng và không một chút mập mờ “cho tới lúc Ngài đến” như ông đã làm trong I Cô-rinh-tô 11:26, hay “rời sự cuối cùng sẽ đến” trong I Cô-rinh-tô 15:24. Thật đây ý nghĩa về sự thật đó là từ “hoàn hảo” được sử dụng 18 lần trong Tân Ước (Mat 5:48, 19:21; Rôm 12:2; I Cô-r 2:6, 13:10, 14:20; Êph 4:13; Phi 3:15; Cô-l 1:28, 4:12; Hêb 5:14, 9:11; Gia 1:4, 17, 25, 3:2; I Giăng 4:18), và không một lần nào nó nói về sự tái lâm hay về thiên đàng. Từ

“hoàn hảo” hầu hết được dùng để miêu tả các Cơ Đốc Nhân tăng trưởng thuộc linh là những người sống theo Lời của Đức Chúa Trời. Với những lần khác, nó đặc biệt dùng để miêu tả (1) ý muốn của Đức Chúa Trời, (2) sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, (3) Luật Pháp của Đức Chúa Trời, (4) tình yêu của Đức Chúa Trời, và (5) nhân tính của Đấng Christ.

Vì vậy, từ “hoàn hảo” nói đến một quyền sách, chứ không phải một con người (Đấng Christ), hay một sự kiện (sự tái lâm của Ngài), hay một nơi (thiên đàng). Kinh Thánh là Lời hay Khải Thị hoàn hảo của Đức Chúa Trời. Nó có năng quyền tuyệt đối, và đầy đủ hoàn toàn cho giáo lý và sự thực hành của Cơ Đốc Nhân (II Tim 3:16-17). Sự khải thị đã thôi. Kết cục, mọi phương tiện tạm thời của sự khải thị, giống như ân tứ tiên tri và sự thông biết, đã bị rút lại. Tìm kiếm một lời tiên tri hoặc một lời của sự thông biết ngày nay là không hợp với Kinh Thánh. Chúng ta phải đi thẳng vào Lời của Đức Chúa Trời để tìm kiếm ý muốn và sự khôn ngoan của Ngài.

Một người không nên bỏ qua sự tranh luận của Phao-lô trên lý do tại sao tình yêu thương là lớn nhất trong I Cô-rinh-tô 13. Phao-lô trách móc những người Cô-rinh-tô vì đặt đề những ân tứ dấu kỳ siêu nhiên ở vị trí cao hơn phẩm chất của đức tin, hy vọng, và sự yêu thương. Họ đã lẫn lộn những sự ưu tiên hàng đầu. Ân tứ nói tiên tri, thông biết, và tiếng lạ không quan trọng như các phẩm chất của đức tin, hy vọng, và sự yêu thương. Những ân tứ dấu kỳ chỉ có giá trị trong thời đại của các Sứ Đồ. Chúng là những ân tứ tạm thời, và sẽ bị thôi dần đi. Những gì sẽ tồn tại và kéo dài xuyên suốt thời đại của hội thánh là những nét hoa mỹ Cơ Đốc Giáo về đức tin, hy vọng, và sự yêu thương. Những phẩm chất này phải được tìm thấy trong mỗi Cơ Đốc Nhân. Những người Cô-rinh-tô phải chú ý nhiều hơn đặng tra dồi những phẩm chất này trong đời sống của họ thay vì tranh chiến xem ai là người có ân tứ cao hơn (I Cô-rinh-tô 12:1-21, 14:1-5). Về ba phẩm chất này, sự yêu thương là lớn nhất hay quan trọng nhất bởi vì tình yêu thương sẽ không bao giờ chấm dứt. Trong khi đức tin và sự hy vọng cả hai sẽ được nhận

biết hay được trọn khi Đấng Christ trở lại, nhưng tình yêu thương một phẩm chất thiên thượng sẽ kéo dài mãi mãi. “Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ” (I Cô-rinh-tô 13:8). Phao-lô đang khích lệ Hội Thánh phải chú tâm nhiều nhất đến tình yêu thương bởi vì chúng ta sẽ cần nó trong cõi vĩnh hằng (xem Mat 22:36-40).

Vậy từ “hoàn hảo” phải mang ý nghĩa Kinh Điển Kinh Thánh–66 sách của Kinh Thánh. Nếu chúng ta cho rằng thuật ngữ “hoàn hảo” có nghĩa là sự tái lâm của Đấng Christ hoặc thiên đàng, thì chúng ta sẽ ném sự lộn xộn vào trong sự lý luận cẩn thận và sâu sắc trong I Cô-rinh-tô 13 về sự cao trọng của đức tin và hy vọng, và sự cao cả của tình yêu thương lên trên tính tạm thời và tính tương đối thấp kém hơn của các ấn tử dầu kỳ.

CÁC THÁNH LỄ CỦA HỘI THÁNH

Trong Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, hai thánh lễ, Báp-têm và Tiệc Thánh (the Lord's Supper–Bữa Tiệc của Chúa), được biểu lộ dưới một tiêu đề “các phương tiện của ân điển.” “Những ý nghĩa gì ở bên ngoài mà bởi đó Đấng Christ ban cho chúng ta những ích lợi của sự cứu chuộc? Những ý nghĩa bên ngoài và thông thường mà bởi đó Đấng Christ ban cho chúng ta những ích lợi của sự cứu rỗi, là các sắc lệnh của Ngài, đặc biệt là Lời, các thánh lễ, và sự cầu nguyện; tất cả các điều này được làm hiệu lực cho những người được chọn cho sự cứu rỗi” (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 88).

Hành động thuộc hình thức bên ngoài và thuộc thể của lễ báp-têm và Tiệc Thánh không mang đến bất cứ ý nghĩa hay ích lợi thuộc linh. Không có một chút ma thuật gì về những lễ nghi báp-têm bằng nước và Tiệc Thánh.

Một bằng chứng rằng các thánh lễ không được ban phát đặng tự nó trở thành những công cụ bên ngoài vì sự chuyển tải ân điển của Đức Chúa Trời là sự thật đó là Lời và sự cầu nguyện được nói đến trở nên "phương tiện bên ngoài và thông thường" trong cùng một ý nghĩa như các thánh lễ. Xem xét Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược Câu hỏi 89 và 90: "Làm thế nào Lời được làm hiệu quả cho sự cứu rỗi? Thánh Linh của Đức Chúa Trời khiến việc đọc, nhưng đặc biệt là việc giảng rao Lời, thành một phương tiện hiệu quả của việc cáo trách và thay đổi tội nhân, và của việc xây dựng họ trong sự thánh khiết và an ủi, thông qua đức tin đến sự cứu rỗi. Làm thế nào Lời được đọc và được nghe, để rồi nó có thể có hiệu quả cho sự cứu rỗi? Để Lời có thể trở thành hiệu quả cho sự cứu rỗi, chúng ta phải chú tâm vào với sự cần mẫn, sự chuẩn bị, và sự cầu nguyện; nhận nó với đức tin và tình yêu thương, đặt nó trên tấm lòng của chúng ta, và thực hành nó trong đời sống của chúng ta." Nói cách khác, nó *không phải là sự sở hữu hay hành động* của việc mang Kinh Thánh để cho người khác thấy mình được cứu, nhưng là *việc hiểu biết và vâng lời* những lời được hà hơi thiêng liêng với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh.

Về việc nói đến các thánh lễ, Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 91 dạy, "Các thánh lễ trở nên các phương tiện hiệu quả cho sự cứu rỗi, không phải từ bất kỳ phẩm chất nào bên trong nó, hoặc trong người ban phát chúng; nhưng chỉ duy bởi sự ban phước của Đấng Christ, và hành động của Thánh Linh Ngài trong chúng và nó được nhận lãnh bởi đức tin." Những thánh lễ chỉ là những dấu hiệu bên ngoài của ân điển bên trong.

Có hai cách đặc biệt trong điều mà thánh lễ Tiệc Thánh là một "phương tiện của ân điển." Chúa Jêsus nói, "hãy làm điều này để nhớ đến ta" (I Côr 11:24-25), với sự nói đến bánh và chén. Phao-lô nói thêm, "Ấy vậy, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến" (c 26). Do đó Tiệc Thánh là một "phương tiện ân điển" trong việc nhắc nhở những người giao thiệp với Đấng Christ, và bày tỏ cho những người ngoại sự thật về sự chết của

Ngài trên thập tự giá. Điều này trở thành đòi hỏi cho tới lúc Đấng Christ đến trở lại.

Các thánh lễ là không cần thiết cho sự cứu rỗi, nhưng nó được đòi hỏi và ích lợi (1) như là một sự trợ giúp thấy được để giúp đỡ ý thức con người biết những gì được dạy trong Kinh Thánh, và (2) như một bài làm chứng công khai cho thế giới bên ngoài biết về ý nghĩa của đức tin trong Jêsus Christ.

Bây giờ, cụm từ, "phương tiện ân điển," không nên dịch một cách máy móc rằng các thánh lễ tự chúng mang đến sự cứu rỗi. Nó phải được nhấn mạnh rằng các hội thánh Độc Lập, Báp-tít, và Trưởng Lão không đồng ý với sự sai lầm của Công Giáo La-mã về sự cứu rỗi bởi các việc làm qua sự gìn giữ cách máy móc của việc báp-têm và tiệc thánh (the mass).

Vậy, một thánh lễ là gì? Một thánh lễ thuộc Cơ Đốc Giáo được định nghĩa như là một "sắc lệnh thánh được thành lập bởi Đấng Christ, trong đó, bởi sự cảm nhận Đấng Christ, và những lợi ích của giao ước mới, được biểu lộ, đóng ấn, và được áp dụng cho các tín đồ" (Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, Câu hỏi 92). Calvin nói,

“Các thánh lễ là những chiếc gương soi trong đó chúng ta ngắm nhìn sự giàu có của ân điển của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta.”

CÁC THÁNH LỄ NHƯ NHỮNG DẤU ẤN

Các Thánh Lễ là các dấu ấn của Giao Ước Ân Điển. Từ, “ấn,” chỉ rõ một dấu hữu hình dạng chứng thực giá trị pháp lý của sự sắp xếp, giao ước, và lời hứa, điều mà được hiểu để làm dấu hiệu (xem Sáng 38:18, 25; Xuất 28:11; xem I Các 21:8; Nêh 9:38; Êxơ 8:8; Gióp 38:14; Giê 22:24; 32:10, 44; Đan 6:17). Thậm chí trong nền văn hóa hiện đại của chúng ta, một con dấu hành chính thường được sử dụng để xác nhận một sự đồng ý hay một sự làm chứng.

Trong Tân Ước, từ “ấn” được sử dụng một cách ẩn dụ nói về một lời chứng vững chắc (Giăng 3:33). Đấng Christ nói về bằng chứng của sự chân thật của những lời phán của Ngài như cái “ấn” của Cha trên Ngài (Giăng 6:27). Hòn đá ở ngay tại cửa mộ nơi Đấng Christ được chôn được “đóng ấn” theo nghĩa đen với con dấu quyền lực của chính quyền La-mã (Mat 27:66). Lời tuyên bố rằng “Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho biết ai thuộc về Ngài” (Dân 16:5) có ý nói về con “ấn” trên nền tảng lẽ thật của Đức Chúa Trời (II Tim 2:19). Các Cơ Đốc Nhân Cô-rinh-tô là những con “ấn” của chức vụ Sứ Đồ của Phao-lô (I Côr 9:2). Những món quà yêu thương thân gặt từ những hội thánh thuộc Dân Ngoại là một con “ấn” (tức là bằng chứng rõ ràng) của tính chân thật của đức tin của họ (Rôm 15:28). Công tác quyền năng của Đức Thánh Linh trong đời sống của các tín đồ là cái “ấn” hoặc bằng chứng của sự tái sinh của họ (Êph 1:13; 4:30; II Côr 1:22).

Lời nói kiên định về các thánh lễ như là con ấn của “Đấng Christ và các ích lợi của giao ước mới,” được dựa trên sự thật là Phao-lô nói về dấu tích của phép cắt bì như là một con “dấu” của sự xưng công bình bởi đức tin điều mà Áp-ra-ham đã có khi ông chưa chịu cắt bì (Rôm 4:11). Phao-lô nói đến phép báp-têm như là “phép cắt bì của Cơ Đốc Nhân” (Côl 2:11-12). Tiệc Thánh cũng tương tự như vậy là một việc bên ngoài của bằng chứng, “rao báo sự chết của Chúa” (I Côr 11:26).

Vì vậy các thánh lễ là dấu hiệu bên ngoài của mối quan hệ của chúng ta với Đấng Christ trong sự tái sinh. Một dấu hiệu không cứu rỗi được, nó chỉ về Đấng Cứu Thế.

Một con ấn không có ý nghĩa gì ngoại trừ nó thật sự được minh chứng bởi sự vững chắc và cuối cùng được xác nhận tính hợp lệ. Các luật sư giải thích cho chúng ta rằng một con dấu được đóng vào một văn bản chỉ là một “bằng chứng cơ sở pháp lý” để văn bản đó được xác nhận và có giá trị bên ngoài. Bằng cách của ví dụ này, văn bằng của Trường Kinh Thánh Viên Đông mang một con dấu vàng. Trước khi văn bằng được trao tặng, con dấu có thể được đính kèm vào văn bằng đó ở bất kỳ thời gian nào khi nó được đóng bởi những người quản lý con dấu, rằng sinh viên đó sẽ hoàn thành hay đã hoàn thành việc học hành của anh ta và văn bằng này cuối cùng sẽ có giá trị pháp lý.

Con dấu trong văn bằng tốt nghiệp là ví dụ điển hình cho các thánh lễ có thể được xem như các con dấu của vị trí của chúng ta trong Đấng Christ. Không có một thánh lễ nào xảy ra cùng một lúc mà mỗi cá nhân tin và được xưng công bình. “Trong trường hợp báp-têm trẻ em, con dấu được áp dụng trong sự mong chờ tự tin và hy vọng rằng đứa trẻ đó sẽ tin và được tái sinh. Trong trường hợp của những ai đến trong đức tin Cơ Đốc khi trưởng thành, không được nuôi dạy trong sự chăm sóc Cơ Đốc, và không được báp-têm lúc còn nhỏ, và trong trường hợp của tất cả ai tham dự vào Tiệc Thánh, theo sau là sự cần thiết của việc tự xét chính mình (I Côr 11:28), con dấu được áp dụng theo sau thời gian khi mà một cá nhân được cho là đã tái sinh. Không một trường hợp nào mà con dấu hoàn thành điều mà nó là một dấu hiệu, nhưng trong mọi trường hợp con dấu được áp dụng trong sự vâng lời mạng lệnh của Đấng Christ, như một dấu bên ngoài của ân điển bên trong điều mà được mong chờ một cách tự tin trong trường hợp của con trẻ, hay được tin tưởng để được tiếp nhận thật sự trong trường hợp của những người trưởng thành” (Buswell).

Vì một thánh lễ là một dấu mà bởi đó “Đấng Christ và các ích lợi của giao ước mới, được biểu lộ, được đóng dấu, được áp dụng cho các người tin,” như vậy không còn tranh luận về sự thật rằng các thánh lễ tượng trưng cho điều mà hoàn thành sự cứu rỗi của chúng ta.

Calvin quan sát rất đúng, “tất cả những dấu hiệu là như chết, ngoại trừ sự sống được ban cho bởi Lời.”

Ý NGHĨA CỦA TIỆC THÁNH

Tiệc Thánh được gọi là Bữa tiệc của Chúa bởi vì nó được thiết lập bởi chính Chúa chỉ trước sự chết của Ngài. Tiệc Thánh giống với Báp-têm bằng nước là một dấu hiệu bên ngoài của một ân điển bên trong. Nó là một sự biểu thị hữu hình của một sự thật vô hình của sự cứu rỗi của chúng ta. Ví dụ, khi chúng ta đi ngang qua nước của phép báp-têm, chúng ta được tuyên bố công khai những gì đã xảy ra trong tâm lòng của chúng ta, cụ thể là, sự tẩy rửa tội lỗi của chúng ta, đời sống mới trong Đấng Christ, và niềm hy vọng trong sự sống lại trong tương lai.

Chú ý rằng Báp-têm bằng nước và Tiệc Thánh không cứu. Chúng chỉ là dấu hiệu bên ngoài của một sự thật bên trong. Giống như chiếc nhẫn cưới. Một chiếc nhẫn không biến người đó thành người đã kết hôn. Chỉ có lời thề nguyện với nhau thì làm điều đó.

Chúng ta hãy xem xét ý nghĩa và tầm quan trọng của Tiệc Thánh. Dựa vào Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược, “Tiệc Thánh là một thánh lễ, trong đó, bởi sự ban cho bánh và rượu, theo sự chỉ định của Đấng Christ, sự chết của Ngài được bày tỏ; và sự xứng đáng của những người nhận là, không phải theo thể xác hay nhục dục, nhưng bởi đức tin, được trở nên người dự phần của thân thể và huyết của Ngài, với

mọi ích lợi của Ngài, với sự nuôi dưỡng thuộc linh và sự lớn lên của họ trong ân điển.”

Sự thiết lập của Tiệc Thánh được ký thuật cho chúng ta trong ba sách phúc âm cộng quan trong Ma-thi-ơ 26:26-28, Mác 14:22-24, và Lu-ca 22:19-20. Phao-lô thảo luận về Tiệc Thánh trong I Cô-rinh-tô 11:23-24. Khi chúng ta tham dự Tiệc Thánh, chúng ta nhớ đến công tác cứu chuộc của Chúa trên thập tự giá, và khi chúng ta tham dự nó bằng đức tin, chúng ta nhận lãnh sự giúp đỡ và sự ban phước thuộc linh để sống một đời sống Cơ Đốc. Vậy, có bốn quan điểm về những ý nghĩa của Tiệc Thánh. Chúng ta hãy xem xét chúng từng cái một.

Quan điểm thuộc Công Giáo La-mã về Tiệc Thánh được gọi là “biến thể thuyết.” Biến thể thuyết (transubstantiation) dạy rằng bánh và rượu trở nên thân thể và huyết của Đấng Christ theo nghĩa đen. Khi thầy tế lễ nói lời của Đấng Christ, “Đây là thân thể ta” và “Đây là huyết ta,” bánh và rượu biến thành thân thể thật và huyết thật của Đấng Christ một cách ma thuật. Nhận bánh và chén thật sự có ý nghĩa là ăn thịt thật và uống huyết thật của Đấng Christ. Đôi lúc họ đặt bánh hay bánh thánh vào một bình đựng bánh đang thờ phượng nó. Bánh thánh trở thành Đức Chúa Trời. Đây là sự thờ hình tượng. Hội Thánh Công Giáo La-mã cũng dạy rằng mỗi khi Tiệc Thánh được cử hành, Đấng Christ bị đóng đinh lần nữa. Điều này nghịch lại Hê-bơ-rơ 7:27 nói với chúng ta rằng của lễ của Đấng Christ chỉ một lần đủ cả, và không hề lặp lại.

Khi Chúa Jêsus nói trong Giăng 6:53 rằng chúng ta phải ăn thịt và uống huyết của Ngài, Ngài không có ý nói đến việc ăn thịt thật và uống huyết thật của Ngài theo nghĩa đen. Ngài không ủng hộ cho tục ăn thịt người. Bối cảnh văn mạch rõ ràng trình bày rằng các lời của Ngài phải được hiểu theo nghĩa thuộc linh. Chúa Jêsus nói về việc ăn và uống thuộc linh. Thân thể và huyết chỉ về công việc của Đấng Christ trên thập tự giá. Hãy tin vào Đấng Christ, và khi Ngài sống trong bạn, bạn sẽ được cứu rỗi. Quan điểm của Công Giáo La-mã như vậy là tà giáo và thờ hình tượng.

Quan điểm của những người theo giáo hội Luther về Tiệc Thánh đến từ Martin Luther. Luther là một học giả Công Giáo La-mã rất sùng đạo và là một thầy tu trước khi ông trở thành một Cơ Đốc Nhân. Ông nói, “Tôi thật là một thầy tu ngoan đạo, và tuân theo những giáo luật khắt khe hơn những gì tôi có thể diễn tả. Nếu bất kỳ thầy tu nào có thể giành được thiên đàng bởi những việc tu hành của mình, thì tôi chắc chắn đã được xưng hô bằng tước ấy.”

Mặc dù Luther được biểu dương vì sự cải chánh của hội thánh về mặt giáo lý của sự cứu rỗi, chúng ta hối tiếc về việc ông đã không từ chối hoàn toàn quan điểm của Công Giáo La-mã về biến thể thuyết. Phải chú ý rằng Luther không đồng ý với quan điểm của Công Giáo La-mã về bánh và chén trở thành thịt và huyết của Đấng Christ theo nghĩa đen và cách ma thuật. Ông tin rằng bánh vẫn còn là bánh, và rượu vẫn là rượu. Mặc dù vậy, ông cho rằng thân thể thật và huyết thật của Đấng Christ bằng cách nào đó hiện diện “trong, với, và dưới” bánh và rượu.

Quan điểm của Luther được gọi là “đồng thể thuyết” (consubstantiation). Luther sử dụng một thanh sắt được nung nóng bằng lửa để làm ví dụ cho quan điểm của ông. Sắt sau khi nó được nung nóng thì nó vẫn là sắt, nhưng bây giờ có một nhân tố của hơi nóng, và hơi nóng đó trong chính thanh sắt, với thanh sắt, và xung quanh thanh sắt.

Một lần nữa Luther, giống như những người theo Công Giáo La-mã, thiếu hiểu biết rằng những lời của Chúa Jêsus nói về việc ăn thịt và uống huyết của Ngài theo nghĩa trừu tượng hay thuộc linh. Đấng Christ không hiện diện trong bánh và rượu.

Ulrich Zwingli là một Nhà Cải Chánh người Thụy Sĩ (Swiss) đã dạy rằng Tiệc Thánh đơn giản là một sự kỷ niệm về công việc của Chúa trên thập tự giá. Trong I Cô-rinh-tô 11:24, Chúa Jêsus nói, “hãy làm điều này để nhớ đến ta.” Zwingli đã đúng khi nói rằng bánh và chén không chứa đựng nhưng biểu tượng thân thể và huyết của Đấng Christ.

Mặc dù Zwingli là đúng khi nói rằng bánh và chén chỉ tượng trưng cho thân thể và huyết của Đấng Christ, nhưng có một sự thiếu sót trong quan điểm của ông: ông đã lơ đi về sự hiện diện thuộc linh của Đấng Christ trong bánh và rượu.

Calvin đồng ý với Zwingli rằng bánh và chén tượng trưng cho thân thể và huyết của Đấng Christ. Calvin sử dụng từ “biểu tượng,” “dấu hiệu,” và “hình ảnh,” để giải thích ý nghĩa của bánh và chén. Calvin cũng dạy rằng Tiệc Thánh là một sự kỷ niệm về Đấng Christ và công việc của Ngài trên thập tự giá.

Calvin dạy một cách đúng đắn rằng việc tham dự Tiệc Thánh có thêm một ý nghĩa nữa. Ấy là một sự thực hành thuộc linh. Toàn buổi lễ là thánh. Mọi người tham dự phải tôn trọng nó với một sự tôn trọng và kính sợ tột bậc.

Thật quan trọng khi các thành viên của hội thánh ăn bánh và uống chén với một thái độ thờ phượng. Những Cơ Đốc Nhân Cô-rinh-tô không lưu ý đến thân thể và huyết của Đấng Christ một cách đúng đắn, và Chúa sửa trị họ với bệnh tật và một số người chết (I Côr 11:27-30).

Khi Bàn Tiệc Thánh được cử hành một cách tôn trọng và trung tín, thì có một sự ban phước đặc biệt từ trên thiên đàng. Như những ích lợi từ Đức Chúa Trời mà Calvin đã nói không thể giải thích được, nhưng được kinh nghiệm. Vì vậy Tiệc Thánh không phải chỉ là một lễ kỷ niệm mà thôi; nó cũng là một sự rèn tập thuộc linh.

Có bốn quan điểm về ý nghĩa và tầm quan trọng của Tiệc Thánh: (1) Công Giáo La-mã (biến thể thuyết), (2) Luther (đồng thể thuyết), (3) Zwingli (sự kỷ niệm), và (4) Calvin (thuộc linh). Hai quan điểm đầu là sai lầm. Quan điểm thứ ba là đúng nhưng chưa hoàn chỉnh. Quan điểm của Calvin là quan điểm hợp với Kinh Thánh trong sự đầy trọn của nó.

Sự thánh khiết của thánh lễ được trình bày cách sống động trong lời huấn thị của Phao-lô (I Côr 10:14-22). Những gì Cơ Đốc Nhân không cảm nhận sự hiện diện của Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời trong sự hiệp một nhiệm màu của các tín đồ với nhau với Đấng Christ ngay tại bàn tiệc thánh?

Phao-lô nhấn mạnh rằng bàn Tiệc Thánh yêu cầu sự thanh sạch của đức tin và đời sống. Ông phân tích, “Hãy xem dân Y-sơ-ra-ên theo phần xác (về mặt lịch sử): Những kẻ ăn thịt con sinh tể, há không thông đồng với bàn thờ sao? Nói vậy có ý chi? Của cúng thần tượng có giá trị gì và thần tượng có ra gì chẳng? Chắc là không; nhưng đồ người ngoại đạo cúng tế (sự thông đồng với các tôn giáo sai lạc) là cúng tế các qui, chứ không phải cúng tế Đức Chúa Trời.” Phao-lô tất nhiên là nói đến sự thờ hình tượng theo nghĩa đen, nhưng bất cứ điều nào chen giữa chúng ta và Đức Chúa Trời là một hình tượng, theo nghĩa thuộc linh. Bất cứ giáo lý sai lạc nào chung qui là sự chối từ sự cứu rỗi qua huyết của Đấng Christ, là một kiểu của sự thờ hình tượng. “Chủ nghĩa tân thời” không phải là kiểu mẫu của Cơ Đốc Giáo, nó là một tôn giáo khác; nó là sự thờ hình tượng.

Phao-lô tiếp tục nói, “Vậy, tôi không muốn anh em thông đồng với các qui. Anh em chẳng có thể uống chén của Chúa và cũng uống chén của các qui; chẳng có thể dự tiệc của Chúa, lại dự tiệc của các qui.” Hai bên không thể hiệp. Nếu là bàn tiệc của một tôn giáo sai lầm, thì nó không phải là bàn tiệc của Chúa.

Nói gián tiếp đến một ẩn dụ về một mối quan hệ hôn nhân, ẩn dụ đó nói về sự thờ hình tượng như là một sự không chung thủy, Phao-lô kết luận, “Hay là chúng ta muốn trêu lòng Chúa ghen chẳng? Chúng ta há mạnh hơn Ngài sao?”

Calvin, trong quyển *Institutes*, đưa ra một sự khác biệt giữa một Hội Thánh thật và cái nào không phải là Hội Thánh thật, trong Hội Thánh

thật đó, việc rao giảng Phúc Âm chân thật, gìn giữ sự thánh khiết của các thánh lễ.

CÁC CỬA TẾ LỄ VÀ CÁC THÁNH LỄ

Trong Cựu Ước các cửa tế lễ là các “thánh lễ” trong sự ngang bằng trong ý nghĩa thuộc linh với các thánh lễ trong Tân Ước trong tính hiệu lực của chúng. “Các thánh lễ trong Cựu Ước, liên quan đến những điều thuộc linh bởi đó nó có ý nghĩa và được biểu lộ, là, vì bản chất, giống với những điều trong Tân Ước (Bản Tín Điều Westminster, 27:5). Trong và của chính nó như là những hành động bên ngoài, những cửa lễ thuộc Cựu Ước không hoàn thành điều gì cả, nhưng trong ý nghĩa của nó thì nó biểu tượng cho sự chuộc tội điều mà Đấng Christ phải hoàn thành trên thập tự giá. Chúng được miêu tả như là “hình bóng” (Côl 2:17).

Các cửa tế lễ Cựu Ước được gọi là một “sự sao chép” và “bóng” và “kiểu mẫu.” Các thầy tế lễ trong Cựu Ước được nói đến là những người “giữ sự thờ phượng, sự thờ phượng đó chẳng qua là hình (sao chép) và bóng của những sự trên trời mà thôi, cũng như khi Môi-se gần dựng đền tạm, thì Đức Chúa Trời phán bảo rằng: Hãy cẩn thận, làm mọi việc theo như kiểu mẫu đã chỉ cho ngươi tại trên núi” (Hêb 8:5). Những tế lễ ở Cựu Ước là “sự sao chép” của những điều ở trên thiên đàng, nhưng sự chuộc tội của Đấng Christ được nói là liên quan đến của tế lễ thực sự trên thiên đàng (Hêb 9:23). Cái nào tốt hơn, một bức hình hay một con người thực?

Có một sự tương đồng rõ ràng giữa các “cửa tế lễ” ở Cựu Ước và các “thánh lễ” ở Tân Ước. Chính Phao-lô đã làm sự so sánh đó trong I Cô-rinh-tô 5:7-8. Và nó là tương tự giống với những nghi thức tôn giáo ở Cựu Ước với các thánh lễ trong Tân Ước điều mà Phao-lô có trong trí mình khi ông viết, “Anh em cũng chịu cắt bì trong Ngài, ... là phép cắt

bì của Đấng Christ [hay phép cắt bì của Cơ Đốc Nhân], bởi phép báp-têm được chôn với Ngài” (Cool 2:11-12).

Vậy chúng ta phải kết luận rằng trong hội thánh, vì sự hiện thân và sự làm trọn sự chuộc tội có tính chất lịch sử, nên có hai thánh lễ, báp-têm và Tiệc Thánh, và hai thánh lễ này hợp nhất tất cả ý nghĩa và mọi hiệu quả của một hệ thống đã được ban ra cách thiêng liêng của sự thờ phượng trước kia được chỉ thị bởi Chúa.

PHÉP BÁP-TÊM BẰNG NƯỚC

Theo thần học Cải Chánh, từ ngữ dành cho báp-têm khi được sử dụng theo nghĩa đen không luôn luôn ám chỉ về sự chìm mình hay nhấn chìm. Sự thật của vấn đề ở đây là, ý nghĩa thông thường nhất trong Tân Ước là một hành động nhúng và đổ, hay nhúng và rảy. Không có một sự trái ngược nào với ý nghĩ rằng báp-têm có thể được nhấn chìm, nhưng chúng ta không tìm thấy ở chỗ nào trong Tân Ước thậm chí có một ví dụ điển hình rõ ràng về việc nhấn chìm là cách được sử dụng, và chúng ta cũng không tìm thấy trong các nghi thức tẩy rửa trong Cựu Ước mà sự nhấn chìm được nói đến.

Trong Cựu Ước, từ “báp-têm” được sử dụng trong ý nghĩa của việc nhúng vì mục đích của việc rảy [sprinkling]. “Nhúng ngón tay mình trong huyết, rảy bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va, đối ngang bức màn nơi đền thánh” (Lêvi 4:6, 9:9, 14:6). Việc nhúng (không phải nhấn chìm) được kết nối với hành động rảy. Một ví dụ khác của việc nhúng, và rảy được tìm thấy trong Dân số ký 19, đặc biệt câu 7, 10, 13, 18, và 20 cho biết tỉ mỉ về “việc rảy nước.”

Khi chúng ta đọc trong Đa-ni-ên 4:33 và 5:21, rằng Nê-bu-cát-nết-xa “thấm nhuần sương móc trên trời,” động từ là *bapto*. Chắc chắn từ này không có nghĩa là ông bị nhấn chìm.

Từ sự nghiên cứu về Cựu Ước, chúng ta thấy rằng phép báp-têm không cần thiết là sự nhấn chìm. Từ ngữ có nghĩa gì được quyết định bởi nó được sử dụng như thế nào trong bối cảnh văn mạch của nó. Trong bối cảnh Cựu Ước về nghi lễ thanh tẩy, phép báp-têm được kết nối với việc nhúng và rảy.

Không có ví dụ nào về phép báp-têm được ký thuật trong Tân Ước về việc cách nhấn chìm được sử dụng. Có vài ví dụ mà sự nhấn chìm bị loại bỏ ra khỏi bối cảnh văn mạch. Trong Lu-ca 11:38, chúng ta đọc rằng “Người Pha-ri-si thấy Ngài không rửa [nghĩa đen 'báp-têm'] trước bữa ăn, thì lấy làm lạ.” Truyền thống của những người Do-thái là phải rửa, đó là báp-têm, chính họ trước các bữa ăn. Một sự giải thích đầy đủ nhất được tìm thấy trong Mác 7:1-7. Khi người Pha-ri-si thấy rằng một vài môn đệ của Chúa Giê-xu đã ăn mà không rửa tay, họ đã ngạc nhiên. Mác giải thích, “Vả, người Pha-ri-si và người Giu-đa thường giữ lời truyền khẩu của người xưa, nếu không rửa tay cẩn thận thì không ăn; khi họ ở chợ về, nếu không rửa [báp-têm chính họ] cũng không ăn. Họ lại còn theo lời truyền khẩu mà giữ nhiều sự khác nữa, như rửa chén và bình bằng đất hoặc bằng đồng.” Để rửa cái bàn bằng việc nhấn chìm là thật mơ hồ.

Chúng ta biết từ Kinh Thánh những người thượng cổ có phong tục tẩy rửa tay họ (ví dụ, II Các 3:11; Giăng 2:1-11). Việc tẩy rửa bằng nước được giữ trong những cái chậu. Nhiệm vụ của người đầy tớ là nhúng và đổ trên tay (II Các 3:11) và cũng trên chân của ông chủ mình (Lu-ca 7:44). Một khi người Do-thái đi chợ về thì họ phải rửa chính họ như tục lệ, và vì việc này mà Lu-ca sử dụng từ “báp-têm” (Lu-ca 11:38).

Điều hiển nhiên dễ hiểu trong Lu-ca 11:38 và Mác 7:1-6 từ “báp-têm” không cần thiết nói đến sự nhấn chìm. John Sung (Tổng Thượng Tiết) – một người phục hưng vĩ đại – trả lời thẳng thắn với những người bạn theo phái Báp-tít, “Nhiều đức tin ít nước, ít đức tin nhiều nước.” Bất luận nhấn chìm hay rảy nước, người Báp-tít hay người Trưởng Lão, xin đừng để sự phân rẽ bởi vì cách báp-têm, nhưng hãy yêu thương lẫn

nhau và sự tôn trọng người này kẻ khác trong Chúa hướng đến một mục đích chung của Hội Thánh nhằm hoàn thành Đại Mạng Lệnh (Mat 28:18-20). Nước nhiều hay ít, Phúc Âm là tốt nhất.

Trong Công vụ 8:26-30, Phi-líp giảng tin lành của Jê-sus Christ cho hoạn quan người Ê-thi-ô-bi từ Ê-sai 53:7 tt. Nước đó là gì mà họ đã thấy khi họ lái xe ngang qua? Trong vùng dọc con đường đó là một vùng đồng vắng (Công 8:26) và không có một chỗ nước tự nhiên nào cho việc nhấn chìm. Tertullian trong luận án của ông, “Về Phép Báp-têm,” nói về “hoạn quan người mà Phi-líp làm báp-têm trong giữa quãng đường với nước ngẫu nhiên.” Điều suy đoán là nó không phải là một cái hồ hay một ao nước sâu, nhưng là một vũng nước cạn bên đường thường có trong sa mạc sau cơn mưa rào.

Nhưng điều gì đã khiến hoạn quan người Ê-thi-ô-bi nghĩ về phép báp-têm? Đây ý nghĩa khi chúng ta chú ý rằng hoạn quan này đang đọc sách Ê-sai 53:7-8 khi Phi-líp gặp ông. Trong văn mạch của Ê-sai 53, ông có thể đã đọc các lời trong Ê-sai 52:15, “thì cũng vậy người sẽ vẩy rửa nhiều dân.” Ông cũng có thể quen thuộc với Ê-xê-chi-ên 36:25-27, “Ta sẽ rưới nước trong trên các ngươi, và các ngươi sẽ trở nên sạch; ta sẽ làm sạch hết mọi sự ô uế và mọi thần tượng của các ngươi. Ta sẽ ban lòng mới cho các ngươi, và đặt thần mới trong các ngươi. Ta sẽ cắt lòng bằng đá khỏi thịt các ngươi, và ban cho các ngươi lòng bằng thịt. Ta sẽ đặt Thần ta trong các ngươi, và khiến các ngươi noi theo luật lệ ta, thì các ngươi sẽ giữ mạng linh ta và làm theo.” Như vậy, hoạn quan Ê-thi-ô-bi có thể đã biết về ý tưởng trong Cựu Ước về nghi lễ thanh tẩy bởi việc rảy nước và do vậy đã yêu cầu phép báp-têm.

Bây giờ, hoạn quan người Ê-thi-ô-bi đã được làm báp-têm, không phải Phi-líp. Do vậy, việc lội xuống nước không phải là một phần của việc báp-têm vì cả hai người lội xuống nước. Cũng như việc ra khỏi nước cũng không thiết lập một phần của phép báp-têm, vì cả hai đều ra khỏi nước. Việc báp-têm là một việc rất khác với việc đi xuống và đi lên khỏi nước. Đang mang dép (phong tục là vậy), họ bước xuống nước

(có thể là chỉ vài cen-ti-mét nước sâu) và Phi-líp báp-têm hoạn quan, chắc chắn bằng việc nhúng và rảy, như đã được đề xuất bởi nhiều phân đoạn Kinh Thánh Cựu Ước.

Buswell đã đúng khi ông quan sát rằng “không có một ví dụ nào trong Tân Ước mà việc báp-têm bao gồm cả việc đi xuống nước, hay đi lên khỏi nước. Trong các trường hợp nơi mà sự di chuyển đến hay từ nước ra được đề cập đến, không có trường hợp ngoại lệ, phép báp-têm là một hành động hoàn toàn riêng rẽ.”

Nó dường như không thể xảy ra rằng việc thực hành báp-têm bằng sự nhấn chìm trong thời kỳ Tân Ước. Ví dụ như trong ngày lễ Ngũ Tuần, “Vậy, những kẻ nhận lời đó đều chịu phép báp-têm; và trong ngày ấy, có độ ba ngàn người thêm vào Hội thánh” (Công 2:41). Chắc chắn, trong trường hợp này, báp-têm bằng nhấn chìm, với lượng nước có giới hạn trong tay, thì nó thật là khó cho các sứ đồ. Mặt khác, báp-têm bằng việc rảy nước, theo cách của các nghi thức thanh tẩy thuộc Cựu Ước, thì có khả thi.

Trong sự cải đạo của Sau-lơ, và phép báp-têm kế tiếp của ông bởi A-na-nia tại Đa-mách, khi sự sáng của ông được phục hồi sau lời cầu nguyện của A-na-nia, ông “chờ dậy và chịu phép báp-têm. Khi người ăn uống rồi, thì được mạnh khỏe lại” (Công 9:18-19). Trong văn mạch, ý nghĩa tự nhiên của việc ông “chờ dậy” là ông “đứng lên và chịu báp-têm.” Nếu phép báp-têm đã yêu cầu ông phải đi đến một nơi khác nơi mà ông có thể chìm mình, thì chắc chắn rằng ông đã phải ăn trước để có đủ năng lượng mà ông cần trước khi đi ra. Một lần nữa phép báp-têm bởi việc rảy nước theo kiểu mẫu thuộc Cựu Ước, là cách tự nhiên nhất để hiểu sự việc ở đây.

Trong phép báp-têm ở nhà Cọt-nây, khi Phi-e-rơ thấy rằng Đức Thánh Linh cũng ngự trong họ, ông nói, “Người ta có thể từ chối nước về phép báp-têm cho những kẻ đã nhận lấy Đức Thánh Linh cũng như

chúng ta chẳng?” (Công 10:47). Đó là việc đi đến một hồ nước, hay con sông nào đó, nhưng một ai đó đã đem nước về cho việc báp-têm.

Ý nghĩa của thánh lễ báp-têm được nói tỏ tường trong Rô-ma 6:1-5. Phép báp-têm của Cơ Đốc Nhân đại diện cho sự chết, chôn và sự sống lại của Đấng Christ. Ấy là thông qua Phúc Âm của sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài mà chúng ta được thanh tẩy những tội lỗi của chúng ta và sự tươi mới trong đời sống được truyền đến cho chúng ta trong sự tái sinh (I Côr 15:1-4).

Trong Rô-ma 6:1-5, khi Chúa Jê-sus bị “chôn” (c 4), Ngài không được đặt xuống đất và phủ lại. Thân thể của Ngài được đem vào trong một ngôi mộ được đục trong đá và, chắc chắn, được đặt trên một hốc đá hay một vách đá như phong tục thời đó là vậy. Tính tự nhiên thuộc thể của sự chôn cất Ngài không có sự tương đồng nào với sự nhấn chìm trong nước. Từ “được hiệp một” (c 5) không có nghĩa là hiệp một bởi việc đặt xuống đất, nhưng từ này là từ *phuo*, là đâm chồi ra. Sự bắt đầu của đời sống Cơ Đốc của chúng ta, sự nảy mầm của nó, là trong việc chấp nhận của sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá.

Phép báp-têm trực tiếp biểu hiện sự chấp nhận của chúng ta về sự chuộc tội của Đấng Christ được làm trọn trên thập tự giá. Nhưng vì nó là thông qua sự chuộc tội mà tội lỗi được tha thứ, hay được thanh tẩy hết, nên nó là hoàn toàn chính xác rằng phép báp-têm nên nói đến như là một “sự thanh tẩy” hay một “sự tẩy rửa.” Phi-e-ơ nói trong ngày lễ Ngũ Tuần: “Hãy hồi cải, ai nấy phải nhân danh Đức Chúa Jê-sus chịu phép báp-têm, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh” (Công 2:38). Phép báp-têm biểu hiện sự tha thứ tội lỗi qua sự chuộc tội mà Đấng Christ đã hoàn thành khi sự chuộc tội đó được áp dụng cho chúng ta bởi Đức Thánh Linh (xem Công 22:16, I Giăng 1:7).

PHÉP BÁP-TÊM CHO CON TRẺ

Con cái là món quà của Đức Chúa Trời cho chúng ta (Thi 127:3). Chính Đức Chúa Trời thích thú trong sự phát triển về thuộc thể và thuộc linh của con cái của chúng ta. Phương cách của Ngài về việc nhắc nhở chúng ta về sự quan tâm của Ngài là trong nghi lễ của phép báp-têm bằng nước ấy là một dấu và một ấn chứng của giao ước ân điển. Con cái của cha mẹ là Cơ Đốc Nhân cũng là những người tiếp nhận dấu hiệu và ấn chứng của giao ước này. Cha mẹ Cơ Đốc phải để con cái của họ được báp-têm càng sớm càng tốt. Đức Chúa Trời hài lòng với việc này, và sẽ ban phước cho cả cha mẹ và con cái.

Đây là sự hiểu biết đúng đắn về Giao Ước Ân Điển của Đức Chúa Trời. Giao Ước Ân Điển này được phân chia làm hai giai đoạn: (1) Cựu Ước và (2) Tân Ước. Nhân Vật trung tâm của cả hai giao ước là Jêsus Christ. Dân sự trong Cựu Ước được cứu bởi việc nhìn tới thập tự giá (Giăng 8:56), và chúng ta trong Tân Ước được cứu bởi việc nhìn về thập tự giá. Trong Cựu Ước, quốc gia Y-sơ-ra-ên được nhận biết qua lễ vượt qua và phép cắt bì. Trong Tân Ước, vì Đấng Christ là sự ứng nghiệm của Cựu Ước, nên lễ vượt qua và phép cắt bì đã được thay thế bởi Tiệc Thánh và phép Báp-têm bằng nước (Lu-ca 22:14-20, Cô-l 2:11-12).

Nghi lễ cắt bì trong Cựu Ước và nghi lễ báp-têm trong Tân Ước khá giống nhau. Phao-lô trong Cô-lô-se 2:11-12 gọi phép báp-têm bằng nước “phép cắt bì của Đấng Christ.” Phép báp-têm bằng nước là phép cắt bì của Cơ Đốc Nhân. Khi một người Do-thái chịu cắt bì, thì người đó đang nói với dân sự rằng anh ta tin vào Giê-hô-va, và rằng anh ta là một công dân của quốc gia Y-sơ-ra-ên. Khi một tín đồ chịu báp-têm, anh ta đang nói với mọi người rằng anh ta tin vào Đấng Christ, và rằng anh ta là thành viên của hội thánh. Trong Cựu Ước, các trẻ em nam chịu cắt bì khi chúng được tám ngày tuổi. Tương tự như vậy trong Tân Ước, chúng ta báp-têm con trẻ của chúng ta càng sớm càng tốt. Chúng ở trong các lời hứa thuộc giao ước của Đức Chúa Trời. Mặc dù trẻ em

được sinh ra bởi các cha mẹ là Cơ Đốc Nhân là chúng ở trong các lời hứa thuộc giao ước của Đức Chúa Trời, thì nó cần phải nói cách minh bạch rằng quan điểm của Kinh Thánh về phép báp-têm trẻ em (như chống lại Công Giáo La-mã) là không phải báp-têm tái sanh. Phép Báp-têm bằng nước không cứu, bất kể nó là báp-têm của người lớn hay của trẻ em.

Tại sao những trẻ em người Do-thái chịu cắt bì? Và tại sao những trẻ em được sinh ra trong gia đình Cơ Đốc chịu báp-têm? Đó là bởi vì Đức Chúa Trời quan tâm đến sự hiệp một của gia đình. Khi Đức Chúa Trời cứu một người trong một gia đình, Ngài cũng mong muốn cứu hết tất cả. Các lời hứa thuộc giao ước của Đức Chúa Trời được ban cho không chỉ cho một cá nhân nhưng cũng cho những ai là một thành viên trong gia đình của người đó (Sáng 17:7-14). Khái niệm về gia đình rất là quan trọng.

Trong Cựu Ước, chúng ta tìm thấy trong những thí dụ về việc Đức Chúa Trời không chỉ cứu một cá nhân, nhưng Ngài cũng cứu gia đình của người khỏi sự diệt vong. Nghiên cứu Cựu Ước dạy về sự cứu rỗi gia đình như gia đình Nô-ê (Sáng 7:1), của Áp-ra-ham (Sáng 17:12-13, 23, 27), và Lót (Sáng 19:16). Đức Chúa Trời gồm tóm những gia đình riêng biệt trong công cuộc cứu rỗi hoặc sự giải cứu.

Sự dạy dỗ về sự cứu rỗi gia đình cũng được tìm thấy trong Tân Ước. Khi Phi-e-rơ và Phao-lô giảng Phúc Âm, họ không chỉ giảng cho các cá nhân nhưng họ cũng giảng cho các thành viên trong gia đình (Công 2:38-39, 16:31). Xem xét các ví dụ về sự cứu rỗi cho gia đình: (1) Ma-thê, Mary và La-xa-rơ ở Bê-tha-ni (Giăng 11:1), (2) Cọt-nây và gia đình của ông (Công 10:44-48, 11:14-16), (3) Ly-đi và gia đình của bà (Công 16:14-15), (4) người đề lao ở thành Phi-líp và gia đình của ông (Công 16:31-33).

Phải nên nói rằng sự cứu rỗi không phải tự động. Nó không có nghĩa rằng nếu một thành viên trong gia đình được cứu, thì cả gia đình đó tự

động được cứu. Mỗi người phải xưng nhận và tin vào Đấng Christ để được cứu. Khi chúng ta nói về sự cứu rỗi của gia đình, chúng ta đang nói rằng Đức Chúa Trời rất quan tâm đến số phận đời đời của những người thân của chúng ta. Chúng ta có một trách nhiệm tinh thần là phải rao giảng Phúc Âm cho họ, và bày tỏ đời sống giống Đấng Christ ở nhà. Chúng ta thực hiện nhiệm vụ của mình với sự cầu nguyện và siêng năng, Đức Chúa Trời sẽ thành tín làm nhiệm vụ của Ngài và cuối cùng sẽ đem họ đến với sự hiểu biết cứu rỗi của chính Ngài. Lễ thật tổng quát này được Calvin quan tâm, “Những ai được báp-têm trong lúc còn nhỏ, Đức Chúa Trời làm người đó tái sinh trong tuổi ấu nhi hay trong tuổi dậy thì, thậm chí là ở tuổi già.”

GIỮ NGÀY SA-BÁT

Mạng lệnh của ngày Sa-bát là một luật pháp tốt lành đến từ một Đức Chúa Trời tốt lành. Đức Chúa Trời yêu cầu con người phải biệt riêng một ngày trong mỗi tuần cho sự nghỉ ngơi của thuộc thể và sự tươi mới của tâm linh. Khi chúng ta đến thờ phượng Chúa trong ngày Chúa Nhật, phải chăng chúng ta không tìm thấy thân thể và tinh thần của chúng ta được nạp năng lượng cho một tuần mới cho các công việc thuộc thể và trận chiến thuộc linh? Ngày Sa-bát không phải là một gánh nặng nhưng là một sự vui thích. Nó không phải là ngày nghỉ [holiday] nhưng là một ngày thánh [holy day] (Ê-sai 58:13-14).

Ngày nay chúng ta giữ ngày Sa-bát vào ngày Chúa Nhật, Ngày của Chúa (Khải 1:10, Công 20:7, I Côr 16:2) tưởng nhớ sự sống lại của Đấng Christ. Trong ngày này, chúng ta nhóm lại thờ phượng, thông công, học Kinh Thánh và chứng đạo.

Trong khi chúng ta giữ ngày Sa-bát, chúng ta không giữ nó với thái độ của người Pha-ri-si. Trong Mác 2:23-24, những người Pha-ri-si kết án Chúa Jê-sus và các môn đệ của Ngài về việc vi phạm ngày Sa-bát. Theo những người Pha-ri-si, luật của ngày Sa-bát bị xâm phạm khi những môn đồ bứt và vò bông lúa mì trong tay của họ. Trong những luật pháp của ngày Sa-bát được thêm vào, họ đã liệt kê ra những điều sau đây cấm đoán những việc làm trong ngày Sa-bát: “Những loại việc chính là bốn mươi bót một [hay ba mươi chín điều]: gieo, cày, gặt, cật bó lúa, giê lúa, sảy lúa, dọn dẹp cây cỏ, xay, sàng, nhồi bột, nướng, cật lông chiên, giặt hay chế tác hay nhuộm nó, quay tơ, dệt, làm hai cái móc, dệt hai thứ chỉ, phân chia hai dây chỉ, cật (một đầu nối), tháo (một đầu nối), may hai đường may, xé nhằm để may hai đường may, săn linh dương, giặt hay lột da hay đem muối nó hay xử lý bộ da của nó, cạo nạo nó hay cắt nó ra, viết hai lá thư, tẩy xóa nhằm để viết hai lá thư, xây dựng, đập bỏ, đập lửa, nhóm lửa, đập bằng cái búa và lấy tài vật của người này cho người kia. Những điều này là những loại công việc chính: bốn mươi bót một” (Mishnah, *Shabbath* 7.2). Các môn đồ đã bị cáo buộc trong điều số 3 và điều số 5 của 39 việc. Chúa Jê-sus bị khiển trách vì Ngài đã không biểu các môn đệ đang đói của Ngài phải dừng lại.

Phải chăng Người Thầy sai? Nó an ủi chúng ta vì biết rằng Chúa của chúng ta không phải là một quan cai nô lệ, nhưng là một ông Chủ đầy yêu thương. Chúa Jê-sus và các môn đồ của Ngài không vi phạm luật pháp của ngày Sa-bát. Những gì mà họ vi phạm là vi phạm luật pháp thêm vào, do con người đặt ra, và là một luật pháp ngu ngốc của những người Pha-ri-si.

Trong Mác 2:25-28, Chúa Jê-sus bác bỏ sự cáo buộc của những người Pha-ri-si bằng việc trưng dẫn ví dụ của Đa-vít người đã ăn bánh trần thiết thứ mà chỉ duy các thầy tế lễ mới được phép ăn lấy. Đa-vít đói, và thầy tế lễ A-bi-mê-léc, chắc chắn ông biết luật pháp, đã chẳng ngăn cấm Đa-vít và những người đồng đi với ông ăn (I Sam 21:1-6, xem 24:9). A-bi-mê-léc “đã vi phạm” luật nghi lễ của Lê-vi-ký 24:9 nhưng

đã không bị khiển trách. Đa-vít cũng “đã vi phạm” luật pháp đó bởi việc ăn bánh của lễ nghi, và cũng được miễn tội. Nếu A-bi-mê-léc và Đa-vít là vô tội, làm thế nào Jê-sus bị cầm bằng có tội? Hơn nữa, chính Jê-sus là Chúa của ngày Sa-bát! Luật pháp cao hơn của sự cần thiết là quan trọng hơn luật pháp thấp hơn của nghi lễ [the higher law of necessity overrides the lower law of ceremony]. Cần chú ý rằng trong thí dụ điển hình này Jê-sus không sao lãng luật pháp thuộc lễ nghi được ban cho bởi Đức Chúa Trời, nhưng là những truyền thống của các thầy thông giáo do con người đặt ra. Những thay đổi của người Pha-ri-si là hoàn toàn vô căn cứ và không xứng đáng. Chúa Jê-sus chẳng vi phạm luật pháp nhưng đã giữ luật pháp một cách hoàn hảo—sự vâng lời chủ động của Ngài (active obedience).

Chúa Jê-sus đã đặt ra một nguyên tắc tuyệt vời cho việc giữ ngày Sa-bát. Ngài nói, “Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người” (Mác 2:27). Ngày Sa-bát được thành lập không phải là một gánh nặng nhưng là một ích lợi cho con người. Như vậy bất cứ sự áp dụng tuân thủ luật pháp của ngày Sa-bát là nghịch lại vai trò của nó mà Đức Chúa Trời ban cho con người (xem Lu-ca 11:46).

Những người Thanh giáo, trong sự quá nhấn mạnh về giáo lý về sự nên thánh, đã trở thành những người tuân thủ luật pháp. Thay vì nhấn mạnh về tinh thần của luật pháp, họ đã đặt sự nhấn mạnh trái lẽ về văn tự của luật pháp. Calvin đã thẳng thắn phê bình, “Nó là sai khi biến ngày sa-bát thành sự hủy diệt con người, vì Đức Chúa Trời đã thiết lập nó vì có Ngài. Những người Pha-ri-si thấy các môn đệ của Đấng Christ bận rộn với công việc thánh, họ thấy những người đó kiệt sức và đói bởi chuyến đi của họ, nhưng họ đã giận dữ vì những kẻ đói khát này phục hồi cơ thể với vài gié lúa. Phải chăng nó chẳng phải là sự bóp méo thiếu trí hiểu về ý muốn của Đức Chúa Trời đặt yêu cầu sự vâng giữ ngày Sa-bát đối với sự tôn thương của con người trong khi Đức Chúa Trời có ý định giúp đỡ người ấy?” Thật sáng suốt và khôn ngoan biết bao!

Chúng ta làm thế nào để giữ ngày Sa-bát của Cơ Đốc Nhân (Chúa Nhật) nên thánh? Tại đây có sự chỉ dẫn từ Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tổng Quát:

“Câu hỏi 116: Sự đòi hỏi của điều răn thứ tư là gì? Trả lời: điều răn thứ tư đòi hỏi mọi người nên thánh và gìn giữ thánh khiết cho Đức Chúa Trời phải biệt riêng thời giờ như Ngài đã chỉ định trong Lời Ngài, cả một ngày riêng biệt trong bảy ngày; đó là ngày thứ bảy từ khi sự bắt đầu của thế gian cho đến sự sống lại của Đấng Christ, và ngày thứ nhất của tuần lễ kể từ lúc đó, và tiếp tục cho đến sự tận cùng của thế gian; ngày đó gọi là ngày Sa-bát của Cơ Đốc Nhân, và trong Tân Ước gọi là Ngày của Chúa.

“Câu số 117: Ngày Sa-bát hay ngày của Chúa được nên thánh như thế nào? Trả lời: Ngày Sa-bát hay ngày của Chúa được làm nên thánh bởi sự nghỉ ngơi trọn cả ngày, không chỉ nghỉ ngơi khỏi những công việc của tội lỗi, nhưng cũng nghỉ ngơi khỏi những công việc và sự tiêu khiển như những ngày khác; và khiến nó trở nên sự vui thích trọn cả ngày (ngoại trừ nó được dùng trong công việc cần thiết và sự thương xót) trong các buổi lễ thờ phượng Đức Chúa Trời công cộng hoặc riêng tư: và, cho đến tận cùng đó, chúng ta phải dọn tấm lòng mình, và với sự biết trước như vậy, siêng năng, và tiết độ, đừng từ bỏ và giải quyết nhanh chóng những công việc thuộc thế gian, để rồi chúng ta có thể có rảnh rỗi và sẵn sàng cho những nhiệm vụ của ngày đó.” (Là những Cơ Đốc Nhân chúng ta không nên làm việc vào Ngày Của Chúa [Chúa Nhật] ngoại trừ chúng là những việc làm cần thiết như là: bác sĩ, y tá, cảnh sát, cứu hỏa, lính. Những người phụ sản không thể nói với bệnh nhân của mình: “Xin đừng chuyển dạ vào ngày Chúa Nhật!” Trong những nước khác, ngày “Sa-bát” của họ là vào ngày thứ Sáu. Có phải Đức Chúa Trời giận dân sự Ngài nếu họ thờ phượng Ngài vào thứ Sáu?)

“Câu hỏi 118: Tại mạng lệnh của việc giữ ngày Sa-bát lại được chỉ dẫn đặc biệt nhiều hơn cho những người quản lý gia đình, và những người

khác có trách nhiệm cao hơn? Trả lời: Mạng lệnh của việc giữ ngày Sa-bát được chỉ dẫn đặc biệt nhiều hơn cho những người quản lý gia đình, và những người khác có trách nhiệm cao hơn, bởi vì họ bị bắt buộc không chỉ chính họ phải giữ nó, nhưng cũng phải biết rằng nó cũng bắt buộc cho những ai dưới quyền kiểm soát của họ; và bởi vì họ thường có khuynh hướng ngăn trở họ bởi thuê mướn lao động của chính họ.

“Câu hỏi 119: Những tội lỗi nào bị cấm trong điều răn thứ tư? Trả lời: Những tội lỗi bị cấm trong điều răn thứ tư là: mọi sự thiếu sót trong nhiệm vụ được yêu cầu, mọi sự bất cẩn, lơ là, và sự thực hành vô hiệu quả của chúng, và việc buồn chán; mọi xúc phạm ngày đó bởi sự lười biếng, và làm những việc tội lỗi; và bởi những việc làm, lời nói, suy nghĩ vô bổ, về những công việc và sự tiêu khiển thuộc thế gian của chúng ta.” (Calvin viết, “Ngày Sa-bát không được miêu tả như là một ngày của sự lười biếng, nhưng là một ngày mà chúng ta phải tập trung hết năng lượng cho sự suy gẫm về những công việc của Đức Chúa Trời.”)

Thật thú vị khi chú ý rằng những nhà thần học thuộc Westminster không liệt kê những việc cụ thể về việc nên hay không nên làm trong sự giảng giải của họ về mạng lệnh của ngày Sa-bát, nhưng họ đã đặt một bản liệt kê về những nguyên tắc mà chúng ta có thể áp dụng nhằm đảm bảo rằng chúng ta phải giữ ngày Sa-bát thánh khiết và trọn vẹn:

1. Đặt Đức Chúa Trời trước hết (Ê-sai 58:13, Mat 6:33). “Sự thờ phượng là cội nguồn của mọi phẩm hạnh.”
2. Ngày Sa-bát được làm vì ích lợi cho con người (Mác 2:27). Những việc làm được cho phép làm trong ngày Sa-bát là những việc làm cần thiết, về sự thương xót, về sự hầu việc Đức Chúa Trời.
3. Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và không bị sự đoán phạt (Rôm 14:4-8, Giăng 4:21-24). Sự làm nên thánh ngày Sa-bát là một

thái độ hay một tinh thần mà chúng ta phải chuyên tâm; một tinh thần của sự ham thích để làm vui lòng Đức Chúa Trời trong mọi điều chúng ta làm, và có bài làm chúng tốt cho Ngài trong ngày Chúa Nhật, và mọi ngày trong tuần.

QUY TẮC CHUẨN MỤC CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG

Sự thờ phượng Đức Chúa Trời trong nhà của Ngài phải được làm đúng theo cách của Ngài. “Cách được chấp thuận của sự thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật được thiết lập bởi chính Ngài, và cũng được giới hạn bởi ý muốn đã được khai tỏ của chính Ngài, để Ngài không được thờ phượng theo sự tưởng tượng và phương cách của con người, hoặc bởi sự đề xuất của Sa-tan, dưới bất kỳ hình thức nào của sự thể hiện, hay bất kỳ cách nào mà không được qui định trong Kinh Thánh” (Bản Tin Điều Xung Nhận Đức Tin Westminster, 21:1).

Đức Chúa Trời yêu cầu chúng ta thờ phượng Ngài trong cách của Ngài. Bất cứ sự thờ phượng nào không được thiết lập bởi Đức Chúa Trời thì không được chấp nhận. Ví dụ, Na-đáp và A-bi-hu đã bị trừng phạt vì họ đã “dâng lửa lạ ... thứ mà Ngài đã chẳng phán dặn họ” (Lêv 10:1). Đức Chúa Trời không cho phép chúng ta thờ phượng Ngài theo ý thích nhất thời và sự tưởng tượng của chúng ta. Ngài đòi hỏi chúng ta phải thờ phượng Ngài theo những quy tắc của sự thờ phượng mà Ngài đã đặt ra trong Thánh Kinh.

Quy tắc chuẩn mục bao gồm hai giáo lý quan trọng của niềm tin Cơ Đốc. Điều thứ nhất là giáo lý về bản tính của Đức Chúa Trời. I Cô-rinh-tô 14:33 và 40 dạy chúng ta rằng Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng là một Đức Chúa Trời của sự chính tề và trật tự, chứ không phải là sự lộn xộn. Đức Chúa Trời không hài lòng với bất kỳ hình thức

nào của sự thờ phượng lộn lạo, điên cuồng, và không tiết độ. Sự trưởng thành thuộc linh là một yếu tố quan trọng. Sự hiểu biết thuộc linh nhiều chừng nào, thì chúng ta càng nhạy cảm với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chừng nấy. Nó không quá nhiều về vấn đề của điều luật và quy tắc, nhưng về tính thuộc linh. Nếu tâm lòng và tâm trí của chúng ta hòa hợp với Đức Chúa Trời và Lời của Ngài, thì chúng ta không cần bất cứ ai cho chúng ta một bản danh sách của những việc “nên và không nên,” chúng ta sẽ tự động biết những gì Đức Chúa Trời muốn chúng ta trở thành và những gì Ngài muốn chúng ta làm. Chúng ta tự nhiên thích những gì Đức Chúa Trời thích. I Cô-rinh-tô 2:15-16 nói, “Nhưng người có tánh thiêng liêng xử đoán mọi sự, và chính mình không bị ai xử đoán. Vì ai đã biết ý Chúa, đặng dạy dỗ Ngài? Nhưng phần chúng ta, thì có ý của Đấng Christ.”

Quy tắc chuẩn mực của sự thờ phượng cũng bao hàm giáo lý về sự phân rẽ. Quy tắc này được dạy trong Rô-ma 12:1-2. Mặc dù Hội Thánh đang ở trong thế gian, nhưng nó không nên trở thành của thế gian, và bao gồm cả hình thức của sự thờ phượng. Hãy nói “Không” với Nhạc Thánh Hiện Đại (CCM – Contemporary Christian Music).

PHẦN IV

LAI THỂ HỌC HỌC BIẾT NGÀY SAU RÓT

NHỮNG NGÀY SAU RỐT

Có một bài hát “Thế giới là một vòng tròn không có sự bắt đầu, và không ai biết khi nào nó sẽ chấm dứt.” Điều này có đúng không? Trái ngược với những gì con người nói, Đức Chúa Trời nói với chúng ta rằng thế giới có ngày bắt đầu và ngày kết thúc (Sáng 1:1, Khải 21:1).

Thế giới mà chúng ta hiện sống sẽ không bao giờ tồn tại mãi mãi. Nó sẽ kết thúc. Kinh Thánh nói về “ngày sau rốt.” Cụm từ “ngày sau rốt” xuất hiện sáu lần trong Phúc Âm Giảng. Chúa Jê-sus nói rằng tất những gì Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài, và bất cứ ai đã tin nơi Ngài sẽ “có sự sống đời đời: và ta sẽ khiến người đó sống lại nơi ngày sau rốt” (Giăng 6:39-40, cũng xem 6:44,54, 11:24, 12:48).

Sứ Đồ Phao-lô cũng đã diễn đạt tương tự trong II Ti-mô-thê 3:1, “Hãy biết rằng trong ngày sau rốt, sẽ có những thời kỳ khó khăn.”

Phi-e-rơ trong II Phi-e-rơ 3:3 viết: “Trước hết phải biết rằng, trong những ngày sau rốt, sẽ có mấy kẻ hay gièm chê, dùng lời giễu cợt, ở theo tình dục riêng của mình.”

Giu-đe viết, “Các sứ đồ đó nói với anh em rằng, trong các thời kỳ sau rốt, sẽ có mấy người hay nhạo báng làm theo lòng ham muốn không tin kính của mình.”

Tương tự, Gia-cơ cũng cảnh báo những ai biến tiền bạc thành thần của họ và sống theo tư dục của họ, “Vàng bạc anh em bị ten rét, ten rét đó sẽ làm chúng nghịch cùng anh em, nó cũng như lửa vậy, sẽ ăn thịt anh em. Anh em đã thâu trữ tiền của trong những ngày sau rốt!” (Gia-cơ 5:3).

Con người ngày nay đang bị lừa dối đặng tin rằng mặc dù thế gian này có một sự khởi đầu, nhưng nó không có kết thúc. Đây là một sự lừa dối của ma quỷ. Thế giới có khởi đầu, và nó sẽ kết thúc vào một ngày. Ban đầu Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên thế gian là tốt lành. Con người chống nghịch Đức Chúa Trời và khiến nó trở nên xấu.

Và vì vậy, thế gian này sẽ không tiến triển tốt hơn và tốt hơn, nhưng từ xấu cho đến xấu hơn. Sự gian ác sẽ tăng dần. Nó sẽ chung kết. Đức Chúa Trời sẽ kết liễu nó khi Ngài đến để đoán xét thế gian gian ác này.

NHỮNG DẤU HIỆU CỦA THỜI GIAN

Khi thiên niên kỷ mới đã đến gần, có tiếng kêu la nổi dậy trong máy tính thế giới rằng bầu trời sắp rơi xuống trên họ nếu lỗi nghiêm trọng mà họ chưa sửa chữa. Lỗi kinh khủng này lúc đầu được gọi là “Quả Bom Thiên Niên Kỷ,” nhưng sau này được đặt tên lại là “Lỗi Lập Trình Thiên Niên Kỷ.” Nhằm để sửa chữa lỗi này, hàng tỉ đô-la cũng chưa đủ để khiến máy tính toàn cầu phục tùng mệnh lệnh.

Các phương tiện truyền thông đại chúng đe dọa toàn thế giới báo cáo rằng các máy bay sẽ rơi xuống từ bầu trời hay va chạm nhau trên bầu trời. Hãng hàng không Singapore (SIA) tốn năm mươi triệu đô-la lúc đầu để cập nhật máy tính của họ, và tốn bao nhiêu nữa khi họ làm việc đó tiếp tục là một câu hỏi hay.

Nhưng nhiều nước Thế Giới Thứ Ba không có khả năng để sửa chữa máy tính của họ. Mặc dù vậy, họ (kể cả Nga) thoát khỏi sự hiểm họa này cách vô hại. Cả nền thương mại là một sự lừa bịp. Và sự lừa bịp đó cũng được sử dụng bởi những kẻ lừa bịp “thánh” nhằm để làm rỗng túi những người theo họ và làm mập bụng họ, khi họ tuyên bố rằng Đấng Christ sẽ trở lại mở ra một kỷ nguyên mới.

Những gì con người nói về những thứ không biết thì luôn luôn là sai. Nhưng những gì Đức Chúa Trời nói thì luôn luôn đúng (Rôm 3:4). Liên quan đến những dấu hiệu của sự Tái Lâm của Đấng Christ và về “ngày chung kết của thế gian,” sự đáp lời của Chúa Jêsus với các môn đệ của Ngài bao gồm sự suy sụp của bốn khía cạnh trong đời sống con người, tức là: môi trường, kinh tế, giới tu sĩ, và ngoại giao, là những điều bị đối kháng bởi sự tiến triển nhanh của Phúc Âm cho đến tận cùng của thế gian—dấu hiệu của sự chứng đạo—và rồi Jêsus sẽ trở lại để chiêm hũu.

Các sức mạnh vật chất sẽ bị suy giảm quá mức đến nỗi Chúa Đấng đã tạo dựng ra chúng phải đến để cứu chúng. Ê-sai 45:18, “Vì Đức Giê-hô-va, là Đấng đã dựng nên các tầng trời, tức là Đức Chúa Trời đã tạo thành đất và làm ra nó, đã lập nó cho bền vững, chẳng phải dựng nên là trống không, bền đã làm nên để dân ở, phán như vậy: Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác!”

Có nhiều dấu hiệu phổ quát trong bốn khía cạnh của đời sống con người để chúng ta có thể quan sát và kết luận về sự tái lâm của Chúa Jêsus là sắp xảy ra. Đầu tiên là sinh thái học. Sinh thái học có nghĩa là “sự nghiên cứu về sự tương tác của con người với môi trường sống chung quanh của họ.” Dưới mục này được nói đến những dịch lệ và động đất. Đồng nghĩa với dịch lệ là các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm, tai họa, ảnh hưởng xấu. Ví dụ, chúng ta có những bệnh dịch như bệnh bò điên ở nước Anh. Nửa triệu con bò phải bị tiêu hủy. Những con cừu cũng bị ảnh hưởng. Nửa triệu con cừu bị chôn. Những con gà ở Hồng Kông đã bị tiêu hủy bởi vì hàng triệu con bị nhiễm bệnh dịch cúm gia cầm và đã giết chết sáu người. Sau đó là sự tiêu hủy những con lợn ở Mã-lai.

Nhưng có một bệnh dịch xấu nhất làm chết hàng triệu người. AIDS, một sự rửa sả từ Đức Chúa Trời, chưa từng được biết đến trước năm 1980, đã quét qua Châu Phi và Tiểu Á. Trong hai mươi năm đầu khi bệnh AIDS mới được chẩn đoán, đã công bố có tới 22 triệu người sống

và đã sản sinh ra 13 triệu trẻ em, theo số liệu thống kê của Liên Hợp Quốc (UN). Có 36 triệu người khác được cho là bị nhiễm bệnh này. Miền dưới của sa mạc Sahara Châu Phi đã bị lây lan nhanh chóng bởi bệnh dịch lớn này (25.3 triệu người) mặc dù các số liệu thống kê cho thấy nó đang lây lan nhanh chóng sang Tiểu Á (Nam Á và Đông Nam Á, 5.8 triệu người) và Châu Mỹ La Tinh, hầu hết là qua quan hệ tình dục không an toàn, theo tờ báo Straits Times.

Về động đất, có hai trận động đất lớn đã xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) khiến 18.000 người chết. Hai trận khác đã xảy ra ở Đài Loan (Taiwan), và lập tức hai trận khác ở Phi-líp-pin. Hai là sự chứng thực chắc chắn! (Thi 62:11).

Những trận động đất ngày một lớn hơn và thường xuyên 20 lần trong Thế Kỷ 20 hơn Thế Kỷ 19. Thế Kỷ 21 có thể xảy ra xấu nhất. Hiểm họa sóng thần xảy ra ở Châu Á trong ngày 26 tháng 12 năm 2004 đã lấy đi 300.000 sinh mạng trong cùng một thời điểm.

Từ sinh thái học chúng ta đi đến với dấu hiệu của kinh tế. Bởi điều này mà các cơn đói kém đã đến. Vào năm 1997 sự khủng hoảng kinh tế ở Châu Á đã gây đói kém cho nhiều nước Đông Nam Á. Chủ nghĩa khủng bố và chiến tranh đã xảy ra làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới. Chúng ta đang bị đặt để trong một giai đoạn thật khó khăn.

Bình luận về nạn đói như một dấu hiệu phổ quát về sự tái lâm của Đấng Christ, Bác Sĩ S H Tow cho rằng, “Mặc cho sự phát triển của nền nông nghiệp hiện đại và sự phát triển thức ăn tăng mạnh trong những nước nông nghiệp, đại đa số dân số ở Thế Giới Thứ Ba vẫn đang bị đói hay đúng hơn là đang chết vì thiếu dinh dưỡng. Nước Ê-thi-ô-bi và các khu vực khác của Châu Phi bao quanh sa mạc Sahara đang ở trong nạn đói hoành hành. Như được nói rằng cứ mỗi buổi tối có một phần tư người trên thế giới đi ngủ với bụng đói.”

Khải tượng về việc mở cái ấn thứ nhất trong Khải Huyền 6:1-8 ăn khớp với lời tiên tri của Chúa rao giảng trên Núi Ô-li-ve về những gì sẽ xảy đến trong giai đoạn sau sự thăng thiên của Ngài (Mat 24:6-8).

Sự di chuyển nhanh của bốn người cỡi ngựa của sự bình an, chiến tranh, dịch lệ và sự chết sẽ được nhìn thấy trong một trò kéo quân, đang đi và hăng hái vòng quanh. Cũng vậy, cho đến sự tái lâm của Đấng Christ sẽ có các chu kỳ vòng quanh thế giới giống như vậy. Điều này không bị giới hạn hạn hẹp trong Bảy Năm Đại Nạn. Những chu kỳ của sự bình an, chiến tranh, dịch lệ và sự chết là một nét đặc trưng của ngày cuối cùng, từ Sự Thăng Thiên của Đấng Christ cho đến Sự Tái Lâm của Đấng Christ.

Dấu hiệu thứ ba của Sự Tái Lâm của Đấng Christ là trong giới tu sĩ. Nó xuất hiện ngay trong hội thánh. Sự bội đạo khỏi đức tin đã đem đến nhiều Christ giả và tiên tri giả. Nhiều người giữ tước vị cao trong hội thánh chối bỏ những giáo lý chính thống của đức tin như Sự Sinh Đồng Trinh của Đấng Christ và Cửa Lễ Chuộc Tội bằng Huyết, và Sự Sống Lại của Ngài. Chín mươi phần trăm ở nước Anh là những người theo phái ôn hòa và tự do. Không phải những người này là các tiên tri giả và Christ giả sao? II Phi-e-rơ 2:1 nói, “Dầu vậy, trong dân chúng cũng đã có tiên tri giả, và cũng sẽ có giáo sư giả trong anh em; họ sẽ truyền những đạo dối làm hại, chối Chúa đã chuộc mình, tự mình chuốc lấy sự hủy phá thành linh.” Đây là những gì mà Chúa chúng ta nói, sỏi trong lớp chiên.

Trong khi các Christ giả và tiên tri giả đã tiếp quản Hội Thánh Anh Quốc Giáo, vì vậy bây giờ họ đã gây áp lực cho phái Ân Tứ. Có một báo cáo giạt gân về sự giảng dạy tà giáo và lộng ngôn của một nhà truyền giáo của phong trào Ân Tứ tại Mỹ, Benny Hinn, được xuất bản trong bản tin của Hội Thánh Kinh Thánh Trưởng Lão Calvary, ngày 22, tháng Tư, 2001. Benny Hinn nói, “Đức Chúa Trời có thân thể, hồn và linh. Các Cơ Đốc Nhân là những vị thần nhỏ ... Jêsus tại lúc chết trở thành một với Sa-tan ... các Cơ Đốc Nhân là những mê-si-a nhỏ và

những vị thần nhỏ ... hãy nói 'Ta là một thần-nhân [god-man] ... Linh-nhân đang ở trong ta là một thần-nhân. ... Ta là một kiểu mẫu của Jêsus ... một siêu nhân.' Hãy công bố nó! Hãy công bố nó! ... Quý vị muốn thanh vượng? Tiền sẽ rơi xuống trên quý vị bên trái, bên phải, và ở giữa. Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu khiến anh em được thanh vượng, vì tiền bạc luôn theo sau sự công bình ... xưng nhận bạn là một tội nhân được cứu bởi ân điển chỉ là xúc phạm Đức Chúa Trời ... Jêsus không thể vô tội ngoại trừ Đức Thánh Linh ... Tôi sẽ đọc một đoạn Kinh Thánh, và rồi tôi sẽ giảng, và ma quỷ sẽ ngã xuống chết.” Hinn được nhiều người trên thế giới tin theo. Ông ta là một kẻ lừa dối kinh khủng, một tiên tri giả, một kẻ lộng ngôn.

Một nhà truyền giáo giả khác nữa tên là Rodney Howard Browne (“Phong Trào Phục Hưng Cười – Laughing Revival”) Browne nói, “Hoặc Ngài xuống đây đụng chạm tôi, hoặc tôi đi lên trên đó để chạm Ngài” (bài cầu nguyện của Browne mà ông cầu nguyện sau khi ông được “xức dầu”). Browne tiếp tục, “Hãy dừng cầu nguyện lại và hãy để sự vui mừng của anh em tan vỡ từ trong bụng ra. Vui, vui, vui. Đừng cầu nguyện! Hãy cười! ... Bạn không thể có sự phục hưng ngoại trừ sự khuấy động xác thịt. Khi sự phục hưng đến, bạn sẽ thấy những sự biểu hiện về ba điều này trong buổi họp: (1) Đức Thánh Linh, (2) xác thịt, và (3) ma quỷ. Nhưng, thà tôi muốn ở trong một hội thánh nơi mà ma quỷ và xác thịt biểu lộ hơn là ở trong một hội thánh nơi mà không có điều gì xảy ra bởi vì con người quá sợ để biểu lộ bất kỳ điều gì. Đừng lo lắng về điều đó. Và nếu một con quỷ xuất hiện, cũng đừng nên lo lắng về điều đó. Hãy vui mừng, bởi vì ít nhất cũng có một thứ xảy ra!”

“Một buổi tối nọ tôi đang giảng về địa ngục,” Browne nói, “và tiếng cười vang dội khắp mọi nơi. Tôi giảng càng nhiều về địa ngục như thế nào thì họ cười càng nhiều. Tôi chỉ là một người phục vụ Đức Thánh Linh. Tôi chỉ hầu việc rượu mới và nói với họ hãy đến và uống.”

Thần linh của Browne là một thần linh khác, một linh lạ chứ không phải Thánh Linh. Vì Thánh Linh là một Thần Linh của lẽ thật chứ

không phải của sự sai lầm (1 Giăng 4:1); Ngài là Linh của sự trật tự chứ không phải của sự lộn lạo (I Côr 15:33); Ngài là một Linh của sự khôn ngoan chứ không phải của sự điên khùng (Ê-sai 11:2).

Những “nhà truyền giáo qua truyền hình” nổi bật như Hinn và Browne đang lừa dối hàng ngàn hàng triệu người trên thế giới. Hãy chú ý họ. Trong Ma-thi-ơ 12:36-37 Chúa Jê-sus đã cảnh báo chống lại những kẻ sử dụng lời nói để lừa dối người ta, “Vả, ta bảo các ngươi, đến ngày phán xét, người ta sẽ khai ra mọi lời hư không mà mình đã nói; vì bởi lời nói mà ngươi sẽ được xưng là công bình, cũng bởi lời nói mà ngươi sẽ bị phạt.” Hãy cẩn thận với những kẻ lừa gạt của phong trào Ân Tứ.

Một tiên tri giả khác tên là Oral Roberts, một người chữa bệnh bằng đức tin [faith healer] và là nhà sáng lập Trường Đại Học Oral Roberts. Roberys công bố rằng Jê-sus nói với ông rằng Đức Chúa Trời đã chọn ông để tìm một phương thức chữa bệnh ung thư. Với một chuỗi dài lập luận, Roberts đã công bố rằng Chúa nói với ông, “Ta không muốn ngươi và những người đồng hành của ngươi xây một tòa nhà nghiên cứu cao 20 tầng ngoại trừ Ta sẽ ban cho ngươi một kế hoạch và nó sẽ tiêu diệt bệnh ung thư.” Và rồi Roberts nói rằng Jê-sus đã chỉ dẫn ông nói với các bạn đồng hành của mình rằng “đây không phải Oral Roberts xin [tiền] nhưng là Chúa của họ.” Dự án đã được hoàn thành, nhưng nó đã “bị đóng cửa và được bán cho một nhóm nhà đầu tư vì mục đích phát triển thương mại.” Và không có một trung tâm chữa trị bệnh ung thư nào được thành lập. Phục truyền luật lệ ký 18:22 cảnh báo chúng ta về những kẻ bịp bợm này, “Khi kẻ tiên tri nhân danh Đức Giê-hô-va nói, ví bằng lời người nói không xảy đến và không ứng nghiệm, ấy là lời mà Đức Giê-hô-va chẳng có phán. Kẻ tiên tri đó bởi sự kiêu ngạo mà nói ra: chớ sợ người.”

Vào ngày 4 tháng Một năm 1987, Roberts bảo những người theo ông rằng nếu ông quyên góp đủ tám triệu đô-la vào tháng Ba, Đức Chúa Trời sẽ cất mạng sống của ông ta đi. So sánh chính mình ông với Sứ Đồ Phao-lô, Roberts đã không van nài để Sa-tan đánh bại ông ta. Sau

này, con trai của Roberts, Richard, đã cầm bút cảnh cáo ông ta về ngày diệt vong cận kề. Richard giải thích không có “thêm 4.500.000 đô-la, Đức Chúa Trời sẽ không thêm sự sống của cha.” Ông đã kết lá thư mình với một cách bán hàng cứng rắn (hard sell). Gởi đi một món quà của hạt giống đức tin sẽ không những chỉ làm cho bạn có khả năng “ngung sự ghen ghét của Sa-tan trong việc hạ bệ bạn,” nhưng nó cũng “giúp bạn lấy lại được gấp trăm lần hơn.” Roberts đã quyên góp tiền và chẳng chết. Roberts và con trai của ông ta đã biến Đức Chúa Trời thành kẻ tham nhũng. Đây là sự kinh tởm. Há Sứ Đồ Phi-e-rơ chẳng cảnh báo chúng ta, “Họ sẽ bởi lòng tham mình, lấy lời dối trá khoét anh em; nhưng sự kêu án nghịch cùng họ đã nghị định từ lâu nay, và sự hư mất của họ chẳng ngu” (II Phi 2:3).

Đức Chúa Trời đã cảnh tỉnh chúng ta trong lời vô ngộ của Ngài rằng “Nhưng những người hung ác, kẻ giả mạo thì càng chìm đắm luôn trong điều dữ, làm lầm lạc kẻ khác mà cũng lầm lạc chính mình nữa” (II Tim 3:13). Hãy cẩn trọng với những kẻ bịp bợm và lừa đảo giả danh tôn giáo! Biết trước là chuẩn bị trước.

Dấu hiệu thứ tư của sự trở lại của Đấng Christ là sự suy sụp của các mối quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia. Hàng trăm cuộc chiến tranh đã diễn ra với hàng triệu người bị giết chết từ cuộc Chiến Tranh Thế Giới II. Nhưng sự tiêu diệt hai triệu người Cam-pu-chia bởi Pôn-pốt bị lãng quên quá sớm! Sự hủy diệt ở Đông Ti-mo bởi In-đô-nê-si-a mới gần đây được xem như ở quá khứ rồi.

Có nhiều mảnh khóc trong lãnh vực quan hệ ngoại giao ngày nay đang ngăn ngừa một cuộc xung đột lớn hơn; Mỹ và Trung Quốc trên câu hỏi của Đài-loan, Mỹ với Bắc Triều Tiên, Y-sơ-ra-ên và Ả-rập về vấn đề của Phi-li-tin; Mỹ với I-ra-qua, v.v. Nhưng thế giới giống như đang ngồi trên một bao thuốc nổ bột. Khi những cuộc nói chuyện ngoại giao bất thành thì sự bùng nổ kéo theo đó sẽ đánh dấu sự khởi đầu của Thế Chiến Thứ III. (Tiến sĩ Walvoord của Đại Học Dallas nói về điều này là ngày tận cùng của thời đại và nó sẽ đem Chúa chúng ta trở lại).

Khi mọi điều này đang diễn ra, con cái của Đức Chúa Trời sẽ phản ứng bằng sự nỗ lực mạnh mẽ của truyền giáo (Mat 24:14). Đây là dấu hiệu của sự truyền giáo. Điều này được nhìn thấy rõ ràng sau Thế Chiến Thứ II khi những hội thánh ở Singapore tiếp nhận các nhà truyền giáo, nhưng bây giờ lại sai phái các nhà truyền giáo. Một quốc gia nổi tiếng sai phái các nhà truyền giáo trong Châu Á là Hàn Quốc. Thật vậy họ là những nhà truyền giáo đứng đầu trong các nước phương đông ở Châu Á, có thể trên cả thế giới nữa. Họ hiện tại có 16.000 nhà truyền giáo được sai phái đến 150 quốc gia theo báo cáo gần đây của hội truyền giáo.

Sự truyền giáo được thúc dục là một lời kêu gọi khẩn thiết trong khi chúng ta đang lao khổ chờ đợi ngày vui của sự Tái Lâm của Ngài. Số lượng tăng dân của các người tốt nghiệp từ trường Thần Học Kinh Thánh Viên Đông, bây giờ tổng cộng là 600 trong vòng 45 năm qua, là một sự ứng nghiệm của việc truyền giáo gấp rút cho đến ngày của Chúa Jêsus Christ.

THỜI KỲ CỦA DÂN NGOẠI

Trước khi chúng ta xem xét cuộc chiến tranh thế giới cuối cùng kết thúc mọi cuộc chiến tranh, chúng ta hãy nghiên cứu về lịch sử của quyền lực thế giới qua chuỗi tiên tri (prophescope) của Đa-ni-ên. Sự giải thích về giấc mơ bị lãng quên của Nê-bu-cát-nét-xa được ban cho Đa-ni-ên. Nê-bu-cát-nét-xa được đặt tên là cái đầu bằng vàng, con Số Một. Sau ông ấy là những quốc gia yếu kém hơn, và sự vinh hiển ít hơn.

Giấc mơ của Đa-ni-ên 2:31-35 và khả tượng của Đa-ni-ên 7:1-8 thật ra là một. Cái này giải thích cho cái kia. Sự khác biệt giữa hai cái chỉ là trong cái nhìn. Khi cặp mắt chưa cải đạo của Nê-bu-cát-nét-xa đã nhìn thấy vương quốc của mình thật vĩ đại và hoành tráng, giống như một

pho tượng của một vị vua, với một cặp mắt thuộc linh của Đa-ni-ên khải tượng được ban cho ông trong một hình thể của các con thú hung tợn. Trong thế giới của chiến tranh quyền lực, một kẻ yếu lập tức sẽ bị kẻ mạnh nuốt tọng. “Cá lớn nuốt cá bé.”

Do đó khi Ba-by-lôn kết thúc sự vinh hiển của mình, nó đã bị tiêu diệt bởi Mê-đi-Phe-rơ-sơ. Khi người Mê-đi-Phe-rơ-sơ suy sụp, thì nước Hy-lạp qua tay Alexander Đại Đế. Với sự chết sớm của Alexander, đế quốc Hy-lạp bị phân chia cho bốn tướng lĩnh được xem thấy như con báo có bốn cánh, và bốn đầu. Cuối cùng có một con thú có mười sừng được chắc chắn cho là Rô-ma, quyền lực sắt, nó chà nát các nước khác cản đường của nó một cách tàn nhẫn, và giẫm đạp nó ra thành những mảnh vụn.

Mặc dù con thú thứ tư này dường như mạnh mẽ nhất với mười cái sừng của nó, nhưng bản sao của nó trong pho tượng to lớn của Nê-bu-cát-nết-xa là mười ngón chân, một nửa sắt, một nửa là đất sét (một Rô-ma mới được thành lập và một Rô-ma phục hưng). Như vậy, “nước đó cũng nửa mạnh nửa giòn” (Đan 2:42-43). Điều này khải tỏ một sự suy yếu vốn có trong các cái sừng.

Có một sự khác biệt nổi bật giữa giấc mơ của Nê-bu-cát-nết-xa và khải tượng của tiên tri Đa-ni-ên trong một diễn biến ngoài sự mong đợi (không được kỹ thuật ở bất cứ nơi đâu). Hãy xem! Một cái sừng khác, một cái sừng nhỏ thứ mười một, không tương đương với pho tượng của Nê-bu-cát-nết-xa! Các sừng nhỏ này lớn mạnh và ba trong mười cái sừng bị nhổ đi giống như sự nhổ ra của ba cái răng tốt. Để những gì Đa-ni-ên nói được hiểu cách chắc chắn, ông lặp lại, “Vậy người nói cùng ta như vậy: Con thú thứ tư sẽ làm nước thứ tư trên đất, khác với hết thảy các nước, và nó sẽ nuốt cả đất, giày đạp và nghiền nát ra. Mười cái sừng là mười vua sẽ đẩy lên từ nước đó; và có một vua đẩy lên sau, khác với các vua trước, và người đánh đổ ba vua” (Đan 7:23-24).

Trong câu 25-27 ông đã đem ra một đại ý mới: “Vua đó sẽ nói những lời phạm đến Đấng Rất Cao, làm hao mòn các thánh của Đấng Rất Cao, và định ý đổi những thời kỳ và luật pháp; các thánh sẽ bị phó trong tay người cho đến một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ. Nhưng sự xét đoán sẽ đến, và người ta sẽ cất quyền thế khỏi nó, để diệt đi và làm cho hủy phá đi đến cuối cùng. Bảy giờ nước, quyền thế, và sự tôn đại của muôn nước ở dưới cả trời, sẽ được ban cho dân các thánh của Đấng Rất Cao. Nước Ngài là nước đời đời, và hết thảy các quyền thế đều hầu việc và vâng lời Ngài.”

Khải huyền 13:1-8 cho biết thêm nhiều chi tiết về sự nhiệm mầu của cái sừng nhỏ mà trở nên vĩ đại này, một kẻ khoác lác. Trước hết chúng ta thấy nhiều chi tiết về con thú có mười sừng, như nó đang chụp hình gấu. Ở đây có bảy cái đầu (chứ không như con thú ở trong sách Đa-ni-ên) và một trong bảy cái đầu này giống như đang bị thương sắp chết. Khi vết thương sắp chết đó được lành, nó lôi cuốn sự chiêm ngưỡng của toàn thể gian. Sự thờ phượng được ban cho con thú mà có cái đầu bị thương được lành, nó được nhận biết như cái sừng nhỏ với con mắt chim ưng, đầu sừng tủy và có cái miệng lớn. Bốn mươi hai tháng được ban cho con thú trong Khải Huyền 13 là giống như “một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ” có nghĩa là ba năm rưỡi được ban cho cái sừng nhỏ—để phi báng Đức Chúa Trời và những người ngụ trong thiên đàng và bắt bớ các con cái của Đức Chúa Trời trên đất và chiến thắng họ. “Hết thảy những dân cư trên đất đều thờ lạy nó, là những kẻ không có tên ghi trong sách sự sống của Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế” (Khải 13:8). Những người này là những người vô tín trong bất kể màu da, dân tộc hay bộ lạc nào, và không ngoại trừ người Do-thái theo một vài người suy nghĩ vậy.

Sự nói rộng của sự xâm lược của Kẻ Độc Tài trong thời kỳ sau rốt này sẽ vượt quá những cuộc xâm lược của Alexander, Napoleon hay Hiler bởi mưu chước tinh quái. Làm thế nào người đó có thể làm được? Đầu tiên, bởi sự sáp nhập bình an, như nó được nói trong Đa-ni-ên 9:27, “Người sẽ lập giao ước (bình an) vững bền với nhiều người trong một tuần lễ, và đến giữa tuần ấy (sau ba năm rưỡi bình an), người sẽ khiến

của lễ và của lễ chay dứt đi. Kẻ hủy phá sẽ đến bởi cánh góm ghiếc, và sẽ có sự giận dữ đổ trên nơi bị hoang vu, cho đến kỳ sau rốt, là kỳ đã định.”

Chúng ta hãy cùng nhau nhận diện ai sẽ là cái sừng nhỏ đó. Khi cái sừng nhỏ ra từ con thú thứ tư thì được cho là Đế Quốc Rô-ma Phục Hưng (Revived Roman Empire) điều này phải được kết luận rằng Kẻ Cai Trị Thế Gian thời kỳ sau rốt phải là một người Châu Âu, hay dòng dõi của một người Châu Âu. Có lẽ chẳng người này sẽ dấy lên từ khối Hiệp Nhất Châu Âu hoặc từ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ của Châu Mỹ? Chúng ta hãy chờ xem. Mặc dù vậy, một điều chắc chắn là, An-ti Christ là một Christ Giả.

SỰ BỘI ĐẠO LỚN

Khi tiếp tục quan sát mười cái sừng được nói rõ ràng nhiều hơn trong Khải Huyền 17:12-13. Chúng ta thấy sự tụ họp của Khối Hiệp Nhất Châu Âu nhanh chóng ứng nghiệm lời tiên tri này trong Khải Huyền, điều được nói đến trong sự khởi đầu của Đa-ni-ên đoạn 7. Để nhận biết nhiều thêm về con thú có bảy đầu và mười sừng, chúng ta hãy đọc Khải Huyền đoạn 17.

Nhưng ai là người Mẹ của Kẻ Tà Dâm (Khải 17:5), cũng được gọi là Sự Mâu Nhiệm của Ba-by-lôn Lớn, một người đàn bà điếm đĩ ghê gớm? Người đàn bà này phạm tội tà dâm với các vua của thế gian và khiến dân chúng trên thế gian uống rượu tà dâm của mẹ. Bà ta nắm giữ một cái chén bằng vàng trên tay của mình được tràn đầy với những sự ghê tởm và sự dơ bẩn của sự tà dâm của mình.

Điều đã khiến Nhà Tiên Tri ngạc nhiên là khi thấy người đàn bà say máu của các thánh đồ và các người tử đạo của Chúa Jêsus. Thiên sứ nói với Giăng, “Thiên sứ bảo tôi rằng: Sao ngươi lấy làm lạ? Ta sẽ cắt

nghĩa cho người sự mầu nhiệm của người đàn bà cùng của con thú chờ nó, là con thú có bảy đầu và mười sừng” (c 7). Trong ngôn ngữ Kinh Thánh, dân sự của Đức Chúa Trời được ví như là người vợ của Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước (Ê-sai 54:5). Trong Tân Ước, hội thánh là cô gái đồng trinh, Cô Dâu của Đấng Christ (II Cô 11:2). Trong Khải Huyền, dân sự của Đức Chúa Trời được gọi là vợ của Chiên Con (Khải 19:7).

Bây giờ người đàn bà phạm tội tà dâm với các vua của thế gian nhưng không trung tín điều này có thể là một Hội Thánh bội đạo? Những dấu hiệu không chung thủy với Đấng Christ được thấy trong bảy hội thánh ở Tiểu Á mà Đấng Christ đã khiển trách qua ngòi bút của Giăng. Rồi bỏ tình yêu ban đầu là hội thánh Ê-phê-sô, giữ giáo lý của Ba-la-am là hội thánh Bết-gã-m, cho phép Giê-sa-bên dạy và dụ dỗ tôi tớ Chúa phạm tội ngoại tình trong việc ăn của cúng cho các thần tượng là ở Thi-a-ti-rơ, cho thấy sự bại hoại thật dễ dàng thâm nhập vào trong hội thánh là dường bao. Chúng ta hãy tra xét hội thánh của chúng ta nhằm tìm ra nếu có bất cứ những sự sai sót nào như vậy, thì chúng ta hãy cùng nhau giải quyết những khuyết điểm đó—trong sự ăn năn!

Ngay lúc chúng ta đi đến trong thời kỳ sau rốt trước khi Chúa Jê-sus trở lại chúng ta thấy trước chúng ta là một Hội Thánh hoàn toàn bại hoại. Tất cả các nhà giải nghĩa Kinh Thánh từ những nhà Cải Chánh cũng đồng ý nó là Hội Thánh Công Giáo La-Mã. Sự mô tả về người đàn bà không phù hợp với Hội Thánh trên đất nào khác hơn. Thật điều này làm ón lạnh xương sống của một Hội Thánh thật của Đấng Christ là khải tượng của một Hội Thánh say máu của những người tử đạo của Chúa Jê-sus. Chẳng phải là Hội Thánh Công Giáo La-mã, trong việc nó cai trị từ thời kỳ Cải Chánh ở Thế Kỷ 16 đã giết hàng ngàn tín đồ chân thật của Đức Chúa Jê-sus Christ sao? Tòa Án Dị Giáo ở Tây Ban Nha (Spanish Inquisition—năm 1215) là một giai đoạn khác của các việc làm đáng kinh tởm của nó. Rất nhiều người đã bị đốt trên mộc hình vì sở hữu hay phát tán Kinh Thánh. Trong khoảng thời gian cai trị ngắn ngủi của Ma-ry Đẫm Máu (Bloody Mary) ở nước Anh (1555-1558) đã có

288 người theo đạo Tin Lành (Protestants) bị đốt trên mộc hình. Quốc Giáo của Vương Quốc Anh dưới thời Mary là một con gái điếm đã có mẹ sống ở Rô-ma.

Con gái út của Mẹ Kê Tà Dâm, hiển nhiên là mai dâm với các vị vua hơn mẹ mình, là Phong Trào Đại Đoàn Kết Các Tôn Giáo Trên Thế Giới (Ecumenical Movement) được tổ chức từ năm 1948 được biết đến là Hội Nghị Các Hội Thánh Thế Giới (World Council of Churches–WCC). Từ “Cơ Đốc Nhân” đã không để vào đó vì mục đích tối hậu của nó là để hiệp nhất các tôn giáo bởi lẽ đó mà từ “Thế Giới” [Ecumenical] có nghĩa là tất cả mọi nước trên thế giới. Có phải Phong Trào Đại Đoàn Kết và sự tổ chức của nó, WCC, là một người nữ đồng trình của Đấng Christ hay là một con điếm đi? Mẹ của Kê Tà Dâm được đặt tên là Sự Mâu Nhiệm Của Ba-by-lôn Lớn, và Ba-by-lôn là Rô-ma, như cuốn từ điển của Chambers định nghĩa: “Babylonian: Romish, popish (from the identification with Rome of the scarlet woman of Revelation 17).” [Tạm dịch: Người Ba-by-lôn: Người Rô-ma, giáo hoàng, (từ sự nhận diện với Rô-ma của người đàn bà mặc màu tía điều trong Khải Huyền 17)].

Khi Giê-ru-sa-lem trở nên giống như Sô-dôm (Khải 11:8) và Gô-mô-ro (Ê-sai 1:9) Đức Chúa Trời có dung thứ cho nó không? Nó đã bị lật đổ hoàn toàn bởi Nê-bu-cát-nét-xa dưới sự đoán xét công bình của Đức Chúa Trời. Khi một Hội Thánh Tà Dâm đi quá xa Giê-ru-sa-lem bội đạo trong sự gian ác của nó, nó sẽ bị đoán xét một cách công bình qua sự tấn công bởi chính con thú màu tía mà nó cỡi trên mình (Khải 17:16). Quyền lực chính trị lợi dụng quyền lực tôn giáo cho đến khi không cần đến nó nữa thì nó sẽ hất cẳng người đàn bà đó giống như thú bản thiêu (Ê-sai 30:22)! Sự đoán xét công bình là xứng đáng cho Mẹ của Kê Tà Dâm.

Đức Chúa Jêsus Christ thật mau đến. Sự “mâu nhiệm của sự gian ác” đã hành động rồi (II Tês 2:7). “Ngày của Đấng Christ sắp gần” (II Tês 2:2). Điều gì phải xảy đến trước khi Đấng Christ trở lại?

Từ II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12 chúng ta khám phá ra rằng Sự Tái Lâm của Đấng Christ sẽ đến sau sự đến của An-ti Christ. Từ “đến” (Hy-lạp *parousia*) xuất hiện hai lần trong 12 câu này. Lần thứ nhất trong câu 1: “Sự *parousia* đến của Chúa Jêsus Christ chúng ta” và trong câu 9 thì nói về sự *parousia* của kẻ ác (xem c. 8).

Trước khi Đấng Christ trở lại, sẽ có một sự nổi loạn lớn, “sự bỏ đạo đến trước” (c 3). Từ “sự bỏ đạo” đến từ tiếng Hy-lạp *apostasia* (nghĩa đen, “đứng ra xa”). Nó nói về một sự nổi loạn chống lại Chuẩn Mực, Lẽ Thật, hay Luật Pháp của Đức Chúa Trời. Đó là sự chối bỏ Đức Chúa Trời và Lời của Ngài.

Vậy ai là kẻ nổi loạn, và chống lại ai hay những gì mà nó gây loạn? Chúa Jêsus khải tỏ chúng được ký thuật trong Ma-thi-ơ 24:10-13, “Khi ấy cũng có nhiều kẻ sẽ sa vào chước cám dỗ, phản nghịch nhau, và ghen ghét nhau. Nhiều tiên tri giả sẽ nổi lên và dỗ dành lừa kẻ. Lại vì có tội ác sẽ thêm nhiều, thì lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lạnh. Nhưng kẻ nào bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu.” Hay nói cách khác, những người bội đạo là những người cho chính họ là những “Cơ Đốc Nhân.” Rốt cuộc, hội thánh hiện hữu trong ngày sau rốt sẽ quên lưng đi đức tin. Những người xưng danh Cơ Đốc Nhân sẽ không bao giờ được tái sinh ngay tại lúc đầu. Họ không có một đức tin thật.

Họ là ai? Vâng, họ có thể là những ai nói: “Tôi tin rằng Jêsus Christ có thể đem tôi vào thiên đàng, nhưng tôi cũng tin rằng tôi có thể vào thiên đàng bằng việc tin vào các vị thần khác.” Tôi tin vào Jêsus Christ, nhưng Ngài chỉ là một con người, chứ không phải là Đức Chúa Trời.” “Tôi là một Cơ Đốc Nhân, nhưng tôi cũng là một người đồng tính.” Phao-lô miêu tả họ trong câu 10: “chúng nó đã không nhận lãnh sự yêu thương của lẽ thật để được cứu rỗi” và câu 12: “hầu cho hết thảy những người không tin lẽ thật, song chuộng sự không công bình.”

Sự bội đạo sinh sự đoán xét. Vì những người vô tín luôn cứng đầu và luôn luôn khước từ Lẽ Thật của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời từ bỏ họ cho sự không tinh sạch, cho những dục vọng đồi bại, và tâm trí của kẻ bị đày đi địa ngục [reprobate mind] (Rôm 1:24-28). Đây là sự đoán xét bằng sự làm cho cứng lòng hay làm cho mù lòng, Đức Chúa Trời sai sự lừa dối đến (c 11-12).

Bây giờ phải hiểu biết rằng không phải Đức Chúa Trời sai sự lừa dối đến. Đức Chúa Trời không phải là kẻ nói dối, và cũng không lừa dối ai. Chúng ta hiểu điều này là dưới ý muốn cho phép của Đức Chúa Trời. Vì họ khao khát tin vào sự lừa dối của Sa-tan, và bị lừa dối, nên Đức Chúa Trời cho phép họ tiếp tục như vậy.

Kết quả cuối cùng sẽ bị đoán phạt (c 12). Sẽ có sự phân chia chiên và dê, lúa mì và cỏ lùng. Những ai không thật sự tin vào Chúa sẽ bội đạo và sẽ bị đoán xét. Những người tin thật sẽ không bao giờ bị hư mất—Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ họ cho đến cuối cùng.

Hãy tự kiểm tra lấy chính mình: Chúng ta thật sự được cứu chữa? Chúng ta có thật sự tin vào Chúa Jêsus Christ không? Hay chúng ta có giống với những người vô luật pháp không?

Từ “luật pháp” xuất hiện ba lần trong II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3, con người tội ác hay sự vô luật pháp; câu 7, sự mâu nhiệm của sự gian ác hay sự vô luật pháp; và câu 8, kẻ gian ác hay kẻ vô luật pháp.

Đầu tiên, chúng ta hãy giải quyết với con người của sự vô luật pháp. Người này được gọi trong câu 3 là con người của tội lỗi (the man of sin) và con trai của sự hư mất; và trong câu 8 là kẻ gian ác. Cũng cùng thuật ngữ được sử dụng trong Giăng 17:12 về Giu-đa Ích-ca-ri-ôt người đã phản bội Chúa. Từ điều này chúng ta thấy rằng con người tội lỗi là một cá nhân hay một con người nào đó, chứ không phải là một tổ chức, một quốc gia, một quyền lực hay một sự ảnh hưởng. Người đó giống như Giu-đa một người xưng nhận Đấng Christ nhưng trong tất

cả các việc làm của nó thì ngấm ngấm phá hoại việc của Chúa và việc làm chống lại Ngài, nó là Kẻ Bội Đạo (được viết in hoa chữ cái). Trong câu 4, nó được mô tả như là một người “chống lại” Đấng Christ. Kẻ đó là An-ti Christ (nghĩa: kẻ địch lại Đấng Christ): nó muốn chiếm lấy địa vị của Đấng Christ, nhằm để chiếm quyền làm Chúa và Vua của Ngài. Nó sở hữu tham vọng của Sa-tan để trở thành chính Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 14, Ê-xê 28).

Trong II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8 chúng ta được dạy rằng kẻ này được hạ bởi Sa-tan sẽ được khai tỏ. An-ti Christ này sẽ bắt chước sự tái lâm của Đấng Christ. Nó sẽ nhận diện chính mình như là Đấng Christ, Mê-si-a, Cứu Chúa, và lừa dối rất nhiều người. “Người đang trông chờ sự đến của Cứu Chúa, ta chính là Ngài,” nó sẽ nói như vậy. Sự cảnh báo của Chúa trong Ma-thi-ơ 24:4-5 áp dụng, “Hãy giữ, kẻo có kẻ dỗ dành các người. Vì nhiều người sẽ mạo danh ta đến mà nói rằng: Ta là Đấng Christ; và sẽ dỗ dành nhiều người.”

Làm thế nào An-ti Christ có thể thu hút lòng trung thành và sự thờ phượng của cả thế gian? Câu 9 nói rằng nó sẽ được ban quyền lực bởi Sa-tan để thực hiện những phép thuật dụ dỗ. Những kẻ làm phép thuật của Ân Tứ ngày nay như Benny Hinn cùng với các dấu và phép lạ của họ là đang sửa soạn thế giới này tiếp nhận Christ giả. Hỡi Cơ Đốc Nhân hãy cẩn thận, đừng bị lừa dối. Hãy biết lẽ thật và yêu mến lẽ thật để bạn có thể được cứu (c 10).

Hãy biết rằng Jêsus Christ sẽ không trở lại cho đến khi An-ti Christ được khai tỏ. Nhưng một số người có thể nói, “Tôi chưa thấy An-ti Christ. Do đó tôi có thể tận hưởng, làm bất cứ điều gì mình thích, vì sự đến của Đấng Christ chưa đến gần đâu.” Phao-lô cảnh cáo tính tự phụ này vì An-ti Christ có thể xuất hiện bất cứ lúc nào (c 5-6).

Vì mặc dù kẻ vô luật pháp này chưa đến, nhưng nguyên lý của sự vô luật pháp này đã hành động rồi (c 7). Hay nói cách khác, công việc của sự chống nghịch Đấng Christ và Hội Thánh của Ngài đã tiếp diễn. Vì

dụ, Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca đã đang trải qua sự bắt bớ và đại nạn (II Tê-s 1:4).

I Giăng 2:18 cho chúng ta hay, “Hỡi các con cái ta, giờ cuối cùng là đây rồi, các con đã nghe nói rằng Kẻ địch lại Đấng Christ phải đến. Vừa lúc bây giờ, có nhiều kẻ địch lại Đấng Christ; bởi đó, chúng ta biết rằng ấy là giờ cuối cùng.” Có nhiều kẻ địch lại Đấng Christ trong thế gian ngày nay. Sa-tan sẽ dồn hết sức mình mà hủy diệt hay làm suy sụp Lời của Đức Chúa Trời, và ngăn trở Hội Thánh rao giảng Phúc Âm, tấn công tô-tô của Đấng Christ và các thánh của Ngài. Vì vậy chúng ta phải luôn luôn siêng năng rao giảng Phúc Âm, và luôn mạnh mẽ trong việc bảo vệ Đức Tin.

Điều gì ngăn cản An-ti Christ xuất hiện ngay bây giờ là công việc của Đấng Ngăn Trữ [the Restrainer] (xem II Tê-s 2:6, 7b).

Ai hay cái gì là Đấng Ngăn Trữ? Có vài quan điểm: (1) Luật Pháp của Đức Chúa Trời, (2) Thiên Sứ Trưởng Mi-chê, (3) Đức Thánh Linh. Quan điểm thịnh hành là Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh đang hiện diện làm công tác cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công bình, và về sự đoán xét (Giăng 16:8). Ngài không chỉ hoạt động tích cực trong hội thánh, nhưng cũng trong thế gian trong việc ngăn cản sự gian ác, không cho phép sự gian ác dậy sóng lên. Hãy suy nghĩ về điều này, không phải chỉ Thánh Linh mà thôi, nhưng cũng bởi Lời của Đức Chúa Trời nữa, và các thiên sứ của Chúa cũng làm công việc ngăn trở này. Do đó nó có thể là sự tập hợp của những điều này. Vì vậy nếu Chúa rút tay ngăn trở của Ngài lại, thì thế gian bị rửa sạch của tội lỗi này sẽ diễn ra tự nhiên, và sự gian ác sẽ dâng lên tột bậc với kẻ ác dẫn đường.

Hãy biết rằng có hai sự đến: (1) sự đến của An-ti Christ, và (2) sự đến của Đấng Christ. An-ti Christ sẽ đến trước khi Đấng Christ trở lại. Và khi Đấng Christ trở lại, Ngài sẽ hủy diệt An-ti Christ và quân đội của chúng bởi “linh của miệng Ngài,” và “sự chói sáng của sự đến của Ngài” (c 8).

Y-SO-RA-ÊN MỘT QUỐC GIA VĨ ĐẠI

Y-so-ra-ên nằm ngay trung tâm của ba lục địa (Êxê 5:5).

Khi kết thúc Thế Chiến Thứ II, nhiều nước trẻ và kiên cường đã được sanh ra, từng nước một, là những quốc gia mà đã từng bị đô hộ bởi Quyền Năng Lớn. Giữa những quốc gia mới này có Y-sơ-ra-ên vương quốc hình thành vào ngày 14 tháng Năm năm 1948. Hầu hết những công dân của Y-so-ra-ên là những người hồi hương, sau 2000 năm lưu đày.

Trong lãnh địa, Y-sơ-ra-ên là một nước nhỏ nhất. Một quốc gia duy nhất trên thế giới mà nó chỉ có thể so sánh với một quốc gia khác về độ lớn là Singapore. Thật vậy, Y-sơ-ra-ên chỉ là một đốm nhỏ trên quả địa cầu, và một chấm nhỏ trên bản đồ thế giới. Nếu bạn đứng ở một điểm thuận lợi trên Đất Thánh trong một ngày đẹp trời, có thể trên đồi Sa-ma-ri, bạn có thể thấy hầu hết bốn góc của quốc gia này. Làm thế nào một quốc gia nhỏ bé như Y-sơ-ra-ên lại có thể trở thành một quốc gia vĩ đại như ngày nay? Y-sơ-ra-ên luôn ở trên tin tức, trang bìa thế giới, nhiều hơn bất kỳ các quốc gia mới thành lập nào. Y-sơ-ra-ên trên bản tin tức bên cạnh với quyền lực siêu đẳng, thường là với nước Mỹ. Làm thế nào mà một quốc gia nhỏ như Y-sơ-ra-ên lại có thể có được sự nổi bật trên hoàn cầu này?

Trong một bản tin của tờ báo *Straits Times* (1981), câu chuyện được kể về một vị Thủ Tướng Quá Cố của Y-sơ-ra-ên Menachem Begin đã có cuộc họp báo với Cố Tổng Thống Mỹ Ronald Reagan. Begin nói đùa với tổng thống Mỹ rằng ông có ba cái điện thoại trên bàn làm việc của mình. Một cái màu trắng là để gọi cho Thủ Tướng Anh Margaret Thatcher. Cái màu xanh để gọi cho Pháp Francois Mitterrand. Cái thứ ba là cái màu đỏ là để gọi cho Đức Chúa Trời. Nhưng Reagan nói thêm vào, “tôi thì không dùng nó nhiều vì khoảng cách quá xa.” Ông Begin cũng nói rằng tổng thống Mỹ cũng có ba cái điện thoại. Một cái thì để

gọi cho bà Thatcher, một cái cho Tổng Thống Ai-cập Sadat và cũng có một cái để gọi cho Đức Chúa Trời. Ông Begin nói thêm “Nhưng tôi thì luôn luôn dùng nó, chẳng hạn ở Giê-ru-sa-lem, vì nó được coi là điện thoại nội hạt.”

Y-sơ-ra-ên là một quốc gia lớn bởi vì nó rất gần gũi với Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên là một quốc gia vĩ đại chẳng phải vì sức mạnh của nó; cũng không phải vì người Do-thái là giống người thông minh, dòng giống cao thượng. Y-sơ-ra-ên là một quốc gia vĩ đại là bởi vì những gì mà Đức Chúa Trời đã hứa cho Áp-ra-ham về dòng dõi của ông (Sáng 12:2). Cũng cùng lời hứa đó Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên một quốc gia vĩ đại như Ngài khẳng định với Gia-cốp (Sáng 46:3) và với người Y-sơ-ra-ên dưới sự lãnh đạo của Môi-se (Phục 26:5). Sự vĩ đại của Y-sơ-ra-ên chỉ duy từ Đức Chúa Trời. Giờ đây chúng ta có thể hỏi, “Làm sao Y-sơ-ra-ên trở nên vĩ đại?” Y-sơ-ra-ên đã trở nên vĩ đại là bởi được trở thành chỗ chứa, cái bình được chọn lựa của Đức Chúa Trời, đăng nhận lãnh Sự Khải Thị Đặc Biệt của Đức Chúa Trời.

Tội lỗi đã làm ô ứ cả thế gian này và làm mù mắt của các nước về sự sáng của lẽ thật. Thay vì tìm kiếm Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa là Đấng đã tạo dựng nên họ, họ đã dò dẫm trong bóng tối của sự thờ hình tượng. Điều này đã bị đoán trách bởi Thánh Phao-lô trong phân đoạn Rô-ma. Giữa bóng tối như ở Ai-cập, Đức Chúa Trời đã đến với Áp-ra-ham, rồi sau vài thế hệ thì Ngài đến với Môi-se. Đức Chúa Trời đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi vùng đất nô lệ và cho họ Luật Pháp. Luật Pháp này, được tóm gọn trong Mười Điều Răn, Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se trên hai bảng đá. Với chân lý trong hai bảng đá này, Y-sơ-ra-ên đã được giải phóng khỏi sự hư hoại của thế gian, khỏi tội lỗi chống nghịch lại Đức Chúa Trời và tội lỗi chống lại kẻ lân cận mình. Và ấy là qua Y-sơ-ra-ên Luật Pháp đạo đức đó, được ban cho trong Mười Điều Răn, đã trở thành kiểu mẫu của chuẩn mực đạo đức của các quốc gia trên thế giới. Trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:5-10, Môi-se ban bố cho Y-sơ-ra-ên vào buổi tối nọ khi họ tiến vào miền Đất Hứa để nhắc nhở họ về nhiệm vụ thánh vĩ đại, “Này đây, ta đã dạy các ngươi những mạng lệnh và luật lệ y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta đã phán dặn ta,

để các người làm theo ở giữa xứ mình sẽ vào đặng nhận lấy. Vậy, các người phải giữ làm theo các mạng lệnh và luật lệ này; vì ấy là sự khôn ngoan và sự thông sáng của các người trước mặt các dân tộc; họ nghe nói về các luật lệ này, sẽ nói rằng: Dân này là một dân khôn ngoan và thông sáng không hai! Và chẳng, há có dân lớn nào mà có các thần mình gần như chúng ta có Giê-hô-va Đức Chúa Trời gần chúng ta, mọi khi chúng ta cầu khẩn Ngài chẳng? Lại, há có nước lớn nào có những mạng lệnh và luật lệ công bình như cả luật pháp này, mà ngày nay ta đặt trước mặt các người chẳng? Chỉ hãy giữ lấy người, lo canh giữ cẩn thận linh hồn mình, e người quên những điều mà mắt mình đã thấy, hầu cho chẳng một ngày nào của đời người những điều đó lìa khỏi lòng người: phải dạy cho các con và cháu người. Hãy nhớ ngày người chầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời người tại Hô-rêp, khi Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hãy nhóm hiệp dân sự để ta khiến chúng nghe lời ta, hầu cho tập kính sợ ta đương lúc họ còn sống nơi thế thượng, và dạy lời đó cho con cái mình.”

Chúng tôi là những người sống dưới sự công bằng của một chính phủ tốt ở Singapore phải nhớ đến Anh Quốc đã cho chúng ta có luật pháp. Nhưng làm thế nào mà Anh Quốc đã sở hữu một luật pháp tốt như vậy? Họ đã lấy nó từ đâu? Từ Kinh Thánh và từ Luật Pháp của Môi-se.

Trái ngược với Y-sơ-ra-ên, có một quốc gia to lớn, Trung Quốc, quê hương của tổ phụ chúng tôi [người Singapore]. Vài trăm năm về trước cho đến Triều đại Manchu nó đã chìm vào trong đáy sâu của sự nghèo khổ, lạc hậu trong khoa học và công nghệ. Tất cả những điều này là vì tổ phụ của chúng ta đã quên đi Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa, không có Luật Pháp của Ngài. Tổ phụ chúng tôi đắm chìm trong sự thờ hình tượng, không biết Đức Chúa Trời Hằng Sống và Chân Thật. Bởi vậy nhiều sự gian ác đã sản sinh từ tội lỗi của họ và gia tăng không ngừng. Mới hai thế hệ mới đây, những người Trung Quốc không tận hưởng được quyền thiêng liêng của con người về ngày Sa-bát.

Những người ở Phương Tây đã tận hưởng ngày Sa-bát hằng tuần với sự kiện của Cơ Đốc Giáo từ thượng cổ. Việc giữ ngày Chúa Nhật như là một Thánh Nhật là đặc biệt kiên quyết trong thời điểm của những người Thanh Giáo (Puritans) ở Anh Quốc. Cả con người và thú vật nghỉ ngơi công việc theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời! Đây là một phước hạnh ban cho thế giới từ Y-sơ-ra-ên, vâng, chính là từ Luật Pháp của Môi-se.

Chúng tôi không cần phải đi đến công sở hay công ty trong ngày Chúa Nhật. Chúng tôi ở tại Singapore đang tận hưởng phước hạnh của một Luật Pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên! Luật pháp này khiến Y-sơ-ra-ên khác với dân Ngoại Bang, bởi đó nó khiến Y-sơ-ra-ên trở nên vĩ đại.

Y-sơ-ra-ên trở nên vĩ đại không chỉ bởi vì Luật Pháp của Đức Chúa Trời đã được ban cho nó, nhưng cũng bởi vì Con của Đức Chúa Trời đã được sanh hạ là một người Do-thái, qua nhà của Đa-vít dòng dõi của Áp-ra-ham. Sự vĩ đại của Y-sơ-ra-ên là trong di sản thuộc linh của nó. Dòng Dõi Lời Hứa đã được ban cho qua họ bởi đó mọi gia đình trên khắp mặt đất đều được phước (Sáng 12:3). Chúng ta là những Cơ Đốc Nhân phải nhớ rằng chúng ta nợ người Do-thái với món nợ lớn này. Y-sơ-ra-ên không chỉ là một Thư Viện cho Hội Thánh Cơ Đốc Giáo như Augustine đã nói. Chúa Cứu Thế của thế gian đã đến qua Y-sơ-ra-ên, là Jêsus Christ, một con đường duy nhất đến với Đức Chúa Trời. Một người nữ Do-thái trẻ, Nữ Đồng Trinh Ma-ry, một chiếc bình được chọn, qua bà mà Chúa Jêsus Christ đã được sinh ra.

Nhưng than ôi! Người Do-thái là người nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đã từ chối Đấng Christ và đã đóng đinh Ngài. Những nhà lãnh đạo hội thánh của họ đã không ngăn ngại về tội ác của mình. Họ thậm chí thách thức Đức Chúa Trời đổ Huyết của Con Vô Tội của Đức Chúa Trời trên chính họ và trên con cái của họ (Mat 27:25). Về người Do-thái đã tin nơi Jêsus và đã được tụ họp lại trong vòng hội thánh Cơ Đốc Giáo thì không quá 120. Ngoài 3000 và 5000 người (Công 2:41; 4:4)

đã tin Chúa tại Lễ Ngũ Tuần, số người Do-thái còn lại đều khước từ Phúc Âm. Do đó Phúc Âm được rao giảng cho người Ngoại Bang. Người Do-thái nào khước từ Đấng Christ thì bị Đức Chúa Trời khước từ. Bởi đó họ bị tản lạc cho đến tận cùng đất. Y-sơ-ra-ên một quốc gia vĩ đại đã trở nên nhỏ, không có lãnh thổ. Bởi ý định mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên, như một nhánh ô-li-ve, đã bị chặt khi họ khước từ Cứu Chúa của họ. Dân Ngoại Bang đã tin là như một nhánh ô-li-ve hoang được tháp vào chỗ của họ.

Ngày nay sự cứu rỗi vẫn còn ban cho dân Ngoại Bang, cũng vậy Phúc Âm này được tiếp tục rao giảng một cách tự do và không có một sự ngăn trở nào với chúng ta là những người sống ở một quốc gia như Singapore. Nhưng thời gian của chúng ta rồi cũng sẽ bị kết thúc khi, “cho đến chừng nào số Dân Ngoại nhập vào được đầy đủ,” tức là, khi số Dân Ngoại đã định được cứu sẽ được đếm. Rồi Y-sơ-ra-ên, nhánh Ô-li-ve bị quăng đi, sẽ được nhóm trở lại khi “cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu” (Rôm 11:26).

Một lý do tại sao Y-sơ-ra-ên phải được thành lập trở lại là lời hứa không thay đổi của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham. Lời hứa được cho ông và dòng dõi của ông là mãi mãi ban cho họ. Lý do khác tại sao Y-sơ-ra-ên phải được phục hồi sự vinh hiển của mình là vì lời hứa của Đức Chúa Trời cho Đa-vít một ngôi nước tồn tại mãi mãi phải được ứng nghiệm. Và ngôi nước đó phải được tái thiết lại một lần nữa bởi không ai khác là Đấng Christ, Đấng Mê-si-a, “Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ nẩy trên vai Ngài ... Chúa Bình an. Quyền cai trị và sự bình an của Ngài cứ thêm mãi không thôi, ở trên ngôi Đa-vít và trên nước Ngài, đặng làm cho nước bền vững, và lập lên trong sự chánh trực công bình, từ nay cho đến đời đời. Thật, lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm nên sự ấy!” (Ê-sai 9:5-7). Trong chân lý của các lời hứa này, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Y-sơ-ra-ên nhóm hiệp lại tại vùng đất của họ như một quốc gia.

Y-so-ra-ên lại trở nên một quốc gia vĩ đại, một sức mạnh siêu nhiên giữa các quốc gia A-rập rộng lớn hơn nhưng yếu kém hơn. Sa-tan không thích nhìn thấy Y-so-ra-ên được phục hồi sự vĩ đại ban đầu như trong ngày của Đa-vít và Sa-lô-môn.

Sa-tan xúi giục A-rập để chiến đấu cùng Y-so-ra-ên. Có năm cuộc chiến tranh: Vào năm 1948 người A-rập cố gắng ngăn trở Y-so-ra-ên trở thành một quốc gia nhưng họ đã thất bại. Năm 1956, Thế Chiến Thứ II nổ ra. Một lần nữa người A-rập đã thất bại. Năm 1967, Ai-cập, Sy-ri-a, Giô-đanh, đã bị thương nặng nề trong Trận Chiến Sáu Ngày. Cuộc chiến thứ tư, năm 1973, Trận Chiến Yom Kippur War hoặc Trận Chiến của Ngày Chuộc Tội, một lần nữa Y-so-ra-ên chiến thắng. Tất cả những chiến thắng này được tiên báo bởi Ê-sai, “Trong ngày đó, Chúa còn đặt tay một lần nữa đặng chuộc dân sót của Ngài, tức là kẻ sót lại bởi A-si-ri, Ê-díp-tô, Pha-trô, Cút, Ê-lam, Si-nê-a, Ha-mát cùng các cù lao biển. Chúa sẽ dựng một cây cờ cho các nước; nhóm những người Y-so-ra-ên bị đuổi, thâu những người Giu-đa lưu lạc, từ bốn góc đất. Bấy giờ sự ghen tuông của Êp-ra-im sẽ mất, kẻ khuấy rối Giu-đa sẽ bị trừ đi; Êp-ra-im không ghen ghét Giu-đa nữa, Giu-đa không khuấy rối Êp-ra-im nữa. Chúng nó sẽ bay trên vai dân Phi-li-tin về phía tây; cùng nhau cướp giựt con cái phương đông; tra tay trên Ê-đôm và Mô-áp; con cái Am-môn sẽ vâng phục họ. Đức Giê-hô-va sẽ làm cạn tất giải biển Ê-díp-tô; vung tay trên Sông cái bởi gió cháy của Ngài, đánh mà chia ra làm bảy suối, và khiến người ta có thể đi qua không ướt dép” (Ê-sai 11:11-15).

Trận chiến thứ năm được bắt đầu trên Li-ban [Lebanon], 1982 đến 1985. Sự xâm lược của Li-ban được tiên báo bởi tiên tri Xa-cha-ri. “Hỡi Li-ban, khá mở các cửa ngươi, cho lửa thiêu nuốt những cây bá hương ngươi! Hỡi cây thông, hãy kêu la! Vì cây bá hương đã ngã, những cây tốt đẹp đã bị hủy phá. Hỡi cây dẻ ở Ba-san, khá kêu la, vì rừng rậm đã bị chặt. Có tiếng than khóc của những kẻ chăn chiên! Vì sự vinh hiển của chúng nó đã bị hủy phá; có tiếng gầm thét của những sư tử con! Vì sự kiêu ngạo của Giô-đanh đã bị tột tàn. Giê-hô-va Đức

Chúa Trời ta phán như vậy: Hãy cho những con chiên sắp giết ăn cỏ; những kẻ mua nó giết đi, chẳng lấy làm phạm tội; còn kẻ bán thì nói rằng: Đức Giê-hô-va đáng ngợi khen, vì ta giàu có; và trong những kẻ chăn chẳng một người nào tiếc chúng nó. Đức Giê-hô-va phán: Vì ta chẳng tiếc dân cư đất này nữa; nhưng, này, ta sẽ phó ai nấy vào trong tay kẻ lân cận mình, và trong tay vua mình; chúng nó sẽ đánh đất, và ta sẽ không giải cứu khỏi tay chúng nó đâu” (Xa-cha-ri 11:1-6).

Làm thế nào mà những người A-rập (như một trung đội ra lệnh cho một đứa thiếu niên bước đi một mình) bị quăng dội ngược từng người một như trong phim Kung Fu? Sự bí mật của sự vĩ đại của Y-sơ-ra-ên như một quốc gia là Đức Chúa Trời. Và khi Đức Chúa Trời ở sau dòng dõi của Áp-ra-ham, người “bạn” của Ngài, Ngài đã giúp đỡ Y-sơ-ra-ên trong cuộc tấn công bất ngờ Entebbe, giải cứu hàng 100 con tin bị tấn công không tặc bởi người A-rập Phi-li-tin. Thêm nữa Đức Chúa Trời đã cho người Y-sơ-ra-ên có khả năng chống chọi lại sự hủy diệt của vũ khí nguyên tử ở I-rắc.

I-rắc đã trả đũa trong Cuộc Chiến Vùng Vịnh (Gulf War) gần đây với những trận bão tên lửa nhưng chẳng có ích gì. Y-sơ-ra-ên tiếp tục được giúp đỡ bởi Hoa Kỳ, một sức mạnh to lớn nhất trên thế giới, trong thời đại hòa bình theo lời tiên tri của Đa-ni-ên. Rabin đã bắt tay với Arafat dưới sự đỡ đầu của Clinton làm cả thế giới ngạc nhiên ngoại trừ những sinh viên học về lời tiên tri. Tất cả điều này là nhằm để Y-sơ-ra-ên có thể đóng góp vai trò trong sự hiện đến của Jê-sus Christ. Ví dụ Đấng Christ như một chiếc máy bay, cần Y-sơ-ra-ên để hạ cánh trong Sự Kiện Lần Thứ Nhất, và sân bay là Trinh Nữ Ma-ry, vì vậy Ngài cũng cần Y-sơ-ra-ên, một quốc gia được phục hồi, để trở lại trái đất lần hai đặng đoán xét các quốc gia.

Y-sơ-ra-ên chắc chắn trở thành một quốc gia vĩ đại trở lại, bởi vì Đức Chúa Trời đã đặt con dấu trên nó trong Áp-ra-ham (Sáng 12:3). Vì vậy những ai đã bắt bớ dòng dõi của Áp-ra-ham, người Do-thái, sẽ bị thất bại. Vâng, họ đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Kết cục thê thảm của Hít-le,

người căm ghét dân Do-thái và là người cực kỳ khét tiếng bài trừ Do-thái (arch anti-Semitic). Và rồi có sự dấy lên của Nasser, người muốn quăng hết những người Do-thái xuống biển trước Trận Chiến Sáu Ngày. Ông đã chết trong hậu quả của chiến tranh. Chúng ta căm tậ Chúa chúng ta biết bao vì Sadat, người kế vị của ông ấy, người đã đứng lên một mình và đã thiết lập sự hòa bình với Y-sơ-ra-ên. Sadat đã ngã xuống như một người tử đạo vì sự hòa bình của thế giới đã chết cách vinh quang.

Với sự bảo đảm an toàn ở biên giới phía nam của Y-sơ-ra-ên, nó có thể đối đầu với kẻ thù của nó bằng cái lưng đối với vách tường. Nhưng chiến tranh sẽ nổ ra lần nữa lên đến cực điểm tại Trận Chiến của Hama-ghê-đôn. Trong Trận Chiến cuối cùng này, Đấng Mê-si-a sẽ phải đến để cứu Y-sơ-ra-ên. Theo lời tiên tri của Xa-cha-ri về đỉnh điểm của Trận Chiến cuối cùng này, “Đức Giê-hô-va phán rằng: Xảy ra trong khắp đất, hai phần của nó sẽ bị diệt và mất, song một phần ba sẽ được còn lại. Ta sẽ đem một phần ba ấy vào lửa, ta sẽ luyện nó như luyện bạc, thử nó như thử vàng; chúng nó sẽ kêu cầu danh ta, và ta sẽ nhậm lời nó; ta sẽ phán rằng: Ấy là dân ta đây. Và nó sẽ nói rằng: Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời tôi. Nay, ngày của Đức Giê-hô-va đến, những của cướp người sẽ bị chia giữa người. Vậy ta sẽ nhóm mọi nước lại tranh chiến cùng Giê-ru-sa-lem, và thành sẽ bị lấy, nhà sẽ bị cướp, đàn bà sẽ bị hãm, phân nửa thành sẽ đi làm phu tù; nhưng dân còn lại sẽ không bị trừ bỏ khỏi thành. Bấy giờ Đức Giê-hô-va sẽ ra đánh cùng các nước đó, như Ngài đã đánh trong ngày chiến trận. Trong ngày đó, chân Ngài sẽ đứng trên núi Ô-li-ve, là núi đối ngang Giê-ru-sa-lem về phía đông; và núi Ô-li-ve sẽ bị xé ra chính giữa về phía đông và phía tây, đến nổi thành ra một trũng rất lớn; phân nửa núi dời qua phương bắc, phân nửa dời qua phương nam” (Xa 13:8–14:4, xem 1:11-12).

Thái độ của bạn là gì đối với Y-sơ-ra-ên? Nếu bạn có thái độ chống đối người Do-thái căm giặc giống như những quốc gia còn lại trên thế giới, hãy thay đổi nó bằng việc yêu mến Y-sơ-ra-ên. Hãy làm hòa thuận với

Y-so-ra-ên! Hãy làm hòa thuận với Y-so-ra-ên bởi vì nó được định trở nên vĩ đại.

Nó sẽ trở nên vĩ đại khi Chúa của chúng ta trở lại trái đất, ngồi trên ngai của tổ phụ Ngài là Đa-vít tại Giê-ru-sa-lem. Chúa Jê-sus sẽ cai trị trái đất kiệt quệ vì chiến tranh này với sự bình an trong một ngàn năm. “Tôi lại thấy những ngai, và những người ngồi trên ngai được quyền xét đoán. Kế đó, tôi thấy linh hồn những kẻ đã phải chết chém vì sự làm chứng cho Đức Chúa Jê-sus và vì lời Đức Chúa Trời, linh hồn những kẻ chẳng thờ lạy con thú cùng hình tượng nó, chẳng nhận dấu hiệu nó, hoặc trên trán hoặc trên tay. Các người ấy được sống và trị vì với Đấng Christ trong một ngàn năm” (Khải 20:4).

Sẽ không có một Cơ Quan Chỉ Huy Hiệp Chúng Quốc ở New York nữa. Thủ đô của thế giới sẽ chuyển đến Giê-ru-sa-lem, như được thấy trong sách của Tiên Tri Ê-sai. “Và nhiều dân tộc sẽ đến mà nói rằng: Hãy đến; chúng ta hãy lên núi Đức Giê-hô-va, nơi nhà Đức Chúa Trời của Gia-cốp: Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài, chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài. Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem. Ngài sẽ làm sự phán xét trong các nước, đoán định về nhiều dân. Bấy giờ họ sẽ lấy grom rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm. Nước này chẳng còn giá grom lên nghịch cùng nước khác, người ta chẳng còn tập sự chiến tranh” (Ê-sai 2:3-4).

Thật sự Y-so-ra-ên được định trở nên vĩ đại khi họ quay trở lại với Đấng Mê-si-a, Jê-sus người Na-xa-rét. Hãy để Y-so-ra-ên bây giờ nói: Hãy đến, mau chóng, Chúa Jê-sus. Amen.

SỰ THÔNG GIẢI LỜI TIÊN TRI

Những người theo giáo lý thiên hy niên chống lại Y-sơ-ra-ên (anti-Israel millennialists) như những người tin theo vô thiên hy niên (amillennialists), hậu thiên hy niên (postmillennialists), và cũng như lịch sử tiền thiên hy niên (historic premillennialists) đã sai trật trong quan điểm của họ về quốc gia Y-sơ-ra-ên. Họ nói rằng Đức Chúa Trời đã từ bỏ Y-sơ-ra-ên bởi vì tội lỗi của nó về sự khước từ Đấng Mê-si-a. Bây giờ đã bị Chúa bỏ, nó được thay thế bằng một Y-sơ-ra-ên mới: là Hội Thánh.

Các lời hứa của Đức Chúa Trời đã hứa cho Y-sơ-ra-ên bây giờ chuyển sang Hội Thánh.

Có đúng vậy không? Có phải Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên? Có phải Ngài đã rút lại các lời hứa mà Ngài đã hứa với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp? Câu trả lời là Không. Đức Chúa Trời không bao giờ từ bỏ Y-sơ-ra-ên. Tay của Đức Chúa Trời vẫn còn ở trên Y-sơ-ra-ên để bảo vệ và bảo quản họ. Đức Chúa Trời phải giữ lời Ngài. Mặc dầu Y-sơ-ra-ên đã phạm tội chống nghịch Đức Chúa Trời bởi việc khước từ Đấng Christ, nhưng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ và không thể nào thất lời. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên vì tội lỗi của họ, nhưng Đức Chúa Trời là chân thật trong Lời của Ngài, và thành tín trong Giao Ước mà Ngài đã hứa với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Đức Chúa Trời nói trong Thi-thiên 89:3, 34-36: “Ta đã lập giao ước cùng kẻ được chọn của ta, Ta đã thề cùng Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, mà rằng ... Ta sẽ không hề bội giao ước ta, cũng chẳng đổi lời đã ra khỏi môi miệng ta. Ta đã chỉ sự thánh ta mà thề một lần, cũng sẽ không hề nói dối với Đa-vít: Dòng dõi người sẽ còn đến đời đời, và ngôi người sẽ còn lâu như mặt trời ở trước mặt ta.”

Chúa đã lập lại tính đời đời của những lời hứa của Ngài với Y-sơ-ra-ên trong Giê-rê-mi 31:35-37, “Đức Giê-hô-va, là Đấng đã ban mặt trời

làm sự sáng ban ngày, ban thứ tự mặt trăng và ngôi sao soi ban đêm, lật biển lên, đến nỗi sóng nó gập thét, Đức Giê-hô-va vạn quân là danh của Ngài phán rằng: Nếu lệ luật đó mất đi khỏi trước mặt ta, thì bấy giờ dòng giống Y-sơ-ra-ên cũng sẽ thôi không làm một nước trước mặt ta đời đời, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va phán như vậy: Nếu trên có thể đo được trời, dưới có thể dò được nền đất; thì cũng vậy, ta sẽ bỏ trọn cả dòng giống Y-sơ-ra-ên vì có mọi điều chúng nó đã làm, Đức Giê-hô-va phán vậy.” Con người có thể thất hứa, nhưng Đức Chúa Trời thì không. Những lời hứa của Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên tất cả phải được ứng nghiệm.

Chính Phao-lô đã hỏi những ai nói rằng Đức Chúa Trời đã từ bỏ Y-sơ-ra-ên. “Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng? (Rôm 11:1). Trả lời: “Đức Chúa Trời cấm!” [God forbid! - KJV]. Trong Rô-ma 11:25-27, Phao-lô nói tiên tri rằng một ngày kia “cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu.”

Những người theo giáo lý thiên hy niên chống lại Y-sơ-ra-ên nói rằng Y-sơ-ra-ên này là Hội Thánh. Đây là sự thông giải Lời của Đức Chúa Trời sai trật. Đức Chúa Trời ý định những gì Ngài nói và nói những gì Ngài định. Nếu Phao-lô đang nói về Hội Thánh thay vì Y-sơ-ra-ên, thì ông có thể và cũng đã sử dụng thuật ngữ “Hội Thánh.” Ông đã không làm vậy. Ông không ám chỉ về Hội Thánh nhưng về Y-sơ-ra-ên (dân tộc được chọn lựa của Đức Chúa Trời) khi ông nói “cả Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu.”

Từ “Y-sơ-ra-ên” được sử dụng 70 lần trong Tân Ước, và trong mọi lúc nó được dùng, nó nói đến quốc gia của người Do-thái, chứ không phải Hội Thánh. Y-sơ-ra-ên là Y-sơ-ra-ên, Hội Thánh là Hội Thánh. Chúng ta không nên nhầm lẫn hai điều này. Quốc gia Y-sơ-ra-ên một ngày sẽ được cải đạo và sẽ nhận biết Jêsus là Đấng Mê-si-a của họ. Điều này sẽ xảy ra khi Đấng Christ trở lại. Y-sơ-ra-ên sẽ thật sự được vinh hiển trong ngày đó khi Chúa ngồi trên Ngai của Đa-vít tại Giê-ru-sa-lem cai trị trên toàn cả thế giới trong sự ứng nghiệm của tất cả các lời tiên tri trong Cựu Ước nói về nó. Và chúng ta đang thấy các lời hứa của Đức

Chúa Trời đang được giữ và các lời tiên tri được được ứng nghiệm ngày nay. Hãy xem Y-sơ-ra-ên ngày nay! Họ đã trở về vùng đất của họ trong sự ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai 11:11-12. Y-sơ-ra-ên phải trở về vùng đất của họ trước khi Chúa trở lại. Đây là một sự ám chỉ rằng Chúa trở lại rất nhanh chóng. Chúa sẽ trở lại nhanh chóng để hoàn thành sự phục hồi Y-sơ-ra-ên.

Quan điểm chống lại Y-sơ-ra-ên là có vấn đề và bị nghi vấn. Nếu Đức Chúa Trời thật sự đã từ bỏ Y-sơ-ra-ên vì tội lỗi của nó, vậy điều gì có thể khiến Hội Thánh chắc chắn rằng Hội Thánh cũng sẽ không bị từ bỏ? Há chúng ta không phạm tội giống như Y-sơ-ra-ên sao? Há chúng ta cũng đã từng không vâng lời sao? Há chúng ta không bất tuân Mười Điều Răn, và tiếp tục bất tuân những Điều Răn này sao? Đức Chúa Trời có nên từ bỏ chúng ta chăng? Đức Chúa Trời ngăn cấm! Đức Chúa Trời trung tín với Lời của Ngài, và sẽ cứu chúng ta cho đến cuối cùng. Khi chúng ta phạm tội, Ngài sẽ sửa phạt chúng ta. “Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu, hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt” (Hêb 12:6). Những người tin là con cái của Đức Chúa Trời. Chúa, trung tín với Lời Ngài, sẽ không và không thể nào từ bỏ con cái của Ngài. Cũng vậy, khi Y-sơ-ra-ên phạm tội, Đức Chúa Trời sẽ phạt họ. Nhưng Y-sơ-ra-ên vẫn mãi là quốc gia đặc biệt và được chọn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ từ bỏ họ. Các lời hứa của Đấng Christ có thể được tin cậy.

Vấn đề then chốt với những người theo thiên hy niên chống đối Y-sơ-ra-ên là trong phương pháp thông giải Kinh Thánh. Làm thế nào họ thông giải các lời tiên tri trong Kinh Thánh mà đề cập đến Y-sơ-ra-ên? Họ nói những lời tiên tri này không nên giải thích theo nghĩa đen nhưng phải theo nghĩa thuộc linh.

Làm thế nào họ có thể làm vậy được? Ví dụ, Xa-cha-ri 8:20-23 là một lời tiên tri mà nó sẽ được ứng nghiệm trong thiên hy niên. Nhưng những người theo thiên hy niên chống đối Y-sơ-ra-ên nói: Không, nó được ứng nghiệm bởi Cơ Đốc Nhân và bởi Hội Thánh. Đọc Xa-cha-ri

8:20-23, “Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Sẽ xảy ra các dân và dân cư nhiều thành đều đến, và dân cư thành này đi đến thành khác mà nói rằng: Chúng ta hãy đi mau, đừng nài xin ơn Đức Giê-hô-va, và tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân; ta cũng sẽ đi. Như vậy có nhiều dân và nhiều nước mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân tại Giê-ru-sa-lem (đọc là “Hội Thánh”), và ở đó nài xin ơn Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Sẽ xảy ra trong những ngày đó, có mười người từ mọi thứ tiếng trong các nước ra, nắm chặt vạt áo của một người Do-thái (đọc là Cơ Đốc Nhân), mà nói rằng: Chúng ta sẽ đi cùng các ngươi, vì chúng ta có nghe rằng Đức Giê-hô-va ở cùng các ngươi.” Những người theo thiên hy niên chống Y-sơ-ra-ên nói “Giê-ru-sa-lem” có nghĩa “Hội Thánh,” và “Do-thái” là “Cơ Đốc Nhân.” Vậy còn Xa-cha-ri 9:9 thì làm sao, “Hỡi con gái Si-ôn, hãy mừng rỡ cả thể! Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy trỗi tiếng reo vui! Đây, Vua ngươi đến cùng ngươi, Ngài là công bình và ban sự cứu rỗi, nhu mì và cỡi lừa, tức là con của lừa cái.” Lời tiên tri này đã được ứng nghiệm theo nghĩa đen bởi Chúa Jêsus Christ trong sự tiến vào thành Giê-ru-sa-lem (xem Luca 19:38). Sự sai lầm của những người theo thiên hy niên chống Y-sơ-ra-ên là rõ ràng. Nếu Xa-cha-ri 9 là theo nghĩa đen, tại sao Xa-cha-ri 8 lại mang ý nghĩa thuộc linh?

Có bao nhiêu câu mà chúng ta sẽ hiểu sai nếu chúng ta tiếp nhận phương pháp giải thích lời tiên tri của những người theo thiên hy niên chống Y-sơ-ra-ên? Không phải chỉ một hay hai, nhưng có đến 4.200 câu! Hãy quan sát luật vàng của phép phân giải Kinh Thánh, “Khi một ý nghĩa rõ ràng tạo nên một ý nghĩa thông thường, không nên tìm kiếm một ý nghĩa khác.”

Có chừng 4.200 câu trong Kinh Thánh nói về sự đến lần hai của Đấng Christ. Đó là tổng số câu trong Tân Ước trừ ra bốn sách Phúc Âm. Như vậy nó có rất nhiều câu Kinh Thánh! Do đó chúng ta không cho phép phương pháp của những người theo thiên hy niên chống Y-sơ-ra-ên giải thích những ý nghĩa mà nó thật sự không có ý nói như vậy. Đức

Chúa Trời lệnh cho chúng ta hiểu các lời tiên tri trong Cựu Ước theo nghĩa đen.

Chúng ta có nhiều lời tiên tri trong Cựu Ước về sự đến Lần Nhất và Lần Hai của Đấng Christ. Các lời tiên tri về sự đến Lần Nhất của Đấng Christ đã được ứng nghiệm theo nghĩa đen. Ê-sai nói tiên tri, “này, một gái đồng trinh sẽ chịu thai, sanh ra một trai, và đặt tên là Em-ma-nu-ên” (Ê-sai 7:14). Há nó không được ứng nghiệm theo nghĩa đen sao? Jê-sus thật đã được sinh ra bởi một trinh nữ. Mi-chê 5:2 nói tiên tri rằng Jê-sus được sinh ra ở Bết-lê-hem. Chẳng phải Jê-sus không được sinh ra ở Bết-lê-hem sao? Trinh nữ có nghĩa là trinh nữ, Bết-lê-hem có nghĩa là Bết-lê-hem. Nếu các lời tiên tri trong Cựu Ước liên quan về sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ đã được ứng nghiệm theo nghĩa đen, vậy tại sao chúng ta lại nói rằng các lời tiên tri về sự đến lần thứ hai của Đấng Christ được ứng nghiệm theo nghĩa thuộc linh? Nó thật vô lý. Nếu các lời tiên tri về Sự Đến Lần Nhất của Đấng Christ là nghĩa đen, vậy thì Sự Đến Lần Hai của Đấng Christ cũng phải ở nghĩa đen vậy. Đức Chúa Trời có ý định về những gì Ngài nói và Ngài nói những gì Ngài có ý định. Y-sơ-ra-ên có nghĩa là Y-sơ-ra-ên; Si-ôn có nghĩa là Si-ôn; Giê-ru-sa-lem có nghĩa là Giê-ru-sa-lem.

Vì vậy, chúng ta khước từ quan điểm của những người theo thiên hy niên chống Y-sơ-ra-ên về ngày sau rốt, và phương pháp sai lầm của nó về việc phân giải các lời tiên tri trong Kinh Thánh.

BẢY MƯƠI TUẦN LỄ CỦA ĐA-NI-ÊN

Khải tượng về Bảy Mươi Tuần Lễ đến với Đa-ni-ên trong năm 537 TC, sau 69 năm ông bị mang đi lưu đày đến Ba-by-lôn (606 TC), và một

năm trước Si-ru [Cyrus], Vua của Phe-rơ-sơ [Persia] và kẻ xâm lược Ba-by-lôn, ra lệnh phóng thích người Do-thái để trở về Giê-ru-sa-lem.

Vị tiên tri thuộc hoàng tộc này người đã đánh bại các vua và sư tử là một người có thân vị cao quý hơn hoàng tộc cao nhất. Người là sứ giả của Đức Chúa Trời đến với mọi vương quốc cai trị, người là vị lãnh đạo thuộc linh của Y-sơ-ra-ên trong những năm lưu đày. Xuyên suốt quãng thời gian đen tối của sự lưu đày, Đa-ni-ên không chỉ giao thông với Giê-hô-va Đức Chúa Trời Quyền Năng bằng sự cầu nguyện và nài xin, nhưng cũng nghiên cứu Kinh Thánh. Phần Kinh Thánh mà đã đánh động ông cụ thể là lời tiên tri của Giê-rê-mi về sự lưu đày của Y-sơ-ra-ên 70 năm (Giê 25:9-11; 29:10). Tại lúc này là đã năm thứ 69, vị tiên tri đã bị kiểm soát với một tinh thần mong đợi với biết bao hy vọng và run sợ khi đối diện với một Ngày mới mà bình minh hé lộ nhanh chóng!

Giống như một người canh giữ trong khái tượng của Ê-xê-chi-ên, vâng, như chính Ê-xê-chi-ên (Ê-xê 33:7), Đa-ni-ên cứ trung tín trong bảy thập kỷ này như người canh giữ nhà của Đức Chúa Trời. Ông là một người canh cửa đứng trước cửa chuồng chiên đang hầu việc Đấng Chăn Chiên khi đi vào bên trong hay dẫn chiên ra ngoài. Không giống như một người chăn thuê, ông không chạy trốn lúc hiểm nguy (Giăng 10:12).

Tiến Sĩ Chia Yu Ming, một nhà thần học đầu tiên của Trung Quốc, đã giống như Đa-ni-ên. Trong tháng Tám năm 1948, khi ông rời khỏi Cuộc Họp Đầu Tiên của Hội Nghị Của Các Hội Thánh Trên Thế Giới (ICCC) tại Amsterdam, Những người theo Chủ Nghĩa Cộng Sản đã theo sát gót Đội Quân Giải Phóng giao tranh với đạo quân hậu tập. Chế độ Chiang Kaishek sắp sụp đổ. Nhưng ông đã vâng phục ý muốn của Đức Chúa Trời để trở lại Nanking. Ông nói ông có một nhiệm vụ, như là một người lãnh đạo thuộc linh ở Trung Quốc, để trở về để chăm sóc bầy của Hội Thánh người Hoa. Lúc đó ông khoảng 80 tuổi, như Đa-ni-ên.

Rất cần có một người làm chứng cho các vua và các nhà cầm quyền từ giữa các nhà lãnh đạo thuộc linh của quốc gia. Làm thế nào Đa-ni-ên tiến đến Chúa trong thời giờ giao thoa, chờ đợi sự đến của một ngày mới? Bởi việc cầu nguyện và nài xin sốt sắng (c 3). Ông đã xưng các tội lỗi của mình trước hết và rồi tội lỗi của dân sự của ông, chấp nhận số phận lưu đày như là sự đoán xét công bình từ tay của Đức Chúa Trời bởi vì họ đã bất tuân Luật Pháp mà Môi-se đã cho tổ phụ của họ. Sự lưu đày và lưu vong của họ với sự hoang tàn của Giê-ru-sa-lem là một “sự rửa sả, và thề nguyện được chép trong luật pháp Môi-se là tội tở Đức Chúa Trời, đã đổ ra trên chúng tôi, vì chúng tôi đã phạm tội nghịch cùng Ngài” (Đan 9:11). Sự rửa sả này được nói đến trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 28 “và Đức Giê-hô-va sẽ tản lạc người trong các dân, Trong các nước ấy, người không được an tịnh, bàn chân người không được nghỉ ngơi; nhưng tại đó Đức Giê-hô-va sẽ ban cho người một tấm lòng run sợ, mắt mờ yếu, và linh hồn hao mòn. Sự sống người vẫn không chắc trước mặt người; ngày và đêm người hằng sợ hãi, khó liệu bảo tồn sự sống mình. Bởi có sự kinh khủng đầy dẫy lòng người, và bi cảnh mắt người sẽ thấy, nên sớm mai người sẽ nói: Chớ chi được chiều tối rồi! Chiều tối người sẽ nói: Ước gì được sáng mai rồi! Đức Giê-hô-va sẽ khiến người đi tàu trở lại xứ Ê-díp-tô, bởi con đường mà trước ta đã nói: Người không thấy nó nữa; ở đó, người sẽ đem bán mình cho kẻ thù nghịch làm nô và tì, nhưng không có ai mua!” (Phục 28:64-68).

Ngày nay, Y-sơ-ra-ên đã trở về lãnh thổ của họ. Nó đã chiến thắng năm trận chiến thắng những kẻ thù lân cận A-rập, nhưng đã bị lấy nhiễm bởi những người Palestine là những người có vùng đất bị Y-sơ-ra-ên chiếm đóng trong Trận Chiến Sáu Ngày (1967). Bây giờ nó đã giải hòa với họ. Nhưng theo Kinh Thánh, sẽ không có một sự bình an nào hết cho đến khi Đấng Mê-si-a đến. Y-sơ-ra-ên cần khiêm nhường trong sự cầu nguyện và nài xin lên Đức Chúa Trời của tổ phụ của họ là hơn những gì họ đang nỗ lực bằng ngoại giao. Không có sự bình an cho đến khi sự bình an được thiết lập với Đức Chúa Trời (Rô-ma 5:1). Cách thức này luôn đúng, “Hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đến gần

anh em” (Gia-cơ 4:8). Thật vậy, khi Đa-ni-ên đã tìm kiếm sự tha thứ của Chúa cả cho chính ông và cho dân sự của ông trong sự lưu đày và cho sự tái thiết của Giê-ru-sa-lem, thì đột nhiên thiên sứ Gáp-ri-ên bay nhanh đến với ông vào khoảng thời gian của lễ dâng bánh (3 giờ chiều). (Gáp-ri-ên này cũng chính là vị thiên sứ vài thế kỷ sau đến với Trinh Nữ Ma-ry loan báo sự giáng sinh của Chúa Cứu Thế-Lu-ca 1:16-35). Đa-ni-ên 9:24-27 ký thuật sứ điệp được loan báo bởi Gáp-ri-ên cho Đa-ni-ên: “Có bảy mươi tuần lễ định trên dân người và thành thánh người, đặng ngăn sự phạm phép, trừ tội lỗi, làm sạch sự gian ác, và đem sự công bình đời đời vào, đặng đặt ấn tín nơi sự hiện thấy và lời tiên tri, và xúc dầu cho Đấng rất thánh. Người khá biết và hiểu rằng từ khi ra lệnh tu bổ và xây lại Giê-ru-sa-lem, cho đến Đấng chịu xúc dầu, tức là vua, thì được bảy tuần lễ, và sáu mươi hai tuần lễ; thành đó sẽ được xây lại, có đường phố và hào, trong kỳ khó khăn. Sau sáu mươi hai tuần lễ đó, Đấng chịu xúc dầu sẽ bị trừ đi, và sẽ không có chi hết. Có dân của vua hầu đến sẽ hủy phá thành và nơi thánh; cuối cùng nó sẽ như bị nước lụt ngập, có sự tranh chiến cho đến cuối cùng; những sự hoang vu đã định. Người sẽ lập giao ước vững bền với nhiều người trong một tuần lễ, và đến giữa tuần ấy, người sẽ khiến của lễ và của lễ chay dứt đi. Kẻ hủy phá sẽ đến bởi cánh góm ghiếc, và sẽ có sự giận dữ đổ trên nơi bị hoang vu, cho đến kỳ sau rốt, là kỳ đã định.”

Khi Đa-ni-ên đang suy nghĩ rằng kỳ sau rốt của 70 năm lưu đày theo lời tiên tri của Giê-rê-mi đánh dấu sự khởi đầu của Vương Quốc của Đấng Mê-si-a, Đức Chúa Trời đúng hơn là đã khai tỏ những gì sẽ xảy ra cho Y-sơ-ra-ên sau 490 năm.

Khoảng thời gian của 490 năm tiên tri yêu cầu (1) ngăn sự phạm phép, có nghĩa là dời bỏ sự phạm tội khỏi mắt Chúa; (2) trừ tội lỗi, nghĩa là chấm dứt diễn biến của tội lỗi (Khải 21:3-4); (3) làm sạch sự gian ác, nghĩa là làm sự chuộc tội cho dân sự (Xa 12:10, Giê 50:4-5, 34); (4) và đem sự công bình đời đời vào, đặng đặt ấn tín nơi sự hiện thấy và lời tiên tri, và xúc dầu cho Đấng rất thánh, nghĩa là ban cho sự công bình thật và sự bình an mãi mãi (Giê 31:33-34); (5) đặt ấn tín nơi sự hiện thấy và lời tiên tri, tức là làm cho ứng nghiệm mọi lời tiên tri của Kinh

Thánh (Mat 5:17-18, Hêb 1:1-3); và (6) xúc dầu cho Đấng rất thánh, tức là tái thiết lại đền thờ trong Giê-ru-sa-lem (Ê-xơ-ra 1:1-4).

Lời tiên tri của Đa-ni-ên bao gồm ($7 \times 7 = 49$ năm) + ($62 \times 7 = 434$ năm) + ($1 \times 7 = 7$ năm) = 490 năm. Khi nào nó sẽ bắt đầu và khi nào nó kết thúc? Từ mạng lệnh của việc tái thiết đền thờ Giê-ru-sa-lem cho đến Đấng Mê-si-a là 483 năm (69×7 năm). Các năm tiên tri ở đây phải được hiểu là năm có 360 ngày (theo lịch của người Do-thái, chứ không theo lịch 365 ngày của Gregorian). Sự hiểu biết này về năm tiên tri 360 ngày được ủng hộ bởi thời gian được miêu tả trong Khải Huyền 11:2-3.

Sáu mươi chín tuần hay 483 năm sẽ bắt đầu với việc ra mạng lệnh của Artaxerxes (Artaxerxes) vào năm 445 TC (Nêh 2), và kết thúc bằng sự đóng đinh của Đấng Mê-si-a trong khoảng thời gian 30 SC. Sáu mươi chín tuần được chia làm hai phần: (1) Bốn mươi chín năm là những năm mà Giê-ru-sa-lem được tái thiết (Nêh 6), và (2) Bốn trăm ba mươi bốn năm chấm dứt với sự đóng đinh Đấng Christ. Bốn mươi năm sau khi Đấng Christ bị đóng đinh thì Giê-ru-sa-lem bị hủy phá bởi Tướng Titus người Rô-ma. Theo Josephus, một sử gia người Do-thái, có hàng triệu người Do-thái bị tàn sát. Những người Do-thái còn sống sót bị đuổi ra khỏi quê hương của họ, và bị phân tán đến tận bốn phương trời.

Giữa khoảng 69 tuần đến tuần thứ 70, có một sự tạm ngưng: một khoảng thời gian nhịn nhục của Đức Chúa Trời (II Phi 3:9). Nhưng khi thời gian đã hết, tuần thứ bảy mươi sẽ được khởi đầu với việc An-ti Christ thiết lập sự hòa bình với Y-sơ-ra-ên (Đan 9:27), và cuối cùng kết thúc với một trận đánh của Ha-ma-ghe-đôn (Khải 16:16).

Với việc trừ bỏ (cutting off) Đấng Mê-si-a chiếc “đồng hồ” dường như ngừng gõ. Trong “chuỗi tiên tri” của Đa-ni-ên (prophescope) những gì ở trong tương lai xa xôi được chú trọng, tức là: tuần lễ cuối cùng hay tuần thứ bảy mươi. Với việc nói đến vị vua được đề cập đến ở phần

trước, người ấy có thể là An-ti Christ, kẻ Độc Tài của Thế Giới: “Người sẽ lập giao ước vững bền với nhiều người trong một tuần lễ.” Những nhà giải kinh cho biết khái quát về giao ước này là với người Do-thái, nhưng với chúng tôi thì cho rằng nó cũng thiết lập với những người Ngoại Bang nữa, cũng như hết thảy những ai đến trong quỹ đạo của hắn. Trong giao ước này hắn ta đem những người Do-thái với những người A-rập đến với nhau.

Nhưng sau ba năm rưỡi, hắn ta sẽ khiến “của lễ và của lễ chay dứt đi. Kẻ hủy phá sẽ đến bởi cánh góm ghiếc, và sẽ có sự giận dữ đổ trên nơi bị hoang vu, cho đến kỳ sau rốt, là kỳ đã định.” Những sinh viên Kinh Thánh kết luận khái quát rằng bởi sẽ có những của tế lễ trong Cựu Ước tái hiện, đền thờ lúc này có thể đã được tái thiết. Trong ý kiến của chúng tôi thì nó không cần thiết dời các ngọn núi để làm điều này với việc nắm giữ ngôi thánh điện Mosque của Omar và Al Aqsa Mosque của những người theo Hồi Giáo gần nơi mà họ chiếm giữ khuôn viên truyền thống của đền thờ. Trong ý kiến của chúng tôi, đền thờ sẽ không được xây lại bởi vì không có một sự ủy thác nào để làm vậy, như trong cả hai đền thờ của Môi-se và của Sa-lô-môn, vâng, thậm chí trong sự tái thiết đền thờ bởi chiếu chỉ của Si-ru (Ê-xơ-ra 1:1-2). Thậm chí Đa-vít cũng không thể xây đền thờ (I Sử 28:3). Không ai có thể lên trên núi thánh của Đức Chúa Trời ngoại trừ bàn tay người ấy được làm sạch và tấm lòng được thanh tẩy (Thi 24:4). Đền thờ tái thiết đúng hơn là đền thờ trong một ngàn năm bình an trong Ê-xê-chi-ên 40 đến 48.

Những gì chúng ta nói ở trên được làm vững thêm bởi một số học giả chánh thống giáo là những người cho rằng sự tái thiết đền thờ phải để cho Đấng Mê-si-a chính là người sẽ thiết kế đền thờ trong ngày phán xét. Đối với những người Do-thái chánh thống giáo đền thờ trên núi là thánh khiết đến nỗi những học giả đã ngăn cấm người ta đi trên khu đất và chống lại sự khai quật nghiên cứu khoa học trong việc nghiên cứu nền móng của đền thờ nguyên thủy.

Còn về sự tiên đoán rằng nơi thánh sẽ bị báng bỏ thì sao (Mat 24:15)? Phải chăng nơi thánh ám chỉ đền thờ?

Câu hỏi về sự báng bỏ của những của tế lễ của người Do-thái trong nơi thánh đã giải quyết nếu chúng ta có thể học một bài học từ lịch sử. Hãy nhớ những người hồi hương từ xứ Ba-by-lôn đến Giê-ru-sa-lem dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua? Trước khi họ tái thiết đền thờ họ phải lập một bàn thờ và dâng của tế lễ “ở nơi trống” (Ê-xo-ra 3:2-3). Có thể nào một vào người Do-thái cuồng tín đã đi vào một góc của đền thờ và xây một bàn thờ gấp gấp, như trong thời gian của Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua và dâng của tế lễ lên trên? Điều này sẽ làm điên tiết những người A-rập là những người chiếm hữu đền thờ trên núi của Giê-ru-sa-lem đến nỗi họ cố giữ một trạng thái cân bằng trong kế hoạch bình an để rồi An-ti Christ phải tham gia vào đặng báng bỏ nó như là một của tế lễ cho người A-rập.

Bây giờ, nếu nó được hỏi rằng, “Còn về sự tiên đoán của Phao-lô rằng 'có người tội ác, con của sự hư mất hiện ra, tức là kẻ đối địch, tôn mình lên trên mọi sự mà người ta xưng là Đức Chúa Trời hoặc người ta thờ lạy, rất dối ngòi trong đền Đức Chúa Trời, chính mình tự xưng là Đức Chúa Trời' (II Tê-s 2:3-4) là gì?” Câu trả lời của chúng ta có thể là sự xâm nhập vào Nhà Hội Lớn Giê-ru-sa-lem ở phía Đông Giê-ru-sa-lem. Đây là nơi thánh nhất của người Do-thái.

Không ai có thể xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời ngoại trừ sự ủy thác của Ngài. Chính vua Đa-vít không thể xây nó (II Sứ 28:2-6). Sự ủy thác đó được ban cho Sa-lô-môn. Ông đã xây đền thờ đầu tiên. Nguyên tắc tương tự đó áp dụng cho việc xây dựng đền thờ thứ hai. Sự ủy thác thiêng liêng được ban cho Xô-rô-ba-bên quan trưởng và Giê-hô-sua thầy tế lễ cả (Xach 4:9-14). Vậy sự ủy thác ban cho ai trong việc xây đền thờ thứ ba? Không cho bất cứ ai ngoài Chúa Jê-sus Christ Ngài sẽ xây đền thờ trong thiên hy niên khi Ngài trở lại để cai quản một ngàn năm sau Đại Nạn (Ê-xê 40-48).

SỰ SỐNG LẠI VÀ SỰ CÁT LÊN

Tất cả các Cơ Đốc Nhân một ngày hoặc sẽ được sống lại hoặc sẽ được cất lên. Điều này được xảy ra cho đời sống của tín đồ sau này—sự sống sau khi chết và sự sống sau sự sống. Niềm hy vọng phước hạnh của tín đồ này được dạy bởi Sứ Đồ Phao-lô trong I Cô-rinh-tô 15:51-53 và I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18.

Sự phục sinh của Jêsus Christ là một nền tảng cho sự phục sinh và sự cất lên của các thánh đồ. Trong I Cô-rinh-tô 15:20-23, Phao-lô viết, “Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của những kẻ ngủ. Và, vì chung bởi một người mà có sự chết, thì cũng bởi một người mà có sự sống lại của những kẻ chết. Như trong A-đam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại, nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa; rồi tới ngày Đấng Christ đến, những kẻ thuộc về Ngài sẽ sống lại.” Đấng Christ là Kiểu Mẫu của sự phục sinh.

Sự phục sinh của Ngài đảm bảo sự phục sinh của tất cả ai thuộc về vương quốc của Ngài. A-đam là một người đại diện cho loài người lúc ban đầu. Trong vườn, A-đam đã sa vào trong tội lỗi, và mọi người sa vào tội lỗi với ông và ở dưới sự phán xét của sự chết vì có tội lỗi của ông (Sáng 2:16-17, 3:1-7). Nhưng Đức Chúa Trời đã nhân từ, và phán hứa cho một Cứu Chúa Jêsus Christ (Sáng 3:15). Đấng Christ, một A-đam lớn hơn, là một Đại Diện Thay Thế của loài người, và mọi tín đồ, vì có sự chết của Ngài trên thập tự giá, sẽ nhận được món quà của sự sống đời đời và sự sống vĩnh cửu (Rôm 5:12-21). “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời” (Giăng 3:16).

Mọi tín đồ, giống như Đấng Christ Cứu Chúa của họ, sẽ được sống lại vào ngày đó. “Và, thể hay hư nát này phải mặc lấy sự không hay hư nát, và thể hay chết này phải mặc lấy sự không hay chết. Khi nào thể hay hư nát này mặc lấy sự không hay hư nát, thể hay chết này mặc lấy sự không hay chết, thì được ứng nghiệm lời Kinh thánh rằng: Sự chết

đã bị nuốt mất trong sự thắng. Hỡi sự chết, sự thắng của mày ở đâu? Hỡi sự chết, cái nọc của mày ở đâu. Cái nọc sự chết là tội lỗi, sức mạnh tội lỗi là luật pháp. Nhưng, tạ ơn Đức Chúa Trời đã cho chúng ta sự thắng, nhờ Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta” (I Côr 15:53-57).

Trước khi con thành nô của Đấng Christ giáng xuống thế giới gian ác này, không chỉ có sự sống lại của các tín đồ là những người có thể đã chết trong Đấng Christ, nhưng cũng có sự cất lên của các tín đồ là những người vẫn còn sống trên mặt đất khi Jêsus trở lại trên đám mây. Từ “cất lên” (rapture) là từ La-tinh được dịch từ tiếng Hy-lạp *harpazo*, “caught up,” trong I Tê-sa-lô-ni-ca 4:17 (Xem Công 8:39, II Côr 12:2, 4).







Việc cất lên trên thiên đàng khi họ vẫn còn sống trên đất không phải là việc chưa từng xảy ra trước kia. Trong Cựu Ước, chúng ta có ví dụ của Ê-nóc và Ê-li là hai người đã được cất lên khi họ còn đang sống (Sáng 5:24 và II Các 2:11).

Cả Ê-nóc và Ê-li không kinh nghiệm sự chết, và trong ngày sau rốt khi Jêsus trở lại, sẽ có nhiều tín đồ sẽ không nếm sự chết, nhưng sẽ được cất lên đột ngột để gặp Chúa trên không trung. Đây là một niềm hy vọng phước hạnh của các tín đồ Tân Ước.

Phao-lô gọi sự cất lên là một “sự mầu nhiệm” (I Côr 15:51). Từ “sự mầu nhiệm” (Hy-lạp *musterion*) được sử dụng 27 lần trong Tân Ước nhằm để nói đến các lẽ thật chưa được biết hoàn toàn trong Cựu Ước nhưng bây giờ được bày tỏ rõ ràng trong Tân Ước. Bây giờ nó được bày tỏ rõ ràng rằng khi tiếng kèn chót được thổi lên, tất cả các thánh đồ sẽ được biến hóa trong tích tắc (I Côr 15:52). Ở đây tiếng kèn có nghĩa là gì? Tiếng kèn này có hai nghĩa: (1) nó là tiếng kêu gọi để thờ phượng (Khải 11:15-17), và (2) nó là tiếng gọi để tranh chiến (Khải 11:18). Các thánh đồ được gọi để thờ phượng Đức Chúa Trời trên thiên đàng, và các thiên sứ được gọi để đỡ con thành nô của Đức Chúa Trời xuống mặt đất.

Khi nào tiếng kèn chót được thổi lên, “trong giây phút, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót; vì kèn sẽ thổi, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa. Và, thể hay hư nát này phải mặc lấy sự không hay hư nát, và thể hay chết này phải mặc lấy sự không hay chết” (I Côr 15:52-53). Hay nói cách khác, bàn tay năng quyền của Chúa sẽ làm cho thân thể của các thánh đồ đã chết sống lại, và các tín đồ đang sống sẽ được cất lên, và sẽ nhận lấy thân thể vinh hiển ấy là thứ tồn tại mãi mãi.

Xem xét về thời gian của sự cất lên, có năm quan điểm: (1) Tiên Đại Nạn: sự cất lên sẽ xảy ra trước bảy năm Đại Nạn; (2) Trung Đại Nạn: sự cất lên sẽ xảy ra ở giữa (tức là ở ba năm rưỡi) của Đại Nạn; (3) Tiền Giận: sự cất lên xảy ra ở ngay điểm ba phần tư của Đại Nạn; (4) Hậu Đại Nạn: Hội Thánh sẽ trải qua cơn Đại Nạn, và sự cất lên sẽ xảy ra duy nhất ngay tại lúc nó kết thúc; và (5) Từng Phần: có nhiều tín đồ thuộc linh sẽ được cất lên trước lúc ban đầu, còn những tín đồ không thuộc linh sẽ được cất lên vào khoảng giữa, và những tín đồ xác thịt thì chỉ được cất lên lúc cuối cơn Đại Nạn.

CHÚA TRỞ LẠI TRÁI ĐẤT VUA CỦA CÁC VUA, CHÚA CỦA CÁC CHÚA		NGÀI CAI TRỊ 1000 NĂM	SỰ PHÂN XÉT CUỐI CÙNG	“NÀY, TA LÀM MỚI LẠI HẾT THẤY MUÔN VẬT” (KHAI 21:5)	
<p>Chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống; bảy giờ nhưng kẻ chết trong Đấng Christ, sẽ sống lại trước hết. I Côr 15:52; I Tê-s 4:16-17</p>	<p>Tin đồ được cất lên để gặp Chúa trên không trung; tại a) Bệ Ngai Phân Xét của Christ - II Côr 5:10 b) Tiệc Cưới của Chiên Con - Khải 19:9</p> <p>Cả trái đất trốn khỏi CƠN GIẬN CỦA CHIÊN CON - Khải 6:15,16</p> <p>AN-TI CHRIST CAI TRỊ Khải 13</p> 	<p>Kia, Chúa đến với muôn vạn thánh - Giu-đe 14</p> <p>Mọi Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu - Xach 12:10, Rôm 11:26</p> <p>NƯỚC CHÚA ĐƯỢC ĐẾN</p> 	<p>a) Các Lời Tiên Tri Cựu được ứng nghiệm b) Lời Cầu Nguyên của Chúa được trả lời c) Chúng ta sẽ cai trị với Chúa 1000 năm Khải 5:10; 20:6 d) Y-sơ-ra-ên được phục hồi, là đầu của các nước</p> <p>Sa-tan được thả ra, lừa dối các nước, lừa của Chúa thiêu đốt chúng - Khải 20:7-9</p> <p>TRÁI ĐẤT BỊ ĐỐT</p>  <p>II Phi 3:10</p>	 <p>TRỜI MỚI</p>  <p>GIÊ-RU-SA-LEM MỚI</p>  <p>ĐẤT MỚI</p> <p>ĐƯỢC GIÀNH CHO NHỮNG AI ĐƯỢC GHI TÊN TRONG SÁCH SỰ SỐNG CỦA CHIÊN CON - Khải 21:27</p>	
SỰ SỐNG LẠI ĐẦU NHỨT	ĐẠI NẠN (7 Năm)	ARMA-MA-GHE-ĐÔN	Tạo vật được giải thoát khỏi tội mọi của sự hư nát - Rôm 8:21	Sự Phục Sinh - Khải 20:5, 13	TÒA AN LỬN VÀ TRẮNG "mọi người tùy theo công việc của họ" - Khải 20:13
Sự Cứu Chuộc Đầy Trọn của Các Thánh Đồ và Tạo Vật Rô-ma 8:22-23		Sa-tan bị trôi, bị ném vào vực sâu không đáy - Khải 20:1-3		HỒ LỬA ĐƯỢC GIÀNH CHO SA-TAN, VÀ NHỮNG NGƯỜI THEO NƠ Khải 20:10-15	

Quan điểm Từng Phần về sự cất lên đã biện hộ cho nhiều sự cất lên là không thể đứng vững nổi vì một vài lý do: (1) Sự cất lên được cho là một sự kiện đơn chiếc xảy ra lúc tiếng kèn chót, và (2) Khoảng thời gian Đại Nạn sẽ trở thành một ngục luyện tội của những người tin lành nếu tín đồ vượt qua cơn Đại Nạn đó. Quan điểm Hậu Đại Nạn về sự cất lên cũng không đứng vững nổi bởi vì nó có ý nói tín đồ sẽ bị khổ nạn dưới cơn thanh nộ hầu đến. Điều này trái ngược với I Tê-sa-lô-ni-ca 5:9 nói với các tín đồ là không bị định dưới cơn thanh nộ.

Chỉ có các quan điểm có thể đứng nổi là Tiền Đại Nạn, Trung Đại Nạn, Tiền Giận. Chúng ta phải nên chấp nhận chứ không nên độc đoán về một quan điểm nào trong số ba quan điểm này cái nào là đúng. Hoặc “Tiền Đại Nạn,” “Trung Đại Nạn,” hay “Tiền Giận,” điều quan trọng nhất là cần phải chắc chắn rằng khi Đấng Christ đến trên đám mây, chúng ta sẽ được cất lên để gặp Ngài trên không trung. Chúng ta cần phải chắc chắn về sự cứu rỗi của chúng ta. Nhưng nếu bạn không có sự đảm bảo về sự cứu rỗi, thì nó giống như một người đi xa tham khảo ba hay bốn chuyến bay từ Singapore đến New York, nhưng chưa mua vé máy bay. Chiếc máy bay nào cất cánh đây, ngay tại lúc này, làm thế nào để anh ta lên được máy bay? Ô bạn sẽ bị bỏ lại trong khi người khác trong gia đình bạn được cất lên!

Thân thể phục sinh giống cái gì? Câu trả lời được tìm thấy trong sự phục sinh của Đấng Christ là “Con cả ở giữa nhiều anh em” (Rôm 8:29). Khi Chúa Jêsus sống lại từ phần mộ, thân thể phục sinh của Ngài là một cơ thể người. Ngài không phải là một con ma, bóng ma, hay một linh. Ngài có thịt và xương (Lu-ca 24:36-43). Ngài có thể rờ được (Giăng 20:20). Ngài có thể ăn thức ăn (Giăng 21:12-15).

Thân thể phục sinh của Đấng Christ có tất cả hết thảy các đặc điểm thuộc thể hay đặc điểm tự nhiên, nhưng cũng cùng lúc nó có thêm các khả năng siêu hình hay siêu nhiên: có khả năng đi vào phòng đang được đóng kín và cải then hoàn toàn (Giăng 20:19, 26), và có khả năng xuất hiện hay biến mất đột ngột và đi tới nơi này nơi nọ trong cùng một lúc (Lu-ca 24:31).

Thân thể phục sinh như vậy được miêu tả trong vài cách khác nhau trong các phân đoạn Kinh Thánh nói về sự sống lại trong I Cô-rinh-tô 15. Cơ thể phục sinh được miêu tả như là (1) không thể hư nát (I Cô-rinh-tô 15:42), (2) vinh hiển (I Cô-rinh-tô 15:43), (3) quyền năng (I Cô-rinh-tô 15:43), (4) thuộc linh (I Cô-rinh-tô 15:44), và (5) thuộc về trời (I Cô-rinh-tô 15:47). Thân thể này không bị lây nhiễm bởi bệnh tật, sẽ không bao giờ bị bệnh, không bị già đi và hư hoại, không cảm thấy đau đớn, không bao giờ thấy đói

hay khát, hay bị mệt mỏi. Hơn thế nữa tội lỗi sẽ bị cất khỏi hoàn toàn và triệt để khỏi thân thể này một lần đủ cả. Nó sẽ không còn tội lỗi hay bị cám dỗ với tội lỗi. Thật là một thân thể siêu nhiên và vô tội.

Thật là một ngày tuyệt vời khi chúng ta cuối cùng bước vào trong sự vinh hiển với thân thể vinh hiển của chúng ta!

CON ĐẠI NẠN

Chúa Jêsus cảnh báo rằng sẽ có một thời gian “vì lúc ấy sẽ có hoạn nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa” (Mat 24:21). Con Đại Nạn sẽ là một giai đoạn kinh khiếp và được nói đến trong Kinh Thánh với 10 thuật ngữ: (1) Ngày của Đức Giê-hô-va (Ê-sai 13:6-9), (2) Con thanh nô (Ê-sai 26:20, 34:2), (3) Ngày báo thù của Đức Chúa Trời (Ê-sai 34:8, 63:1-6), (4) Kỳ tai hại của Gia-cốp (Giê 30:7), (5) Sự gieo rắc sự kinh tởm (Đan 9:27), (6) Tuần thứ bảy mươi (Đan 9:24-27), (7) Ngày sau rốt (Đan 12:9), (8) Ngày thanh nô lớn của Ngài (Khải 6:17), (9) Giờ phán xét của Ngài (Khải 14:7), và (10) Ngày tận thế (Mat 13:40, 49).

Thuật ngữ “đại nạn” nói về một thời gian của sự đau khổ và tai ương. Đó là thời gian của sự trừng phạt thánh và sự hủy diệt. Tiên tri Ê-sai miêu tả sống động nhất, “Các người khá than khóc! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần: ngày đó đến như cơn tai nạn đến bởi Đấng Toàn năng. Vậy nên mọi tay đều yếu đuối, lòng người đều tan chảy. Chúng đều kinh hoàng, bị sự đau đớn thấm sâu bắt lấy, quặn thắt như đàn bà đương đẻ; hót hơ hót hải nhìn nhau, mặt như mặt ngọn lửa! Đây, ngày Đức Giê-hô-va đến, là ngày hung dữ, có sự thanh nô và nóng giận để làm đất này nên hoang vu, và diệt những kẻ có tội khỏi đó. Vì các ngôi

sao và các đám sao trên trời sẽ chẳng chiếu sáng nữa; mặt trời mọc lên thì mờ tối, mặt trăng không soi sáng đâu. Ta sẽ phạt thế gian vì sự độc ác nó, phạt kẻ dữ vì tội lỗi chúng nó, làm cho kẻ kiêu hết kiêu, hạ sự tự cao của kẻ bạo ngược” (Ê-sai 13:6-11).

Tiên tri Giô-ên cho một bức tranh kinh khủng khác, “Hãy thổi kèn trong Si-ôn; hãy thổi vang ra trên núi thánh ta! Hết thấy dân cư trong đất khá đều run rẩy! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đến, ngày ấy đã gần: tức là ngày mờ mịt và tối tăm, ngày của mây và sương mù. Có một dân lớn và mạnh đến như ánh sáng sớm mai giải ra trên núi, đến nỗi từ trước chưa hề có, mà về sau này, về muôn đời sau này cũng sẽ không có như vậy nữa” (Giô-ên 2:1-2).

Con Đại Nạn sẽ diễn ra trong bảy năm. Bảy năm này được chia ra làm hai phần bằng nhau: ba năm rưỡi. Nửa phần đầu là thời gian của sự bình an nhưng nó là sự bình an tạm thời do con người làm nên. Nó sẽ bắt đầu khi An-ti Christ thiết lập giao ước hòa bình với Y-sơ-ra-ên điều mà sẽ chấm dứt những cuộc chiến tranh lan tràn xứ Palestine cho tới ngày nay. Giao ước này giữa An-ti Christ và Y-sơ-ra-ên được tiên đoán trong Đa-ni-ên 9:27. Y-sơ-ra-ên sẽ được cho phép dâng của tế lễ và thờ phượng trong sự bình an trong vòng ba năm rưỡi nhưng ba năm rưỡi sau, An-ti Christ sẽ vi phạm giao ước hòa bình và bắt bớ Y-sơ-ra-ên (Đan 9:27b).

An-ti Christ sẽ dừng lại hết thấy sự thờ phượng Đức Giê-hô-va và ra lệnh cho toàn thể gian thờ phượng nó. Nó sẽ nhát mình nó lên như là Đức Chúa Trời. Cả thế gian sẽ bị mê hoặc khi nó nhận một vết thương chí tử nhưng sống trở lại (Khải 13:4). An-ti Christ lừa dối thế gian bởi việc bắt chước sự phục sinh của Đấng Christ. Thế gian sẽ bị kinh ngạc bởi quyền năng của An-ti Christ mà họ thờ phượng nó như Đức Chúa Trời, “Người ta khởi sự thờ phượng con rỗng, bởi nó đã lấy quyền phép cho con thú; và họ cũng thờ phượng chính con thú, mà rằng: Ai sánh được với con thú, ai giao chiến cùng nó được” (Khải 13:4). An-ti Christ được tràn ngập sự kiêu ngạo của Sa-tan sẽ phỉ báng Đức Chúa

Trời hằng sống và chân thật, và nó tiếp tục làm điều này trong vòng ba năm rưỡi kế tiếp, cho đến khi bảy năm kết thúc (Khải 13:5-6).

Có một người khác, tiên tri giả, người sẽ giúp đỡ An-ti Christ để làm việc ác. Nó được miêu tả như là một con chiên, nhưng nói tiếng giống như con rỗng (Khải 13:11). Hay nói cách khác, hấn ta bên ngoài giống như người mộ đạo và đạo đức, nhưng bên trong hấn ta đầy dẫy những lừa dối, xấu xa, và gian ác—một con sói trong lột chiên. Tiên tri giả sẽ khiến thế gian thờ phượng An-ti Christ, và sẽ lừa dối thế gian với những phép lạ, thậm chí khiến lửa xuống từ thiên đàng, bắt chước tiên tri Ê-li (Khải 13:12-14).

Trong Khải Huyền 7:2, có chép rằng, “Tôi lại thấy một vị thiên sứ khác, từ phía mặt trời mọc mà lên, cầm ấn của Đức Chúa Trời hằng sống. Người cả tiếng kêu bốn vị thiên sứ đã được quyền làm hại đất cùng biển.” Lý do cụ thể nào được ban cho sự cầm giữ bình an bằng việc cầm giữ bốn vị thiên sứ nắm hướng gió? Điều đó được Khải tỏ cho chúng ta là dấu ấn của 12 chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên. Mười hai ngàn người từ mỗi chi phái thì tổng cộng là 144.000.

Trong tiên tri này, 12 là con số tiêu biểu, vì vậy nó có thể là một số lớn hơn. Một sự quan sát khác là chi phái Đan bị bỏ ra và chi phái Lê-vi, chi phái của thầy tế lễ, được tính vào. Trong chi phái Ép-ra-im được gộp vào chi phái của Giô-sép. (Để hiểu sự chọn lựa này của các chi phái một người đầu tiên phải học tên của 12 chi phái và Giô-sép là người được đại diện bởi hai người con trai, tức, Ép-ra-im và Ma-na-se sẽ khiến họ trở thành 13). Để làm thành số 12, một chi phái bị bỏ ra và chi phái đó, như được nói ở trên, là Đan. Tại sao là Đan? Tổng Thượng Tiết (John Sung) nói Đan bị loại ra bởi vì thờ hình tượng (Các quan xét 18). Tuy nhiên, Kinh Thánh im lặng ở điểm này nên chúng ta cũng phải im lặng vậy. Đây là phương pháp giải kinh của Calvin.

Ý nghĩa của việc ấn con dấu lên trán là gì (Khải 7:3)? Theo Ê-xê-chi-ên 9:1-6, nó có ý nghĩa là ấn chúng về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời

trên những người ở giữa sự hủy diệt kinh khiếp. Như vậy 144000 người Y-sơ-ra-ên, những người được gọi là “tôi tớ của Đức Chúa Trời chúng ta” là những người được chọn đặc biệt dâng hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời đang trong cơn Đại Nạn hầu đến. Một vài người thì cho rằng họ là những người Do-thái chứng đạo. Những Cơ Đốc Nhân Do-thái là những người nhận biết Jêsus là Đấng Mê-si-a của họ, vì vậy họ ở dưới sự “quan phòng cụ thể” của Đức Chúa Trời. Những người này được miêu tả trong Ma-thi-ơ 10:16-20 người sẽ được ban cho lời nói khi họ bị đem đến nhà cai trị, là những người sẽ làm bại mưu chước của những kẻ cáo gian của họ. Số lượng Cơ Đốc Nhân Do-thái xưng nhận Jêsus là Đấng Mê-si-a tăng lên. Không phải họ là số người được kể vào nhóm 144000 người sao?

Theo thứ tự của sự cứu rỗi của người Do-thái hay người Y-sơ-ra-ên, Phao-lô dạy chúng ta trong Rô-ma 11 trong một câu chuyện ngụ ngôn theo sau việc người Do-thái khước từ Đấng Christ, sự cứu rỗi đã được ban cho người Ngoại Bang. Nhánh ô-li-ve nổi loạn sẽ bị chặt khỏi cây và ném bỏ và tại chỗ nó người Ngoại Bang được ghép vào, đại diện bởi nhánh ô-li-ve hoang.

Nhưng khi “sự đầy đủ của dân Ngoại,” đó là, khi người Ngoại Bang được định cho được cứu rỗi được tính vào và Hội Thánh của người Ngoại Bang tràn đầy, thì Y-sơ-ra-ên nhánh ô-li-ve hoang sẽ được tháp vào chỗ cũ. “Vậy thì cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, như có chép rằng: Đấng Giải cứu sẽ đến từ Si-ôn, cắt sự vô đạo ra khỏi Gia-cốp” (Rôm 11:26).

Việc ấn chứng của 12 chi phái của Y-sơ-ra-ên đang được hoàn thành, chúng ta phải xem xét phù hợp với điều đã được nói đến về sự hoàn thành sự cứu rỗi của những người Ngoại Bang. Nói theo thứ tự thời gian, việc ấn con dấu cho 12 chi phái và việc theo đuổi khái tượng về “vô số dân, không ai đếm nổi từ các quốc gia, dân tộc, hạng người, và ngôn ngữ” những người đứng trước bệ ngai trên thiên đàng phải ám chỉ đến vài sự kiện lớn trên vũ trụ mà xuất hiện từ bên ngoài trái đất.

Vô số người này được mặc áo choàng trắng, trong tay của họ cầm nhánh chà là, điều này gợi nhớ về việc tiến vào thành Giê-ru-sa-lem cùng với tiếng hát Hô-sa-na. Bây giờ, vô số người ngợi khen Đức Chúa Trời và Chiên Con vì sự cứu rỗi, mọi thiên sứ của thiên đàng và 24 trưởng lão sấp mình xuống trước Đức Chúa Trời với một sự tán dương gấp bảy lần. Ai là nhóm vô số người đột nhiên xuất hiện trước bệ ngai của Đức Chúa Trời, và họ từ đâu đến? Một trong các vị trưởng lão cho câu trả lời: họ đã đi ra từ Con Đại Nạn. Họ ra từ sự đói và khát, và từ hơi nóng của mặt trời, với nước mắt trên mắt họ. Từ sự miêu tả này, họ là những người đã vào thiên đàng từ việc trải qua một cơn đại nạn trên đất. Nó là sự cứu rỗi của thân thể chúng ta. Điều này được gọi là cất lên (rapture, not rupture) có nghĩa là một sự cất lấy cưỡng bách (I Tê 4:13-18). Đây là niềm hy vọng phước hạnh. Chúng ta sẽ được giải thoát khỏi cơn thịnh nộ hầu đến của Đức Chúa Trời.

“Bây giờ có người ban cho tôi một cây lau giống như cây gậy, và biểu tôi rằng: Hãy đứng dậy, đo đền thờ Đức Chúa Trời, bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó. Còn sân ngoài đền thờ thì hãy để nó ra ngoài, đừng đo làm chi; vì chỗ đó đã phó cho dân ngoại, họ sẽ giày đạp thành thánh đủ bốn mươi hai tháng” (Khải 11:1-2).

Việc đo đền thờ và bàn thờ những người thờ phượng ở trong đó cho đến nơi phía ngoài hành lang được phó cho dân Ngoại Bang nhằm có ý muốn nói về sự bảo vệ chắc chắn của Đức Chúa Trời về người Do-thái mộ đạo (là những người chưa trở thành Cơ Đốc Nhân) khỏi sự bắt bớ bởi quyền lực của người Ngoại Bang—và điều này trong khoảng thời gian của ba năm rưỡi của tuần thứ bảy mươi của Đa-ni-ên.

Một phân tích có thể được rút ra từ khái tượng của Ê-xê-chi-ên ở Giê-ru-sa-lem trong những ngày sau rốt của sự hủy diệt của người Ba-by-lôn. Trong Ê-xê-chi-ên 9 được ký thuật lại việc sáu người mang vũ khí hủy diệt được ra lệnh giết tất cả vật sống trong thành phố, cả già lẫn trẻ. Nhưng trước khi sự hủy diệt này được tiến hành, một người khác mặc vải gai, lưng đeo sừng mực được ra lệnh để “Hãy trải qua giữa thành,

tức giữa Giê-ru-sa-lem, ghi dấu trên trán những người nào than thở khóc lóc về mọi sự gớm ghiếc đã phạm giữa thành này” (Ê-xê 9:2-4). Còn những ai mộ đạo là “như con người của mắt Ngài; Hãy áp tôi dưới bóng cánh của Chúa” (Thi 17:8). “Bởi vì người đã nhờ Đức Giê-hô-va làm nơi nương náu mình, và Đấng Chí Cao làm nơi ở mình, nên sẽ chẳng có tai họa gì xảy đến người, cũng chẳng có ôn dịch nào tới gần trại người” (Thi 91:9,10).

Ở giữa sự bất bớ, Chúa biết làm thế nào để bảo vệ những người của Ngài khỏi tai họa và nguy nan. Không có sự cho phép của Chúa, Sa-tan không thể nào đụng đến dân sự của Chúa. Bây giờ, trong khi Giê-ru-sa-lem trong ngày sau rốt (ba năm rưỡi) sẽ ở dưới sự cai trị của dân Ngoại Bang, An-ti Christ Kẻ Độc Tài của Thế Giới nắm quyền thống trị, Đức Chúa Trời sẽ sai hai nhân chứng của Ngài để làm chứng về quyền năng của Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Một vài người nhận định họ là Ê-li và Ê-nóc, nhưng người khác thì cho là Ê-li và Môi-se.

Một lý do cho Môi-se là những cơn dịch bệnh mà ông đem đến xuống xứ Ê-díp-tô được nói đến trong quyền năng mà ông thực hiện lại. Bên cạnh đó, Môi-se và Ê-li là hai người đã hiện hình trên Núi Hóa Hình, chứ không phải Ê-nóc.

Là những người rao giảng, họ sẽ đem đến cho thế giới cả tin tốt lành và tin dữ. Tin dữ là Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế giới bởi sự thanh nộ của Ngài. Tin tốt lành là vẫn còn sự cứu rỗi trong Jê-sus Christ cho những ai tin vào Ngài và ăn năn tội lỗi của họ. Giống như Giảng Báp-tít, họ sẽ kêu gọi mọi người đến với sự ăn năn vì ngày của Chúa đến gần (Lu-ca 3:7-8).

Bây giờ, ấy là mục đích của Đức Chúa Trời cho phép họ hưng thịnh trong một thời gian ngắn, và rồi họ sẽ bị giết bởi An-ti Christ. Xác của họ sẽ nằm trong quảng trường thành phố của Giê-ru-sa-lem và cả thế gian đều xem thấy xác chết của họ trên truyền hình được đặt ở đó ba ngày rưỡi. Trong khi sự biểu lộ này diễn ra mọi người cư ngụ trên khắp

mặt đất sẽ vui mừng và gói quà cho nhau bởi vì hai tiên tri này đã bị tra tấn bởi những phép lạ của sự trừng phạt. Nhưng đột nhiên họ sống lại và sự kinh hãi áp hãm hết thảy những ai thấy họ. Rồi có một tiếng lớn từ thiên đàng, “Hãy lên đây,” tại nơi họ đứng họ ngồi dậy và được cất lên trên trời bởi một đám mây. Tất cả mọi người đứng ngăn người ra. Rồi Thành Phố bị rung chuyển bởi một trận động đất và xé toạc nó ra làm mười phần. Bảy nghìn người bị nghiền chết bởi cơn động đất lớn. Những người còn lại ngợi khen Chúa với sự run rẩy và sợ hãi.

Phần thứ hai của con Đại Nạn dân Y-sơ-ra-ên ở dưới sự bắt bớ như chưa từng xảy ra.

Ai là người đàn bà trong Khải Huyền 12:1? Trong ngôn ngữ tiên tri, người đàn bà hay người vợ trong Cựu Ước đại diện cho Y-sơ-ra-ên với Đức Chúa Trời là chồng của người (Ê-sai 54). Trong ngôn ngữ Tân Ước, người đàn bà hay cô dâu đại diện cho Hội Thánh với Đấng Christ là Chàng Rể. Vậy hãy suy nghĩ về người đàn bà của Y-sơ-ra-ên là ai? Người khác cho rằng đó là Hội Thánh.

Chúng ta tin rằng người đàn bà của Khải Huyền 12 là Y-sơ-ra-ên như trong giấc mơ của Giô-sép về tương lai của Y-sơ-ra-ên, ông thấy mặt trời, mặt trăng và 11 ngôi sao cúi sấp mình xuống trước ông. Giô-sép đã trở thành thủ tướng của Ê-díp-tô, một điềm báo trước về Y-sơ-ra-ên trong những ngày hậu đến để thực hiện vai trò quan trọng nhất của một quốc gia trên thế giới. Đó là, khi Jêsus là hậu tự của Áp-ra-ham và Đa-vít, sẽ cai trị thế gian này một ngàn năm trong những gì được gọi là thiên hy niên.

Ai là Con Trẻ? Khi Jêsus được sanh ra bởi Nữ Đồng Trinh Ma-ry, là người Y-sơ-ra-ên, Con Trẻ này phải là Cứu Chúa của chúng ta, vì Ngài là Đấng “cai trị các nước bằng cây gậy bằng sắt” (Khải 12:5).

Ai là con rồng đỏ? Con rồng cũng được gọi là “là con rắn đời xưa, là ma quỷ, là Sa-tan” (Khải 20:2). Đỏ miêu tả huyết chảy, như Sa-tan

được gọi là kẻ giết người từ lúc ban đầu (Giăng 8:44). Con rồng đồ lớn, có bảy đầu và mười sừng và bảy vương miện trên đầu của nó bày tỏ quyền năng và khôn khéo thực hiện các mưu chước của mình trong các nước một cách thành công.

Nó đã cố gắng nuốt chửng Con Trẻ đánh hơi đặng giết hài nhi Jê-sus qua Vua Hê-rôđê. Việc Con Trẻ đó được cất lên với Đức Chúa Trời và lên ngôi của Ngài là một bức tranh của sự bảo quản của Ngài trong khoảng 33 năm chức vụ trên đất cho lúc Ngài chết, sống lại và thăng thiên. Chiên Con của Đức Chúa Trời, Sư Tử của Giu-đa, là quyền năng vô hạn hơn cả con rồng đỏ và con rắn xưa đó.

Giờ đây, nhảy vọt từ nhiều thế kỷ đến những năm cuối cùng của thế hệ này, khi Y-sơ-ra-ên sẽ được quan tâm và bị xung đột với các quốc gia thù địch xung quanh nó, chúng ta được cho biết về những thế lực thù địch đang cùng lúc xung khắc trong sự tranh chiến. Có một trận chiến trên các miền trên trời giữa Mi-chê thiên sứ trưởng và các thiên sứ của người chống lại con rồng và các thiên sứ của nó, ma quỷ không thể đếm được!

Sa-tan là một thế lực kiệt quệ khi đứng trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Hãy nhớ rằng nó đã cáo gian Gióp như thế gian (Gióp 1). Nhưng biết rằng nó chỉ có ba năm rưỡi trước khi nó bị đánh bại, Sa-tan đi ra, như *Kamikazes*, để bắt bớ Y-sơ-ra-ên. Nhưng với người đàn bà được ban cho hai cái cánh đặng bay vào trong đồng vắng. Đồng vắng một tên gọi thật khó hiểu về đất hứa như được sử dụng bởi Môi-se trong lời yêu cầu của ông cho Pha-ra-ôn, “Môi-se và A-rôn tâu rằng: Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ đã đến cùng chúng tôi; xin hãy cho phép chúng tôi đi vào nơi đồng vắng, cách chừng ba ngày đường, đặng dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi” (Xuất 5:3, xem 5:1).

Khi người Do-thái được nhóm hiệp lại trên Lãnh Thổ của chính họ, con rắn phun nước từ miệng nó ra như một con nước lụt theo sau

người đàn bà, để nó có thể bắt lấy người đàn và đùa đi bởi nước lụt, nhưng mặt đất đã giúp đỡ người đàn bà và mặt đất đã mở miệng ra và nuốt chửng con nước lụt từ miệng con rồng.

Ê-sai 43:2, tiên tri Ê-sai nói về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời trên dân sự của Ngài. Chúng ta tin, trong thời gian của sự thử thách, Đức Chúa Trời sẽ xuyên các tầng trời mà cứu dân sự của Ngài. Như Ngài khiến Biển Đỏ rẽ ra làm hai và cho phép dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô, cũng vậy Ngài sẽ khiến mặt đất nuốt chửng nước lụt mà Sa-tan làm ra đặng nhấn chìm dân sự của Ngài.

Nước lụt của Sa-tan không chỉ khác hơn là sự chết và hủy diệt, nhưng chúng ta biết rằng Y-sơ-ra-ên là một vùng đất của các hang động bằng đá ở Negev (phía nam của sa mạc) trải dài cho đến lãnh thổ của Ê-đôm, vươn xa khỏi vùng Biển Chết.

Đa-ni-ên 11:41 chứng thực điều này “... Song những người Ê-đôm, người Mô-áp và những kẻ làm đầu trong dân Am-môn sẽ thoát khỏi tay người.” (Ê-đôm, Mô-áp và Am-môn thành lập nhà nước Giô-đanh ngày nay). Những hang động bằng đá là những nơi ẩn trú tốt khỏi các cơn nước lụt của mưa đá và lửa.

Trong những trận chiến cuối cùng của Ha-ma-ghe-đôn dẫn lên Giê-ru-sa-lem và vào các đồi núi Giu-đê, Xa-cha-ri gọi, “Các ngươi sẽ trốn trong trũng núi, vì trũng núi ấy sẽ chạy dài đến Át-san; và các ngươi sẽ đi trốn như là trốn khỏi cơn động đất đang ngày Ô-xia, vua Giu-đa. Bấy giờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta sẽ đến, hết thảy các thánh sẽ ở cùng ngươi. Trong ngày đó sẽ không có sự sáng nữa, những vì sáng sẽ tiêu mình lại. Ấy sẽ là một ngày mà Đức Giê-hô-va biết; chẳng phải ngày, chẳng phải đêm, song xảy ra đến buổi chiều sẽ có sự sáng” (Xa-cha-ri 14:5-7). “Đức Giê-hô-va phán rằng: Xảy ra trong khắp đất, hai phần của nó sẽ bị diệt và mất, song một phần ba sẽ được còn lại. Ta sẽ đem một phần ba ấy vào lửa, ta sẽ luyện nó như luyện bạc, thử nó như thử vàng; chúng nó sẽ kêu cầu danh ta, và ta sẽ nhậm lời nó; ta sẽ phán

rằng: Ấy là dân ta đây. Và nó sẽ nói rằng: Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời tôi (Xa-cha-ri 13:8-9).

Sa-tan biết rằng thời điểm nó bị đoán xét đến gần nên nó tấn công càng nhiều hơn đặng “đẩy lên chiến tranh” với dân sót của dòng dõi của người đàn bà, người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Jê-sus Christ—những người này là những tín đồ người Do-thái.

HA-MA-GHÊ-ĐÔN

Thế gian bị rửa sả bởi tội lỗi đã tìm kiếm sự bình an ròng rã, nhưng không thể nào họ có sự bình an trừ ra chiến tranh! Chúng ta đang sống trong một trái đất rách nát bởi chiến tranh. Có phải chúng ta đang mơ về sự bình an và thịnh vượng trên trái đất trong thời hiện tại này? Hãy từ bỏ ý nghĩ đó. Hãy nhớ rằng chúng ta chỉ là những người hành hương. Chúng ta không phải là công dân của thế giới này, nhưng là của thế giới hầu đến.

“Thế giới này không phải là nhà của tôi tôi chỉ đi ngang qua đó mà thôi.” Sự bình an sẽ đến, nhưng chỉ khi vị Vua của bình an trở lại đặng đoán xét thế gian này và cai trị thế gian một ngàn năm.

Ai có thể quên đi sự kiện vào ngày 11 tháng Chín? Một hiểm họa rúng đất ảnh hưởng trên toàn thế giới đánh mạnh vào một quốc gia mạnh mẽ trong thế giới. Từ đó, nước Mỹ và thế giới đã tuyên bố chiến tranh chống lại chủ nghĩa khủng bố! Chắc chắn, chủ nghĩa khủng bố phải bị đoán phạt, nhưng liệu thế giới có thể trở thành một nơi an toàn hơn và tốt hơn để sống? Kinh Thánh vẽ một bức tranh ảm đạm về tương lai, “Dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia” (Mat 24:7). Sẽ có nhiều sự ganh ghét chứ không có tình yêu trên

thế gian này, “Khi ấy cũng có nhiều kẻ sẽ sa vào chước cám dỗ, phản nghịch nhau, và ghen ghét nhau. Lại vì có tội ác sẽ thêm nhiều, thì lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lạnh” (Mat 24:10, 12).

Điều gì sẽ xảy ra? Kinh Thánh nói với chúng ta! Kinh Thánh nói về một Trận Chiến! Một Trận chiến sẽ kết thúc mọi cuộc chiến—Ha-ma-ghê-đôn.

“Ha-ma-ghê-đôn,” tiếng của nó vang lên điềm xấu! Ý nghĩa của nó trong tiếng Hê-bơ-rơ là “Đồi Núi của Sự Giết Chóc.” Nó là một vùng đồng bằng rộng mà bạn có thể nhìn thấy được khi bạn đứng trên núi Carmel. Haifa, nhìn băng qua về phía đông, đồng bằng Esdraelon. Nó là con đường của các nước chiến tranh từ thời thượng cổ. Pharaoh Nechoh đã ở đồng bằng này đặng tranh chiến cùng vua của A-sy-ri (II Các 23:29). Do vậy các thế lực từ phương Đông đi xuống chống lại Y-sơ-ra-ên và gặp tại Ha-ma-ghê-đôn. Ở trường hợp này, Ha-ma-ghê-đôn là nơi dừng chân cuối cùng trước khi tấn công Giê-ru-sa-lem, mục tiêu của các quốc gia của thời sau rốt. Thế giới không hướng về Utopia (thế giới không tưởng) nhưng là Ha-ma-ghê-đôn. Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế giới gian ác này trong ngày cuối cùng đó. Làm thế nào nó sẽ dấy lên?

Trong Đa-ni-ên 2:31-34, chúng ta thấy bức tượng của Nê-bu-cát-nét-xa nói về sáu vương quốc trong lịch sử thế giới—bốn nước đã qua đi, nước thứ năm đang ở đây, nước thứ sáu và là nước cuối cùng sẽ đến sớm. Chúng ta hãy xem lại giấc mơ: (1) cái đầu bằng vàng là đế quốc Ba-by-lôn (Đan 2:37-38), (2) ngực/tay bằng bạc là đế quốc Mê-đô-Phe-rơ-so (2:32), (3) bụng/đùi bằng đồng là đế quốc Hy-lạp (2:32), (4) chân bằng sắt là đế quốc La-mã (2:40), (5) chân và các ngón chân bằng đất sét và sắt là đế quốc La-mã Phục Hưng (2:41-43), và cuối cùng (6) Hòn Đá từ trên trời không ai khác hơn là chính Chúa Jê-sus Christ Đấng sẽ thiết lập vương quốc bằng đá kim cương trên đất (2:44).

Ngày nay, chúng ta thấy sự cấp bách của một đế quốc La-mã được phục hưng: Hiệp Nhất Châu Âu và Mỹ, một nửa mạnh và một nửa dễ vỡ (2:42). Nửa mạnh bởi vì chúng là những siêu cường quốc của thế giới về chính trị, kinh tế, và quân dụng nhưng có thể bị tổn thương; nửa dễ vỡ bởi vì chúng không còn hiệp nhất dưới một hoàng đế, Sê-sa, nhưng ở dưới nhiều vua. Tuy chúng hiệp nhất nhưng phân rẽ.

Từ đế quốc La-mã phục hưng này An-ti Christ sẽ đến. An-ti Christ là một kẻ phạm thượng (666) người tự làm cho chính mình thành Đức Chúa Trời (Khải 13:18). I Giăng 2:18 cảnh báo chúng ta về An-ti Christ trong ngày sau rốt, “Hỡi các con cái ta, giờ cuối cùng là đây rồi, các con đã nghe nói rằng Kẻ địch lại Đấng Christ phải đến. Vừa lúc bây giờ, có nhiều kẻ địch lại Đấng Christ; bởi đó, chúng ta biết rằng ấy là giờ cuối cùng.” An-ti Christ sẽ thành công trong việc đem thế giới đến sự hòa bình—nhưng nó là sự hòa bình tạm bợ và vị kỷ. Tình trạng hỗn độn của thế giới ngày nay về sự rối rắm mà chúng ta thấy ở Trung Đông, giữa Y-sơ-ra-ên và Pa-lét-tin. Một người có thể thích hay không, việc chung qui là Y-sơ-ra-ên. Bình luận về ngày 11 tháng Chín, tờ *Straits Times* (18 tháng Chín, 2001) báo cáo: “Những người A-rập chỉ về sự xung đột của Trung Đông là nguyên nhân của sự tấn công.” Y-sơ-ra-ên là tâm điểm và nguyên nhân của nó. Y-sơ-ra-ên là chìa khóa để hiểu lời tiên tri trong Kinh Thánh.

Y-sơ-ra-ên đang tìm kiếm sự bình an. Liệu sự bình an sẽ đến? Vâng, nhưng nó sẽ là sự bình an giả tạo. Đa-ni-ên 9:27 nói, “Người sẽ lập giao ước vững bền với nhiều người trong một tuần lễ, và đến giữa tuần ấy, người sẽ khiến của lễ và của lễ chay dứt đi. Kẻ hủy phá sẽ đến bởi cánh gươm ghiếc, và sẽ có sự giận dữ đổ trên nơi bị hoang vu, cho đến kỳ sau rốt, là kỳ đã định.” Sáu mươi chín tuần lễ đã qua, chúng ta đang bước vào tuần lễ thứ bảy mươi của Đa-ni-ên gồm có bảy năm được chia làm hai nửa: ba năm rưỡi năm bình an và ba năm rưỡi năm chiến tranh, điều hành bởi An-ti Christ. Ở giữa trung điểm của bảy năm, An-ti Christ sẽ vi phạm giao ước bình an và bắt bớ Y-sơ-ra-ên. Chiến

Tranh Thế Giới Thứ III sẽ bắt đầu. Đó là ba năm rưỡi chiến trận bắt đầu trong khoảng giữa của tuần lễ Đại Nạn.

Viễn cảnh này giống gì? Ê-xê-chi-ên 38:1-8 nói với chúng ta, “Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hỡi con người, hãy xây mặt lại cùng Gót ở đất Ma-gốc là vua của Rô-sơ, Mê-siéc, và Tu-banh, mà nói tiên tri nghịch cùng người. Người khác nói rằng: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hỡi Gót, vua của Rô-sơ, Mê-siéc, và Tu-banh, này, ta nghịch cùng người. Ta sẽ quay người lại, đặt những móc trong hàm người, khiến người ra khỏi bờ cõi mình, người và cả đạo binh người, ngựa cùng người cỡi ngựa, hết thấy đều mặc áo chiến, hiệp làm cơ binh đông lắm, mang những thuẫn lớn thuẫn nhỏ, và hết thấy đều cầm gươm. Những lính chiến của Phe-rơ-sơ [I-ran], Cút [Ethiopia], và Phút [Libya] sẽ ở cùng chúng nó, hết thấy đều mang thuẫn và đội mũ trụ. Gô-me và hết thấy quân đội nó, nhà Tô-ga-ma ở phía cực bắc với hết thấy bè đảng nó, tức là nhiều dân sẽ phụ về người. Người khác sẵn sàng; người cùng hết thấy dân chúng nhóm lại xung quanh người khác sửa soạn trước. Người hãy làm tướng chúng nó. Sau nhiều ngày, người sẽ lãnh mạng ra đi; trong những năm sau rốt người sẽ đến trong một đất là đất đã được giải cứu khỏi gươm và nhóm lại từ giữa nhiều dân tộc; người sẽ đến trên núi Y-sơ-ra-ên, là nơi đổ nát đã lâu, nhưng nó đã được đem về từ giữa các dân, và chúng nó hết thấy sẽ ở yên. Người sẽ sấn tới, sẽ đến như gió bão, như một đám mây trùm cả đất, người, mọi đạo binh người, và nhiều dân tộc với người.”

Ê-xê-chi-ên nói về Cuộc Chiến ở Giữa Cơ Đại Nạn bao gồm (1) các nước phía Bắc, tức là Gót và Ma-gót (38:2, 14-16) là những nước phía Bắc của Y-sơ-ra-ên (Nga, Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ), (2) các nước phía Đông tức là Phe-rơ-sơ (I-ran), những nước lân cận (I-rắc và Á-p-ga-ni-xtan), và tất cả các quốc gia A-rập phía đông của Y-sơ-ra-ên, (3) các quốc gia phương Nam (c 5b) là Ê-thi-ô-bi-a và Ly-bi-a đại diện cho các quốc gia Châu Phi. Cuộc chiến chống lại An-ti Christ này sẽ diễn ra trên lãnh thổ Y-sơ-ra-ên (Khải 16:12-16). Họ sẽ tấn công An-ti Christ (c 8-9) và An-ti Christ sẽ chiến thắng họ (Đan 11:36-45).

Tuy nhiên, sau chiến thắng các quốc gia đó, An-ti Christ sẽ xoay lại mà tranh chiến với Y-sơ-ra-ên. Hắn sẽ cho mình thành ra Đức Chúa Trời, những sự gớm ghiếc, và bắt bớ người Do-thái (Đan 9:27, Khải 12:6, 13-14). Cuộc chiến này sẽ diễn ra trong vòng ba năm rưỡi. Thế Chiến Thứ III sẽ chấm dứt lúc thời gian của Con Đại Nạn kết thúc.

Khải Huyền 14:16-20 là một bức tranh của sự tàn sát đẫm máu dọc theo lãnh thổ của Y-sơ-ra-ên. Từ bãi chiến trường Ha-ma-ghe-đôn ở phía bắc gần Haifa cho đến sa mạc phía nam, thậm chí tới Eliat trên Biển Đỏ, có dòng sông máu 200 dặm cao ước chừng đùng miệng ngựa (khoảng 5 feet cao so với mặt đất). Xem trước việc Ha-ma-ghe-đôn này dạy một bài học về thần học về chiến tranh: đó là Đức Chúa Trời sử dụng cơn giận của con người nhằm thực thi mục đích thánh của Ngài theo ý định và sự vinh hiển của chính Ngài. Amen!

Điều gì sẽ xảy ra ngay lúc kết thúc bảy năm? Khải Huyền 16:12-16 nói với chúng ta, “Vị thiên sứ thứ sáu trút bát mình xuống sông cái Ô-phơ-rát; sông liền cạn khô, đặng sửa soạn cho các vua từ Đông phương đến có lối đi được. Tôi thấy từ miệng rồng, miệng thú, miệng tiên tri giả có ba tà thần ra, giống như ếch nhái. Đó là những thần của ma quỷ, làm phép lạ và đi đến các vua trên khắp thế gian, để nhóm hiệp về sự chiến tranh trong ngày lớn của Đức Chúa Trời toàn năng. Kìa, ta đến như kẻ trộm. Phước cho kẻ tỉnh thức và giữ gìn áo xống mình, đừng khỏi đi lỏa lỏ và người ta không thấy sự xấu hổ mình! Chúng nhóm các vua lại một chỗ, theo tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ha-ma-ghe-đôn.”

An-ti Christ bây giờ là kẻ cai trị thế gian, nhưng có nhiều quốc gia chống lại kẻ này, tức là các vua của phương đông (v 12). Những người này sẽ chống lại An-ti Christ trong một trận đương đầu cuối cùng tại Ha-ma-ghe-đôn, đòi giết chóc. Viễn cảnh của trận chiến này giống gì? Trong bát thứ sáu, chúng ta thấy chiến tranh xảy ra ở I-rắc, sông Ô-rơ-phát khô và mở một con đường cho sự xâm chiếm bởi “các vua của phương đông.” Nó xảy ra ba năm để đạt tới đỉnh điểm cao trào. Từ “phương đông” được áp dụng cho hết thảy các vùng đất ở phía đông của Y-sơ-ra-ên, thậm chí Sy-ri-a cũng được hiểu trong thuật ngữ này (II

Các 13:17). Hết thảy các quốc gia của người Ả-rập và Hồi Giáo phía đông của Y-sơ-ra-ên (Sy-ri-a, Giô-đanh, Ả-rập Sau-đi, I-rắc, I-ran, Áp-ga-nit-xtan, Pa-ki-xtan, kéo dài đến Trung Quốc) trong một sự thỏa hiệp đầy trọn có thể trở thành một thế lực đe dọa Y-sơ-ra-ên nhỏ bé bấy giờ ở dưới sự che chở của nhà Độc Tài Thế Giới trong kỳ sau rốt. Thậm chí Nga và các nước phía bắc, nếu họ lao vào gia nhập các nước phương đông, đi đến xuyên qua sông O-rơ-phát nên có thể được kể là “các vua phương đông.” Chúng ta thấy một sự hiệp một cuối cùng của các quốc gia. Khi điều này xảy ra, Đấng Christ sẽ trở lại với các thánh đồ của Ngài để tiêu diệt An-ti Christ và quân đội của thế giới (Khải 19:11-21).

Chúa Jê-sus sẽ cỡi trên một con ngựa trắng đi xuống trái đất. Trong việc tiến vào Giê-ru-sa-lem khải hoàn lần đầu, Jê-sus đã cỡi trên một con lừa. Điều này nói đến sự tự hạ mình như một người đầy tớ (con la hay con lừa là một con vật đầy tớ), và vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự (Phil 2:8). Trong việc đến lần hai của Ngài, Jê-sus sẽ không còn là một Chiên Con nữa, nhưng là một Sư Tử từ chi phái Giu-đa. Ngài không cần phải chịu khổ như khi Ngài đến lần thứ nhất, nhưng là một vị Vua chiến thắng, Vua của các vua và Chúa của các Chúa. Cỡi trên một con ngựa trắng, Ngài đến trong lần thứ hai trong chiến thắng bởi chính sức mạnh và quyền năng của chính Ngài, qua sự duyệt binh chiến thắng kẻ thù mình (Khải 19:11-16 và Xa-cha-ri 13:8-9, 14:1-4). Cũng chính Lời của Đức Chúa Trời đã tạo nên thế gian này, một ngày thế gian này cũng sẽ bị hủy diệt bởi lời đó.

Kết quả của trận Chiến Ha-ma-ghe-đôn là gì? Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng “Ngài giày đạp thùng rượu con thanh nộ của Đức Chúa Trời Toàn Năng” (Khải 19:15, xem 14:14-20). Cùng một lúc, Chúa sẽ cứu rỗi dân sự của Ngài như được tiên tri trong Xa-cha-ri 13:8-9, 14:1-4.

Những kẻ thù của Đấng Christ sẽ đến hồi kết kinh khiếp (Khải 19:17-19). Sự chống trả đến cùng của An-ti Christ và các thánh đồ Ngài

không có hiệu quả. Bởi một lời từ miệng Ngài mọi vũ khí chiến tranh sẽ hoàn toàn bị tê liệt. Đây là viễn cảnh ghê rợn của sự hủy diệt, “Vả, này sẽ là tai vạ mà Đức Giê-hô-va dùng để phạt mọi dân tranh chiến cùng Giê-ru-sa-lem: Ngài sẽ làm cho ai nấy khi chân đương đứng thì thịt mục nát ra, mắt mục trong vành nó, lưỡi mục trong miệng nó. Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ gieo sự rối loạn lớn trong chúng nó; vì ai nấy sẽ nắm tay kẻ lân cận mình, và tay người nầy sẽ giá lên nghịch cùng tay người kia” (Xa-cha-ri 14:12-13). Nó là một ngày của sự tận số, sự chết, và hủy diệt—cho An-ti Christ và những ai chống lại Đấng Christ.

Đây có phải là tin xấu cho bạn không? Vâng đây là tin xấu nếu khi bạn không có tin lành. Bạn có thể tránh khỏi sự phán xét hầu đến bởi việc tiếp nhận Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa của bạn. Là những Cơ Đốc Nhân, ngày nay chúng ta sống như thế nào? Trong lẽ thật về sự tái lâm của Đấng Christ, chúng ta hãy chỉnh đốn lại đời sống của chúng ta. Chúng ta đừng nên yêu mến thế gian này. Thế gian gian ác này chỉ cho chúng ta những hy vọng giả dối. Chúng ta hãy yêu mến Chúa Jêsus Christ của chúng ta. Ngài là niềm hy vọng duy nhất của chúng ta.

Nhiều lần, chúng ta bị lôi cuốn bởi các vật ở thế gian này—tiền, nghề nghiệp, xe hơi, nhà, tài sản, đầu tư, sự nhàn rỗi, thể thao, v.v. Làm thế nào chúng ta sẵn sàng khi Đấng Christ trở lại? I Giăng 2:15-17 ra lệnh cho chúng ta, “Chớ yêu thế gian, cũng đừng yêu các vật ở thế gian nữa; nếu ai yêu thế gian, thì sự kính mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy. Vì mọi sự trong thế gian, như sự mê tham của xác thịt, mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời, đều chẳng từ Cha mà đến, nhưng từ thế gian mà ra. Vả thế gian với sự tham dục nó đều qua đi, song ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời.” Đừng sống cho thế giới bị rửa sạch của Sa-tan này, nhưng sống cho Vương Quốc vinh hiển của Đấng Christ hầu đến. Sẽ không có sự bình an trên thế giới này, cho tới lúc Vua của sự bình an trở lại.

THIÊN HY NIÊN

Lúc Thế Chiến Thứ III kết thúc, con thú và tiên tri giả sẽ bị “ném sổng” vào lò lửa diêm sinh đang cháy (Khải 19:20). Tại thời điểm này, một Thiên Sứ đến từ thiên đàng tay cầm chìa khóa của vực sâu không đáy, có thể là Đấng Christ, hoặc thiên sứ trưởng Mi-chê, và với một cái xiềng lớn trong tay của người, trùm lên con rồng, tức con rắn xưa, trôi nó một ngàn năm, và ném nó vào trong vực sâu không đáy. Người sẽ khóa chặt nó và đặt một cái ấn trên nó, để nó không thể lừa dối các nước nữa, cho đến khi một ngàn năm được trọn, và sau đó nó được thả ra trong khoảng thời gian ngắn.

Thuật ngữ “thiên hy niên” có nghĩa đen là “1000 năm.” Đó là một từ mà sinh viên Kinh Thánh, và mọi Cơ Đốc Nhân nên quen thuộc với nó. Mặc dù chính thuật ngữ – “thiên hy niên” – không được tìm thấy trong Kinh Thánh, nhưng ý nghĩa về sự cai trị một ngàn năm của Đấng Christ là chắc chắn có. Nó được tìm thấy trong Khải 20:1-7, “Đoạn, tôi thấy một vị thiên sứ trên trời xuống, tay cầm chìa khóa vực sâu và một cái xiềng lớn. Người bắt con rồng, tức là con rắn đời xưa, là ma quỷ, là Sa-tan, mà xiềng nó lại đến ngàn năm. Người quăng nó xuống vực, đóng cửa vực và niêm phong lại, hầu cho nó không đi lừa dối các dân được nữa, cho đến chừng nào hạn một ngàn năm đã mãn. Sự đó đoạn, Sa-tan cũng phải được thả ra trong ít lâu. Tôi lại thấy những ngai, và những người ngồi trên ngai được quyền xét đoán. Kế đó, tôi thấy linh hồn những kẻ đã phải chết chém vì sự làm chứng cho Đức Chúa Jêsus và vì lời Đức Chúa Trời, linh hồn những kẻ chẳng thờ lạy con thú cùng hình tượng nó, chẳng nhận dấu hiệu nó, hoặc trên trán hoặc trên tay. Các người ấy được sống và trị vì với Đấng Christ trong một ngàn năm. Còn những kẻ chết khác chẳng được sống cho đến khi đủ một ngàn năm. Ấy là sự sống lại thứ nhất. Phước thay và thánh thay những kẻ được phần về sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ nhì không có quyền gì trên những người ấy; song những người ấy sẽ làm thầy tế lễ của Đức

Chúa Trời và của Đấng Christ, cùng sẽ trị vì với Ngài trong một ngàn năm. Khi hạn ngàn năm mãn rồi, qui Sa-tan sẽ được thả.” Sáu lần trong phân đoạn này, cụm từ “một ngàn năm” xuất hiện. Đây là một sự kiện quan trọng, và chúng ta cần phải chú ý.

Thiên hy niên là gì? Giai đoạn này thật rõ ràng liên quan tới sự cai trị toàn cầu của Đấng Christ, cùng với dân sự của Ngài. Trong câu 6 chúng ta đọc, “Phước thay và thánh thay những kẻ được phần về sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ nhì không có quyền gì trên những người ấy; song những người ấy sẽ làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ, cùng sẽ trị vì với Ngài trong một ngàn năm.” Trong Khải Huyền 5:10, chúng ta được bảo rằng Chúa “đã làm cho những người ấy nên nước, và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất.” Các thánh đồ chưa được cai trị trên đất ngay bây giờ. Họ hiện tại đang chờ đợi sự trở lại của Chúa, và nó chỉ xảy ra khi Chúa trở lại, lúc đó sự cai trị một thiên niên kỷ bắt đầu và kéo dài một ngàn năm.

Có vài sự lộn xộn về ý nghĩa của thiên niên kỷ này. Có ba quan điểm chính về thiên niên kỷ: hậu thiên hy niên (postmillennialism), vô thiên hy niên (amillennialism), và tiền thiên hy niên (premillennialism). Quan điểm nào là đúng?

Hậu thiên hy niên là quan điểm cho rằng Đấng Christ sẽ đến sau thiên niên kỷ. Những người theo thuyết hậu thiên hy niên có một quan điểm lạc quan (optimistic) về thế giới. Họ nói rằng thế giới sẽ trở nên tốt hơn và tốt hơn, cho đến khi nó đạt đến sự hoàn hảo. Qua sự nỗ lực của con người, thế giới cuối cùng sẽ được bình an, hiệp nhất, và thịnh vượng. Sau khi thế giới đã được kinh nghiệm những điều kiện của sự bình an, hiệp nhất và thịnh vượng này, Jêsus sẽ trở lại. Quan điểm này được nắm giữ chính bởi những người theo phái tân thời (modernists) là những người khước từ giáo lý của tội lỗi, họ tin rằng con người đã thừa hưởng cái tốt và con người có khả năng làm tốt và tốt đủ để tạo dựng nên một thiên đàng trên đất. Một nhóm khác của những người theo thuyết hậu thiên hy niên là những người theo phong trào tái thiết

(reconstructionists) hay sự cai trị của thần thánh (theonomists). Họ nói rằng các Cơ Đốc Nhân phải năng nổ trong chính trường nhằm để ảnh hưởng hay tái thiết luật pháp của một đất nước bởi việc khiến họ trở nên Cơ Đốc Nhân hơn và theo Kinh Thánh hơn. Họ tin rằng xã hội gian ác cần phải được tái thiết bởi Cơ Đốc Nhân. Qua sự giảng dạy của Phúc Âm, con người càng ngày sẽ trở thành Cơ Đốc Nhân. Khi Cơ Đốc Nhân cai trị thế giới, nó sẽ trở nên một nơi tốt hơn khi Đấng Christ trở lại.

Phải chăng quan điểm hậu thiên hy niên là chính xác? Có phải Kinh Thánh vẽ cho chúng ta một bức tranh lạc quan về thế giới và về thời kỳ sau rốt? Câu trả lời được tìm thấy trong câu hỏi tu từ của Chúa Jêsus, “Ta nói cùng các ngươi, Ngài sẽ vội vàng xét lẽ công bình cho họ. Song khi Con người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chăng?” (Luca 18:8). Số Cơ Đốc Nhân trên thế giới trước khi Chúa Jêsus đến sẽ rất là nhỏ.

Kinh Thánh dạy chúng ta rằng con người không có khả năng thay đổi thế giới, bằng đạo đức tốt hay thừa kế khả năng, trở thành một nơi tốt hơn. Có nhiều sự nỗ lực bởi con người đang sống trong bình an với người khác. Nhưng những nỗ lực đã bị thất bại. Thế giới đã có lịch sử khoảng chừng 6000 năm. Trong vòng 6000 năm này thế giới được biết đến chỉ có 300 năm bình an. Trong thế kỷ này không thôi (TK 20), chúng ta đã có hai thế chiến. Khi chúng ta đọc báo chí, chúng ta có thấy thế giới trở nên hiền lành hơn, nhân từ hơn, và bình an hơn không? Không, chúng ta chỉ thấy đánh nhau, bạo động, giết chóc, lừa dối, trộm cướp, hiếp dâm, sát hại mọi lúc mọi nơi. Đó là vì thế giới này được những con người tội lỗi cư trú, sinh ra trong tội lỗi, và luôn hướng về tội lỗi. Con người không có bất cứ khả năng nào để biến thế giới này trở nên một nơi tốt lành hơn để sống. Con người thì chắc chắn có khả năng làm cho thế giới này thành một nơi phức tạp (chúng ta có xe hơi, máy tính, máy bay v.v.), nhưng chưa chắc là một nơi hạnh phúc và vui vẻ để sống.

Thế giới không trở nên tốt hơn và tốt hơn, nhưng từ xấu sang xấu hơn. Chính Chúa Jêsus đã vẽ một bức tranh âm đạm về thế giới trong thời kỳ sau rốt (Mat 24:6-8, II Tim 3:1-4). Chúa Jêsus nói rằng trong những ngày sau rốt sẽ như là “ngày của Nô-ê” khi “sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn” (Lu-ca 17:26, xem Sáng 6:5).

Liệu thế giới sẽ được tràn đầy Cơ Đốc Nhân trước khi Đấng Christ trở lại? Chúa Jêsus nói, “Song cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ kiếm được thì ít” (Mat 7:14). Những Cơ Đốc Nhân thật sự sẽ không bao giờ ở trong đa số nhưng ở trong thiểu số trước khi Đấng Christ trở lại.

Những người theo thuyết hậu thiên hy niên có một quan điểm sai. Chúng ta khước từ quan điểm hậu thiên hy niên về thời kỳ sau rốt.

Vô thiên hy niên có nghĩa đen là “không có thiên hy niên.” Những người theo thuyết vô thiên hy niên dạy rằng không có tương lai 1000 năm cai trị của Đấng Christ trên đất. Một ngàn năm của Khải Huyền 20 không phải là nghĩa đen nhưng là nghĩa tượng trưng. Sự cai trị của Đấng Christ không phải ở dưới đất nhưng ở trên trời. Một vài người trong số họ nói rằng thiên hy niên là ngay bây giờ. Đấng Christ đang cai trị hiện tại trên toàn thế giới từ thiên đàng qua Hội Thánh.

Có đúng không? Có phải chúng ta đang sống trong thiên hy niên? Nếu vậy, Sa-tan và các quỷ sứ nó không nên ở trong thế gian này. Khải Huyền 20:2-3 nói với chúng ta rằng Sa-tan sẽ bị xiềng trong khoảng thời gian một ngàn năm. Chúng ta có thấy điều này là vấn đề không? Có phải Sa-tan hiện giờ bị trói lại? Nếu vậy thì tại sao lại có các công việc thuộc Sa-tan ngày nay? Và nếu Sa-tan bây giờ bị xiềng, thì Sứ Đồ Phi-e-rơ sẽ bị sai lầm khi ông nói rằng Sa-tan bây giờ đang rình mò. Phi-e-rơ cảnh báo trong I Phi-e-rơ 5:8 là được áp dụng cho ngày nay, “Hãy tiết độ và tỉnh thức: kẻ thù nghịch anh em là ma quỷ, như sư tử rống, đi rình mò chung quanh anh em, tìm kiếm người nào nó có thể

nuốt được.” Thật rõ ràng rằng chúng ta chưa ở trong một ngàn năm bình an.

Những người theo thuyết vô thiên hy niên nói rằng tương lai Đấng Christ không cai trị trên đất. Có đúng vậy không? Khải Huyền 20:6 nói, “Phước thay và thánh thay những kẻ được phần về sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ nhì không có quyền gì trên những người ấy; song những người ấy sẽ làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ, cùng sẽ trị vì với Ngài trong một ngàn năm.” Chú ý thì tương lai: “sẽ trị vì” và “sẽ cai trị.” Sứ Đồ Giăng đang nói về một tương lai, và không phải một sự cai trị hiện tại.

Sự cai trị này trên thiên đàng hay trên đất? Kinh Thánh giải thích cho chúng ta. Trong Khải Huyền 5:10, chúng ta được dạy rất rõ ràng rằng Đấng Christ và các thánh đồ của Ngài sẽ cai trị trên đất. Có phải việc này đang xảy ra bây giờ không? Chúng ta có thấy Đấng Christ đang cai trị thế giới trên đất một cách thuộc thể ngay bây giờ không?

Rõ ràng điều này chưa xảy ra. Chúng ta đang chờ đợi một sự kiện trọng đại hầu đến. Và nó sẽ xảy ra khi Đấng Christ trở lại đặng đoán xét thế gian này, giày đạp mọi kẻ thù dưới chân Ngài, và cai trị thế giới này một ngàn năm. Chúa Jêsus cai trị một cách thuộc linh trong lòng các tín đồ ngày nay, nhưng một ngày kia Ngài sẽ cai trị theo nghĩa đen và theo cách thuộc thể trên đất này.

Thuyết tiền thiên hy niên là một quan điểm dạy rằng Đấng Christ sẽ trở lại trước thiên hy niên. Đấng Christ phải trở lại để đoán xét kẻ thù của Ngài, phục hồi Y-sơ-ra-ên, và cai trị cả thế giới từ Giê-ru-sa-lem một ngàn năm.

Kinh Thánh bảo chúng ta rằng thế giới sẽ trở nên gian ác đến cực điểm với sự cai trị độc ác của An-ti Christ, người sẽ tự tôn mình là Đức Chúa Trời, và bắt buộc hết thảy mọi người thờ phượng nó. Trong khoảng bảy năm Đại Nạn, nó sẽ bắt bớ Y-sơ-ra-ên (Giê 30:7). Hội

Thánh sẽ không còn hiện hữu trong khoảng thời gian này, nhưng đã được cất lên, được cất lên trong chốc lát để ở với Đấng Christ trên thiên đàng (I Tê-s 4:16-17).

Trong thời kỳ Đại Nạn này, Đức Chúa Trời sẽ đổ cơn thịnh nộ của Ngài xuống dân cư vô tín trên đất. Nó sẽ kết thúc khi Đấng Christ trở lại trên đất để đánh tranh chiến với An-ti Christ và quân đội của nó, tiêu diệt hết thầy chúng nó ở trận chiến Ha-ma-ghe-đôn (Khải 16:16, 19:11-21).

Rồi Chúa Jê-sus sẽ bắt đầu cai trị ngàn năm của Ngài trên đất. Ngài sẽ ngồi trên ngai của Đa-vít và cai trị toàn thế gian từ Giê-ru-sa-lem, một trung tâm của chính trị và tôn giáo của thế giới. Trái đất sẽ được làm mới lại. Đất đai sẽ được bình an và sinh trưởng, đời sống của con người sẽ tăng lên (Ê-sai 65:20).

Con người của thế giới này đang tìm kiếm sự bình an trên đất. Chúng ta sẽ có sự bình an trên đất thật sự chỉ khi Chúa Jê-sus Christ—Vua của sự bình an—trở lại.

Về ba quan điểm của thiên hy niên, quan điểm tiền thiên hy niên là quan điểm chính xác với Kinh Thánh. Có một sự khác biệt rõ ràng giữa Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh.

Ai sẽ cùng cai trị với Đấng Christ trong một ngàn năm? Đầu tiên trong danh sách họ là những người bị chết vì làm chứng về Jê-sus Christ và Lời của Ngài, những người đã không thờ phượng con thú, hình tượng của nó, cũng không nhận lãnh dấu của nó trên trán, hay trên tay của họ. Nó bao gồm những người tử đạo ở mọi thời kỳ, được thấy trong lúc mở ấn thứ năm (Khải 6:9-11). Những người này sẽ cai trị với Đấng Christ trên đất (Khải 5:10) một ngàn năm. Họ là những người trong số những ai được sống lại ở sự sống lại đầu tiên, không phải là sự đầu thai (I Tê-s 4:13-18)! Họ đã chịu khổ vì Đấng Christ. Lời hứa của Chúa chúng ta cho các Sứ Đồ trong Lu-ca 22:28-30 là thật, “Còn như các ngươi đã

bền lòng theo ta trong mọi sự thử thách ta, nên ta ban nước cho các người, cũng như Cha ta đã ban cho ta vậy, để các người được ăn uống chung bàn trong nước ta, và được ngồi ngai để xét đoán mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.”

Vậy một ngàn năm bình an này sẽ không phải ở thiên đàng nhưng ở trên đất được tiên tri nhiều lần bởi các tiên tri trong Cựu Ước. Chúng ta trích dẫn vào phân đoạn:

(1) Với kẻ lừa dối các nước dưới xiềng xích của chúng để họ không thể xúi giục mà tranh chiến, sẽ không có chiến tranh. “Sẽ xảy ra trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ được lập vững trên đỉnh các núi, cao hơn các đồi. Mọi nước sẽ đổ về đó, và nhiều dân tộc sẽ đến mà nói rằng: Hãy đến; chúng ta hãy lên núi Đức Giê-hô-va, nơi nhà Đức Chúa Trời của Gia-cóp: Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài, chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài. Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem. Ngài sẽ làm sự phán xét trong các nước, đoán định về nhiều dân. Bấy giờ họ sẽ lấy guom rên lưỡi cày, lấy giáo rên lưỡi liềm. Nước này chẳng còn giá guom lên nghịch cùng nước khác, người ta chẳng còn tập sự chiến tranh” (Ê-sai 2:2-4). Phân đoạn về sự cai trị bình an của Đấng Christ trên đất cũng được ký thuật trong Mi-chê 4:1-3.

(2) Trong thiên hy niên, người ta sẽ sống rất lâu. “Tại đó sẽ không có trẻ con chết non, cũng chẳng có ông già nào chẳng trọn đời mình; vì chết lúc trăm tuổi, còn là chết trẻ, và kẻ có tội lúc trăm tuổi, ấy là bị rửa sả. Dân ta sẽ xây nhà và ở, trồng vườn nho và ăn trái. Họ chẳng xây nhà cho người khác ở, chẳng trồng vườn nho cho người khác ăn; vì tuổi dân ta sẽ như tuổi cây, những kẻ lựa chọn của ta sẽ hằng hưởng công việc tay mình làm” (Ê-sai 65:20-22).

(3) Sự rửa sả trên thế giới này sẽ bị cất bỏ (Rôm 8:20-22). Ê-sai đã thấy trước sự giải cứu hầu đến trong thời gian cai trị một ngàn năm, “Muông sói với chiên con sẽ ăn chung, sư tử ăn rom như bò, rắn ăn bụi

đất. Sẽ chẳng có ai làm tổn hại, hay là hủy phá trong khắp núi thánh ta, Đức Giê-hô-va đã phán vậy” (Ê-sai 65:25).

(4) Với một trái đất lúc nào cũng có sự bình an (Ê-sai 2:4), công việc trọng đại nhất của các quốc gia sẽ là sự thờ phượng Chúa Jêsus Christ tại Giê-ru-sa-lem, thủ đô của vương quốc thiên hy niên. “Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Sẽ xảy ra các dân và dân cư nhiều thành đều đến, và dân cư thành này đi đến thành khác mà nói rằng: Chúng ta hãy đi mau, đừng nài xin ơn Đức Giê-hô-va, và tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân; ta cũng sẽ đi. Như vậy có nhiều dân và nhiều nước mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân tại Giê-ru-sa-lem, và ở đó nài xin ơn Đức Giê-hô-va” (Xach 8:20-22, cũng xem Xach 14:16-20). Trong thiên hy niên, các tạo vật sẽ không còn than thở và chịu khó nhọc nữa (xem 8:22).

Trụ sở tại Thành Phố New York sẽ không còn nữa, và Giê-ru-sa-lem sẽ chiếm lấy vị trí này bởi vì chỗ ngồi cai trị của Đấng Christ được đặt ở đó, nhiều lời tiên tri trong Cựu Ước về sự cai trị ngàn năm của Ngài cần phải tập trung vào sự phục hồi Giê-ru-sa-lem. Ngoài Ê-sai 2:2-4 và Mi-chê 5:1-4, đây là một sự miêu tả mở rộng về một Giê-ru-sa-lem Phục Hưng theo Xa-cha-ri 8:3-8, 22, 23: “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta đã xây lại cùng Si-ôn, và ta sẽ ở giữa Giê-ru-sa-lem; Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là thành chân thật; núi của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ được gọi là núi thánh. Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: “Sẽ còn có những ông già, bà già ở trong các đường phố Giê-ru-sa-lem, ai nấy sẽ cầm gậy nơi tay, vì có mình cao tuổi. Các đường phố trong thành sẽ đầy những con trai con gái vui chơi trong đó. Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Trong những ngày đó, dầu những sự ấy coi như lạ lùng cho mắt của dân sót này, song há lạ lùng cho mắt ta sao? Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Đây, ta sẽ giải cứu dân ta từ phương đông phương tây, và đem chúng nó đến, chúng nó sẽ ở giữa Giê-ru-sa-lem, làm dân của ta, còn ta sẽ làm Đức Chúa Trời chúng nó trong sự chân thật và công bình. ... Như vậy có nhiều dân và nhiều nước mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn

quân tại Giê-ru-sa-lem, và ở đó nài xin ơn Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Sẽ xảy ra trong những ngày đó, có mười người từ mọi thứ tiếng trong các nước ra, nắm chặt vạt áo của một người Giu-đa, mà nói rằng: Chúng ta sẽ đi cùng các ngươi, vì chúng ta có nghe rằng Đức Giê-hô-va ở cùng các ngươi.”

Việc các dân từ khắp thế giới sẽ được dẫn dắt bởi người Do-thái để đi đến với Chúa tại Giê-ru-sa-lem là sự khởi đầu để được làm trọn trong ngày của chúng ta được phán chiếu trong số lượng người hành hương thăm viếng Đất Thánh tăng lên. Khoảng 95% khách du lịch đến Y-sơ-ra-ên ngày nay là những người hành hương. Giê-ru-sa-lem ngày nay là một thành phố thịnh vượng. Chẳng phải đây là các dấu hiệu của việc Đấng Christ sẽ đến sớm để nắm quyền thừa kế của Ngài. Thật, không cần nói rằng Giê-ru-sa-lem là thành phố bình an của Đức Chúa Trời cho thế gian trong ý nghĩa đầy trọn nhất chỉ khi Đấng Christ vị Vua của sự bình an trở lại và ngồi trên ngai của Đa-vít.

HỒ LỬA

Bây giờ chúng ta hãy xem xét sau khoảng thời gian kết thúc Thiên Hy Niên: “... khi hạn ngàn năm mãn rồi, qui Sa-tan sẽ được thả, và nó ra khỏi ngục mình đặng dỗ dành dân ở bốn phương trên đất, dân Gót và dân Ma-gót; nó nhóm chúng lại để chiến tranh, đông như cát bờ biển. Chúng nó lên khắp các vùng rộng trên mặt đất, vây dinh thánh đồ và thành yêu dấu. Nhưng có lửa từ trên trời rơi xuống thiêu diệt chúng nó” (Khải 20:7-9).

Ma-gót là con trai thứ nhì của Gia-phết được sanh ra sau con Đại Hồng Thủy (Sáng 10:2). Ma-gót được cho rằng là tổ tiên của người Xi-tơ (Scythians hay Tartars), là tổ tiên của người Nga hiện tại (Ê-xê 38:2,

39:1). Ê-xê-chi-ên có hai phân đoạn (38 và 39) nói về Ma-gót trong đó Gót được gọi là vua cao cả của Mê-siéc và Tu-banh. Mê-siéc và Tu-banh cũng là hậu tự của Ma-gót từ Gia-phết. Gót và Ma-gót, là kẻ thù bất diệt của Y-sơ-ra-ên, bị đánh bại bởi Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. Bởi sự xúi giục của Sa-tan, Gót và Ma-gót trở nên người dẫn đầu lần công chống lại thành yêu dấu, Giê-ru-sa-lem. Nhưng chúng bị đốt bởi lửa từ trên trời xuống.

Với sự bại trận của Gót và Ma-gót, ma quỷ cuối cùng bị giam vào hồ lửa, nói có con thú và tiên tri giả ở đó, và chúng bị khổ hình ngày và đêm mãi mãi (Khải 20:10). Đây là sự chết lần hai (c 6) hay sự chết đời đời điều mà Chúa chúng ta đã nói chính là địa ngục (Mác 9:43-48). Giáo lý của giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm (Seventh Day Adventist) về thuyết tịch diệt hay sự tiêu diệt (annihilationism or extinction) (được chấp nhận bởi những nhà thần học của Hội Truyền Giáo Mới [Neo-evangelical] ngày nay) là trái với sự khai thị của sách Khải Huyền và nó là sự chống đối trực tiếp lời cảnh báo của Chúa chúng ta. Sự thật rằng con thú và tiên tri giả tiếp tục chịu đau đớn trong hồ lửa sau một ngàn năm điều đó chứng tỏ không có sự tịch diệt [Tịch diệt là tình trạng của con người sau khi chết thì không cảm biết bất cứ điều gì như vui, buồn, đau đớn, v.v.].

Đến lúc kết thúc một thiên hy niên, không chỉ ma quỷ bị quăng vào trong hồ lửa để bị trừng phạt mãi mãi, nhưng cũng còn được khai tỏ cho Giăng khải tượng về ngai màu trắng lớn để tất cả những ai không chịu ăn năn tin nhận Đấng Christ đều bị trừng phạt như nhau. “Bấy giờ tôi thấy một tòa lớn và trắng cùng Đấng đương ngồi ở trên; trước mặt Ngài trời đất đều trốn hết, chẳng còn thấy chỗ nào cho nó nữa. Tôi thấy những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đứng trước tòa, và các sách thì mở ra. Cũng có mở một quyển sách khác nữa, là sách sự sống; những kẻ chết bị xử đoán tùy công việc mình làm, cứ như lời đã biên trong những sách ấy. Biền đem trả những người chết mình chứa; Sự chết và Âm phủ cũng đem trả những người chết mình có. Mỗi người trong bọn đó bị xử đoán tùy công việc mình làm. Đoạn, Sự chết và Âm phủ bị quăng

xuống hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ hai. Kẻ nào không được biên vào sách sự sống đều bị ném xuống hồ lửa” (Khải 20:11-15).

Trái ngược với sự sống lại lần thứ nhất là dành cho những người được cứu và trao phần thưởng tùy theo công việc của họ, đây là sự sống lại lần thứ hai dành cho những người không được ghi tên vào Sách của Sự Sống nhưng đúng hơn là trong sách sự chết. Tội lỗi của họ sẽ bị vạch trần, là những người giống như ma quỷ là cha của họ, bị đoán xét tùy theo công việc của họ và không được tìm thấy trong Sách của Sự Sống, họ bị ném vào hồ lửa. Sự chết và địa ngục bị ném vào chung với nhau, niềm ảm số phận đau buồn của họ mãi mãi. Không có sự tịch diệt nhưng là sự đau khổ đời đời. Hãy để lời cảnh báo của Chúa chúng ta trong Mác 9:43 đến 48 chúng thực lại những gì được lặp lại ở đây lần nữa, “Chúng nó sẽ phải chịu khổ cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời” (Khải 20:10). Từ Hy-lạp “mãi mãi” có nghĩa là “từ đời này sang đời kia,” nghĩa là, “không bao giờ chấm dứt các chu kỳ thời gian.” “Vậy chúng tôi biết Chúa đáng kính sợ” Phao-lô lặp lại “nên tìm cách làm cho người ta đều tin” (II Côr 5:11). Đức Chúa Trời “lấy lòng nhin nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (I Phi 3:9). Amen và amen!

SỰ THẬT VỀ ĐỊA NGỤC

Một Đức Chúa Trời yêu thương có thể đẩy con người xuống địa ngục? Có rất nhiều người tự cho mình là người truyền giáo ngày nay nghi vấn về sự phán xét của Đức Chúa Trời để tội nhân trong một nơi được gọi là địa ngục. Clark Pinnock của Trường Cao Đẳng Divinity McMaster ở Canada nói,

“Hãy để tôi nói lớn rằng tôi xem khái niệm về địa ngục như là một sự khổ hình không dứt trong thân thể và ý chí là một giáo lý kỳ quặc. ...

Làm thế nào các Cơ Đốc Nhân có thể sản sinh ra một giáo lý tàn nhẫn và vô nhân đạo như vậy bằng nhiều cách bao gồm việc làm đau khổ các tạo vật của Ngài đời đời, mặc dầu họ là con người tội lỗi? Chắc chắn một Đức Chúa Trời mà làm điều đó thì chẳng khác gì Sa-tan hơn là giống Đức Chúa Trời.” Thật phạm thượng làm sao! Pinnock chối bỏ sự tồn tại của địa ngục và cố xúi cho thuyết tịch diệt cho những người rớt cuộc không chịu ăn năn. Có một khuynh hướng cho những người theo thuyết tịch diệt trở thành những người theo thuyết ba phải (inclusivists). Tại cuộc họp của Evangelical Theological Society tại Boston vào năm 1999, Pinnock tranh luận rằng Jêsus không phải là một con đường duy nhất đến thiên đàng. Một người có thể lên thiên đàng không cần nhận biết Đấng Christ. Kinh Thánh nói điều gì? “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Công 4:12). Danh đó dĩ nhiên là JÊSUS.

Một ví dụ khác là Billy Graham người đã lấy lửa ra từ địa ngục. Với câu hỏi “Địa ngục là gì” Graham trả lời, “Một điều tôi có thể nói chắc chắn là rằng địa ngục là sự phân cách khỏi Đức Chúa Trời. ... Đó được gọi là địa ngục. Khi nói đến lửa thật, tôi không giảng nó bởi vì tôi không biết chắc về điều đó.” Nhưng người vô tín hiện đã đang ở trong tình trạng phân cách với Đức Chúa Trời rồi. Có phải họ đang ở trong địa ngục không? Một vài người trong số họ có thể tận hưởng sự khoái lạc trên đất ngay bây giờ. Địa ngục là chắc chắn không đơn giản là sự phân cách khỏi Đức Chúa Trời. Nó là hơn thế nữa; nó là một nơi thật của sự đau đớn và gian khổ. Nhưng Graham nói ông, giống như hầu hết những người khác, có “một thời gian khó khăn để tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cho phép con người bị đốt nơi lửa của địa ngục theo nghĩa đen mãi mãi.” Kinh Thánh nói điều gì? Đừng hiểu nhầm về điều này; Kinh Thánh nói rằng địa ngục là một nơi của sự trừng phạt “nơi sâu bọ của chúng nó chẳng hề chết và là nơi lửa chẳng hề tắt” (Mác 9:44, 46, 48). Trong Lu-ca 16, người giàu trong địa ngục nói, “tôi chịu khổ trong ngọn lửa này.”

Những ai chối bỏ sự tồn tại của địa ngục, hay sự trừng phạt đời đời trong địa ngục đều có quan điểm như vậy bởi vì họ cho rằng (1) con người đại khái là tốt, và xứng đáng với điều tốt hơn, và (2) Đức Chúa Trời là sự yêu thương, và chỉ duy yêu thương. Chúng ta hãy kiểm chứng những giả định này từng cái một trong ánh sáng của Thánh Kinh. Kinh Thánh là Lời Toàn Hảo của Đức Chúa Trời, là thẩm quyền duy nhất và tối cao của đức tin và sự thực hành của chúng ta. Không phải là những gì con người nói, nhưng những gì Kinh Thánh nói mới đúng.

Có phải con người là đại khái tốt, và bởi đó không thể bị trừng phạt mãi mãi trong địa ngục? Đức Chúa Trời nói rằng nếu chúng ta nghĩ về chúng ta là những kẻ đại khái là tử tế và ngay thẳng, thì chúng ta lừa dối chính chúng ta (I Giăng 1:8). Chúng ta có thể thấy mình là tốt và tử tế, nhưng Đức Chúa Trời thì không (Sáng 6:5, Giê 17:9). Đức Chúa Trời nói, “như có chép rằng: Chẳng có một người công bình nào hết, dẫu một người cũng không. Chẳng có một người nào hiểu biết, Chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Chúng nó đều sai lạc cả, thấy cùng nhau ra vô ích; Chẳng có một người làm điều lành, dẫu một người cũng không. ... Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rôm 3:10-12, 23).

Nhưng một vài người có thể nói, “Tôi không xấu đến như vậy. Chắc chắn tôi không xứng đáng bị bỏ vào địa ngục.” Jêsus nói trong Ma-thi-ơ 5:22, “Song ta phán cho các ngươi: Hễ ai giận anh em mình thì đáng bị tòa án xử đoán; ai mắng anh em mình rằng: Ra-ca (nghĩa là ngu dốt), thì đáng bị tòa công luận xử đoán; ai mắng anh em mình là đồ điên (nghĩa là khờ dại), thì đáng bị lửa địa ngục hành phạt.” Trong câu 27-28 Chúa Jêsus tiếp tục, “Các ngươi có nghe lời phán rằng: Ngươi chớ phạm tội tà dâm. Song ta phán cho các ngươi biết: Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi.”

Chúng ta đã vi phạm biết bao nhiêu Điều Răn rồi? Khi chúng ta vi phạm một, chúng ta đã vi phạm tất cả (Gia-cơ 2:10). Một số người có

thể tranh luận, “Tôi đã làm nhiều việc lành để giúp người. Vậy những việc lành đó không được tính vào sao?” Tất cả những việc làm lành của chúng ta là “như chiếc áo nhớp” đối với Chúa (Ê-sai 64:6). Đức Chúa Trời nhìn thấy trong tâm lòng của chúng ta, và Ngài biết những động cơ ích kỷ đằng sau việc bày tỏ công bình của chúng ta. Không có số lượng việc tốt nào chúng ta làm có thể cứu chúng ta khỏi tội lỗi. Chỉ duy Jê-sus cứu.

Kinh Thánh nói rằng tất cả chúng ta được sinh ra trong tội lỗi (Thi 51:5) và luôn hướng về tội lỗi. Hậu quả của tội lỗi là gì? “Tiền công của tội lỗi là sự chết.” Nó là sự trừng phạt đời đời trong hồ lửa. Nếu chúng ta là con người giam cầm những kẻ phạm tội vào ngục hay xử tội chết dựa vào những tính độc ác của những việc làm độc ác của họ đã phạm, mà chúng ta không cảm thấy chúng ta là những kẻ vô tình hay vô nhân đạo, tại sao chúng ta lại cáo Ba Ngôi Đức Chúa Trời Thánh là vô tình và vô nhân đạo vì việc trừng phạt những ai vi phạm luật pháp của Ngài? Để cáo giác Đức Chúa Trời là gian ác vì việc đày những tội nhân và những người vi phạm luật pháp vào địa ngục thì không chỉ là sai lầm, mà còn là hiểm độc. Nếu chúng ta có thể trừng phạt những phạm nhân, tại sao Đức Chúa Trời không thế? Điều này dẫn chúng ta đến điểm thứ hai.

Có phải Đức Chúa Trời là sự yêu thương, không có sự công bằng? Tất nhiên là không! Thế giới này có một khái niệm bị bóp méo về sự yêu thương. Sự yêu thương là tất cả sự ngọt ngào và không đau đớn. Chúng ta được dạy bởi một số người được cho là nhiều kinh nghiệm trong tâm lý trẻ em rằng nếu bạn yêu con trẻ của bạn, bạn sẽ không dùng cái roi để dạy con bạn điều đúng và sai. Đức Chúa Trời nói điều gì? “Người nào kiêng roi vọt ghét con trai mình; Song ai thương con ắt cần lo sửa trị nó” (Châm 13:24). Sa-lô-môn đã nhận sự khôn ngoan trong sự sửa phạt con trẻ từ nơi chính Đức Chúa Trời. Và bạn có biết tại sao Đức Chúa Trời nói, “sử dụng cây roi”? Xem xét Châm Ngôn 23:13-14, “Chớ tha sửa phạt trẻ thơ; Dầu đánh nó bằng roi vọt, nó chẳng chết đâu. Khi con đánh nó bằng roi vọt, ắt giải cứu linh hồn nó khỏi địa

ngục [hell (KJV)].” Thật đúng làm sao! Có biết bao nhiêu đứa con trai hay con gái phạm tội đã kết thúc cuộc đời bởi việc ở trong nhà lao, hay chết?

Đức Chúa Trời là sự yêu thương, và đó chính xác bởi vì Ngài yêu chúng ta đến nỗi Ngài đã ban Con độc sanh của Ngài (Chúa Jêsus Christ) để chết với một sự chết kinh khủng và đau đớn nhất trên thập tự giá để cứu chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta (Giăng 3:16; Rô-ma 5:8). Jêsus đã trả một giá cho tội lỗi của chúng ta trên thập tự giá để mua chuộc chúng ta. Ngài đã rải huyết báu của Ngài trên thập tự giá để tội lỗi của chúng ta có thể được thanh tẩy đi. Ngài đã chết và đã được chôn, nhưng trong ngày thứ ba Ngài sống lại từ kẻ chết để chúng ta có thể được sự sống qua danh Ngài.

Đức Chúa Trời yêu bạn. Đấng Christ chết cho bạn. Nhưng bạn biết vấn đề gì không? Chúng ta ghét Đức Chúa Trời và chúng ta khước từ Ngài. Việc khước từ Đấng Christ là tội lỗi không thể tha thứ được. Mọi tội lỗi có thể tha thứ được, nhưng tội lỗi của sự vô tín trong việc khước từ Đấng Christ là Chúa và là Cứu Chúa là không thể tha thứ được.

Đức Chúa Trời là sự yêu thương nhưng Ngài cũng là Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúa là Cứu Chúa, nhưng Ngài cũng là Quan Xét. Tội lỗi phải bị trừng phạt. Và tội lỗi lớn nhất mà bất cứ ai có thể phạm đó là khước từ Đấng Christ. Tội lỗi lớn nhất đòi hỏi sự trừng phạt lớn nhất: sự đày nơi địa ngục đời đời trong hồ lửa.

Con người rơi vào trong địa ngục không phải vì Đức Chúa Trời bỏ con người ở đó, nhưng bởi vì chính họ chọn đi đến đó. Đức Chúa Trời không muốn làm cho con người đau khổ (Ê-xê 33:11). “Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như mấy người kia tưởng đâu, nhưng Ngài lấy lòng nhịn nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (II Phi 3:9). Đức Chúa Trời khao khát bạn được sống, và tận hưởng Ngài, để được ở nơi thiên đàng! Địa ngục là một nơi ghê tởm và kinh khiếp. Nó là một nơi

của bóng tối cực kỳ bị chiếm giữ bởi ma quỷ và các quỷ sứ nó. Nó là một nơi có các sâu bọ khổ hình chẳng hề chết, và lửa không thể bị dập tắt được. Nó là một nơi của sự đau đớn và đau khổ kinh khủng nơi mà con người luôn khóc và nghiêng răng. Có lẽ một lý do mà Đức Chúa Trời tạo dựng nên địa ngục là nhằm để làm cho chúng ta ghê tởm mà vào thiên đàng.

Chỉ có một con đường ra khỏi địa ngục, và vào thiên đàng, là con đường của Đấng Christ.

SỰ PHÁN XÉT CỦA NGAI LỚN VÀ TRẮNG

Chúng ta thường nghe lời này, “Ác giả ác báo.” Và điều này rất đúng. Những tên trộm cướp, bắt cóc và giết người, và mọi tội lỗi khác sẽ không thoát khỏi cánh tay dài của luật pháp. Tại Singapore, những người vận chuyển ma túy nhận lấy án chết. Những tội khác thì bị tù hoặc đánh đòn. Nếu chúng ta là những con người mà còn biết trừng phạt những phạm nhân đó như vậy thì hưởng chi Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết và công bình!

Kinh Thánh bảo chúng ta rằng sẽ có một sự đoán xét các tội nhân. Hê-bơ-rơ 9:27: “Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét.” Không có sự đầu thai nào hết. Không có ngục luyện tội. Không có cơ hội thứ hai. Mỗi người sẽ phải đối diện với Đấng Tạo Hóa của người ấy sau khi chết và bị đoán xét vì những việc mà họ đã làm trên mặt đất. Với những ai không có Đấng Christ, nó được gọi là sự đoán xét của ngai lớn và trắng (Khải 20).

Đấng Tạo Hóa của con người, cũng là Quan Xét, được miêu tả trong Đa-ni-ên 7:9-10 trong những thuật ngữ sống động, “Ta nhìn xem cho

đến chừng các ngôi đã đặt, và có Đấng Thượng cổ ngôi ở trên. Áo Ngài trắng như tuyết, và tóc trên đầu Ngài như lông chiên sạch. Ngôi Ngài là những ngọn lửa, và các bánh xe là lửa hừng. Trước mặt Ngài, một sông lửa chảy ra và tràn lan; ngàn ngàn hầu hạ Ngài và muôn muôn đứng trước mặt Ngài. Sự xét đoán đã sẵn sẵn, và các sách mở ra.” Quan xét này không ai khác hơn là Con của Đức Chúa Trời, chính là Chúa Jêsus Christ, “Cha cũng chẳng xét đoán ai hết, nhưng đã giao trọn quyền phán xét cho Con ... Cha đã ban quyền thi hành sự phán xét cho Con, vì là Con người” (Giăng 5:22, 27).

Con người sẽ bị đoán xét vì điều gì? Người sẽ bị đoán xét vì mọi tội lỗi mà người đã phạm chống lại Đức Chúa Trời và chống lại con người. Không một ai có thể thoát khỏi sự đoán xét này. Giăng nói trong Khải Huyền 20:12 rằng ông thấy “những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đứng trước Đức Chúa Trời.” Bất kể là ông tướng hay kẻ ăn mày, vua hay người nghèo khổ, mọi người sẽ phải khai trình về chính mình trước Đức Chúa Trời.

Những tội nhân bị đoán xét như thế nào? Quan Xét sẽ phán xét bằng một quyển sách. Có vài quyển sách sẽ được mở ra. Một quyển sách là quyển sách của các lời nói. Ma-thi-ơ 12:36-37 nói, “Vả, ta bảo các ngươi, đến ngày phán xét, người ta sẽ khai ra mọi lời hư không mà mình đã nói; vì bởi lời nói mà ngươi sẽ được xưng là công bình, cũng bởi lời nói mà ngươi sẽ bị phạt.” Vậy hãy cẩn thận với cái miệng của mình về những gì mình nói. Đừng nói những lời thô tục, đừng vu khống, đừng nói dối. Chúng ta có nói những lời chống nghịch lại Đấng Christ và Lời của Ngài không? Giăng 12:48 nói, “Người nào bỏ ta ra và không nhận lãnh lời ta, đã có kẻ xét đoán rồi; lời ta đã rao giảng, chính lời đó sẽ xét đoán họ nơi ngày sau cùng.” Vì vậy, hãy cảnh báo những ai nói Jêsus không phải là Đức Chúa Trời hay là Kinh Thánh không hoàn hảo.

Những tội nhân cũng sẽ bị đoán xét tùy theo quyển sách của việc làm. Truyền đạo 12:14 nói, “Vì Đức Chúa Trời sẽ đem đoán xét các công

việc, đến nỗi việc kín nhiệm hơn hết, hoặc thiện hoặc ác cũng vậy.” Và khi nào công việc của chúng ta bị đoán xét, chúng ta sẽ thấy rằng những việc làm mà chúng ta tưởng là tốt lành nhưng thật ra là gian ác bởi vì chúng ta đã thiếu hụt tiêu chuẩn thánh của Đức Chúa Trời. “Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rôm 3:23). Những việc làm tốt của chúng ta trong mắt của Đức Chúa Trời như là “những chiếc áo nhóp” (Ê-sai 64:6), vì “Chẳng có một người công bình nào hết, dẫu một người cũng không, ... Chẳng có một người làm điều lành, dẫu một người cũng không.”

Chúa Jêsus nói, “Nếu người nhìn một người nữ mà động lòng ham muốn thì bạn đã phạm tội tà dâm với người ấy rồi.” “Nếu người ghét anh em mình thì người đã phạm tội giết người.” Ô, hãy cẩn thận với đôi bàn tay nhỏ bé của bạn về những gì bạn làm. Hãy cẩn thận với đôi chân của bạn về những nơi mà bạn đi đến. Hãy cẩn thận với đôi mắt của bạn về những gì bạn xem. Con người có thể không biết những sự gian ác mà chúng ta làm, nhưng Đức Chúa Trời biết!

Không chỉ có quyển sách của các lời nói và sách của việc làm, nhưng còn có quyển sách của ý muốn. Điều này nói đến lương tâm, động cơ, và những ý định bí mật trong lòng. Tội lỗi của tấm lòng là nghiêm trọng hơn tất cả. Đức Chúa Trời đã khải tỏ chính Ngài rõ ràng cho con người trong sự tạo dựng của Ngài (Thi 19:1), thật trọn vẹn trong Con Ngài (Hêb 1:1-3), và thật hoàn hảo trong lời của Ngài (Thi 19:7). Nhưng con người đã chọn lựa sự khước từ và chống nghịch lại Ngài. Con người cố tình ngăn cản lẽ thật và thậm chí làm hư hoại lẽ thật.

Và chúng ta cũng đọc về sự phán xét của Đức Chúa Trời chống lại những kẻ bị bỏ trong Rô-ma 1:18-23, “Vả, cơn giận của Đức Chúa Trời từ trên trời tỏ ra nghịch cùng mọi sự không tin kính và mọi sự không công bình của những người dùng sự không công bình mà bắt hiệp lẽ thật. Vì điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi, bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bền tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi

người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được, vì họ đã biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm. Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên điên dại; họ đã đổi vinh hiển của Đức Chúa Trời không hề hư nát lấy hình tượng của loài người hay hư nát, hoặc của điều, thú, côn trùng.”

Sự phán xét của Đức Chúa Trời nghịch lại mọi người cuối cùng không ăn năn là sự hủy diệt đời đời trong một nơi của sự đau khổ được gọi là hồ lửa (Khải 20:10). Nó là một nơi mà Sa-tan và các quỷ sứ nó sẽ ở, bao gồm cả An-ti Christ và tiên tri giả. Chúng sẽ bị đau đớn ngày và đêm mãi mãi. Sự đau đớn sẽ không bao giờ kết thúc.

Một con đường duy nhất để tội nhân có thể tránh khỏi sự đoán phạt hầu đến này là được tìm thấy trong quyển sách của sự sống. Làm thế nào để một tội nhân có tên của mình được ghi vào sách sự sống? Chính tội nhân không thể viết tên mình vào đó. Những người phạm tội, gian ác và đồi bại không xứng đáng được ghi tên vào sách thánh này. Chỉ có một người có thể viết nó, đó là Chúa Jêsus Christ. Nếu một tội nhân muốn tên của mình được ghi vào sách sự sống, người ấy phải quỳ xuống trước Jêsus và nói, “Chúa Jêsus, xin thương xót lấy con là một tội nhân, xin cứu con khỏi con giận hầu đến. Con tin vào sự chết và sự sống lại của Ngài vì con. Xin hãy làm Chúa và Cứu Chúa của con.” Khi lời cầu nguyện khiêm nhường như thế được nói ra, Chúa Jêsus sẽ nghe và sẽ không ngoảnh mặt đi. “Đức Giê-hô-va ở gần những người có lòng đau thương, và cứu kẻ nào có tâm hồn thống hối” (Thi 43:18). “Vậy nếu miệng ngươi xưng Đức Chúa Jêsus ra và lòng ngươi tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, thì ngươi sẽ được cứu” (Rôm 10:9).

ĐƯỢC THA THỨ

Tội lỗi được tha thứ

Thiên đàng được thấy

Tội lỗi được tha thứ

Sẽ không ở trong địa ngục

Tội lỗi được tha thứ

Chỉ duy Jêsus ban.

“Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời” (Giăng 3:16).

BỆ NGAI PHÁN XÉT CỦA ĐẢNG CHRIST

Sự phán xét của các tín đồ và sự phán xét những người vô tín là khác nhau. Những người vô tín là người chết không có Đảng Christ bị đoán xét vì tội lỗi của họ, nhưng các thánh đồ là những người chết trong Đảng Christ sẽ bị đoán xét về sự hầu việc của họ tại Bộ Ngai Phán Xét (Bema) của Đảng Christ.

Trong thời Tân Ước, Bema là một sự phán xét nơi mà các phần thưởng được trao tặng. Các vận động viên là những người thắng cuộc chiến thắng đường đua được đội một vòng hoa tại Bema. Tương tự, mỗi Cơ Đốc Nhân có một ngày kia sẽ đứng trước ngai phán xét của Đấng Christ để nhận “những thứ được làm ra trong thân thể, tùy theo những gì mà người đó đã làm, hoặc tốt hoặc xấu.” Những ai hầu việc Chúa với một động cơ thanh sạch sẽ nhận những phần thưởng cho những công việc trung tín của họ. Những ai đã hầu việc Chúa với những động cơ không thanh sạch sẽ không nhận được phần thưởng. Vì vậy trong thiên đàng, sẽ có vài người có và vài người thì không. Những ai không được phần thưởng sẽ vẫn có sự cứu rỗi vì điều đó không thể bị mất được, nó là công việc của Đức Chúa Trời đã chiến thắng cho họ bởi Đấng Christ.

Mặc dù chỉ có vài người được phần thưởng, nhưng không khí sẽ là vui mừng. Nó được ví như buổi lễ tốt nghiệp. Những ai đã học hành chăm chỉ sẽ tốt nghiệp với *summa cum laude* (với sự khen ngợi cao nhất), hay *magna cum laude* (với sự khen ngợi cao), hay *cum laude* (với sự khen ngợi), và những ai tốt nghiệp không có *laude*, không có sự khen ngợi. Những ai không được ban thưởng sẽ cảm thấy hối tiếc rằng họ đã không hầu việc Chúa như họ có thể, nhưng mặc dù vậy sẽ không có sự sầu não vì họ biết ơn Chúa vì đã cứu họ khỏi tội lỗi của họ.

Bạn có ước muốn được dự phần trong buổi tốt nghiệp này không? Chỉ có một cách duy nhất là hãy vào trường Đại Học của Sự Sống (the University of Life) nơi Jêsus là Hiệu Trưởng. Không có các đòi hỏi trình độ học vấn. Chỉ có tiêu chuẩn là sự xưng nhận của bạn. Nếu bạn khiêm nhường chính bạn và xưng nhận tội lỗi của bạn trước Hiệu Trưởng (Jêsus Christ) và tiếp nhận Ngài là Chúa và Cứu Chúa, bạn có được tiếp nhận như là một sinh viên và cuối cùng tốt nghiệp trường Đại Học này. Không có một ai chết trong Trường Đại Học của Sự Sống nơi mà có Đấng Christ là Hiệu Trưởng.

CHÔN HAY HỎA TÁNG?

Chôn (không phải hỏa táng) là cách hợp với Kinh Thánh về việc đặt thân thể của những người được gọi về nhà với Chúa. Có các lý do dựa vào Kinh Thánh và Giáo Lý. Chúng ta sẽ xem xét việc hỏa táng trong ánh sáng của Kinh Thánh, và rồi trình bày các lý do thỏa đáng tại sao chúng ta phải chôn chứ không nên hỏa táng.

Hỏa táng là phương pháp của người cổ về việc giải quyết thân thể người chết bằng việc đốt. Nó được thực hành bởi những người Ca-na-an trong thời Cựu Ước. Nó không chỉ là sự thực hành của người ngoại nhưng còn là dấu hiệu của sự phán xét thiêng liêng.

Tiến Sĩ John J David trong quyển sách, *Hỏa Táng là gì?*, nói rằng sự hỏa táng “là có nguồn gốc lâu đời và rộng rãi trên toàn thế giới. Vì hầu hết các nơi, nó được liên kết với các ý tưởng của người ngoại giáo về tính cốt yếu của đời sống hay niềm tin hoang đường về kiếp sau.” Hỏa táng được thắt chặt với sự thực hành của kẻ ngoại giáo về việc hiến tế con người. Đức Chúa Trời ra lệnh dân Y-sơ-ra-ên không được theo cách thực hành gian ác và ghê tởm này trong Phục truyền luật lệ ký 12:31. Với người ngoại giáo, hỏa táng là cách để gọi người chết và người sống đến cõi âm ti. Há chẳng ngạc nhiên khi các tôn giáo không phải là Cơ Đốc Giáo Do-thái như Hin-đú và Phật Giáo thực hành hỏa táng?

Người Do-thái cho rằng việc hỏa táng như là một cách của sự thờ phượng hình tượng. Y-sơ-ra-ên trong việc giữ nó khác hẳn các quốc gia ngoại giáo, và trong sự vâng lời mạng lệnh phân rẽ, đã thực hiện sự chôn cất thay vì sự hỏa táng. Nhằm chứng thực rằng phương pháp thiêng liêng là chôn cất chứ không phải hỏa táng, người Do-thái trích Phục Truyền Luật Lệ Ký 21:23 (cũng xem Sáng 23:19, 35:8; Phục 34:6; I Các 11:15, 22:37; Êxê 39:15).

Hỏa táng cũng là một dấu của sự đoán phạt. Trong Cựu Ước hỏa táng được thực hiện nhằm để sỉ nhục hay trừng phạt những ai phạm tội

chống nghịch Chúa. A-can, vì tội lỗi của sự thờ hình tượng, đã bị đốt bởi lửa (Giô 7:15, 25).

Lửa tượng trưng cho sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Khi những thầy tế lễ gian ác (Na-đáp và A-bi-hu) dâng lửa lạ lên cho Đức Chúa Trời thứ lửa mà Ngài không ra lệnh, “Hai con trai A-rôn, Na-đáp và A-bi-hu, mỗi người đều cầm lư hương mình, để lửa vào, bỏ hương lên và dâng một thứ lửa lạ trước mặt Đức Giê-hô-va; ấy là điều Ngài không phán dặn họ. Một ngọn lửa từ trước mặt Đức Giê-hô-va lòe ra, nuốt tiêu họ và họ chết trước mặt Đức Giê-hô-va” (Lêv 10:1-2). Đức Chúa Trời đã hủy diệt thành phố đồng tính luyến ái Sô-đôm và Gô-mô-rơ với diêm sinh và lửa (Sáng 19:24). Nước Mô-áp cũng đã đối diện với sự phán xét bằng lửa của Đức Chúa Trời (A-môt 2:1-2).

Trong Tân Ước, chúng ta thấy sự giảng dạy tương tự rằng lửa và sự đốt chỉ về sự đoán xét của Đức Chúa Trời và sự từ bỏ của Đức Chúa Trời. Trong Công Vụ 19:18-19, những tín đồ mới cải đạo đã từ bỏ việc làm ở quá khứ bằng việc đốt các quyển sách tà thuật và đồng bóng. Phi-e-rô đã nói tiên tri rằng Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt cả vũ trụ trong một ngày bằng lửa, “Nhưng trời đất thời bây giờ cũng là bởi lời ấy mà còn lại, và để dành cho lửa; lửa sẽ đốt nó đi trong ngày phán xét và hủy phá kẻ ác” (II Phi 3:7). Ngay tại tòa án trắng và lớn, mọi thiên sứ sa ngã và những người sau rốt không ăn năn sẽ bị ném vào hồ lửa cho sự trừng phạt đời đời (Khải 20:14-15).

Trong cả Cựu Ước và Tân Ước, các tín đồ luôn được chôn cất. Các tộc trưởng ở Cựu Ước (Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp) đã được chôn (sáng 25:8-10; 35:29; 49:33; 50:1-13). Cũng đúng y như trong Tân Ước: Giăng Báp-tít được chôn (Mat 14:10-12), La-xa-rô được chôn (Giăng 11:17), Ê-tiên được chôn (Công 8:2), chính Chúa chúng ta cũng được chôn (Giăng 19:40-42).

Kinh Thánh nói rõ ràng rằng sự chôn cất là sự thực hành được chấp nhận cho cả người Do-thái và Cơ Đốc Nhân. Calvin viết, “Sự chôn cất

đã được thực hiện như là một phong tục thiêng liêng trong mọi thời đại; vì nó là biểu tượng của sự sống lại sau cùng.”

Có hai lý do thuộc về giáo lý tại sao Cơ Đốc Nhân nên chôn và không nên hỏa táng. Chúng ta chôn bởi vì (1) giáo lý của sự sống lại và (2) giáo lý về thân thể.

Là những Cơ Đốc Nhân, chúng ta tin vào sự sống lại của thân thể. Chôn cất có ý nghĩa đến Cơ Đốc Nhân bởi vì nó chỉ về sự sống lại trong tương lai. Chắc chắn những gì Phao-lô có trong trí khi ông nói, “Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-têm trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy. Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau.” Khi chúng ta chôn thân thể người chết, nó giống như việc gieo một hạt giống xuống đất; đến thời gian đã định, nó sẽ nảy mầm lên khỏi mặt đất thành một cái cây. Đức Chúa Trời một ngày sẽ làm cho thân thể chúng ta sống lại như Ngài đã làm với Đấng Christ (I Côr 15:42-44).

Về mặt kia, sự hỏa táng chỉ gọi lên ý tưởng về sự trừng phạt và đoán xét. Chẳng phải sứ điệp về niềm hy vọng phước hạnh về sự sống lại trong tương lai sẽ bị trái ngược với việc đẩy khay đựng người chết vào lò lửa sao? Lửa nói về bức tranh của địa ngục, không phải thiên đàng. Rõ ràng, hỏa táng làm ví dụ cho số phận đời đời của những người vô tín, chứ không phải các tín đồ. Cái nhìn ghê tởm về một thân thể bị đẩy vào lò lửa sẽ đem đến sự sầu não và đau đớn cho người thân, chứ không phải là hy vọng và an ủi.

Về mặt khác, “Nghĩ lễ chôn làm khuấy động chúng ta về hy vọng của sự sống lại và sự sống đời đời” (Calvin). Nhưng bài làm chúng về sự hy vọng trong sự sống lại bị mất khi chúng ta hỏa táng người chết của mình.

Kinh Thánh dạy rằng con người bao gồm hai phần: (1) thân thể và (2)

linh hồn (Sáng 3:19, Lu-ca 23:43, 46, Truyền 12:7). Linh hồn [spirit] liên kết với Đức Chúa Trời (Giăng 4:14, Rôm 8:16) trong khi thân thể cho phép con người tồn tại trên đất. Với những Cơ Đốc Nhân, thân thể cũng là đền thờ của Đức Thánh Linh (I Côr 6:19). Mặc dù lúc chết, linh hồn sẽ phân rã khỏi thân thể, cả hai sẽ được tái hiệp lại lúc phục sinh (I Côr 15:44). Sự sống lại này sẽ xảy ra khi Đấng Christ trở lại. Vì vậy thân thể là một phần quan trọng của con người và nó phải được đối đãi cẩn thận thậm chí ngay lúc chết.

Người Do-thái hiểu giáo lý về sự sống lại và thân thể (xem Giăng 11:24), do đó họ đối đãi với thân thể của người quá cố của mình với sự chăm sóc cẩn thận. Hãy xem xét từng bước chôn cất của người Do-thái:

1. Mắt của người quá cố phải được vuốt bởi người con trai trưởng hay người gần gũi nhất (Sáng 46:4).
2. Thân thể được rửa sạch (Công 9:37).
3. Thân thể được xúc dầu thơm (Giăng 12:7, 19:39, Mác 16:1, Lu-ca 24:1).
4. Thân thể được bọc trong vải (Mat 27:59, Giăng 11:44; 19:40).
5. Thân thể không được xâm phạm (Lêv 19:27-28; 21:5, Phục 14:1).
6. Thân thể được mang đến mộ trên một cái hòm bằng gỗ (II Sam 3:31).
7. Thân thể được đặt trong một ngôi mộ đơn giản, hang, hay trong một hòm đá được chẻ ra (Lu-ca 23:53).

Hội Thánh đã gìn giữ sự thực hành của người Do-thái và hợp với Kinh Thánh về sự chôn cất. Tiên Sĩ David ghi chú rằng, “hội thánh ban sơ đã thực hiện mai táng và nghiêm khắc chống lại hỏa táng. Sự chôn cất nhanh chóng sau khi chết và một buổi lễ kỷ niệm được làm sau ngày thứ ba cho tín đồ quá cố. Sự chọn lựa ngày thứ ba có một ý nghĩa về sự ấn định về niềm tin trong sự phục sinh của Jêsus Christ và sự phục sinh của các tín đồ. ... Sự nhất trí kiên quyết của những nhà văn và lãnh đạo của hội thánh ban sơ rằng sự hỏa táng là liên tưởng đến những nghi lễ mà không hợp với nhiều giáo lý của đức tin của họ.”

TRỜI MỚI VÀ ĐẤT MỚI

Trời và đất được Đức Chúa Trời tạo dựng nên trong Sáng Thế Ký một ngày sẽ bị xóa sạch. Lễ thật này được nói đến trong Khải Huyền 21:1, “Đoạn, tôi thấy trời mới và đất mới; vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã biến đi mất, và biển cũng không còn nữa.” Đây là lời lặp lại trong Khải Huyền 20:11. Sự biến mất của trời thứ nhất và đất thứ nhất chắc chắn nói về sự hủy diệt của thế giới thuộc thể mà chúng ta đang sống trong, nó bao gồm đất, bầu khí quyển và biển. Không gian của sự sống con người là tốt lành (Sáng 1:31) lúc ban đầu trước khi tội lỗi làm hư hoại nó không thể chứa đựng nổi nữa bởi một xã hội mới của sự hoàn hảo sau Sự Phán Xét tại Tòa Án Lớn và Trắng. Trong cái nhìn của vũ trụ (tầng bình lưu và tầng điện ly) trực tiếp trên mặt đất cũng bị ô nhiễm bởi sự hỗn độn của đồng đồ nát không gian bây giờ theo quỹ đạo và bởi đồ bộ táo bạo của con người trên mặt trăng, hệ thống mặt trời sẽ bị hủy diệt thậm chí những hành tinh khác cũng bị xâm chiếm và làm hư hoại bởi những cỗ máy nguy hiểm của con người nhỏ bé.

Điều này được tiên báo bởi Phi-e-rơ, “Song le, ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm. Bây giờ các tầng trời sẽ có tiếng vang rầm mà qua đi, các

thể chất bị đốt mà tiêu tán, đất cùng mọi công trình trên nó đều sẽ bị đốt cháy cả. Vì mọi vật đó phải tiêu tán thì anh em đáng nên thánh và tin kính trong mọi sự ăn ở của mình là dường nào, trong khi chờ đợi trông mong cho ngày Đức Chúa Trời mau đến, là ngày các tầng trời sẽ bị đốt mà tiêu tán, các thể chất sẽ bị thiêu mà tan chảy đi! Vả, theo lời hứa của Chúa, chúng ta chờ đợi trời mới đất mới, là nơi sự công bình ăn ở” (II Phi 3:10-13).

Nhưng Phi-e-rơ đã phản chiếu lời của Ê-sai 65:17, “Ta sẽ dựng trời mới đất mới; những việc trước sẽ chẳng nhớ nữa, chẳng còn nhắc đến nữa.” Trời và đất sẽ qua đi được nói lặp đi lặp lại bởi Chúa chúng ta trong các bài giảng của Ngài (Mat 24:35, Mác 13:31, Lu-ca 16:17, 21:33) minh chứng thêm trong lời dạy của Phi-e-rơ và thêm ánh sáng cho Khải Huyền 20:11, “Bấy giờ tôi thấy một tòa lớn và trắng cùng Đấng đương ngôi ở trên; trước mặt Ngài trời đất đều trốn hết, chẳng còn thấy chỗ nào cho nó nữa,” và 21:1, “Đoạn, tôi thấy trời mới và đất mới; vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã biến đi mất, và biển cũng không còn nữa.” Trời và đất là tạm thời, nhưng một điều là chắc chắn, các lời của Chúa là đời đời, “Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi” (Mat 24:35), mãi mãi vô ngộ và không sai lầm. Ngợi khen Chúa!

Việc đốt cháy trái đất hoàn toàn được nhìn thấy trong câu, “và biển không còn nữa.” Trái đất được làm nên bởi 75% là nước như là một phần của hệ sinh thái của nó. Sự sống con người trên đất không thể tiếp tục nếu việc cung cấp nước và sự gìn giữ đất đai mà nó tưới tiêu. Không chỉ nông nghiệp bị ảnh hưởng, nhưng còn ngành công nghiệp và sản xuất.

Trong hệ sinh thái mới của những thánh đồ hoàn hảo với thân thể vinh hiển như Cứu Chúa Phục Sinh của chúng ta, kiểu mẫu của sự sống cũ sẽ qua đi. Do đó không cần biển hay đại dương nữa. Con người mới là người có thể tận hưởng Đức Chúa Trời mãi mãi được ban cho một môi trường mới nơi Đức Chúa Trời và con người sống chung với nhau. Đây

sẽ là một thế giới của sự vui vẻ hoàn hảo, không biết đến sự chết, sầu khổ, đau đớn, và khóc lóc. Chỉ duy nhất một loại nước cần thiết, theo ý trừu tượng, nước của sự sống được chu cấp. Nó có ý nói là, sự vui vẻ trong đất mới là một sự thông công liên lạc với Chúa. “Kẻ nào thắng sẽ được những sự ấy làm cơ nghiệp, ta sẽ làm Đức Chúa Trời người và người sẽ làm con ta” (Khải 21:7). Sự nhấn mạnh về đời sống Cơ Đốc này một đời sống chiến thắng chứ không phải là đời sống chỉ được cứu dường như qua lửa (I Côr 3:15) là lời nhắc nhở thứ tám của Thánh Linh cho người nghe các sứ điệp của Đấng Christ gửi đến cho các Hội Thánh.

Bằng cách phản diện, với những người chưa cải đạo sự khích lệ về đời sống chiến thắng cho những người trung tín được tiếp theo là lời cảnh báo, “Còn những kẻ hèn nhát, kẻ chẳng tin, kẻ đáng gớm ghét, kẻ giết người, kẻ dâm loạn, kẻ phù phép, kẻ thờ thần tượng, và phạm kẻ nào nói dối, phần của chúng nó ở trong hồ có lửa và diêm cháy bùng bùng: Đó là sự chết thứ hai” (Khải 21:8). Sự sống lại đầu tiên là sự sống; sự sống lại lần thứ hai là sự chết.

GIÊ-RU-SA-LEM MỚI

Bây giờ, về việc nhà thờ (Church building) là nơi mà hội chúng Cơ Đốc họp lại để thờ phượng Đức Chúa Trời, thì cũng vậy nơi hội họp mới của chúng ta với Đấng Christ đó là trong thành phố lớn, Giê-ru-sa-lem, đi xuống từ thiên đàng từ Đức Chúa Trời (Khải 21:10). “Thành phố lớn” này là một hình khối, 12000 furlongs (1 furlong = 201 m), là bằng 1500 dặm, mọi mặt. Tường dày 144 cu-bít (1 cu-bít bằng một khuỷu tay của người đàn ông, là 18 inch). Thành thánh này giống như một viên đá thạch anh quý, trong suốt như pha lê. Thật là trái ngược làm sao với các đền thờ của Lão Giáo, Phật Giáo, hay Công Giáo La

Mã trang trí với những hình tượng, thập tự giá và di tích ở giữa những cái đèn dầu trong bóng tối âm u!

Thánh Phô này có một bức tường với 12 cổng được canh giữ bởi 12 thiên sứ. Tên của 12 chi phái của Y-sơ-ra-ên hiện trên những cửa này. Tường của thành phố đứng trên 12 nền “và trong chúng là tên của 12 Sứ Đồ.” (Tên Giu-đa Ích-ca-ri-ốt không thể được thấy trên đó, và tên của Sứ Đồ Phao-lô được thay thế chỗ của hắn là chắc chắn!)

Các nền của Thành Phô được trang hoàng với tất cả các loại đá quý. Nền thứ nhất, bằng bích ngọc; nền thứ nhì, bằng đá lam bửu. Nền thứ ba, bằng lục mã não được đặt theo tên của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Hòn đá này có những sọc của nhiều màu sắc khác nhau căn bản là màu xanh da trời. Nền thứ tư, bằng đá lục cẩm; nền thứ năm, bằng hồng mã não. Nền thứ sáu, bằng đá hoàng ngọc, bao gồm đỏ và trắng. Nền thứ bảy, bằng ngọc hoàng bích, theo Pliny là màu của vàng và trong suốt. Nền thứ tám, bằng ngọc thủy thương. Nền thứ chín, bằng ngọc hồng bích có màu vàng trong suốt; nền thứ mười, bằng ngọc phi tủy có màu xanh khác; nền thứ mười một, bằng đá hồng bửu có màu cam; nền thứ mười hai, bằng đá tử bửu có màu tím. Tất cả các màu này được gộp lại thành sự lộng lẫy của cầu vòng nhằm làm nổi bật sự vinh hiển và lộng lẫy của Đức Chúa Trời. Mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu lớn, mỗi cửa bằng một hột châu nguyên khối làm thành. Đường trong thành bằng vàng ròng, giống như thủy tinh trong suốt.

Nền của các nền này không ai khác hơn là Chúa Jêsus Christ như Sứ Đồ Phao-lô nhắc chúng ta. Với Hội Thánh Cô-rinh-tô, Sứ Đồ nói, “Vi, chẳng ai có thể lập một nền khác ngoài nền đã lập, là Đức Chúa Jêsus Christ. Nếu có kẻ lấy vàng, bạc, bửu thạch, gỗ, cỏ khô, rơm rạ mà xây trên nền ấy, thì công việc của mỗi người sẽ bày tỏ ra. Ngày đến sẽ tỏ tường công việc đó; nó sẽ trình ra trong lửa, và công việc của mỗi người đáng giá nào, lửa sẽ chỉ ra. Ví bằng công việc của ai xây trên nền được còn lại, thì thợ đó sẽ lãnh phần thưởng mình. Nếu công việc họ bị thiêu hủy, thì mất phần thưởng. Còn về phần người đó, sẽ được cứu,

song đường như qua lửa vậy. Anh em há chẳng biết mình là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong anh em sao? Ví có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính anh em là đền thờ” (I Côr 3:11-17). Bằng việc lưu ý của lời huấn thị của Phao-lô ở trên, chúng ta thấy rằng Giê-ru-sa-lem mới, được xây trên sự lộng lẫy của các hòn ngọc lóe sáng, đầy đầy những ý nghĩa thuộc linh. Và bởi vì những cư dân trong Thành Phố là các thánh đồ toàn hảo, chẳng phải những hòn đá quý này phản chiếu tất cả những phẩm chất và sự đẹp đẽ của Cơ Đốc Nhân mà chúng ta phải biểu lộ qua Chúa Jêsus Christ của chúng ta sao?

Bởi đó Ê-sai an ủi nước Y-sơ-ra-ên phục hưng: “Hỡi người đương cùng khôn, bị bão lung lay, mất sự yên ủi, này, ta sẽ lấy đơn sa lát đá người, sẽ lập nền người bằng thanh ngọc. Ta sẽ lấy hồng ngọc làm tường xép người, lấy san hô làm các cửa người, và cả bờ cõi người đều làm bằng đá quý. Hết thảy con cái người sẽ được Đức Giê-hô-va dạy dỗ, và sự bình an của con cái người sẽ lớn. Người sẽ được đứng vững trong sự công bình, tránh khỏi sự hiếp đáp, vì chẳng sợ chi hết. Người sẽ xa sự kinh hãi, vì nó chẳng hề đến gần người” (Ê-sai 54:11-14).

SỰ SỐNG TRÊN THIÊN ĐÀNG

Nguyện vọng của tác giả Thi Thiên trong Thi Thiên 46:4-5 trở nên một sự thật như Sứ Đồ Giăng được chỉ cho thấy một con sông tinh sạch của sự sống, sạch như pha lê, chảy ra từ Ngai Đức Chúa Trời và của Chiên Con (Khải 22:1).

Bên bờ kia của con Sông trong đường đi của nó là một cái Cây Sự Sống sanh sản 12 loại quả mỗi tháng, và lá nó chữa bệnh cho nhiều

nước. Điều này nhắc nhở các thánh đồ hoàn hảo của Đấng Christ, là Cây Sự Sống thật, là người đã chữa lành những bệnh tật của họ (Thi 103:3, Ê-sai 53:5).

Chúng ta sẽ làm gì trong trời mới và đất mới? Chỉ chơi đàn hạc bằng vàng như một vài bài hát Cơ Đốc nói với chúng ta? Một nhà văn người Anh nói, “Nếu suốt cả năm là ngày nghỉ lễ, chơi bời thì chán ngắt như làm việc.” Có đây các hoạt động thờ phượng trên thiên đàng, nhưng chúng ta cũng sẽ có nhiều điều để làm, như chúng ta được tuyên bố là các đầy tớ của Ngài và chúng ta sẽ hầu việc Ngài (Khải 22:3). Về ban hát lễ trên thiên đàng thì như thế nào? Sẽ có tập dượt và tổng duyệt không? Nếu có việc hái các trái Cây Sự Sống, thì sẽ có một buổi cắm trại bên dòng Sông và ăn các trái cây đó, không phải bởi vì chúng ta đói, nhưng bởi vì chúng ta tận hưởng mỗi thông công với nhau? Như Chúa đã ăn “một miếng cá nướng và bánh mật” sau sự phục của Ngài, không phải bởi vì Ngài đói nhưng đúng hơn là để chứng minh một điểm (Lu-ca 24:42, 43). Tiến Sĩ Buswell nói vui rằng ông sẽ có nhiều việc làm trên thiên đàng: ông sẽ đọc quyển sách *Nguyên Lý Căn Bản Cơ Đốc Giáo* của Calvin.

Ồ vâng, thật chúng ta cần có cõi đời đời để làm quen với các tộc trưởng và các thánh đồ cả trong Cựu Ước lẫn Tân Ước, và các anh hùng của lịch sử Hội Thánh. Nhưng công việc chính của chúng ta là hầu việc Chúa và ngắm xem mặt Ngài. Trong khi chúng ta chờ đợi cái vẫy tay ra hiệu và tiếng gọi của Ngài, chúng ta không vô ích. Milton nói, “Họ cũng hầu việc là những người chỉ đứng và ngồi.” Ô tuyệt vời làm sao về sự sống mới đó trong và dưới Đức Chúa Trời, điều đó trở nên mới hơn và vui hơn mỗi ngày, “Mỗi ngày với Jê-sus là ngọt ngào hơn ngày trước.”

Hãy nhớ rằng, Hội Thánh là cô dâu của Đấng Christ. Tình yêu hôn nhân là niềm vui nhất của đời sống con người, vâng, đó là tình yêu đầu tiên giữa một người nam và một người nữ. Thật buồn mà nói, trong một thế giới của tội lỗi, tình yêu đó là một vòng ngăn. Tội lỗi làm hư hoại nó, và dẫn đến nước mắt, sự phân rẽ và ly hôn.

Trên thiên đàng, sẽ không có hôn nhân (Lu-ca 20:35). Một chủ đề trung tâm của đời sống là được “gả” cho Chúa. Từ này không thể được sử dụng trong ý nghĩa của một cá nhân nhưng của tập thể. Yêu Ngài với một tình yêu nhiều hơn tình yêu ban đầu—có sự vui mừng nào lớn hơn điều này?

Nhiều người đã kinh nghiệm sự vui mừng của tình yêu trong cái nhìn đầu tiên, niềm vui của một ngôi nhà hạnh phúc mặc dù không thiếu nước mắt. Nhưng niềm vui lớn nhất hơn bao giờ hết để được cảm nhận là sự vui mừng về sự cứu rỗi nhận được từ Chúa cách mới mẻ, về việc được cứu khỏi địa ngục và sự trừng phạt đời đời. Mặc dù vậy, sự cao cả nhất trong kinh nghiệm cứu rỗi là thờ phượng Ngài và hát ngợi khen Danh của Ngài. “Thờ phượng là nguồn gốc của mọi phẩm hạnh” (Augustine). Cảm xúc rung động cực kỳ của sự thờ phượng đã được kinh nghiệm bởi những ai đã ở trong ngày Lễ Ngũ Tuần tại Singapore năm 1935, trong Con Phục Hưng của John Sung (Tổng Thượng Tiết). Đó là một sự ném trước về thiên đàng, một đời sống mới trong trời mới và đất mới.

Khi chúng ta được chỉ về mọi sự vinh hiển hầu đến, khi chúng ta được dạy về ý nghĩa thật sự của đời sống trên đất thì chúng ta phải được đem lên trời, để rồi chúng ta sẽ nghe sự kêu gọi của Cứu Chúa chúng ta trên Thành Phố trên trời, “Kìa, ta đến mau chóng. Phước thay cho kẻ nào giữ những lời tiên tri trong sách này!” (Khải Huyền 22:7). Chúng ta hãy đi ra làm chứng cho những người lạc mất xung quanh và xa hơn và đem họ về trước khi quá trễ (Mat 24:14). Truyền giáo nhanh, Ngài đến nhanh!

SỰ THỜ PHƯỢNG TRÊN THIÊN ĐÀNG

Thánh Augustine nói, “Thờ phượng là nguồn gốc của các phẩm hạnh.” Tại sao thờ phượng là nguồn gốc của mọi phẩm hạnh? Bởi vì thờ phượng bao gồm mối quan hệ cá nhân với Ba Ngôi Thánh Đức Chúa Trời.

Sự thờ phượng thay đổi nhiều đời sống. Nhưng xin biết rằng nó không phải là bất kỳ sự thờ phượng nào sẽ đem về sự thay đổi một đời sống. Nó phải là một sự thờ phượng đúng của một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật đó sẽ đem về một đời sống thánh khiết. Jêsus dạy trong Giăng 4:24, “Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ lạy.” Vì vậy nếu chúng ta muốn thờ phượng Đức Chúa Trời đúng và chính xác, chúng ta trước phải được tái sinh (được sanh bởi Thánh Linh), và chúng ta phải thờ phượng Ngài theo cách của Ngài như đã được dạy trong Kinh Thánh (trong lẽ thật), chứ không phải theo cách của chúng ta.

Chúng ta có đang thờ phượng Đức Chúa Trời thật sự và theo lẽ thật không? Chúng ta rơi vào một sự thờ phượng sai khi (1) chúng ta thờ phượng hình tượng, hoặc chính mình, và (2) khi chúng ta còn ở trong hố sâu của tội lỗi, chưa được tẩy rửa bởi huyết báu của Đấng Christ. Vì vậy trước khi chúng ta nói về sự thờ phượng, chúng ta cần phải hỏi chính mình câu hỏi này: Có phải tôi vẫn còn là một người vô tín, vẫn còn ở ngoài vương quốc của Đức Chúa Trời và chưa phải là thành viên của gia đình của Đức Chúa Trời không? Hãy giải hòa với Đức Chúa Trời, làm hòa thuận lại với Ngài, tin vào Đấng Christ và bạn sẽ được cứu. Chỉ duy nhất khi chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời thì sự thờ phượng Đức Chúa Trời của chúng ta mới được chấp thuận. “Đức Chúa

Trời mong muốn trước hết là sự thờ phượng bên trong, và sau đó là sự bày tỏ bên ngoài” (Calvin).

Bây giờ chúng ta đang trên đất để thờ phượng Đức Chúa Trời. Nhưng bạn có biết rằng sẽ có một sự thờ phượng trên thiên đàng không? Thờ phượng là một thứ mà không bao giờ kết thúc. Thậm chí khi chúng ta qua đời và bước vào một đời sống kế tiếp, thờ phượng vẫn tiếp tục. Trong sách Khải Huyền, chúng ta có một cái nhìn về sự thờ phượng trên thiên đàng là thế nào.

Thật sự có sự lo lắng cho các buổi lễ thờ phượng trong nhiều hội thánh ngày nay là kiểu hời hợt, ngớ ngẩn, khiêm nhã. Nó không phải là sự thờ phượng trên thiên đàng nhưng là sự thờ phượng thuộc về đất. Một buổi lễ thờ phượng tốt theo Cơ Đốc Giáo trên thế giới là nó phải được tràn đầy nhiệt huyết, thích thú và thích hợp. Hội Thánh đáng lẽ ra là đang ở trong thế gian chứ không phải là của thế gian, nhưng ngày nay chúng ta thấy Hội Thánh cả ở trong thế gian và của thế gian.

Những Cơ Đốc Nhân phải thờ phượng Đức Chúa Trời không theo cách của Hollywood nhưng là của Holy Word (Kinh Thánh). Sự thờ phượng của chúng ta không phải thuộc về đất nhưng thuộc về trời.

Sự thờ phượng thuộc về trời là gì? Thờ phượng là một sự thực hành rất nghiêm túc và trang nghiêm. Trong sách Khải Huyền, chúng ta thấy những người thờ phượng sấp mình xuống, mặt chạm đất trong sự vâng phục khiêm nhường đối với Đức Chúa Trời (Khải 4:10, 5:8, 14), mô tả sự kính sợ. Nếu chúng ta được yêu cầu bày tỏ thái độ của chính mình trang nghiêm và chuân mực trước các vị lãnh đạo thế tục, thì chúng ta phải chính tề trước Đức Chúa Trời của chúng ta là biết dường bao vì Ngài là Vua của các vua, Chúa của các chúa! Calvin cảnh cáo, “Thật là khinh miệt biết dường bao nếu chúng ta không gìn giữ vẻ nghiêm trang trong Hội Thánh, bằng việc chính tề chính mình một cách tôn kính và thích hợp!”

Chúng ta có biết Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng không? Có người nghĩ về Đức Chúa Trời như là một Ông Già Nô-ên được ca tụng. Ông mỉm cười mọi lúc, và cho mọi thứ mà bạn muốn. Ai là Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời là gì? Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Tóm Lược nói, “Đức Chúa Trời là Thần Linh, vô hạn, đời đời và không hề thay đổi trong sự tồn tại của Ngài, khôn ngoan, quyền năng, thánh khiết, công bình, nhân từ và chân thật.”

Nếu chúng ta biết Đức Chúa Trời là ai và thật sự là ai, và bản tính của Ngài như thế nào, và những gì Ngài được miêu tả, thì chúng ta sẽ rất cần trọng để thờ phượng Ngài cách chính xác. Bạn sẽ không muốn xúc phạm Ngài. Bạn sẽ không muốn những gì bạn muốn trong sự thờ phượng, nhưng những gì Ngài muốn và đòi hỏi. Khi chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời, chúng ta thật sự tôn thờ Ngài (Khải 4:11). Chúng ta thờ phượng Ngài vì Ngài là ai—bản chất của Ngài, thuộc tính của Ngài, và những công việc lạ lùng của Ngài đối với con cái của loài người. Chúng ta thấy con người trong thiên đàng đang thờ phượng Đấng Thánh Khiết (Khải 4:8a). Ba lần thánh thay—Đức Chúa Cha thánh khiết, Đức Chúa Con thánh khiết, và Đức Chúa Thánh Linh thánh khiết. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời khiến chúng ta nhận thức được bản chất tội lỗi của mình, và sự cần thiết để xưng nhận tội lỗi và ăn năn tội lỗi đó. Để thờ phượng Ngài một cách chính xác bao gồm việc đến trước Ngài với đôi tay thanh sạch và tấm lòng thánh khiết. Chúng ta đến trước Ngài để nài xin sự thương xót và ân điển của Ngài. Chúng ta đến trước Ngài không bằng tính tự cao nhưng khiêm nhường. Chúng ta không muốn giống như người Pha-ri-si tự xưng công bình riêng cho mình người đã cầu nguyện rằng, “Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài, vì tôi không phải như người khác, tham lam, bất nghĩa, gian dâm, cũng không phải như người thu thuế này. Tôi kiêng ăn một tuần lễ hai lần, và nộp một phần mười về mọi món lợi của tôi” (Lu-ca 18:11-12). chúng ta phải giống như người thu thuế thống hối mà cầu nguyện với đầu cúi xuống, không dám ngước mắt lên trời, “Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót lấy tôi, vì tôi là kẻ có tội!” (Lu-ca 18:13).

Calvin đã quan sát chính xác, “Không có sự thờ phượng nào thiếu sự chân thật của tâm lòng,” và “Không một ai thờ phượng Đức Chúa Trời cách chính xác, ngoại trừ người ấy được dạy bởi Lời Ngài.”

Chúng ta cũng tìm thấy các thánh đồ ở thiên đàng đang thờ phượng Đấng Toàn Năng (Khải 4:8b). Đức Chúa Trời là toàn năng, toàn mỹ, uy nghi. Ngài tể trị và cai quản muôn vật. Khi chúng ta thờ phượng, chúng ta phải vâng phục ý muốn của Ngài. Khi chúng ta cầu nguyện, chúng ta cầu nguyện không theo ý chúng ta, nhưng phải theo ý Ngài. “Ý Cha được nên ở đất cũng như ở trời.”

Lời cầu nguyện của Gia-bê (I Sứ 4:9-10) không phải là một mật mã. Không có một kiểu thức ma thuật trong lời cầu nguyện, ví dụ, tụng một vài từ lặp đi lặp lại trong một cách nào đó và Đức Chúa Trời phải ban cho những gì bạn đòi hỏi. Những lời cầu nguyện ngạo mạn và táo bạo như vậy Đức Chúa Trời sẽ không nghe, và cũng chẳng trả lời. Gia-cơ 4:2-3 nói, “Anh em tham muốn mà chẳng được chi; anh em giết người và ghen ghét mà chẳng được việc gì hết; anh em có sự tranh cạnh và chiến đấu; anh em chẳng được chi, vì không cầu xin. Anh em cầu xin mà không nhận lãnh được, vì cầu xin trái lẽ, để dùng trong tư dục mình.” Đức Chúa Trời toàn năng của chúng ta nói trong Thi Thiên 46:10, “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời.” Truyền Đạo 5:2 nói, “Chớ vội mở miệng ra, và lòng ngươi chớ lật đật nói lời trước mặt Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời ở trên trời, còn ngươi ở dưới đất. Vậy nên ngươi khá ít lời.” Nếu Đức Chúa Trời là toàn năng, vậy chúng ta hãy cầu nguyện như vậy, “Lạy Chúa, bất kể là điều gì, nguyện xin ý Chúa được nên.”

Chúa được thờ phượng vì sự tiền-tại của Ngài (Khải 4:8c): “Trước đã có, nay hiện có, sau còn đến.” Ngài là “TA LÀ ĐẤNG TA LÀ.” Ngài là Đức Chúa Trời của Cựu Ước, Tân Ước và của Vương Quốc hầu đến–Thiên Hy Niên. Chúng ta phải thờ phượng Chúa trong chân lý của sự tái lâm của Ngài, với tâm trí và tâm lòng thuộc linh là thuộc thiên đàng, và với những phẩm chất đời đời trong ý định. Chúng ta không

thể nào thờ phượng Ngài một cách sai trật với một tấm lòng và tâm trí xác thịt, trần tục, và thô lỗ liên tưởng tới chỉ duy những thứ vật chất của thế gian, cho của cải, sức khỏe, và sự thành công trong kinh doanh. Chúng ta nên cầu nguyện cho mình được ân điển của Đức Chúa Trời để chuẩn bị về thuộc linh khi Ngài đến.

Trong thiên đàng, thờ phượng được miêu tả chính bằng sự chiêm ngưỡng. Đây là những nét đặc biệt của sự thờ phượng của chúng ta trên thiên đàng:

1. Ngợi khen. Chúng ta ngợi khen Chúa vì Ngài là ai và những gì Ngài đã làm. Các thiên sứ và các thánh đồ sẽ ngợi khen Ngài (Khải 5:11-14).
2. Cảm tạ (Khải 11:17-18). Chúng ta sẽ cảm tạ Đức Chúa Trời không thôi bởi vì chúng ta sẽ được tràn ngập lòng biết ơn vô tận.
3. Tôn vinh. Thiên đàng sẽ được tràn ngập với âm nhạc và ca hát (Khải 5:9). Chúng ta sẽ hát một bài ca mới. Từ “mới” ở đây là “mới” trong thuật ngữ của chất lượng. Sự thờ phượng trong Cựu Ước là tốt, thờ phượng trong Tân Ước là tốt hơn, nhưng sự thờ phượng trong thiên đàng là tốt nhất. “Mới” ở đây không có nghĩa là hát trong “tiếng lạ” (ân tứ tầm phào). Các từ ngữ là khác biệt, và đầy ý nghĩa (Khải 5:9-10).

Hãy chú ý rằng trên thiên đàng không có sự xưng nhận tội lỗi, không có ăn năn, không có sự khẩn nài, không có sự cầu thay cho bất cứ ai. Mọi điều này là những gì chúng ta thực hành khi chúng ta còn ở trên đất, khi bản tính tội lỗi này vẫn còn ở trong chúng ta. Trên thiên đàng, mọi tội lỗi sẽ bị cất bỏ, sẽ không còn có bệnh tật, than khóc, và đau đớn, v.v. Chúng ta sẽ có một thân thể vinh hiển và hoàn hảo. Không cần sự xưng nhận, ăn năn, khẩn nài, cầu thay.

Chúng ta hãy thờ phượng Đức Chúa Trời với tâm trí thuộc thiên đàng và chúng ta sẽ sống một đời sống thuộc thiên đàng trên đất trong sự chuẩn bị cho sự sống đời đời trên thiên đàng khi Jêsus trở lại hoặc Ngài gọi chúng ta về nhà.

“Thiên đàng là một nơi tuyệt vời, tràn ngập với sự vinh hiển và ngợi khen.” Bạn sẽ ở đó chăng? Hãy chắc chắn! Hãy làm hòa với Chiên Con! Thờ phượng Ngài ngay bây giờ, và bạn sẽ thờ phượng Ngài mãi mãi. Amen.

SỰ TRỞ LẠI CHẮC CHẮN CỦA ĐẢNG CHRIST

Có nhiều kẻ nhạo báng là những kẻ cười nhạo về khái niệm về ngày tận thế không? II Phi-e-rơ 3:3-4 đã miêu tả cho chúng ta những gì con người nói chung sẽ nghĩ trước khi thế giới đi vào chung kết, “Chẳng có gì thay đổi hết. Thế giới chẳng kết thúc. Đảng Christ không đến. Hãy ăn, uống, và vui vẻ. Đừng lo lắng, hãy vui lên.”

Nhưng hãy đọc lời cảnh báo của Phao-lô trong I Tê-sa-lô-ni-ca 5:3. Sau cơn sóng thần ở Châu Á người ta đã công bố 280.000 sinh mạng được tìm thấy trong một ngày trong khi họ sinh hoạt như thường ngày. Sự bình an chỉ được một lúc, sự chết là kế tiếp.

Ông Eio Eng Hua ở Hội Thánh Trưởng Lão Kinh Thánh True Life (Singapore) làm chứng: “Tôi đã thoát chết trong vòng nửa tiếng đồng hồ! Đó là vào một buổi sáng Chúa Nhật ngày 26 tháng Mười Hai 2004 ở Sri Lanka. Tôi đang lái xe trên đường đến Colombo trên đường đến buổi thờ phượng Chúa từ khu nghỉ dưỡng của tôi tọa lạc gần Kalutara (cách 37 km). Tôi đã lái xe dưới bầu trời xanh tươi và trên một con đường sạch sẽ. Tôi phải đi qua một khu vực được biết là Moratuwa nơi

mà cả hai bên đường bạn có thể thấy hàng trăm ngôi nhà bằng gỗ với mái lợp bằng tôn thường được sử dụng bởi những người hạ lưu ở đây. Con đường đó khoảng chừng 5 km. Lúc đó khoảng 9 giờ sáng khi tôi lái xe đi ngang qua nơi đó. Không có điều gì lạ tại thời điểm đó.

“Khi tôi quay lại Colombo khoảng chừng một tiếng rưỡi đồng hồ sau, với sự kinh ngạc, tôi thấy các gốc cây, nhánh cây, những mảnh gạch đổ nát, và các vật dụng trong nhà bị quăng tứ tung chừng 5 km đường. Ngạc nhiên hơn nữa là khoảng 80% nhà hai bên đường bị san bằng! Người ta chạy tán loạn và gào thét. Tôi không biết điều gì đang xảy ra. Sau đó tôi được biết rằng lúc 9:30 có một cơn sóng giết người–sóng thần–đã quét qua những ngôi nhà của các cư dân nghèo nàn trong vùng đó. Nó dường như là có một vài vũ khí thăm sát đã đập tan ở đó. Nhiều người chết hoặc mất tích, và nhiều người khác bị thương. Nếu không vì ân điển của Đức Chúa Trời, cơn sóng giết người đó cũng đã 'nuốt chửng' tôi. Vấn đề là chỉ có nửa tiếng đồng hồ mà thôi.”

Làm thế nào chúng ta có thể chắc chắn rằng Chúa Jêsus sẽ trở lại? Chúng ta biết chắc chắn rằng Đấng Christ sẽ trở lại và thế giới này sẽ kết thúc một ngày bởi vì ba sự đảm bảo này: Thứ nhất, chúng ta có sự đảm bảo của lời tiên tri (II Phi 3:1-2). Một phần tư của Kinh Thánh là lời tiên tri. Kinh Thánh bao gồm nhiều lời tiên tri về sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ, cũng như sự tái lâm của Ngài.

Xem xét các lời tiên tri về Sự Đến Lần Nhất của Đấng Christ: Trong Sáng Thế Ký 3:15, Đức Chúa Trời đã hứa rằng một Cứu Chúa sẽ xuất hiện một ngày từ dòng dõi của một người nữ, và sẽ đạp đầu con rắn. Trong Sáng Thế Ký 17, Đức Chúa Trời khải thị rằng Cứu Chúa sẽ đến từ dòng dõi của Áp-ra-ham. Trong II Sa-mu-ên 7:12, 13 và 16, chúng ta được bảo rằng Ngài sẽ là một vị Vua từ dòng dõi Đa-vít người sẽ ngồi trên ngôi của Cha Ngài. Trong Ê-sai 7:14, nó được khải thị rõ ràng rằng Con trai này sẽ được sanh ra bởi một người nữ đồng trinh, và là chính Đức Chúa Trời–Em-ma-nu-ên. Trong Mi-chê 5:2, chúng ta được dạy về một thành đặc biệt mà Ngài được sanh ra–Bết-lê-hem.

Trong Ê-sai 53, nó được tiên tri rằng Ngài sẽ chịu đau đớn và chết vì tội lỗi của dân sự của Ngài.

Có hơn 300 lời tiên tri trong Kinh Thánh về sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ, và tất cả đã được ứng nghiệm cho đến từng chấm và nét. Lịch sử chứng thực cho lẽ thật này rằng Jê-sus đã đến, và Kinh Thánh minh chứng rằng Ngài đã được sinh ra bởi một người nữ đồng trinh, đã sống một đời sống hoàn hảo, vô tội, và là một Chiên Con không tì vết, đã chết một sự chết hy sinh trên thập tự giá, đổ huyết báu của Ngài ra để cứu chuộc con người ra khỏi tội lỗi. Ngài đã được chôn, nhưng vào ngày thứ ba Ngài đã sống lại từ phần mộ, hiện ra cho các môn đệ của Ngài trong khoảng 40 ngày, và rồi thăng thiên và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, chờ đợi thời điểm của Cha Ngài đặng sai Ngài đến lại lần nữa trên đất, lúc này để đoán xét thế gian.

Kinh Thánh cũng bao hàm nhiều lời tiên tri nói về Sự Tái Lâm của Đấng Christ. Nếu mọi lời tiên tri về sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ tất cả được ứng nghiệm thì chúng ta có thể chắc chắn rằng mọi lời tiên tri về Sự Tái Lâm của Ngài cũng sẽ ứng nghiệm. Đang khi bạn có thời gian, hãy làm hòa lại với Đức Chúa Trời, và giải hòa với Ngài. Thật là một điều kinh sợ khi rơi vào tay của Đức Chúa Trời hằng sống. Hãy tin vào Đấng Christ ngày nay!

Chúng ta biết rằng thế giới này sẽ bị hủy diệt vào một ngày bởi vì thế giới đã trải qua biến cố về cơn đại hồng thủy toàn cầu trong Con Lũt của Sáng Thế Ký. Trong II Phi-e-rơ 3:5-7, chúng ta có sự đảm bảo về một sự kiện thuộc Kinh Thánh và có tính lịch sử.

Sự chắc chắn về sự phán xét và hủy diệt toàn cầu trong tương lai được minh chứng bởi cơn đại hồng thủy lịch sử và toàn cầu trong Sáng Thế Ký. Những kẻ nhạo báng ngày nay giống như những người ở trong thời Nô-ê. Nô-ê là một người giảng đạo công bình. Ông đã cảnh báo những người gian ác trong thời của ông để họ ăn năn. Đức Chúa Trời đã sắp sai cơn nước lụt lớn để hủy diệt họ nếu họ không ăn năn. Khi ông rao

giảng, ông đã đóng một chiếc tàu. Bây giờ, trong thời đó là không có mưa (Sáng 2:5). Việc cả trái đất bị ngập lụt là điều không thể tưởng tượng nổi. Người ta đã cười cợt và chế nhạo Nô-ê và gia đình của ông. Nô-ê giảng đạo một trăm năm, và con thuyền đã được đóng xong. Không ai ăn năn. Tất cả họ đã cười nhạo sự giảng đạo của Nô-ê cho đến ngày Đức Chúa Trời đóng cửa tàu. Ngày đó, nước trên trời, và nước dưới biển nhấn chìm cả trái đất. Tất cả những kẻ nhạo báng đã bị hủy diệt. Những kẻ nhạo báng ngày nay sẽ chịu chung số phận nếu họ không ăn năn. Đức Chúa Trời đã hủy diệt thế giới bởi nước lần đầu tiên. Ngài sẽ hủy diệt thế giới một lần nữa, và lần này sẽ là bằng lửa. Những ai cười nhạo Nô-ê đã không còn cười được nữa khi Con Lụt đến.

Một vài Cơ Đốc Nhân có thể hỏi: “Chúa nói Ngài sẽ trở lại để rước tôi về nhà. Ngài đã quên lời hứa của Ngài rồi sao?” Đức Chúa Trời sẽ không và không thể quên các lời hứa của Ngài. Một từ trong những từ đảm bảo của Kinh Thánh là từ “Nhớ.” Nó được sử dụng nhiều lần trong Cựu Ước với sự nói về Đức Chúa Trời. Nó là từ ngữ thuộc giao ước. Đức Chúa Trời đã hứa nhiều lời hứa (II Phi 3:9, 13). Chúng ta có thể chắc chắn về sự trở lại của Chúa Jêsus đơn giản bởi vì Ngài đã hứa sẽ trở lại. Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ giao ước lời hứa của Ngài. John Calvin đã nói chính xác rằng Đức Chúa Trời thích thú gìn giữ các lời hứa của Ngài hơn là hứa nó.

Đã được 2000 năm từ khi Chúa Jêsus hứa lời hứa trở lại của Ngài. Chúng ta đã bước vào Thế kỷ thứ 21. Tại sao Chúa Jêsus chưa trở lại? Câu trả lời là nằm trong II Phi-e-rơ 3:9, “Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như mấy người kia tưởng đâu, nhưng Ngài lấy lòng nhin nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn.”

Lời hứa về sự tái lâm để cứu chuộc dân sự của Ngài và hủy diệt kẻ không ăn năn sau rốt đã không được hứa chỉ hai lần nhưng nhiều lần

trong Kinh Thánh. Chúa Jêsus Christ dự định mỗi lời mà Ngài đã nói, và sẽ thực hành những gì Ngài đã tiên tri và phán hứa.

LỜI MỜI GỌI

Bạn biết, có một bữa tiệc cưới lớn đang đến! Nó lớn bởi vì nó là bữa tiệc cưới của một vị Vua—một bữa tiệc hoàng gia. Buổi tiệc này không chỉ lớn, nhưng nó sẽ là lớn nhất bởi vì nó không phải là buổi tiệc cưới của một vị vua tầm thường, nhưng là Vua của các vua, và Chúa của các chúa, và Vương Tử của các vương tử. Và bạn còn biết gì nữa không? Bạn được mời! Đây là lời mời gọi của Chúa trong Khải Huyền 3:20, “Này, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với ta.”

Buổi tiệc cưới này được tổ chức ở đâu? Tại nhà hàng nào? Vâng, nó được tổ chức trên thiên đàng. Tên của nhà hàng này là gì? Tên nhà hàng này là Nhà Hàng Thiên Đàng của Giê-ru-sa-lem Mới. Khi nào nó diễn ra? Nó sẽ diễn ra khi Chúa Jêsus Christ trở lại để tiếp đón cô dâu của Ngài.

Khải Huyền 19:7-9, chúng ta có một cái nhìn thoáng qua về tiệc cưới của Chiên Con: “Chúng ta hãy hớn hờ vui mừng, tôn vinh Ngài; vì lễ cưới Chiên Con đã tới, và vợ Ngài đã sửa soạn, đã cho người được mặc áo sáng láng tinh sạch bằng vải gai mịn (vải gai mịn tức là công việc công bình của các thánh đồ). Thiên sứ phán cùng tôi rằng: Hãy chép: Phước thay cho những kẻ được mời đến dự tiệc cưới Chiên Con! Người lại tiếp rằng: Đó là những lời chân thật của Đức Chúa Trời.”

Vua và Cứu Chúa của chúng ta đang đến rất nhanh chóng. Tiệc cưới sắp bắt đầu. Mọi người phải đến kịp giờ. Người đến trễ sẽ không được tiếp đón. Bạn phải có ghế ngồi. Tên của bạn phải có trong Sách Sự

Sống. Bạn phải có áo choàng của tiệc cưới—cô dâu không thể xuất hiện mà không có áo choàng công bình của mình.

Bạn có chiếc áo choàng công bình của Đấng Christ này hay chưa? Nếu bạn tin cậy vào Chúa Jêsus Christ và tiếp nhận Ngài là Chúa và Cứu Chúa, Ngài sẽ cho bạn chiếc áo choàng quý báu này một cách trù mền và rời rộng.

“Đấng làm chứng cho những điều ấy, phán rằng: Phải, ta đến mau chóng. Amen, lạy Đức Chúa Jêsus, xin hãy đến! Nguyên xin ân điển của Đức Chúa Jêsus ở với mọi người. Amen” (Khải 22:20-21).